

XUÂN CANG

TÁM CHỮ HÀ LẠC VÀ QỦY ĐẠO ĐỐI NGƯỜI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN



XUÂN CANG

**TÁM CHỮ HÀ LẠC
VÀ
QUỸ ĐẠO ĐỜI NGƯỜI**

NHỮNG BÀI GIẢNG THỰC HÀNH

CHÂN DUNG NHÀ VĂN SOI CHIẾU BẰNG HÀ LẠC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 2000

LỜI NÓI ĐẦU

Trong các phương pháp Dự đoán học từ Trung Quốc truyền vào nước ta, chúng tôi muốn nói tới môn *Tám chữ Hà Lạc* (Bát tự Hà Lạc) có khả năng kỳ diệu vạch ra và dự báo những bước đường đời của một con người và chỉ dẫn cho con người những cách sử thế tối ưu để thành đạt, hoặc ít ra biết chủ động trước những bước gian truân, những hiểm họa không tránh được trên một quỹ đạo đời người.

Tám chữ Hà Lạc (TCHL) là một thuật toán mà để toán ra chỉ gồm có tám chữ thuộc Can Chi của một con người cụ thể, cuối cùng cho lời giải về toàn bộ quỹ đạo cuộc đời của người đó, từng chặng đường đời, cho tới năm, tháng, ngày, giờ.

Thuật toán này dựa trên cơ sở những mã số Hà Lạc và 64 quẻ Kinh Dịch. Số Hà Lạc là hai hệ thống số học phản ánh những Quy luật của Trời và Đất giao hội với Quy luật sự sống Con Người. Hệ thống số Hà, còn gọi Hà Đồ do được sắp xếp thành biểu đồ và các ký hiệu biểu diễn, tương truyền là của Vua Phục Hy (4477 - 4363 trước CN) phát minh trong khi nghiên cứu trên sông Hoàng Hà. Hệ thống số Lạc, còn gọi Lạc Thư, do được truyền lại bằng biểu đồ và các ký hiệu cùng ngôn ngữ cổ, tương truyền là của Vua Hạ Vũ (2205 - 1766 tr. CN) phát minh trong khi trị thủy trên sông Lạc. Còn hệ thống 64 quẻ Kinh Dịch khởi đầu do Phục Hy sáng tạo, 1000 năm sau được vua Chu Văn Vương trong khi bị giam ở ngục Dữu Lý, bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh, truyền lại gần như nguyên vẹn cho đến nay. Vì vậy Kinh Dịch còn được gọi là Chu Dịch. Hệ thống sắp xếp 64 quẻ của Phục Hy phản ánh sự vận động của Trời, Đất. Hệ thống của Văn Vương phản ánh sự vận động trên vào sự sống con người, kèm thêm lời cho từng quẻ. Con thứ của Chu Văn Vương tên là Đan bổ

sung thêm lời cho từng hào (hào là một vạch âm, dương trong một quẻ), tổng cộng 384 hào phản ánh 384 tình huống tiêu biểu trong các thời của con người. Ngày nay người ta gọi những lời quẻ, lời hào ấy là những lời của thánh nhân. Thoạt nghe thấy nó âm u, ngầy thơ, huyền bí, nhưng đào sâu thì tính khái quát bao hàm cả vũ trụ và nhân thế. Có một sự may mắn cho loài người là toàn bộ di sản nói trên còn nguyên vẹn cho đến nay, thời Tần Thuý Hoàng đã đốt toàn bộ sách, chỉ còn để lại bộ Kinh Dịch đó, chỉ vì nó được coi là sách thánh. Cả nghìn năm sau, hàng trăm pho sách của các học giả đã ra công tìm hiểu, luận giải các hình tượng và chữ nghĩa của thánh nhân để lại. Cho đến nay đến lượt các học giả phương Tây tiếp tục thay nhau khám phá, càng khám phá càng kinh ngạc về khả năng tiếp cận với bản chất của vũ trụ của người xưa.

Thuật toán TCHL bao gồm hai bước. Bước một: áp dụng các công thức tính toán từ các mã số *Can Chi của Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh* tìm ra *mã số quẻ*. Từ mã số này tìm ra quẻ Kinh Dịch phản ánh đường nét cơ bản của Quỹ đạo đời người đồng thời là Tiên vận của đời người, gọi là *quẻ Tiên thiên*. Từ quẻ Tiên thiên, căn cứ giờ sinh tìm ra hào bản mệnh, gọi là *hào Nguyên đường*, phản ánh Tính cách chủ đạo và hành lang vận mệnh của con người. Từ quẻ Tiên thiên và hào Nguyên đường tìm ra *quẻ Hậu thiên* đồng thời là Hậu vận. Từ hai quẻ Tiên thiên và Hậu thiên tìm ra hai *quẻ Hỗ* (trong nhóm từ hỗ trợ) phản ánh bổ sung cho hai quẻ nói trên, gọi là *Hỗ Tiên thiên* và *Hỗ Hậu thiên*. Từ các quẻ này tìm ra các đại vận của cả đời người, gồm *hai loại đại vận: chín năm và sáu năm*. Mỗi hào của quẻ Tiên thiên, hoặc Hậu thiên đại diện cho một đại vận. Hào Nguyên đường Tiên Thiên là hào mở đầu cho Đại vận số 1, bắt đầu từ năm lên một tuổi. Người ta xem Tượng và Lời hào để biết Thánh nhân đã "cho ý kiến thế nào" về đại vận đó. Từ các Đại vận này tìm ra *Tiểu vận* của từng năm. Mỗi tiểu vận là một quẻ trong 64 quẻ Kinh Dịch. Có thể một lần áp dụng công thức theo Luật phản phục của Kinh Dịch tìm ra tất cả các quẻ ứng với các

năm của đời người, mỗi năm một quẻ. Sang bước hai: căn cứ vào Tượng và Lời của quẻ và hào, vận dụng Lý luận và Kinh nghiệm, làm *Lời Giải*, tìm ra những nét lớn của Quỹ đạo đời người, tìm ra sự chuyển dịch giữa Tiền vận và Hậu vận, tìm ra sự chuyển dịch của các chặng đường đời, cuối cùng tìm ra lời giải về các tiểu vận cho từng Năm, cho đến từng Tháng và Ngày.

Tìm lời giải cho các tiểu vận đã diễn ra trong quá khứ là để đối chiếu với thực tế xem việc ghi chép năm, tháng, ngày, giờ sinh có đúng với sự thật không, hoặc việc tính toán có nhầm lẫn không. Một khi các tiểu vận nói về quá khứ đã đúng với thực tế, thì có thể yên tâm tin vào các dự đoán cho những năm trong tương lai, và lắng nghe ý kiến của thánh nhân, tự tìm lời giải về *phép ứng xử tối ưu trong cuộc sống*, và đây mới chính là đáp số cuối cùng của Thuật toán.

Tôi quan tâm đến thuật toán này, thoát tiên chỉ là tò mò. Nhưng sau khi làm thử khoảng một trăm bài toán thì tôi đi đến hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác về khả năng ứng nghiệm kỳ diệu của nó. Sự ứng nghiệm đến mức nó có thể cho ta biết, ví dụ như trong địa hạt văn chương, tại sao nhà văn này lại nhạy cảm và có cảm xúc sâu sắc về các hiện tượng Đất, Nước, Cây rừng; một nhà văn khác lại luôn luôn có liên tưởng về Mây, Sấm, Giông bão... Và từ những tín hiệu đó, chúng ta có thể phác thảo một chân dung văn học của một nhà văn chỉ bằng các quẻ Kinh Dịch và cho ta biết Nhà văn đó có thiên mệnh văn chương không, mối quan hệ giữa đời riêng và sự nghiệp văn chương, thiên hướng văn chương, thời điểm tối ưu trong sáng tạo...

Tại sao TCHL ứng nghiệm lạ lùng đến như thế? Còn nhiều điều huyền bí chưa làm sáng tỏ được. Chỉ biết rằng trong thuật toán này có những đòi hỏi rất nghiêm như sau: Các yếu tố năm, tháng, ngày, giờ sinh (Âm lịch) phải đúng, trong đó phải tuân theo đúng *tiêu chí về thời tiết*. Ví dụ, Tháng tư của Hà Lạc phải là thời điểm sau tiết Lập hạ, người nào sinh đầu tháng Tư chưa có ngày Lập hạ thì phải lấy can chi tháng sinh là tháng Ba. Cũng như thế, một năm chỉ bắt

đầu sau giờ Lập xuân, giờ đó dùng để tính năm sinh chứ không phải giờ giao thừa. Giờ sinh, như trình bày trên kia, tác động trực tiếp đến tính cách con người, bởi đó là thời điểm con người tiếp cận với Trời Đất, với tiết khí, ánh sáng, không gian, không khí... tất cả những yếu tố đó xâm nhập mạnh mẽ vào cơ thể con người, tạo nên thể chất người, tính cách người và những tính chất này sẽ đi với con người và chi phối con người đến tận cùng cuộc đời. Hà Lạc đã sử dụng giờ sinh để tính hào Nguyên đường, tức hào bản mệnh, hào này nói lên Tính cách con người, và bắt đầu từ hào này mà tính các đại vận cũng như tiểu vận của con người. Đây là những điều chúng ta có thể hiểu được và thấy rằng như vậy là hợp lý. Những năm gần đây, một nhà khoa học - Bác sĩ Máctin Serônborgiơ - đã phát hiện một khả năng mới: Các quẻ Kinh Dịch chính là mã của 20 axit amin, mã di truyền của con người, mà Khoa học đã biết được, cho đến nay. Ông đã sắp xếp thành một bảng mã 20 axit amin bằng 64 quẻ Kinh Dịch một cách tài tình. Kế thừa phát kiến trên, gần đây, GS Nguyễn Hoàng Phương (VN), sử dụng Học thuyết Y dịch Lục khí làm cầu nối đã chứng minh rằng thuật toán TCHL chính là một phương pháp đơn giản để biết được mã của axit amin chủ đạo trong mỗi con người, đồng thời cho thấy sự dịch chuyển axit amin đó trong từng năm. Tôi trong khi làm các bài toán Hà Lạc cho các cặp cha con, mẹ con, anh em, chị em ruột, cũng thấy có dấu vết di truyền học thể hiện trong các cấu trúc Hà Lạc của từng người. Đây mới là một giả thuyết, nhưng những gì dẫn đến giả thuyết đó cùng những ứng nghiệm trong đời sống thực tế, đã khiến ta kỳ vọng biết bao về khả năng huyền diệu của các quẻ Kinh Dịch, mà có lẽ, người xưa, khi khám phá ra chúng, cũng không tính trước được.

Thuật toán Hà Lạc có khả năng cao siêu mà sở dĩ không được phổ biến ở nước ta, đơn giản chỉ vì trong nhiều năm qua, Kinh Dịch chưa có điều kiện phổ biến rộng rãi. 64

quê Dịch và các triết lý, các hình thức biểu hiện và cơ chế vận hành của chúng còn là một điều xa lạ với công chúng, mặt khác còn bị những hình thức mê tín làm cho bị xuyên tạc. Ngày nay trong cuộc đổi mới đất nước, nhiều loại sách về khoa học Phương Đông trong đó rất nhiều sách Kinh Dịch đã được giới thiệu với bạn đọc. Một bộ phận lớn công chúng đã làm quen với các quê Dịch và suy ngẫm về nội dung triết học cũng như khả năng Dự đoán học của chúng.

Tôi không có tham vọng biên soạn một cuốn sách đầy đủ về Thuật toán này. Đây chỉ là những bài giảng thực hành tại một Câu lạc bộ nghiên cứu về Kinh Dịch. Trong đó có cả một bộ phận nội dung do chúng tôi trao đổi mày mò tìm ra và thấy ứng nghiệm trong thực tế, trong khi chưa tìm được các tư liệu nguồn. Do vậy tôi xin phép lướt qua những yếu tố lịch sử, căn nguyên, mối quan hệ, ý nghĩa khoa học của các chi tiết, các công thức của thuật toán. Tôi coi cuốn sách này như một chiếc angten giương lên để tìm đến các chuyên gia Hà Lạc đang tản mát trên đất nước.

Cuốn sách gồm ba phần: Phần Một gồm những bài giảng thực hành. Phần Hai gồm 64 quê Dịch được khai thác phần nội dung dự đoán học của thuật toán Hà Lạc. Khi trình bày 64 quê Dịch, tôi cố gắng vận dụng những kinh nghiệm ít ỏi của mình, dựa vào cuốn *Bát tự Hà Lạc lược khảo* của *Học Năng* là chính, có khai thác thêm các tác phẩm dịch và biên soạn của *Phan Bội Châu*, *Ngô Tất Tố*, *Nguyễn Hiến Lê*, *Nguyễn Hoàng Phương* và gần đây của *Bùi Biền Hòa*, hy vọng làm phong phú thêm phần giải đoán so với những sách Hà Lạc đã lưu hành. Phần Ba gồm một số chân dung nhà văn hiện đại Việt Nam được soi chiếu trong ánh sáng Hà Lạc. Chúng tôi hy vọng phần Ba này sẽ đem lại hứng thú cho bạn đọc. Mục đích của cuốn sách này là giúp các bạn thuận tiện trong việc thực hành tự mình giải một bài toán Hà Lạc cho bản thân và những người thân. Trong nhiều trường hợp tôi chỉ khai thác và trình bày dưới hình thức hướng dẫn thực hành những gì liên quan đến một bài toán Hà Lạc. Còn đối với bạn

muốn tìm hiểu căn nguyên, nghĩa lý và đầy đủ các khía cạnh của mỗi vấn đề xin bạn tìm đọc những văn bản khác. Tôi cố gắng gạt bỏ đến tối đa những từ Hán học và những từ cổ xéi ra có thể thay bằng ngôn ngữ Việt phổ thông, nhưng cố nhiên không phải là tất cả, vì chưa cần thiết phải làm như vậy.

Tôi xin chân thành cảm ơn Giáo sư Nguyễn Hoàng Phương đã cung cấp cho những tư liệu gốc ở nước ta về môn toán này, xin cảm ơn các nhà Dịch học Việt Nam và nước ngoài có tên tuổi nêu trong sách, xin cảm ơn các nhà văn và gia đình các nhà văn đã giúp đỡ tôi thực hiện những phác thảo chân dung trong sách này.

Xuân Cang

PHẦN I

NHỮNG BÀI GIẢNG THỰC HÀNH

BÀI MỘT

CẤU TRÚC TÁM CHỮ CAN CHI

CỦA ĐỜI NGƯỜI.

Để toán ra cho bài toán Hà Lạc gồm có *tám chữ Can Chi* phản ánh *Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh* của một con người.

1 - CAN là tên gọi tắt của Thiên Can, một khái niệm chỉ *tọa độ không gian* của một con người. Có Mười Can là: **Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý**. Mười can đó lại chia ra thành Năm Can Dương và Năm Can Âm. Năm Can Dương là **Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm**. Năm Can âm là **Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý**.

Âm Dương là một khái niệm vừa có tính triết học vừa cụ thể. Đó là một cặp từ khái quát hai sự vật đối lập nhau, đi song song với nhau và chuyển hoá sang nhau. Ví dụ Trời Đất, Trời là Dương, Đất là Âm. Đại thể tất cả những gì thuộc về sự động, mạnh, cứng, nóng, dài, rộng, đục, cao, lớn, quân tử ..., tương ứng với Trời là Dương; tất cả những gì thuộc về sự tĩnh, yếu, mềm, lạnh, ngắn, hẹp, cái, thấp, bé, tiểu nhân..., tương ứng với Đất là Âm. Âm Dương đối lập nhau, nhưng luôn luôn đi song song với nhau, nhờ đó mà ta dễ phân biệt cái gì là Âm, cái gì là Dương. Chúng còn có đặc điểm là chuyển hoá sang nhau, và có sẵn trong nhau; trong Dương có Âm và trong Âm có Dương.

Mười Can được xếp thứ tự, cứ một Can Dương đến một Can Âm, như trên: Giáp đến Ất, Bính đến Đinh...

Mười Can đó lại tương ứng với *Năm Hành* (ngũ hành) là **Mộc, Hoả, Thổ, Kim, Thủy**. Năm Hành là khái niệm chỉ 5 loại vật chất cơ bản cấu tạo nên thế giới tự nhiên, vận động và tác dụng vào nhau mà làm nên sự vật. Năm hành có quan

hệ tương sinh, tương khắc với nhau. **Tương sinh:** Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc. **Tương khắc:** Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc. (Hình 1: Năm hành, tương sinh, tương khắc). (Ngoài ra còn có quan hệ phản sinh, phản khắc, không thuộc phạm vi trình bày ở đây). **Mười Can** tương ứng với **Năm Hành** như sau: Giáp, Ất thuộc Mộc, Giáp là Dương Mộc, Ất là Âm Mộc; Bính, Đinh thuộc Hỏa, Bính là Dương Hỏa, Đinh là Âm hỏa; Mậu, Kỷ thuộc Thổ, Mậu là Dương Thổ, Kỷ là Âm Thổ; Canh, Tân thuộc Kim, Canh là Dương Kim, Tân là Âm Kim; Nhâm, Quý thuộc Thủy, Nhâm là Dương Thủy, Quý là Âm Thủy.

Mười Can lại phối hợp với **Bốn mùa** và **Phương Vị** như sau: Giáp, Ất thuộc mùa Xuân và phương Đông; Bính, Đinh thuộc mùa Hạ và phương Nam; Mậu, Kỷ cũng thuộc mùa Hạ nhưng nó hàm chứa các tố chất bao gồm vạn vật nên phương vị ở trung tâm; Canh, Tân thuộc mùa Thu và phương Tây; Nhâm, Quý thuộc mùa Đông và phương Bắc.

Mười Can phối với thân thể người như sau: Giáp là Đầu; Ất là Vai; Bính là Trán; Đinh là Răng, Lưỡi; Mậu, Kỷ là Mũi, Mật; Canh là Gân, Bắp; Tân là Ngực; Nhâm là Bắp chân; Quý là Bàn chân. Phối với Tạng Phủ: Giáp là Mật; Ất là Gan; Bính là Ruột non; Đinh là Tim; Mậu là Dạ dày; Kỷ là Lá lách; Canh là Ruột già; Tân là Phổi; Nhâm là Bàng quang; Quý là Thận. 10 Can có mã số cho từng Can (sẽ trình bày sau), số Lẻ là Phủ; số Chẵn là Tạng.

2 - CHI là tên gọi tắt của Địa Chi, một khái niệm chỉ *tọa độ thời gian* của con người. Có **Mười hai Chi** là: **Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi**.

- **Mười hai Chi** phối với **Âm Dương** và **Năm hành** như: Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất là Chi Dương. Sửu, Mão, Tị, Mùi, Dậu, Hợi là Chi Âm.

Dần, Mão thuộc Mộc. Dần là Dương Mộc, Mão là Âm Mộc.
Tị, Ngọ thuộc Hỏa. Tị là Âm Hỏa, Ngọ là Dương Hỏa.
Thân, Dậu thuộc Kim. Thân là Dương Kim, Dậu là Âm Kim.
Tý, Hợi thuộc Thủy. Tý là Dương Thủy, Hợi là Âm Thủy.
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thuộc Thổ. Thìn, Tuất là Dương
Thổ; Sửu, Mùi là Âm Thổ.

- *Mười hai Chi phối với Phương vị và Bốn Mùa như:*

Dần, Mão (Mộc) thuộc phương Đông.

Tị, Ngọ (Hỏa) thuộc phương Nam.

Thân, Dậu (Kim) thuộc phương Tây.

Hợi, Tý (Thủy) thuộc phương Bắc.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Thổ) thuộc về bốn mùa. Trong đó:

Dần, Mão (Mộc, phương Đông), Thìn thuộc về mùa Xuân.

Tị, Ngọ (Hỏa, phương Nam), Mùi thuộc về mùa Hạ.

Thân, Dậu (Kim, phương Tây), Tuất thuộc về mùa Thu.

Hợi, Tý (Thủy, phương Bắc), Sửu thuộc về mùa Đông.

- *Mười hai Chi phối với Tháng (Âm lịch):*

Tháng Giêng là tháng Dần; tháng Hai: Mão; Tháng
Ba: Thìn; Tháng Tư: Tị; Tháng Năm: Ngọ; Tháng Sáu: Mùi;
Tháng Bảy: Thân; Tháng Tám: Dậu; Tháng Chín: Tuất; Tháng
Mười: Hợi; Tháng Mười một: Tý; Tháng Mười hai: Sửu.

Căn cứ sắp xếp trên, ta sẽ thấy Tháng Giêng, Hai là
Mộc; Tháng Tư, Năm: Hỏa; Tháng Bảy, Tám: Kim; Tháng
Mười, Mười Một: Thủy; Các tháng Ba, Sáu, Chín, Mười hai:
Thổ.

- *Mười hai Chi phối với Giờ :*

Giờ Tý: từ 23 giờ đến 01 giờ (đồng hồ); Sửu: 01 - 03
giờ; Dần: 03 - 05 giờ; Mão: 05 - 07 giờ; Thìn: 07 - 09 giờ; Tị:
09 - 11 giờ; Ngọ 11 - 13 giờ; Mùi: 13 - 15 giờ; Thân: 15 - 17
giờ; Dậu: 17 - 19 giờ; Tuất: 19 - 21 giờ; Hợi: 21 - 23 giờ.

Căn cứ sắp xếp trên ta thấy Giờ Tý là từ 23 giờ ngày
hôm trước đến 01 giờ ngày hôm sau của Dương lịch. Khoảng
thời gian giờ Tý đó là giờ đầu tiên của ngày âm lịch. Như vậy
ngày âm lịch bắt đầu từ 23 giờ ngày hôm trước của dương
lịch đến 23 giờ ngày dương lịch tương ứng. *Sự chỉ dẫn này là*

rất cần thiết đối với người sinh ở những giao điểm của thời gian, ví dụ người sinh từ 23 đến 24 giờ đêm giao thừa phải được tính năm sinh thuộc về năm mới.

Căn cứ vào tên gọi của Chi Giờ mà xác định giờ Dương hoặc giờ Âm, ví dụ giờ Dần là giờ Dương, giờ Mão là Giờ Âm. Nhưng Toán Hà Lạc còn quan tâm đến hai loại giờ: *Giờ có khí Dương và Giờ có khí Âm*. Các giờ *Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị* là *Giờ có khí Dương* (gọi tắt là *Giờ khí Dương*). Các giờ *Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi* là *Giờ có khí âm* (gọi tắt là *Giờ khí Âm*). **Người làm toán Hà Lạc cần phân biệt Giờ Âm với Giờ khí Âm; Giờ Dương với Giờ khí Dương.**

- *Mười hai Chi phối với thân thể người*. Phối với Cơ thể: Tý là Tai; Sửu là bụng; Dần là Tay; Mão là Ngón tay; Thìn là Vai, Ngực; Tị là Mặt, Yết hầu, Răng; Ngọ là Mắt; Mùi là Sống lưng; Thân là Kinh Lạc; Dậu là Tinh huyết; Tuất là Mệnh môn, Bàn chân, Đùi; Hợi là Đầu.

Phối với Tạng Phủ: Dần là Mật; Mão là Gan; Tị là Tim; Ngọ là Ruột non; Thìn, Tuất là Dạ dày; Sửu, Mùi là Lá lách; Thân là Ruột già; Dậu là Phổi; Hợi là Thận, Tâm bào; Tý là Bàng quang, Tam tiêu. (Tâm bào và Tam Tiêu là hai đường kinh bổ sung cho 12 đường Kinh chính trong cơ thể người. Tuy là bổ sung nhưng hết sức quan trọng, Kinh Tâm Bào được coi là cha của các đường kinh Dương, có chức năng bảo vệ Kinh Tâm; Tam Tiêu được coi là mẹ của các đường kinh Âm có chức năng dẫn Mệnh môn hỏa đến các vùng Thượng, Trung, Hạ tiêu).

Trên đây là những thuộc tính của Địa Chi mà thuật toán Hà Lạc thường ứng dụng. Chúng tôi xin bỏ qua những thuộc tính khác tuy cũng rất quan trọng.

(Xem Bảng 1: Tóm tắt Âm Dương Ngũ hành, Can Chi, Tạng Phủ)

3 - XÁC ĐỊNH CAN CHI Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh cho mỗi người.

Thiên Can chủ về những gì có nguồn gốc từ Trời, chủ về động, lộ rõ ra bên ngoài, lộ rõ trong hành vi.

Địa Chi chủ về những gì có nguồn gốc từ Đất, chủ về tính tàng ẩn ở phía dưới, chờ được sử dụng.

Thiên Can chủ về một, Địa Chi chủ về nhiều; Thiên Can có tính đơn thuần, Địa Chi có tính phức tạp. Lành dữ của Thiên Can thì rõ ràng, dễ thấy, còn lành dữ của Địa Chi ẩn tàng khó thấy.

Mỗi thời điểm đều được ấn định bằng một tọa độ Can và Chi phối hợp. Trong sự phối hợp đó thì Địa Chi là gốc của Thiên Can, còn Thiên Can là ngọn của Địa Chi. Trong toán Hà Lạc, Can Chi năm sinh còn được dùng để xác định Mệnh có liên quan đến Hành, dùng để phối hợp với quẻ trong dự đoán tính cách và vận hạn.

XÁC ĐỊNH CAN CHI NĂM SINH. Trong toán Hà Lạc, việc xác định Can Chi năm sinh liên quan đến Tiết lệnh Lập Xuân. Ngày Lập Xuân được coi như mệnh lệnh của Thời tiết chuyển sang năm mới. Sinh sau Lập Xuân thì năm sinh thuộc năm mới, dù ngày đó còn trong niên lịch năm cũ. Hoặc đã sinh sang niên lịch năm mới rồi nhưng chưa đến tiết Lập Xuân thì vẫn phải coi như sinh trong năm cũ. Sinh đúng ngày Lập Xuân thì phải xem tiết lệnh bắt đầu giờ nào trong ngày đó để xác định năm sinh. Có thể tìm Giờ giao tiết lệnh này trong sách *Lịch Vạn niên Dịch học phổ thông* (NXB Văn hóa Dân tộc - Hà Nội - 1997)

Sau đây là một ví dụ: Một người sinh vào ngày 06 - 2 - 1956 tức 25 tháng 12 năm Ất Mùi. Xem Lịch Vạn niên... (sdd) thì thấy ngày Lập Xuân rơi vào ngày 24 - 12 - Ất Mùi vậy người đó sinh sau Lập Xuân, phải tính người đó sinh vào năm Bính Thân. Tất nhiên tháng sinh của người đó cũng phải tính vào Tháng Giêng năm Bính Thân. Như vậy trong sổ sách khai sinh vẫn đề đúng ngày 06 - 2 - 1956 (25 - 12 - Ất Mùi), nhưng trong toán Hà Lạc thì phải ghi là ngày Quý Mão (mã số 40), tháng Canh Dần (tức tháng Giêng), năm Bính Thân

(năm sau của năm Ất Mùi). (Trong các sách dạy Toán dự đoán học có phổ biến cách tìm Can Chi năm sinh *bằng bàn tay hoặc biểu đồ*. Ngày nay trong các sách *Lịch Thế kỷ* - và *Lịch Vạn niên...* nói trên - đã tính sẵn cho chúng ta đầy đủ, bạn chỉ việc tra trong sách đó. Chúng tôi xin miễn việc ghi chép lại phương pháp... thủ công đó).

XÁC ĐỊNH CAN CHI THÁNG SINH

Can Chi Tháng sinh của một người căn cứ vào *Tiết lệnh Tháng* và *Bảng Tính tháng* theo năm.

Tháng sinh trong toán Hà Lạc có liên quan trước hết đến **Tiết Lệnh**, có nghĩa là Lệnh của Thời Tiết. Mỗi tháng có một Tiết lệnh, quyết định tháng đó là tháng mấy. Ví dụ ngày Lập Thu là Tiết lệnh của tháng Bẩy, người nào sinh sau tiết lệnh Lập Thu (gồm có Giờ và Ngày) thì được tính Tháng sinh là tháng Bẩy, ngày giờ sinh chưa đến tiết Lập Thu thì ngày đó phải được coi thuộc vào tháng Sáu.

Sau đây là Bảng tiết lệnh 12 tháng cho biết tiết lệnh nào quyết định tháng sinh của một người thuộc tháng mấy.

Bảng Tiết Lệnh 12 tháng

Tháng Dần	01	Tiết Lập Xuân	tháng Thân	7	Tiết Lập Thu
Mão	02	Kinh Trập	Dậu	8	Bạch Lộ
Thìn	3	Thanh Minh	Tuất	9	Hàn Lộ
Tỵ	4	Lập Hạ	Hợi	10	Lập Đông
Ngọ	5	Mang Chủng	Tý	11	Đại Tuyết
Mùi	6	Tiểu Thử	Sửu	12	Tiểu Hàn

(Bảng 2)

Quy trình xác định Can Chi Tháng sinh như sau:

- Trước hết xem ngày sinh (âm lịch) người đó rơi vào *sau ngày Tiết lệnh* nào. Từ đó xác định được Chi của tháng sinh.

- Căn cứ *Bảng Tính tháng theo Năm* tìm ra Can Chi của tháng đó. (Bảng 3)

Sau đây là một ví dụ: một người sinh vào ngày 5 - 8 năm Nhâm Thân. Tiết lệnh tháng Tám là Bạch Lộ rơi vào ngày 8 - 8. Vậy phải tính người đó sinh vào tháng 7 tức tháng Thân. Xem bảng *Tính tháng theo Năm* thì biết Can Chi tháng sinh là Mậu thân.

- Trường hợp ngày sinh trùng với *ngày giao tiết lệnh* thì phải xem *giờ giao tiết lệnh* để quyết định tháng sinh. Sinh sau giờ giao tiết lệnh thì Can Chi ngày sinh vẫn là Can Chi ngày đó, nhưng can Chi tháng sinh thuộc tháng mà tiết lệnh đó quyết định. Nếu tháng đó là tháng Giêng thì Can Chi Năm sinh cũng thay đổi theo.

XÁC ĐỊNH CAN CHI NGÀY SINH. Trong cuốn *Lịch Thế Kỷ 1901 - 2010* (Nxb Khoa học và Kỹ Thuật 1992) ở mỗi cột Ngày Tháng đều có cột *Mã số Can Chi ngày*. Bạn chỉ cần đối chiếu mã số tương ứng với Ngày sinh, tra *Bảng Vòng Giáp Tý (Mã số Can Chi)* sẽ tìm thấy Can Chi Ngày sinh tương ứng. Trong cuốn *Lịch Vạn niên ...* (Nxb Văn hóa Dân Tộc 1997), thì Can Chi ngày sinh đã ghi sẵn trong cột Ngày.

- **Chú ý 1:** *Can Chi ngày sinh không phụ thuộc vào Năm và Tháng sinh, chỉ phụ thuộc vào Vòng Giáp Tý*, cứ 60 ngày thì hết một vòng. Do vậy các trường hợp căn cứ vào Tiết lệnh mà thay đổi Can Chi Năm sinh, Tháng sinh so với Niên lịch, không ảnh hưởng gì đến Can Chi Ngày sinh.

- **Chú ý 2:** *Can Chi Ngày sinh phụ thuộc vào Can Chi giờ sinh trong trường hợp sau đây.* Nếu Chủ thể sinh vào giờ từ 23 giờ đến 01 giờ thì giờ đó được tính là Giờ Tý, là giờ bắt đầu của một ngày âm lịch ở nước ta. Vì vậy chủ thể sinh từ 23 giờ đến 24 giờ, tuy ngày dương lịch còn là ngày hôm trước nhưng ngày âm lịch đã chuyển sang ngày mới rồi, Can Chi ngày sinh của chủ thể cần được tính theo ngày mới đó.

- **Chú ý 3:** Tuy nhiên Can chi Ngày sinh có phụ thuộc vào giờ sinh không, trong *trường hợp Giờ sinh rơi vào sau Giờ giao tiết lệnh?* Nghĩa là sinh sau giờ giao tiết lệnh thì Can Chi ngày sinh phải được tính là ngày tiếp theo ngày có

giờ giao tiết lệnh. *Đây vẫn còn là một nghi vấn.* Nếu bạn vấp phải trường hợp đó thì tốt nhất là làm thứ hai Cấu trúc Hà Lạc với hai ngày sinh khác nhau, một cấu trúc với ngày sinh có giờ giao tiết lệnh, và một cấu trúc với ngày sinh là ngày tiếp theo, sau đó đối chiếu với thực tế cuộc sống của chủ thể (tính cách, quá khứ), bạn thấy cấu trúc nào đúng hơn với nguyên mẫu thì sử dụng cấu trúc đó.

Chú ý 4: Riêng đối với các bạn sử dụng cuốn Lịch Vạn niên... nói trên thì phải chú ý đó là sách dịch nguyên văn từ Hoa văn của Nhà xuất bản Thẩm Dương (Trung Quốc), do giờ Trung Quốc chậm hơn một giờ so với giờ Việt Nam, nên tất cả các *Giờ giao tiết lệnh trong sách nói trên đều phải tính lùi lại một giờ cho phù hợp với Giờ nước ta.* Ví dụ: Giờ giao tiết lệnh Thanh Minh (tiết lệnh tháng Ba) năm Đinh Dậu (1957) là 9 giờ 19 phút ngày 06 tháng Ba - Đinh Dậu, thì ở Việt Nam giờ giao tiết lệnh đó là 8 giờ 19 phút.

XÁC ĐỊNH CAN CHI GIỜ SINH. *Can Chi Giờ sinh phụ thuộc vào Can Ngày sinh.*

Quy trình: - Căn cứ vào giờ sinh (theo đồng hồ) đối chiếu với bảng phối Địa Chi và Giờ (Tiết 2 bài này) tìm ra Chi giờ sinh.

- Căn cứ Bảng *Tính Giờ theo Ngày* (bảng 4) tìm ra Can Chi Giờ sinh.

Chú ý: Đối với người sinh các năm từ 1946 đến 1975 trên địa bàn từ Quảng Trị đến Cà Mau (Miền Nam trước ngày giải phóng) do các chính quyền địa phương thay đổi Lịch nhiều lần, thì phải đối chiếu với *Bảng tham khảo khi tính Giờ sinh ở nước ta* (Bảng 4 b).

Bạn hãy làm đúng những chỉ dẫn trên sẽ tìm được đủ Tám chữ Can Chi cần cho bạn. Làm mười lần là thành thạo. Nhưng phải nhớ rằng không có chuyện "sai một ly đi một dặm" đâu. *Sai một ly là đi đứt* luôn cả bài toán đấy.

BÀI HAI

CẤU TRÚC MỘT QUÊ DỊCH .

Bây giờ chúng ta làm quen với một quê Dịch.

Khái niệm *Quê* là dịch từ chữ Hán *Quái*. Ví dụ: *Bát Quái* là *Tám quê*.

Dịch là biến đổi, chuyển dịch. *Kinh Dịch* là *Học thuyết về sự biến đổi, chuyển dịch của Vũ trụ và Cuộc sống*.

Kinh Dịch biểu hiện bằng một Cấu trúc Âm Dương, bao gồm sự liên kết của hai vạch Âm và Dương. Sự liên kết ấy tượng trưng cho sự phát triển của vũ trụ và nhân sinh.

Thoạt tiên chưa có sự liên kết chỉ mới có hai vạch **Dương** — và **Âm** - - riêng biệt gọi là *Lưỡng Nghi*.

Tiếp theo có sự liên kết chồng lên theo bốn kiểu gọi là *Tứ Tượng* và đặt cho 4 cái tên, tượng trưng cho bốn hiện tượng lớn của vũ trụ: Mặt trời, mặt trăng, định tinh, hành tinh (Nhật, Nguyệt, Tinh, Thấn).

----- -----	----- -----	----- -----	----- -----
Thái Dương	Thiếu Dương	Thái Âm	Thiếu Âm

Dưới đây là những cấu trúc Quê ứng dụng trong Toán Hà Lạc.

1 - TÁM QUÊ ĐƠN.

Tiếp tục biểu hiện sự phát triển, người ta lấy bốn vạch dương chồng lên bốn tượng rồi lại lấy bốn vạch âm chồng lên bốn tượng sẽ có Tám quê và đặt cho 8 cái tên:

----- ----- -----	----- ----- -----	----- ----- -----	----- ----- -----
-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

Càn Ly Cấn Tốn Khôn Khảm Đoài Chấn

Mỗi quê có 3 vạch Âm, Dương gọi là *Hào* (Từ đây xin gọi là *Hào*). Các hào trong một quê bao giờ cũng xuất hiện từ dưới lên, nên khi gọi tên cũng như khi đếm, bao giờ cũng từ dưới lên, hào dưới cùng là Hào 1, tiếp đến Hào 2,

Hào 3. Quẻ 3 hào còn gọi là quẻ Đơn để phân biệt với quẻ Kép gồm 6 hào sẽ trình bày sau.

Mỗi quẻ có Tượng quẻ và Nghĩa quẻ. Ví dụ quẻ Càn:

Quẻ Càn, còn gọi là Kiền, tượng là Thiên (Trời); tính chất quẻ (còn gọi là Đức quẻ) là cứng, mạnh; nghĩa quẻ là Sáng, Lớn, Giỏi, Thực; bao hàm các thông tin về Người là đàn ông, cha, chồng, chủ, đầu; về Vật là mặt trời, nước đá, ngựa, vàng; về màu sắc là đỏ, trắng; về vị là cay, nhạt... (Phạm vi thông tin còn rộng, ở đây chỉ ghi cái cơ bản). Quẻ Càn tương ứng với Hành Kim trong ngũ hành. Phương vị quẻ Càn (đối với Toán Hà Lạc) là Tây Bắc.

Bảng 5 trình bày Tám quẻ đơn, các Tượng quẻ và các thông tin khác của mỗi quẻ. Người xưa đã nghĩ ra nhiều cách để giúp mọi người nhận dạng các quẻ cho nhanh. Ngày nay bạn có thể tự nghĩ ra cách ghi nhớ riêng của mình.

2 - SÁU MƯƠI TƯ QUẺ KÉP.

Nếu chỉ có Tám quẻ với 24 hào thì không thể biểu hiện được nhiều sự vật và hiện tượng. Người xưa đã tiếp tục sắp xếp bằng cách lần lượt chồng một quẻ lên 8 quẻ tạo thành 8 quẻ mới (gồm một quẻ chồng lên chính nó gọi là quẻ Thuần, sau đó tiếp tục chồng lên 7 quẻ còn lại). Lần lượt làm như thế với 8 quẻ sẽ thành 64 quẻ, gọi là 64 trùng quái (trùng là chồng, 64 trùng quái là 64 quẻ chồng, ở đây xin gọi là quẻ Kép). Mỗi quẻ mới có 6 hào, tổng cộng **64 quẻ có 384 hào** đủ để biểu hiện rất nhiều sự vật ở các cấp độ khác nhau vô cùng phong phú.

Có nhiều cách sắp xếp hệ thống 64 quẻ mang những dấu ấn triết học, xã hội học, sinh học, dự đoán học khác nhau. Ở đây chúng tôi giới thiệu cách sắp xếp quẻ theo **hệ 64 quẻ của Văn Vương** đồng thời là **hệ thống Quẻ Giải đoán Hà Lạc** (Bảng 6)

3 - CẤU TRÚC QUẺ DỊCH KÉP SÁU HÀO.

- Mỗi quẻ kép sáu hào gồm hai quẻ đơn ba hào, quẻ đơn ở dưới gọi là **quẻ Nội** (Nội quái), quẻ đơn ở trên gọi là **quẻ Ngoại** (Ngoại quái). Ví dụ quẻ Thiên Sơn Độn gồm quẻ Cấn là Núi (Sơn), ở dưới, là quẻ Nội; quẻ Càn là Trời (Thiên),

ở trên, là quẻ Ngoại. Khi gọi tên quẻ Đơn, người ta dùng từ chính thức đặt tên cho quẻ, ví dụ **Cần, Ly, Cấn, Tốn, Khôn, Khảm, Đoài, Chấn**. Khi gọi tên quẻ Kép, người ta thay những tên quẻ đơn bằng *tượng* của nó, Cần gọi là **Thiên** (trời), Ly gọi là **Hỏa** (Lửa), Cấn là **Sơn** (Núi), Tốn là **Phong** (Gió), Khôn là **Địa** (Đất), Khảm là **Thủy** (Nước), Đoài (trong nhiều sách ghi âm là Đoái) là **Trạch** (Đầm, Chằm), Chấn là **Lôi** (Sấm).

Các hào Quẻ Nội thường được đánh số trước từ 1 đến 3, dưới lên, rồi mới đến quẻ Ngoại, từ 4 đến 6. Nhưng khi đọc tên một quẻ kép thì *đọc tên quẻ Ngoại trước rồi đến tên quẻ Nội, rồi đến từ nối lên nghĩa quẻ*. Cũng vì vậy, *quẻ Ngoại còn được gọi là quẻ Thượng (quẻ ở trên), quẻ Nội là quẻ Hạ (quẻ ở dưới)*. Ví dụ Thiên Sơn Độn, Thiên là tên quẻ Ngoại, ở trên, đọc trước; Sơn là tên quẻ Nội, ở dưới, đọc sau; Độn là Nghĩa quẻ. Người ta thường dùng từ biểu hiện nghĩa quẻ để gọi tắt tên quẻ. Từ này có khi là từ đơn, có khi là từ kép. Ví dụ: Thiên Sơn Độn gọi tắt là Độn. Sơn Thiên Đại Súc gọi tắt là Đại Súc. Riêng đối với quẻ kép mà *quẻ Nội, quẻ Ngoại đều là hai quẻ đơn giống nhau* thì người ta thay bằng từ *Thuần* ghép với tên chính thức của mỗi quẻ đơn. Có cả bảy tám quẻ như thế: *Thuần Cần, Thuần Ly, Thuần Cấn, Thuần Tốn, Thuần Khôn, Thuần Khảm, Thuần Đoài, Thuần Chấn* (có sách thêm chữ Bát, ví dụ Bát thuần Cần).

Quan hệ giữa hai quẻ Nội và Ngoại thường được hiểu như sau. Nếu một quẻ Kép là tiêu biểu cho một sự vật, hiện tượng, một biến động hoặc một thời kỳ phát triển nào đó, thì quẻ Nội là tiêu biểu cho bước diễn tiến ban đầu theo trật tự thời gian, thuộc thời kỳ khởi xướng, phôi thai, sinh trưởng, phát động... Quẻ Ngoại tiêu biểu cho bước kết thúc hoặc thịnh hoặc suy, diễn tiến ở giai đoạn sau của sự vật và là tiếp theo những trình tự của quẻ Nội. Vì vậy mà quẻ Nội có Hào 1 còn gọi là *Hào Sơ* thường là biểu hiện của bước đầu, quẻ Ngoại có *Hào Thượng* biểu hiện giai đoạn cuối của sự vật.

Quan hệ giữa quẻ Nội và quẻ Ngoại biểu hiện đầy đủ và rất sinh động trong mối tương quan của các hào mà ta xét sau đây.

4 - CẤU TRÚC CÁC HÀO TRONG QUẺ KÉP - Mỗi quẻ kép gồm sáu hào, đánh số từ dưới lên, gọi là **Hào 1, Hào 2, Hào 3, Hào 4, Hào 5, Hào 6**. Nếu các hào đó là Âm hoặc Dương thì thêm một chữ Âm hoặc Dương, ví dụ Hào 1 âm, Hào 2 dương. (Tuy nhiên cần ghi nhận trong các sách Dịch, Hào 1 còn gọi là Hào Sơ, Âm gọi là Lục, Dương gọi là Cửu, ta sẽ thấy những cách gọi tương ứng như sau: Hào 1 âm là Sơ Lục, Hào 1 dương là Sơ Cửu

Hào 2 âm là Lục Nhị, Hào 2 dương là Cửu Nhị

Hào 3 âm là Lục Tam, Hào 3 dương là Cửu Tam

Hào 4 âm là Lục Tứ, Hào 4 dương là Cửu Tứ

Hào 5 âm là Lục Ngũ, Hào 5 dương là Cửu Ngũ

Hào 6 âm là Thượng Lục, Hào 6 dương là Thượng Cửu

Cửu, Lục không có nghĩa là 9, 6, mà nghĩa là Dương, Âm. Như vậy để bạn đọc đỡ rắc rối khi gặp những trường hợp như trên. Trong sách này chúng tôi không sử dụng những khái niệm Cửu, Lục, chỉ sử dụng khái niệm Sơ, Thượng, âm, dương).

- Về vai trò, ý nghĩa và quan hệ giữa các hào, tôi thấy những dẫn giải trong sách của Nguyễn Hiến Lê là sáng tỏ và dễ hiểu hơn cả, xin dẫn ra đây, có đôi lời bổn thêm ở một vài chỗ.

Trước hết chúng ta phải phân biệt *bản thể, tính cách* của hào và *vị trí* của hào.

Hào chỉ có hai loại: Dương và Âm, đó là *bản thể* của Hào. Tính cách của Dương là: Đàn ông, cương cường, thiện, đại, chính, thành thực, quân tử, phú quý. Tính cách của Âm là: đàn bà, nhu thuận, ác (trái với thiện), tà ngụy, tiểu nhân, bất tiện. Người xưa cho rằng phạm là bản thể Dương thì tốt đẹp cả, Âm thì xấu xa. Ngày nay chúng ta thấy cái điều "phạm là" đó chưa hoàn toàn đúng. Đàn bà và Nhu thuận, đâu có xấu? Tính cương cường thuộc bản thể Dương, đâu có

phải tốt trong mọi trường hợp. Phân biệt hai bản thể chỉ là một cách để nhận ra những cặp đối lập nhau mà thôi, còn phải xét vị trí của hào nữa mới định được hào đó là tốt hay xấu.

- *Vị trí Trung - Chính của Hào.* Thế nào là *Trung*? Quẻ Nội có 3 hào: 1 là Sơ, 2 là Trung, 3 là Mạt. Quẻ Ngoại cũng có 3 hào: 4 là Sơ, 5 là Trung, 6 là Mạt. Vậy Trung là những hào ở giữa mỗi quẻ Nội hoặc Ngoại, tức hào 2 và 5, dù bản thể hào là dương hay âm thì cũng vậy.

Thế nào là *Chính*? Trong 6 hào, những hào số lẻ 1, 3, 5 có vị trí dương; những hào số chẵn 2, 4, 6 có vị trí âm. Một hào bản thể là dương (nghĩa là một vạch liền) ở vào vị trí dương thì là *Chính*; nếu ở vào một vị trí âm là *Bất Chính* (Không Chính). Cũng như vậy, một hào bản thể âm (nghĩa là một vạch đứt) ở vào một vị trí âm là *Chính*, ở vào vị trí dương là *Bất chính*.

Ví dụ quẻ Thuần Cần: Sáu hào đều là dương cả (về bản thể), hào 2 và 5 đều là Trung cả, nhưng hào 2 chỉ có Trung, không có Chính; chỉ có hào 5 có cả Trung lẫn Chính. Vì hào 2 dương ở vị trí âm, hào 5 dương ở vị trí dương. Bốn hào còn lại thì hào 1 và 3 được Chính mà không được Trung (đắc trung), hào 4 và 6 không được chính cũng không được Trung. Do vậy hào 5 là Hào tốt nhất của quẻ Cần, nó ở ngôi vua, ngôi chí tôn. Ta hãy xem quẻ Thuần Cần và quẻ Ký Tế sau đây:

-----6 không Chính, không Trung	----6 Chính, không Trung
-----5 Trung, Chính	-----5 Trung, Chính
-----4 không Chính, không Trung	----4 Chính, không Trung
-----3 Chính, không Trung	-----3 Chính, không Trung
-----2 Trung, không Chính	----2 Trung, Chính
-----1 Chính, không Trung	-----1 Chính, không Trung
Quẻ Thuần Cần	Quẻ Thủy Hỏa Ký Tế.

Nhận xét về quẻ Ký Tế: Trong 64 quẻ không có quẻ nào mà hào nào cũng tốt cả. Quẻ Ký Tế được những 2 hào vừa Trung vừa Chính, còn lại các hào đều có một đức Chính, rất đẹp, nên quẻ mới có nghĩa là *Ký Tế: đã nên việc, đã qua*

sòng, đã xong. Lại so với quẻ Thuần Cần, quẻ Ký Tế cũng có hào 5 Trung, Chính ở "ngôi vua", nhưng hào 5 quẻ Ký Tế không thể sánh với hào 5 quẻ Cần. Quẻ Cần (tượng trưng Trời) là quẻ quý nhất trong 64 quẻ Dịch, đứng ở hàng đầu, nên hào 5 quẻ Cần có một giá trị thực lớn; còn quẻ Ký Tế trở việc đời, hào 5 có giá trị nhất định mà thôi.

- *Thời.* Vị trí của mỗi hào còn cho ta biết thời của mỗi hào nữa. Hào 1 là *thời Sơ*, hào 3 là *thời Mạt* của quẻ Nội. Hào 1 cũng là thời Sơ của toàn quẻ. Hào 4 là *thời Sơ*, hào 6 là *thời Mạt* của quẻ Ngoại. Hào 6 cũng là thời Mạt của toàn quẻ. Xét về phương diện *tĩnh* thì là vị trí Chính hay không Chính, xét về phương diện *động* thì là cập thời hay không cập thời (cập là đến, tới, đạt).

Ví dụ: quẻ Cần, hào sơ, dương ở vị trí dương, đức Chính, nhưng vì là hào Sơ chỉ mới có đức thôi, chưa có tiếng tăm mà tài đức cũng chưa cao, nên còn phải ở ẩn, nếu hấp tấp mà vội xuất đầu lộ diện thì là bất cập thời, bất hợp thời. Lên hào 2 mới nên xuất hiện (nhưng chưa nên làm gì) như vậy là cập thời, hợp thời. Lên hào 5, vừa Trung vừa Chính, tài đức đã trau dồi lâu rồi, là lúc làm nên sự nghiệp, làm là cập thời, không làm là bỏ lỡ thời cơ. Tới hào 6, hào cuối cùng ở thời Mạt, thịnh cực rồi tất phải suy, không biết kịp thời rút lui thì sẽ bị họa.

Có thể nói, tính chất Thời còn quan trọng hơn tính chất Trung, Chính nữa.

- *Những hào ứng nhau.* Xét về vị trí, mỗi hào trong quẻ Nội ứng với một hào trong quẻ Ngoại: Hào 1 ứng với hào 4; hào lẻ ứng với hào chẵn; Hào 2 ứng với hào 5; hào chẵn ứng với hào lẻ; Hào 3 ứng với hào 6; hào lẻ ứng với hào chẵn. Vậy là dương vị (vị trí dương) ứng với âm vị (vị trí âm), và ngược lại.

Trong hai hào ứng nhau, hào nào ở vào vị trí chủ (chủ thể, chủ động, hào đang ở tư thế hành động) gọi là hào Thế, hào kia gọi là hào Ứng.

Hai hào ứng nhau phải khác nhau về bản thể mới tốt. Có nghĩa là một hào dương ứng với một hào âm thì mới "có

ình" với nhau, mối tương cầu, tương trợ nhau. Nếu hai hào ứng nhau mà bản thể giống nhau, cùng dương và, hoặc cùng âm cả, thì có khi kị nhau chứ không giúp được nhau. Tuy nhiên cũng có ngoại lệ ở một số quẻ. Như quẻ Lôi Hỏa Phong, hào 1 và hào 4 ứng nhau, cùng bản thể Dương cả nhưng lại có ý nghĩa tương thành, chứ không tương địch.

Trong 3 cặp tương ứng 1 - 4, 2 - 5, 3 - 6 thì:

Cặp 2 - 5 quan trọng nhất, hai hào đều đắc trung cả mà hào 5 lại ở vào địa vị cao nhất. Nếu hào 5 là âm (nhu), hào 2 là dương (cương) thì thật tốt, vì hào 5 là người trên (thủ trưởng, cha, chồng) mà nhu, biết khiêm tốn, tin nghe người dưới, còn hào 2 là người dưới (cán bộ, nhân viên, con, em, vợ) cương trực nhưng lễ độ, biết giúp đỡ, khuyên răn người trên, không gì lợi hơn. Đó là trường hợp các quẻ: Sơn Thủy Mông, Địa Thủy Sư, Địa Thiên Thái, Hoả Thiên Đại Hữu, Sơn Phong Cổ... Nếu ngược lại hào 5 là dương (cương), hào 2 là âm (nhu) thì kém tốt, vì người trên tự tin quá, người dưới nhu thuận quá, không dám khuyên can người trên. Đó là trường hợp quẻ Thủy Sơn Kiển, Thủy Hoả Ký Tế...

Cặp 1 - 4 thường được xét ở khía cạnh là những hào mở đầu cho quẻ Nội và quẻ Ngoại, có nghĩa là mở đầu cho mỗi giai đoạn. Nếu hào 4 là âm, hào 1 là dương thì ý nghĩa khá tốt (giống như trường hợp hào 5 là âm, hào 2 là dương). Ngược lại nếu hào 4 là dương, 1 là âm thì kém, âm dương ứng hợp đấy, nhưng cả hai đều bất chính.

Cặp 3 - 6 được quan tâm ở khía cạnh đều là những hào mặt của quẻ Nội và quẻ Ngoại. Vì lẽ hào 6 đã tới thời suy, cần phải rút lui, không cần người dưới giúp đỡ nữa; mà người dưới, hào 3, ở vào một địa vị mập mờ, không chính đáng, cuối quẻ Nội, chưa lên được quẻ Ngoại; muốn giúp đỡ được hào 6 thì phải qua mặt hào 5 đang cầm quyền trong quẻ, như vậy sợ bị tội.

Lưu ý: Trong một quẻ nào có một hào làm chủ cả quẻ (xem đoạn Hào làm chủ sẽ rõ) thì không xét những cặp ứng nhau theo những quy tắc ở trên, mà chỉ theo ý nghĩa toàn quẻ thôi.

- *Những hào liền nhau.* Sự tương quan giữa hai hào liền nhau không quan trọng bằng sự tương quan giữa hai hào ứng nhau, nhưng cũng cần được xem xét.

Có tất cả 5 cặp liền nhau: 1 - 2, 2 - 3, 3 - 4, 4 - 5, 5 - 6. Nguyên tắc là hai hào liền nhau thì một dương, một âm mới tốt.

Quan trọng nhất là cặp 4 - 5, vì hào 5 là thủ trưởng, hào 4 là người gần gũi thủ trưởng (như vua và vị đại thần đời xưa). Hào 4 mà nhu (âm), hào 5 mà cương (dương) thì thường tốt, vì cả hai đều chính vị, mà người gần gũi thủ trưởng cần phải tôn trọng thủ trưởng, vậy là hợp lẽ; ngược lại hào 5 là âm, hào 4 là dương thì thường xấu: người dưới có thể lấn quyền người trên. Nói *thường*, vì có khi cũng tốt, như trường hợp quẻ Lôi Địa Dục. Còn phải xem ý nghĩa của quẻ nữa.

Cặp 5 - 6 cũng nên chú ý. Nếu 5 là âm, 6 là dương thì tốt, giống như thủ trưởng tự đặt mình dưới một chuyên gia có tài đức (hiên nhân), nghe lời người hiền thì mọi việc sẽ tốt. Ngược lại nếu 5 là dương, 6 là âm thì xấu vì hào 6 đã là âm lại ở thời Mạt, không giúp được gì cho hào 5 cả. Đáng chú ý: trong trường hợp trên kia, 5 là âm, 6 là dương, cả hai đều không Chính mà quan hệ lại tốt; còn trường hợp vừa kể, 5 là dương, 6 là âm, hai hào đều Chính cả (Dương ở vị trí Dương, âm ở vị trí âm) mà quan hệ lại xấu. Trong Dịch học không có nguyên tắc nào cứng nhắc, nó luôn dành chỗ cho sự linh hoạt xem xét, tùy thời, và có những ngoại lệ.

Cặp 3 - 4 có một điểm giống nhau: cả hai đều ở vào khoảng quẻ Nội bước qua quẻ Ngoại, còn hoang mang, do dự, tiến thoái bất định, giúp nhau chẳng được mấy mà nghi ngờ nhau thì nhiều.

Còn các cặp 1 - 2, 2 - 3 ít khi được xem xét tới.

- *Hào làm chủ.* Một quy tắc nữa nên nhớ: Quẻ nào nhiều dương thì lấy âm làm chủ, ngược lại, quẻ nào nhiều âm thì lấy dương làm chủ.

----- Ví dụ quẻ *Lôi Địa Dục* có 5 hào âm, một hào dương
 ----- (hào 4), thì lấy hào dương đó làm chủ cả quẻ, giữ
 ----- vai trò chủ động trong quẻ, ý nghĩa toàn quẻ tùy
 ----- thuộc vào nó cả. Hào đó như vị chuyên gia kế cận
 ----- (dương), cương cường ở bên cạnh thủ trưởng nhu
 ----- nhược (hào 5 âm), nó không chế được đám hào âm
 ----- (kẻ tiêu cực, kém tài đức) ở dưới, giúp được thủ
 ----- trưởng, khiến cơ

quan, hoặc xã hội được vui vẻ (Dục là vui vẻ). Cần chú ý: một hào tốt (như trường hợp trên) làm chủ cả quẻ, mà một hào xấu cũng làm chủ cả quẻ, với ý nghĩa nó là đặc điểm của quẻ, nó làm nổi bật lên ý nghĩa quẻ (chứ tuyệt nhiên không có ý nghĩa đa số phục tùng thiểu số). Tuy nhiên cũng cần nhận thấy là hào đặc biệt đó lại là hào 5, đã Trung lại Chính, thì hầu hết là tốt.

Quy tắc này cũng có ngoại lệ. Ví dụ quẻ Thiên Phong Cáo có một hào âm duy nhất mà không phải là hào quan trọng nhất, quyết định ý nghĩa toàn quẻ.

Sơ sánh các hào. Người xưa nói: hào sơ khó biết, hào thượng dễ biết (Sơ nan tri, Thượng dị tri). Đó là vì hào sơ trở lúc mới vào cuộc, chưa biết tình huống thế nào nên khó đoán hơn hào Thượng, là lúc đã tàn cuộc, việc gì xảy ra đã rõ cả rồi.

Lại nói: hào 2 được nhiều tiếng khen, hào 4 bị nhiều lo sợ (Nhị đa dự, Tứ đa cù). Đó là vì 2 hào này đều ở vị trí chẵn giống nhau, nhưng hào 2 đắc Trung, hào 4 thì không, hào 2 ở xa cấp trên (hào 5), ở bậc thấp, được Trên ứng viện, cho nên thoải mái hành động, dễ được khen, vui vẻ hơn. Trong khi đó hào 4 mới từ quẻ Nội bước lên quẻ Ngoại, không đắc Trung, lại ở sát ngôi Trên (hào 5), dễ bị Trên kiểm soát, hào ứng lại là hào 1, còn non nớt mới vào cuộc, chỉ giúp được bao nhiêu, nên hoang mang, bỡ ngỡ, lo sợ là phải.

Lại nói: Hào 3 nhiều cái xấu, hào 5 nhiều công trạng (Tam đa hung, Ngũ đa công). Đó là vì hai hào này tuy có vị trí cùng là hào lẻ cả nhưng thân phận thực khác nhau. Hào 3

ở trên cùng quẻ Nội, thời Mạt, ở đầu cấp dưới, địa vị thấp, trông vào ứng viên lại được hào 6 cũng thời Mạt, hết quyền hành rồi, chẳng ăn thua gì; hào 3 lại bất đắc Trung, nếu là hào âm thêm bất Chính nên chứa đựng nhiều cái xấu, đa hung là thế. Trong khi đó hào 5, ở bậc cực cao, đắc Trung, có hào 2 ứng cũng đắc Trung, cho nên làm được nhiều việc lớn, có nhiều công.

*

*

*

Chúng tôi đã rút tía và thu gọn những điều cần biết nhất để mở hai cánh cửa đi vào thế giới Hà Lạc. Bạn hãy đọc lại cẩn thận một lần nữa, tìm cách ghi nhớ những gì bạn cảm thấy thiết yếu nhất, những gì cần nhất đối với bạn. Bạn hãy thử chiêm ngưỡng một quẻ Dịch và thẩm lẫm trò chuyện cùng nó. Để xem cuộc trò chuyện kéo dài chừng bao lâu. Mỗi quẻ là cả một thế giới cho bạn tha hồ khám phá đấy, bạn ạ.

Bây giờ chúng ta bắt đầu học cách lập đề toán, lập phương trình và giải phương trình.

BÀI BA

ĐỀ TOÁN. LẬP PHƯƠNG TRÌNH VÀ GIẢI. CẤU TRÚC QUÊ HÀ LẠC.

I - LẬP ĐỀ TOÁN - Thực ra một đề toán Hà Lạc chỉ cần có tám chữ *Can Chi* phản ánh Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh của một người là đủ. Nhưng theo ý chúng tôi, đối với các bạn mới nhập môn, cần nạp đủ những dữ liệu sau đây thì mới thuận tiện trong việc lập và giải phương trình tiếp theo.

1 - **Chủ thể:** a - *Họ và Tên*. b - *Giới*. Toán Hà Lạc chia ra 3 giới người. Giới *Quan chức* gồm những viên chức trong hệ thống chính quyền, ngày nay gồm cả những người điều khiển các cơ quan doanh nghiệp tư nhân, các cơ quan dân sự; giới *Sĩ* gồm những người đang học tập (học sinh, sinh viên), nghiên cứu học thuật, các văn nghệ sĩ, các trí thức nói chung; *Người thường*, gồm những người còn lại so với hai giới kể trên. Mục Giới có thể ghi lĩnh hoạt cốt để khi dự đoán hình dung chủ thể thuộc giới nào. Dữ liệu Giới còn dùng để dự đoán cho chủ thể từng năm.

2 - **Ngày, Giờ sinh:** Dương lịch hoặc âm lịch. Mục này yêu cầu ghi dương lịch ra dương lịch, âm lịch ra âm lịch và có đủ 4 yếu tố: Giờ sinh, Ngày sinh, Tháng sinh, Năm sinh. Dữ liệu sử dụng là âm lịch, nhưng nếu không nhớ thì có thể từ dương lịch tra ra âm lịch, bằng Lịch thế kỷ.

3 - **Các tiết khí:** a - Tiết lệnh tháng sinh. (Xem chỉ dẫn lập Can Chi Tháng sinh).

b - Tiết lệnh để tính Hoá Công, gồm 2 tiết lệnh, ghi rõ Hoá Công thuộc quẻ gì (xem chỉ dẫn xác định Hóa công)

4 - **Sinh giờ khí Dương hay Giờ khí âm.** Các giờ khí Dương: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị. Các giờ khí âm: Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

5 - **Tuổi Dương Âm Nam Nữ.** *Can Chi* năm sinh là Dương thì ghi: Dương Nam (nếu chủ thể là Nam) hoặc Dương Nữ. *Can Chi* năm sinh là Âm thì ghi: Âm Nam hoặc Âm Nữ.

6 - **Mệnh** (Nạp âm): Căn cứ *Bảng Nạp âm* (Bảng 7) trong Phụ lục. Nạp âm trong Toán Hà Lạc còn gọi là **Mệnh**, sử dụng rất đặc lực trong *Bảng Năm Hành tương ứng với Quẻ* (Còn gọi là Ngũ mệnh đặc quái) chỉ ra Tính cách Người, và những nét lớn trong số phận Con người rất ứng nghiệm.

7 - **Nguyên:** Là dữ liệu để tính ra quẻ Dịch trong trường hợp Mã số quẻ là 5. Nguyên là tên gọi tắt của Ba Nguyên gồm 180 năm nối tiếp nhau. 60 năm đầu là Thượng nguyên, 60 năm giữa là Trung nguyên, 60 năm tiếp theo là Hạ nguyên. Ba nguyên (Tam nguyên) có liên quan đến thế kỷ chúng ta đang sống là:

Thượng nguyên: 1864 - 1923 (Giáp Tý - Quý Hợi)

Trung nguyên: 1924 - 1983 (Giáp Tý - Quý Hợi)

Hạ nguyên: 1984 - 2043 (Giáp Tý - Quý Hợi)

Bạn đối chiếu năm sinh của chủ thể thuộc Nguyên nào chỉ cần ghi dữ liệu: Trung nguyên (hoặc Hạ nguyên) là đủ.

Sau đây là Mẫu một đề toán Hà Lạc:

Chủ thể: Hoàng Hoa Cúc. Nhà báo. Sinh 18 - 6 - 1955 lúc 08 giờ 05 phút tức 28 - 4 - Ất Mùi, giờ Thìn. (Mã số Ngày: 47). Các Tiết khí: Lập Hạ (Tiết lệnh tháng 4): 15 - 3 - Ất Mùi. Mang Chủng (Tiết lệnh tháng 5): 16 - 4. Xuân Phân: 28 - 2. Hạ Chí: 3 - 5 (Hoá công: Chấn). Giờ khi Dương. Âm Nữ. Mệnh: Kim (Trong cát). Trung Nguyên.

II - **LẬP PHƯƠNG TRÌNH** - Gồm các bước toán theo trình tự sau đây:

1 - **Xác định Can Chi Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh.**
Xin xem hướng dẫn ở Bài Một Cấu trúc Can Chi. Ví dụ, Can Chi của Hoàng Hoa Cúc tuy ngày sinh 28 - 4 nhưng sinh sau tiết Mang Chủng, tiết lệnh tháng 5 (16 - 4) nên tháng sinh

phải tính là tháng Năm. Như vậy, năm sinh là *Ất Mùi*, tháng sinh là *Nhâm Ngọ*, ngày sinh mã số 47 là *Canh Tuất*, giờ sinh là *Canh Thìn*. (Chúng tôi sẽ sử dụng ví dụ trên cho đến hết bài toán)

2 - **Đổi Can Chi thành mã số Can Chi.** Thuật toán Hà Lạc sáng tạo ra một hệ thống các mã số của Can Chi. Các Mã số của Thiên Can bắt nguồn từ Lạc Thư. Các Mã số Địa Chi bắt nguồn từ Hà Đồ. Bảng các mã số như sau:

Bảng Mã số Can

CAN	Nhâm Giáp	Mậu	Bính	Canh	Tân	Kỷ	Ất Quý	Đinh
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7

Bảng 9

Bảng Mã số Chi

CHI	Hợi Tý	Tị Ngọ	Dần Mão	Thân Dậu	Thìn Tuất Sửu Mùi
Mã số	1 - 6	2 - 7	3 - 8	4 - 9	5 - 10

Bảng 10

Đổi Can Chi ra các Mã số Can Chi theo các bước như sau:

- Căn cứ hai bảng Mã số (9&10) liệt kê các mã số tương ứng với tám chữ Can Chi: Theo ví dụ trên ta sẽ có Ất: 2, Mùi: 5 - 10, Nhâm: 6, Ngọ: 2 - 7, Canh: 3, Tuất: 5 - 10, Canh: 3, Thìn: 5 - 10.

- Sắp xếp các số trên thành hệ số chẵn, lẻ. Ta sẽ có các số chẵn: 2, 10, 6, 2, 10, 10. Các số lẻ: 5, 7, 3, 5, 3, 5. Kiểm tra: Xem lại cho đủ 12 con số.

3 - **Tính Trị số Âm Dương.** Trị số Âm Dương là hai con số quy tụ của Tám chữ Can Chi mở đầu cho toàn bộ hành lang số mệnh của một đời người. Từ đây mà tìm ra Cấu trúc Hà Lạc của mỗi chủ thể. Bản thân trị số này đã có vai trò trong dự đoán. Quy tắc:

a - Đối với người Nam tuổi Dương (Năm sinh có Can Chi Dương), gọi tắt là *Dương Nam*, Nữ tuổi Âm (Năm sinh có Can Chi âm), gọi tắt là *Âm Nữ*: thì xếp hệ số lẻ, còn gọi số Dương, ở hàng trên; hệ số chẵn, còn gọi số Âm, ở hàng dưới. Ký hiệu: Dương/ Âm.

b - Đối với người *Âm Nam*, *Dương Nữ*: xếp hệ số Âm ở hàng trên, hệ số Dương ở hàng dưới. Ký hiệu: Âm/ Dương.

c - Lần lượt cộng các hàng số Âm Dương, ta sẽ có hai trị số Âm, Dương quan trọng.

4 - ***Tìm Mã số quẻ và xác định Quẻ Tiên Thiên.*** Mã số quẻ là mã số của 8 quẻ Dịch đơn. Sau đây là bảng Mã số quẻ. Ta sẽ thấy Mã số quẻ tương ứng với Mã số Can.

Bảng Mã số 8 quẻ Dịch đơn tương ứng với Mã số Can

QUẾ	Cần	Khảm	Cấn	Chấn	Tốn	Ly	Khôn	Đoài
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7
CAN	Giáp Nhâm	Mậu	Bính	Canh	Tân	Kỷ	Ất Quý	Đinh
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7

Bảng 11

Quy tắc: a - Sử lý Trị số Âm hoặc Dương hàng trên trước, kết quả sẽ cho ta *Mã số của Quẻ Thượng (tức quẻ Ngoại)* trong quẻ Kép 6 hào.

b - Cách sử lý như sau: *Nếu đó là trị số Dương*, lớn hơn 25 thì thực hiện Modulo 25 (có nghĩa là trừ 25, trừ một lần) ký hiệu là M25. *Nếu đó là trị số Âm*, lớn hơn 30 thì thực hiện Modulo 30 (có nghĩa là trừ 30, trừ một lần) ký hiệu là M30.

c - Kết quả Modulo tiếp tục sử lý như sau:

c1 - Nếu đó là con số dưới 10 thì đó chính là Mã số quẻ Thượng.

c2 - Nếu đó là 10 hoặc bội số của 10 thì bỏ số không, giữ lại con số có nghĩa tức con số *không phải số không*. Ví dụ 10 lấy 1, 20 lấy 2, 40 lấy 4.

c3 - Nếu đó là con số trên hàng chục thì bỏ số hàng chục, giữ lại số lẻ. Ví dụ 17 bỏ 10 lấy 7; 22 bỏ 20 lấy 2; 36 bỏ 30 lấy 6.

Những con số giữ lại (tất cả đều dưới 10) chính là *Mã số quẻ Thượng*. Bạn chỉ việc đối chiếu với bảng *Mã số 8 quẻ*... (bảng 11) tìm ra tên *quẻ Thượng*.

Riêng đối với số 5 sẽ sử lý theo *Luật Tam nguyên* dưới đây.

c4 - Nếu con số giữ lại là số 5 thì sử lý như sau:

- Nếu chủ thể sinh vào Thượng nguyên thì không kể tuổi Âm hay Dương, cứ Nam là quẻ Cấn, nữ là Khôn.

- Sinh vào Hạ nguyên, không kể tuổi Âm Dương, Nam là Ly, Nữ là Đoài.

- Sinh vào Trung nguyên: Dương Nam, Âm nữ là Cấn
Dương Nữ, Âm Nam là Khôn.

d - Tiếp tục sử lý *trị số Âm hoặc Dương hàng dưới*, theo cách như trên, kết quả sẽ cho ta *mã số quẻ Hạ* (tức quẻ Nội).

đ - Sắp xếp hai quẻ Ngoại (Thượng), Nội (Hạ) ta sẽ được quẻ Kép. Quẻ đó trong cấu trúc Toán Hà Lạc gọi là *Quẻ Tiên Thiên*, thuộc tiên vận của đời người.

e - Ví dụ đối với chủ thể Hoàng Hoa Cúc:

Âm Nữ: Dương/ Âm

Trị số Dương: $5+7+3+5+3+5=28$ $M25 = 3$ Mã số Quẻ: 3: Chấn (Lôi)

Trị số Âm: $2+10+6+2+10+10=40$ $M30 = 10$ Mã số Quẻ: 1: Khảm (Thủy)

Quẻ Tiên Thiên là Lôi Thủy Giải.

5 - ***Xác định Hào Nguyên Đường.*** Hào Nguyên Đường là hào chủ mệnh của Tiên vận (gắn với quẻ Tiên Thiên) hoặc Hậu vận (gắn với quẻ Hậu Thiên) của đời người. Nguyên đường của Hà Lạc cũng giống như cung Mệnh, cung Thân trong thuật Tử vi. Nguyên đường tốt xấu có ảnh hưởng cả đời người. Nguyên đường quyết định vận hạn đời người

bắt đầu từ đâu. Nguyên đường thời tiền vận quyết định Nguyên đường hậu vận. Cách xác định Nguyên đường không khó lắm nhưng cũng có một số trường hợp dễ bị nhầm.

Quy tắc: a - Hào Nguyên đường quẻ Tiên Thiên được quyết định từ Giờ sinh. Sau khi xác định quẻ Tiên Thiên thì xác định hào Nguyên đường. Trước hết phải xác định *Giờ sinh thuộc Giờ khí Dương hay Giờ khí Âm*.

b - Nếu sinh Giờ khí Dương (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị) thì tính Nguyên Đường từ hào Dương trong quẻ Tiên Thiên 6 hào, tính từ dưới lên.

Nếu sinh Giờ khí Âm (Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) thì tính Nguyên Đường từ hào Âm, tính từ dưới lên.

c - Đối với Quẻ Thuần Cần và Quẻ Thuần Khôn, xác định hào Nguyên Đường theo cách riêng.

Cách thao tác tìm hào Nguyên Đường đối với những quẻ có từ 1 đến 5 hào Âm hay Dương: Lấy người sinh Giờ khí Dương làm ví dụ. Có tất cả 6 giờ khí Dương. Nhận xét Quẻ có mấy hào Dương. Nếu có 1 hào Dương thì đếm từ hào Dương duy nhất đó, bắt đầu từ Tý, đếm hai lần, cùng trên 1 hào đó, đến Sửu; nếu Tý, Sửu chưa trùng với giờ sinh thì đếm tiếp sang hào âm, hào dưới cùng, là Dần, đếm lên, chỉ đếm hào âm, đếm đến hào nào trùng với giờ sinh, hào đó là hào Nguyên đường, bạn hãy dùng một ký hiệu riêng để đánh dấu nó (trong ví dụ của chúng tôi là dấu hoa thị *).

Nếu quẻ có 2 hào Dương thì khởi đếm từ hào Dương dưới cùng, đếm lên, cũng bắt đầu từ Tý, chỉ đếm hào Dương, đếm đến Sửu, thuộc hào dương thứ hai, chưa gặp hào trùng với giờ sinh thì đếm lại lần nữa (nghĩa là cũng đếm hai lần), cũng từ dưới lên, từ Dần, là hào dương thứ nhất, đến Mão, thuộc hào dương thứ hai, nếu chưa gặp hào trùng với giờ sinh, đếm tiếp sang hào Âm dưới cùng, là Thìn, đếm lên, chỉ đếm hào âm. Khi đếm gặp hào nào trùng với Giờ sinh, hào đó là Nguyên đường.

Nếu quẻ có 3 hào Dương cũng đếm như trên, đếm hai lần, gặp hào nào trùng với giờ sinh, hào đó là Nguyên đường.

Tất nhiên đối với quẻ có 3 hào Dương không phải đếm sang hào âm nữa.

Nếu quẻ có 4 - 5 hào Dương, cũng đếm như trên nhưng không đếm hai lần, khi đếm hết các hào Dương mà chưa đến Giờ sinh thì đếm tiếp sang hào âm cho đến khi gặp hào trùng với Giờ sinh.

Đối với người sinh giờ *Khí Âm* cũng theo mô hình đếm như trên, chỉ khác bắt đầu đếm từ Ngọ, và đếm các hào Âm trước hết.

Bảng sau đây sẽ giúp các bạn hình dung cách đếm cụ thể hơn.

**Bảng tóm tắt cách đếm xác định Hào Nguyên
đường Quẻ Tiên Thiên.**

Quẻ	Đếm 1 lần	Đếm 2 lần	Tiếp sang hào khác
1 - 2 hào Âm hay D	Không	Có	Có
3 hào Âm hay D	Không	Có	Không
4 - 5 hào Âm hay D	Có	Không	Có

Bảng 12

Tìm hào Nguyên Đường đối với người có quẻ Tiên Thiên Thuần Cần và Thuần Khôn. Có 12 trường hợp được sắp xếp theo 3 bảng trong sách *Tích hợp đa văn hóa Đông Tây...* (sdd) của Nguyễn Hoàng Phương:

- Nam sinh Giờ khí Dương có quẻ Thuần Cần (quẻ 6 hào Dương) (Bảng 13 a)
- Nam sinh Giờ khí Âm có quẻ Thuần Cần (B.13 a)
- Nam sinh Giờ khí Dương, sau Hạ Chí, có quẻ Thuần Khôn (quẻ 6 hào Âm) (B. 13 c)
- Nam sinh Giờ khí Dương, sau Đông Chí, có quẻ Thuần Khôn (B. 13 c)
- Nam sinh Giờ khí Âm, trước Đông Chí, có quẻ Thuần Khôn. (B. 13 c)
- Nam sinh Giờ khí Âm, trước Hạ Chí, có quẻ Thuần Khôn (B. 13 c)

- Nữ sinh Giờ khí Dương có quẻ Thuần Khôn (B. 13 a)
- Nữ sinh giờ khí Âm có quẻ Thuần Khôn (B. 13 a)
- Nữ sinh Giờ khí Dương, sau Đông Chí, có quẻ Thuần Càn (B. 13 b)
- Nữ sinh Giờ khí Dương, sau Hạ Chí, có quẻ Thuần Càn (B. 13 b)
- Nữ sinh Giờ khí Âm, trước Hạ Chí, có quẻ Thuần Càn (B. 13 b)
- Nữ sinh Giờ khí Âm, trước Đông Chí, có quẻ Thuần Càn (B.13 b).

**Bảng tìm hào Nguyên Đường đối với quẻ
6 hào Dương, 6 hào Âm (Bảng 13)**

Kiến Nam				Khôn nữ			
6 hào Dương		6 hào Dương		6 hào Âm		6 hào Âm	
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
		Thân	Hợi			Thân	Hợi
		Mùi	Tuất			Mùi	Tuất
		Ngọ	Dậu			Ngọ	Dậu
Dần	Tị			Dần	Tị		
Sửu	Thìn			Sửu	Thìn		
Tý	Mão			Tý	Mão		

Bảng 13 a

Kiến Nữ							
Sau Đông chí & Trước Hạ chí				Sau Hạ chí & Trước Đông chí			
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
Tý	Mão					Thân	Hợi
Sửu	Thìn					Mùi	Tuất
Dần	Tị					Ngọ	Dậu
		Ngọ	Dậu	Dần	Tị		
		Mùi	Tuất	Sửu	Thìn		
		Thân	Hợi	Tý	Mão		

Bảng 13 b

Khôn Nam							
Sau Hạ chí & Trước Đông chí				Sau Đông chí & Trước Hạ chí			
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
Tý	Mão					Thân	Hợi
Sửu	Thìn					Mùi	Tuất
Dần	Tị					Ngọ	Dậu
		Ngọ	Dậu	Dần	Tị		
		Mùi	Tuất	Sửu	Thìn		
		Thân	Hợi	Tý	Mão		

Bảng 13 c

6 - *Biến quả Tiên Thiên ra quả Hậu Thiên.*

Nếu quả **Tiên Thiên** là quả nguyên thủy thuộc về số Giời cho thì quả **Hậu Thiên** biểu hiện sự thăng trầm của Con người trải qua một cuộc biến đổi bể dâu trong môi trường cuộc sống. Quả Tiên Thiên là Tiên vận đời người. Quả Hậu Thiên là Hậu vận.

Quy Tắc: a - Đảo quả Nội Tiên Thiên thành quả Ngoại Hậu Thiên, quả Ngoại Tiên Thiên thành quả Nội Hậu Thiên.

b - Hào Nguyên Đường đi theo sang quả Hậu Thiên, Âm biến thành Dương, hoặc Dương thành Âm.

c - Trên cơ sở hai điểm biến đổi ấy mà thành một quả mới gọi là quả Hậu Thiên.

7 - *Xác định quả Hổ.* Quả Hổ là quả nằm sẵn trong lòng quả Tiên Thiên và Hậu Thiên, nó có vai trò hỗ trợ, làm cho các lín hiệu phong phú thêm, bổ trợ, làm sáng tỏ thêm về nhiều mặt trong dự đoán.

Quy tắc: Bỏ hào 1 và hào 6 quả Chính. Lấy các hào 3, 4, 5 làm quả Ngoại; lấy các hào 2, 3, 4 làm quả Nội, ghép lại thành quả mới 6 hào gọi là quả Hổ. Lần lượt lập quả Hổ Tiên Thiên, Hổ hậu Thiên, xếp bên cạnh quả chính để tiện xem xét.

8 - *Xác định Hóa Công, Thiên Nguyên khí, Địa Nguyên khí.*

Hoá Công, Thiên Nguyên khí, Địa Nguyên khí là sự gặp gỡ giữa Năm sinh, Mùa sinh và Môi trường, Không gian, bao gồm những *ưu tiên của Trời Đất dành cho Con Người*, thể hiện dưới hai dạng *Năng lượng* (Hoá Công) và *Nguyên khí*. Người nào có những ưu tiên đó thì sẽ gặp nhiều may mắn, thuận lợi trên bước đường phát triển. Các quẻ Hà Lạc phối hợp với Năm sinh, Mùa sinh là những tín hiệu cho biết chủ thể có những ưu tiên đó không. Xác định Hóa Công theo Bảng dưới đây.

Bảng Hoá Công

Thời gian sinh	Quẻ có Hoá Công
Sinh sau Đông Chí, trước Xuân Phân	<i>Khảm</i>
Sinh sau Xuân Phân, trước Hạ Chí	<i>Chấn</i>
Sinh sau Hạ Chí, trước Thu Phân	<i>Ly</i>
Sinh sau Thu Phân, trước Đông Chí	<i>Đoài</i>

Bảng 14

Cách sử dụng: Căn cứ thời gian sinh, nếu sinh sau Đông Chí, trước Xuân Phân, tìm trong cấu trúc các quẻ Tiên Thiên, Hậu Thiên, 2 quẻ Hổ, thấy có Khảm là có Hóa Công.

Hóa Công hiểu nôm na là *công năng của tạo hóa*, một thứ ưu đãi của thiên nhiên, nói cách khác là ưu tiên của Trời Đất, về mặt *năng lượng*, dành cho những con người có may mắn sinh vào thời điểm thuận lợi nhất trong bốn mùa của Năm, mỗi mùa đó được đánh dấu bằng những tiết khí. Người nào có Hóa công là có tín hiệu cho thấy có tiềm năng về trí, đức, về sức mạnh nhiều mặt, do đó cũng là tín hiệu về Danh giá bao gồm những ân thưởng, vinh dự, đỗ đạt, thăng tiến trong cuộc đời. Mệnh Nữ có Hoá Công là tín hiệu có thể đạt tới vị trí cao trong xã hội, ngày xưa là các bậc hiền lương, mẫu nghi; ngày nay là các mẹ hiền, cô giáo giỏi, thầy thuốc hay, nghệ sĩ, hoa hậu... Có ý kiến cho rằng Hóa Công là tốt, nhưng cũng còn tùy theo vị trí Hoá Công và kết hợp với các tín hiệu khác. Hoá Công ở Tiên Thiên thì có ảnh hưởng suốt cuộc đời, Hoá Công ở quẻ Hổ Hậu Thiên lại thuộc về đại vận cuối đời thì đến chạng đốm mới phát huy ảnh hưởng. Chúng tôi

trong thực tế làm trắc nghiệm thì thấy khác với ý kiến trên. Do tính thống nhất của cấu trúc Hà Lạc nên Hóa Công (kể cả Thiên nguyên khí, Địa nguyên khí) dù ở Hồ Hậu thiên vẫn tác động mạnh ngay ở những chặng đường đầu cuộc đời.

Bảng Thiên Nguyên khí (TNK), Địa Nguyên Khí (ĐNK)

TNK	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
ĐNK	Tuất	Mùi	Sửn	Đậu	Tý	Ngọ	Mão	Thìn	Hợi	
		Thân	Dần					Tị		
Quẻ	Càn	Khôn	Cấn	Đoài	Khảm	Ly	Chấn	Tốn	Cần	Khôn

Bảng 14b

Cách sử dụng: Chỉ có *Can Chi Năm sinh* mới được sử dụng tìm TNK, ĐNK.

Hàng Can cho Thiên Nguyên khí. Hàng Chi cho Địa Nguyên khí. Ví dụ: Năm sinh Giáp, đối chiếu Cấu trúc Hà Lạc, nếu trong các quẻ Tiên Thiên, Hậu Thiên, 2 quẻ Hồ có Càn là có Thiên Nguyên khí. Nếu Chi năm sinh là Tý, đối chiếu Cấu trúc Hà Lạc thấy có Khảm là có Địa Nguyên khí.

Nguyên khí là khí gốc của trời đất, bao gồm những 16 chất tốt đẹp nhất, trong lành nhất, tiêu biểu nhất, tạo thuận lợi cho sự sống, chỉ xuất hiện trong những thời điểm nhất định trong năm. Người nào may mắn sinh đúng thời điểm đó thì có được ưu tiên hấp thụ nguyên khí đó vào người, tạo nên những khí chất ưu tú trong quá trình sống, nhờ đó mà thành đạt. Người xưa ví Hiên tài là nguyên khí của đất nước. Thiên Nguyên khí là nguyên khí của Trời, chủ về sang trọng. Địa Nguyên khí là nguyên khí của Đất, chủ về giàu có. Có cả Thiên Nguyên khí, Địa Nguyên khí là có Giàu Sang, Phú Quý.

9 - *Xác định Đại vận:* Đại vận là những chặng đường nối tiếp nhau trong suốt cuộc đời. Mỗi đại vận mang những đặc trưng tính cách, ứng xử, những thăng trầm, khó khăn, thuận lợi được quy định bởi không gian, thời gian sinh trưởng của mỗi con người. Tổ hợp các đại vận là hành lang số phận con người.

Quy tắc sắp xếp đại vận: a - Các đại vận được sắp xếp trong các quẻ Tiên Thiên và Hậu Thiên. Mỗi hào là một đại vận. Sáu đại vận Tiên thiên là Tiên vận, sáu đại vận Hậu thiên là Hậu vận.

b - Hào Nguyên đường Tiên thiên là đại vận đầu tiên của Tiên vận và của cả cuộc đời. Những dự đoán thuộc về Nguyên đường Tiên thiên không chỉ có giá trị đối với Tiên vận, còn có giá trị trong cuộc đời, tất nhiên có phức hợp, đa dạng. Hào Nguyên đường Hậu thiên là đại vận đầu tiên của Hậu vận.

c - Hào Dương là đại vận kéo dài 9 năm. Hào Âm là đại vận kéo dài 6 năm. Các hào đại vận bắt đầu từ hào Nguyên đường Tiên Thiên nối tiếp theo hướng đi lên, đến hào 6, thì tiếp đến hào 1, cho đến sau hào Nguyên đường cho đủ 6 đại vận khép kín. Hào đại vận nối tiếp mở đầu cho Hậu vận là hào Nguyên đường Hậu thiên. Sắp xếp các đại vận thuộc Hậu vận cũng giống như trên.

Chú ý về thao tác: Đại vận nên tính bằng tuổi. Cứ hết một năm tính một tuổi, vì vậy năm đầu tiên thường là tuổi khuyết (tuổi không đầy đủ một năm). Đại vận đầu tính 01 - 06 tuổi (nếu là hào âm), 01 - 09 tuổi (hào dương). Các Đại vận sau nếu hào âm thì cộng 5, hào dương thì cộng 8.

10 - Đến đây đã hình thành **Cấu trúc Hà Lạc** của một đời người. Ví dụ Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể Hoàng Hoa Cúc như sau (gồm cả Đẻ Toán):

I - Đẻ Toán: Chủ thể: *Hoàng Hoa Cúc*. Nhà báo. Sinh 18 - 6 - 1955 lúc 08 giờ 05 phút tức 28 - 4 - Ất Mùi, giờ Thìn. (Mã số Ngày: 47). Các Tiết khí: Lập Hạ (Tiết lệnh tháng 4): 15 - 3. Mang Chủng (Tiết lệnh tháng 5): 16 - 4. Xuân Phân: 28 - 2. Hạ Chí: 3 - 5 (Hoá công: Chấn). Giờ khí Dương. Âm Nữ (d/à). Mệnh: Kim (Trong cát). Trung Nguyên.

II - Lập Phương trình Hà Lạc: Do sinh sau tiết Mang chủng nên phải tính tháng sinh là Tháng Năm. Cấu trúc Can Chi: Năm ẤT MÙI, tháng NHÂM NGỌ, ngày

CANH TUẤT, giờ CANH THÌN. Mã số Can Chi: 2, 5-10; 6, 2-7; 3, 5-10; 3, 5-10.

Trị số Dương: $5+7+3+5+3+5=28$ M25 = 3 Mã số Quẻ: 3: Chấn (Lôi)

Trị số Âm : $2+10+6+2+10+10=40$ M30 = 10 Mã số Quẻ: 1: Khảm (Thủy)

Quẻ Tiên Thiên là Lôi Thủy Giải.

III-Lập các quẻ, hào Nguyên đường và các đại vận.

Tiên Thiên Tiên Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----	37 - 42	-----	-----	61 - 66	-----
-----	31 - 36	-----	-----	52 - 60	-----
-----	22 - 30	-----	----- nd	43 - 51	-----
-----	16 - 21	-----	-----	82 - 87	-----
-----	07 - 15	-----	-----	76 - 81	-----
----- nd	01 - 06	-----	-----	67 - 75	-----
Lôi Thủy Giải		Thủy Hỏa Ký Tế	Trạch Lôi Tùy		Phong Sơn Tiệm

Hóa Công: Chấn ở Tiên, Hậu Thiên. Thiên, Địa Nguyên khí: không

BÀI BỐN

TÍNH TIỂU VẬN (NĂM, THÁNG, NGÀY).

Ta đã biết các Đại vận của một Cấu trúc Hà Lạc bắt đầu từ Hào Nguyên đường Tiên thiên, phát triển theo hướng đi lên, nếu đến hào 6 chưa hết số đại vận thì trở xuống hào 1 tiếp tục đi lên đến sau Nguyên đường. Đại vận có ký hiệu Hào Âm có giá trị 6 năm, đại vận hào Dương là 9 năm. Tiểu vận hoặc Hậu vận gồm 6 đại vận. Hết Đại vận thứ 6 của Tiên vận thì tiếp sang Hậu vận, cũng bắt đầu từ hào Nguyên đường.

Sau đây là cách tính đến **vận Năm** (các sách còn gọi là **Tiểu vận**, hoặc **Tuế vận**). Mỗi vận năm là một quẻ Dịch kép.

1 - TÍNH VẬN NĂM

Quy tắc: a - Đối với hào Đại vận 6 năm là hào âm:

a1 - Bạn chỉ việc biến ngay hào đại vận thành hào Dương, ta sẽ có một quẻ mới, đó là quẻ phản ánh năm đầu tiên của Đại vận.

a2 - Hào biến sang quẻ mới trở thành hào chủ mệnh của chủ thể trong năm nói trên.

a3 - Quẻ mới được xác lập trở thành quẻ chuyển tiếp sang năm thứ hai của Đại vận. Hào đứng phía trên hào chủ mệnh (đồng thời là hào nối tiếp) trở thành hào biến, nếu đó là hào âm thì biến thành Dương, nếu là Dương thì biến thành âm, tạo thành quẻ mới, phản ánh năm thứ hai của Đại vận, hào đã biến là chủ mệnh của năm đó. Quẻ của năm thứ ba cũng được xác lập theo cách đó. *Nếu hào đã biến là hào 6 thì hào biến tiếp theo là hào 1*, cứ thế cho đến hết 6 hào là vừa 6 năm tuổi.

b - Đối với hào Đại vận 9 năm là hào dương thì có hai trường hợp, chủ thể có Can Chi năm sinh là Dương, gọi tắt là *Tuổi Dương* và chủ thể có Can Chi năm sinh là Âm gọi tắt là *Tuổi Âm*, không kể Nam hay Nữ.

b1 - *Đối với người Tuổi Dương*: Hào Đại vận không biến. Quẻ gốc (Tiên thiên hoặc Hậu thiên) là quẻ Năm đầu tiên của Đại vận. Hào Đại vận là hào chủ mệnh của Năm đầu tiên đó.

b2 - Năm thứ hai: Hào chủ mệnh Năm đầu tiên coi là Hào Thố. Lấy Hào Ứng (cách đó 2 hào) làm Hào biến, nếu là Dương biến thành Âm, nếu là Âm biến thành Dương tạo thành quẻ mới. Quẻ đó là quẻ Năm thứ hai của Đại vận. Hào đã biến là hào chủ mệnh của Năm thứ hai. Hào này trở thành hào Thố.

b3 - Năm thứ ba: Biến hào Ứng của hào Thố nói trên, Dương thành Âm, tạo thành quẻ mới.

b4 - Từ năm thứ tư lần lượt thực hiện như điểm a3 trên đây. Đến đúng hào Dương đầu tiên (tức hào Đại vận) là vừa hết 9 năm.

b5 - *Đối với người Tuổi Âm*: Chỉ khác trường hợp Tuổi Dương là biến ngay Hào Đại vận thành hào Âm tạo thành quẻ mới phản ánh năm đầu tiên của Đại vận. Hào biến trở thành hào Thố. Năm thứ hai, biến hào Ứng tạo thành quẻ mới. Hào này trở thành hào Thố. Năm thứ ba biến hào Ứng của hào Thố vừa nói tạo thành quẻ mới. Từ năm thứ tư thực hiện như đối với người Tuổi Dương.

Sau đây là ví dụ. Chủ thể Hoàng Hoa Cúc.

Đại vận từ 01 đến 06 tuổi, hào 1 quẻ Lôi Thủy Giải (Dấu hoa thị: hào chủ mệnh. Ghi năm Dương lịch để tính năm Âm lịch).

----	----	----	----	----	----- *	
----	----	----	----	----- *	-----	
-----	-----	-----	----- *	-----	-----	
----	----	----- *	-----	-----	-----	
----	----- *	-----	-----	-----	-----	
Giải	1955	1956	1957	1958	1959	1960
	Quy	Thuần	Phong	Minh	Ký	Gia
	Muội	Chấn		Di	Tế	Nhân

Quan sát những ký hiệu trên, ta sẽ thấy đối với Đại vận 6 năm là Hào 1 âm quẻ Lôi Thủy Giải, cách lập các quẻ Năm diễn tiến như sau:

Năm đầu tiên của đại vận: Biến hào đại vận âm thành dương, thành quẻ mới Lôi Trạch Quy Muội thuộc năm Ất Mùi (1955). Hào đã biến (hào 1 dương) là hào chủ.

Năm thứ hai: Biến hào tiếp theo của quẻ Quy Muội, hào 2 dương thành hào 2 âm, thành quẻ mới Thuận Chấn, thuộc năm Bính Thân (1956). Hào đã biến (hào 2 âm) là hào chủ.

Năm thứ ba, cũng như trên, quẻ mới là Lôi Hỏa Phong.

Năm thứ tư, như trên, được quẻ Địa Hoà Minh Di.

Năm thứ năm, như trên, được quẻ Thủy Hoả Ký Tế.

Năm thứ sáu, như trên, được quẻ Phong Hỏa Gia Nhân.

Chú ý: Cần tính chính xác năm tương ứng với quẻ. Thông thường lấy số tuổi trừ đi 1, cộng với năm sinh dương lịch sẽ ra năm dương lịch tương ứng với quẻ. Sau đó đối chiếu Lịch Thế kỷ sẽ ra Năm Âm lịch tương ứng. Năm âm lịch là thời gian dùng trong dự đoán Hà Lạc. Ghi năm dương lịch cho bạn đọc ngày nay dễ liên hệ mà thôi.

Đại vận 07 - 15 tuổi : Hào 2 dương quẻ Lôi Thủy Giải. Tuổi Âm.

			*				*		
			*				*		
					*				
				*					
	*		*						*
								*	
Giải	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969
	Dự	Tụy	Khốn	Đại	Tinh	Thăng	Cổ	Đại	Bí
				Quá				Súc	

Diễn tiến các quẻ Năm của Đại vận Hào 2 dương quẻ Lôi Thủy Giải đối với chủ thể tuổi Âm như sau:

Năm đầu tiên, Hào 2 dương biến thành hào 2 âm, được quẻ Lôi Địa Dự. Hào 2 quẻ Dự thành hào Thế.

Năm thứ hai, Hào ứng là hào 5 âm, biến thành dương, thành quẻ Trạch Địa Tụy. Hào 5 Dương quẻ Tụy trở thành hào thể.

Năm thứ ba, Hào ứng là hào 2 âm quẻ Tụy biến thành Dương, thành quẻ mới Trạch Thủy Khốn.

Từ năm thứ tư, lần lượt thực hiện như điểm a3, cho đến khi được đủ 9 năm.

Nếu chủ thể có Tuổi Dương thì diễn tiến các quẻ Năm của Đại vận Hào 2 Dương quẻ Lôi Thủy Giải như sau:

Đại vận 07 - 15 tuổi : Hào 2 dương quẻ Lôi Thủy Giải. Tuổi Dương.

-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----*	-----	-----	
-----	-----*	-----	-----	-----	-----*	-----	-----	-----	
-----	-----	-----	-----	-----*	-----	-----	-----	-----	
-----	-----	-----	-----*	-----	-----	-----	-----	-----	
-----	-----*	-----*	-----	-----	-----	-----	-----	-----*	
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----*	-----	
Giải	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969
Giải	Khốn	Tụy	Hàm	Kiến	Khiêm	Thuần	Bí	Đại	
						Cấn		súc	

Ta sẽ thấy điểm khác với người tuổi âm là hào 2 Dương không biến, quẻ Lôi Thủy Giải đồng thời là quẻ năm 1961. Cơ chế diễn tiến các năm sau đó giống như trường hợp người tuổi Âm. Chúng tôi cần nhấn mạnh rằng cơ chế này khác với cách tính tiểu vận ghi trong sách của Bùi Biên Hòa, không phân biệt Tuổi Âm, Tuổi Dương. Qua thực tế chúng tôi nhận thấy cách tính như đã trình bày (theo sách của Học Năng) ứng nghiệm trong tất cả các trường hợp chúng tôi đã thực nghiệm.

2 - TÍNH VẬN THÁNG. Trong sách của Học Năng ghi vắn vắn một câu: *Hà Lạc có phép tính lưu quẻ Tháng và quẻ Ngày nhưng sách này sơ khảo, xin dành một dịp khác để bổ khuyết* (Trang 87 Sách đã dẫn). Nhưng rồi tác giả không có dịp bổ khuyết nữa. Nay trong phạm vi Câu lạc bộ, chúng tôi dựa vào những quy tắc cơ bản của Hà Lạc do giáo sư Nguyễn Hoàng Phương khám phá, mạnh dạn vạch thử một số

phương án tính quẻ Tháng, đối chiếu với thực tế thấy ứng nghiệm. Xin trình bày như sau:

Quy tắc (dự thảo): a - Mỗi quẻ Năm có 6 hào, vậy mỗi hào phản ánh 2 tháng. Hào chủ là hào chủ mệnh của cả năm đồng thời phản ánh Tháng Giêng và Tháng Bảy. Các hào tiếp theo phản ánh từng cặp Tháng: tháng Hai, tháng Tám; tháng Ba, tháng Chín; tháng Tư, tháng Mười; tháng Năm, tháng Mười Một; tháng Sáu, tháng Mười Hai.

b - Nếu là Năm Dương (Can Chi Năm Dương, ví dụ Mậu Dần), hướng phát triển các hào là hướng đi lên, ví dụ hào 3 tiếp đến hào 4. Nếu là Năm Âm (Can Chi năm Âm, ví dụ Kỷ Mão), hướng phát triển các hào là hướng đi xuống, ví dụ hào 3 tiếp đến hào 2.

c - Do một hào phản ánh hai tháng, hai tháng đó lại là cặp xung nhau, ví dụ Dần Thân, Mão Dậu, Thìn Tuất, Tị Hợi, Ngọ Tỵ, Mùi Sửu, nên khi dự đoán cần dựa vào bảng Nguyệt lệnh, bảng Năm hành gặp quẻ, kết hợp với bảng Sinh Vượng Tử Tuyệt của Toán tứ trụ, dùng Lý để vận dụng vào Số. Đây chính là một điểm linh diệu của Toán Hà Lạc, lời hào giống nhau mà dự đoán không giống nhau.

d - Từ hào Tháng, chỉ việc biến hào này Dương thành Âm, hoặc Âm thành Dương, ta sẽ có quẻ mới, quẻ đó là quẻ Tháng. Quẻ này sẽ được sử dụng để dự đoán Ngày.

Chú ý: Phép tính vận tháng không giống phép tính vận Năm. Tính vận Năm bắt đầu từ hào Đại vận, sau đó từ quẻ Năm này, dùng phép biến hào sinh ra quẻ Năm tiếp theo. *Có nghĩa là quẻ Năm trước sinh ra quẻ Năm sau.* Tính vận Tháng thì lấy quẻ Năm làm gốc, lần lượt biến từng hào một, từ một quẻ gốc sinh ra 6 quẻ mới. Ví dụ, Chủ thể Hoàng Hoa Cúc, quẻ năm 15 tuổi, năm Kỷ Dậu (1969) là Sơn Thiên Đại Súc. Hào chủ mệnh của Năm là hào 2. Hào phản ánh tháng Giêng và tháng Bảy cũng là hào 2. Vì Kỷ Dậu là năm Âm, nên hướng phát triển các hào Tháng là hướng đi xuống, hào Tháng 2, tháng 8 là Hào 1; hào tháng 3, tháng 9 là hào 6; hào tháng 4, tháng 10 là hào 5...

Vậy diễn tiến các quẻ Tháng của năm Kỷ Dậu như sau:

-----	-----	-----	-----*	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----*	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----*	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----*
-----*	-----*	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----*	-----	-----	-----	-----
Đ.Súc	Th. 1	Th. 2	Th. 3	Th. 4	Th. 5	Th. 6
	Th. 7	Th. 8	Th. 9	Th.10	Th.11	Th.12
	Bí	Cổ	Thái	Tiểu	Đại	Tồn
			Súc	Hữu		

Quan sát diễn tiến trên ta sẽ thấy tất cả các quẻ Tháng trong năm đều xuất phát từ một quẻ gốc là Sơn Thiên Đại Súc mà ra.

3 - TÍNH VẬN NGÀY. Khi ta đã có quẻ Tháng, thì cứ mỗi hào quẻ Tháng phản ánh 5 ngày. Hào biến là Hào chủ mệnh của Tháng đó. Cách tính vận ngày như sau:

Quy tắc: a - Trước hết xem Can Chi tháng đó là tháng Dương hay tháng Âm. Tháng đó là tháng đủ hay tháng thiếu.

Nếu là tháng Dương thì hướng phát triển các Ngày là hướng đi lên. Nếu là tháng Âm thì hướng phát triển các Ngày là hướng đi xuống.

Nếu là tháng đủ (30 ngày) thì ngày mồng một bắt đầu từ hào Chủ. Nếu là tháng thiếu (29 ngày) thì ngày mồng một bắt đầu từ hào tiếp theo hào Chủ.

b - Sau khi đã định được hướng phát triển các hào Ngày và vị trí ngày mồng một, ta chỉ việc diễn các ngày theo thứ tự các hào, hết ngày mồng 6, sang ngày 7 diễn tiếp vào hào chủ rồi cứ thế mà tiếp tục cho đến ngày cuối cùng của tháng. Ta sẽ được mỗi hào ứng với 5 ngày. Ví dụ đối với chủ thể Hoàng Hoa Cúc, hào 2 quẻ Bí là hào Chủ vào tháng Giêng, Dương, đủ, sẽ ứng với các ngày sau trong tháng: 1, 7, 13, 19, 25. Hào 3 là các ngày: 2, 8, 14, 20, 26.

Ví dụ sơ đồ tính vận ngày như sau: Chủ thể Hoàng Hoa Cúc, Tháng Giêng năm Kỷ Dậu, quê Sơn Hòa Bí, hào 2, tháng Dương, tháng đủ.

-----	5 11 17 23 29	Hào 2... ..
-----	4 10 16 22 28	Hào này chỉ phối cả
-----	3 9 15 21 27	tháng đồng thời tác
-----	2 8 14 20 26	động trực tiếp vào các
-----*	1 7 13 19 25	ngày 1, 7, 13, 19, 25
-----	6 12 18 24 30	
Quẻ Bí		

Căn cứ Lỗi hào ta có thể dự đoán hoàn cảnh xấu tốt ngày hôm đó trong hành lang số phận của chủ thể. Bạn cũng có thể làm cho lời dự đoán phong phú thêm bằng cách biến hào chủ, âm thành dương, hoặc dương thành âm, tạo thành quẻ mới phản ánh ngày hôm đó của chủ thể, thậm chí đến từng giờ. Hào chủ tương ứng với Giờ Tý. Nhưng chúng tôi chưa có dịp trải nghiệm nhiều, nên xin tạm dừng ở các hào dự đoán đến từng ngày trong tháng.

Chúng ta đã kết thúc phần thực hành về Cấu trúc Hà Lạc.

BÀI NĂM

DỰ ĐOÁN HÀ LẠC

Dự đoán Hà Lạc bao gồm 3 bước:

I - Xem xét Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể thuộc loại *Mệnh hợp cách* hay *Mệnh không hợp cách*.

II - Nghiên cứu Quẻ Dịch và Hào.

III - Làm Lời giải.

I - MỆNH HỢP CÁCH VÀ MỆNH KHÔNG HỢP CÁCH.

Trong Dự đoán Hà Lạc đây là một vấn đề rất quan trọng, đồng thời cũng cực kỳ phong phú và phức tạp. Cùng một quẻ và hào, cho kết quả dự đoán rất khác nhau đối với người có Mệnh hợp cách và người có Mệnh không hợp cách. Quẻ và Hào rất tốt, đối với người Mệnh không hợp cách đôi khi trở nên đầy hiểm họa, ngược lại, những hào xấu, quẻ xấu đối với người Mệnh không hợp cách thì lại hóa hay.

Mệnh hợp cách là gì? *Mệnh* có thể hiểu là Ngôi nhà cuộc đời, sống động hơn có thể hiểu là Đường đi Nước bước của một Con Người hình thành từ khi Con người ra đời. Trong Toán Hà Lạc thì *Mệnh* chính là *Cấu trúc Hà Lạc* (mà ta vừa vạch ra). *Cách*, nằm trong cụm từ Quy Cách, là những thể thức hợp lý, hợp lẽ, những thể thức có tính quy luật. Vậy *Mệnh hợp cách* là Mệnh, hoặc Cấu trúc Mệnh *hợp với quy luật thuận hành của Trời Đất*.

Người xưa đặt ra **10 tiêu chuẩn** cho *Mệnh hợp cách* là:

- 1 - Tên quẻ tốt.
- 2 - Vị trí Hào Nguyên đường tốt.
- 3 - Lời Hào Nguyên đường tốt.
- 4 - Được mùa sinh (Lấy quẻ Nguyệt lệnh làm chuẩn).
- 5 - Nguyên đường có yểm trợ.
- 6 - Trị số âm dương hợp mùa sinh.

7 - Hành của Mệnh gặp được các quẻ tương ứng thuận lợi.
8 - Hào Nguyên đường ngồi vị trí hợp lý (Còn gọi là Đáng vị).

9 - Can năm sinh gặp Quẻ gặp Mùa hợp lý.

10 - Gặp được quẻ có quân chúng theo, Nguyên đường ngồi đúng hào chủ.

Trong 10 tiêu chuẩn trên, đạt được ba đến bốn tiêu chuẩn đã là quý lắm. Người xưa tổng kết đánh giá mức độ Mệnh hợp cách bằng địa vị xã hội, cho biết người đạt 9 - 10 tiêu chuẩn có thể làm đến chức Khanh Tướng trong triều đình.

Đi đôi với 10 tiêu chuẩn hợp cách, người xưa cũng nêu lên 10 điểm không hợp cách. Mệnh không hợp cách là Mệnh không hợp với quy luật thuận hành của trời đất. *10 điểm không hợp cách là:*

1 - Tên quẻ xấu.

2 - Vị trí hào Nguyên đường xấu.

3 - Lời hào Nguyên đường xấu.

4 - Không được mùa sinh (Lấy quẻ Nguyệt lệnh làm chuẩn)

5 - Nguyên đường không được yểm trợ.

6 - Trị số âm dương không hợp mùa sinh.

7 - Hành của Mệnh không gặp được các quẻ tương ứng thuận lợi.

8 - Hào Nguyên đường ngồi vị trí không hợp lý.

9 - Can Năm sinh gặp quẻ, gặp mùa không hợp lý.

10 - Gặp phải quẻ quân chúng ghét.

Không nên hiểu Mệnh không hợp cách là ngoài những gì hợp cách, còn lại là không hợp cách. Không hoàn toàn như thế. Có những mệnh không hợp cách ở mức độ nghiêm trọng, ví dụ sinh mùa hè mà trị số Dương ở dưới 8; lại có mệnh không hợp cách mức độ trung bình, ví dụ gặp phải quẻ có tên không tốt nhưng cũng không xấu lắm, ví dụ quẻ Vô Vọng, quẻ Tĩnh. Không có quẻ được lòng quân chúng nhưng không rơi vào một trong những quẻ không được lòng quân chúng, thì không có nghĩa là phạm vào Mệnh không hợp cách.

Người xưa xem xét rất kỹ loại Mệnh không hợp cách và cho thấy người phạm 3 - 4 cách thì làm lụng khổ sở, cuộc đời vất vả; phạm 5 - 6 cách thì có đọa, phạm 7 - 8 cách thì đi ăn xin hoặc bị chém giết, phạm cả 10 cách thì không chết non cũng nghèo hèn. Dưới đây giải thích từng tiêu chuẩn.

1 - **Tên quẻ tốt.** Ví dụ các quẻ có tên tốt: Cần, Khôn, Hàm, Hằng, Thái, Đại hữu... Các quẻ có tên xấu: Truân, Khốn, Khuê (Khuê là chia lìa), Bác... Cần biết rằng có quẻ rất xấu, tên càng xấu, như quẻ Độn (Độn là ẩn, trốn), quẻ Bác (Bác là Tan mất), nhưng sinh tháng 6 được quẻ Độn, sinh tháng 9 được quẻ Bác thì lại là tín hiệu đẹp, vì đó là những quẻ Nguyệt lệnh (xem dưới đây, giới thiệu tiêu chuẩn 4). Ngày xưa đã có người được quẻ Tiên Thiên là Bác mà làm quan to trong triều đình. Quẻ Bác là quẻ thời âm thịnh, nên đối với mệnh Nữ thì quẻ Bác chưa hẳn đã xấu. Cho nên tên quẻ cũng chỉ là một tiêu chí để xem xét mà thôi.

2 - **Vị trí hào Nguyên đường tốt.** Đọc lại bài Hai, sẽ thấy Nguyên đường rơi vào những hào 2, 5 là những vị trí tốt. Nguyên đường ở hào 1, 4 là trung bình, ở hào 3, 6 thì phải coi chừng. Tuy nhiên cũng có ngoại lệ, có quẻ hào 6 lại là hào tốt, ví dụ hào 6 quẻ Cổ, quẻ Tỉnh là hào tốt, nguyên đường rơi vào hào này là được vị trí tốt. Cần xem lời hào rồi hãy phán xét vị trí hào tốt xấu.

3 - **Lời hào Nguyên Đường tốt.** Ví dụ quẻ Địa Phong Thăng người có ND ở hào 1, vị trí chưa phải là đẹp, nhưng lời hào rất đẹp: Thuận đi lên, rất tốt! (Doãn thăng, đại cát).

4 - **Được quẻ hợp mùa sinh** (Lấy quẻ Nguyệt lệnh làm chuẩn). Nếu có tiết lệnh dành cho Tháng, thì cũng có Nguyệt lệnh dành cho Quẻ. Nguyệt lệnh là sự "chỉ định" của Trời Đất, sinh tháng nào thì nên được quẻ nào, sẽ là hợp mùa sinh, mang lại nhiều tốt lành dù quẻ ấy là quẻ xấu. (Ví dụ Quẻ Bác là quẻ xấu, nhưng người sinh tháng 9 được quẻ Bác thì rất tốt, đó là tượng những bà quả phụ làm ăn giàu có, đó cũng là quẻ của người "gái goá lo việc triều đình"). Quẻ Nguyệt lệnh cũng là tiêu chí để xem xét số âm dương có hợp

mùa sinh hay không. Bảng sau đây trình bày 12 Nguyệt lệnh bắt đầu từ tháng 11 hàng năm để bạn đọc dễ nhận xét xu thế sinh trưởng của số Âm, Dương (theo luật Âm tiêu Dương trưởng, Dương tiêu Âm trưởng).

Bảng Nguyệt Lệnh

Th. M.Một	Th. M. Hai	Th. Giêng	Th. Hai	Th. Ba	Th. Tư
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
Địa Lôi Phục	Địa Trạch Lâm	Địa Thiên Thái	Lôi Thiên Đại Tráng	Trạch Thiên Quải	Thuần Cần
Th. Năm	Th. Sáu	Th. Bảy	Th. Tám	Th. Chín	Th. Mười
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
ThiênPhong Cổ	Thiên Sơn Độn	Thiên Địa Bĩ	Phong Địa Quan	Sơn Địa Bắc	Thuần Khôn

Bảng 15

Quan sát bảng trên ta dễ dàng nhận thấy, bắt đầu tháng 11 hàng năm, tháng giữa Đông, xuất hiện Hào Dương đầu tiên, sau đó các hào Dương phát triển dần đến Tháng Tư năm sau là quẻ 6 hào Dương. Tháng Năm xuất hiện Hào Âm đầu tiên, đến tháng Mười là quẻ 6 Hào Âm. Đó cũng là Nguyệt lệnh để xem xét Tỷ lệ số Âm Dương theo điểm 6 dưới đây. Chú ý: Ngoài 12 quẻ Nguyệt lệnh trên đây, tất cả các quẻ còn lại đều được sắp xếp vào từng tháng theo luật âm tiêu dương trưởng, ví dụ quẻ Trạch Địa Tụy thuộc tháng 6. Trong Hà Lạc giải đoán đều có ghi quẻ nào thuộc tháng nào. Người sinh tháng Sáu được quẻ Tụy cũng được coi như hợp mùa sinh, nhưng mức độ không bằng trường hợp người sinh tháng Sáu được quẻ Độn là quẻ Nguyệt lệnh.

5 - Nguyên Đường có yểm trợ. Hào Nguyên đường là hào Thế. Cách hai hào là hào Ứng. NĐ là Dương có Ứng là Âm, hoặc NĐ là Âm có Ứng là Dương, là có yểm trợ. T và U cùng Dương hoặc cùng Âm là không có yểm trợ. (Chú ý: Cần phân biệt T và U của quẻ Hà Lạc với T và U của quẻ Dịch ở hệ Hỗn Thiên. Quẻ Hà Lạc bất kỳ hào nào cũng có thể là T và U tùy theo NĐ hoặc hào chủ ngôi ở đâu, còn quẻ Dịch hệ HT mỗi quẻ chỉ có một hào T và một hào U). Có ứng là tốt, nhưng cũng tùy theo hào ứng ở vị thế nào, tốt hay xấu, mạnh hay yếu, giúp đỡ để làm điều lành hay làm điều dữ.

Hào 1 được Hào 4 yểm trợ là tương đối tốt, vì hào 4 ở vị thế trên, mạnh hơn.

Hào 2 được Hào 5 yểm trợ là rất tốt, vì Hào 5 ở vị thế cao nhất, mạnh nhất (trừ trường hợp ở một số quẻ từ chối sự yểm trợ).

Hào 5 được Hào 2 yểm trợ cũng rất tốt, khác nào thủ trưởng được chân tay trung thành giúp đỡ (Hào 2 bao giờ cũng ở vị thế Trung, nếu lại Chính nữa thì còn gì hơn).

Hào 3 được Hào 6 yểm trợ thì không ăn thua gì, vì Hào 6 ở thế suy, thời Mạt. Tuy vậy Hào 6 ở một số quẻ đang ở đỉnh cao của quẻ, hội tụ sức mạnh thì sự yểm trợ lại có ý nghĩa (ví dụ hào 6 quẻ Tỉnh).

Hào 6 được Hào 3 yểm trợ thì đáng lo hơn mừng, vì hào 3 thường ở vị thế bất chính, chứa đựng những tín hiệu không lành.

Hào Đại vận nào cũng coi như hào Thế của Đại vận ấy, cần xem xét có yểm trợ hay không, và chất lượng yểm trợ như thế nào.

6 - Trị số Âm Dương hợp mùa sinh (dưới đây gọi là số Âm Dương) là một tiêu chí quan trọng đối với Toán Hà Lạc, mang đầy tính dự báo. Số Âm Dương đã được sử dụng để tìm mã số quẻ, nay dùng để xem xét Mệnh hợp cách đồng thời bản thân nó cũng cho những dự báo tổng quát.

Quy tắc:

a - Ngưỡng để xem xét số Âm Dương có hợp mùa sinh hay không là hai con số 25 và 30 đã dùng làm modulo để tìm Mã số Quẻ. Số 25 là số Dương, số 30 là số Âm.

Chuẩn mực để xem xét là: Tỷ lệ hai số Âm, Dương phải hợp với mùa sinh.

Sinh mùa Xuân hai số ấy phải ở Tỷ lệ ngang hoà, nghĩa là số Dương khoảng 25 hơn kém một ít tùy theo quẻ Nguyệt lệnh. Số Âm khoảng 30 hơn kém một ít, tùy theo quẻ Nguyệt lệnh. Càng sang Hạ số Dương cao dần, số Âm thấp dần.

Sinh mùa Hạ, số Dương phải cao, số Âm phải thấp. Theo Nguyệt lệnh, càng sang Thu số Dương thấp dần, số Âm cao dần.

Sinh mùa Thu, số Âm Dương lại ngang hoà, nhưng càng sang Đông, số Dương thấp dần, số Âm cao dần.

Sinh mùa Đông, số Âm phải cao, số Dương phải thấp. Theo Nguyệt lệnh, càng sang Xuân, số Âm thấp dần, số Dương cao dần để trở về ngang hoà.

Tháng Tư, Tháng Mười, Nguyệt lệnh thuần Dương và thuần Âm nhưng không có nghĩa chỉ có số Dương hoặc chỉ có số Âm. Về nguyên tắc vẫn có đầy đủ hai số Âm Dương, tái nhiên với tỷ lệ cao và thấp. Nhưng ngưỡng cao thấp cũng không nên quá, sẽ phạm vào Cô Âm, Cô Dương.

Người xưa không định được con số cụ thể cho các tỷ số Âm Dương, chỉ nêu nguyên tắc như trên để vận dụng. Hình 2 (xem phụ lục) biểu diễn một cách tài tình sự vận động tiêu - trưởng số Âm Dương và quẻ Nguyệt lệnh.

Sau đây là những chỉ dẫn cụ thể hơn:

Số Dương thuận mùa sinh:

- Từ sau tiết Đông chí đến trước Vũ Thủy (Tháng 11, 12 và đầu tháng Giêng) số Dương ít là tốt. Nhiều thì sẽ bị hình khắc, thương tổn.

- Từ sau Lập Xuân đến trước Xuân phân (Tháng 1 - 2) số Dương nên vừa phải (Nguyệt lệnh là quẻ Thái). Số Dương ít thì không phấn phát lên được.

- Từ sau Thanh Minh đến trước Tiểu Mãn (Tháng 3, 4) số Dương nhiều là tốt (Nguyệt lệnh quẻ Kiển, quẻ Quải). Vừa vừa cũng được; ít nên lo.

Số Âm thuận mùa sinh:

- Từ sau Hạ Chí đến trước Xử Thử (Tháng 5, 6 và đầu tháng 7), số Dương còn nhiều. Số âm ít là tốt. Nếu Âm nhiều thì tổn hại.

- Từ sau Lập Thu đến trước Thu Phân (Tháng 7, 8) số Âm vừa là tốt. (Nguyệt lệnh quẻ Bĩ, 3 âm, 3 dương). Nếu số Âm ít thì có hại, người nhu nhược, không phấn phát.

- Từ sau Hàn Lộ đến trước Tiểu Tuyết (Tháng 9) số Âm nhiều là tốt. (Nguyệt lệnh quẻ Bác 5 hào Âm; sau đó đến quẻ Khôn 6 hào Âm).

Số Dương bằng 25: Lợi cho Nam, không lợi cho nữ. Sinh tháng lẻ thì phú quý, sinh tháng chẵn thì nghèo nàn và khắc mẹ.

Số Âm bằng 30: Lợi cho Nữ, không lợi cho Nam. Lợi nhưng cũng không được toàn mỹ. Sinh tháng chẵn còn mừng, sinh tháng lẻ cô đơn, khắc khổ.

Số Dương không đủ 25: Từ 9 đến 24 là Không đủ. Sinh vào Tháng Tý (Th.11) Sửu (Th.12) thuận thời thì còn khá, nhưng cũng đáng lo. Sinh vào Tháng Dần (Th. 1) đến Tháng Tị (Th. 4) là nghịch thời thì hoàn toàn kém: khắc cha, kém phúc, kém thọ. Nếu không được Quẻ, Hào tốt, Nguyên đường có yểm trợ thì còn xấu hơn.

Số Âm không đủ 30: Từ 18 đến 28 thì gọi là Không đủ. Sinh từ sau Hạ Chí đến Lập Thu là thuận thời thì còn khá. Sinh từ Thu phân trở đi đến trước Tiểu Tuyết thì kém Thọ, kém Phúc, không có hậu, và có thể chôn mẹ trước. Nữ sinh vào Ngày, Giờ Tý Ngọ, Mão, Dậu thì khắc Mẹ; hoặc Cha già, Mẹ là vợ bé; hoặc bản thân làm con nuôi.

Số Dương quá yếu (Cò Dương): Từ 4 đến 8 là số Dương quá yếu. Mệnh Nam thì gian nan, tân khổ. Sinh tháng Chẵn còn đỡ, sinh tháng Lẻ càng xấu.

Số Âm quá yếu (Cổ âm): Từ 8 đến 12 là số Âm quá yếu. Mệnh Nữ từ nhỏ đã mồ côi hay phải xa lìa cha mẹ, nghèo nàn, khắc khổ, cô đơn.

Số Dương quá nhiều: Từ 40 đến 60 là quá nhiều, nếu sinh vào Tháng 3, 4 (Nguyệt lệnh là quẻ Quải, Kiền, 5 - 6 hào Dương) thì không hại gì. Sinh mùa khác là ngược, tượng hào quá cương, có việc hối hận.

Số Âm quá nhiều: Từ 50 đến 60 là quá nhiều, nếu sinh sau Lập Đông đến trước Đông Chí thì không hại gì. Sinh mùa khác rất hại, dễ gặp hình thương, khổn khổ.

7 - Hành của Mệnh gặp được quẻ tương ứng thuận lợi (Còn gọi là *Được Thể*). Lấy Can Chi năm sinh và Nạp Âm (còn gọi là *Mạng, Mệnh*) đối chiếu với *Bảng Năm Hành gặp Quẻ* sau đây, nếu cái *được* nhiều thì thuận (Cổ sách gọi là *Được Thể*), nếu cái *không được* nhiều hơn, thì không thuận.

Bảng Năm Hành gặp Quẻ

Mạng Kim

Canh, Tân, Thân, Dậu và Nạp âm Kim gặp:

Kiến: Phú quý.

Khảm: Bồng bềnh, chìm nổi.

Cấn: Nên ẩn cư.

Chấn: Có điều sở đắc, tốt.

Tốn là cơn gió: Xuân Hạ mát mẻ; Thu Đông lạnh lùng.

Lý: Nghịch chiều trong hành động.

Khôn: Được phúc lành

Đoài: Đắc địa, tốt.

Mạng Mộc

Giáp, ất, Dần, Mão và Nạp âm Mộc, gặp:

Kiến: Nhiều hãm huyền, ít thực tế.

Khảm: Hãm, mắc kẹt, không làm lớn được, không lâu bền được.

Cấn: Tốt về Xuân, Hạ, bất lợi về Thu, Đông.

Chấn: Vinh hoa.

Tốn: Tuổi nhỏ hay bị dao động, gặp sự trắc trở, lo âu. Không tự chủ, bình tĩnh.

Ly: Hương thơm, sắc tươi bị tổn thiệt.

Khôn: Phải đợi thời, rồi mới phát đạt.

Đoài: Giữa mùa Thu mới khởi sắc.

Mạng Thủy

Nhâm, Quý, Hợi, Tý và nạp âm Thủy gặp:

Kiến: Như có suối nước chảy, sẽ gặp thời cơ phát đạt.

Khảm: Hãm, nên lúc lạnh lúc dữ không định trước được.

Cấn: Có hiểm trở, khó khăn.

Chấn: Cuộc đời như nước chảy xuôi dòng, nhưng chẳng được nhân hạ.

Tốn: Sóng gió bất kỳ. Về các mùa Thu, Đông có điều đáng ngại.

Ly: Tranh đấu khắc khổ. Thành có bại có.

Khôn: Nhu thuận, nhân nhã.

Đoài: Như nguồn nước chảy dồi dào. Mọi việc hanh thông.

Mạng Hỏa

Bính, Đinh, Tị, Ngọ và nạp âm Hỏa gặp:

Kiến: quang minh, sáng láng, nếu có hào tốt thì phi thường

Khảm: Phản phúc, phá hoại.

Cấn: Ich kỷ, hại nhân.

Chấn: Như thiêu đốt, tác động không bền.

Tốn: Như lửa gặp gió, có thừa dịp may để khởi cơ nghiệp.

Ly: Lửa gặp lửa, mừng giận thất thường, trong ngoài không tương ứng, bên ngoài bị rình rập, trong không đề phòng.

Khôn: Lương tình, tương đắc, gặp dịp thuận lợi.

Đoài: nghi nghi hoặc hoặc, không quyết.

Mạng Thổ

Mậu, Kỷ, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và nạp âm Thổ gặp:

Kiến: Có lạnh có dữ.

Khảm: Hãm, mắc kẹt, rui ro nhiều.

Cấn: Những tháng Tứ quý (3, 6, 9, 12 - Thìn, Mùi, Tuất, Sửu) thì phát tài, có hậu, nhiều tốt lành.

Chấn: Có thương tổn, chỉ ích cho người, vất vả, rơi rụng, xấu nhiều.

Tôn: Như gió quét đất làm nổi bụi, làm chuyện ồn ào, sôi động, vất vả.

Lý: Nếu mất của, của lại tìm về, phúc không nhỏ.

Khôn: Phúc lộc trùng trùng, có địa vị quan trọng ở địa phương, lên trung ương cũng làm chuyên gia.

Đoài cũng như **Kiên**.

(Bảng 16)

8 - Hào Nguyên đường ngôi vị trí hợp lý (Còn gọi là **Đáng vị**). Điểm 2 trên kia xem xét Nguyên đường ở vị trí Hào tốt hay không tốt đối với bất kỳ quẻ Dịch nào. Điểm 8 yêu cầu xem xét vị trí Nguyên đường theo 3 tiêu chuẩn:

- Sinh Tháng Âm Nguyên đường ngôi hào Âm; sinh Tháng Dương, Nguyên đường ngôi hào Dương, là **Đáng vị**.

- Đã thống kê 19 quẻ có 21 hào **đúng vị**, Nguyên đường ngôi đúng vào một trong 21 hào đó là **Đáng vị**.

- Đã thống kê 14 quẻ có 14 hào **không đáng vị**, Nguyên đường ngôi đúng vào một trong 14 hào đó là **không đáng vị**.

Bảng thống kê 21 hào Đáng vị

TT	Quẻ	Hào	TT	Quẻ	Hào
01	Cầu	5	11	Cổ	2
02	Bĩ	5	12	Hoán	5
03	Tấn	2	13	Đồng nhân	5
04	Tiết	5	14	Khôn	5
05	Ký Tế	2	15	Phục	1
06	Lý	5	16	Lâm	4
07	Tỉnh	5	17	Lâm	5
08	Tùy	5	18	Quải	2
09	Tổn	5	19	Quải	5
10	Gia Nhân	4	20	Kiến	5
			21	Khiêm	2

Bảng 17a

Bảng Thống kê 14 hào không đáng vị

TT	Quẻ	Hào	TT	Quẻ	Hào
01	Bĩ	3	08	Thăng	6
02	Tấn	4	09	Vị Tế	3
03	Khuê	3	10	Quải	1
04	Trung Phu	3	11	Nhu	6
05	Phong	4	12	Đoài	3
06	Chấn	3	13	Tụy	4
07	Dự	3	14	Tiểu Quá	4

Bảng 17b

9 - Can năm sinh gặp Quẻ gặp Mùa hợp lý. Đối chiếu với Bảng 11, thấy Thiên Can phối với quẻ nào, nếu Cấu trúc Hà Lạc (CTHL) của chủ thể có quẻ đó là hợp lý, được quẻ khác, đối chiếu thêm với bảng Năm Hành gặp quẻ (bảng 16), lại thấy khác nữa, là trái lý. Ví dụ Bảng 11 cho biết Tuổi Tân gặp quẻ Tốn, đối chiếu với cấu trúc Hà Lạc của Chủ thể nếu có Tốn là hợp lý. Nhưng đối chiếu thêm với bảng 16 nếu thấy trong CTHL có thêm Khảm thì tính hợp lý giảm vì Khảm thì hãm, số phận bồng bềnh chìm nổi. Cũng như vậy, tuổi Giáp gặp Kiền thì tốt, nhưng Kiền Kim khắc Giáp Mộc không tốt bằng Tuổi Nhâm gặp Kiền, vừa được phối quẻ (xem bảng 11) vừa được Kim sinh Thuỷ, tính hợp lý cao hơn.

10 - Có quần chúng theo hay bị quần chúng ghét. Những quẻ có 1 hào Âm hoặc 1 hào Dương là những quẻ phản ánh cuộc đời của chủ thể có quần chúng (đám đông) theo hay ghét. Đây cũng là một trong 10 tiêu chuẩn Mệnh hợp cách. Đối chiếu 2 bảng thống kê sau đây nếu Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể có quẻ cùng tên là có mệnh Quần chúng theo hoặc Bị quần chúng ghét. Hào được chỉ dẫn chính là Hào chủ của Quẻ. Hào đó (ở quẻ Quần chúng theo) trùng với Nguyên đường là Mệnh người đó làm công tác quần chúng rất tốt.

Bảng Thống kê 8 quẻ Có quân chúng theo

- 1 - Quẻ Phục, hào 1 Dương được niềm vui mở đầu
- 2 - Quẻ Sư, hào 2 Dương, như người ở giữa ba quân.
- 3 - Quẻ Khiêm, hào 3 Dương, tốt về sau, muôn dân đều phục.
- 4 - Quẻ Dự, hào 4 Dương, người có chí lớn làm nên.
- 5 - Quẻ Tỷ, hào 5 Dương, được gần gũi công khai.
- 6 - Quẻ Tiểu Súc, hào 4 Âm hợp với chí trên (Hào 5 Dương).
- 7 - Quẻ Đỉnh, hào 5 Âm lợi về chính bên.
- 8 - Quẻ Bác, hào 6 Dương, người lớn đi xe, kẻ nhỏ làm tan nhà của chính nó.

Bảng 18a

Bảng Thống kê 3 Quẻ Bị quân chúng ghét.

- 1 - Quẻ Cấu, hào 1 Âm, vị thế thấp mà ràng buộc cây kim, thì ràng buộc sao được?
- 2 - Quẻ Đồng Nhân, hào 2 Âm, chỉ thân với người cùng tông phái nên đáng thẹn.
- 3 - Quẻ Quải, hào 6 Âm, chẳng kêu gọi ai được nữa, cuối cùng xấu.

Bảng 18b

Tổng hợp về 10 tiêu chuẩn Mệnh hợp cách: Thuận mùa sinh thì thịnh, nghịch mùa sinh thì nguy. Quẻ và Hào hợp Thời, hợp Nguyệt lệnh, lại được tên quẻ tốt, lời Hào đẹp, được Hào vị, có yểm trợ, thế là Phú Quý song toàn. Trái lại là bất tiện.

Muốn biết Lớn Nhỏ thì xem Quẻ. Muốn biết Sang Hèn thì xem Hào vị cao hay thấp. Muốn biết Cát Hung xem ở Hào Âm hay Dương. Trị số Âm Dương nếu không hợp, tuổi Âm hào Nguyên đường là Dương, tuổi Dương hào Nguyên đường là Âm thì cục diện như sau: Đối với tuổi Dương, trước cùng khốn sau giàu có; đối với tuổi Âm là người trọng lợi, khinh tài.

II - NGHIÊN CỨU CÁC QUÊ DỊCH VÀ HÀO.

Trong cuốn Bát Tự Hà Lạc Lược khảo (sổd), nhà nghiên cứu Học Năng đã lược dịch toàn bộ 64 quê Dịch dành riêng cho Dự đoán học Hà Lạc, do nhà Dịch học nổi tiếng Trung Quốc Trần Hy Di (tức Trần Đoàn, đời Nhà Tống) biên soạn. Chúng ta sẽ thấy Trần Hy Di chủ yếu dựa vào Tượng và Lời Tượng của mỗi quê, mỗi hào, các mối quan hệ Âm Dương trong mỗi hào mà đưa ra những dự đoán khái quát cho từng quê, từng hào trong những thời điểm khác nhau: một chặng đường đời (Đại vận 9 năm và 6 năm), một năm, cho đến một tháng. (Chúng tôi nói *chủ yếu dựa vào Tượng...* là vì trong một số quê và trong nhiều Hào, Trần Hy Di cũng dựa vào cả Lời Kinh chứ không riêng Tượng và Lời Tượng). Lời Kinh ở đây là Lời của Chu Văn Vương chú thích cho từng quê và Lời của Chu Công Đán chú thích cho từng hào. Còn Lời tượng là trích trong sách Đại Tượng truyện của Khổng Tử căn cứ vào Tượng quê và Tượng hào mà chú thích cho từng quê và từng hào (chú thích cho quê gọi là Đại tượng, chú thích cho hào gọi là Tiểu tượng). Trong sách của Học Năng, ông cho biết đi đôi với lược dịch sách của Trần Hy Di, ông có *biên soạn thêm, căn cứ vào nhiều học giả khác và kinh nghiệm của bản thân.*

Đến lượt chúng tôi khi biên soạn những bài giảng thực hành này, đến lúc phải trình bày 64 quê Dịch và 384 hào, chúng tôi cũng dựa vào sách của Học Năng là chính. Tuy nhiên cách làm của chúng tôi có khác:

- Chúng tôi lược bỏ một phần lớn những chữ phiên âm từ chữ Hán, chỉ giữ lại phần dịch nghĩa. Ngay phần dịch nghĩa chúng tôi cũng cố gắng tìm cách diễn đạt sao cho bạn đọc ngày nay dễ tiếp cận với ý tứ của người xưa. Chúng tôi chỉ *lược bỏ một phần lớn chữ Hán*, chứ không dám nói là tất cả. Ví dụ toàn bộ Tên 64 quê Dịch, thay đổi một chữ, ít nhất vào thời buổi này, cũng sẽ là ngớ ngẩn, và lại cũng chưa đến lúc phải làm như thế.

- Chúng tôi căn cứ vào các sách dịch và biên soạn của các tác giả Dịch học Việt Nam hiện có trong tay, biên soạn bổ sung những gì liên quan đến Dự đoán học Hà Lạc mà chúng tôi tiếp nhận được và những gì giúp cho bạn đọc hiểu thêm về các quẻ Dịch và các Hào. Trong các sách nói trên thì chủ yếu là bộ *Kinh Dịch* (Trọn bộ) do Ngô Tất Tố dịch và hai cuốn *Quốc văn Chu Dịch diễn giải* của Phan Bội Châu, tức tập 7 và 8 trong *Phan Bội Châu Toàn tập*. Hầu hết những điều dẫn giải trong các bộ sách trên đã được Nguyễn Hiến Lê chọn lọc, tổng hợp rất tài tình và sắc sảo trong cuốn sách *Kinh Dịch, Đạo của người quân tử*. Mặc dầu ông nói ngay ở đầu sách rằng ông nghiên cứu Kinh Dịch chủ yếu là về Triết học và Đạo đức học, nhưng khi ông trình bày 64 quẻ Dịch thì cũng đầy những lời thuộc về Dự đoán học, bởi những bộ phận đó gắn với nhau, bổ sung cho nhau không tách ra được. Khi bạn đọc thấy lời giảng sau hàng chữ *Nguyễn Hiến Lê* (NHL) giảng thì có nghĩa là trong lời giảng ấy đã tổng hợp, lồng ghép các ý kiến dẫn giải của Khổng tử, Trình Di, Chu Hy, Phan Bội Châu và các học giả uyên thâm khác.

Riêng đối với tác phẩm của Phan Bội Châu, chúng tôi nhận thấy bên cạnh những lời giảng dịch, dẫn giải chính thức câu chữ của thánh hiền, ông còn những đoạn Phụ Chú rất hay. Phụ chú là Ghi thêm. Tại đây ông "ghi thêm" những thâm định, những cảm nhận, những điều ông tâm đắc, tâm huyết đối với một chữ, một nhận định của thánh hiền; ông ghi thêm những liên hệ, so sánh giữa một Thời, một Hoàn cảnh thể hiện trong một Hào với một sự kiện, một nhân vật lịch sử nào đó. Ví dụ khi dẫn giải Hào 4 quẻ Tỳ ông liên hệ với Trần Hưng Đạo; khi dẫn giải quẻ Tụng ông liên hệ với cuộc Đại chiến thế giới thứ nhất của Thế kỷ 20; hào 2 quẻ Tụng khiến ông nhớ tới nhân vật Nguyễn Hoàng, Trịnh Kiểm và lời khuyên bất hủ của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông tuyệt nhiên không liên hệ một lời nào với hoàn cảnh lịch sử và hoạt động cách mạng của chính ông, nhưng đọc sâu vào các Phụ chú ấy, ta sẽ thấy *toàn bộ trước tác về Chu Dịch của*

ông chính là bản tổng kết vĩ đại cuộc đời ông, chỉ có điều ông không nói ra mà thôi. Bản thân những phụ chú ấy tập hợp lại đã là một tác phẩm lớn chứa chất đầy tâm huyết của ông. Do nhận xét trên mà trong phần Hai cuốn sách này, được sự khuyến khích của nhà thơ lão thành Khương Hữu Dụng, người học trò Phan Bội Châu, nhân chứng sống hiếm hoi còn lại cho đến nay đã từng nhiều lần tiếp kiến Phan Bội Châu, chúng tôi không bỏ lỡ một cơ hội nào có thể trích dẫn các Phụ chú tuyệt vời của Phan Bội Châu, nhằm giúp bạn đọc hiểu thêm một góc độ thâm thúy khác của Dịch học ở Việt Nam. Có điều cần nói trước là do cụ Phan sử dụng nhiều tiếng Huế cổ và xen nhiều chữ Hán, nên trong nhiều trường hợp chúng tôi buộc phải "dịch" lại ý kiến cụ bằng ngôn ngữ hiện nay, mong các bạn thông cảm và lượng thứ cho những trường hợp còn vụng về, sai sót.

Để có thể ứng dụng thành thạo các quẻ Dịch vào Dự đoán Hà Lạc, bạn nên nghiên cứu đi sâu vào một số quy luật của Dịch học mà chúng tôi giới thiệu tóm tắt sau đây :

1 - Quy luật Âm Dương.

Dịch học cho rằng Âm Dương là hai nhân tố phổ quát, có mặt trong mọi cấu tạo của sự vật. Âm Dương bao trùm cả không gian (như phía Bắc, phía Nam), thời gian (như đêm ngày), thời tiết (như Đông Hạ, nắng mưa), không vật gì hữu hình hay vô hình trong vũ trụ mà không có Âm Dương. Âm Dương xoắn xuýt gắn bó với nhau, tác động vào nhau mà làm nên sự vật.

Không những Âm Dương xoắn xuýt với nhau làm nên sự vật, mà trong mỗi yếu tố Âm Dương đều có mầm của nhau, trong Âm có Dương và trong Dương có Âm. Điều này thể hiện trong đời sống hàng ngày: trong sự sống có cái chết, và trong cái chết sự sống còn tiếp tục, trong phúc có họa, trong họa có phúc...

Âm Dương tương phản. Âm Dương là hai yếu tố trái ngược nhau, tương phản nhau, như nam và nữ, sáng và tối,

ngày và đêm, sống và chết, cứng và mềm... Chính do tính chất tương phản, tác động vào nhau mà sinh ra sự biến chuyển không ngừng của sự vật. Sự tương phản ấy thể hiện thành hiện tượng phổ biến Âm thịnh thì Dương suy, Dương thịnh thì Âm suy. Sự thành của Âm là sự hủy của Dương và sự thành của Dương là sự hủy của Âm.

Âm Dương tương giao, tương thành. Âm Dương tuy tương phản, trái ngược nhau đấy, nhưng không tương khắc như nước với lửa, mà tương giao (gặp nhau), tương thôi (xô đẩy nhau), tương thế (thay thế nhau). Âm Dương tương giao, tương thôi, tương thế theo những nhịp điệu khác nhau, tùy sự vật, tùy nơi, tùy thời, cứ cái này xuống thì cái kia lên, cái này lên thì cái kia xuống, mỗi cái làm chủ trong một thời rồi lại nhường chỗ cho cái kia.

Không những vậy, Âm Dương còn tương thành nữa, có nghĩa là âm dương tác động vào nhau mà tạo thành sự vật mới. Chúng tương thành vì chúng bổ túc cho nhau: Ngày sáng để vạn vật sinh hoạt, đêm tối để vạn vật nghỉ ngơi, hè nóng để vạn vật phát triển, đông lạnh để vạn vật gom lại sức. Tương thành vì còn một lẽ nữa: Nếu cái nọ diệt cái kia thì không cái nào còn cả. Không còn Âm thì cũng không còn Dương, không còn Dương thì làm sao có Âm, mà vũ trụ, vạn vật cũng không có. (Nguyễn Hiến Lê).

Âm Dương tương cầu, tương ứng. Âm Dương còn một tính cách nữa là tương cầu, tương ứng, có nghĩa là âm dương tìm đến nhau, cầu gặp nhau và so sánh, đối đáp nhau, hòa hợp nhau. Có vậy thì mới tương thành mà sinh ra vạn vật. Trong vũ trụ không loài nào không theo luật đó. Kinh Dịch diễn luật đó bằng sự tương quan giữa các cặp hào 1 - 4, 2 - 5, 3 - 6 đã trình bày ở bài 2. Khi Âm Dương tương ứng thì Dương xuống Âm họa, như Trời và Đất, như quẻ Càn và quẻ Khôn. (Càn cương kiện, Khôn nhu thuận, Càn tạo ra vạn vật ở vô hình, thuộc về phần khí, nhưng phải nhờ Khôn vạn vật mới hữu hình, mới sinh trưởng, cho nên công của Khôn cũng lớn như công của Càn, chỉ khác Khôn có đức Thuận, tùy theo

Cần, bổ túc cho Cần mà tiếp tục công việc của Cần, còn vai trò của Cần là khởi xương.)

2 - Luật phản phục, tuần hoàn.

Âm Dương thay thế nhau được là do một luật phổ biến là *Luật phản phục, tuần hoàn* (Dưới đây gọi tắt là Luật Phản phục). Luật này cho thấy bất cứ sự vật nào hết cực thịnh thì đến suy, cực suy thì đến thịnh, khi sự vật chuyển biến tới chỗ cực Thịnh hay cực Suy thì sự vật lại biến đổi quay trở lại theo chiều nghịch với phương hướng cũ, cứ thế mà tiếp tục phát triển. Từ cực thịnh, trải qua suy vì tới diệt vong thì gọi là *phản*, từ diệt vong lại phát sinh để phát triển đến chỗ cực thịnh, gọi là *phục*...

Bảng Nguyệt lệnh (Bảng 15) là một ví dụ đầy đủ và sinh động về Luật Phản phục. Bạn hãy quan sát quẻ Cần (Nguyệt lệnh tháng Tư) là thời kỳ Dương cực thịnh, đồng thời bắt đầu thời kỳ Dương suy, sang tháng Năm một hào Âm xuất hiện thành quẻ Cấu, khí Âm thịnh dần lên, khí Dương suy kiệt dần, 6 hào Dương bị hào Âm chiếm ngôi hết thì thành quẻ Khôn (Nguyệt lệnh tháng 10) là Âm cực thịnh. Từ đây bắt đầu thời kỳ Âm suy, dương thịnh, tháng 11, một hào Dương lại sinh, thành quẻ Phục, khí Âm suy dần, 6 hào Âm bị 6 hào Dương chiếm ngôi hết thì lại thành quẻ Cần. Cứ một lần phản, một lần phục, phục rồi lại phản, thành luật Tuần hoàn.

Luật Phản phục phát huy tác dụng mạnh nhất trong quỹ đạo đời người là khi chuyển từ quẻ Tiên thiên, Tiển vận sang quẻ Hậu thiên, Hậu vận. Các nhà sáng tạo Hà Lạc đã hoán vị quẻ Thượng Tiên thiên thành quẻ Hạ Hậu thiên, Hạ Tiên thiên thành Thượng Hậu thiên, đồng thời biến Nguyên đường Dương thành Âm hoặc Âm thành Dương, thành quẻ Hậu thiên mới. Chúng ta cũng đã thấy cách tính Đại Vận và Tiểu Vận của Hà Lạc theo luật Phản phục, quẻ mới bao giờ cũng từ trong lòng quẻ cũ sinh ra, đồng thời tạo ra một sự chuyển dịch mới bằng cách biến một hào Âm thành Dương hoặc Dương thành Âm. Hết một Đại vận thì quỹ đạo đời người cũng sang một giai đoạn mới có chuyển biến về chất.

3 - **Chữ Thời.** Người xưa từng nói: *Cả bộ Kinh Dịch, quy lại chỉ một chữ Thời.* Quả thật như vậy, 64 quẻ Dịch là 64 Thời. Quẻ Cần nói về Thời tự cường, như rồng lên cuộn cuộn. Quẻ Khôn nói về thời nhu thuận, bao dung, như đất dày bao bọc. Quẻ Khốn nói về thời cùng khốn, quẻ Khuê nói về thời chia lìa, quẻ Độn nói về thời phải ẩn tránh... Cấu trúc Hà Lạc sẽ cho ta biết Mệnh ta thuộc về thời nào trong trời đất và trong cuộc sống con người. Thời đây là Thời của bản thể, không phải Thời sự, thời cuộc khách quan. Thời của mỗi người sẽ cho ta biết lúc nào nên cương, lúc nào nên nhu, lúc nào nên tiến, lúc nào nên thoái, lúc nào nên động, lúc nào nên tĩnh, lúc nào nên nhường nhịn, lúc nào nên tấn công, cái cách vào lúc nào thì thành công, có đức thành tín là hay, nhưng cũng phải biết biến thông mới tốt. 64 quẻ Dịch x 6 hào = 384 hào, cũng là 384 Thời, 384 hoàn cảnh. 384 thời và hoàn cảnh ấy lại được đặt trong hàng ngàn mối tương quan âm dương với những cấp độ khác nhau, vị trí hào khác nhau, ở những nơi khác nhau, với những kiểu người khác nhau tạo nên biết bao nhiêu tình huống được dự đoán và xử lý.

4 - **Chữ Tượng.** Tượng là những hình thái cụ thể giúp ta hình dung ra các khái niệm của dịch học, hoặc nói cách khác, những khái niệm dịch học bắt nguồn từ những hình thái cụ thể đó. Có tượng quẻ và tượng hào. Quẻ Cần, tượng là Trời (chữ Hán là Thiên), Khôn là Đất (Địa), Cấn là Núi (Sơn), Chấn là Sấm (Lôi), Tốn là Gió, cũng là Cây (Phong), Ly là Lửa (Hỏa), Đoài là Đầm, Hồ (Trạch). Tượng quẻ còn bao gồm Hành quẻ, Phương quẻ và Thời quẻ. Cần, Đoài thuộc hành Kim; Khôn, Cấn thuộc Thổ; Chấn, Tốn thuộc Mộc; Ly thuộc Hỏa; Khảm thuộc Thủy. Cần thuộc phương Tây Bắc, Đoài Chính Tây, Khôn Tây Nam, Cấn Đông Bắc, Chấn Chính Đông, Tốn Đông Nam, Ly Chính Nam, Khảm chính Bắc. Đoài thuộc mùa thu, Khảm thuộc mùa Đông, Chấn thuộc mùa Xuân, Ly thuộc mùa Hạ, còn Cần, Khôn, Cấn, Tốn ở vào thời chuyển tiếp giữa các mùa. Tượng hào gồm Hào Âm, hào Dương và vị trí hào đó trong quẻ, ví dụ hào Dương trong quẻ

Khảm, nằm giữa hai hào âm tượng cho sự hiểm nạn, cũng tượng cho lòng chí thành, tính cách trí tuệ và xu thế vượt hiểm. Các nhà dự đoán học Hà Lạc rất quan tâm tới tượng quẻ và tượng hào, từ đó suy đoán ra những vấn đề thuộc Khí chất, Tính cách, Xu thế phát triển, Phương hướng vận động, nhất là Thiên hướng trong nghiệp nghề, trong ham muốn và cảm xúc của chủ thể. Nhờ có Tượng quẻ mà trong phần 3 cuốn sách này, tôi đã thử phác họa chân dung các nhà văn, soi chiếu dưới ánh sáng của Hà Lạc, cảm thấy bổ ích và lý thú vô cùng khi nhận biết, khám phá một sự nghiệp văn chương.

5 - Thể và Dụng. Thể là những yếu tố thuộc về bản thể, bản chất, hoặc nguyên thể. Dụng là những yếu tố thuộc về quá trình vận dụng, ứng dụng. Dịch học là khoa học về vũ trụ, còn là khoa học về con người, về nhân sinh. Vì vậy nên mới có Thể và Dụng. Có một cấu trúc nguyên thể tốt mà không biết tận dụng thời cơ và hoàn cảnh thì nhiều khi tốt cũng bằng không. Ngược lại có một nguyên thể xấu, là kẻ tiểu nhân đấy, nhưng biết dùng mưu mẹo, biết thời vận, vẫn được “số đỡ” như thường. Dịch học nêu chữ Thời để từ đây mà khuyến khích người quân tử biết Thể còn phải biết Dụng. Biết thời biết thể, còn phải biết làm gì cho hợp thời, kịp thời, đúng thời, làm gì cho chính bền, chính bền cũng phải đúng thời thì mới phát triển được, chính bền lại ở giữa thời cuộc (Trung) mà không biết tận dụng thời cơ thì cũng hồng đời.

Nhân nói quân tử, tiểu nhân, chúng tôi xin chép đoạn bình luận rất hay sau đây của Nguyễn Hiến Lê. Ông viết: Dịch không ghét tiểu nhân, vì có tiểu nhân mới có quân tử, có Âm mới có Dương, có thiện thì có ác, không sao diệt hết được ác, cuộc chiến đấu với ác, với tiểu nhân không bao giờ chấm dứt. Nó khuyên ta thời bình thường phải khoan dung đôn hậu với tiểu nhân (quẻ Lâm), mà vẫn sáng suốt để ý, thấy chúng lộ dã tâm thì chế ngự ngay (quẻ Cấn). Nhưng khi tiểu nhân mạnh, đắc thời, thì phải biết tùy hoàn cảnh mà đối phó một cách thận trọng: bước đầu tình thế chưa khó khăn, có cơ

cứu vẫn được phần nào thì hành động (quẻ Truân), khi đã nguy rồi (quẻ Kiển và quẻ Khốn) thì nên chờ thời mà vẫn giữ đức trung chính; tuy nhiên nếu có người nào quyết tâm hy sinh, chống chọi một cách tuyệt vọng để cứu dân cứu nước (hào 2 quẻ Kiển) thì vẫn quý, phục. Tối lúc tiểu nhân bắt đầu suy thì đoàn kết nhau lại mà tấn công (quẻ Tụy), chế ngự chúng (quẻ Đại Súc) và sau cùng diệt chúng (quẻ Quải).

Dịch lại nhắc ta rằng trong đám tiểu nhân vẫn có những người lỡ lầm nhưng biết phục thiện, khéo dẫn dụ thì họ sẽ trở về đường chính (quẻ Phục); mà trong việc chiến đấu với tiểu nhân, có những tiểu nhân bỏ bè của chúng mà về với phe quân tử (hào 3, hào 5 quẻ Bác); còn trong phe quân tử cũng có người thân cận với tiểu nhân rồi sau cải quá (hào 3 quẻ Quải), cương quyết bỏ chúng để theo chính nghĩa. Cuối cùng phe quân tử thắng mà không bao giờ hết người quân tử (hào 6 quẻ Bác).

III - LÀM LỜI GIẢI.

1 - Lời giải một bài toán Hà Lạc bao gồm những nội dung sau.

- *Nhận xét tổng quát:* Những thông tin quan trọng nhất ảnh hưởng đến tính cách và hành lang số phận xuyên suốt cuộc đời của chủ thể. Những thông tin này tìm thấy ở:

- * Tám chữ Can Chi và Năm hành tương ứng với Quẻ.
- * Số âm dương.
- * Hóa công, Thiên nguyên khí, Địa nguyên khí.
- * Mệnh hợp cách hoặc Mệnh không hợp cách.
- * Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể. Quẻ Tiên thiên và ý nghĩa. Hào Nguyên đường Tiên thiên và ý nghĩa. Quẻ Hậu thiên và ý nghĩa. Hào nguyên đường hậu thiên và ý nghĩa.
- * Tượng quẻ. Những tổ chất thiên nhiên thẩm thấu vào tính cách, cảm xúc, chi phối phương hướng hành động của chủ thể.

* Những nét lớn của Tiên vận, đối chiếu giữa Tiên vận và Hậu vận.

- *Giải về Tiển vận*: Những thông tin này tìm thấy ở Cấu trúc quẻ Tiển vận, hào Nguyên đường, quẻ Hổ, các hào đại vận. Bạn tìm trong Lời giải đoán những quẻ và hào tương ứng, qua luận giải mà tìm ra thông tin có khả năng ứng nghiệm với chủ thể.

- *Giải về Hậu vận*: Cấu trúc quẻ Hậu vận, hào Nguyên đường, quẻ Hổ, các hào đại vận.

- *Giải các tiểu vận Năm*.

- *Giải các tiểu vận Tháng*.

- *Giải đến Ngày nếu cần*.

Về nguyên tắc, khi đã hình thành Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể là có thể giải đoán bất kỳ thời điểm nào trong hành lang vận mệnh, quá khứ cũng như tương lai. Cho nên không nhất thiết phải làm lời giải đến tất cả các tiểu vận Năm và Tháng, trong một lúc, mà có thể làm theo yêu cầu của chủ thể đối với bất kỳ thời gian nào.

Trên đây là những tiêu chí về nội dung. Bài giải có thể dài, ngắn, đơn giản hay kỹ càng tùy theo năng lực của người giải đoán, nhưng cái mà chủ thể cần là những gì dự đoán trong tương lai sẽ diễn biến trên hành lang số phận của họ, và lời khuyên cần thiết về xử lý, cứu giải. Những giải đoán về quá khứ cũng cần nhưng chỉ để đối chiếu với thực tế xem Cấu trúc Hà Lạc có đúng không, nếu không đúng thì nguyên nhân vì đâu, có phải do bản khai ngày giờ sinh không chính xác, hay vì những lý do nào khác? Và để gây một niềm tin đối với chủ thể mà thôi.

2 - Tính khoa học và tính nghệ thuật của Lời giải đoán Hà Lạc.

a - *Trước hết là vấn đề Số và Lý*. Theo Học Năng, có ba môn mệnh học chính là Tử vi Đẩu Số, Hà Lạc Lý Số và Mệnh Lý. Tử vi dùng hệ thống Sao và Thần phản ánh số phận con người, thiên về sự an bài của số phận. Số phận đã an bài đến từng giờ khắc, con người chỉ còn cách đi trong cái mệnh đã được định sẵn theo quy luật của trời đất.

Mệnh Lý (tức Tứ trụ Dự đoán học) cao siêu hơn cả, nó phân tích giữa những nguyên liệu vật lý (năm hành và thời tiết) mà con người thừa hưởng lúc sinh ra, xem thứ nào thừa, thứ nào thiếu, thích ứng, không thích ứng, thành, hủy ra sao, để rồi có cách phát huy, khắc chế thích hợp tạo nên sự cân bằng trong cấu trúc Thân, Mệnh, nhằm phát huy hết tiềm lực bẩm sinh, tạo cho mình một cấu trúc hoàn hảo hơn thiên nhiên đã ban cho. Mệnh lý là môn học cấp tiến nhất phù hợp với tính sáng tạo và tính tích cực của con người.

Ở giữa hai môn Đẩu số và Mệnh lý là môn Lý Số Hà Lạc. Môn này lấy phần Số làm phần cứng trong Mệnh người, bởi vì nó hình thành từ ngày giờ sinh, tám chữ Can Chi, là bộ phận không thay đổi được. Nhưng Hà Lạc cũng mở cho Con người một cánh cửa của Lý Trí, đặt con người trước sự lựa chọn, biết cách len lỏi đi lên trong hành lang số phận, tìm cho mình đường đi nước bước sao cho hợp lý nhất, tiến thoái, động tĩnh cho đúng với chữ Thời mà Triết lý Hà Lạc đã vạch ra. Chính trên cơ sở ấy mà con người thích ứng được với Trời Đất và Cuộc sống, khai thác cho mình cái ưu thế tiềm ẩn sẵn có mà không tìm đến với Hà Lạc thì không bao giờ biết.

Trong giải đoán Hà Lạc, những chỉ dẫn về số mệnh bao giờ cũng đặt ta trước một sự lựa chọn: chủ thể có Mệnh hợp cách hay Mệnh không hợp cách, tỷ lệ những giá trị hợp cách và không hợp cách, chủ thể là tầng lớp người nào, quan chức, kẻ sĩ hay người thường, người thức thời hay không thức thời, chủ thể đang ở Thời nào, Nơi nào, từ đó phải tham khảo những chỉ dẫn số mệnh ở những khía cạnh nào, để mà chỉ ra thật chính xác những gì sẽ diễn ra trong quỹ đạo cuộc đời của chủ thể. Chính vì thế có thể giải thích vì sao tám chữ Can Chi giống nhau, Cấu trúc Hà Lạc giống nhau nhưng số phận các chủ thể không bao giờ giống nhau. Vì sao những người sinh cùng ngày giờ với Vua Quang Trung lại không thể trở thành những Quang Trung hay một số phận gần như thế. Nhiều khi những dự đoán Hà Lạc tiềm ẩn dưới dạng những lời khuyên, nên thế này, nên thế kia. Quê Hàng chẳng hạn nói về đạo vợ

chồng trong đời sống thường ngày, là quẻ đẹp, nhưng tượng quẻ và lời quẻ đầy những lời báo động, khuyên ta nên tránh điều này điều kia để giữ được đạo Hằng. Cái điều ta nên tránh chính là cái sẽ xảy ra trong đời sống vợ chồng mà Hà Lạc đã báo trước.

Tóm lại Hà Lạc dành cho ta một hành lang rộng rãi, hợp lý để làm chủ số phận mình, và điều này rất thích hợp với những con người thời nay.

b - *Tính cách và số phận*. Dự đoán Hà Lạc có rất nhiều chỉ dẫn về tính cách, và từ đó mà chỉ dẫn về số phận. Đây là một phương pháp có tính lô - gích cao. Ví dụ Hào 1 quẻ Cần có câu: *Rồng còn ẩn dưới thấp, đừng dùng gì vội*. Mệnh đề *rồng ẩn* vừa là Thời, vừa là Tính cách. Sức rồng đang mạnh, đức rồng cương kiên nhưng đang là thời sơ mỏng, cần kín đáo, thủ thế đợi thời. Đó là tính cách. Còn số phận là ở chỗ chưa thành sự nghiệp, chưa được dùng, chưa vội. Có những tính cách hình thành từ Mệnh (hành) nào đó, gặp quẻ nào đó. Ví dụ: Mệnh Mộc gặp quẻ Cần thì *hiều mơ mộng hão huyền, ít thực tế*. Những tính cách nào hình thành từ một hào đại vận thường tác động trong phạm vi đại vận đó. Nhưng tính cách nào hình thành từ Mệnh (hành) gặp quẻ như người Mệnh Mộc vừa rồi thì nó đeo đẳng người đó suốt đời, cộng với những tính cách khác làm nên một số phận truân chuyên, nhiều khi chủ thể biết rõ mà không thoát ra khỏi.

c - *Tham khảo Toán Tử trụ*. Gần đây trong nước ta mới lưu hành một cuốn sách dạy dự đoán bằng Tứ trụ của nhà dự đoán học Thiệu Vĩ Hoa, cháu 29 đời nhà Dự đoán học Thiệu Ung, tức Thiệu Khang Tiết danh tiếng. Điều thú vị là Tứ trụ tức tám chữ Can Chi Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh dùng trong môn Toán này cũng rất giống Hà Lạc, là phải tuân theo một cách nghiêm túc Tiết lệnh tháng.

Vì vậy hoàn toàn có thể tham khảo Toán Tử trụ để bổ xung cho Toán Hà Lạc. Toán Tử trụ có hệ thống Lục thân và Sao, Thần phản ánh rất rõ xu hướng nghề nghiệp của chủ thể, (Văn võ, sức học, triển vọng sự nghiệp, chẳng hạn quan chức

hay chuyên gia) hơn nữa có bảng Sinh Vượng Tứ Tuyệt từ gốc Can ngày sinh cho thấy những ưu thế sinh học của chủ thể. Còn Toán Hà Lạc thì mạnh nhất là sự hình thành quỹ đạo đời người cho đến Năm, Tháng, thậm chí Ngày. Tôi trong thực tế thường sử dụng Toán Tứ trụ để bổ sung cho Toán Hà Lạc về dự đoán xu hướng sự nghiệp (như thiên mệnh và chương của các nhà văn, toán tứ trụ phản ánh rõ hơn), ưu thế sinh học, và đặc biệt là vận hạn cho Năm và Tháng. Ví dụ một quẻ Dịch phản ánh một năm vận hạn, chỉ có 6 hào nên một hào phải phụ trách 2 tháng trong năm. Vậy cái hạn nghiêm trọng (ví dụ cái chết) của chủ thể có thể xảy ra trong tháng nào? Nhờ Toán tứ trụ phản ánh sự xung khắc giữa Tháng và Nhật nguyên (Can ngày) thể hiện trong bảng Sinh Vượng Tứ Tuyệt, ta có thể biết tháng nào (trong hai tháng kể trên) sẽ là tháng có chuyện dữ.

d - *Vai trò quẻ Tiên Thiên và quẻ Hậu thiên* - Quẻ Tiên Thiên lấy ra từ Tổng số Âm Dương phản ánh số mệnh Trời Đất dành cho chủ thể. Nó không chỉ có giá trị đối với Tiên vận mà còn có ảnh hưởng xuyên suốt cả cuộc đời. Theo Luật Phản Phục nó đã biến thành quẻ Hậu Thiên, nhưng quẻ gốc vẫn còn giá trị tham khảo trong những năm sau, nhất là Nguyên đường Tiên thiên. Trong Cấu trúc Hà Lạc, quẻ tiên thiên là bản thể, là cấu trúc thuần chất. Vì thế cần quan sát và suy ngẫm cho kỹ quẻ tiên thiên trong khi làm lời giải, sẽ thấy chủ thể là người như thế nào. Nếu tiên thiên là bản thể, thì hậu thiên là những gì đã sàng lọc, tích lũy, biến thông trong một quá trình sự sống. Tiên thiên là Thể. Hậu thiên là Dụng. Tiên thiên thì tĩnh. Hậu thiên thì động. Cũng vì thế khi xem xét tiên thiên cần đến luận lý cơ bản nhiều hơn; khi xem xét hậu thiên cần đến thực tế ứng dụng nhiều hơn, có nghĩa cần xem xét cả Địa điểm, Thời thế, thì mới tìm ra đúng cuộc xoay vần của chủ thể. Có ý kiến nói rằng Hóa Công, Thiên, Địa nguyên khí ở Tiên Thiên có tác động sâu xa lan sang cả Hậu vận, còn Hóa công, Thiên, Địa nguyên khí ở Hậu vận thì chỉ có giá trị đối với Hậu vận mà thôi. Tôi trong thực tế nhiều khi

thấy Hóa công, Thiên, Địa nguyên khí ở Hậu vận cũng tác động mạnh mẽ đến cả Tiền vận, vì suy cho cùng Cấu trúc Hà Lạc là một tổng thể, có tiền thiên mới có hậu thiên.

đ - *Vai trò quẻ Hổ*. Trong sách Hà Lạc của Học Năng cũng như trong cuốn sách gần đây của Bùi Biên Hòa tôi thấy đều nói đến quẻ Hổ, nhưng trong phần hướng dẫn giải đoán thì các tác giả trên chỉ nói qua loa. Vậy quẻ Hổ có vai trò đến đâu trong cấu trúc Hà Lạc? Tôi trong thực tế giải đoán đã thấy ra một phần quan trọng của quẻ Hổ, xin trình bày như sau:

Thứ nhất, quẻ Hổ nằm sẵn trong lòng quẻ Tiên Thiên và Hậu Thiên, nó sinh ra từ các hào 2, 3, 4, 5. Các hào 3, 4, 5 thành các hào (4, 5, 6) của quẻ Thượng; các hào 2, 3, 4 thành các hào (1, 2, 3) của quẻ Hạ. Do chỗ nó lặp lại các hào 3 và 4 hai lần và trùng với các hào ở các vị trí trung tâm (2 và 5) và chuyển tiếp (3 và 4) trong quẻ chính nên nó phản ánh mặt động của quẻ chính, nói cách khác nó nhấn mạnh và tô đậm thêm cái phần hỗn của quẻ chính. Cái phần hỗn đó có thể là một mặt thuận hoặc nghịch nào đó của quẻ chính.

Thứ hai, quẻ Hổ nằm trong Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể. Nó cũng có giá trị nhất định phản ánh và tác động vào quỹ đạo cuộc đời của chủ thể.

Vì vậy vai trò của quẻ Hổ như sau:

a - Trường hợp Hóa Công, Thiên, Địa nguyên khí rơi vào hai quẻ Hổ thì vẫn được tính như là Cấu trúc Hà Lạc có Hóa công và các nguyên khí đó.

b - Khi dự đoán các hào của quẻ chính thì phải tham khảo các hào có liên quan ở quẻ Hổ. Cụ thể là: Dự đoán hào 2 quẻ chính phải tham khảo hào 1 quẻ Hổ

Dự đoán hào 3 quẻ chính phải tham khảo hào 2 và 4 quẻ Hổ

Dự đoán hào 4 quẻ chính phải tham khảo hào 3 và 5 quẻ Hổ

Dự đoán hào 5 quẻ chính phải tham khảo hào 6 quẻ Hổ.

Bảng tham khảo các hào quẻ Hồ

<i>Quẻ Chính</i>	<i>Quẻ Hồ</i> (Quẻ Ngoại, thượng)	<i>Quẻ Hồ</i> (Quẻ Nội, Hạ)
Hào 6		
Hào 5	Hào 6	
Hào 4	Hào 5	Hào 3
Hào 3	Hào 4	Hào 2
Hào 2		Hào 1
Hào 1		

Bảng 19

e - *Cấp độ xét đoán.* Đối với mỗi cách ứng xử trong mỗi thời và hoàn cảnh, Hà Lạc thường biểu lộ một thái độ xét đoán (đánh giá) theo những cấp độ khác nhau nhiều khi tiếng Việt không đủ để cô đúc cho gọn (nói cách khác bạn đọc chưa quen với những cách cô đúc gọn), chúng tôi buộc phải sử dụng từ phiên âm chữ Hán. Sau đây là một số từ miêu tả các cấp độ xét đoán.

Đọc các quẻ Dịch thường gặp bốn chữ *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh*, đó là bốn đức của quẻ, cũng gọi là bốn đặc tính của quẻ. Chỉ có 7 quẻ có đủ 4 đức, tiêu biểu nhất là quẻ Càn. Còn lại là những quẻ có từ 3 - 4 đức, 1 - 2 đức, có quẻ không có đức nào.

Nguyên là đầu tiên, lớn, trùm mọi điều thiện.

Hanh là hanh thông, thuận tiện, tập hợp các điều hay.

Lợi là nên, thỏa thích, hòa hợp các điều phải.

Trinh là chính đáng, bền chặt, gốc của mọi việc.

Ngoài ra ta thường gặp những xét đoán (đánh giá) như sau:

Tốt, là lành, là thuận lẽ trời, lẽ đời, đem lợi ích, may mắn đến cho người. Có quẻ tốt, có hào tốt. (Lời Kinh là *Cát*)

Xấu, dữ là ngược lại với tốt (Lời Kinh là *Hung*).

Xấu hổ là phiền muộn vì lỗi nhỏ, tội mọn (Lời Kinh là *Lậu*).

Ấn nần là phạm lẽ phải, phản nần, đáng tiếc (Lời Kinh là *Hối*).

Không lỗi có 3 nghĩa là không sai phạm, không trách (lỗi) ai (cái gì) được; không đổ lỗi cho ai (cái gì) được (Lời Kinh là Vô cữu).

Trong 3 chữ *Xấu*, *Xấu hổ*, *Ăn năn* (Hung, Lận, Hối), thì *Xấu* (hung) nặng hơn *Xấu hổ* (lận): *xấu hổ* nặng hơn *ăn năn* (Hối). *Không lỗi* (vô cữu) thì không hay cũng không dở.

Đôi khi Lời Kinh nói về phương hướng cụ thể, xin hiểu như sau:

Đông Bắc: Hướng khí Dương bắt đầu tiến. Quê khuyên ta nên hành động mau, nên tiến, nên đương đầu với mọi khó khăn. Đông Bắc là phía động của khí Dương, phía Tây Nam là phía tĩnh của khí Dương. Thiếu Dương sinh thành ở phía Đông Bắc.

Tây Nam: Hướng khí Dương bắt đầu suy. Quê khuyên ta nên dừng lại, nên thoái lui, không nên tiến cũng không nên đương đầu. Ví dụ: Quê Kiển có câu: *Kiến, lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc*. Có nghĩa quê khuyên ta ở thời Kiến, vận Kiển thì nên thoái lui, không nên đương đầu.

PHẦN HAI

HÀ LẠC GIẢI ĐOÁN

Sau đây là 64 quẻ Dịch và 384 Hào dùng để giải đoán theo phép Toán Hà Lạc.

Thứ tự trình bày mỗi quẻ Dịch trong phần này diễn tiến như sau:

1- Số thứ tự. Con số này phù hợp với số ghi trong ngoặc kép ở Bảng 6, nhờ vậy bạn tìm nhanh đến quẻ Dịch cần tìm.

2- Hình Quẻ và Tên Quẻ.

3- Tượng quẻ và ý nghĩa chung của Quẻ, trích dẫn theo Lời Tượng trong Đại Tượng Truyện (của Khổng Tử) là chính. 4- Lời giải của Toán Hà Lạc, trích dẫn theo Trần Đoàn tức Trần Hy Di, dựa theo văn bản của Học Năng là chính. Lời giải này cho ta biết mấy ý thuộc Dự đoán học: Quẻ thuộc tháng mấy, những tuổi nào, lại sinh tháng nào thì hợp cách.

5- Lời giảng về nghĩa quẻ, tượng quẻ.

6- Các Hào và Lời giải.

6a- Tên Hào và Tượng hào (Ví dụ: Hào 1 dương)

6b- Lời giải chung cho Hào. Gồm có: Lời Kinh (Phần chữ in nghiêng) của Chu Công Đán. Lời giảng của tiền nhân tổng hợp trong Lời giảng của Nguyễn Hiến Lê (NHL) kèm thêm những Phụ chú của Phan Bội Châu (PBC). Lời giải của Toán Hà Lạc.*

6c- Tiếp theo, lời giải (của Toán Hà Lạc) đối với người có Mệnh hợp Cách (MHC).

6d- Lời giải đối với người có Mệnh không hợp Cách (MKHC).

6d- Lời giải đối với Thời vận năm (Các sách gọi là Tuổi vận) , có lời giải riêng cho giới *Quan chức* (gọi tắt là giới Quan, bao gồm cả những người có chức vụ quản lý, điều khiển những hệ thống doanh nghiệp và Đoàn thể ngoài hệ thống Nhà nước); *giới Sĩ* (bao gồm cả học sinh, sinh viên); *Người thường* là khái niệm rộng rãi dành cho những người còn lại ngoài hai giới trên, ví dụ những người buôn bán, lao động các ngành

nghề, các trẻ em v. v... Do vậy không nên hiểu người thường là người tầm thường, kém giá trị xã hội so với hai giới trên. Giới tăng ni không nằm trong số này, được nhắc đến khi cần thiết. (ở một số hào ghi là *Giới khác* tương đương với *Người thường*). Lời giải Vận nằm dùng để giải cho từng năm là chính, nhưng cũng có thể tham khảo khi giải cho Đại vận.

Những lời giải trên dùng chung cho Nam, Nữ, khi cần thiết có nhấn mạnh thêm về Nam, hoặc Nữ.

(*) *Chữ in nghiêng ở đầu mỗi hào* là từ bản gốc, thường gọi là *Lời Kinh* là của Chu công Đán. *Lời Tượng* và *Lời Thoán* là của Khổng Tử (chép ở sách *Bát Tự Hà Lạc - lược khảo* của Học Năng, và sách *Kinh Dịch, Đạo của người quân tử* của Nguyễn Hiến Lê); ở mỗi quẻ và hào còn có lời giảng của những bậc tiền nhân khác như Trình Di, Chu Hy, Phan Bội Châu, Nguyễn Hiến Lê v. v... Phần giảng thêm này dựa vào sách *Kinh Dịch, Đạo của người Quân tử* của Nguyễn Hiến Lê (NHL) là chính, khi cần thiết thì trích lời chỉ rõ thêm của Trình Di, Chu Hy, Phan Bội Châu (PBC). Riêng đối với PBC ngoài những lời chỉ rõ thêm, còn trích những đoạn Phụ chú rất thú vị để bạn đọc thưởng thức và hiểu sâu sắc thêm Quẻ và Hào. Phần giảng thêm này rất quan trọng, nhờ đó mà tăng thêm khả năng giải đoán Hà Lạc. Khi giải đoán, bạn hãy sử dụng những lời giải ở đằng sau hàng chữ in đậm **Toán Hà Lạc giải**.

1- QUẺ THUẦN KIẾN.

----- **Kiến** còn gọi là Càn. Kiến là cương kiện, khoẻ
 ----- mạnh. Quẻ nguyệt lệnh thuộc tháng 4. **Lời**
 ----- **Tượng:** *Trời đi rất mạnh, không ngừng nghỉ.*
 ----- *Người thức thời coi quẻ này mà noi theo, biết tự*
 ----- *cường, làm cho mình mạnh lên bằng chính nội*
 ----- *lực, không ngừng nghỉ. Việc bản thân, việc nhà,*
 ----- *việc nước đều như vậy, tới vô cùng.* **Toán**
Hà Lạc giải: Những tuổi Giáp Tý, Giáp Dần,

Giáp Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất, hoặc **Giáp Ngọ, Giáp Thân, Giáp Tuất, Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn** được quẻ này rất tốt. Lại sinh từ tháng Hai đến tháng Tám là được mùa sinh, hưởng phúc đức. Dù Hào Nguyên đường ở vị trí kém vẫn cứ tốt. Nhưng không được những tuổi trên kia, lại không được mùa sinh thì dù Hào vị có tốt cũng thành người vất vả, long đong lại sinh kiêu trá nữa.

Nguyễn Hiến Lê (NHL) giảng: Theo Thoán truyện (Lời Thoán), nghĩa quẻ là *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, Nguyên* là thuở ban đầu, như hạt giống gieo xuống đất, gốc của vạn vật, còn có nghĩa là lớn. *Hanh* là hanh thông, thuận tiện, bao trùm mọi điều hay. Như Trời đã sinh ra cây cỏ, lại làm ra mây mưa cho muôn loài sinh trưởng. *Lợi* là thích đáng, thoả mãn, hoà hợp các lẽ phải, những điều nên. *Trinh* là chính đáng, bền, như cây kết trái, bên trong có hạt, hạt đó gieo xuống lại thành cây, tức trở lại là Nguyên. Đạo trời như vậy là lớn lắm, có trước có sau.

Quẻ đẹp nhất Kinh Dịch. Nam giới được quẻ này rất tốt. Người xưa dùng hình tượng con rồng bay lên chín cõi để miêu tả các thời của các hào trong quẻ.

Hào 1 Dương

Như con rồng còn ẩn dưới thấp, đừng đừng làm gì vội. Chưa đem tài ra dùng được. NHL giảng: Hào 1 ở dưới thấp, thời sơ, nên ví nó với con rồng còn nấp dưới vực sâu, chưa thể biến hóa làm mây được, còn phải đợi thời cơ. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức tính phải cho kín đáo. Nên thu mình lại, giữ thế, tu đức, luyện tài, không cầu danh, không ai biết mình cũng không buồn, không gì lay chuyển ý chí của mình.*

Mệnh hợp cách (MHIC) : Học rộng, nghĩ nhiều, lòng yên tĩnh, không nôn nao về danh lợi..

Mệnh không hợp cách (MKHC): Nương nấu nơi địa vị thấp kém, tài mỏng, đức mỏng, chịu đựng hình khắc gian nan.

Vận Năm- **Giới Quan:** gặp trở ngại; nên lùi bước. **Giới Sĩ:** Trì trệ, lặt vặt. **Người thường:** Nhà buôn thì ế ẩm. Chỉ thầy tu, thầy pháp thuật là yên vui. Đàn bà làm ăn thịnh vượng, sinh nở dễ dàng. Mọi người nên an tĩnh, ham hành động lúc này thì dễ xảy ra lỗi lầm tai họa. Hào 1 biến sẽ cho ta quê Thiên Phong Cầu, cần để phòng gặp kẻ xấu làm hại.

Hào 2 Dương

Như con Rồng ở ruộng, ở vào thời hiển đạt, gặp được người cao quý thì có lợi. Ruộng là nơi bằng phẳng dễ đi. NHL giảng: Hào 2 dương, đặc trưng, lại thêm hào ứng với nó là hào 5 dương cũng đặc trưng, như vậy là gặp thời, tài đức giúp đời được, nên có thể ví với con rồng rời vực sâu mà hiện trên cánh đồng. **Toán Hà Lạc giải:** *Người có đức lớn, gặp thời hiển đạt, làm cho mọi người tin tưởng.*

MHC: có danh, có lợi. Thành sản nghiệp, nhà cửa đang hoàng. MKHC: Tính thẳng thắn, lòng thiện, có phúc lộc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Gặp được người sáng. **Giới sĩ:** Đổ cao. **Người thường:** Nhà nông có thu hoạch. Nhà buôn có lời. Mọi người: gặp được quý nhân. Nữ có chồng giàu sang.

Hào 3 Dương

Người thức thời suốt ngày tri não căng thẳng như nôm nóp lo sợ ở thế nguy, nhưng không bị lỗi gì. NHL giảng: Hào 3 dương lại ở ngôi vị dương, như vậy là rất cương, mà không đặc trưng. Lại ở trên cùng quẻ Nội, chưa tiến lên quẻ ngoại được, nghĩa là ở một chỗ chông chênh rất khó xử, nên bảo là nguy hiểm. Nhưng nó vẫn là quân tử, có đức tự cường, rất

thận trọng, lúc nào cũng như lo sợ, nên tuy gặp thời nguy mà cũng không đến nỗi tội lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Nén ra sức siêng năng, lo bỏ cầu những chỗ thiếu sót, sửa chỗ sai lầm.*

MHC: Tính ngay thẳng, thích công bằng, chăm học hành, khó thành dễ.

MKHC: Chăm đấy rồi lại lười đấy. Nóng vội. Thiếu thận trọng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Phải kiêm nhiệm, công việc phức tạp, phải cẩn thận lắm mới tránh được sai sót. **Giới sĩ:** Chưa đến thời vận thành đạt. Thi cử khó khăn. **Người thường:** Long đong xuôi ngược, đồng tiền khó kiếm. Mọi việc nên xét kỹ hãy làm kéo dài bị thua thiệt. **Mệnh Nữ:** tính nóng, hình khắc thương tổn, không yên bề nội trợ. Đi về hướng Tây Bắc thuận (Thoái lui mới yên).

Hào 4 Dương

Hoặc nhấy ở vực sâu, không lỗi gì. Hào 4 phản ánh vị thế người bắt đầu lập nghiệp, phải xem thời thế, hoặc tiến hoặc lui, hoặc lên hoặc xuống, tùy thời, cốt là không phải làm điều cong queo, không bỏ bạn bè. Lúc đáng làm thì làm, không đáng làm thì thôi, không nhất định lúc nào cũng như lúc nào, vì thế mới dùng chữ "hoặc". NHL giảng: Hào 4 dương ở ngôi vị âm, vừa bất chính, vừa bất trung, cũng chống chênh như hào 3, ở ngôi đầu quẻ ngoại, tiến chưa chắc tốt, thoái thì dễ dàng, nên phải xem xét thời cơ, giữ tư cách, biết tùy thời, rồi cuộc không lỗi. Nhưng hào này khác hào 3 ở chỗ có thể tiến được, còn hào 3 thì không tiến được. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên xét kỹ đường lui tới, chẳng nên khinh động.*

MHC: Tùy thời cơ mà quyết định đi hay ngừng, giữ gìn đạo đức, chăm rèn nghề nghiệp, làm gì cũng phải đúng thời. Người có chí học hành thì sẽ đỗ đạt thành danh.

MKHC: Dù có muốn phú quý, rút cục không thành do có tính đa nghi.

Vận Năm- **Giới Quan**: Chờ nhiệm vụ. **Giới sĩ**: Chờ thời. **Người thường**: Mọi việc trì trệ, do nghi ngờ. Riêng giới nhà tu và giới Nữ là yên vui, nhiều lợi lộc.

Hào 5 Dương

Như rồng bay trên trời, lợi ở việc đi gặp người bậc trên cao quý. NHL giảng: Hào 5 này có đủ những điều tốt, vừa cao quý ở ngôi chỉ tôn, vừa chính, trung, lại có hào 2 ứng, cũng cương kiện và đắc trung như nó. Nên nó được ví như rồng bay lên trời. **Toán Hà Lạc giải**: *Người có học vấn, tư cách cao quý, có địa vị trong xã hội. Người tầm thường, nhỏ mọn gặp hào này thì chỉ thêm vất vả, khốn đốn.*

MHC: Lập công danh lớn, phú quý lớn.

MKHC: Khó đảm đương nổi nhiệm vụ, tuy có chí lớn. Khó toại nguyện.

Vận Năm- **Giới Quan**: Nên danh giá. **Giới sĩ**: Gặp cơ hội tiến thân, lên cao. **Người thường**: Gặp được quý nhân đề cử; hoặc dựa được vào nơi có thần thế; hoặc xây nhà to như cung điện. Mệnh nữ: Năm quyền đàn ông, khó tránh cô đơn, hình khắc, thương tổn. Người số xấu thì gặp dữ, lỗi thời việc quan.

Hào 5 tốt nhất quả nhưng chỉ tốt với người cao quý, có mệnh hợp cách. Người tầm thường, lại có mệnh không hợp cách thì càng xấu.

Hào 6 Dương

Rồng lên cao quá, có sự hối hận. NHL giảng: Hào dương ở trên cao của quẻ, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu còn hành động thì sẽ có sự đáng tiếc. **Toán Hà Lạc giải**: *Nên lưu ý khi đã lên chỗ cao tốt với thì sẽ gặp cái bất bênh, nguy hiểm của sự thịnh vượng.*

MHC: Tuy ngôi quý đầy nhưng chẳng phải chính danh, nếu biết khiêm nhường thì còn có thể giữ giàu sang được bền.

MKHC: Tự kiêu tự đại. Dễ làm bậy, khó có thành công. Mệnh Nữ: hung hãn, việc nhà bê bối.

Vận Năm- **Giới Quan**: Nên lui bước kéo cò khi bị cất chức. **Giới sĩ**: Được đề bạt lên cao, rồi sau đó lại bị bẻ gãy. **Người thường**: Cương quá nên hỏng việc. Ngoài 50 tuổi gặp hào này chẳng thọ bao lâu nữa.

2- THUẬN KHÔN

----- **Thuận Khôn**, tượng quẻ là **Đất**. Đức quẻ là
----- *Thuận* (Thuận lợi, Hiền từ). Quẻ nguyệt lệnh
----- thuộc tháng 10. **Lời Tượng**: *Cái thế lực của trái*
----- *đất (dày, thuận, bao dung) tượng trưng cho đạo*
----- *Khôn. Người quân tử xem quẻ này mà lập Đức*
----- *cho dày, để bao dung, chở (chứa, tải) mọi vật.*
Toán Hà Lạc giải: Những tuổi ẤT hoặc QUÝ:
Mùi, Tị, Mão, Sửu, Hợi, Dậu được quẻ này rất
tốt. Sinh vào tháng 10 thì chắc chắn thành đạt
lớn, danh cao, chức trọng. Sinh không đúng mùa,
lại ngồi hào vị kém thì cũng làm chủ gia sản
(nhà, đất) có phúc, lộc, thọ. Thầy tu thì phúc dày.
Mệnh Nữ: hiếu thuận, chồng sang, con quý.

NIIL giảng: Lời Thoán bảo rằng *Khôn có đức Đần*
tiên và Lôn (Nguyên), Hanh thông (Hanh), Thích đáng (Lợi).
Khôn cũng có đức Chính và Bền (Trình) của con ngựa cái.
Người quân tử có việc làm mà khởi xướng thì làm, để người
khác khởi xướng mà mình theo sau thì được, chỉ cốt lợi ích
cho vạn vật. Đi về phía Tây Nam thì được hạn, về phía Đông
Bắc thì mất hạn. An lòng thì giữ đức bền vững, tốt. Quẻ Cần
gồm 6 hào dương, quẻ Khôn gồm 6 hào âm. Cần tượng là
Trời, thì Khôn tượng là Đất. Cần cương kiện thì Khôn nhu
thuận. Cần tạo ra vạn vật ở vô hình, thuộc phần Khí, nhưng
phải nhờ Khôn vạn vật mới hữu hình, mới sinh trưởng, nên
công của Khôn cũng lớn như công của Cần, chỉ khác Khôn

phải ở sau Càn, tùy theo Càn, bổ túc cho Càn. Cho nên các đức Nguyên, Hanh, Lợi, quẻ Khôn có đủ như quẻ Càn, chỉ riêng về đức Trinh (chính và bền) thì Khôn hơi khác: Tuy chính và bền nhưng phải Thuận. Văn Vương dùng con ngựa cái để "tượng" cho quẻ Khôn vì Ngựa là giống mạnh, mà ngựa cái có tính thuận theo ngựa đực. Cũng vì Khôn có đức thuận, cho nên khởi xướng phải là Càn. Khôn chỉ tiếp tục công việc của Càn. Người quân tử được quẻ này, biết rằng mọi việc khởi xướng thì khó thành, nhưng chờ người khởi xướng rồi thuận theo thì nhiều thuận lợi. Quân tử rèn đức dày như Đất để tải muôn vật, đó là bài học rút ra từ quẻ Khôn. Quân tử rèn đức mạnh như Trời để không ngừng nghỉ, đó là bài học rút ra từ quẻ Càn. Chu Công khuyên đi về phía Tây Nam (thì được bạn và được tiền của) vì Hệ thống Hậu thiên của Văn Vương sắp xếp quẻ Khôn ở phía Tây Nam, ý nói người được quẻ Khôn biết hành động theo đức quẻ Khôn thì rất có lợi. Đi hướng Đông Bắc thì mất bạn (và mất của) vì Đông Bắc thuộc dương, được quẻ Khôn thuần âm mà hành động theo đức cương kiện thuộc dương thì tổn thất. (Cho nên đọc lời khuyên này không nên hiểu đơn thuần là đi hướng Tây Nam hay đi hướng Đông Bắc). Được quẻ này, nếu theo những lời khuyên trên mà yên tâm, giữ đức cho bền vững thì rất tốt.

Hào 1 âm

*Đi trên sương mỏng, phải nghĩ ngay rằng trời lạnh, giá đông cũng sắp tới. Thấy điều ác nhỏ phải nghĩ rằng sẽ thành điều ác lớn. NHL giảng: Đây là hào âm đầu tiên trong hệ thống quẻ Dịch. Chu công ví với sương lạnh mới kết lại, sau sẽ thành băng. Lời hào khuyên phải thận trọng từ bước đầu. **Toán Hà Lạc giải:** Khí âm mới sinh, nên dè dặt bước tiến.*

MHC: Tuổi nhỏ được học hành; lớn lập được công danh.

MKHC: Bỏ hay theo dờ, hại người ích mình; ai khuyển thì oán, ai phĩnh thì thích; kết cục chẳng ra sao.

Vận Năm- **Giới Quan**: Để phòng tai họa xiểm nịnh, dèm pha. **Giới Sĩ**: bị ghen ghét. **Người thường**: để phòng oán thù gây mối lo. Riêng mệnh Nữ: nghiệp nhà hưng vượng lớn.

Hào 2 âm

Có những đức tính thẳng, vuông, lớn (trung chính, đầy đặn, độ lượng) chẳng cần kiểu cách gì, không việc gì không làm nên ích lợi, hợp đạo lý. NHL giảng: Hào rất tốt. Hào âm ở ngôi vị âm, là đắc chính, ở giữa quẻ nội, là đắc trung, lại trong quẻ Khôn, có qui mô lớn. PBC nhấn mạnh: Lời hào này là tận thiện tận mỹ, nhưng được vậy là do hai chữ Trung, Chính (vị trí hào và đức hào) mà ra. Nhu thuận lại phải Trung chính thì mới thành đạo người quân tử. **Toán Hà Lạc giải**: *Đức lớn đến thế là tuyệt vời.*

MHC: Người trung chính có danh vọng to, địa vị lớn.

MKHC: Cũng là người trung thực, ưa hoạt động, giữ trọng trách ở nơi hương lý.

Vận Năm- **Giới Quan**: được thăng lên cao. **Giới Sĩ**: Đỗ đạt nổi tiếng. **Người thường**: Giàu có. **Nữ**: vào bậc hiền lương khởi nghiệp.

Hào 3 âm

Hàm súc điều tốt đẹp thì có thể bền được. Hoặc đi theo việc Nước, không cốt thành công cho riêng mình, thì sau sẽ có kết quả mỹ mãn. NHL giảng: Hào 3 âm ở vị trí dương, quẻ khác là bất chính, nhưng ở quẻ Khôn nhờ có đức Khôn, chất âm nhu thêm đức cương kiên lại tốt, đó cũng là lẽ biến hóa của Dịch. **Toán Hà Lạc giải**: *Người có đức hàm súc điều hay, vẻ đẹp.*

MHC: Học vấn đầy đủ, thành một tiêu biểu của thời đại và suốt đời hưởng vinh lộc chứa chan.

MKHC: Cũng là kẻ sĩ, trung hậu, giàu tài, ẩn danh, biết người biết ta, tử tế.

Vận Năm- Giới Quan: được thăng chức, phẩm. **Giới Sĩ:** sẽ có ngày thành danh. **Người thường:** Lo toan khéo, thu hoạch lợi tức. **Mệnh Nữ:** Thành người đức hậu, hiền lương.

Hào 4 âm

Thất tú trí khôn lại. Không lỗi, không tiếng khen.
PBC giảng: Hào 4 âm ở vào vị trí bất trung, thuộc quẻ Thuần âm, lại ở sát hào 5 ngôi trên, phản ánh bản thể bất tài mà ở vai cận thân, tài quá thấp mà vị quá cao, nguy hiểm lắm. Người thức thời được hào này phải biết giữ gìn, thất cái tú trí khôn lại, kín đáo mà ra khỏi mọi tội lỗi, và cũng không danh dự gì. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên tự giữ mình.*

MHC: Tuy được ngôi địa vị, hưởng lộc tốt lành, nhưng mưu tính việc lớn chưa thành, không vác nặng đi xa, chỉ nên tính việc ích lợi nhỏ mà thôi.

MKHC: Cũng là người cần trọng, chu đáo, biết lo trước lo sau, có phúc, no ấm.

Vận Năm- Giới Quan: Nên giữ mình, chưa thăng chức, hàm được đâu. **Giới Sĩ:** Chưa đỗ đạt, chưa tiến bước. **Người thường:** Công việc dễ bị ngừng trệ. Nên thu vốn giữ mức thường thì tránh được tai họa. **Mệnh Nữ:** Hiền hòa, gia đình yên vui.

Hào 5 âm

Xiêm vàng tốt nhất. **NHL giảng:** Hào 5 là hào chí tôn trong quẻ, đặc trưng. Tuy nó không đặc chính (âm ở vị dương) nhưng ở trong quẻ Khôn lại tốt, vì tỏ rõ có tài nhưng vẫn khiêm nhu; lại còn có văn chương nữa, khác với hào dương, cương kiện là võ. Cho nên Chu công cho hào này là rất tốt và tượng bằng cái xiêm vàng. Xiêm là thứ quần sang

trọng, dấu hiệu cao quý, dùng thứ mặc bên dưới để ví với ngôi cao mà khiêm nhường; vàng là màu ở giữa 5 màu. Xiêm vàng tượng cho đức văn minh, sáng láng, đẹp mà tiềm ẩn bên trong, hiện ra nhuần nhị, nên tốt lành vào bậc nhất. **Toán Hà Lạc giải:** *Người được hào này có đức trung thực, có vẻ đẹp tinh thần bên trong, khiêm nhường, thuận với thời thế nên hưởng phúc lành mức tuyệt vời.*

MHC: Đồ đạc cao, tên treo bằng vàng.

MKHC: Người cẩn thận, công bằng, chính trực, biết lui tới, không ai tị hiềm, được hưởng lộc dồi dào.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được tuyển vào cấp cao nội các. **Giới Sĩ:** Có danh vọng, vinh dự. **Người thường:** Mọi việc yên lành, thu hoạch tài lợi. **Mệnh Nữ:** Tài sắc, hiền lương, phẩm cấp cao.

Theo Chu Hy, xưa có Nam Khoái sắp làm phản, bói được hào này, cho là rất tốt. Trái lại, Tử Phục Huệ Bá nói rằng (đại ý): "Việc sắp làm, trong không trung chính, không đúng với màu của nó (tức màu vàng trung chính, màu ở giữa 5 màu), dưới không cung kính không đúng với sự trang sức của nó (tức cái xiêm tượng cho sự cao quý mà khiêm nhường), việc làm không thiện, không đúng khuôn phép của nó. Ba điều đó mà còn thiếu, thì dù bói đúng vẫn chưa thể tin được". Sau Khoái quả nhiên thất bại. Cõi đó đủ thấy cách vận dụng lý số Hà Lạc phải linh hoạt như thế nào.

Hào 6 âm

Rồng chiến ngoài nội, máu chảy đen vàng. NHL giảng: Hào 6 âm đi đến cùng cực, âm thịnh đến cực điểm, tất xung đột với Dương, nên sát phạt nhau, tượng là rồng chiến ngoài đồng, hai bên đều bại, máu chảy, sắc đen vàng là sắc âm, sắc dương, tượng cả âm lẫn dương đều bị tổn hại. **Toán Hà Lạc giải:** *âm cực, xảy tai họa.*

MHC: Làm tướng lãnh ra trận lập được công, nhưng quân sĩ chết nhiều. Hoặc chức vụ cao thì hay vượt quyền tiếm vị. Hoặc ở thế chênh vênh thì tác uy tác hại.

MKHC: Hung bạo, ngược ngạo đối với cấp trên, thích làm lớn, ham lập công, ý kiến không nhất định. Xấu nữa thì làm người lính gian nan tận khổ, hoặc bị hình thương chém giết, hoặc nữa khổ vì kiện tụng, hình ngục.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị hình hại, bị phạt. **Giới Sĩ**: Ngồi bút vấy vùng nhưng rất khó tránh khỏi tổn hại, buồn phiền. **Người thường**: Phải tranh đấu rắc rối, có khi đi đến phá hại, nguy vong.

3- THUYẾT LÔI TRUÂN

----- **Truân** là Nan (Khó khăn nhưng rồi có cơ hội).
----- Thuộc tháng 6. **Lời Tượng**: *Mây Sấm là quẻ*
----- *Truân (Rối ren, gian truân). Người quân tử xem*
----- *đấy mà sửa sang việc chính trị (Như việc hệ*
----- *thống hóa các đường tơ để dệt vải trên khung*
----- *cửi).* Truân còn nghĩa là Đầy (tức âm dương giao hòa, vạn vật mới sinh sôi, nảy nở đầy khắp), khi ấy còn chưa lấy gì làm hanh thông, nên còn khốn khó. **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi **Canh: Tý, Dần, Thìn; Mậu: Ngọ, Thân, Tuất** được quẻ này rất tốt. Lại sinh vào tháng 6 là cách công danh, phú quý. Sinh từ tháng 2 đến tháng 8 cũng được hưởng phúc đầy. Những tháng khác thì kém.

PBC giảng: Quẻ Truân sau quẻ Cần và Khôn, phản ánh Thời vạn vật mới sinh ra, vạn trời mới tạo dựng, còn hỗn mang, mờ tối, nên là Truân. Quẻ Ngoại là Khảm, Khảm thì hiểm; quẻ Nội là Chấn, Chấn thì động. Trong lúc hiểm mà hành động được phải là người mạo hiểm, có chí, có tài. Nhưng ở thời Truân, có tài đức chưa đủ, còn phải nhờ bạn hiền tài giúp đỡ. Tượng quẻ Ngoại là Mây, quẻ Nội là Sấm.

Trên trời có Mây có Sấm là chưa có mưa, cơ trời còn đang vận động, nên là Truân. Người thức thời biết có Mây có Sấm là sẽ có Mưa, nghĩa là sẽ có cơ hội. Tượng ấy vận dụng vào cuộc sống là đang buổi truân nạn cần có người giỏi việc tổ chức, sắp xếp việc quốc gia, việc xã hội, thiên hạ đang mong chờ. Người quân tử được quả này cần ý thức được cái sứ mệnh đó.

Hào 1 Dương

Dùng dằng, lợi ở giữ điều chính. Lợi ở xây dựng các đơn vị nhỏ thuộc quyền đơn vị lớn (Ngày xưa là nước chư hầu).

Theo PBC : Dùng dằng, là do hào Dương, có chí nhưng địa vị còn thấp, bị 4 hào âm phía trên chèn ép, lại chưa đủ tài, phải thu thập bạn bè, xây dựng đơn vị nhỏ hơn, muốn tiến lên mà chưa được nên dùng dằng, quanh co chứ không phải do dự. Trong sử nước ta, khi Quang Trung bắt được Nguyễn Hoàng Đức người của Gia Long, đã dắt lên giường cùng giường với mình, đó chính là tượng của hào 1 quẻ Truân. **Toán Hà Lạc giải:** Thời buổi khó khăn, tiến thì làm việc dân việc nước. Lui thì giữ phận mình.

MHC: Xứng đáng ngôi vị lớn. Chỉ ngại rằng không phải thời thái bình thì hay bị kẹt vào nơi hiểm trở.

MKHC: Nên giữ mình, làm điều chính, tất cũng có uy quyền, được trọng vọng. Nhưng khi giải quyết công việc thường có lúng nhẽng vực, hoặc chậm chạp, thiếu quả quyết.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được lựa chọn; tu nghiệp tiến bộ. **Giới Sĩ:** Gặp quý nhân; làm sáng tỏ nghĩa lý. **Người thường:** Nên thủ phận, nghĩ kỹ, đừng hành động càn mà rắc rối. **Mệnh Nữ:** Tốt, gây dựng nếp nhà hưng thịnh.

Hào 2 âm

Khốn dồn ư! Khó tiến ư! Cười ngửa dùng dằng ư! Không phải kẻ cướp mà là người muốn kết hôn với mình. (hào

l ở bên dưới). Theo PBC: Hào 2 được cả Chính lẫn Trung lại có Hào 5 chính ứng với mình cũng Chính Trung, xứng đáng quá. Nhưng ngặt có Hào 1 Dương mạnh mẽ ngay cận kề cũng cầu thân. Trong thời Truân nên càng khó xử, vì vậy mà dùng dằng, tiến lui đều khó. Cần biết: đó chẳng phải giặc cướp, người cầu thân đấy. Muốn thoát khỏi tình trạng đó, chỉ có cách giữ gìn chính đáng, kiên tâm chờ, mười năm là cùng (thời gian tượng trưng). Tuy là chuyện nam nữ nhưng suy ra tình bạn bè, thầy trò đều có thể như vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Trong tình trạng tiến lên thì sợ phiền lụy, nhưng vẫn có đường tốt để theo.*

MHC: Trước cô đơn, sau không; trước khốn đốn, sau không. Trong xóm làng là người hiền sĩ. Nơi hang núi, vẫn giữ được tiết nghĩa của bậc nữ lưu, của kẻ sĩ nghèo.

MKHC: Quên nơi gần, nhớ nơi xa, tránh người thân, tin người sơ, dù được nơi tin tưởng thu dùng cũng bị kẻ dưới ngờ ghét.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được sắp xếp lên hạng bậc, đề bạt lên chức. (Mức ngang Ngũ Mã, Ngự Bình ngày xưa). **Giới Sĩ:** Tiến thủ gian nan. **Người thường:** Việc hôn nhân tuy dùng dằng rồi cũng vui vẻ. Số xấu gặp hào này thì xảy ra liên can kiện tụng, đường đời trở ngại, tiến thoái truân chuyên.

Hào 3 âm

Đuổi hươu mà không người dẫn đường thì chỉ lạc giữa rừng. Người quân tử biết thời cơ ấy, chỉ bằng bó đi, tiến nữa sẽ hối thẹn.

NHL giảng: Hào 3 là âm, ở vị trí Dương, bất chính bất trung, tính chất đã không tốt mà ở thời Truân, hào 6 chính ứng ở trên cũng âm nhu không giúp gì được. Vậy mà cứ muốn làm càn, chẳng khác nào người ham đuổi hươu mà không có thợ săn giúp, chỉ vào sâu trong rừng mà thôi. Bỏ đi thì hơn. **Toán Hà Lạc giải:** *Đừng đi liêu, mua lấy khổ.*

MHC: Biết thời cơ, cố thủ, liệu chiều mà xếp việc giữ yên, để tránh cơn hiểm nghèo. MKHC: Để phiêu lưu, mạo hiểm.

Vận Năm- **Giới Quan:** Bị hạch hỏi, điều tra vì tham nhũng. **Giới Sĩ:** Bị đình đốn, bồi nhọ. **Người thường:** Bị tai ương, giam cầm. Thủ phạm, giữ yên phận là hơn.

Hào 4 âm

*Cưỡi ngựa dùng dằng ư! (Không lên được với hào 5)
Quay xuống cầu kết bạn (với hào 1 Dương) thì tốt, không gì là không lợi.*

Theo PBC: Hào âm ở vị trí 4 là âm nhu đặc chính, tính chất vẫn là người hiền, nhưng vì tài kém, mà gặp thời Truân, không thể chỉ cậy sức mình mà tiến tới được. Tuy thân cận với hào 5 nhưng hào 5 đã chính ứng với hào 2 rồi. Muốn tiến lên mà sợ hào 5 không cần dùng đến, nên dùng dằng là thế. Hào 4 nếu là người sáng trí, biết mình biết người, thì chớ nên cầu với 5 mà quay xuống cầu với hào 1, vừa là hào Dương cương, tính chất hiền tài, vừa là chính ứng, tất sẽ tâm đầu ý hợp, cùng gánh vác việc đời, không việc gì là không lợi. **Toán Hà Lạc giải:** *Đi cầu người hiền tài để ra tay cứu buổi gian truân và được hài lòng.*

MHC: Người hiền tài, gặp được thủ trưởng sáng suốt, được vinh thăng. Không phải cầu cạnh ai mà người ta tìm đến mình. Mệnh Nữ: Chồng sang con quý.

MKHC: Ly hương lập nghiệp. Vì tính nhu nhược nên dù gặp quý nhân mà cũng chẳng làm nên công trạng gì.

Vận Năm- **Giới quan:** Được thăng thưởng. **Giới Sĩ:** Có cơ thành đạt, dịp may tự nhiên đến. **Người thường:** Nhân tình hòa hợp, mưu việc toại ý, bạn bè kết giao, giúp đỡ.

Hào 5 Dương

*Thời truân chiến, đến sự ban ơn huệ cũng vượng,
không làm nổi, dù ở vị trí cao cả. Chinh đốn việc nhỏ thì tốt.
Chinh đốn việc lớn thì xấu.* NHL giảng: Hào 5 Dương vừa

chính vừa trung, ở địa vị chí tôn, đáng lẽ tốt, nhưng giữa thời Truân, lại ở giữa quê ngoại Khám, hiểm, nên chỉ tốt vừa thôi. Hào 2 tuy ứng với nó, nhưng là âm nhu, không giúp được nhiều. Lại thêm hào 1 Dương ở dưới, tượng người có tài đức, uy quyền gần như lấn hào 5, trong khi đó ân trạch của hào 5 không ban bố khắp nơi được. Cho nên hào 5 phải lần lần chính dần việc nhỏ trước, dần dần làm việc lớn mà hỏng. Xem thế, có tài đức, có địa vị, nhưng cũng phải đợi có thế, có thời nữa. PBC chỉ rõ thêm: Đối chiếu sử nước ta thấy thân phận vua Lê thời Lê Trịnh ứng với hào này. Lê Cảnh Hưng là một ông vua hiền mà phải ngồi lạng 40 năm dưới áp lực của chúa Trịnh. Đến Lê Chiêu Thống muốn ức chế Trịnh phục hồi nhà Lê, nhưng không gặp thời, không có thế, đến nỗi nước mất nhà tan, đó là việc lớn không xong (đại trình hung). **Toán Hà Lạc giải:** *Dù có đức cũng khó xem xét hết bên dưới. Sự nghiệp không phát triển được.*

MHC: Dù có lòng muốn ban ơn cứu giúp người cũng chỉ đạt được kết quả nhỏ thôi.

MKHC: Chỉ thích làm lớn, lập công to, càng thêm tai họa.

Vận Năm- **Mọi Giới:** Mọi việc không nên nóng nảy làm liều, phải suy xét dần thì mới tránh được tai nạn.

Hào 6 âm

Cười ngửa dùng dằng, như khóc ra máu mắt, chảy đầm đìa. Theo PBC: Hào này trên hết quê Truân, phản ánh thời Truân nạn đã đến cực điểm. Tuy có hào 3 chính ứng nhưng cũng là âm nhu cả, không ứng viện cho nhau được, ở thời Truân nạn mà không thầy, không bạn. Hào âm, tài hèn, nhu nhược, lại ở địa vị khốn cực, nên lấy tượng người cười ngửa không biết rẽ lối nào, khóc chảy máu mắt đầm đìa, không mong gì lâu dài nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiến lên thì chẳng biết đi đâu, lo sợ vô cùng.*

MHC: Trước tiến sau lùi, chí chẳng kiên trì, thông kim bác cổ mà chẳng toại công danh. Cuộc sống buồn bực, già khổ.

MKHC: Thân thích bị hình thương. Hôn nhân xung khắc. Đường vinh hiển thấy nhục.

Vận Năm - **Giới Quan**: Phòng bị dèm pha. **Giới Sĩ**: Phòng bị hạ nhục. **Người thường**: Phòng tổn thiệt. Xấu nữa thì tổn thọ. Có tang cha mẹ.

4- SƠN THỦY MÔNG

----- **Mông** là Muội (còn ngu tối, cần được hướng
----- dẫn). Thuộc tháng 8. **Lời Tượng**: *Dưới núi, suối*
----- *mới chảy ra là quẻ Mông (trẻ thơ). Người quân*
----- *tử lấy đấy mà giữ nếp cho quả quyết, nuôi đức*
----- *cho cao. (Suối mới chảy ra chưa có hướng nhất*
----- *định). Mông còn là non yếu, mù mờ.* **Toán Hà**
Lạc giải: Những tuổi nạp giáp **Mậu: Dần, Thìn,**
Ngọ; Bính: Tuất, Tý, Dần được quẻ này rất tốt.
Lại sinh vào tháng 8 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Theo tượng quẻ thì trên có núi (Cấn), dưới chân núi có nước sâu (Khảm), có nghĩa là tối tăm. Lại hình dung dưới chân núi có suối nước trong, như trẻ nhỏ (suối thì nhỏ, sông mới là lớn) gọi là "đồng mông", cho nên gọi quẻ này là Mông. (Mông là non yếu). Đặc biệt quẻ này chú trọng vào hào 2 và hào 5. Hào 2 là Dương cương đắc trung, làm chủ quẻ nội, đáng làm người thầy cương nghị, mở mang cái tối tăm cho trẻ. Hào 2 ứng với hào 5 âm nhu thuận mà cũng đắc trung, là tượng học trò ngoan. Vậy là thầy trò tương đắc, sự học hành tất có kết quả tốt, nên quẻ này có tính hanh thông. Tư cách của thầy là cương, của trò là nhu, cho nên thầy không phải cầu trò, mà trò phải cầu thầy. Và khi dạy, trò hỏi một lần thì bảo. Hỏi 2, 3 lần thì là nhàm, không bảo. Bảo là nhàm trẻ thơ. Giữ được đạo chính thì có lợi, thành

công. Theo Trình Di: Hối còn có thể hiểu là bối. Mối bối, thì thành tâm đến cầu để giải sự mờ tối, nên lấy đạo cương trung để mở mang cho. Bối 2, 3 lần là phiền nhiễu, là không thành tâm, là nhằm nhĩ khinh nhờn, không nên bảo nữa. Bảo họ, họ cũng không thể tin, nhận, là làm nhằm lẽ trời của họ. Cả người hối, người bảo đều phiền, nhằm.

Hào 1 âm

Muốn mở trí ngu tối cho trẻ, có khi phải dùng hình phạt mới được, nhưng chỉ dùng để tháo gông cùm cho khỏi những thói xấu thôi, rồi cảm hóa dần. Chớ đi quá đà sẽ hối tiếc. Theo Trình Di: Gông cùm còn phải hiểu là gông cùm về sự mờ mịt. Theo NHL: Hào âm này ở vị trí thấp nhất trong quẻ Mông là tượng kẻ hôn ám nhất, nên phải dùng hình phạt mới cởi cái gông cùm cho họ được. **Toán Hà Lạc giải:** Thuộc lớp người làm rõ đường lối hay phương pháp dạy trẻ.

MHC: Gần bậc tôn quý, chuyên cần đi vào ngành giáo hoá đức nghiệp, không mưu cầu danh lợi, cũng không cần văn bằng, đi vào con đường biên soạn sách giáo dục, xây dựng những điển hình, không cần quyền uy mà vẫn thường phạt được. (Quẻ thuộc mệnh nhà giáo).

MKHC: Làm lương dân, người lành đủ ăn đủ mặc, không bị cảnh gian nan.

Vận Năm- **Giới Quan:** thuộc ngành giáo dục, nhà văn, nhà pháp luật. **Giới Sĩ:** Bắt đầu thi cử. **Người thường:** Hay bị vào cửa quan, xích mích với bạn bè, đấu tranh xô sát, dèm pha ám muội. Nhưng sau cũng được giải thoát khỏi hoạn nạn. Số xấu còn bị án hình.

Hào 2 Dương

Bao dung kẻ mờ tối, tốt. Dung nạp hạng người nhu ám như đàn bà (!) tốt. Phận con mà sửa trị được việc nhà (ở ngôi

dưới mà gánh vác việc trên). NHL giảng: Hào 2, dương cương, đắc trung, cho nên bảo là có đức bao dung; nó làm chủ nội quái, thông trị cả 4 hào âm, cho nên bảo nó dung nạp được các hào âm (ví như đàn bà), nó ở dưới thấp mà lại là hào quan trọng nhất, nên ví nó như người con mà cai quản được việc nhà. Được hào này là tốt. PBC chỉ rõ thêm: Hào 5 ở địa vị tôn quý trong quẻ tức như cha trong nhà, hào 2 ở dưới, như con. Cha nhu nhược, vì là âm, con cương cường sáng suốt, vì là Dương, cảm hóa được cha, làm cho cha hết hôn ám, như vậy là con sửa trị được việc nhà. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm đúng đạo thấy thì tốt.*

MHC: Là bậc hiền tài lớn, đại lượng, bao dung được mọi việc, giữ hòa khí với mọi người, trung hiếu vẹn toàn.

MKHC: Khởi gia lập nghiệp, vợ đảm, con quý.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nên giữ phận mình. **Giới Sĩ:** Là học trò, sinh viên nên vào sư phạm. **Người thường:** Được nhân tình hòa hợp, mọi việc đều thành, hôn nhân tốt lành, sinh nở khoẻ mạnh, khí động, khí tĩnh đều bình an.

Hào 3 âm

Đừng dùng hạng con gái, thấy trai có vàng thì coi thân mình như chẳng có, chẳng có lợi gì cả. (Hào 3 không trung, không chính mà hào 6 lại là Dương). PBC nhấn mạnh: Hào này lấy tượng con gái đáng chê nhưng không phải chuyên nói về phụ nữ. Nó còn nói về bọn tiểu nhân tham vàng bỏ nghĩa. Xưa có anh Phùng Đạo bỏ vua này thờ vua khác, làm quan trái năm đời vua, là ứng với hào này. Hễ ai có quyền dùng người, hãy nhất thiết bỏ hạng người đó. **Toán Hà Lạc giải:** *Kẻ yếu hèn, dễ bán rẻ danh phận, không đáng thu dùng.*

MHC: Dù là người học rộng biết nhiều, có danh lợi, nhưng cũng là kẻ bỏ gốc theo ngọn, bỏ chính theo tà. Mệnh Nữ: Làm sủng thiếp (thiếp yếu), ni cô, kỹ nữ thì cũng yên thân.

MKHC: Có thói thâm hiểm, khua môi múa mép, nhiều lý thuyết, ít thực hành (Nói nhiều làm ít) bôn tẩu bụi đời, lao碌 tâm thần.

Vận Năm- **Giới Quan**: Tham những, nhục nhã. **Giới Sĩ**: Bỏ học tránh nghề. **Người thường**: Dư luận chê bai. Hoặc mang họa tửu sắc. Nên yên tĩnh để phòng mọi việc.

Hào 4 âm

Khốn vì trẻ ngu tối, hối then. NHL giảng: Quẻ Mông chỉ có 2 hào 2 và 6 là Dương cương, có thể cởi mở sự hôn ám được, còn 4 hào kia đều là âm hết. Hào 4 này cũng hôn ám như hào 3 nhưng còn tệ hơn hào 3 vì ở xa hào 2 dương (hào 3 còn ở gần hào 2 Dương), xung quanh toàn âm hết (hào 3 và hào 5 đều âm) như bị nhốt trong vòng hôn ám. Nó phải hối tiếc, xấu hổ vì trong 4 hào âm chỉ một mình nó ở xa các hào Dương, tức phải xa những người hiền minh, càng khốn trong vòng tối tăm. PBC chỉ rõ thêm: Hào 4 tư chất đã khốn nạn, mà lại không chịu học, tất là giới hạ lưu mà thôi. **Toán Hà Lạc giải**: *Bị khốn trong vòng hôn ám, hối tiếc. Cái hại không biết làm thân với người giỏi để học.*

MHC: Tuy có tài nhưng khó gặp được người lãnh đạo sáng suốt (minh chủ) cứ thui thủi giữ tiết lấy một mình, uống tài ở nơi hẻo lánh.

MKHC: ít giao thiệp, hay khoe khoang, hiểm con cháu, chỉ nên làm tăng đạo.

Vận Năm- **Giới Quan**: Không người đỡ đầu, không ô dù, hoặc tay chân, chậm thăng thưởng. **Giới Sĩ**: Không ai đề cử, khó tiến thân. **Người thường**: Lạnh nhạt nhân tình, kinh doanh trắc trở. Yên tĩnh thì hơn, động càn có hại.

Hào 5 âm

Bé con, chưa biết gì, (nhưng dễ dạy, tốt). PBC giảng: Hào 5 âm nhu nhưng đắc trung, địa vị tôn quý, nên biết nép

mình tìm người hiền, tín nhiệm hào 2 Dương ở dưới, tượng ông vua biết dựa vào hiền thần. Nhờ có đức nhu thuận, khiêm tốn, dốc lòng nghe thầy, lại được thầy cương minh như hào 2 nên kết quả tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Cách dùng người tài phải chỉ thành thì sự nghiệp trị nước mới có kết quả.*

MHC: Trẻ tuổi mình mẫn, đứng tuổi khiêm nhường, dễ thành tài khi còn trẻ, nhờ phúc tổ được chọn ra đảm nhiệm việc lớn, công việc trôi chảy.

MKHC: An phận thủ thường, không điều tiếng gì.

Vận năm - Mọi người đều được vừa lòng, toại ý.

Hào 6 Dương

Phép đánh bật cái ngu tối đi: Đùng nên làm cho trẻ (ức quá) thành giặc, không lợi. Phải ngăn giặc (thối xấu) cho nó, thì mới có lợi. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Mông, có nghĩa sự ngu tối đến cùng cực; nó ở trên cùng, mà bất trung, cho nên tuy có tài mở mang sự ngu tối nhưng quá nghiêm khắc, có thể làm cho kẻ ngu tối phản uất, phản kháng, bất tuân giáo hoá, có thể thành giặc, có hại. Nên tìm cách ngăn ngừa những kích thích ham muốn không lành mạnh quyến rũ nó từ bên ngoài; cả thầy lẫn trò đều thuận đạo lý. PBC nhắc: Hào nói về việc dạy người nhưng không chỉ riêng việc dạy người, suy rộng ra việc giáo hóa những "loạn dân", hoặc chế ngự đám tiểu nhân, tất thầy cũng không nên quá cương, chuyên bằng một cách công kích, gập người bất nhân mà ghét nó quá đáng, khác nào kích nó thành loạn, hại thêm. **Toán Hà Lạc giải-** MHC: Có danh vị lợi lộc hoặc sớm được tuyển dụng, hoặc lập chiến công, hoặc làm những chức quản lý tù ngục, thanh tra kiểm tra việc binh.

MKHC: Là người có chí khí, không sợ đảm nhiệm việc lớn, không lừa dối chức vụ nhỏ. Hoặc làm người quản lý nơi hương thôn có quyền hành.

Vận năm- **Giới Quan:** Giữ việc ngăn giặc. **Giới Sĩ:** Lập công bất được giặc cướp. **Người thường:** Phòng kiện tụng tranh giành, bị trộm cắp hay kẻ dưới làm hại.

5- THUY THIÊN NHU

----- **Nhu** là Thuận (mềm dẻo, đợi chờ thời cơ). Thuộc
----- tháng 8. **Lỗi Tượng:** *Mây lên trên trời là quẻ*
----- *Nhu (sấp Mưa, hãy đợi). Người quán tử coi đây*
----- *cứ ăn uống an vui. (Tu dưỡng để chờ thời).* **Toán**
----- **Hà Lạc giải:** Những tuổi **Giáp: Tý, Dần, Thìn;**
----- **Mậu: Thân, Tuất, Tý; hoặc Nhâm: Tý, Dần,**
Thìn được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 8 là
cách Phú quý. Được số âm dương, Nguyên Đường,
Quẻ, Hào hợp cách là đúng số tốt.

Theo PBC và NHL, Nhu có 3 nghĩa: Nhu là cần thiết, mà trong những cái cần thiết (Nhu yếu phẩm) thì đầu tiên là thức ăn, nên Nhu là thức ăn, sự ăn uống. Nhu là Chờ đợi. Ngoài ra Nhu còn là do dự, nghĩa này không dùng trong quẻ Nhu. Trình Di giảng: Kiên cứng mạnh cần tiến lên, mà gặp chỗ Khảm hiểm chưa thể tiến được, cho nên nghĩa là chờ đợi. Hào làm chủ trong quẻ này là Hào 5 Dương, ở vị chí tôn, lại Trung. Chính, cho nên có cái tượng thành thực, tin tưởng, sáng sủa, hanh thông; miễn là chịu chờ đợi thì việc hiểm gì cũng vượt được mà thành công. Tượng quẻ còn cho thấy dưới là Kiên, Trời, trên là Khảm, Nước, nên Khảm còn được hiểu là mây. NHL: Có cái tượng mây đã bao kín bầu trời, thế nào cũng mưa, vậy cứ ăn uống vui vẻ, di dưỡng thân thể và tinh thần, mà đợi lúc mưa xuống. Phụ chú của PBC: Ví như toan qua sông lớn, còn phải chờ gặp thuyền, là Nhu; có tiền sẵn trong lưng để trả, đó là hữu phu (có niềm tin); đón cho nhằm bến, lên cho nhằm thuyền, là Trình (chính, đúng), qua được sông, lên được bờ, là cát (vui). Đức chờ đợi là ở chỗ: Đứng lấy một việc gì, chỉ nín nhịn năm phút đồng hồ, cuối cùng là thắng lợi. Tính toan cho thiệt lành mà sau mới động, động cho đúng với thời khắc, không vì cương kiện mà nóng vội, hỏng việc, khôn khéo là ở chỗ ấy. PBC lại thêm: Nói âm thực yến lạc không nghĩa là rượu chè, hát xướng đâu, bởi vì Nhu là

chờ đợi chốc lát thôi. Nhưng trước khi chờ đợi đó, vẫn đã sắp đặt sẵn sàng, chứa trữ đầy đủ, đó chính là tượng quẻ Nhu vậy.

Hào 1 Dương

Đợi ở nơi đất rộng xa. Giữ nếp Hằng thì có lợi, không lỗi gì. NHL giảng: Hào 1 là Dương, cương kiện sáng suốt mà ở xa quê ngoại là Khảm, tức xa nước, xa chỗ hiểm, đừng nóng nảy xông vào chỗ hiểm nạn, cứ chịu chờ đợi thì không lỗi. PBC chỉ rõ thêm: Giữ nếp Hằng là giữ nếp nếp thường ngày, bình thường, chớ thấy mình xa chỗ hiểm mà vội vàng khinh tiến, thời mới được vô cữu (không lỗi). **Toán Hà Lạc giải:** *Sự hiểm trở còn xa, chưa nên biến đổi gì.*

MHC: Thanh liêm, công, chính, giữ chức, nhà ở đất xa ngoài thành thị.

MKHC: ẩn dật nơi núi rừng, hưởng lộc tùy phận, tùy duyên, không dính dáng vào đường vinh nhục, hỷ nộ của áng công danh.

Vận năm- **Giới Quan:** nên an thường thủ phận. **Giới Sĩ:** Tiến bước bằng đường đi vòng ngoài (cửa sau), cũng đi tới nhưng không thoái chí. **Người thường:** Nên giữ phận thường, để tránh tai hại. Người mất táng nơi nghĩa địa xa.

Hào 2 Dương

Đợi ở nơi bãi cát. Có chút điều tiếng, sau mới tốt. (Bãi cát là nơi gần quê Khảm hiểm trở). NHL giảng: Hào này đã gần quê Khảm hơn, ví như tới bãi cát gần sông, chưa tới nổi sập hiểm mà hào lại đặc trưng, cho nên tuy là dương cương mà biết khôn khéo, ung dung, không nóng nảy như hào 1, cho nên dù có điều tiếng nho nhỏ, rồi cuộc cũng vẫn tốt. PBC nhấn thêm ý nghĩa chữ Trung: Trung là nghĩa vừa cân (Trung là giữa) lại nghĩa là vừa đúng, nghĩa như chữ Trúng là nhằm. Vẫn nhiệt tâm mà không quá nóng, vẫn trầm

tĩnh mà không quá nguội, vẫn cẩn thận mà không phải hồ nghi, vẫn thung dung mà không phải là chậm trễ. Thời chưa đến, ai dắt mấy ta cũng không đi. Thời đến rồi, ai kéo lại ta cũng cố tới, đủ các phương diện ấy, chính là đúng nghĩa chữ trung, sử sự vào Thời Nhu, không gì hay hơn. Vậy nên chữ trung của hào 2 dương thời Nhu đi với chữ cát (tốt). **Toán Hà Lạc giải:** *Người có phận sự đã bắt đầu tiến bước, trước khó khăn, sau đi được.*

MHC: Là quý nhân, gặp quý nhân.

MKHC: Là người bốn tấu, giang hồ, múa lưới khua môi. Tuổi trẻ được học hành, muộn tuổi mới được hưởng phúc.

Vận năm- **Giới Quan:** Bị dư luận xuyên tạc. **Giới Sĩ:** thi thố tài văn, bị trách cứ nhưng sau cũng thanh thoả. **Người thường:** Bị điều tiếng, thừa kiện, tranh chấp rắc rối. Đại để việc gì cũng nên thông thả đợi quý nhân, tự nhiên sẽ có cách giải quyết.

Hào 3 Dương

Đợi ở chỗ bùn. Tự với giặc đến (gần nơi hiểm trở rồi).
NHL giảng: Hào này đã ở sát quẻ Khảm, tuy chưa sụp xuống nước, nhưng đã ở chỗ bùn lầy rồi; thể của nó là dương cương, vị của nó cũng là dương, mà lại không đắc trung, có cái tượng rất táo bạo, nóng nảy, làm càn, tức như tự nó với giặc đến, tự gây tai họa cho nó. Nếu nó biết kính cẩn, thận trọng thì chưa đến nỗi nào, vì tai họa vẫn còn ở ngoài (ở ngoại quái). PBC chỉ rõ thêm: Kính là tính nét cung kính ở khi thường; thận là cẩn thận ở khi lâm sự. **Toán Hà Lạc giải:** *Bản thân đã đi tới gần hiểm trở, phải tự giữ mình.*

MHC: Dù có lợi danh, vẫn cứ nơm nớp lo buồn, khư khư không sao thoát được cảnh trần ai lận đận.

MKHC: Quen thói ngang ngạnh, thân đi vào hiểm trở, chẳng nghe lời thẳng, tin miệng nói xằng, nên bị lao đao ở nơi chông gai rậm rạp.

Vận năm- **Giới Quan**: Làm lớn, hưởng phúc cả đời.
Giới Sĩ: Yến tiệc luôn luôn. **Người thường**: Vui mừng thóc, vải gia tăng. Hôn nhân tốt.

Hào 6 âm

Vào nơi hang hiểm. Có ba người khách thông dong đi lại. Kính trọng họ, sau tốt. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ ngoại là Khảm, nên báo là chỗ cực hiểm. Nó có hào 3 ở dưới ứng với nó, hào 3 là dương, nó kéo theo cả hào 1 và 2 cũng là dương, nên nói là có 3 người khách sẽ tới. Họ không tới ngay được vì họ ở xa hào 6, cho nên nói là họ ung dung sẽ tới. PBC chỉ rõ thêm: Tượng hào 6 tuy âm nhu, mà lên ở vị cao tốt, tuy tài không xứng với vị, nhưng biết khiêm tốn, kiên trì, kính trọng lấy những bạn dương cương, cũng chưa đến nỗi thất bại lớn vậy. **Toán Hà Lạc giải**: Đối với người tự dương đến với mình, càng kính trọng họ thì có thể thoát hiểm.

MHC: Có học, trước cần cù, sau sẽ tốt. Bé thì mãi ham công danh, già thì ẩn dật nơi hang núi, thân người hiền, đến với người thiện, không nản lòng.

MKHC: Nên giữ phận mình, khiêm tốn, ắt được quý nhân cứu thoát hiểm nguy.

Vận năm- **Giới Quan**: Được gọi về trung ương, nên cẩn thận, dễ bị dèm pha. **Giới Sĩ**: Được vào Đại học, cũng dễ bị hiểm nghị. **Người thường**: Thường ở ẩn, mà cũng còn là tai ách bất kỳ. Nói chung nên thận trọng. Số xấu: Nhẹ thì sủng sớt (bất ngờ, ngạc nhiên); nặng thì giảm thọ.

6- THIÊN THUY TỤNG

----- **Tụng** là Luận (bàn cãi, kiện tụng). Thuộc tháng 2.

----- **Lời Tượng**: Trời với Nước đi trái ngược nhau là

----- quẻ Tụng (kiện tụng). Người quân tử coi đấy mà,

----- hễ làm việc gì, phải mưu tính ngay từ đầu. Những

----- tuổi **Giáp, Mậu: Dần, Thìn, Ngọ; Nhâm (hoặc**

----- **Giáp):** **Ngọ, Thân, Tuất**, được quẻ này rất tốt.

Lại sinh tháng 2 là cách Công danh, Phú quý.

NHL giảng: Do Càn (Trời) có xu hướng đi lên, Khảm (Nước) có xu hướng chảy xuống thấp, như vậy là trái ngược nhau, cũng như hai người bất đồng đạo, tranh nhau mà sinh ra kiện cáo. Như vậy, lời tượng khuyên người quân tử làm việc gì cũng nên cẩn thận từ lúc đầu để tránh kiện cáo. PBC chỉ rõ thêm: Tượng quẻ này về mặt chữ chỉ nói chữ Tụng, nhưng thâm ý của thánh nhân chẳng phải chuyên nói việc Tụng mà thôi. Hễ những việc họa hoạn ở trong thiên hạ, gia đình sở dĩ đến nỗi tan nát, vợ chồng sở dĩ đến nỗi lìa tan, bạn bầu sở dĩ đến nỗi thù nhau, lớn như chiến tranh giữa các nước, nhỏ nữa như viết một hàng chữ, nhà một lời nói, thường đến nỗi gây ra họa vãn tự. Tự trung lại vì không biết mưu sự lúc ban đầu đó thôi (Phụ chú). Lẽ thường trong thiên hạ, có kết quả, tất trước đó đã có tạo cái nguyên nhân. Kết quả sinh ra Tụng, tất có tạo nguyên nhân từ khi bắt đầu, gây mối chỉ có may mắn, thường hay nảy nở ra cái tai vạ. Tục ngữ có câu : Cái sảy nảy cái ung, chính là lẽ ấy. Quân tử xem quẻ Tụng, mới nghĩ ra phương pháp cho tiêu cái họa Tụng, bằng cách: Hễ làm việc gì phải hết sức cẩn thận, tính toán từ đầu, mối kiện đã không gây ra thì cái tai họa bằng kiện nhau tự nhiên tiêu diệt.

Hào 1 âm

Chẳng kéo dài mãi việc ấy (việc kiện), *có chút điều tiếng* (chê cười) , *sau tốt*. NHL giảng: Hào 1 âm nhu ở dưới, được hào 4 cương kiện ở trên ứng viện, tức là có chỗ dựa; nhưng đừng nên ý thế sinh sự kéo dài việc kiện, có bị trách một chút thì cũng thôi, kết quả được biện minh, thế là tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Vụ kiện (nếu có) không lâu, mới dần thì ăn khuất, sau sáng tỏ.*

MHC: Tâm tình sáng suốt, độ lượng, biết thời cơ, bảo toàn được thân, tránh được hại, gặp thời đi vào đường lập ngôn (tuyên truyền, báo chí...), biên soạn lịch sử, không để tai tiếng gì.

MKHC: Cũng biết tùy thời, liệu việc, làm nên, nhưng chẳng bền bỉ.

Vận năm- **Giới Quan**: Bị dèm pha, biện luận làm sáng tỏ được. **Giới Sĩ**: Có chút điều tiếng, không hại gì quá. **Người thường**: Miệng tiếng thị phi, thừa kiện, rồi mình oan được. Có bệnh không thuốc cũng khỏi. Số xấu thì giảm thọ.

Hào 2 dương

Chẳng kiện nổi đầu (hào 5 mạnh), lui về mà tránh đi, áp mình chỉ có ba trăm óc nhà thôi (ý nói địa vị mình thấp, thế mình nhỏ) như vậy thì không bị họa. NHL giảng: Hào 2 ở dưới, trung chứ không chính, ở giữa nội quái là Khảm (hiểm) lại bị 2 hào âm 1 và 3 vây, nên thế yếu, muốn kiện hào 5, (vì 2 có tính dương cương) nhưng thế không địch nổi, vì hào 5 trung, chính lại ở ngôi cao. Dưới kiện trên khác nào trứng chọi đá, không nên, thà rút lui về, tránh đi còn hơn, không bị tội lỗi. Nếu dưới mà kiện trên khác nào tự mình vợ lấy họa. Phụ chú của PBC: Hào này ứng với việc Nguyễn Hoàng (hào 2) muốn kinh với Trịnh Kiểm (hào 5), hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm, được câu "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân", có ý khuyên nên trốn tránh vào Nam cho thoát nạn. (Chú ý: cùng việc kiện mà hào 1 cùng phe với hào 4 vì hai hào chính ứng với nhau, một âm, một dương; hào 2 và 5 tuy cũng chính ứng, nhưng cùng dương cương, coi như kị nhau, không thể cùng phe trong quẻ Tụng). **Toán Hà Lạc giải**: *Người đi kiện, nhờ còn biết điều, nên tốt lành.*

MHC: Hoặc giữ chức hộ tịch, hoặc ở ẩn, chí thú làm giàu, tiền của không gây oan nghiệt.

MKHC: Khó làm người phục, tiến lên thì bị ngăn trở, thoái lui mà an phận thì hơn.

Vận năm- **Giới Quan**: hưởng lộc ở ấp. **Giới Sĩ**: Giữ gìn lễ thói cũ (bảo thủ), kéo bị tai tiếng. **Người thường**: Nhà cửa an ninh. Có thể khỏi kiện tụng về việc hộ tịch, hôn nhân.

Nếu Nguyên dương và Số âm dương không hợp thời thì xấu. Nặng thì có thể bị tội trục xuất, lưu đày, trốn tránh, khó về.

Hào 3 âm

Cút (yên ổn mà) hưởng cái đức (án trạch) cũ của mình (Chu Hy hiểu là giữ cái nếp cũ) ăn ở cho chính đáng mà thường để lòng lo sợ thì kết quả sẽ tốt. Nếu phải đi theo làm với người trên thì cũng đừng mong thành công. NHL giảng: Hào 3 đã âm nhu lại bất chính (âm ở ngôi dương) ở chông chênh trên cùng quẻ Khảm hiểm, chung quanh đều là kẻ thích gây sự (hào 2 và 4 đều là dương) cho nên hào 3 phải lo sợ, nếu hiểu như thế mà biết giữ gìn thì rốt cuộc sẽ yên ổn. Lại nữa: hào 3 chính ứng với hào 6 dương ở ngôi trên, nên có khi nó lôi kéo hào 3 vào cuộc kiện tụng, trong trường hợp đó, 3 nên an phận, theo lấy lệ thôi, đừng ham lập công. **Toán Hà Lạc giải:** *an phận thì tốt lành.*

MHC: Được hưởng tổ nghiệp, hoặc giữ được cơ nghiệp ruộng vườn, rồi nhờ sức người mà thành công.

MKHC: Trước khó sau dễ, trước nhục sau vinh.

Vận năm- **Giới Quan:** Vui vẻ nghề nghiệp. **Giới sĩ:** Giữ phận tốt lành, bình thường. **Người thường:** Bình an vô sự.

Hào 4 dương

Không thể kiện cáo được, trở lại theo thiên mệnh (lẽ chính đáng), đổi ý, đi (và) ở yên theo điều chính thì tốt. NHL giảng: Hào này dương cương mà bất trung, bất chính, tượng một người ham kiện cáo. Nhưng không thể kiện ai được. Kiện (hào) 5 thì 5 ở ngôi trên mình, không dám; kiện 3 thì 3 âm, nhu thuận, chịu thua trước rồi; kiện 2 thì 2 vừa cương, vừa chính, trung, lại sáng suốt ẩn tránh nên càng khó; còn 1 thì đã về phe với 4. Đành phải bỏ ý ham kiện đi, theo lẽ phải, ở yên giữ điều chính, như vậy thì tốt. PBC chỉ rõ thêm: Lời

tượng hào này khuyên ai ở vào hào 4 hãy thuận nghe theo mệnh trời, biến đổi tính xấu của mình, mà giữ yên lấy đạo lý chính, thời chẳng đến nỗi thất bại. **Toán Hà Lạc giải:** *Biết tự xử, đứng vững thì không lầm lỗi.*

MHC: Chí cương quyết, lòng tự ái, theo lành, sửa lỗi. Mệnh quý, thọ, an nước, an nhà. Đàn bà gặp hào này là mệnh phụ, làm vợ ông lớn.

MKHC: Hay lên nước, phạm thượng, không xét nghĩa lý để tu tình, khó an lành.

Vận năm- **Giới Quan:** Được phục chức. **Giới Sĩ:** Tiến thủ. **Người thường:** Theo điều lành, sửa điều lỗi, tránh được việc kiện tụng cửa quan. Số xấu thì dễ phòng bị đi an trí.

Hào 5 dương

Xử kiện, hay đi kiện, đều tốt. NHL giảng: Hào 5 này ở ngôi chí tôn, cương mà mình, trung và chính. Nếu là người xử kiện thì là người có đức, có tài (như Bao Công), nếu là người đi kiện thì gặp được quan tòa có đức có tài, không gì tốt bằng. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức hay, địa vị chính đáng, việc thưa kiện có ích lợi.*

MHC: Học rộng, tài cao. Có thể đỗ ngang Tam nguyên, làm đến chức Chính khanh đời xưa.

MKHC: Cũng trung chính, khiêm nhường, cung kính, biết thời cơ, cố giữ mình, ít nhất cũng là nhân sĩ hương thôn.

Vận năm- **Giới Quan:** Được thăng thưởng (cấp độ Huân, huy chương). **Giới Sĩ:** Vinh hiển. **Người thường:** Tính toán làm ăn có lợi.

Hào 6 dương

Mày mà được cái dai lớn (của quan chức), thì trong một buổi sáng sẽ bị cướp ba lần. NHL giảng: Hào dương này ở trên cùng quẻ Tụng là kẻ rất thích kiện, kiện tới cùng. Nó ở

ngôi 6 là bất chính, cho nên dù có may ra được kiện, thì chẳng bao lâu cũng sẽ mất hết. Rồi cuộc vẫn không lợi. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên chấm dứt việc kiện đi. Vì trước thắng, sau bại.*

MHC: Tham công, tiếc lợi. Mưu đồ lớn, dám làm, chẳng cần ngó đến danh phận hay đạo lý, nên có thể nhảy ngôi vị lớn, đoạt lợi, cầu may.

MKHC: Họa sinh từ nội bộ, cái thất bại tới bất ngờ, trước thành sau bại, thân nhà khó bảo toàn.

Vận năm- **Giới Quan:** (Nếu chức lớn) tiến lùi, thành bại bất thường. **Giới Sĩ:** Đạt chí. **Người thường:** Bị thừa kiện. Đương có tang mà xảy thừa kiện thì thua thiệt.

7- ĐỊA THUY SƯ

----- **Sư** là Chúng (trong nhóm từ quần chúng), Đám
----- đông, Quân đội. Trước gian nan, sau thành công.
----- Thuộc tháng 7. **Lời Tượng:** *Trong Đất có Nước*
----- *tụ lại là tượng quần chúng tụ họp thành đám*
----- *đông. Người quân tử coi quẻ này mà chăm lo*
----- *việc nuôi dân, nhờ rằng nước vững nhờ có đất,*
----- *binh mạnh nhờ có dân.* **Toán hà lạc giải:**
Những uối **Mậu: Dân, Thìn, Ngọ; Quý hoặc**
át: Sửu, Hợi, Dậu lại sinh tháng 7 được quẻ này
là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Khôn tượng là Đất, Khảm tượng là Nước, nên có cách giảng như trên. Theo Chu Hy, ở dưới Khảm là hiểm, ở trên Khôn là thuận như vậy là giấu cái hiểm trong cái thuận, gửi việc binh trong việc nông, (thời bình làm ruộng, thời loạn làm lính) đó là việc binh ngày xưa. Lại nữa: Hào 2 dương nằm giữa nội quái là tượng ông tướng, hào 5 âm ở vị trí vua (như chính ủy), 4 hào còn lại là âm nhu, mềm, nên sứ mạng chỉ huy thuộc về hào 2. Do vậy, quẻ có ý nghĩa: Xuất quân là việc nguy hiểm, độc hại (Khảm hiểm), nhưng nếu

xuất quân vì chính nghĩa, để trừ bạo, an dân, thì dân sẽ theo (Khôn thuận), sẽ giúp đỡ mình, mình sẽ điều khiển được ba quân, do đó sẽ lập nên sự nghiệp, không lỗi. PBC: Có mấy vạch âm dương mà đọc lên chừng ấy ý tứ thật là tuyệt diệu.

Hào 1 âm

Ra quân phải giữ kỷ luật, nếu không lành, thì xấu. NHL giảng: Đây là bước đầu ra quân nên phải rất cẩn thận, giữ nghiêm kỷ luật, giữ khéo điều lành (để khỏi mất lòng dân, mất lòng quân). PBC chỉ rõ thêm: Cả 6 hào quẻ này lời hào đều nói về việc quân, nên đây là quẻ làm sáng tỏ việc dùng binh. **Toán Hà Lạc giải:** *Người hành quân (dùng binh) phải rất thận trọng, không thể cầu thả.* (Các nhà quân sự thường gặp quẻ này).

MHC: Có uy danh, dân kính phục, lòng nhân ái ra ơn khắp, chí công vô tư, hưởng lộc lâu dài.

MKHC: Tính hay thay đổi, việc làm hay vượt lẽ lối cũ, trước được hưởng phú quý, sau sẽ sụp đổ.

Vận năm- **Giới Quan:** Tận tâm với chức vụ, nhiều việc hanh thông. **Giới sĩ:** Bài vở trúng, công danh thành. **Người thương:** Kinh doanh có kế hoạch, tài lộc có phát. Nếu khinh động thì thành ít bại nhiều. Số xấu gặp hiểm trở, giảm thọ.

Hào 2 dương

Ở giữa đám quân, tốt, không lỗi gì, được trên ba lần khen thưởng. NHL giảng: Là hào dương độc nhất trong quẻ, thống lĩnh các hào âm. Là dương cương, lại được hào 5 âm ở trên ứng thuận giống như vị tướng được trên giao toàn quyền, nhờ đặc trưng nên không tội lỗi, còn được nhiều lần (ba là nhiều) khen thưởng (còn được giảng là nhiều lần được giao mệnh lệnh). **Toán Hà Lạc giải:** *Điều binh khiến tướng giỏi, lập công.*

MHC: Cương quyết mà không ngược ngạo, có ân có uy; hoặc làm tướng ngoài biên ải mà được lòng quân, dân. Hoặc ở tổng hành dinh mà xa gần đều cảm mến.

MKHC: Cũng là kẻ cả trong làng, trong phố, được trên khen, dưới mến.

Vận năm- **Giới Quan**: ở ngoài được gọi về trung ương, ở trung tâm đổi ra địa phương, hoặc hành quân bên ngoài. **Giới Sĩ**: Ưu, thành công. **Người thường**: Được quý nhân giúp đỡ, việc thành. Người tu hành thì tiến về đạo đức. Mệnh nữ: Tốt, có danh.

Hào 3 âm

Ra quân mà xác chết chờ đầy xe, xấu. NHL giảng: Hào này vừa bất chính, âm ở vị dương, vừa bất trung lại ở quẻ Sư nên xấu, thất trận, chờ xác chết về. **Toán Hà Lạc giải**: *Khinh địch, bại trận.*

MHC: Tài sợ, đức mỏng, dân chúng không phục.

MKHC: Tuổi thọ không dài.

Vận năm- **Các giới**: Lo buồn đồn dập, hoặc cố đại tang, hoặc phải đi về nơi thôn ấp, hoang vắng. **Giới Quan**: Chờ loạn khuyết điểm, nhược điểm. Hoặc chờ đưa về chỗ thiếu. **Giới Sĩ**: Không trở ngại. Nếu sinh vào tháng 12 thì tốt.

Hào 4 âm

Quân lui về phía sau, không lỗi. NHL giảng: Hào này tuy bất trung nhưng lại đắc chính (âm ở vị âm), không có tài (hào âm), nhưng biết liệu sức mình, hãy tạm lui, để khỏi hao quân, phép dùng binh là tránh quân địch mạnh, nên không lỗi. **Toán Hà Lạc giải**: *Cầu may mà thắng thì sẽ thất bại.*

MHC: Sáng nước bước, liệu việc trước, biết ứng biến từ lúc thời bình, nên tránh được họa khi loạn đến.

MKHC: Nên lui về chức khiêm nhường hơn, bình dị, an cư, bảo toàn được thân mệnh.

Vận năm- **Giới Quan:** Trong sáng, cần cù nơi hẻo lánh. **Giới Sĩ:** Được vào nội trú. **Người thường:** An cư, lạc nghiệp, hoặc xây dựng nhà cửa, hoặc cư ngụ nơi xa, tránh được tai họa.

Hào 5 âm

Như đồng có muông thú (về phá), sẵn bắt chúng thì không lỗi. Dùng người lão thành làm tướng cầm quân, nếu dùng bọn trẻ (tài kém), thì phải chờ thấy mà về, dù có danh nghĩa chính đáng, kết quả vẫn xấu. NHL giảng: Hào 5, ở vị chí tôn, âm, tượng thủ lãnh cao quý, trung, nhu thuận, không gây chiến, vì có họa xâm lấn mà phải đánh đuổi, nên không lỗi. Về vấn đề giao quyền cầm quân, người được hào này nên trao cho người lão thành (người có thủ thách), hoặc người thực tài (hào 2), chớ trao cho đám người trẻ (ở đây chỉ có ý nghĩa là người thiếu kinh nghiệm) hoặc kẻ tài hèn, đức mỏng, trí kém, giá trị thấp (hào 3, hào 4) (hoặc để chúng tham gia chỉ huy) dù chiến tranh chính nghĩa cũng thất bại, mang nhục, chờ xác về. **Toán Hà Lạc giải:** *Xem xét về nghĩa (lý) cầm quân và đạo làm tướng.*

MHC: Tiến thân hợp lẽ phải, thuận đường, lập công mà vẫn tỏ ra có đức, nó động thì mình ứng, xem xét kỹ rồi mới ra lệnh, dẹp loạn cứu dân, uy danh nổi như cồn, khắp chốn.

MKHC: ở nơi thôn dã, có vườn, có gia súc, có học, có quyền, con lớn thì quản được việc nhà; con nhỏ hay bị chèn ép. Số xấu thì lại là người nói liều, làm bậy, vụng về, gàn quai. (Muốn biết số xấu hay không kết hợp xem toán Tứ trụ).

Vận năm- **Giới Quan:** Hoặc ra chấp chính, hoặc có tên tuổi. **Giới Sĩ:** Đỗ hạng vừa. Thành danh. **Người thường:** Thuế ruộng ngày càng cao (bất lợi), nếu ủy quyền (cho người khác thay quyền làm việc) thì được việc. Đối với trẻ con phải phòng tật ách.

Hào 6 âm

*Khi đã khai hoàn, thành công, làm người nguyên thủ, hệ việc gì quan hệ đến việc mở nước, trị nhà thì chớ dùng kẻ tiểu nhân, dù họ có chiến công. NHL giảng: Hào ở trên cùng, trở lúc thành công, đến việc luận công khen thưởng, nhớ rằng kẻ tiểu nhân trong chiến đấu vẫn lập được công, nay chỉ nên khen thưởng tiền bạc thôi, chớ giao cho địa vị trọng yếu trong nước, vì công việc kiến thiết quốc gia phải người tài đức mới gánh vác nổi. PBC chỉ rõ thêm: Trong sử Tàu, Bành, Kinh là hạng tiểu nhân nhưng vua Hán đã dùng để đánh được Sở. Sử nước ta, có Trần Khánh Dư là người bình thường, nhưng Trần Hưng Đạo đã dùng để đánh quân Nguyên. Đó là cách biến thông của nhà binh. Đến như việc trị nước thì không thể như vậy được. **Toán Hà Lạc giải: Lập công danh đến tột cùng, nhưng không lợi dụng để được vinh thắng.***

MHC: Bậc đại nhân, được ân sủng, hưởng thọ, hoặc lập công to với đất nước, hoặc thừa hưởng tổ nghiệp.

MKHC: ít công tâm, cậy thế, cậy cơ hội, khinh dân, có thể chung hoạn nạn mà không chung hưởng lạc, phúc nhà mỏng.

Vận Năm- **Giới Quan** : Đương quyền lập công. **Giới Sĩ**: Thành danh, có thành tựu kỹ thuật. **Người thường**: Nuôi được gia đình, tiếp nối được nghiệp tổ, sinh thêm con cháu. **Các giới**: Phòng kẻ dèm pha, mưu chiếm vị, vượt quyền.

8- THUYẾT ĐỊA TỶ

----- Tỷ là Hoà (sánh vai, gần gũi, gặp dịp thuận tiện
----- để phát triển) Thuộc tháng 7. **Lời Tượng: Trên**
----- **Đất có Nước là quê Tỷ (sánh vai nhau). Các vị**
----- **nguyên thủ coi quê này mà xây dựng các địa**
----- **phương, các cơ quan phụ thuộc mình, thân với**
----- **cấp dưới. Những tuổi Mậu: Thân, Tuất, Tý;**
----- **Quý hoặc Ất: Mùi, Tị, Mão lại sinh tháng 7**
----- **được quê này là cách công danh, phú quý.**

NHL giảng: Quẻ này là trên Đất có Nước (chú ý quẻ này Khảm trên Khôn dưới, khác với quẻ Sư, Khôn trên Khảm dưới), nước thấm xuống đất, đất hút lấy nước, cho nên có nghĩa là gắn gũi thân thiết, giúp đỡ nhau. Lại có một hào dương cương, trung chính, (hào 5) thống lĩnh 5 hào âm, có cái tượng người trên cao được toàn thể dân chúng (hay người dưới) tin cậy, quy phục, do đó mà gọi là Tỷ. Nhưng hào 5 đó ở địa vị chí tôn, nên phải thận trọng tự xét mình kỹ càng, mà thấy đủ những đức nguyên (gốc: cao thượng, hiền), vĩnh (lâu dài) trinh (chính bền) thì mới thật không có lỗi. Chu Hy chỉ rõ: Người được quẻ này thì sẽ được người thân bám vào mình, nhưng phải bồi lại (có nghĩa là bồi tính dẫn đo chứ không phải dự đoán) để tự xét định xem có đủ đức Nguyên, Vĩnh, Trinh hay không (thì mới xứng đáng với thời Tỷ).

Hào 1 âm

Có lòng tin, mà gắn gũi nhau thì không lỗi. Nếu lòng thành tín nhiều như đầy một cái盎 (vò chứa) thì có thêm nhiều điều tốt khác nữa. Toán Hà Lạc giải: Lấy lòng thành cảm người ngay từ đầu thì về sau không việc gì là không tốt.

MHC: Chân thành gặp quý nhân ban cho lộc vị.

MKHC: Nhân nhả, an vui; người tu hành: lập đức; chuyên gia: sự nghiệp thành đạt.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có thành chuyên. **Giới Sĩ**: Đỗ đạt, được tiến cử. **Người thường**: Gặp bạn hiểu biết, việc dễ thành.

Hào 2 âm

Từ trong mà gắn gũi với ngoài, giữ chính bền thì tốt.
NHL giảng: Hào này âm nhu, đắc trung và chính, ở quẻ nội, ứng hợp với hào 5 dương cương cũng đắc trung và chính, ở quẻ ngoại, cho nên nói là từ trong mà gắn gũi với ngoài. Hai bên thân nhau vì đồng đạo, hợp chí, (trung chính cả) chứ

không phải 2 câu thân với 5 ở trên để được lợi, như vậy là chính đáng, không thất thân, nên tốt. PBC phụ chú: Lời tượng hào này cốt dạy ta quý trọng nhân cách nên nói: đừng đánh mất (giá trị) mình. Xưa nay việc trong thiên hạ, sở dĩ làm nên sự nghiệp lớn, tất cần có hai hạng người: Hạng người có tài đức, hạng người có thế lực. Người có thế lực phải chịu khuất người có tài đức, biết tôn quý người tài đức mà quên vị thế của mình. Người có tài đức phải giúp giùm người có thế lực mà đem thân ra gánh vác việc đời. Nếu một bên ý có thế lực mà không tôn trọng người tài đức, một bên tự khinh rẻ tài đức mình mà cầu cạnh người có thế lực. Như vậy người có thế lực mắc tội thất nhân (mất người), còn người tài đức mắc tội thất kỷ (mất giá trị của mình, tức là tự mất). Xưa có ông Y Doãn chờ vua Thang ba lần dâng lễ, ông Khổng Minh chờ chúa Lưu Bị ba lần đến lều cỏ, mới chịu ra giúp chúa cứu đời. Hai ông ấy há phải cố ý làm cao đầu, chỉ vì tôn trọng nhân cách của mình, mới mong duy trì được nhân cách một nước, một thế giới. Hào 2 âm chờ hào 5 dương xuống ứng với mình mới chịu tỵ (sánh vai, gần gũi) chính là nghĩa ấy (chớ đánh mất mình). **Toán Hà Lạc giải:** *Được vị nguyên thủ xứng đáng, làm việc vừa chính vừa tốt.*

MHC: Quý hiển, phúc trách lớn, ngôn hành đều có thực tâm. MKHC: Giới, được nhà vợ mạnh, dựa thế quý nhân.

Vận Năm- **Giới Quan:** ở trung tâm. **Giới Sĩ:** Thành danh trong nước hoặc trong địa phương. **Người thường:** Được nhờ thế lực, kinh doanh đắc ý. Nữ: Có chồng giỏi.

Hào 3 âm

Sánh vai với người chẳng ra người (Người không xứng đáng). NHL giảng: Hào này âm nhu, không chính, chung quanh lại toàn là âm nhu, cho nên tượng cho người xấu, không xứng đáng. **Toán Hà Lạc giải:** *Không chọn bạn, rất tổn hại.*

MHC: Trong chảng người thân, ngoài không kẻ giúp, dù có lộc vị cũng sợ tuổi thọ kém, và đường con cái khó khăn.

MKHC: Học không thành. Hay gì với bọn vô loài, dễ sinh tai tật, làm bậy, bị tổn thương.

Vận Năm- **Giới Quan:** Đồng liêu bất hòa, bị lỗi. **Giới Sĩ:** Bị truất giáng. **Người thường:** Bạn bè làm hại, khí huyết thương tổn. Mệnh Nữ: Lấy chồng du dương hoặc phá gia, nếu không thì cũng thua kiện, tiền mất tật mang. Có tang nữa.

Hào 4 âm

Gắn gũi với bên ngoài (hào 5). Giữ chính bên thì tốt. NHL giảng: Hào âm ở ngôi 4, đắc chính, tốt hơn hào 3, lại ở gần hào 5, như vậy là thân với người hiền (hào 5 trung và chính) và phục tùng bề trên, cho nên tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Sánh vai với người bên ngoài thật đáng cấp trên mình, vừa ngay vừa tốt.*

MHC: Tân tâm với chức vụ. Trong lòng, ngoài mặt như in. Phú quý bền lâu.

MKHC: Cũng chính đại, không a dua, không tự hạ, được tôn trọng nơi xóm làng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vinh thăng. Lợi lộc. **Người thường:** Ra ngoài được bạn giúp đắc lực.

Hào 5 dương

Đạo gần gũi rất quang minh. Như khi săn thú, vua chỉ vẫy ba mặt (còn mặt trước bỏ ngỏ) cho cầm thú thoát ra (phía đó). Người trong ấp (người chung quanh) được cảm hóa, không phải răn đe, tốt. NHL giảng: Hào này ở ngôi chí tôn, dương cương, trung chính, cho nên cả 5 hào âm đều phục tùng, đạo gần gũi như vậy là rất quang minh. Mọi người phục tùng một cách tự nguyện, không có cưỡng ép. Như vua đi săn, không vây cả 4 mặt, để chừa một mặt cho cầm thú thoát ra. Do đó người chung quanh cũng được cảm hóa, không phải răn đe mà họ cũng giữ được trung chính như vua.

Toán Hà Lạc giải: Có đức thì để cả thiên hạ gần gũi với mình.

MHC: Rất công bằng, chính trực, xử trên đối dưới hợp đạo lý. Cao thì ở trung ương, nhỏ nhất cũng ăn lộc ở quận, ấp (huyện, xã).

MKHC: Cũng trung chính, có đức hạnh, trước cô đơn, sau có bạn, trước vất vả, sau dễ dàng, dù thế nào cũng ấm no. Dù tài văn võ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vinh thăng. **Giới Sĩ:** Đổ đạt, được tiến cử. **Người thường:** Có hậu thuẫn, được dùng tốt.

Hào 6 âm

Không có đầu mối để gần gũi, xấu. NHL giảng: Hào âm này ở trên cùng, bất trung, không sao gần gũi với những hào âm ở dưới được, thế là không có đầu mối, là vô thủy (không có đầu tiên) mà vô thủy thì vô chung (không có kết thúc) cho nên xấu. **Toán Hà Lạc giải:** Kém đức thì không cảm hóa được thiên hạ.

MHC: Dù văn tài, võ giỏi cũng mất cơ hội rồi, chẳng kịp nữa.

MKHC: Giảm thọ, cô đơn, mất che chở.

Vận Năm- **Giới Quan:** Không được lòng dân, nguy. **Giới Sĩ:** Chẳng ai giúp đỡ, khó thành danh. **Người thường:** Hình khắc, tai ương, kém nữa thì giảm thọ.

9- PHONG THIÊN TIỂU SÚC

----- **Súc** là Nuôi, lại có nghĩa là Chứa (súc tích:
----- chứa chất) **Tiểu Súc** là Chứa nhỏ. Sách Hà Lạc
----- giảng Tiểu Súc là Ngăn cản nhỏ, Bế tắc nhỏ,
----- Chờ sắp giải quyết. Thuộc tháng 11. **Lời**
----- **Tượng:** *Gió đi trên trời là quả Tiểu Súc. Người*
----- *quân tử coi quả này mà hãy cứ làm đẹp văn đức*

(trau đổi đạo đức, chăm lo việc học, phát triển tài văn chương) để chờ thời mới hành động. Toán Hà Lạc giải: Những tuổi Giáp hoặc Nhâm: Tý, Dần, Thìn; Tân: Tị, Mão, Mùi lại sinh tháng 11 được quẻ này là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Theo tượng của quẻ, quẻ Cần (cương kiện) ở dưới, quẻ Tốn (nhu thuận) ở trên, có nghĩa là âm (Tốn) ngăn cản được dương (Cần), nhỏ ngăn cản được lớn. Gió (Tốn) bay trên trời (Cần), còn xa mặt đất, sức ngăn cản còn nhỏ, nên gọi là Tiểu Súc. Theo Trình Di, sức gió thì nhỏ, gió phải ở trên mặt đất thì mới có tác dụng, gió ở trên cao thì khó tích tụ mây để thành mưa nên bức bối, bế tắc, nhưng là bế tắc nhỏ thôi; gió thuộc âm, trời thuộc dương, âm sức nhỏ, tính âm nhu thuận nhưng lại ở vào vị trí ngăn đón, chế ngự cái lớn, cương kiện (một hào âm chế ngự 5 hào dương), tất phải biết tích chứa rất nhiều. Người thức thời coi quẻ này mà biết vận mệnh mình phải tích lũy, chứa, góp sức mình, chờ thời hành động thì mới có thành công. Súc là chứa, còn nghĩa là ngăn. Tiểu súc là chứa nhỏ, ngăn trở nhỏ. Vì nhỏ nên vận vẫn là hanh thông. PBC phụ chú Lời Tượng: ở vào thời Tiểu Súc, người quân tử chỉ nên trau dồi văn đức là vì sao? Bởi vì xưa nay việc tu thân cứu thế cốt ở hành động, mà không cần hư văn. Chẳng may hoàn cảnh gay go, thời thế bắt buộc chưa thể giương đôi cánh lớn, mới phải quay đầu làm những việc soạn sách, lập ngôn. Như Khổng Tử, Mạnh Tử (không gặp thời) viết sách làm kinh, muôn đời sau bất hủ. Người đời sau coi đó là việc lớn, nhưng thánh nhân chỉ xem bằng "Tiểu Súc" mà thôi.

Hào 1 dương

Trở về đạo lý của mình. Có gì là lỗi? Tốt. NHL giảng: Hào này là dương cương lại ở trong nội quái Cần, có tài, có chí tiến lên, nhưng ở thời Tiểu Súc, nên bị hào 4, ứng với nó, ngăn cản. Nó đành quay trở lại, không tiến nữa, hợp với đạo

tùy thời, như vậy không có lỗi gì cả. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiến mà được điều chính đáng, thế là tốt.*

MHC: Thuận lẽ thì tiến, biết có thể ngừng, kẻ tâm thường không lách được vào đâu mà nói. Trên dưới vừa lòng.

MKHC: Là kẻ sĩ nghiêm chỉnh, không chuộng phù hoa, tuy ở chỗ tịch mịch mà không a dua (không học đòi tăng ni).

Vận Năm- Giới Quan: Nếu đương nghi thì được phục chức. **Giới Sĩ:** Khôi phục nghề tự do. **Người thường:** Đi xa trở về. Số xấu thì tiến thoái trong nghi ngờ. Cũng bị ngờ vực. Bị thiên kiến.

Hào 2 dương

Dắt nhau trở lại đạo lý thì tốt. **NHL giảng:** Hào này với hào 5 là bạn đồng chí hướng: cùng dương cương, cùng đắc trung, cùng muốn tiến cả, nhưng cùng bị hào 4 âm ngăn cản, nên cùng dắt nhau trở lại cái đạo trung. Không để mất cái đức của mình. Theo Chu Hy thì hào 2 và hào 1 kéo dắt nhau, hiểu như vậy cũng đúng. **Toán Hà Lạc giải:** *Cùng một đường, cùng đi.*

MHC: Bạn với người hiền, hoặc thân với người lãnh đạo, đạt chí hướng.

MKHC: Hay gì (mà đi) với tiểu nhân, tuy vị có quý nhưng không làm được việc lớn.

Vận Năm- Giới Quan: Làm trưởng, có đường lên. **Giới Sĩ:** Tay lãnh đạo xuất sắc. **Người thường:** Cùng bạn, kinh doanh được. Số xấu thì bị liên quan, dâm hồng việc.

Hào 3 dương

Xe rời mất trục; vợ chồng trái mắt nhau. **NHL giảng:** Hào 3 quá cương (vì thể chất, vị trí đều là dương) mà bất trung, hăng tiến lên lắm, nhưng bị hào 4 ở trên ngăn chặn, nên tiến không được, như chiếc xe rời mất trục. Hào này ở sát

hào 4, dương ở gần kê âm, mà không phải chính ứng, như một cặp vợ chồng hục hặc nhau. Lỗi ở hào 3 do không biết mình đang ở thời Tiểu Súc phải nín nhịn thì mới khỏi trái mắt nhau. **Toán Hà Lạc giải:** *Vì cương quá, nên bị có kẻ ghìm lại.*

MHC: Chỉ kinh doanh việc nhỏ. Tham vọng lớn sẽ bị tổn hại.

MKHC: Cương quá, không nghe lời răn, sẽ bị hại, hoặc mất lòng tin, vợ chồng bất hòa, bạn bè cãi nhau, huyết khí tổn thương.

Vận Năm- **Giới Quan:** Đường vinh hóa nhục, tiến hóa thoái, hoặc đau mắt đau chân, hoặc người nhà bị tật bệnh.

Hào 4 âm

Nhờ có lòng chí thành, nên thương tích được lành, hết lo sợ mà không có lỗi. NHL giảng: Hào này âm, nhu thuận, đối với các hào dương khó tránh xung đột, có thể lưu huyết và lo sợ, nhưng do đắc chính (âm ở ngôi âm), ở gần hào 5 là thân với bậc chí tôn, ở vào thời Tiểu Súc, lại có hào 1 dương chính ứng, dắt dúi hào 2 cùng giúp nó, nên nó tránh được lưu huyết và lo sợ, nên không lỗi. Theo Trình Di, tượng quẻ còn cho thấy hào 4 còn được hào 5 tin dùng, vì vậy mà hết lo sợ. Hào 5 đã tin dùng thì các hào dương khác đều theo. **Toán Hà Lạc giải:** *Cảm phục được lòng người nên mọi tai họa đều hết.*

MHC: Người quý lại gặp tri kỷ. Được thuyên chuyển tốt, buồn hóa vui, xấu hóa tốt.

MKHC: Hay nghi hoặc, không định kiến, hoặc bị bệnh chân, bị hơi độc. Không hoà thuận. Buồn lo tối ngày.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được tiến cử, ở lâu được đổi. **Giới Sĩ:** Hợp chí hướng trên, cửa giới rộng mở. **Người thường:** Cảm được nhân tình, kinh doanh tạm được. Số xấu đề phòng tổn thương thân thể.

Hào 5 dương

Có lòng thành tín, ràng buộc đất dẫu (cả bảy hào dương), nhiều tài đức, cảm hóa được láng giềng. NHL giảng: Hào này ở ngôi chí tôn, có uy tín, đứng đầu các hào dương khác; nó trung, chính, có lòng thành tín, kéo các hào dương kia theo nó, mà giúp đỡ hào 4 âm ở cạnh nó, ảnh hưởng tới hào 4, sai khiến được 4, khiến cho 4 làm được nhiệm vụ thời Tiểu Súc. Toán Hà Lạc giải: Đức lớn, cảm hóa lòng người, ngăn ngừa tàn bạo.

MHC: Quý mà không kiêu; giàu mà biết giúp người; thân sơ cùng lòng, coi nhau như anh em, nên xa gần đều ngưỡng mộ.

MKHC: Nhờ có của mà được thu dùng. Hoặc có người dưới trợ giúp.

Vận Năm- **Giới Quan:** Trên mến, dưới kính. Lên chức. **Giới Sĩ:** Tâm đầu ý hợp. Nên danh. **Người thường:** Được giúp đỡ. Vừa lòng.

Hào 6 dương

Đã mưa rồi, yên rồi, (hào 4 âm đã được lòng tất cả) đức nhu thuận đã đầy, nhưng cứ như người đàn bà cố chấp, một mực ngăn cản chống thì nguy đấy. Trắng sắp đến rằm, (âm cực thịnh), người quân tử (không thận trọng, phòng bị) vội tiến hành thì xấu. NHL giảng: Đây đã tới bước cuối cùng của quẻ Tốn, cũng là bước cuối cùng của quẻ Tiểu Súc. Hào 4 âm đã thành công đến cực điểm, các hào dương hòa hợp với nó cả rồi, như đám mây đã thành mưa, mọi sự đã yên. Tới đó, hào 4 nên ngưng đi, cứ một mực ngăn chặn các hào dương thì sẽ bị họa đấy. Mà các hào dương (các quân tử) cũng nên lo đề phòng trước đi vì sắp tới lúc âm cực thịnh rồi đấy (trắng rằm). Trình Di so sánh hào này với hào 6 quẻ Đại Súc: Quẻ Đại Súc là sự chứa lớn, cho nên khi đã cùng tột thì tan; quẻ

Tiểu Súc là *sự chứa nhỏ* cho nên khi đã cùng tốt thì thành.
Toán Hà Lạc giải: *Tôn sùng đức mạnh của phe âm là hại đấy.*

MHC: Nuôi thân, chứa của cải, dồi dào, không hao tổn gì.

MKHC: Hễ có lợi danh là có tổn phá. Mệnh nữ: trái tính trái nết, kém thọ, hay bị tai nạn, tật bệnh.

Vận Năm- **Giới Quan:** Dễ sa sẩy vào đường bất chính, tối tăm. **Giới Sĩ:** Bị bài xích. **Người thường:** Bị mắc kế gian, miệng tiếng thị phi, những nhiều, lui bước ở yên thì tránh tai hại.

NHL bàn thêm: Đọc quẻ Tiểu Súc này lại nhớ chuyện Võ Hậu đời Đường và Từ Hi thái hậu đời Thanh (Trung Quốc). Họ như hào 4, thông minh, có tài, mới đầu nhu thuận, nhờ ở gần vua (hào 5), được vua sủng ái, che chở, lại lấy được lòng người dưới (hào 1, hào 2) gây phe đảng rồi, lần lần "thống lĩnh quần dương", cả triều đình phải phục tùng họ. Tối khi họ thịnh cực, sắp suy, bọn đại thần có khí tiết, mưu trí, mới hợp nhau lật họ. Ngoài đời không đúng hẳn như trong quẻ, nhưng cũng không khác mấy.

10- THIÊN TRẠCH LÝ

- Lý là Lễ, (trật tự, chế độ, pháp luật, thiên nhiên)
- Thuộc tháng 3. **Lời Tượng:** *Trên là Trời, dưới là*
- *Đầm, là tượng quẻ Lý. Người quân tử coi quẻ này*
- *mà phân biệt trên dưới, định chỉ hướng cho dân.*
- **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Đinh: Tị, Mão,**
- **Sửu; Nhâm hoặc Giáp: Ngọ, Thân, Tuất,** lại sinh tháng 3 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Trên là dương cương, là Càn, là Trời; dưới là âm nhu, là Đoài, là Đầm (Chằm), vậy là trên dưới phân minh, lại hợp lẽ âm dương, tức là Lễ, là Lý. Có tính âm nhu, vui vẻ đi theo sau dương cương, thì dù người đi trước mình dữ như cọp, cũng tỏ ra hiền từ với mình, cho nên Lời

Thoán bảo rằng dầm lên đuôi cạp mà cạp không cần, nên hiểu là đi sau cạp, lấy sự nhu thuận vui vẻ mà ứng phó với sự cương cường. (Chữ Hán Lý còn có nghĩa là giày, dầm). Lời Tượng bảo rằng trên dưới phân minh nghĩa là có tài đức ở trên, kém tài đức ở dưới, thì lòng dân mới không hoang mang (mới định được chí dân) không có sự tranh giành.

Hào 1 dương

Giữ bản chất trong trắng mà ra với đời thì không có lỗi. NHL giảng: Hào 1 này như người mới ra đời, còn giữ được bản chất trong trắng, chưa nhiễm thói đời, vì là hào dương, quân tử, có chí nguyện, cứ giữ chí nguyện mình thì không có lỗi. PBC phụ chú: Nghĩa vụ mình là cốt làm cho xứng đáng một con người, nhưng địa vị mình còn thấp, vậy tùy theo địa vị mình mà làm đúng nghĩa vụ mình, tất phải theo hào 1 dương này. Truyện Tàu ngày xưa có thầy Nhan Uyên ở ngõ hẹp, thầy Khổng Minh đi cày ở Nam Dương, hai người này rất giỏi mà chưa có nơi dừng, vẫn yên vui nuôi chí mình ở nơi vắng vẻ, chính đúng nghĩa hào này. **Toán Hà Lạc giải:** *Đạt mục đích mà không rời xa đạo lý. Biết cách tiến.*

MHC: Giữ đức, chất thực, không phù hoa. Đạt chí hướng thì cả thiên hạ sẽ tốt lành, không lộng quyền trên, không hại dân.

MKHC: Giữ thiện một mình vậy. Đi vào đường văn hóa. Thanh thân tu luyện.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thực hiện được đường lối. Gặp dịp. Thăng tiến. **Giới Sĩ:** Bé được học, lớn được hành, lợi danh thành đạt. **Người thường:** Kinh doanh có kế hoạch, tiền của ngày tăng tiến. Vận xấu có tang phục.

Hào 2 dương

Như đi trên đường bằng phẳng, cứ một mình giữ vững đường chính thì tốt. NHL giảng: Hào dương này đặc trưng,

vẫn là hiền nhân, quán tử, bình thân giữ đạo trung, không để cho lòng rối loạn thì tốt. Tuy có hào 5 ở trên ứng với, nhưng 5 cũng là dương, nên không hợp, không trợ giúp được, cho nên lời hào báo là một mình, cô độc. Suy ra quẻ Càn, hào 2 và hào 5 cũng dương cả, mà lời hào báo là 2 và 5 có thể tìm nhau mà làm việc, còn quẻ Lý này thì không, đó là do ý nghĩa quẻ, thời của mỗi quẻ khác nhau nên ý hào khác nhau. Các quẻ khác cũng thế. Theo Chu Hy: kẻ u ẩn gặp lời chiêm đoán này thì chính mà tốt. PBC phụ chú: Lời hào này xem qua thì cũng bình thường nhưng xét kỹ thì thật là một bậc đại trượng phu, mới làm được như lời thầy Mạnh: Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất. (Hào 2 ở kề cận hào 3 bất trung, bất chính, là tay ý quyền thế làm hại đời, nên không được khinh xuất, để khỏi bị dân dụ, phải hết sức kín lặng, làm một người u ẩn, chính bản). **Toán Hà Lạc giải:** *Người ẩn dật tự cao.*

MHC: Không dư dật, đảng hoàng (đỉnh trung) mà cũng không thiếu thốn, có cái vui về sự trên dưới phân minh (về điều Lý).

MKHC: Thanh nhân. Không vinh mà cũng chẳng nhục. Chàng lo cơm áo.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nghỉ hưu tốt lành. **Giới Sĩ:** Khó hội ngộ. **Người thường:** ở yên, tự túc là hơn, mưu việc gì nên suy xét kỹ. **Số xấu:** Sống quạnh hiu.

Hào 3 âm

Chột, (mà tự phụ là) thấy rõ; thọt (mà tự phụ là) đi nhanh; như vậy thì nguy, như dẫm lên đuôi cọp, bị nó cắn. Đó là kẻ vũ phu mà đòi làm việc của ông vua lớn. NHL giảng: Hào này âm nhu mà ở ngôi (vị) dương cương, bất chính, bất trung, trên dưới đều hào dương cả, không lượng tài mình kém (âm) mà đua đòi theo các hào dương, không khác người thọt tự khoe là đi nhanh, đó là một hạng vũ phu mà đòi làm một ông vua lớn, sẽ gặp họa, như dẫm lên đuôi cọp, bị cọp cắn. **Toán Hà Lạc giải:** *Đi đường lối sai, xấu.*

MHC: Tự ý, tự tôn, coi đời như chẳng có ai, mưu kế không thành, lại có tính cường bạo, rước họa đến.

MKHC: Hoặc làm lính đi xa, hoặc bị chột mắt, què cẳng, hoặc ngu, hèn, chết yếu.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị cách giáng. **Giới Sĩ**: Phải đầu hàng, nhục. **Người thường**: Kiện tụng, tù ngục, xấu nữa thì nhà phá, người mất.

Hào 4 dương

Dắm lên đuôi cọp, nhưng biết sợ hãi, nên sẽ tốt. NHL giảng: Hào này, dương mà ở vị âm, cũng bất trung bất chính như hào 3, cũng ở sau một hào dương cương, cũng như đắm lên đuôi cọp, nhưng hào 3 hung, hào 4 cát, chỉ do lẽ: hào 3 bản chất nhu, tài kém, u mê mà ở vị dương, chí hăng; còn hào 4, bản chất cương, có tài, sáng suốt mà ở vị âm, biết sợ hãi, thận trọng. PBC phụ chú: Xem hai hào này cũng rõ được một lẽ biến hóa ở trong Dịch học. Thông thường, các Ngôi vị hào biểu hiện cái bản chất của hào, còn Thể hào biểu hiện cái chí hướng của hào; duy hai hào này thì khác, Thể hào biểu hiện cái bản chất, Ngôi vị hào biểu hiện cái chí hướng. **Toán Hà Lạc giải**: *Tôn kính người trên, được toại ý.*

MHC: Kính thân đối với trên, mềm dẻo thu phục được kẻ bạo cường; người kim, lòng hoài cổ; đổi khó thành dễ, biến xấu thành tốt.

MKHC: Khởi nghiệp nhà khó nhọc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có tín hiệu thấy sao cờ tướng soái. **Giới Sĩ**: Đỗ đạt cử Cử nhân, Tú tài. **Người thường**: Tuy gặp nguy nhưng cẩn thận thì thoát được. Mệnh nữ: Hình khắc, nhà suy bại, dâm dật.

Hào 5 dương

Quyết tâm hành động quá, thì tuy chính đáng cũng có thể nguy. NHL giảng: Hào 5 đặc chính, đặc trung, rất tốt,

nhưng ở địa vị chí tôn trong thời Lý (nói về cách ở đời) thì e có lòng cương quyết quá mà tự thị, ý thế, mà hóa nguy. Theo PBC: cái nguy là ở chỗ dễ thành chuyên chế, độc tài. Dù cương minh đến thế nào, tôn quý đến thế nào, mà cứ một mực quyết lý (hành động, dấn, xéo) hoài, cũng là nguy hiểm. **Toán Hà Lạc giải:** *Xem đường đi nước bước có tổn thương không.*

MHC: Đức mạnh, hành động gấp để đuổi tà, không để ý gì đến miệng tiếng thị phi, lợi hại.

MKHC: Khó hợp với nhân tình, đường đi gian nan, từng bước gai góc rồi mới nên.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có công lớn, không thưởng. **Giới Sĩ:** Tiêu biểu mà khó thành danh. **Người thường:** Bạo động, gây họa hoạn, có ngày vong thân.

Hào 6 dương

Xem cách ăn ở để đoán họa cát, nếu trọn vẹn (NHL dịch: nếu hoàn toàn không phạm khuyết điểm) thì rất tốt. NHL giảng: Đây là cuối quẻ, kết thúc cách ăn ở trong đời người, nên Lời hào diễn ý nghĩa của toàn quẻ chứ không diễn ý nghĩa của hào cuối. Đây là ngoại lệ, giống như quẻ Tiểu Súc. Quẻ này tên là Lý có nghĩa là Lễ, là dấn lên, nhưng cả 6 hào đều nói về cách ăn ở trong suốt đời người: mới ra đời thì phải giữ tính chất trong trắng, chất phác, rồi sau giữ vững đường chính (hào 2), biết sức mình, đừng tự phụ (hào 3) để tránh nguy, biết thận trọng sợ hãi thì tốt (hào 4), khi ở địa vị cao nhất, đừng ý thế mà cương quyết quá (hào 5) cách ăn ở được như vậy cho tới cuối đời thì tốt không gì bằng. Chúng ta để ý: Quẻ này cũng chỉ một hào âm mà không có nghĩa "thống lĩnh quân dương" như quẻ Tiểu Súc. Cái nghĩa biến dịch là như vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Tận tâm với đạo lý, đạt quả phúc.*

MHC: Tài cao đức trọng, phúc trách đời dào.

MKHC: Biến thành a dua, bất chính, hại.

Vận Nam- **Giới Quan:** Hiền đạt rồi thì lui về cho toàn danh, hưởng phúc. **Giới Sĩ:** Đổ cao, tiến lên. **Người thường:** Tiền của tăng tiến. Có thể có tang phục.

11- ĐỊA THIÊN THÁI

----- **Thái** là hanh thông, yêu thích, hòa thuận.
----- Thuộc tháng 1. **Lời Tượng:** *Trời Đất giao cảm*
----- *với nhau là quả Thái, bậc nguyên thủ coi quả*
----- *này mà sửa sang thành cái đạo của trời đất,*
----- *phụ giúp bù đắp theo cái phương thức của trời*
----- *đất, để đỡ dân dân mọi bề.* **Toán Hà Lạc giải:**
Được quả này mà hợp cách thì số phận cực tốt.
Có thể xuất tướng, nhập tướng. Những tuổi
Giáp hoặc **Nhâm:** **Tý, Dần, Thìn; Quý** hoặc
Ất: **Sửu, Hợi, Dậu,** lại sinh tháng 1 là cách
công danh, phú quý. Nếu sinh không đúng thời
mà phúc nhỏ, chỉ nên an phận, giữ cuộc sống
bình thường

NHL giảng: Trong quả Thái này, không nên hiểu Càn là Trời, Khôn là Đất. Nếu hiểu thế, hóa ra Trời ở dưới, Đất ở trên, không còn trên dưới phân minh (như quả Lý) nữa. Nên hiểu Càn ở đây là khí dương, Khôn là khí âm. Khí dương ở dưới có tính thăng mà giao tiếp với khí âm, khí âm ở trên có tính giáng mà giao tiếp với khí dương, hai khí giao hòa, mọi vật được yên ổn, thỏa thích. Lời Thoán bảo rằng Thái là lúc cái nhỏ (âm) thì tiêu đi, cái lớn (dương) thì trở lại và lớn lên, trời đất giao cảm mà muôn vật thông, trên dưới giao cảm mà chí hướng như nhau, đạo quân tử lớn lên, đạo tiểu nhân thì tiêu lặn.

Hào 1 dương

Nhỏ về có mao mà được cả cụm, tiến lên thì tốt. NHL giảng: Hào này tượng cho người có tài, còn ở vị thấp, nhưng

cặp với hai hào trên, như có nhóm đồng chí hướng dắt dìu nhau gánh việc thiên hạ. cho nên việc dễ có kết quả, như nhổ rễ cỏ mao, nhổ một cọng mà được cả cụm. **Toán Hà Lạc giải:** *Cuộc tiến hành lớn.*

MHC: Quang minh chính đại, lập sự nghiệp, hưởng phú quý.

MKHC: Cũng đồng tâm với bạn để hoạt động.

Vận Năm- **Giới Quan:** Hiệp lực với đồng liêu, tiến.

Giới Sĩ: Cùng bạn đồng hành, có ngày vượt lên. **Người thường:** Cùng nhóm, tài lợi tăng tiến.

Hào 2 dương

Bao dung cả sự hoang phế (những tệ hại cũ), dùng cách cương quyết mạo hiểm như lội qua sông, không bỏ sót việc (hoặc người) xa, không nghĩ đến bề đẳng, mà phải hợp với đạo trung. NHL giảng: Hào dương, đắc trung, đồng chí đã đồng (hào 1, hào 3), lại chính ứng với hào 5 âm, cũng đắc trung, bậc nguyên thủ tin cậy và nghe theo mình, vậy là có tài lớn, có hoàn cảnh thuận lợi. Nhưng còn cần những đức này nữa: - Có độ lượng, bao dung cả những tệ hại cũ còn sót lại, đừng mong trừ diệt nó ngay từ đầu. - Có đức cương quyết, mạo hiểm như người tay không lội sông. - Tính trước những việc xa xôi sẽ xảy ra. - Đừng bề phái mà có hại cho nghĩa lớn. - Cần nhất là giữ đạo Trung của hào 2, việc gì cũng vừa phải thôi, chẳng hạn bao dung quá hay mạo hiểm quá, đều có hại. PBC đức kết rất hay: Một là kể về độ lượng, hai là kể về khí phách, ba là kể về kế hoạch, bốn là kể về công đức, công tâm; bốn đức ấy lại phải tất thảy cho đúng với đạo Trung. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức cương trung, giữ được nghiệp lớn.*

MHC: Độ lượng, dung nạp được hết, không thiên gần bỏ xa, mở được vận hội thanh bình, hưởng phú quý.

MKHC: Cũng là kẻ sĩ, cần hậu, được kính trọng nơi làng xóm, giàu có, đầy đặn.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bảo vệ biên cương, nơi sông hồ. **Giới Sĩ**: Tiến thủ, thành danh, mưu cơ có lợi. **Người thường**: Được qua nơi tôn quý. Nếu mệnh không hợp cách, đắc vị (nguyên đường) thì dễ phòng bậc tôn trưởng bị tổn thiệt, nói năng gây mất lòng, có hại.

Hào 3 dương

Không có cái gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại, trong cảnh gian nan mà giữ được chính đáng thì không lỗi. NHL giảng: Hào 3 này bất trung, quá cương, ở nội quái, giữa quẻ Thái, nghĩa là đã thịnh cực rồi, cho nên Chu Công khuyên rằng sắp suy đấy, sắp lâm vào cảnh gian nan đấy. Nhờ đắc chính (dương ở ngôi dương) và ở vào thời Thái, cho nên không đến nỗi tội lỗi. Đừng lo ngại, cứ tin ở điều chính thì được hưởng phúc. PBC phụ chú: Chúng ta đem thân gánh vác việc đời, tất phải lấy nhân sự đương nhiên mà chống với thiên vận tự nhiên (lấy cái con người đang có chọi với cái vận trời vốn có). Vậy có câu Tinh thần di tạo hoá (tinh thần làm lay chuyển tạo hóa). Lại có câu Anh hùng tạo thời thế. Chính là lo sao cho bằng mà không nghiêng, đi mà không trở lại, nhưng muốn khiến cho không nghiêng thì phải tính trước khi còn bằng, muốn khiến cho không trở lại thì phải ngăn trước khi còn đang đi. Vậy nên đến hào 3 dương, mới được nửa thời Thái, mà thánh nhân đã vội răn hai chữ Gian Trĩnh (để lòng vào cảnh gian nan, đặt thân vào địa vị chính đáng) chính là muốn lấy sức người giằng giữ vận trời vậy. **Toán Hà Lạc giải**: *Biết cách sửa trị thời Thái lúc sắp chuyển sang thời Bĩ, thì rút cục vẫn giàu có được.*

MHC: Dù lo nghĩ, vẫn vững vàng, trở về được vận cũ, để hưởng phúc yên lành.

MKHC: Khi thành khi bại, trong gian nan vẫn hưởng phúc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Khắc phục gian nan. Phòng kẻ ganh tị. **Giới Sĩ**: Giữ cái vốn có. Không cần tiến nhờ may rủi.

Người thường: Kiên trì giữ thân, giữ nhà. Đại để gặp gian nan, lùi bước mà vẫn có công, cần hậu vẫn an lành. Phòng kẻ tiểu nhân hãm hại.

Hào 4 âm

Đáp diu (hoặc hôn hờ) với nhau, không giàu mà thành một xóm, chẳng ước hẹn mà cũng tin nhau. NHL giảng: Đây đã quá nửa quẻ Thái, thời dương suy, ba hào âm tức bọn tiểu nhân kết hợp với nhau, tuy chúng không "giàu" (không có tài đức) nhưng cũng thành một xóm đông, đồng tâm với nhau, chẳng ước hẹn mà cũng tin nhau, vì cùng sẵn lòng gian tà cả. PBC phụ chú: Lỗi hào 3 dương là răn cho quân tử, lỗi hào 4 âm là góm cho tiểu nhân. **Toán Hà Lạc giải:** Thời cơ đến, bọn tiểu nhân cũng tiến.

MHC: Nhiều trở ngại, nghi ngờ, hoặc được hoặc mất, công danh khó trọn vẹn, tất tả ngược xuôi, gian nan mới được việc nhà.

MKHC: Phải ý lại người giàu nơi lân lý (hàng xóm).

Vận Năm- **Giới Quan:** Khó tiến. Nên thoái thì hay. Ngoài ra (các giới còn lại) doanh mưu thiệt hại, càng xáo động, càng bị dèm pha, tỉnh táo thì tránh được tai vạ. Nếu có Hóa công, thì đi nhậm chức nơi xa, hàng ngày vất vả.

Hào 5 âm

Như vua Đế ất (đời Thương) gả em gái về nhà chồng, có phúc, rất tốt. NHL giảng: Hào âm này đắc trung, tuy ở địa vị chỉ tôn mà khiêm nhu, lại ứng hợp với hào 2 dương ở dưới, như em gái vua Đế ất, chịu làm vợ một người hiền, trong giới bình dân, sẽ được hưởng phúc. PBC: Lỗi hào này mượn một việc con gái nhà vua gả xuống làm vợ bình dân để mọi người thấy rõ thành tâm hào 5 âm xuống theo 2 dương, là một cách khuất kỷ hạ hiền (quên mình xuống với người hiền) tất được kết quả rất tốt. **Toán Hà Lạc giải:** Lấy lòng thành mà xuống với người hiền, cải cách việc cai trị.

MHC: Giàu sang mà không kiêu, hoặc được vợ hiền giúp sức, con quý đỡ việc nhà, tiếc rằng quyền hành không nắm giữ. Mệnh Nữ: Cần kiệm xây dựng nếp nhà.

MKHC: Cũng là người thiện, không ra oai mà được mến phục. Bình sinh an vui. Vợ đảm.

Vận Năm- **Giới Quan**: Chuyển ngạch có tin mừng.

Giới Sĩ: Có tín hiệu đỗ đạt. Tiến tới. **Người thường**: Được giới thiệu. Hoặc việc hôn nhân, sinh đẻ tốt đẹp.

Hào 6 âm

Thành đổ sụp xuống, lại chỉ là đồng đất. Đừng dùng quân nữa, nhiều lắm mệnh lệnh chỉ ban ra được trong ấp mình mà thôi. Hành động dù chính đáng, nhưng vẫn thất bại mà xấu hổ. NHL giảng: Đây tới lúc cuối cùng của thời Thái, sắp bị rồi, như cái thành sụp xuống. Vì là hào âm lại ở vị âm, đừng tranh giành (dùng quân) nữa, không cứu vãn được đâu, có ban lệnh cũng chỉ một ấp mình nghe thôi. PBC biên soạn đến hào này cảm khái: Thái vừa đến cuối cùng tức khắc ra Bĩ. Ghê gớm thiệt! Làm nên tổn vô số công phu (từ quẻ Truân đến quẻ Tỹ trải qua 6 lần Khảm hiểm) mà làm hư chỉ trong chốc lát; vun đắp biết bao nền tảng mà đánh đổ chỉ trong nháy mắt. Than ôi, thành sao khó thế, bại sao dễ rư? Phúc sao chậm thế, họa sao chóng rư? Những người có trách nhiệm với quốc gia, xã hội, há chẳng nên lưu tâm vào chốn ấy hay sao?

Toán Hà Lạc giải: Muốn cố giữ quyền (cai trị) khi vận Bĩ sắp đến, rút cục chỉ thêm hổ thẹn.

MHC: Đành thân phận nhỏ, lập qui mô nhỏ, thế mà rút cục cũng bị phong toà, lỗi lầm.

MKHC: Khoc mình, cậy mạnh, nên nhà phá, thân nguy.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị đòi về, hoặc mất chức. **Giới Sĩ**: Bị xấu thẹn. **Người thường**: Phá tổn, ốm đau khó thoát. Cẩn hậu thì đỡ tai vạ.

12- THIÊN ĐỊA BỈ

-----**Bĩ** là Tắc (bế tắc, không thông suốt) Thuộc tháng
-----**7. Lôi Tượng:** Trời Đất chẳng giao thông là quẻ
-----**Bĩ.** Người quân tử coi quẻ này mà dè dặt cái đức
-----của mình, để tránh nạn, chẳng nên lấy lộc làm
-----vinh. Được quẻ 3 hào trên là đạo quân tử thì tốt;
-----3 hào dưới là đạo tiểu nhân thì xấu. **Toán Hà**

Lạc giải: Những tuổi **Quý hoặc ất: Mùi, Tị,**
Mão; Nhâm hoặc Giáp: Ngọ, Thân, Tuất lại
sinh tháng 7 được quẻ này là công danh, phú quý.

NHL giảng: Bĩ trái với Thái. Thái thì khí dương ở dưới thăng lên, giao hòa với âm ở trên giáng xuống. Bĩ thì dương ở trên đi lên, âm ở dưới đi xuống, không giao nhau. Âm dương không giao nhau thì bế tắc, ở đạo người như vậy mà ở vạn vật cũng như vậy. Dương đi nghĩa là đạo của quân tử tiêu lên, âm lại nghĩa là đạo tiểu nhân lớn lên. Lôi Tượng khuyên người quân tử khi gặp thời Bĩ nên thu cái đức của mình lại (đừng hành động gì cả, riêng giữ cái đức của mình) để tránh tai nạn, đừng màng chút lợi danh nào cả. Gặp thời Truân (gian truân), thì tập hợp nhau lại mà hành động, còn thời đã Bĩ (bế tắc) thì hành động cũng vô ích, cốt giữ cái đức và cái thân mình thôi. PBC chỉ rõ thêm: Nguyên lai, âm với dương, quân tử với tiểu nhân, vẫn thường thường có luôn ở giữa vũ trụ, chỉ tranh nhau cái cơ quan tiêu trưởng mà thôi. Chẳng qua âm tiêu, dương trưởng thời Thái, dương tiêu âm trưởng thời Bĩ. Quân tử trưởng, tiểu nhân tiêu thời Thái, tiểu nhân trưởng, quân tử tiêu thời Bĩ. Nhưng cái tiêu, cái trưởng đó có phải bỗng chốc mà tiêu, mà trưởng ngay đâu. Nó tuần hoàn tích lũy dần, một hào dương bắt đầu sinh từ quẻ Phục, khi dương cực trưởng thì thành quẻ Càn. Một hào âm bắt đầu sinh từ quẻ Cấu, khi âm cực trưởng thì thành quẻ Khôn. Một giọt nước không ngăn, chảy hoài sẽ thành sông bể. Một cây không đốn sinh sôi mãi sẽ thành rừng. Chúng ta hãy để mắt vào một giọt, một cây, mà phòng bị phần trưởng của tiểu

nhân, vừa bổ cứu phần tiêu của quân tử. Đường đời làm gì Bĩ mà chẳng Thái. Đó chính là lấy chí người mà xoay trở mệnh trời (lấy nhân sự mà vận hồi thiên đạo).

Hào 1 âm

Nhỏ rẽ cỏ mao mà được cả cụm, giữ chính thì tốt mà hanh thông. NHL giảng: Hào này rất giống hào 1 quẻ Thái: cũng nhỏ cỏ được cả cụm (đồng chí hướng), chỉ khác quẻ Thái hào 1 là dương, quân tử, còn quẻ này hào 1 là âm, tiểu nhân; cho nên quẻ Thái khuyên cứ tiến lên sẽ tốt, còn quẻ này khuyên giữ chính đáng thì tốt và hanh thông. Hào 1 quẻ Bĩ là tiểu nhân nhưng mới bước đầu, cái ác chưa hiện rõ, lại ứng hợp với hào 4 ở trên là quân tử, cho nên còn hy vọng cải hóa được. Lời Tượng bảo: nếu để tâm giúp nước như hào 4 thì sẽ tốt, có ý khuyên nên đứng về phe quân tử. **Toán Hà Lạc giải:** *Trở lại với điều chính thì tốt.*

MHC: Người có danh dự, rời tổ đi lập nghiệp bên ngoài, bỏ gân theo xa, chỉ để vào việc công, đừng lo riêng mình (tư kỷ) thì hưởng phúc.

MKHC: Liệu thời hãy tiến, trí cơ nên lui, đang thời gian nan. Khó hành chí. Giữ lấy thân, nhà cho khỏi tai họa, nguy hiểm.

Vận Năm- **Giới Quan:** Chờ bổ nhiệm, đương tại chức bị dèm pha. **Giới Sĩ:** Khó gặp cơ hội. **Người thường:** Nên thủ cựu, phòng có việc liên quan lời thôi.

Hào 2 âm

Tiểu nhân chịu đựng và vâng thuận người quân tử thì tốt; đại nhân (có đức lớn) yên giữ tư cách trong cảnh bế tắc (khốn cùng) thì hanh thông. NHL giảng: Hào này tuy là tiểu nhân, nhưng đặc trưng, đặc chính, chung quanh là tiểu nhân cả, (PBC gọi là tay hào kiệt trong phường tiểu nhân) mà ứng

hợp với hào 5, quân tử, ở trên, nên lời hào khuyên nó nên vâng thuận người quân tử thì tốt. Còn kẻ đại nhân (được hào này) được bọn tiểu nhân vâng thuận, vì chúng muốn mua danh chẳng hạn, thì cũng đừng theo chúng, cứ giữ khí tiết của mình trong thời khốn cùng, như vậy sẽ hanh thông. PBC nhấn mạnh: Bởi vì, quân tử ở thời Bĩ, thế lực mình chẳng đủ tranh với tiểu nhân, mà đạo mình lại trái với tiểu nhân. Nếu mình hỗn tạp với bọn tiểu nhân thì thân còn mà đạo mất, quân tử có chịu làm đâu, ầu là độc lập bất biến, chẳng chịu tạp loạn với bọn tiểu nhân. Thế thì thân tuy cùng, mà đạo vẫn hanh thông vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Phận nhỏ, nhưng không làm hại điều thiện, thì vẫn tốt lành.*

MHC: Trung chính, khoan dung. Ở yên đợi phúc trạch. Sau có thể đổi bĩ thành thái.

MKHC: Theo thói thường, danh không chính, lợi không bền, thủ phận thì đỡ tai họa.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có cơ hội thì làm. **Giới Sĩ:** Nên đợi thời. **Người thường:** Dành nuôi nhục để giữ thân, nhà, nếu không thì khó tránh miệng tiếng thị phi, tai họa.

Hào 3 âm

Chứa chất sự hổ thẹn. NHL giảng: Hào này không trung, không chính, là kẻ đứng đầu bọn tiểu nhân (vì ở trên cùng quẻ nội Khôn) cho nên rất xấu, đáng ghét. Theo Trình Di: Nó ở thời Bĩ, lại gần sát với hào trên, đến lúc cùng, nên bộc chứa mưu tính càn bậy, rất đáng hổ thẹn. PBC nhấn mạnh Lời Tượng lưu ý cái địa vị của hào 3: Chỉ khi thì bạc nhược, hoàn cảnh thì xô đẩy, ở thời Bĩ, nên cái vị nó xui nên thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiểu nhân muốn làm ác mà chưa làm được.*

MHC: Dù được quý nhân đùm bọc, hoặc có chức phận nhỏ nhưng cũng chỉ có tiếng, không có miếng. Chỉ có tăng ni là tốt.

MKHC: Không giữ được nền nếp lúc cùng.

Vận Năm- **Giới Quan**: Xin về hưu. **Giới Sĩ**: Phòng bị tai tiếng. **Người thường**: Bị điều tiếng, thưa kiện.

Hào 4 dương

Có mệnh trời (thời vận đã tới), không lỗi gì, các bạn cũng nhờ cậy mình mà hưởng phúc. NHL giảng: Hào này ở quá nửa quẻ Bĩ, sắp hết bĩ rồi, nên nói rằng thời vận đã tới, nó là dương ở trong quẻ ngoại Càn, là người quân tử thực hiện chí của mình. Bạn nó là hai hào dương 5 và 6, cũng sẽ được hưởng phúc. PBC phụ chú: Hào 3 quẻ Thái vừa đứng nửa thời Thái, thánh nhân sợ Bĩ sắp tới nên nói rằng : Gian Trinh. (xem hào 3 quẻ Thái). Hào Tư quẻ Bĩ vừa quá nửa Bĩ, thánh nhân mừng cho Thái sắp đến, nên nói rằng: Có mệnh trời, không lỗi. Tuy nhiên, việc trong thiên hạ từ Thái bước sang Bĩ, là việc rất dễ, nên phải lo sẵn cho hào 3 dương. Từ Bĩ mà bước sang Thái, là việc rất khó, nên thánh nhân chưa dám vội mừng, chờ đến hào 4 dương, thật thấy dương cương đắc vị (được ngôi dương) mới tỏ ra ý mừng. Chúng ta biết được ý ấy, khi gặp thời Thái chớ nên coi thường, tức là biết Gian Trinh; gặp thời Bĩ lo rình cơ hội, tức là biết có mệnh, có thời tiết nào mà chúng ta chán nản đâu. **Toán Hà Lạc giải**: *Có cơ hội ngộ.*

MHC: Có công danh, phúc, thọ. Được đãi như quốc khách để thực hiện chí hướng.

MKHC: Cũng được hưởng phúc, ruộng vườn, hay hoạt động, ít tình.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có đồng僚 giúp, lộc vị tiến. **Giới Sĩ**: Được tiến cử. Có danh dự. **Người thường**: Ruộng vườn, lợi tức tăng tiến, nhiều dịp vui mừng, con cháu đẻ huê.

Hào 5 dương

Hết bĩ, đạo tốt của bậc đại nhân, mất đấy, mất đấy (phải lo điều đó thì mới vững như) bước vào cụm dâu. NHL

giảng: Hào này có đức dương cương trung chính, lại ở vào ngôi chí tôn, trong thời Bĩ sắp hết, cho nên lời đoán là tốt. Nhưng vẫn phải thận trọng, đừng sơ xuất (c mất dây chằng, c mất dây chằng). Hãy buộc vào cụm đầu là hãy làm cho vững chắc thêm (đầu là thứ cây rễ sâu và chắc, mọc thành bụi). Theo NHL, Khổng Tử đọc tới hào này, bàn thêm rằng: Người quân tử khi yên ổn thì không quên rằng sẽ có thể nguy, khi vững thì không quên rằng có thể mất, khi trị thì không quên rằng sẽ có thể loạn. Nhờ vậy mà thân an, nước nhà giữ vững được. Trình Di bàn: Lời răn của thánh nhân sâu lắm. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm sáng tỏ con người của hòa bình, để biết cái thuật giữ nghiệp lớn.*

MHC: Có đức lớn, công bằng, cẩn thận, xét nét, không bỏ cơ hội, phú quý bền được.

MKHC: Có tài đức, không gặp thời, bình sinh an vui, chẳng vinh chẳng nhục.

Vận Năm- **Giới Quan:** Ngôi chính vị. **Mọi người còn lại:** Họa đi, phúc sắp lại. Kẻ thù lui dần. Ruộng vườn thu hoạch. Lo hóa mừng, mất thành được. Số xấu thì tổn vong, hình khác.

Hào 6 dương

Đánh đổ được cái bĩ. Trước thì bĩ, sau thì mừng. NHL giảng: Thời cuối cùng cuộc Bĩ, mà bĩ cực thì thái lai, người quân tử có tài sẽ dắt cả bạn bè (trở hào 4 và 5) mà đánh đổ được cái bĩ. Nhưng mới đầu còn phải lo lắng (trước bĩ), sau mới mừng là bước lên cảnh thái. Trình Di bàn: Cái việc quay nguy làm yên, đổi loạn làm trị, phải có tài dương cương mới làm nổi, cho nên hào 6 dương quẻ Bĩ có thể làm nghiêng cuộc Bĩ, còn hào 6 âm của quẻ Truân thì không thể thay đổi cuộc Truân. **Toán Hà Lạc giải:** *Bĩ đổ, hưởng phúc.*

MHC: Chí lớn cương quyết, sắp đặt hơn người, trước gian truân, sau nhàn, vui.

MKHC: Danh lợi khó thành, cốt nhục hình thương. Tang nĩ thì tốt.

Vận Năm- **Giới Quan**: Mất chức thì được hồi phục. Chờ việc thì được bổ nhiệm. **Giới Sĩ**: Bị đình trệ thì phục hồi, khốn lâu ngày được cởi mở. Kiện tụng lâu được giải. Số xấu thì có biến cố, kém thọ.

13- THIÊN HÒA ĐỒNG NHÂN

----- **Đồng Nhân** là Cùng chung với Người, Đồng tâm
----- với Người. Thuộc tháng 1. **Lời Tượng**: Trời với
----- *Lửa là quê Đồng Nhân. Người quân tử coi quê*
----- *này mà phân biệt sự vật ra từng loại, từng giống.*
----- **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi **Kỷ: Mão, Sửu,**
----- **Hợi; Giáp hoặc Nhâm: Ngọ, Thân, Tuất** lại
sinh tháng 1 được quẻ này là cách công danh, phú
quý.

NHL giảng: Ly ở dưới là Lửa, sáng, văn minh; Càn ở trên là Trời. Quẻ này có tượng lửa bốc lên cao tới trời, cùng soi sáng khắp thế giới. Cho nên tốt. Dù có hiểm trở gì cũng vượt được. (PBC bảo đó "chính là cảnh tượng đại đồng rất vui vẻ"). Muốn vậy phải có đức trung chính của người quân tử. Quẻ có Hào 2 ở quẻ nội Ly là hào âm độc nhất, quan trọng nhất trong 6 hào, âm nhu, đắc chính, đắc trung, ứng hợp với hào 5 dương cương, cũng đắc chính, đắc trung, đó là tượng nội ngoại tương đồng, nên gọi là Đồng nhân. Văn minh (Ly) ở trong, Cương kiện (Càn) ở ngoài, đó là tượng người quân tử thông suốt được tâm trí của thiên hạ. Theo Lời Tượng, Người quân tử muốn thực hiện được cảnh tượng mọi vật đều sống chung với nhau thì phải phân biệt từng loại của các chủng tộc, hễ cùng loại thì đặt chung với nhau để cho mỗi vật được phát triển năng lực sở trường, thoả được nguyện vọng, có vậy thì tuy bất đồng mà hòa đồng được. PBC chỉ rõ thêm: Thánh nhân sợ chúng ta chỉ xem mặt chữ đồng, mà nhận lầm nghĩa chữ đồng, toan ép uống những bọn bất đồng lại, làm cho

đồng, té ra thả cá lên rừng, đưa chim xuống nước, mời học trò ra cày ruộng, rước phu cày ra làm bài, thời thành nhiều loạn thiên hạ, có làm gì đồng nhân được đâu. Theo Trình Di, quẻ này còn có lợi về sự sang sông lớn (vượt hiểm trở). Đúc quẻ là văn vẻ sáng sủa và mạnh, lấy đạo trung chính ứng nhau làm chính đạo của người quân tử.

Hào 1 dương

Ra khỏi cửa để cùng chung với người thì không có lỗi.

NHL giảng: Hào dương này như người quân tử mới bắt đầu ra đời, đã muốn đồng (cùng chung) với người khác, thì có gì đáng trách đâu? Trình Di phân tích lời Tượng: Ra cửa cùng người ở ngoài, đó là sự cùng đã rộng, không có thiên tư. Người ta cùng nhau thường có hậu bạc, thân sơ khác nhau, tội lỗi do đó mà ra. Đã không bề đảng thiên lệch với ai, thì còn ai trách được nữa? **Toán Hà Lạc giải:** *Cải cách tốt.*

MHC: Khoan dung, chí công vô tư.

MKHC: Rồi quê cha, hoặc đến ở nhà vợ, hoặc làm khách buồn, tăng ni.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vào trung tâm, thăng chuyển.

Giới Sĩ: Ra trường, tốt nghiệp, được tiến cử. **Người thường:** Cùng bạn (đường xa) kinh doanh được lợi, hoặc đi xa, hoặc tu tạo nhà cửa, hoặc đi nhờ cửa nhà khác.

Hào 2 âm

Cùng người trong họ, trong tông phái, xấu hổ.

NHL giảng: Hào này tuy đặc trưng, đặc chính, nhưng ở vào thời Đồng nhân nên cùng chung với mọi người, mà lại chỉ ứng hợp với riêng hào 5 ở trên, như chỉ cùng chung với người trong họ, trong đảng phái của mình thôi, thế là hẹp hòi, đáng xấu hổ. Theo Trình Di: Hào 5 ở quẻ Đồng nhân không tượng cho bậc nguyên thủ. Bởi vì gần gũi riêng tây thì không phải đạo làm vua. Cho nên các quẻ lấy sự trung chính ứng nhau

làm hay, mà ở quê Đồng nhân thì là đáng tiếc. PBC phụ chú: Trên toàn quê thì đức Văn Vương phát minh nghĩa Đại đồng, nói rằng Cùng người rộng lớn, tốt; còn lời, nghĩa cho từng hào thì lại răn bảo những người làm cách Tiểu đồng (trái với đại đồng) nói rằng Cùng người trong tông phái, thẹn. Nghĩa quê, nghĩa hào đắp đổi cho nhau, chúng ta học Dịch phải nhận kỹ cả hai bên. **Toán Hà Lạc giải:** *Có sánh vai với người, nhưng không tốt.*

MHC: Tài cao đức trọng, nhưng thiên lệch. Đứng đầu khoa bảng hoặc làm khoa trường, hoặc là người thân, tay trong (gà nhà) của chính quyền.

MKHC: Làm khách ở nơi rừng núi, nhờ vả thân thích.

Vận Năm- **Giới Quan:** Địa vị cục bộ. Lộc bình thường. **Giới Sĩ:** Thi đỗ văn bằng nhỏ. **Người thường:** Nhiều việc lưỡng lự, bạn bè ngờ nhau, bo bo nơi gần, lạnh lùng nơi xa; đeo tiếng thị phi.

Hào 3 dương

Núp quán ở rừng rậm (mà thấp thò); lên gò cao, ba năm chẳng hưng vượng được. NHL giảng: Hào này muốn hợp với hào 2 (âm) ở dưới, nhưng nó quá cương (dương ở ngôi dương) lại bất đắc trung, như một kẻ cường bạo, trong khi đó, 2 đã ứng hợp với 5 ở trên, 3 sợ 5 mạnh nên không dám công kích 2, chỉ núp trong rừng, rình trộm, rồi thấp thò lên đồi cao mà ngó (3 ở trên cùng quê nội, nên có tượng như vậy), do đó ba năm cũng không tiến (hưng vượng) lên được. PBC phụ chú: Lời hào này miêu tả tình trạng kẻ tiểu nhân thiệt là đúng. Muốn tranh người mà lại lo sức mình địch không nổi. Biết sức mình địch không nổi, nhưng vẫn cứ lo rình cướp người. Ở trong quê Đồng nhân mà có lời hào này, chúng ta nên biết rằng: làm đồng nhân thiệt là khó. **Toán Hà Lạc giải:** *Chẳng có phận thì cầu cạnh sao được?*

MHC: Cây mạnh, sinh thế, muốn cái này, thích cái kia, chí hướng bất định, nên nhiều lo sợ, tấm lòng nan trắc, hoặc làm quân đi xa, hoặc ở ẩn nơi rừng rậm, gò cao.

MKHC: Phóng đảng, phạm pháp, nhiều tai họa.

Vận Năm- **Giới Quan**: Phòng giáng chức. **Giới Sĩ**: Có cơ hội được lên cao (Hào xấu mà dự đoán tốt, đây thuộc lẽ biến dịch, tùy người mà đoán định). **Người thường**: Nghi ngờ, cạnh tranh, trong vinh có nhục. Đại khái, mọi việc nên đề phòng.

Hào 4 dương

Cưỡi lên tường đất rồi mà không dám đánh, thế thì tốt. NHL giảng: Hào này cũng là dương cương, bất trung, bất chính, cũng muốn hợp với hào 2, chèn ép 3 mà cướp 2, (hào 3 ở giữa 2 và 4 cũng như bức tường ngăn cách 2 và 4, 4 ở trên 3 như đã cưỡi lên bức tường đó), nhưng tuy cương mà ở vị âm, còn có chút nhu (mềm) nên nghĩ lại, không thể chèn ép 3 được, như vậy không nên, cho nên lời hào báo "thế thì tốt" (do biết trở lại phép tắc). PBC phụ chú: Xem truyện Tàu, người nước Tấn lấy binh lực nạp tên Tiệp Tri về nước Trâu, ép nước Trâu lập Tiệp Tri làm vua, nhưng vì nghĩa con thứ không thể đoạt được, phải chịu lui mà chẳng nạp (chính là ứng nghiệm với hào này). **Toán Hà Lạc giải**: *Biết lấy điều nghĩa mà chế tài cái thế lực.*

MHC: Biết cơ mà thoát, biết đủ mà không tham. Hoặc giữ chức trấn thủ biên thành, hoặc giàu có ở nhà lớn tường cao.

MKHC: Cũng được người trên tin dùng, người dưới phục vụ.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có công tu bổ thành trì, cơ sở. **Giới Sĩ**: Chưa có công trạng gì, nhưng có dịp được vinh hoa. **Người thường**: Có sự nghi kị, đấu tranh, trong vinh có nhục.

Hào 5 dương

Cùng với người, trước thì kêu rêu, sau thì cười; phải dùng đại quân đánh, rồi mới gặp nhau. NHL giảng: Hào này dương cương, trung, chính, ứng hợp với hào 2, thật là đồng tâm, đồng đức, tốt. Nhưng giữa 5 và 2 còn có hai hào 3 và 4 ngăn cản, dèm pha, phá rối, nên mới đầu phải kêu rêu (hô hào), phải dùng đại quân dẹp 3 và 4, rồi 2 và 5 mới gặp nhau mà vui cười. Công việc hòa đồng nào mới đầu cũng phải vượt qua những thử thách như vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Trước bức mình, sau mới gặp, cũng phải mượn sức mạnh mới xong.*

MHC: Dù tài đức, danh lợi, nhưng trước khó sau dễ. Hoặc làm tư lệnh quân đội, hoặc giữ chức trung cấp trong dinh, phủ.

MKHC: Gian nan, hình thương, mãi sau mới gặp dịp, nhưng phúc ít, họa nhiều.

Vận Năm- **Giới Quan:** Trước bị cách giáng, sau mới khởi lên được. **Giới Sĩ:** Trước vất vả, sau mới gặp dịp. **Người thường:** Trước khó sau dễ, buồn vui bất thường.

Hào 6 dương

Cùng với người ở cánh đồng ngoài đô thành, không hối hận. NHL giảng: Cánh đồng ngoài đô thành thì không rộng bằng cánh đồng ở thôn quê. Hào này tuy ở cuối quẻ Đồng nhân, không có hào nào ứng với nó, cho nên chí hướng chưa được thực hiện như mong muốn, chỉ mới như cùng với người ở cánh đồng ngoài đô thành thôi, chưa ở giữa đồng nội rộng lớn được. **Toán Hà Lạc giải:** *Đứng riêng, tự thu (hoạch), cũng có điều sở đắc.*

MHC: Tâm quảng đại, có tài đức, giàu sang.

MKHC: Là tăng ni ở ngoài thành, là khách buôn chưa toại ý.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thường đi quận xa. **Giới Sĩ:** Khó gặp cơ hội tốt. **Người thường:** An thường thủ phận, sinh nhai đạm bạc.

14- HÒA THIÊN ĐẠI HỮU

----- **Đại Hữu** là Sở hữu rất lớn, là Có Lớn (Học Năng
----- dịch là Khoan là Rộng lớn). Thuộc tháng 1. **Lời**
----- **Tượng:** *Lửa ở trên trời là quẻ. Đại Hữu. Người*
----- *quân tử coi quẻ này mà ngăn đón điều dữ khi nó*
----- *chưa phát hiện, biểu dương điều lành khi nó còn*
----- *mập mờ để thuận mệnh tốt của Trời.* **Toán Hà**
Lạc giải: Những tuổi **Giáp** hoặc **Nhâm: Tý, Dần,**
Thìn; Kỷ: Dậu, Mùi, Tị lại sinh tháng 1 được
quẻ này là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Ly ở trên Càn là Lửa ở trên Trời, chiếu sáng mọi vật, như vậy là Có Lớn. Ly lại có nghĩa là văn minh, Càn là cương kiện. Quẻ gồm cả văn minh (phát triển bên ngoài) và cương kiện (hàm súc bên trong) cho nên rất hanh thông. Theo PBC quân tử ở về thời Đại Hữu cần có phương pháp thống trị cho rất hay. Vì ở trong lúc ấy, cuộc sống có kẻ ác kẻ thiện, nếu chẳng phân biệt xử trí tât đến nỗi thanh trọc, hỗn hào, thị phi điên đảo, mà nghiệp đại hữu trở nên gây cuộc đại loạn. Quân tử vì lo như thế, nên hễ người nào ác tuy chưa rõ, trước phải ngăn đón ngay, hễ người nào, thiện còn ẩn ức, gấp lo biểu dương ngay, làm như thế để thông thuận mệnh tốt của trời. Hai quẻ Đồng nhân và Đại Hữu nối tiếp nhau và hoàn thiện cho nhau. Khi chưa đồng nhân thì phải phân chia loại, tộc (giống, loài) để phân biệt ra được thiện, ác. Khi đã phân biệt được thiện, ác rồi, tât phải đón ngăn (át) cái ác, biểu dương (dương) cái thiện, mới làm nên được đồng nhân, mà giữ gìn được đại hữu. Loại, biệt là quy mô; át, dương là thủ đoạn (phương pháp); đồng nhân, đại hữu- là mục đích.

Hào 1 dương

Chưa làm việc gì tai hại, chưa có lỗi, nhưng phải (cẩn thận) cư xử như gặp lúc gian nan thì mới khỏi lỗi. NHL

giảng: Đại Hữu là Cố Lớn. Hào 1 như con một nhà giàu, còn trẻ, chưa làm gì tai hại thì chưa có tội, nhưng vì là con nhà giàu, ít người ưa, nếu lại kiêu căng, xa xỉ, thì sẽ gây oán ghét, cho nên Lời hào khuyên sống như trong cảnh gian nan thì mới khỏi tội. PBC phụ chú: Lời hào dạy người lấy tâm lý mà chống với hoàn cảnh. **Toán Hà Lạc giải:** *Đã giàu có, không nên quá ham, chịu cực nhọc thì tránh được tai họa.*

MHC: Tài đức chưa đắc dụng, thừa của mà thiếu danh.

MKHC: Nhục nhã, gian nan, cố giữ cho khỏi tội lỗi.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tri cơ, lui ngay, chớ tham lộc vị. **Giới Sĩ:** Đừng vội tiến. **Người thương:** Kẻ dưới lòng loạn người trên. Có sự tai biến, cố kiên trì giữ gìn thì khỏi đổ vỡ.

Hào 2 dương

Xe lớn chở nặng, đi chốn nào (ý nói làm gì) cũng được. Không có lỗi. NHL giảng: Hào này tốt nhất trong quẻ: dương cương mà đắc trung, vừa có tài, vừa khiêm tốn, được hào 5 âm ở trên ứng hợp, như được nguyên thủ hết sức tin dùng sẽ thành công, cho nên ví với cỗ xe lớn chở nặng, đi đường xa, đâu cũng tới được. PBC phụ chú: Hào này là hào tốt nhất trong quẻ Đại Hữu, mà lời đoán thánh nhân chỉ Không có lỗi mà thôi, chẳng cho chữ tốt, lành. Đó mới biết thánh nhân chẳng bao giờ dạy người quá đắc ý, cũng chẳng bao giờ dạy người quên nghĩa vụ. Một hạng người như 2 dương, tài cao hơn hết thiên hạ, gánh nặng hơn hết thiên hạ. Tuy "Xe lớn chở nặng", cũng chỉ là vừa trọn nghĩa vụ mình thôi. Vậy nên, lời hào chỉ có mấy chữ Không có lỗi. Lời hào này xem trong sử Đông Tây có ông Y Doãn ở Tàu và ông Ca-mi-lơ ở I-ta-li-a đúng được như hào 2 dương này. Ông Y Doãn nguyên giúp vua Thang mà nói rằng: Ta quyết khiến cho vua ấy làm được như vua Nghiêu, Thuấn, khiến cho dân ấy được như dân đời Nghiêu Thuấn. Ông Ca-mi-lơ làm tướng nước I-ta-li-a (trong nguyên bản là ông Gia Phú Nhĩ ở ý Đại

Lợi), kinh dinh cho nước thống nhất, cường thịnh, ông trọn đời không lấy vợ. Người ta hỏi ông, ông trả lời rằng: Nước ý là vợ của tôi. Sức lớn gánh nặng như hai ông ấy thiệt là Xe lớn chở nặng. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm thành việc lớn.*

MHC: Có tài đức. Thời loạn lập công to.

MKHC: Hưởng phúc, thọ. Giàu có, chẳng lo sợ gì.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được phong tướng. Xuất quân, lập công trạng. **Giới Sĩ:** Tiến tới, thành danh. **Người thường:** Kinh doanh lợi lớn. Người già giảm thọ.

Hào 3 dương

Như bậc công hầu mở tiệc mời thiên tử. Hạng tiểu nhân không đương nổi việc đó. NHL giảng: Hào 3 này dương cương, đắc chính, đứng trên cùng quẻ nội, cho nên ví với một bậc công (tương đương bộ trưởng bây giờ), ở vào thời Đại Hữu tất có nhiều đất đai, của cải, nên bậc nguyên thủ cũng nể, tới dự tiệc do vị công đó đãi. Nhưng phải là người quân tử, có đức hạnh, không kiêu, mới làm như vậy được; còn hạng tiểu nhân, thấy thiên tử tới nhà mình, càng kiêu căng, xa xỉ, thì không đương nổi danh dự đó, mà chỉ hại thôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Ông lớn được cấp trên tin dùng.*

MHC: Tài cao đức lớn, tận tụy làm việc nước.

KHC: Tham, có hại. Thành khó, bại dễ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Làm nổi trọng trách. **Giới Sĩ:** Đỗ hạng ưu. **Người thường:** Tai nạn, gian nan, trì trệ. Lãng loàn, nhờn người trên.

Hào 4 dương

Đừng làm ra vẻ thịnh vượng (khoe của, sống rất sang) thì không có lỗi. NHL giảng: Hào này ở địa vị cao, gần hào 5 mà bất trung, bất chính, e có họa đến nơi, nên Lời hào khuyên phải khiêm tốn, tiết kiệm. **Toán Hà Lạc giải:** *Chức vị lớn mà biết dẹp bớt sự kiêu mãn của mình thì giảm lầm lỗi.*

MHC: Không kiêu dâm. Minh triết. Trước sau tốt lành.

MKHC: Tham nhỏ chóng đầy. Coi chừng bị họa chiếm đoạt chức vị.

Vận Năm- **Giới Quan**: Giữ yên chức vị thì không ai đụng chạm đến. **Giới Sĩ**: Đợi thời thì không bị tước đoạt. **Người thường**: An phận. Đau mắt.

Hào 5 âm

Lấy lòng tin, chí thành mà giao thiệp, và phải có uy thì tốt. NHL giảng: Hào này ở vị chí tôn, được cả 5 hào dương theo, nên phải đem đức tin và lòng chí thành mà đối đãi với người dưới. Nhưng vị là âm nên ngại rằng quá nhu, nên Lời hào khuyên phải có chút uy mới được. **Toán Hà Lạc giải**: *Ở ngôi trên, phải có uy để trị dân.*

MHC: Ân uy đi đôi, xa gần đều thuận, lập công to, hưởng phú quý.

MKHC: Uy mị, để bị khinh nhờn, làm ơn nên oán.

Vận Năm- **Giới Quan**: Tri cơ thì nên thoái. **Giới Sĩ**: Thừa cơ nên tiến. (Cùng một hào mà kẻ nên thoái, kẻ nên tiến, tùy từng người) **Người thường**: Xem thời mà động tĩnh, nhưng không nên kiêu mãn mà chịu tai vạ.

Hào 6 dương

Tự trời giúp cho, tốt. Không có gì là chẳng lợi. NHL giảng: ở thời Đại Hữu, thịnh trị, hào dương cương này ở trên cùng mà chịu hạ mình theo hào 5, chỉ vì 5 có đức thành tín; như vậy là giàu mà không kiêu, tuy thịnh mà không đầy tràn, nên được trời giúp cho, hoá tốt, chứ lẽ thường hào cuối cùng Đại Hữu đã đến màn cuối, khó mà tốt được.

Quẻ này khuyên chúng ta sống trong cảnh giàu có nên khiêm, kiệm; giao thiệp với người nên chí thành. PBC nhận

xét rằng trong 64 quẻ, không quẻ nào tốt đều như quẻ này. Hào 1, 2, 3 đều không có lỗi, hào 4 được hanh thông, hào 5 tốt, hào 6 còn tốt hơn nữa "không có gì là chẳng lợi". Ngay đến quẻ Cần, quẻ Thái, hào cuối cùng cũng xấu, kém quẻ này. Đại Hữu chính là thời thịnh trị sau thời Đại đồng. **Toán Hà Lạc giải:** *Biết khéo xử ở thời Đại Hữu nên trời cũng giúp cho.*

MHC: Làm lớn mà vẫn khiêm nhường, trời cũng thương, phú quý lâu bền.

MKHC: Là kẻ sĩ có đạo đức, phong hậu, bình tĩnh, không bị tai họa.

Vận Năm- **Giới Quan:** Ngồi vững vàng. **Giới Sĩ:** Tiến, thành danh. **Người thường:** Kính trên, được che chở. Nhà nông thịnh vượng.

15- ĐỊA SƠN KHIÊM

----- **Khiêm** là Thoái (Thoái nhường, Lùi nhường
----- bước, Nhún nhường). Thuộc tháng 9. **Lời Tượng:**
----- *Trong Đất có Núi là quẻ Khiêm. Người quân tử*
----- *coi quẻ này mà bớt chỗ nhiều, bù chỗ ít, làm cho*
----- *vật cân bằng.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
----- **Bính: Thìn, Ngọ, Thân; Quý hay ất: Sửu, Hợi,**
Đậu, lại sinh tháng 9 được quẻ này là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: Trên là Đất, dưới là Núi. Núi cao, Đất thấp, Núi chịu ở dưới Đất là cái tượng nhún nhường, khiêm hạ. Vì vậy mà được hanh thông. Quẻ này chỉ có mỗi một hào dương, dùng nó làm chủ quẻ. Lời Tượng khuyên người quân tử nên bớt chốn nhiều, bù chốn ít, để cho sự vật được cân bằng.

Hào 1 âm

Người quân tử nhún nhường, dùng cách ấy vượt sông lớn, tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu mà lại ở dưới cùng thời

Khiêm, thật là khiêm hạ, dẫu gặp cảnh hiểm nguy nào cũng vượt được. PBC phụ chú: Các quẻ thường có chữ Lợi sang sông lớn, quẻ này lại nói Dùng sang sông lớn, khác nhau chữ Lợi và chữ Dùng. Chữ Lợi là tài ấy, cảnh ấy xứng nhau. Chữ Dùng là dùng cách ấy mà làm việc ấy. Quẻ này khuyên người ta nên dùng đạo Khiêm mà sang sông lớn. (Tỷ như: Qua đò sang sông, chịu nhường cho người lên dò trước, tuy có chậm hơn người một tí, nhưng qua bờ bên kia thì mình lại bước lên bờ trước). **Toán Hà Lạc giải:** *Nhún nhường mới đạt được chí.*

MHC: Biết lẽ khiêm cung, vượt đường nguy nan, trên tin, dưới cậy, giữ được đất đai, tu dưỡng an nhân.

MKHC: Lười. Thoái bộ. Vụng thi thố tài năng, cam tâm phận dưới.

Vận Năm- **Giới Quan:** Giữ chức huyện, quận, gần dân. **Giới Sĩ:** Chờ được triệu mời. **Người thường:** Khách buồn, rộng bước giang hồ. Số xấu bị thương tổn.

Hào 2 âm

Tiếng tâm lòng lấy vì đức Khiêm, giữ chính đáng thì tốt. (Học Năng dịch: Nhún nhường im tiếng giữ chính tốt). NHL giảng: Hào này nhu thuận, đắc trung, đắc chính, rất tốt. Cho nên bảo là tiếng tâm lòng lấy về đức Khiêm. Nhưng ngại tiếng tâm lòng lấy thì dễ ham danh, mà hóa ra quá khiêm (đến mức giả nhún nhường hoặc nịnh bợ), nên Lời hào khuyên phải giữ đức trung, chính của hào 2 thì mới tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Danh dật lên cao mà vẫn giữ đức chính.*

MHC: Có tài đức, không xiểm nịnh. Dễ giữ chức ngôn luận, giảng viên, thông tin...

MKHC: Được tiến cử.

Vận Năm- **Giới Quan:** Lên cấp bậc. Hoặc đổi chức vụ. **Giới Sĩ:** Tiến thủ. Thành danh. **Người thường:** Không khinh động, nhưng chộp được dịp may.

Hào 3 dương

Khó nhọc (có công lao) mà vẫn nhún nhường, người quân tử giữ được trọn vẹn, tốt. NHL giảng: Hào này có đức dương cương, làm chủ cả quẻ, năm hào âm đều trông cậy vào, như người có địa vị (ở trên cùng quẻ nội), có tài năng (hào dương), mà khiêm tốn (vì ở trong quẻ Khiêm), không khoe công, nên càng được mọi người phục, mà giữ được địa vị, đức độ tới cùng. PBC phụ chú: Phương Đông có vua Hạ Vũ, phương Tây có ông Hoa Thịnh Đốn là xứng với hào này. **Toán Hà Lạc giải:** *Nhường công, góp mặt với đời.*

MHC: Tài đức vượt người, lập công to.

MKHC: Trung thực, được kính mến nơi hương thôn, có đức không khoe, làm ơn không cầu báo.

Vận Năm- **Giới Quan:** Lên cao. **Giới Sĩ:** Gặp dịp. **Người thường:** Được lợi, nhưng cũng hao tâm tổn sức.

Hào 4 âm

Phát huy sự nhún nhường thì không gì là không lợi. NHL giảng: Hào này nhu thuận mà đắc chính, tốt đấy, nhưng vì ở trên hào 3 là người có công lao, mà lại ở gần hào 5, là vị nguyên thủ, nên càng phải phát huy thêm đức Khiêm, mới tránh được mọi khó khăn, mà không gì là không lợi. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm đến đâu được đến đấy, mà vẫn nhún.*

MHC: Có đức tài, biết lập ngôn, mà vẫn nhún nhận, không giả trá. Hưởng phú quý.

MKHC: Thân cận người hiền, làm gương nơi hàng xóm.

Vận Năm- **Các Giới:** Sĩ nông công thương đều thông đạt mà vẫn nhún nhận.

Hào 5 âm

Chẳng cần giàu (có thế lực) mà thu phục được láng giềng (được nhiều người theo), nhưng phải có chút uy, chính

phục kẻ nào chưa phục mình, thì mới không gì là không lợi.
NHL giảng: Hào này âm nhu, đắc trung, ở địa vị chí tôn, nên tự nhiên thu phục được nhiều người, nhưng nếu nhu quá, thiếu uy thì không phải tư cách một vị nguyên thủ, nên lời hào khuyên nên dùng uy võ đối với kẻ nào chưa phục mình. Hào này có thể dùng uy được vì ở ngôi vị dương. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức Khiêm ở ngoài lớn cũng cần phải biến hóa.*

MHC: Vì khiêm nhường mà thu nhân tâm về với mình, công nào chẳng thành, nghiệp nào chẳng vững.

MKHC: Thành công văn, võ. Giàu về làng. Uy phục được kẻ ngoan cố.

Vận Năm- **Giới Quan:** Văn võ kiêm toàn, có quyền về quân sự. **Giới Sĩ:** Đổ đạt. **Người thường:** Gặp quý nhân, lợi bội thu, nhưng phòng kiện tụng.

Hào 6 âm

Tiếng tăm lòng lẫy về đức khiêm, được nhiều người theo, có thể lợi dụng điều đó mà ra quân, nhưng cũng chỉ trị được người trong ấp (làng) của mình, không phục mình thôi.
NHL giảng: Hào này thể nhu, vị nhu, ở vào thời cuối cùng quẻ Khiêm, cho nên khiêm nhu cùng cực, tiếng tăm lòng lẫy, nhiều người theo, nhân đầy mà có thể ra quân chinh phạt những kẻ không theo mình, nhưng vì tài kém nên chỉ trị được những kẻ trong ấp mình thôi, chưa thỏa chí được. Quẻ này hào nào cũng tốt, không nhiều thì ít, không kém quẻ Đại Hữu bao nhiêu. **Toán Hà Lạc giải:** *Khiêm nhường và dùng tài có giới hạn thôi.*

MHC: Theo cổ, xử sự có đạo lý, làm bên võ thì được như ý.

MKHC: Có nhiều tri kỷ nhưng ít người giúp mình. Quy mô nhỏ hẹp nơi gia đình thôi.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được giao quyền quân sự coi bên trong. **Giới sĩ:** Thi bằng nhỏ. Danh cao dần dần. **Người thường:** Có kiện tụng, nhưng tự nhiên mình giải được.

16- LÔI ĐỊA DỰ

----- **Dự** là Hoà vui. Thuộc tháng 5. **Lời Tượng:** *Sấm nổ Đất vang là quẻ Dự. Vị nguyên thủ coi quẻ này mà làm ra nhạc để (tổ lòng) sùng đức, ăn cần dâng lên Thượng đế, để tổ tiên cùng sánh chung.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi Ất: Mùi, Tị, Mão; Quý: Sửu, Hợi, Dậu, Mùi, Tị, Mão; Canh: Ngọ, Thân, Tuất lại sinh tháng 5 được quẻ này là cách công danh, phú quý. Sấm nổ tháng 3, tháng 8 cũng vang lòng: đại phú quý. Những tháng khác: phúc nhỏ.

NHL giảng: Có 3 cách giảng quẻ Dự. Một là: Chấn ở trên, Khôn ở dưới, có nghĩa là trên thì động, hành động, dưới thì thuận theo, như vậy tất vui vẻ. Hai là: Sấm ở trên đất, nghĩa là khí dương phát động (Chấn thuộc dương) mà muôn vật ở dưới phát sinh, cũng là cảnh tượng vui vẻ. Ba là: Quẻ chỉ có một hào dương (hào 4), 5 hào âm đều theo nó, nó làm chủ trong quẻ, như một người tài đức, làm việc gì cũng thành công, sẽ vui vẻ, yên ổn. Được quẻ này mà ban bố việc phong hàm, phong tướng, định chức tước chính phủ (ngày trước là việc phong hầu), hoặc ban lệnh ra quân thì tốt. PBC giải thích Lời tượng: Do Chấn Lôi (Sấm) ở trên, Khôn Địa ở dưới, tượng là Sấm ra khỏi mặt đất, khí dương ở dưới đất bùng lên, mà thành ra tiếng. Vạn vật nhân lúc ấy hấp lấy khí dương mà nảy nở phát sinh. Nên đặt tên quẻ là quẻ Dự. Xem tượng ấy, các tiên vương làm ra nhạc để ca ngợi công đức, nhạc đã thịnh, công đức cũng thịnh, dâng tiến lên Thượng đế, đem ông cha mình sánh (phối) với Thượng đế. (Ngày nay là việc các nguyên thủ chủ trương soạn quốc ca, phát triển âm nhạc...).

Hào 1 âm

Khoe mình vui sướng một cách ôn ào, xấu. NHL giảng: Chữ Dự ở tên quẻ là sự vui vẻ nói chung, do trên dưới

thuận tình mà vui. Chữ dự ở các hào là nói về con người vui vẻ. Hào này âm nhu ở thời sơ, bất trung, bất chính, là một tiểu nhân ý vào hào 4 cương kiện ở trên ứng viên, lấy làm đắc ý, bộc lộ niềm vui sướng của mình một cách ồn ào, thế là kiêu mạn, xấu. **Toán Hà Lạc giải:** *Được vui, khoe âm lên, nên lại kém đi.*

MHC: Được dựa thế lực, nhưng chỉ thành việc nhỏ.

MKHC: Lượng hẹp mà tham vọng nhiều, sợ thất bại.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thắc mắc, đợi ân sung. Có việc phải trình bày, để khỏi lỗi. **Giới Sĩ:** Có cơ hội thành danh. **Người thường:** Lo sợ, nổi năng thất thiệt, gặp trở ngại, tai ách.

Hào 2 âm

Chỉ vững như đá, chẳng đợi hết ngày (mà ứng phó ngay), *chính đỉnh, bền, tốt.* NHL giảng: Hào này âm nhu, đắc trung, đắc chính, không a dua thói tục, việc gì xảy ra thì biết sáng suốt ứng phó ngay, (không đợi tới hết ngày), vì vậy tốt. PBC thốt lên: Thần diệu vậy thay! Là người quân tử biết được việc khi nó còn lơ mờ, biết được việc lúc đã rõ rệt, biết được lẽ nên nhu mà nhu, nên cương mà cương, thế mới làm được một người cho muôn chúng trông vào. Phụ chú: Xem quẻ này quan hệ nhất là chữ Tri (biết). Biết được thấu đáo thời làm được nên. Tục ngữ ta có câu: *Khôn chết, dại chết, biết sống.* Cái biết quan hệ như thế, mà biết lại quý nhất là tri cơ (biết thời cơ). Đương lúc cơ vi (thời cơ còn lơ mờ) mà đã biết trước, mới là cái biết chân chính. Nhưng khó lắm, nếu chẳng phải là người bậc thần trí, làm sao tri được cơ? PBC phụ chú Lời Tượng: ở vào thời Dự chính là lúc quân chúng đang vui chơi, mà trong quẻ thì duy nhất hào 4 dương là một người có thế lực lớn nhất trong thời ấy. Những hạng người bất trung bất chính, tất nhiên xu phụ với 4 dương, để mua chuộc cái bả vinh hoa. Duy hào 2 âm chẳng thêm ứng với 4, mà những người phe phái với 4, hào 2 âm cũng chẳng dây dướng vào.

Thiệt là một người có đức cao thượng, chỉ vì có đức trung chính mới được như thế. Kìa như: Hào sơ âm ứng với 4, thời vui ôn ào (mình dự) mà xấu; hào 3 âm ứng với 4 thời vui thềm thuồng (hu dự) mà hối, hào 5 âm kể trên 4 thời để mất sự chính mua lấy bệnh hoạn. Chúng ta mới biết rằng, theo Kinh Dịch thì những bộn xu phụ quyền thế, kết quả ích gì. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ trung chính, gặp cơ hội.*

MHC: Siêng năng chăm lo trau dồi đức mà lập nghiệp (đức nghiệp). Mẫn tiệp (thức thời, nhạy bén, giao thiệp rộng...), danh cao.

MKHC: Giữ vững, không xiểm nịnh, không bần đục, biết thời cơ, tốt.

Vận Năm- **Giới quan:** Biết tiến thoái đúng lúc. **Giới Sĩ:** Tiến thủ thành danh. **Người thường:** Mưu tính được lợi.

Hào 3 âm

Ngửa mặt lên trên (thềm được phú quý) mà vui mừng, như vậy thế nào cũng ăn năn, mà lại sửa đổi chậm, lại ăn năn. NHL giảng: Hào này cũng bất trung, bất chính, như kẻ tiểu nhân ngó lên trên là hào 4 dương, mong (thềm) được phú quý mà vui mừng; không sớm rút chân ra khỏi cái bẫy quyền thế thì sẽ ăn hận lớn. **Toán Hà Lạc giải:** *Trông vào người mà vui, hối kịp thì khỏi ăn năn.*

MHC: Tuy có người trên giúp ta, cũng không xong. Dù chức vị nhỏ cũng hay trắc trở.

MKHC: Lòng dửng dăng, trí không yên.

Vận Năm: (Chung cho mọi người) Mọi việc không đúng thực tế, tiến thoái vô định, miệng tiếng khôn lường.

Hào 4 dương

Nhờ ta mà người được vui, có thể thành công lớn được, cứ một mực chí thành, đừng nghi ngờ gì, thì các bạn sẽ

giúp ta đông và nhanh chóng. NHL giảng: Hào này (hào dương duy nhất) làm chủ trong quẻ, có tài, có địa vị cao, lại được hào 5 (nguyên thủ) hết lòng tin, nên tạo được hạnh phúc cho người, thành công lớn được. Nhưng là hào dương độc nhất trong quẻ, một mình đảm đương gánh nặng, có lúc chán nản, nghi ngờ, nên Lời hào khuyên nên chí thành, thì có nhiều bạn tới giúp. PBC phụ chú Lời tượng: Thiên hạ do ở mình mà được sung sướng, là chí mình phát triển được lớn vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Có công đem vui đến, lại bảo cho biết cách giữ gìn lấy sự vui mừng.*

MHC: Tiếng thơm đức hậu, quyền trọng, công cao, làm việc lớn. Giải quyết được việc lớn.

MKHC: Có phúc đức, được tôn trọng, vợ chồng hòa vui. Nếu vợ mệnh âm (Can Chi âm) thì phúc thọ, nhưng không ở ngôi chính.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được hiểu biết. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. **Người thường:** Kinh doanh đắc lợi.

Hào 5 âm

Giữ chính mà vẫn bệnh hoài, dai dẳng nhưng không chết. NHL giảng: Hào này, ở địa vị chí tôn, nhưng âm nhu và có hào 4 được lòng dân, gánh hết việc thiên hạ, chuyên quyền, chẳng phải làm gì cả, chìm đắm trong cảnh hoan lạc (vì ở thời Dục) nên ví với một người bị bệnh hoài. Nhưng may là 5 đắc trung, lại có 4 cũng không áp bức (Học Năng bảo là có 4 bức cận) nên vẫn giữ được hư vị, cũng như bị bệnh dai dẳng, mà không chết. PBC phụ chú: Xem hào này, theo về sử nước ta, sau đời Lê Trung Hưng hơn hai trăm năm, vua Lê nhu nhược, chúa Trịnh chuyên quyền, việc nước hoàn toàn trong tay Trịnh. Mà vua Lê chỉ là một vị hoàng đế ngôi không. Đến ngày Trịnh vong thì vua Lê mất. **Toán Hà Lạc giải:** *Nếu vui thỏa ý thì sẽ đắm đuối.*

MHC: Là quý nhân chính đáng, nhưng chí khí mềm oặt dễ quyền bính về người khác. Tuy hiển đạt nhưng có bệnh tật mới sống lâu được.

MKHC: Nhu nhược, thiếu tự lập, nhiều bệnh hoạn.

Vận Năm- **Giới Quan**: Phải dựa vào quyền thế người khác. **Giới Sĩ**: Không người giúp. Khó gặp cơ hội. **Người thường**: Nhiều việc lo nghĩ, tai nạn khó tránh. Bệnh tim, bụng.

Hào 6 âm

Mê tối vì hoan lạc. Nhưng nếu biết sửa đổi nét xấu thì không lỗi. NHL giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, lại ở thời cuối quẻ Dự, nên có tượng của người mê tối vì hoan lạc. Nhưng cũng may, hào này ở trong quẻ ngoại Chấn, Chấn có nghĩa là động, có hy vọng nhúc nhích tự cường được, như vậy sẽ không xấu. **Toán Hà Lạc giải**: *Vui thỏa thích nhưng biết cải hóa thì không lỗi.*

MHC: Biết nghe can ngăn, sửa lỗi lầm, nên có ít nhiều danh lợi.

MKHC: Vui quá hoá buồn.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị triệt vì tham nhũng. **Giới Sĩ**: Hôn mê, sai ngoa. **Người thường**: Kiêu ngạo, tranh tụng, nên sửa đổi mới khỏi lỗi.

17- TRẠCH LÔI TỤY

----- **Tụy** là Thuận theo (theo hoàn cảnh). Thuộc
----- tháng 7. **Lời Tượng**: *Trong Đám có Sấm là quẻ*
----- *Tụy. Người quân tử coi quẻ này mà khi buổi tối,*
----- *đêm đến nên đi vào sự yên nghỉ.* **Toán Hà Lạc**
----- **giải**: Những tuổi **Canh: Tý, Dần, Thìn; Đinh:**
----- **Hợi, Dậu, Mùi** lại sinh tháng 7 được quẻ này là
cách công danh, phú quý. Sinh từ tháng 2 đến
tháng 8 cũng phúc đầy. Sinh từ tháng 9 đến
tháng 01 thì phúc mỏng.

NHL giảng: Đoàn ở trên là vui vẻ, Chấn ở dưới là động, đó là cái tượng hành động mà được mọi người vui theo. Lại có thể hiểu Chấn là Sấm, Đoàn là Đầm (chằm), sấm động ở trong đầm, nước đầm theo tiếng sấm mà cũng động, cho nên gọi là Tùy (theo).

Các nhà nghiên cứu uyên thâm đều nhấn mạnh: Theo nhưng phải có điều kiện thì mới thuận. Điều kiện ấy là sự chính đáng, bền bỉ (có nhà nghiên cứu còn nêu ra điều kiện khác nữa). Sách Thoán Truyện: Theo mà phải đúng Thời mới được (Tùy Thời). Ví dụ Trung Quốc, thời Hán, Vương Mãng cũng đã muốn làm một cuộc cách mạng xã hội, rất công bằng, tốt. Nhưng thời đó sớm quá, nên thất bại. Tới đời Tống, Vương An Thạch cũng thất bại, do không hợp Thời. Khổng Tử đã thốt lên: Cái nghĩa Tùy Thời lớn vậy thay. PBC giải thích Lời Tượng: Nước chằm (đầm) theo tiếng sấm mà động, ấy là tượng quẻ Tùy. Quân tử xem tượng ấy tùy thời mà động tĩnh, thời nên động mà động, là ban ngày; thời nên tĩnh mà tĩnh là ban đêm; tới buổi đêm thời đi vào an nghỉ, cũng là một công việc tùy thời của người quân tử. Sấm có sấm động, sấm tĩnh. Tục ngữ ta có câu: *Tháng mười sấm rập, tháng chạp sấm rã*. Xuân Hạ thì sấm phát thanh, Thu Đông thì sấm thu thanh, đó là lẽ trời, quân tử động tĩnh tùy thời, đó là bắt chước lẽ trời vậy. Nói tới buổi đêm đi vào an nghỉ là cách nói sơ sài, gần gụi để nói cái lớn hơn là Tùy Thời mà thôi.

Hào 1 dương

Chủ trương thay đổi, hể chính thì tốt, ra ngoài giao thiệp thì có công. NHL giảng: Chu Hy hiểu lời Chu công (tác giả Lời hào) là chủ trương thay đổi. PBC hiểu là cái thế của mình thay đổi. Vì hào 1 là dương đáng lẽ làm chủ hai hào âm ở trên, nhưng ngược lại phải tùy (theo) hai hào đó. Hiểu theo cách nào thì vẫn là: Cứ chính đáng, theo lẽ phải thì tốt. Chớ theo tình riêng, hể theo người ngoài, nếu họ phải, thì vẫn thành công. Thường người ta đã ở vào thời Tùy, thường đây

đường vào vòng tư ái, đã tư ái thì không chính đáng, không chính đáng làm sao tốt được. Nên nhất thiết phải đoạn tuyệt với tư ái, tượng như ngoài cửa mà giao kết với người, thời mới có thành công. Uy Viễn Nguyễn Công Trứ có câu thơ nói lên điều mà PBC tâm đắc về nghĩa hào này: *Lúc ghét dột thù ngay hóa vậy. Khi yêu to vẽ méo nên tròn.* (vay: cong) "Đó rất là Tùy mà chẳng được chính. Tùy mà được chính có đến nỗi không tốt đâu" (PBC phụ chú). **Toán Hà Lạc giải:** *Tùy người tùy việc để thay đổi, chỉ cần giữ công bằng ngay thẳng thì không lỗi.*

MHC: Tài to đức lớn, giải quyết đại sự.

MKHC: Có chỗ quyền thế để dựa, giữ công tâm thì không thất bại, nhiều người theo, hoặc ra nước ngoài kinh doanh cũng được việc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có thay đổi để làm việc chính đáng. **Giới Sĩ:** Có cơ hội tốt. **Người thường:** Hoạch lợi.

Hào 2 âm

Ràng buộc với kẻ thấp kém (nguyên văn là Tiểu tử: Con nít) *mà mất kẻ trợ giúp.* NHL giảng: Hào này âm nhu, không biết giữ mình, gần đâu theo đấy, nên ràng buộc với hào 1 dương, mà bỏ mất hào 5 dương, ở trên, ứng hợp với nó. Quẻ này, hễ là hào âm, thì Lời quẻ không dùng chữ Theo (Tùy) mà dùng chữ Ràng buộc (Hệ, có sách dịch là Bịn rịn, Bịu rịu) có ý cho rằng âm nhu thì vì tư tình, hoặc lợi lộc mà quẩn quýt, còn dương cương thì vì chính nghĩa mà theo. **Toán Hà Lạc giải:** *Mất đường lối chữ Tùy.*

MHC: Tài nhỏ, tính bất định, không thân cận người quân tử. Mệnh nữ: Lấy chồng quý hiển, được con thứ giúp đỡ.

MKHC: Làm nô tỳ, hay chức thấp kém (ngày trước là Tùy phái).

Vận Năm- **Giới Quan:** Nên lui bước, không được yên ổn, bị điều tiếng, có thể bị giam giữ. **Mọi người** nên tri cơ, tùy hoàn cảnh mà tiến thoái.

Hào 3 âm

Ràng buộc với trượng phu, bỏ kẻ thấp kém, theo như vậy cầu xin cái gì thì được cái đấy, nhưng phải chính đáng thì mới có lợi. NHL giảng: Hào này cũng âm nhu như hào 2, gần đầu thân cận đấy, cho nên thân với hào 4 dương cương, có địa vị ở trên, (tức với trượng phu) mà bỏ hào 1 (tiểu tử). Nó xin 4 cái gì cũng được vì 4 hơi có thể lực. Nhưng Lời hào khuyên đừng xu thế trục lợi, phải giữ tư cách chính đáng thì mới tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Đã theo được điều chính và nhân có thể, được lợi.*

MHC: Gặp người trên, được như ý, nhưng bày nỏ bọc tiểu nhân nói xấu, cứ từ từ, đừng nôn nóng.

MKHC: Có danh lợi, nhưng đường con cái kém. Mệnh nữ: Được chồng làm nên nhưng khác tử tức.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được tiến cử. Vinh hiển. **Giới Sĩ:** Gặp quý nhân. Nên danh phận. **Người thường:** Doanh mưu đắc lợi. Cần giữ nhân nghĩa. Phòng ăn nói gây tổn thất.

Hào 4 dương

Theo, sẽ thu hoạch được lớn đấy, nhưng dù lễ vẫn ngay mà cũng có thể gặp dữ được. Cứ giữ lòng chí thành, theo đạo lý, lấy đức sáng suốt mà ứng phó thì không có lỗi. NHL giảng: Hào này như một vị cận thần, được nguyên thủ tin cậy, (5 và 4 cùng là hào dương cả) ở vào thời Tùy là thiên hạ theo mình, như vậy thu hoạch được lớn (có thể hiểu là được lòng dân, hoặc lập được sự nghiệp) nhưng chính vì vậy mà có thể gặp dữ, (chẳng hạn bị ngờ là chuyên quyền, bị vua ganh ghét, như Nguyễn Trãi). Cho nên Lời hào khuyên giữ lòng chí thành, theo đạo lý mà sáng suốt ứng phó (nghĩa là có đủ 3 đức tín, nhân, trí) thì mới khỏi lỗi. PBC phụ chú: Xem sử nước ta như Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn mới đương được hào này. Khi quân Mông Cổ ba lần vào đánh nước ta, vua thời thiên đô, Thái thượng hoàng phải chạy vào Thanh

Hóa, bao nhiêu quyền quân quốc phó vào một tay Đại vương, nhân tâm lúc bấy giờ nghi cho ngài có thể chuyên quyền cướp nước. Nhưng ngài vẫn một lòng trung với nước, thù với giặc, đánh được quân Mông cổ xong, thời rước vua với Thái thượng hoàng về, nước đã nguy, nhờ đại vương mà được an, vua đã bỏ ngôi, nhờ đại vương mà được phục. Đến khi công cao hơn bốn bể, uy chấn trong một đời, mà ngài thủy chung giữ phận nhân thần, dầu vương phụ khuyên ngài lấy nước, mà ngài không nghe lời, dầu vua Trần cho ngài phong tước, mà ngài chung thân vẫn chẳng cho ai một đạo bằng. Như thế là *Có niềm tin, ở đạo, công của sự sáng* (Lời Tượng). **Toán Hà Lạc giải:** Đạo Tìy dù có đi đến chỗ nguy, nhưng cứ thành thực chính đáng thì không lỗi gì.

MHC: Hợp tình hợp lý, vị ở cao mà không tòng quyền.

MKHC: Tuy có lộc vị, nhưng không tránh được điều xấu, hoặc bị khiển trách, nghi kị, hoặc buồn bán xuôi ngược vất vả.

Vận Năm- **Giới Quan:** Chuyên quyền. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, nên danh. **Người thường:** Được đề cử. Xấu biến thành tốt.

Hào 5 dương

Tin ở điều lành, tốt. NHL giảng: Hào 5 dương cương, ở vị tôn, trung và chính, lại ứng hợp với hào 2 cũng trung chính, cho nên rất tốt. **Toán Hà Lạc giải:** Còn lòng thành dùng người hiền, nên có kết quả.

MHC: Thân hiền nên nhiều người theo. Lập được công.

MKHC: Là người trung chính. Không ai ghen ghét.

Vận Năm- **Giới Quan:** Mừng thăng ngạch. **Giới Sĩ:** Đỗ đạt. Được tiến cử. **Người thường:** Nhiều việc vui mừng.

Hào 6 âm.

Ràng buộc lấy, theo mà thắt chặt lấy. Thái vương nhà Chu được lòng người như vậy, mới lập được nghiệp vương

hanh thịnh ở Tây Sơn (Kỳ Sơn). NHL giảng: Hào này ở cuối quẻ Tùy, là được nhân tâm theo đến cùng cực, như thắt chặt với mình, như vua Thái Vương nhà Chu (sử Trung Quốc), lánh nạn người Dịch, bỏ ấp Mân mà chạy sang đất Kỳ Sơn, người ấp Mân già trẻ trai gái dắt díu nhau theo, đông như đi chợ. PBC phụ chú: Trong quẻ Tùy có ba hào có chữ Hệ (ràng buộc), duy chữ hệ hào 6 âm khác với chữ hệ ở hai hào kia. Ràng buộc ở hai hào kia (2 và 3) là ràng buộc vì tư tình. Ràng buộc hào 6 là ràng buộc theo lẽ tự nhiên: lòng dân tự nhiên theo người có đức nhân, in như nước tất nhiên chảy xuống chỗ trũng (Lời Mạnh Tử). PBC phụ chú: Khác với nhiều quẻ, hễ đã cùng thời biến, như hào 6 quẻ Càn rồng lên cao quá có chữ Kháng (quá cực), hào 6 quẻ Thái thịnh cực có chữ Loạn, hào 6 quẻ Dự, vui cực có chữ Minh (tối), duy hào 6 quẻ Tùy, tùy (theo) đến cùng lại có chữ Hanh (thịnh), đó là lẽ biến hóa trong Dịch học. Nghĩa chữ Tùy ở đây không còn nói tùy theo hoàn cảnh nữa (như các quẻ trên) mà chỉ nói tâm lý. Chúng ta phải biết rằng: Khi chưa Tùy phải hết sức cẩn thận lựa kén, khi đã Tùy rồi, tất phải tự thủy chí chung. Sử đời xưa (Trung Quốc) năm trăm nghĩa sĩ chịu chết theo Điền Hoành mà chẳng chịu về Hán; ba vạn nghĩa dân ở thành Kim Lăng, cam tâm chịu chết với Lý Tú Thành, không một người chịu hàng quân Mân Thanh, chỉ là Tùy (theo) về tâm lý, mà chẳng Tùy vì hoàn cảnh, nên Tùy đến cùng cực mới là phải đạo. **Toán Hà Lạc giải:** *Lấy lòng thành mà dùng đạo Tùy, có thể thông cảm được với thần minh.*

MHC: Thành thực, ôn hòa, lương thiện, trong sáng, cảm phục được lòng người, nên đạt chí, thông tuệ.

MKHC: Còn hoạt động thì chỉ khốn cùng, gian nan. Duy ở ẩn sơn lâm thì tốt.

Vận Năm - Thường gặp hào này thì hay lo lắng, tội vạ, chí không đạt, tuổi không dài. **Giới Quan:** Hay bị dèm pha. **Giới Sĩ:** Bị bôi nhọ. **Người thường:** Phòng tổn hại. Hoặc bị giam giữ.

18- SƠN PHONG CỔ

----- **Cổ** là Công việc, lại có nghĩa là Đổ nát. Thuộc
----- tháng 1. **Lời Tượng:** *Dưới núi có Gió là quẻ Cổ.*
----- *Người quân tử coi quẻ này mà làm phần chín*
----- *lòng dân (cổ vũ khí dân) và nuôi dưỡng tính*
----- *tình.* **Toán Hà Lạc giải:** Phàm được quẻ này
----- phần nhiều bắt đầu phải gian nan, hoặc mê
muội, sau mới thành, được thừa hưởng tổ
nghiệp. Những tuổi **Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Bính:**
Tuất, Tỵ, Dần lại sinh tháng 1 được quẻ này là
cách công danh, phú quý. Nhưng đối với cha
mẹ, gia đình, không được thuận thảo.

NHL giảng: Quẻ này trên là Núi, dưới là Gió, gió
đụng núi, quật lại, đó là tượng loạn, không yên, tất phải có
công việc. Cũng có thể hiểu như sau: Tồn ở dưới là thuận, mà
Cấn ở trên là Ngưng chỉ (ngừng, cấm), vậy là người dưới thì
nhu, người trên thì cương (Tồn thuộc âm, mà hào 1 cũng là
âm, còn Cấn thuộc dương, mà hào cuối cùng thuộc dương),
đề nén người dưới, như vậy mọi sự sẽ đổ nát, phải làm lại. Đổ
nát mà làm lại thì rất nên, rất tốt (Cổ: Nguyên Hanh); phải
xông pha nguy hiểm (như vượt sông lớn) , nhưng rồi sẽ có
lợi.

Được quẻ này, Lời Kinh dạy phải suy nghĩ , có kế
hoạch trước sau, tính trước ngày Giáp ba ngày, sau ngày Giáp
ba ngày. Ví dụ ngày Giáp bắt tay vào công việc, thì phải nghĩ
tới trước ba ngày (tức ngày Tân đồng âm với Tân là đổi mới)
coi nguyên nhân gì gây đổ nát, lại nghĩ sau ba ngày (tức ngày
Đinh đồng âm với Đinh là đinh ninh - tin chắc) để mà phòng
bị cho tương lai. Làm lại mới mà được như vậy thì rất tốt.
PBC phụ chú: Thời Cổ là thời Đổ nát, rất xấu mà Lời kinh lại
cho hai chữ Nguyên Hanh là vì sao? Xưa nay, người đời
không lo việc đại loạn mà lo không người đẹp loạn, không lo
cảnh hiểm mà chỉ lo không có tài vượt hiểm. Nếu những
người trì cổ (sửa sang sự đổ nát) đó có gan lớn, có tài cao lại

có tấm lòng, có trí lo liệu, thì thời loạn chính là đường mở ra cuộc sửa đổi, cảnh hiểm chính là lối đưa đến hoà bình. Lời Quê bảo qua sông lớn có lợi, lại dạy cách lo trước ba ngày, lo sau ba ngày Giáp, thật chẳng sót tí gì. Nếu chỉ có tài qua sông lớn, mà không có kế hoạch lo trước, lo sau mà không có gan vượt sông, thì đều không phải là tài sửa sang đồ nát. Cổ làm gì mà nguyên hanh được. PBC chỉ rõ thêm: Thời Cổ, Lời Tượng bảo rằng người quân tử phải coi trọng việc cổ vũ khí dân và nuôi dưỡng đức dân là vì: sửa sang đồ nát có rất nhiều công việc nhưng kể việc đáng làm chẳng việc gì lớn hơn việc cổ vũ khí dân, nuôi dưỡng đức dân, và thức tỉnh trí dân.

Hào 1 âm

Sửa sang sự đồ nát của cha, nhờ con mà cha không lỗi, nhưng cũng có thể nguy đấy, phải biết răn sợ, sau mới tốt. NHL giảng: Hào 1 này, đồ nát chưa nhiều, sửa sang lại cũng dễ. Nhưng nó âm nhu, trên không có ứng viện, có thể gặp cảnh khó khăn, phải biết răn sợ, sau mới tốt. Quê Cổ này lấy việc trong nhà làm thí dụ, nên nói đến cha con. PBC phụ chú: Tuy nhiên, Dịch Lý là cốt biến thông, hoặc quốc gia, hoặc xã hội, hễ đụng vào thời đại nào, người trước đã làm ra tệ hoại mà người sau sửa sang, thay đổi những việc cổ (đồ nát), để gây dựng được nền canh tân, cũng có thể gọi là cang đáng công việc đồ nát của cha. Cha là chỉ vào những bậc tiền nhân, chẳng phải chỉ câu nệ bằng (hai chữ) cha con mà thôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Sửa sang tổ nghiệp.*

MHC: Dừng tiến, quyết tâm làm. Trải bao gian nan, lập được công trạng, đứng đạo nghĩa của tiền nhân, để lại quy mô cho con cháu.

MKHC: Không được nhờ tổ nghiệp, khó không nản, vinh không kiêu.

Vận Năm- **Giới Quan:** Năng động trừ gian, diệt tệ. **Giới Sĩ:** Kế thừa chí của ông cha. Toại ý, có khảo thi. **Người**

thường: Kinh doanh đắc lợi. Số xấu thì lo buồn. Già bị giảm thọ.

Hào 2 dương

Sửa sang sự đổ nát của mẹ, không nên cố chấp (trinh). NHL giảng: Hào này dương cương, đắc trung, trên ứng với hào 5 âm nhu, nên ví như con (2) với mẹ (5). Hào 2 có tài, sửa sang được, nhưng tính cương cường, có thể xung đột với 5, cho nên Lời hào khuyên đừng cố chấp, mà phải mềm dẻo. PBC: Lời hào này khuyên cáo đáng việc sửa sang đổ nát của mẹ, mà hoàn toàn dùng cách cương, e có khi đến nỗi mẹ con không tương đắc, công việc sửa sang sẽ hỏng. Phải hợp với đạo trung mới đúng. Suy rộng nghĩa ấy, chúng ta xử việc đời, cũng phải tùy thời, tùy đất, tùy người mà liệu cách biến thông, ấy là đạo trung. **Toán Hà Lạc giải:** *Cấp dưới ca tụng sự nghiệp của người trên để tỏ đạo thuận tòng.*

MHC: Cương quyết, trung chính nhưng khó gặp tri kỷ, sửa chữa đổ nát, đời rất ngưỡng vọng.

MKHC: Cũng là người trung thực.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thừa tài sửa đổi việc cũ. **Giới Sĩ và Người thường:** Được thừa nghiệp kinh doanh của cha mẹ, nhưng phải sửa sang lại cả.

Hào 3 dương

Sửa sang sự đổ nát của cha, có chút hối hận, nhưng không có lỗi lớn. NHL giảng: Hào này là dương lại ở ngôi vị dương, là quá cương, nóng nảy, không hợp đạo trung, cho nên làm vài việc đáng ăn năn. Nhưng làm nổi việc, đắc chính, nên không đến nỗi có lỗi lớn. Giống như người con trung ngôn, can gián nói thẳng mà giữ được đạo lý cho cha. **Toán Hà Lạc giải:** *Sửa trị quá cứng rắn nên không tránh được có ăn năn.*

MHC: Là kẻ sĩ cương quyết, sửa trị không kiêng nể, có sai, nhưng rồi lại được sửa.

MKHC: Trước vất vả, sau mới được đắc dụng.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có chủ trương, nên cần trọng.

Giới sĩ: Nóng nảy, sinh lầm lỗi. **Người thường**: Nên cần thận, đừng tin lời gian nịnh thì đỡ hối hận.

Hào 4 âm

Kéo dài sự đổ nát của cha, nếu cứ như vậy hoài thì sẽ hối tiếc. NHL giảng: Hào âm nhu lại ở vị âm, là người thiếu nghị lực, nhút nhát, không dám cương quyết sửa sự đổ nát của cha, để cho nó kéo dài hoài thì xấu cho cả gia đình mà phải hối hận. PBC phụ chú: Hào 3 vì quá cương mà có ăn năn, hào 4 vì quá nhu mà hối tiếc. Nhưng ở vào thời Cổ, quá cương còn có vai gánh vác, quá nhu thời chỉ là một hạng người nằm im mà thôi. **Toán Hà Lạc giải**: *Cấp cao sửa tục lệ tệ hại mà cứ dùng dằng mãi, sau không sửa được.*

MHC: Tính ủy mị, tuy có tài lớn mà không thực hiện được việc nhỏ.

MKHC: Hoài nghi, lo lắng, không quả quyết, chỉ làm được việc nhỏ.

Vận Năm- **Giới Quan**: Hư vị. Ngồi suông. **Giới Sĩ**: Rượu chè, bỏ sự nghiệp. **Người thường**: Lười, chỉ phè phỡn. Tồn hại. Đau chân.

Hào 5 âm

Sửa được sự đổ nát cho cha, mà được tiếng khen. NHL giảng: Hào âm nhu, ở ngôi chí tôn, không đủ tài sáng nghiệp, nhưng nhờ có đức trung mà ở dưới ứng với hào 2 dương cương là người có tài, sửa sự đổ nát được, rồi cuộc thành công, cả hai được tiếng khen. PBC: Hào này tượng như Trần Thái Tông, Lê Nhân Tông ở nước ta, đều dùng được tôi

hiển mà có danh dự. **Toán Hà Lạc giải:** *Dùng được người tài trị nước, có danh dự.*

MHC: Lập thành nghiệp lớn, cha mẹ thơm lây.

MKHC: Cũng khởi được nghiệp nhà, được làng xóm trọng vọng.

Vận năm - **Giới Quan:** Vinh hiển. **Giới Sĩ:** Hoạch đỗ đạt, được tiến cử. Nên danh. **Người thường:** Lập lại quy mô gia tộc, nên danh, vui mừng.

Hào 6 dương

Không xu phụ bậc vương hầu, mà nêu cao tư cách của mình. **NHL giảng:** Hào này dương cương, ở trên hào 5, như một vị hiền nhân quân tử, thanh cao, ở ngoài mọi việc, không màng phú quý, không xu phụ vương hầu, giữ chí hướng của mình, làm phép tắc cho thiên hạ. Quẻ này kết một cách bất ngờ: Hào trên cùng không nói gì về sự sửa sang đồ nát cả, mà chỉ khen bậc hiền nhân treo gương danh tiết cho thiên hạ coi. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức mà không được dùng. Giữ chí ở ẩn.*

MHC: Giữ chí cao thượng, coi thường danh lợi.

MKHC: Thanh cao, khác người, ăn ở đạm bạc, không theo phàm tục.

Vận năm - **Giới Quan:** Cáo hưu. **Giới Sĩ:** Đợi thời. **Người thường:** an phận.

19- ĐỊA TRẠCH LÂM

----- **Lâm** là Lớn thịnh. Còn nghĩa nữa là Tối (như
----- Lâm chung là tối lúc cuối cùng, lúc chết; Lâm hạ
----- là người trên tối người dưới). Thuộc tháng 12.
----- **Lời Tượng:** *Trên Đám có Đất là quẻ Lâm. Người*
----- *quân tử coi quẻ này mà dạy dân, giáo hóa dân*
----- *không bao giờ ngừng, bao dung và bảo vệ dân*

không giới hạn. Toán Hà Lạc giải: Những tuổi **Đinh: Tị, Mão, Sửu; Quý hoặc Ất: Sửu, Hợi, Dậu** lại sinh tháng 12 được quẻ này là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán báo Lâm là lớn lên và tới, rất hanh thông, chính đáng thì lợi. Đến tháng 8 (hoặc 8 tháng nữa) sẽ xấu. Quẻ này khởi từ quẻ Khôn, 6 hào âm, xuất hiện một hào dương thay một hào âm ở dưới, thành quẻ Phục; rồi một hào dương nữa tới thay hào 2 âm, thành quẻ Lâm. Thế là dương lớn dần, tới ngày thịnh lớn, nên gọi là Lâm. Dương cương lớn dần mà âm nhu tiêu dần, thế là đạo gần tới lúc thông, cho nên báo là rất hanh thông. Quẻ có hào 2 dương cương, trung, ứng với hào 5 âm nhu, trung, cho nên có sự hòa hợp vui vẻ, cũng hanh thông nữa. Trong cảnh hanh thông, đừng nên phóng túng mà nên giữ chính đạo (lợi trình), nếu không thì đến tháng Tám (hoặc Tám tháng nữa, nhiều sách giảng 2 con số này theo cách khác nhau, nên có thể hiểu là sẽ) sẽ gặp xấu. Một cách hiểu nữa: Trên Đầm (Chằm) có Đất, có nghĩa là Đất tới sát Nước, nên gọi là Lâm (tới gần). Lời Tượng báo là Đất tới sát Đầm, có cái tượng là quân tử tới dân, giáo hóa dân không bao giờ thôi, bao dung, giữ gìn dân không giới hạn. PBC phụ chú: Lời Tượng không chỉ nói *giáo* mà thôi, còn nói *giáo tử* là dùng ý tứ sâu xa mà bày đặt ra cách giáo dục. Quẻ Đoài hạ là tượng cho việc giáo hoá về tinh thần như nước đầm thấm sâu. Quẻ Khôn thượng là tượng cho việc bao dung, giữ gìn dân như đất bao la chở muôn vật.

Hào 1 dương

Cảm thông mà tới, giữ chính thì tốt. NHL giảng: Dịch Hàm là cảm thông là theo Trình Di và Chu Hy, nhận xét hào 1 dương ứng với hào 4 âm, như vậy hào này cảm ứng với hào 4 mà tới (Lâm là Tới). Còn có cách hiểu khác nữa: Trong quẻ này chỉ có 2 hào dương tới, lẫn 4 hào âm, cho nên hai hào dương phải hợp lực nhau cùng tới, mới chiến thắng được. Nên

còn có thể dịch là: *Cùng tới, giữ chính thì tốt*. PBC giảng theo nghĩa này. Hào 1 đắc chính (dương ở ngôi dương) nên lời hào khuyên nên giữ đạo chính của mình. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đường lối hay đi với người nhỏ mọn.*

MHC: Tài cao đức trọng, kính trên thương dưới, bài xích những lời dèm pha, đó là bậc đại nhân.

MKHC: Là người công bằng, chính trực, biết tùy thời, xóm làng kính nể.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được người cộng tác hay. Lên cao. **Giới Sĩ:** Công danh toại ý. **Người thường:** Lui tới dùng đạo lý. Kinh doanh có lợi.

Hào 2 dương

Cảm thông mà tới (còn được hiểu là *Cùng tới*) *không gì là không lợi*. NHL giảng: Nghĩa cũng như hào 1. Hào 2 dương cương, đắc trung, gặp thời dương đang lên, cho nên hiện tại tốt lành mà tương lai cũng thuận lợi. PBC giảng: Hào 1 và hào 2 phải cùng tới thì mới tốt, phải lấy sức người giúp mệnh trời chứ không phải ngồi yên chờ mệnh trời. PBC phụ chú: Việc trong thiên hạ, tiểu nhân hại quân tử thường dễ mà chóng thành, quân tử chế ngự tiểu nhân thường khó mà hay bại. Cũng có khi quân tử chia làm hai phe, nhân đó mà gây nên họa tiểu nhân hại mình. Như thời Đông Hán (Trung quốc) Từ tử Trần Phồn với Khoách Thái, Lý Ung, đều là quân tử, chỉ vì những người hiền không cố kết (rập) với nhau, nên Thập Thường Thị mới đắc chí, mà họa phe đảng gây thiệt lớn. (Thêm một ví dụ nữa trong sử TQ chúng tôi xin lược bớt). Xem như các gương ấy, thời biết được nghĩa hai chữ Hàm Lâm (Cùng tới) ở hai hào này chính là thủ đoạn quân tử (chế) ngự tiểu nhân. Mà hay nhất là chữ Hàm (Cùng). Tâm đồng mà lực bất đồng chẳng phải hàm, lực đồng mà tâm bất đồng cũng chẳng phải Hàm. Nói tóm lại hàm thời cát, không hàm thời hung, đó là lẽ tất nhiên. Hai hào này, mỗi một hào có khi chỉ về một người, có khi chỉ một phe, một quốc gia, một xã

hội. Đó là lẽ biến thông trong Dịch học. **Toán Hà Lạc giải:** *Bọn tiểu nhân gần kề, đến với họ một cách thân thiện.*

MHC: Trau dồi đức mà thực hiện đạo lý, lấy lòng nhân mà làm đổi cường bạo, thực hành được chí hướng, thành công.

MKHC: Là người lành (thiện sĩ) làm lợi cho nhà.

Vận Năm- **Giới Quan:** Giúp chính trừ gian, danh cao.

Giới Sĩ: Tiến thủ dễ dàng. **Người thường:** Kinh doanh đắc lợi, nên chăm chú cho hợp với nghi thức thời đại.

Hào 3 âm

Ngọt ngào mà tới (để dụ dỗ hào 2) thì không có lợi đâu; nhưng đã biết lo sửa tính thì không có lỗi nữa. NHL giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, nên ví với bọn tiểu nhân, dùng cái ngọt ngào mà dụ dỗ hào 2. PBC: Tuy nhiên, hào 3 mới vào cửa tiểu nhân, nếu biết lo bỏ điều xấu một cách thật thà, thì quân tử cũng không trách móc gì, 3 cũng khỏi tội lỗi, hoặc tội lỗi cũng không đến nỗi lớn. PBC phụ chú: Chỉ một chữ ngọt ngào (cam) mà bộc lộ hết tính thần kẻ tiểu nhân. Xưa Lý Lâm Phủ làm tướng đời Đường (TQ) là một đứa tiểu nhân làm hại vô số người quân tử. Người đời nhạo nó bảo rằng: miệng nó như mật ngọt mà bụng nó có gươm (Khẩu mật phúc kiếm). Lại như Lô Khởi, hễ nó cười với ai, thì người ấy sẽ bị nó giết. Người ta bảo Lô Khởi: Trong miệng cười có lưỡi dao (Tiểu trung hữu đao). Nên chúng ta phòng bị tiểu nhân phải phòng bị ở chốn ngon ngọt, tất nhiên ở trong ấy có cái đắng. **Toán Hà Lạc giải:** *Ngọt ngào tới, mà có điều rắn giới (cảnh giới) đấy.*

MHC: Uốn lại cong, đem lại ngay, ở trên tới thì với được, nhưng ngôi vị chỉ đến chức giáo huấn thôi (kiểm tra trường học).

MKHC: Tà thuyết, mị dân, dối đầu với người, hại vật.

Vận Năm- **Giới Quan:** Hay dèm pha, nịnh nọt. **Giới Sĩ:** Siểm nịnh, bôn tẩu. **Người thường:** Bi sấu, oan khổ.

Hào 4 âm

Chí thành (hết lòng thành thực - Chí lâm) mà tới (với hào 1) *không có lỗi*. NHL giảng: Hào này cũng là âm nhu, nhưng đắc chính (âm ở vị âm) lại ứng với hào 1 dương là kẻ có tài, chính đáng (hào 1 cũng chính), nên không có lỗi gì cả. PBC: Như người bạn hiền, chính với chính giúp nhau, vì hoàn cảnh mà biến hóa được hào 4 (tiểu nhân cải hóa) nên 4 lấy một cách thành thật mà đến với 1. **Toán Hà Lạc giải:** Thành thực đến với người, bổ khuyết cho họ. (Hoặc để họ bổ khuyết cho).

MHC: Trung chính, tin nhau trong bè bạn nên sự nghiệp dễ thành.

MKHC: Có phúc, ít tai nạn. Có tiếng về kỹ nghệ (công nghệ, tay nghề).

Vận Năm- **Giới Quan:** Được đồng liêu hiệp lực. **Giới Sĩ:** Tốt đẹp nhiều về. **Người thương:** Cùng người hòa hợp. Kinh doanh toại ý. Nhưng khi quẻ biến thành quẻ Quy Muội thì mọi việc nên xét kỹ rồi hãy làm.

Hào 5 âm

Dùng đức sáng suốt mà tới (Trí Lâm), *đúng tư cách một vị nguyên thủ, tốt*. NHL giảng: Hào âm này ở vị chí tôn, có đức trung, ứng hợp với hào 2 dương, có thể ví với một vị nguyên thủ, tuy ít tài, nhưng sáng suốt, biết người nào có tài, (hào 2) tín nhiệm, ủy thác vận nước cho người đó, như vậy kết quả chắc tốt. PBC phụ chú: Hào này tốt nhất trong quẻ, nhưng sở dĩ được tốt nhất là vì có đức trí (trí là khôn), mà đức trí lớn nhất là trí hay biết người (đánh giá, dùng người). **Toán Hà Lạc giải:** Ở cho hết đạo của nguyên thủ, thông dong mà việc thành.

MHC: Quý trọng người hiền, có lễ với kẻ sĩ, lại minh triết, nên trên được trời thương, dưới được dân mến.

MKHC: Cũng có phúc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Hiền đạt. **Giới Sĩ**: Lên cao.
Người thường: Toại ý.

Hào 6 âm

Lấy lòng đôn hậu mà tới (với đời), tốt, không lỗi.
NHL giảng: Hào này là âm, ở cuối cùng quẻ ngoại Khôn, là có đức rất nhu thuận, ở thời Lâm, tức thời dương đang lên, quân tử đang tiến, nó hướng về 2 hào dương ở dưới cùng (mặc dầu không hào nào ứng với nó) mà dắt mấy hào âm kia theo 2 hào dương đó. Cho nên khen nó là đôn hậu, tốt, không có lỗi. PBC phụ chú: Chữ Lâm (đến, tới) có hai nghĩa: Một là Lâm áp (ép, thúc), hai là Lâm tiếp (cho thêm). Chữ Lâm ở hai hào 1 và 2 là lâm áp các hào âm ở trên, nên câu cho 2 chữ đồng chí. Chữ Lâm ở bốn hào âm 3, 4, 5, 6 là 4 âm lâm tiếp với 2 dương, nên câu mong cho tiểu nhân phục tùng quân tử. Vậy nên, lời hào 1, hào 2, sợ quân tử có chia rẽ mà phải nói Cùng tới (hàm lâm). Đến như 3, 4, 5, 6, đều trông cho tiểu nhân cảm cách. Duy chỉ có hào 3 ngọt ngào mà tới, là tay gian xảo, nên nói: không có lợi. Hào 4: Chí lâm, hào 5: Trí lâm, đều là hạng người biết thân quân tử, nên được chữ Không lỗi, tốt. Đến hào 6 trên cùng, là hết lòng trung hậu mà lâm tiếp với quân tử (đôn lâm). Trong một nước, một xã hội nếu được như thế, thì hạnh phúc biết bao. Bởi vì quân tử mà quân tử là sự thường. Tiểu nhân mà hóa ra quân tử mới là hạnh phúc cho nhân loại. Vì vậy lời hào quẻ Lâm không có chữ xấu (hung), ăn năn (hối), đáng tiếc (lấn). Thời đại ấy, thế giới ấy, chúng ta có bao giờ được tự mình trông thấy chăng?
Toán Hà Lạc giải: *Thân với người, rất đầy đặn.*

MHC: Đại quý nhân. Cùng đồng liều làm việc sửa sang phong tục, không biết mỏi, phúc lớn.

MKHC: Tuổi cao, đức lớn, rồi quê lập nghiệp.

Vận Năm- **Giới Quan**: Vào nội các, cơ quan trung tâm. **Giới Sĩ**: Vào viện, cấp đại học. **Người thường**: Kinh doanh lợi lộc.

20- PHONG ĐỊA QUÁN

----- **Quan** là quan sát, xem xét. Thuộc tháng 8. **Lời**
----- **Tượng:** *Gió đi trên đất là quẻ Quán. Người*
----- *quân tử coi quẻ này mà đi quan sát, kiểm tra*
----- *các địa phương, xem xét dân tình, để định ra*
----- *phép tắc giáo hóa nhân dân.* **Toán Hà Lạc**
----- **giải:** Những tuổi **Tân, Ất hoặc Quý: Mùi, Tị,**
Mão lại sinh tháng 8 được quẻ này là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: Theo tượng quẻ, Tồn ở trên, Khôn ở dưới là Gió thổi trên Đất tượng trưng cho sự cổ động khắp mọi loài, hoặc quan sát khắp mọi loài. Lại thêm: hai hào dương ở trên, bốn hào âm ở dưới là dương biểu thị (làm cho thấy, còn gọi là quán) cho âm; âm xem (quan) dương mà theo. Người xưa, trong *Lời Thoán*, đưa một ví dụ cho ta dễ hiểu: Muốn biểu thị (quán) là mẫu mực cho người khác thấy thì nên có lòng chí thành như người chủ tế, lúc sắp tế, *rửa tay cho tinh khiết*, đó là điều quan trọng nhất. Còn như dâng cỗ, thuộc về vật chất, nhiều ít không sao, hương hoa cũng cứ tốt. Hào 5 trong quẻ, dương cương, trung chính, chính là người cho thiên hạ trông vào mà cảm hóa theo. Người đó nên coi đạo trời cứ tĩnh lặng, vậy mà bốn mùa vận hành không sai, mà lấy lòng chí thành làm gương cho dân, dạy dân, dân sẽ không ai không phục. PBC dẫn thí dụ cho ta dễ hiểu về *Lời tượng*: Bậc nguyên thủ đời trước bắt chước tượng *Gió đi trên Đất* mà tuần tỉnh các địa phương, xem xét tục dân, mà đặt ra chính giáo. Tỷ như: xứ nào suy mạt về nghề nghiệp thì dạy bằng nông tang; xứ nào suy đồi phong hóa thì dạy bằng lễ nghĩa; dân khiếm nhược thì dạy bằng thượng võ; dân hiếu dũng thì dạy bằng thượng văn. Đó là cách Quán của bậc nguyên thủ vậy.

Hào 1 âm

Trẻ con nhìn lên (không hiểu gì), tiểu nhân thì không đáng trách, quân tử mà như vậy thì hối tiếc. NHL giảng: Tên

quẻ thì đọc là Quán, tượng của quẻ là người trên (hào 5) biểu thị làm gương cho người dưới. Nhưng xét từng hào thì đọc là Quan, tượng của hào là người dưới xem xét tư cách, hành vi của người trên. Hào 5 dương, đắc trung, làm chủ quẻ, tượng trưng cho người trên, vị nguyên thủ. Hào nào cũng nhìn lên hào 5 cả. Hào 1 ở xa quá, như con nít, tò mò nhìn lên, không hiểu gì cả; nhưng vì là con nít, không đáng trách; người quân tử mà như vậy mới đáng trách. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có đức, không đáng gán vị nguyên thủ.*

MHC: Tính mẫn tiệp (nhậy cảm), dĩnh ngộ (khôi ngô, ngây thơ), hay bắt chước, như trẻ nhỏ, làm ăn chỉ đủ sống qua ngày.

MKHC: Dù có lợi danh cũng nhỏ hẹp.

Vận Năm- **Giới Quan:** Địa vị thấp, gian nan. **Giới Sĩ:** Bước tiến đổi hướng trở về. **Người thường:** Tính thì khéo, làm thì vụng, ngớ ngẩn, dễ bị lường gạt.

Hào 2 âm

Nhìn lên, chỉ thích hợp với nét trình của đàn bà thôi.

NHL giảng: Hào này âm nhu, trung, chính, là người con gái có nét trình, ngó lên hào 5, không thấy được đạo lý của 5, con gái như vậy thì được, người trượng phu mà như thế thì đáng xấu hổ. **Toán Hà Lạc giải:** *Chỉ thấp, không nhìn xa được.*

MHC: Tài sơ đức mỏng, chức nhỏ an phận, mà sau cũng có điều hối. Hoặc nhờ được quý bà nào giúp đỡ. Hoặc lấy được vợ giàu. Mệnh Nữ: Được phúc, thọ.

MKHC: Sinh kế thấp kém, quê mùa.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tài lực không đủ. **Giới Sĩ:** Văn lý không thông hoạt. **Người thường:** Tối ở nhà, sáng ở chợ, buồn vui phức tạp, hoặc có điều xấu hổ về vợ. Hào này mệnh Nữ thì tốt, mệnh Nam thì xấu.

Hào 3 âm

Xét bản thân, hành vi của mình; xem nên tiến lên (theo hào 4) hay nên dừng yên, dừng để phải lui xuống (với hào 2). NHL giảng: Hào này bất chính, âm ở vị dương, lại ở trên cùng quẻ Nội, có thể tiến hay thoái, Lời hào khuyên dừng ngó lên hào 5, cứ tự xét bản thân mình, nếu đối phó được với hoàn cảnh thì tiến lên, không thì thôi, như vậy là chưa sai đường lối. **Toán Hà Lạc giải:** *Xem xét để tiến thoái cho chính đáng.*

MHC: Tu dưỡng đức, luyện nghề nghiệp kịp thời, là người hiền sáng (minh triết).

MKHC: Nay tiến mai thoái, cô lập, gian nan.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tiến thoái bất định. **Giới Sĩ:** Cạnh tranh, không chắc chắn. **Người thường:** Cái được cái mất, nên xét kỹ.

Hào 4 âm

Xem cái vẻ sáng của đất nước mà lợi dụng địa vị thân cận với nguyên thủ. NHL giảng: Hào này âm, đắc chính, ở ngay dưới hào 5, tức là ở địa vị thân với nguyên thủ, (làm quý khách của nguyên thủ) được nguyên thủ tín nhiệm, xem xét đức sáng của nguyên thủ (nguyên thủ thuộc người hiền thì nước mới sáng, vinh quang của nước chính là đức sáng của nguyên thủ) mà bắt chước, đem tài sức ra giúp đời. PBC chỉ rõ: Xem vẻ sáng của nước, chữ Nước có ý nghĩa hay lắm. Bởi vì hào 5 là quốc trưởng, nhất ngôn, nhất động, tất thấy ảnh hưởng tới một nước. Trong nước mà có ảnh hưởng vẻ vang rực rỡ, tuy là văn minh cả một nước, mà thực là nhờ có văn minh của quốc trưởng mà nảy nở ra. Nên nói rằng xem vẻ sáng của Nước, xem Nước tức là xem hào 5 (nguyên thủ) vậy. Lời Tượng của hào còn nhấn mạnh ý nghĩa xem vẻ sáng của nước mà sinh chí hướng muốn hiến thân cho nước (hoặc cho vương triều). **Toán Hà Lạc giải:** *Cái nghĩa (nguyên thủ và người phụ tá) trong thời thịnh.*

MHC: Tài đức đầy đủ, làm giường cột quốc gia, có quyền giám sát.

MKHC: Có tài đức, làm thượng khách nước nhỏ (có thể ngày nay là đại sứ).

Vận Năm- **Giới Quan**: Hoạch ở Viện Hàn lâm, hoặc ở một chức vị thanh cao. **Giới Sĩ**: Đổ cao ở nước ngoài. **Người thường**: Ra ngoài buôn bán lớn.

Hào 5 dương

Xét bản thân, hành động của ta hợp với đạo quân tử, như vậy là không có lỗi. (NHL chú thích: Do chữ Hán có cách chấm câu linh động nên câu trên còn có thể hiểu là: Người quân tử ở thời này phải xem bản thân, hành động của ta (tức hào 5) mà noi theo thì không có lỗi). NHL giảng theo câu trên: Hào 5 ngôi chí tôn, cương cường mà trung chính, là bậc quân tử, làm gương cho 4 hào ở dưới, mọi người đều ngó vào. PBC phụ chú: Vì ở thời đại quẻ Quán, bốn âm đang trưởng, hai dương dân tiêu, chính là thời tiểu nhân đắc chí mà nguy hiểm cho quân tử lắm. Nên Lời hào nói rằng: Những người quân tử ở đời (thời) này, tất phải Quan ngã sinh (tự xem xét bản thân), có đức dương cương, trung chính như hào 5 dương, quân tử như thế mới khỏi tội lỗi. Lời Tượng lại phát minh thêm ý nghĩa: tự xem xét mình, há chỉ xem xét mình mà thôi đâu? Bởi vì, hào 5 dương là nguyên thủ của một nước, dân trong một nước, đức dân tốt hay xấu, tục dân tốt hay xấu, quan hệ ở bản thân hào 5. 5 tốt thì dân tốt, 5 xấu thì dân xấu. Nên 5 muốn xem tốt xấu ở bản thân, thì phải xem gương tốt xấu ở nơi dân. **Toán Hà Lạc giải**: Bậc nguyên thủ xét kỹ cách sinh hoạt để trị nước, thì không hổ thẹn với chức vụ.

MHC: Đem lòng trung chính của mình để cải hóa thiên hạ. Ca tụng người hiền, quý trọng đức.

MKHC: Cũng là kẻ sĩ, có danh, có thọ.

Vận Năm- **Giới Quan**: Trên mền, dân quý. Lột vị cao. **Giới Sĩ**: Văn chương nổi tiếng ở Quốc học. **Người**

thường: Sinh nhai dễ chịu. Mệnh Nữ: Có sinh nở. Người bệnh: Sống.

Hào 6 dương

Xét bản thân, hành động của nó (của hào 6) hợp với đạo quân tử thì không lỗi. (Theo cách dịch của PBC). **NHL** giảng: Lời hào này giống lời hào 5, chỉ khác một chữ. Lời hào 5: Xét bản thân, hành động của ta, ta là để nói với hào 4, người thân cận cấp dưới kẻ sát mình. Lời hào này: Xét bản thân, hành động của nó, nó đây là hào 6, là lời của Chu Công nói về hào 6 như đã nói về các hào 1, 2, 3, 4. Hào trên cùng này cũng là hào dương như hào 5, cũng là quân tử, tuy không ở ngôi chí tôn, nhưng ở trên cao hơn hết, cũng phải làm gương cho các hào âm trông vào. Vì nó có tư cách quân tử, nên không lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Trở lại bản thân để tự trị, làm tiêu biểu cho dân.*

MHC: Bậc thượng lưu làm gương cho dân.

MKHC: Có gì u uất, không phát triển được tài năng, nên đi vào đường thanh tu (tu tính cho trong sáng).

Vận Năm- **Giới Quan:** Lui về tu tỉnh, cố sở đắc (đạt sở nguyện). **Giới Sĩ:** Tiến thủ gian nan, chưa toại ý. **Người thường:** Kinh doanh trở trệ. Có bệnh thì khỏi. Sinh nở nuôi được.

21- HÒA LỜI PHÊ HẠP.

----- **Phê** là Cẩn, là Trừ bỏ (sự ngăn cách), **Hạp** là
----- Hợp. Thuộc tháng 9. **Lời Tượng:** *Sấm* (phát ra
----- từ) *Điện là quả Phê Hạp. Các nguyên thủ (tiên*
----- *vuơng) coi quả này mà làm sáng tỏ cách hành*
----- *phạt, sắp đặt hệ thống pháp luật.* **Toán Hà Lạc**
----- **giải:** Những tuổi **Canh: Tý, Dần, Thìn; Kỷ:**
Đậu, Mùi, Tị, lại sinh tháng 2, tháng 8 được

quẻ này là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán bảo Cấn để Hợp lại, như vậy là hanh thông; dùng vào việc hình ngục thì có lợi. Như vậy, quẻ Phệ Hạp này nói về việc hình ngục. Hào Sơ và Hào trên cùng là hai vạch liền, tượng như hàm trên và hàm dưới, ở giữa có ba vạch đứt, là miệng há ra, xen vào một vạch liền như cái que cắn ngang miệng, làm gián cách hai hàm răng; phải cắn gẫy, trừ nó đi, rồi hai hàm mới hợp với nhau được. Trong xã hội, kẻ gián cách đó là bọn gian tà, sàm nịnh, bưng bít người trên, kẻ dưới, mà trên dưới không thông. Cho nên phải dùng hình ngục để trừ chúng. Hình ngục muốn có kết quả thì phải vừa uy, vừa sáng suốt. Quẻ Nội Chấn là uy; quẻ Ngoại Li là sáng suốt. Lại xét riêng hào 5, hào làm chủ trong quẻ; nó ở ngôi cao, âm nhu mà đắc trung, là có ý khuyên dùng hình ngục tuy phải có uy, phải cương; nhưng cũng cần có nhu, có hiếu sinh; nếu chỉ có cương thôi, thì hóa ra hiếu sát mất.

Hào 1 dương

Ví như chân đạp vào cái cùm mà đứt ngón chân cái. Không có lỗi. NHL giảng: Trong quẻ này, hào 1 và hào 6 trên cùng là người không có chức vị, bị chịu hình; còn 4 hào kia là người có chức vị, áp dụng hình pháp. Hào 1 ở dưới cùng là hạng dân thường, mới làm bầy, bị tội nhẹ, cùm chân, chặt ngón chân cái, thì sẽ sợ phép nước mà sau không làm điều ác nữa. Cho nên không có lỗi lớn. **Toán Hà Lạc giải:** ác nhỏ, biết trừng trị ngay thì đỡ lỗi.

MHC: Trước ở vị thấp, sau lên cao, cũng là quý nhân.

MKHC: Tâm thường, nhu nhược, hoặc tật ở chân.

Vận Năm- **Giới Quan:** Bị truất giáng. **Giới Sĩ:** Không gặp may. **Người thường:** Đề phòng hình phạt, tật bệnh.

Hào 2 âm

Cần miến thịt mềm. Sứt cái mũi. Không có lỗi. NHL giảng: Hào này cũng như 3 hào sau, dùng chữ phệ (cắn) để

trở người dùng hình pháp. Hào 2, âm nhu, đắc trung, chính, lại được hào 5 ứng, tức là người được nguyên thủ ủy cho quyền hình pháp, vì vậy dễ thu phục được kẻ có tội, công việc cũng dễ như cắn miếng thịt mềm. Nhưng vì hào 2 cưỡi lên hào 1 dương cương, tức như gập kẻ ương ngạnh, nên phải quá tay một chút, kẻ có tội chịu hình phạt quá đau, như bị cắn vào mũi; đó là lỗi của hân, chứ hào 2 vẫn là trung chính, không có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Trị người khó tránh việc thương tổn người.*

MHC: Người lớn, làm việc hình phạt lớn. Hoặc nhỏ nhất cũng làm chức có quyền hình phạt người.

MKHC: Da thịt bị tổn thương, mai danh ẩn tịch. Nên làm tăng đạo.

Vận Năm- **Giới Quan:** Hình phạt người dân vô kỷ luật mà cũng bị phiền nhiễu. **Giới Sĩ:** Không gặp may. **Người thường:** Nhiều việc bôn tẩu vất vả. Điều nọ tiếng kia. Hoặc bị âm tật, tổn thương da thịt.

Hào 3 âm

Cắn miếng thịt có xương. Ngộ độc. Hối then một chút. Nhưng không lỗi gì. NHL giảng: Hào này không trung, chính, dùng hình ngục, và không được người phục, có phần còn bị oán nữa, như cắn phải miếng thịt có xương lại ngộ độc, nhưng ở vào thời Phê Hạp, dùng hình pháp để giữ trật tự cho xã hội, cho nên việc làm của mình tuy đáng ân hận, mà không có lỗi lớn. PBC chỉ rõ thêm: Hào 3 âm, cũng phê (cắn) như các hào, vì sao lại ngộ độc? Bởi vì địa vị hào 3 sơ xử đúng vào địa vị khó khăn, nên bắt tay vào việc dụng hình cũng thường gặp khốn nạn. Nên lời tượng báo là do địa vị chẳng xứng vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức không đủ để trị người nên có sự bất phục.*

MHC: Tài nhỏ chí cương, công danh nhỏ thôi.

MKHC: Hễ động làm là có hối, cơm áo phải lo.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nhỏ, lại hay rắc rối. **Giới Sĩ:** Tài thường, còn bị hơi xấu. **Người thường:** Việc khó xong, hoặc bị tai nạn ở tim, bụng, kinh khủng.

Hào 4 dương

Cần phải miếng thịt liền xương mà phơi khô, được mũi tên đồng, chịu khó nhọc mà vững lòng giữ đường chính thì tốt. NHL giảng: Hào này dương cương ở gần ngôi chí tôn (hào 5) là người cương trực, có trách nhiệm, lại ở quẻ ngoại Ly, nên có tài minh đoán, cho nên dù gặp kẻ ngoan cố cũng trị được dễ dàng, như cần miếng thịt liền xương, (cứng) phơi khô, mà vẫn giữ được đạo cương trực, tượng bằng mũi tên đồng. Nhưng vì hào này cương, mà cương quá thì e gặp khó khăn, nên Lời hào khuyên phải chịu khó nhọc, tuy cương mà vị lại nhu (hào thứ tư, ở ngôi chẵn), nên lại khuyên phải vững chí. **Toán Hà Lạc giải:** Có quyền dùng hình phạt mà biết khéo dùng.

MHC: Bậc đại quý nhân, giữ việc lớn, không sợ gì.

MKHC: Chỉ là trợ phú.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vinh thắng. **Giới Sĩ:** Được tiến cử, thành danh. **Người thường:** Buôn bán có lời.

Hào 5 âm

Cần miếng thịt khô, được vàng (danh dự quý báu); phải giữ vững đạo, thường lo sợ, thì không có lỗi. NHL giảng: Hào này ở ngôi tôn, vừa nhu vừa cương (vì ở ngôi lẻ), đặc trưng, sáng suốt (giữa quẻ ngoại Ly), lại có hào 4 có tài minh đoán giúp sức, nên thành công như cần miếng thịt khô, được người phục, được danh dự lớn (tượng trưng bằng vàng). Nhưng cũng phải giữ vững đạo, thận trọng, biết lo sợ, thì mới không có lỗi. (Cổ sách giảng là cần miếng thịt khô được cái kim vàng, kim là vật quý tượng cho ngôi tôn quý hào 5, vàng

là sắc của Đất, của Trung ương (như đen là của phương Bắc, đỏ của Nam, xanh của Đông, trắng của Tây), vàng tượng trưng đức trung của hào 5). PBC phụ chú: Bốn hào ở giữa quẻ, toàn là người có quyền dụng hình, chính là người Phệ ở thời Phệ Hạp. Nhưng tài và vị mỗi hào khác nhau nên thánh nhân cho Lỗi hào cân lượng khác nhau. Vị hào 5 với hào 2 tuy in nhau, nhưng 2 thì nhu ở ngôi nhu, mà 5 thì nhu ở ngôi cương, 2 thuần nhu mà 5 thì pha vào đức cương; thế là Tài 5 hơn Tài 2. Nên hào 5 cần được thịt khô, 2 thì chỉ cần da (thịt mềm) mà thôi. Hào 5 thể nhu, hào 3 cũng thể nhu, Tài tuy in nhau, nhưng nhu ở hào 3 là nhu bất trung, nhu ở hào 5 là nhu đắc trung. Thế là vị 5 hơn vị 3, nên 5 thì được vàng, mà 3 thời ngộ độc. Trong 4 hào duy 4 dương tốt nhất, vì dương là Tài cương, mà 4 lại vị nhu, so với 5 thì hơn về phần Tài, so với 3 lại hơn phần vị. Tài với Vị giúp đỡ cho nhau, nên giống gián cách gì cũng cần được nối. Trong thời Phệ Hạp duy có 4 dương được chữ Tốt.

Chúng ta mới biết, làm người một đời (PBC tâm sự), lo việc một đời, được vị mà không tài, vẫn không tạo nổi thời thế; nhưng nếu có tài, mà không vị, cũng phải đợi có thời cơ; hướng gì trừ gián (trừ cái gián cách, trừ bọn gian tà) là việc rất khó, rất lớn ở trong đời, bảo không tài, lại không vị mà làm được nên ru? **Toán Hà Lạc giải:** *Trị đau, phòng kẻ ngoan cố.*

MHC: Thông minh, có tài dẹp loạn.

MKHC: Giàu có lớn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Dùng pháp luật trừ gian. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thường:** Hoạch lợi. Bệnh khởi. Giải nạn.

Hào 6 dương

Cổ tra vào gông, bị tội cắt tai, xấu. NHL giảng: Hào này lại nói về kẻ thụ hình, như hào 1. Xấu hơn hào 1, vì dương cương, lại ở cuối quẻ, trở hạng cực ác, nên bị tội nặng:

đeo gông, cắt tai. Không tử bàn về hào này: ... không tích lũy điều ác thì không đến nỗi bị diệt thân thể (như hào này). Kẻ tiểu nhân cho rằng một điều ác nhỏ là vô hại, nên cứ làm. Vì vậy mà các điều ác cứ tích lũy tới lúc tội hóa lớn, mà không thể tha thứ được. PBC giải thích tại sao Lời hào lại nói tội cắt tai (chữ Hán *Nhĩ* phải dịch là lỗ tai mới đúng): Nguyên lai, những người sở dĩ phạm vào tội ác, phần nhiều bởi vì nhĩ quan (giác quan tai) không linh giác (không thính nhạy tinh táo) nghe lời nói phải mà chống cự, nghe lời nói quấy thời lại mạnh tông (theo bừa), kết quả thời bị hình đến nỗi mất tai là đáng kiếp. **Toán Hà Lạc giải:** ác lớn, tội nặng.

MHC: Giàu sang, nhưng phải lo nhiều.

MKHC: Cường bạo, nguy, luôn tội vạ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Luôn bị dèm pha, truất giáng.

Giới Sĩ: Bị xấu hổ. **Người thường:** Kiện tụng. **Số xấu:** Tai mắt kém, khí hư, hoặc tổn vong.

22 - SƠN HOẢ BÍ

----- Bí là Súc, là Trang súc, làm cho cảnh đẹp thêm.
----- Thuộc tháng 11. **Lời Tượng:** *Dưới Núi có Lửa*
----- *là quẻ Bí. Người quân tử coi quẻ này mà làm*
----- *sáng đẹp những việc nhỏ của chính sự, còn*
----- *những việc phán xét hình ngục (quan hệ đến sinh*
----- *mệnh nhân dân) thì chớ có dám quả quyết,*
khinh suất mà trang súc tô vẽ. Toán Hà Lạc
giải: Những tuổi **Kỷ: Mão, Sửu, Hợi; Bính: Tuất,**
Dần, Tý, lại sinh tháng 11 được quẻ này là cách
công danh, phú quý.

NHL giảng: Bí còn được hiểu là văn vẽ, rực rỡ, sáng sủa. Trên là Núi, dưới là Lửa; lửa chiếu sáng mọi vật ở trên núi, như vậy làm cho núi đẹp lên, khác nào trang súc cho núi. Lời Thoán: Trang súc, văn vẽ thì hanh thông. Làm việc gì mà chỉ nhờ ở trang súc thôi thì lợi bé nhỏ mà thôi. NHL: Vật gì cũng vậy: có chất, có tinh thần; mà lại thêm văn, hình thức,

thì tốt (hạnh thông), nhưng nếu chỉ nhờ ở trang sức, mà thành công thì lợi ít thôi. Thoán truyện bàn rộng thêm: âm nhu và dương cương giao với nhau, thay đổi lẫn nhau, đó là cái vận về tự nhiên (thiên vận) của trời; còn cái vận về nhân tạo (nhân vận) thì nên hạn chế (quê Cấn ở trên có nghĩa là ngăn, hạn chế), vì tuy nó có công giáo hóa thiên hạ, nhưng nhiều quá thì vận thăng chất, xấu. PBC phụ chú: Khổng tử nói rằng: Chất phác nhiều hơn văn thì thành người quê mùa, văn hóa nhiều hơn chất thì thành người viết sử. Chỉ duy: Chất vừa xứng với văn, văn vừa xứng với chất., lấy chất làm thể, lấy văn làm dụng, văn chất nhào nhuyễn (trộn trạo) với nhau, vậy mới là quân tử.

Hào 1 dương

Trang sức, trau chuốt ngón chân (địa vị thấp của mình), *bỏ cách sung sướng là ngồi xe mà nên đi bộ* (chịu khó nhọc). NHL giảng: Hào này dương cương ở cuối cùng quẻ nội Ly, tức như người có đức sáng suốt mà ở địa vị thấp nhất, chỉ nên trau dồi phẩm hạnh của mình trong địa vị đó (ví như ngón chân, bộ phận thấp nhất trong thân thể) mà an bản, chịu đi bộ, chứ đừng ngồi xe. PBC phụ chú: Đi xe vẫn là vinh, đi chân vẫn là nhục (theo mắt thế tục). Nhưng vinh nhục của người quân tử khác với vinh nhục của thế tục. Quân tử lấy đạo nghĩa làm vinh, lấy bất đạo nghĩa làm nhục. Nếu đi chân mà hợp với đạo nghĩa, thì còn vinh gì hơn? **Toán Hà Lạc giải:** *An phận dưới.*

MHC: Cương chính, đạt thì văn sức đẹp cả thiên hạ, cùng thì giữ thân mình. Tài đức lớn không lấy vận cùng hay vận thông làm vui buồn.

MKHC: Vất vả bốn ba dựa thế phú hào.

Vận năm- **Giới Quan:** Liệt thời mà thoát. **Giới Sĩ:** Phòng truất giáng. **Người thường:** Chạy ngược xuôi, bỏ dễ nghe khó, xa người thân, gần người sơ. Tính hung, động thì lạnh. (có nghĩa không nên chịu ép một bề).

Hào 2 âm

Trang sức bộ râu. NHL giảng: Hào này làm chủ quẻ nội Ly, cố tác dụng trang sức cho quẻ Ly, đặc biệt là cho hào 3 dương ở trên nó. Cho nên ví nó như bộ râu trang sức cho cái cằm (hào 3). Nó phải dựa vào hào 3 mà hành động. Hào 3 tốt thì tác động của hào 2 mới tốt, cũng như phải có cái cằm đẹp thì việc để râu mới thêm đẹp, nếu cằm xấu thì để râu càng thêm khó coi. Nói rộng ra thì bản chất phải tốt, xứng với sự trang sức, chất và văn phải xứng nhau. **Toán Hà Lạc giải:** *Trang sức cho người để thúc đẩy ổn định việc làm.*

MHC: Văn chương, học vấn sáng sủa, giúp nước.

MKHC: Học rộng, tài sớm, thường an vui.

Vận năm- **Giới Quan:** Nhân người (dựa vào người) mà thành công, được thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Văn chương được người ta yểm trợ. **Người thường:** Được đề cử. Kinh doanh trôi chảy. Tuy gặp tri kỷ, cũng đừng cậy thế.

Hào 3 dương

Trang sức vậy, đầm thắm vậy, mãi mãi chính bền tốt. NHL giảng: Hào này dương cương, đắc chính, lại ở trên cùng quẻ nội Ly, cố cái nghĩa rất văn minh, tượng trưng người có tài, trang sức cho hai hào âm ở trên và dưới nó, tính rất đầm thắm với hai hào âm, vì vậy mà nên coi chừng, đừng say mê vì tư tình, mà phải giữ bền sự chính đáng, thì mới tốt. PBC phụ chú: Thâm ý lời hào này cốt ở mấy chữ mãi mãi, chính bền. Bởi vì, lẽ trong thiên hạ trang sức thì không bao giờ được lâu dài, nước sơn lâu ngày tất cũng phải nhả, sắc (màu) thuốc lâu ngày tất cũng phải phai. Nếu chỉ một mực văn sức mà thôi, thì dầu gia đình nào, xã hội nào, cũng không gì tốt. Nên thánh nhân bảo cho phải mãi mãi chính bền. Nghĩa là trang sức phải lâu dài, giữ đạo chính, mới được tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Nếp sống an nhàn.*

MHC: Danh cao trọng vọng, đại quý hiển.

MKHC: Kiến thức hơn người, hoặc tài lộc dồi dào, tuổi hạc cao, được giúp sức.

Vận năm- **Giới Quan**: Được khen, hay được tặng huy chương. **Giới Sĩ**: Được giúp đỡ, thành danh. **Người thường**: Nhiều người giúp sức, không khó nhọc.

Hào 4 âm.

*Muốn trang sức cho nhau (nhưng không được) chỉ thấy trắng toát. (Hào 4 như) Cưỡi ngựa trắng mà chạy như bay (đuổi kịp hào 1) rồi cuộc cưới nhau được vì kẻ gián cách hai bên (hào 3) mà không phải kẻ cướp (người xấu). (Câu này theo NHL dịch. Còn theo Học Năng: Trang sức cho nhau ư, làm trắng toát cho nhau ư, ngựa trắng hay ư, chẳng phải kẻ cướp mà là người cầu hôn). NHL giảng: Hào 4 âm nhu, ứng với hào 1 dương cương, cả hai đều đắc chính, tình ý hợp nhau, muốn trang sức (làm đẹp) cho nhau, nhưng bị hào 3 ở giữa ngăn cách, nên không trang sức cho nhau được, chỉ thấy trắng toát (trắng nghĩa là không có màu, không trang sức). Mặc dầu bị 3 cản trở, 4 vẫn cố đuổi theo, rồi cuộc 3 vốn cương chính, không phải là xấu, không muốn làm hại 4 và 1, nên cặp này kết hôn được. **Toán Hà Lạc giải: Cầu nhau, thương mến nhau.***

MHC: Học rộng, tài cao. Lão thành nơi Hàn lâm viện. Trước khó sau dễ, người thân nhờ vực, ra làm chính trị được đắc cách.

MKHC: Tuổi trẻ lao đao. Muộn có kết quả.

Vận năm - **Giới Quan**: Trước khó sau thành. **Giới Sĩ**: Buồn có, vui có. Trước hiểm trở, sau an lành. Vận xấu có tang phục.

Hào 5 âm.

Trang sức ở gò, ở vườn. Dùng tấm lụa nhỏ, mỏng, tuy là keo sền dầy, có hơi thẹn dầy, nhưng sau tốt. NHL giảng:

Hào 5, âm nhu, đắc trung, làm chủ quẻ Bí. Vì là âm nhu nên có tính tần tiện, lo trang sức cái gì hữu dụng như vườn tược thôi, mà lại chỉ dùng tấm lụa nhỏ, mỏng cho đỡ tốn, cho nên bị chê cười. Nhưng như vậy còn hơn là xa hoa, mà biết trọng cái gốc là sự chất phác, cho nên cuối cùng vẫn được tốt lành, đem lại hạnh phúc cho dân. PBC phụ chú: Tên quẻ là Bí, là trang sức, nhưng cả 6 hào, thời không thấy quý trọng sự trang sức, đến hào 5, lại lấy sự chất phác kiệm ước làm hay, đó là thâm ý của thánh nhân muốn cứu cái thời Bí. Người ở thời Bí không sợ người ta không biết trang sức làm đẹp, chỉ sợ người ta làm đẹp quá tay, e cuối cùng thành ra mất sự thanh trong, sinh tục xấu. Nên Lời hào 5 âm nói rằng Trang sức gò, vườn, bó lụa mỏng hẹp. Bởi vì, hào 5 đã đến hồi trang sức cuối cùng (cực bí). Thánh nhân muốn cứu thời, củng cố phong tục, nên phải quy kết bằng cách kiệm, phác. **Toán Hà Lạc giải:** *Lấy đức tiết kiệm mà trị nước.*

MHC: Căn gốc chất thực, tuy có vẻ què mùa nhưng tiết kiệm, làm cho nước được phú túc. Được thọ khanh.

MKHC: Cực mệnh quá, mà vẫn thiếu thốn.

Vận năm nói chung: Có phúc, lộc. Già thọ. Việc lớn thì khó tiến thủ. Việc nhỏ tốt.

Hào 6 dương

Trang sức trắng ngần, không lỗi gì. (Lấy sự chất phác làm trọng, như màu trắng, -không màu mè gì- làm trang sức. Không lỗi) NHL giảng: Hào này là thời cuối cùng của quẻ Bí, trang sức, màu mè đã cùng cực rồi, mà sự vật đến lúc cực thì sẽ phản lại, nên trở lại sự chất phác, không có lỗi gì cả. Trong lịch sử văn học, sau những thời "duy mỹ" quá mức, người ta lại "phục cổ" trở lại lối văn bình dị, tự nhiên thời trước. Đại ý quẻ Bí này là có văn vẻ, có trang sức mới là văn minh, nhưng thánh nhân khuyên vẫn nên trọng chất hơn văn, lấy chất làm Thể, lấy văn làm Dụng, và không nên xa hoa,

màu mè quá. **Toán Hà Lạc giải:** Việc Trang sức đến lúc cùng, trở về gốc cũ, tránh được lâm lỗi.

MHC: Theo cổ nhân, sống chất phác, học vấn hơn đời, phúc lộc dồi dào.

MKHC: Người điềm tĩnh, chân thật, thông biến tùy thời.

Vận năm- **Giới Quan:** Thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Tiến thủ. **Người thường:** Kinh doanh thật thà. Có tang phục bên ngoại.

23- SƠN ĐỊA BẮC

----- **Bắc** là Rơi rụng, Tan mất, là Bóc, Lột bỏ, cho
----- tiêu mòn dần. Thuộc tháng 9. **Lời Tượng:** *Núi*
----- *tựa vào Đất là quẻ Bắc. Người trên (nhà cầm*
----- *quyển) coi quẻ này mà làm cho dưới được dày*
----- *(dân được an lạc) thì mới yên chỗ ở.* **Toán Hà**
----- **Lạc giải:** Được quẻ này, phần nhiều người làm
lớn, hay là quý nhân, nhưng không tránh khỏi
cô lập, hình khắc. Những tuổi **ất** hoặc **Quý:**
Mùi, Tị, Mão; Bính: Tuất, Dần, Tý, lại sinh
tháng 9 được quẻ này là cách công danh, phú
quý. Sinh những tháng khác thì không khỏi anh
em bất hoà, bốn ba, vất vả.

NHL giảng: Lời Thoán bảo rằng, quẻ này nghĩa là
Tiêu mòn: Hễ tiến tới (hành động) thì không lợi. Theo tượng
quẻ, 5 hào âm chiếm chỗ của dương, âm tới lúc cực thịnh,
dương chỉ còn một hào, sắp đến lúc tiêu hết. Do đó là quẻ âm
thịnh dương suy, gọi là quẻ Bắc (Bóc), thuộc về thời tiểu
nhân đắc chí hoàn thành, quân tử coi đấy mà chỉ nên chờ
thời, không nên hành động. Chờ thời vì theo luật tự nhiên, âm
thịnh cực rồi sẽ suy, dương suy cực rồi sẽ thịnh. Có một cách
giảng khác: Quẻ Nội là Khôn, có nghĩa là Thuận, quẻ Ngoại
là Cấn, có nghĩa là Ngưng, chỉ. Có nghĩa là hãy thuận theo

đạo trời, mà biết dừng đợi, bởi vì đạo trời là hết hao mòn (tiêu) thì sẽ phát sinh (tức) (nói về các hào dương), hết đầy (doanh) thì sẽ trống không (hư), nói về các hào âm trong quẻ này. Còn xét theo tượng quẻ thì quẻ ngoại là Núi, quẻ nội là Đất; vậy núi ở trên đất, đất là nền móng của núi, đất có dày thì núi mới vững. Từ đây suy ra: Người trên phải lo cho dân an cư lạc nghiệp thì địa vị người trên mới vững. PBC phụ chú: Dương hồi âm thịnh dương suy, tiểu nhân vượng, quân tử bệnh. Lời Thoán bảo rằng: Quân tử tiến tới thì không lợi. Thế thì quân tử ở thời ấy không việc làm hay sao? Không phải. Theo ý Kinh Dịch, cơ suy thường nấp ở lúc thịnh, cơ thịnh thường nấp ở lúc suy. Bác có nghĩa là rụng, trái cây rụng xuống, tuy là bác lạc (bóc, lột), nhưng mà hạt cây chẳng bao lâu ngấm ngấm mọc lên. Quân tử ở thời đại ấy, không phải không việc làm, nhưng làm bằng cách tinh thần (tâm trí), nên âm thâm, chớ nên loè loẹt; nên kín đáo, chớ nên nhô nhãng. Lão Tử nói rằng có óc khôn mà làm như người ngu, có mưu khéo mà làm như người vụng, có đức thẳng mà làm như người cong. Lão Tử lại có câu: Biết cho thấu cách trắng, mà giữ lấy cách mái, biết cho thấu cách trắng, mà giữ lấy cách đen. Những câu ấy chính là thủ đoạn, tác dụng của người quân tử ở thời Bác vậy. Bàn về chữ Quyết ở quẻ Quải và chữ Biến ở quẻ Bác (hai chữ trong Thoán truyện), PBC phụ chú: Quẻ Quải là quẻ 5 hào dương tượng cho 5 quân tử *quyết* trừ một tiểu nhân. Quẻ Bác là quẻ 5 hào âm tượng cho 5 tiểu nhân làm *biến* một quân tử. Chữ Quyết với chữ Biến, hai chữ khác nhau. Một phương diện thời miêu tả tiểu nhân hại quân tử, mà nói chữ biến. Một phương diện thời miêu tả thủ đoạn quân tử trừ tiểu nhân mà nói chữ quyết. Bởi vì quân tử thường hay mắc bệnh nhân từ, do dự. Nếu không cương quyết thì không trừ nổi tiểu nhân, nên nói chữ quyết. Chỉ còn có một âm (quẻ Quải có 1 hào âm là hào 6), mà phải dùng chữ quyết, do biết tiểu nhân là một giống khó trừ, nên lấy chữ quyết dạy cho quân tử. Chữ như tiểu nhân thời thường dùng âm mưu

quý kẻ khiến cho quân tử ngày mòn tháng rụng mà thường đến nỗi quân tử phải biến cách theo nó, tương tự lửa làm hao mòn dầu mà dầu không biết, tằm ăn hết lá mà lá không hay. Đến khi quân tử hết sạch rồi, mà toàn xã hội chỉ thấy tiểu nhân, chính là thủ đoạn tiểu nhân hại quân tử. Thánh nhân ghê gớm cho thủ đoạn ấy, nên nói chữ biến. Chỉ hai chữ khác nhau mà ý nghĩa rất vi diệu, chúng ta há nên đọc qua mà không nghĩ rư?

Hào 1 âm

Như làm hồng giường từ chân, dần dần diệt đạo chính, xấu. NHL giảng: âm (tiểu nhân) bắt đầu diệt dương (quân tử), cũng như bắt đầu phá (ở đây là cắt, xẻo) cái giường (tượng cho sự nằm yên) từ dưới chân. **Toán Hà Lạc giải:** *Kẻ tiểu nhân làm hại đạo chính.*

MHC: Vẫn là quân tử, nhưng ý nông hẹp rồi.

MKHC: Chân chẳng đứng yên, việc không nhất định, hoặc tiểu nhân làm hại, hoặc chính mình sinh chuyện tiểu tiết vụn vặt.

Vận năm - **Giới Quan:** Thấy cơ hội thì tiến được.

Những người khác: Bệnh ở chân tay. Nô bộc làm tổn hại. Anh em bất hòa. Chỉ lợi việc tu đạo. Xấu nữa thì doanh mưu thất bại, thân nát nhà tan.

Hào 2 âm

Như phá tới thang giường (hoặc then giường, thành giường), diệt đạo chính, xấu. NHL giảng: Nghĩa hào này cũng như hào 1, bọn tiểu nhân đã phá tới thang giường rồi, chưa tới mặt giường. **Toán Hà Lạc giải:** *Họa tiểu nhân càng gần.*

MHC: Người giàu sang, trung trực, bị dèm pha.

MKHC: Nhà không yên, thân quyền hết nhờ. Hơn nhau cũng khó thành.

Vận Năm- **Giới Quan:** Phòng truất giáng. **Giới Sĩ:** Khó tiến thủ. **Người thường:** Không toại nguyện, dưới ghét, trên ngờ.

Hào 3 âm

Phá bỏ bè đảng của mình, không có lỗi. NHL giảng: Hào này cũng là âm nhu, tiểu nhân, nhưng vì ứng với hào dương, quân tử, ở trên cùng, cho nên theo hào đó mà bỏ các hào âm ở dưới nó và trên nó (tức các hào 1, 2, 4), chịu mất lòng với các hào âm này, mà theo đạo chính, thì không lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiểu nhân biết phục thiện.*

MHC: Quý nhân biệt lập, khác người thường.

MKHC: Phúc mỏng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được cấp trên quý mến. **Người thường:** Khó gặp tri kỷ, tìm lối khác mà lập công danh. Hoặc có điều chi lo phiền về cha mẹ, vợ con.

Hào 4 âm

Hồng giường đến tận da người nằm, xấu. NHL giảng: Hào âm này đã lên đến cực Ngoại, thế là tiểu nhân đã hoành hành, quân tử bị hại quá đau, tai họa bức thiết quá rồi, xấu.

Toán Hà Lạc giải: *Âm họa sát người rồi.*

MHC: Dù là quý nhân mà sau mất cả tư cách, thế diện.

MKHC: Mưu xấu, tai họa. Tự mình hại mình.

Vận Năm- **Giới Quan:** Phòng bị dèm pha. **Giới Sĩ:** Khó gặp cơ hội. **Người thường:** Gian nan, hình khắc, kiện tụng.

Hào 5 âm

Dắt đám cung nhân như một xâu (đàn) cá (ám chỉ bấy tiểu nhân) lên theo vua (tức theo người quân tử, hào dương

trên cùng), vậy là *tiểu nhân biết thuận tòng quân tử, không có gì là không lợi*. NHL giảng: Hào này làm thủ lĩnh bảy âm. Theo nghĩa mấy hào trên, ta tưởng hào này càng phá mạnh người quân tử hơn nữa, nhưng ngược lại, do vị trí hào 5 ở sát với hào 6 dương trên cùng, thân cận với 6, chịu ảnh hưởng của 6, nên dất cả một bảy âm (tượng là xâu cá, vì cá thuộc loài âm) theo hào 6 quân tử, như bà hậu dất các cung phi lên theo vua. Vậy là theo đạo chính, không gì là không lợi. Theo PBC "dất cung nhân lên" chỉ là cách nói ví dụ, ý chính là dất bảy tiểu nhân thuận theo quân tử, nghĩa là theo đạo chính. PBC phụ chú: Chúng ta đọc Lời hào này, nên biết khổ tâm của thánh nhân vì thế đạo: Quê Bác này dương tiêu gần hết, âm trường gần cực, theo thiên đạo thì lúc ấy quyền tại âm, theo nhân sự thì lúc ấy quyền tại tiểu nhân. Tuy nhiên, ở thiên đạo vẫn không một ngày nào là không dương, mà thế đạo cũng không một ngày nào là không có quân tử. Còn dương thì mới thành được quốc gia xã hội. Vậy nên, đến hào 5 âm, thánh nhân bỏ nghĩa âm bác dương, mà đặt ra nghĩa âm thừa (thuận) dương. Trên Lời quẻ thì nói rằng: "Tiến tới thì không lợi" là hết sức lo cho quân tử. Lời hào 5 âm lại nói rằng "Không gì là không lợi", là hết sức khuyến miễn cho tiểu nhân. Trên mặt chữ tuy là khuyến miễn cho tiểu nhân, mà trong thâm ý chỉ cốt phù trì cho quân tử, một tấm lòng lo tính cho người quân tử cao sâu đến như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Đem đám đông ra quy thiện, được lợi lớn.*

MHC: Là đại quý nhân, kiêm văn võ.

MKHC: Đứng đầu đám đông, dựa vào phú hào, được cơm no áo ấm.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được giao chức vụ. Giữ việc trọng yếu. **Giới Sĩ:** Đứng đầu sổ, nên danh. **Người thường:** Kinh doanh vượt người. Hòa hợp. Mệnh nữ: Tiến ở ngay trong nhà cửa, thăng tiến, có phúc.

Hào 6 dương

Còn một trái lớn trên cây, không hái xuống ăn (ý nói dương tức quân tử không bao giờ hết). Quân tử ở hào này được quần chúng theo, còn tiểu nhân thì biết rằng nếu diệt

hết quân tử tức là phá đổ nhà chúng ở (chúng cũng không còn). NHL giảng: Cả quẻ chỉ mỗi hào này là dương nên ví với trái cây lớn còn lại trên cây, không hái xuống ăn thì có ngày nó sẽ rụng xuống mà mọc mầm, như vậy là đạo quân tử không bao giờ hết. Hào 3 và hào 5 kéo các hào âm khác theo hào dương này nên bảo rằng quân tử được dân chúng theo. Hào dương này ở trên cùng, cũng như cái nhà che cho tất cả các hào âm ở dưới. Nếu bọn tiểu nhân phá nhà đó sập (nghĩa bóng là không còn quân tử thì quốc gia suy vong, chủng tộc tiêu diệt) thì chúng cũng không sống được, không chốn dung thân. Quẻ này nói về thời âm thịnh dương suy, tiểu nhân tàn hại quân tử. Tiểu nhân tuy rất đông, nhưng vẫn có một số (hào 3 và 5) hiểu đạo mà cải tạo mình, đứng về phe quân tử, và khi xã hội lâm nguy thì ủng hộ quân tử. Người quân tử lúc đầu chỉ nên im hơi lặng tiếng mà chờ thời, chuẩn bị cho lúc thịnh trở lại. Đó là luật âm dương trong vũ trụ. PBC phụ chú: Đọc hết quẻ này mới phát minh ra một nghi nghĩa: Nguyên đầu tiên Thuần dương là quẻ Càn, biến một nét dưới cùng thành quẻ Cấn, lại lần lượt biến hết 4 dương thành các quẻ Độn, Bĩ, Quán, biến đến 5 dương thành quẻ Bác, chốc nữa biến hết 6 dương thành quẻ Thuần Khôn. Thế thì trải đoạn Bác qua Khôn, mà nhất là trong lúc quẻ Khôn, chẳng phải là không dương hay sao? Đạo lý đó, các bậc tiên nho Trình Di, Chu Hy đã giải thích phân minh như sau: Nguyên lai có cả âm dương mới thành được vũ trụ, thiên đạo có bao giờ không dương hay không âm đâu? Chỉ tranh nhau ở chốn nhất tiêu, nhất tức (một diệt một sinh), nhưng tiêu, tức hiện ra ở chốn hữu hình thì chúng ta thấy được, tiêu, tức còn nấp nép ở chốn vô hình, thì chúng ta không thấy được. ... Tỷ như: Quẻ Khôn là quẻ tháng 10, theo trên mặt quẻ, tuy là thuần âm. Nhưng ở trong một tháng 30 ngày, mỗi một ngày thì Dương đã sinh ngầm một phần, chưa đủ ba mươi ngày thì hào thai một dương chưa hoàn mãn. Đến cuối tháng, vừa đủ ba mươi ngày, thì khí dương cũng sinh đầy ba mươi phần, vừa bắt đầu vào tháng Mười Một, thì thấy hào dương xuất hiện mà thành quẻ

Phục. Nhưng một hào dương đó, vẫn phối thai ở lúc còn trong tháng Mười, có bao giờ không dương đâu. Chúng ta hiểu được đạo lý đó, thì biết được dương giữa lúc thiên hạ cực loạn, chính là con nhà trị (dẹp yên) đã sinh ngầm rồi. Vì mắt chúng ta chỉ thấy được ở chốn hữu hình, mà không ai để mắt đến chốn vô hình. Than ôi! Thiên đạo quá bất trắc, nhân sự quá vô thường. Vậy nên chúng ta càng nên nghiên cứu Dịch lý. **Toán Hà Lạc giải:** *Đi cùng đường, mà người quân tử vẫn thế* (vẫn nguyên vẹn, vững vàng).

MHC: Ngồi vị lớn, dẹp loạn, trị nước.

MKHC: Bạc đức, dù có kỷ luật nghiêm, cũng vô dụng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có quyền bính. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. **Người thường:** Cẩn thận, giữ luật pháp, được an toàn, hoặc tu tạo nhà cửa.

24 - ĐỊA LÔI PHỤC

----- **Phục** là Phản, là Trở lại. Thuộc tháng 11. **Lôi**
----- **Tượng:** *Sấm ở trong Đất là quả Phục. Khí dương*
----- *bắt đầu trở lại nên hanh thông. Ngày xưa các*
----- *nguyên thủ tới ngày đông chỉ là ngày khí dương*
----- *bắt đầu sinh, không đi kiểm tra, đóng các cửa ải*
----- *không cho con buôn và hành khách qua lại, để*
----- *nuôi cái âm lặng cho khí dương sinh.* **Toán Hà**
Lạc giải: Những tuổi **Canh: Dần, Thìn, Ngọ; Quý**
(hoặc ất): Sửu, Hợi, Dậu được quẻ này rất tốt. Lại
sinh tháng 11 là cách công danh, phú quý.

PBC giảng: Quẻ này 1 hào dương ở dưới, 5 hào âm ở trên, là âm thịnh đến cực ở trên, mà dương phục sinh ở dưới. Cũng là đạo tiểu nhân thịnh đến cực thì phải tiêu dần, đạo quân tử suy đến cực thì phải lớn dần. Dương đi đã lâu ngày, nay trở lại là thiên đạo có tượng hồi xuân, khí thế hanh thông, thân thể kiện toàn, sự nghiệp hoàn thiện. đó là vận trời.

Hào 1 dương

Tuy làm lỗi, nhưng thời gian không xa, trở lại tốt lành ngay, không đến nỗi ăn năn lớn, rất tốt. NHL giảng: Hào ở đầu quẻ Phục tượng một người đầu tiên trở lại với đạo, biết tu thân, nên rất tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Lòng ở việc thiện, tiến trên đường đạo (ngày nay nên hiểu là con đường lý tưởng đã chọn).*

MHC: Tài lớn, tiến hoặc ngừng đều hợp lý, khai sáng cơ nghiệp, phúc Trạch to.

MKHC: Tu tính, không cần văn hoa, vui với lẽ sống đã chọn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vị cao, gần nguyên thủ. **Giới Sĩ:** Đỗ cao. **Người thường:** Kinh doanh được lợi.

Hào 2 âm

Trở lại một cách đẹp đẽ, tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu, trung, chính, vốn tốt rồi, lại ở gần hào 1 là người quân tử, tức là người biết tu tính, khắc kỷ, trở lại đạo nhân nghĩa, nên tuy là âm mà tốt lành. Phụ chú của PBC: Quẻ Phục là quẻ miêu tả cái tâm trong sinh vật của giới đất, mà tâm sinh vật của giới đất chính là đức nhân. Lối Tượng của 384 hào duy nhất hào này có chữ nhân, bởi hào 1 dương quẻ Phục chính là hào dương làm gốc cho sinh vật trong giới đất, nên thánh nhân lấy chữ nhân (người) đặt vào hào (2) này, muốn cho chúng ta biết đúng cách làm người, thì phải giữ đức nhân. Cái này cũng giống hạt mầm nảy ra cây, cho nên ta thường gọi hạt cây bằng nhân: nhân đào, hạnh nhân... chính từ lẽ ấy. **Toán Hà Lạc giải:** *Người trở lại với cái Thiện là người thiện như mình.*

MHC: Ngay thẳng, không kiêu, lập công, hưởng phúc.

MKHC: Yên phận nghèo, cuộc sống ổn định, có tuổi thọ.

Vận Năm- **Giới Quan**: Được phục chức. **Người thường**: Là phú hào, làm nguy được an, bệnh khỏi, được nghỉ ngơi, hưu trí.

Hào 3 âm

Trở lại mấy lần, tưởng nguy mà không lỗi. NHL giảng: Hào này bất trung, bất chính lại ở thời cuối cùng của quẻ Nội, (Chấn có nghĩa là động), ví như người không bền chí, theo đường thiện không được lâu, sửa lỗi rồi lại mắc lỗi trở lại, thế là nguy, nhưng lại biết phục thiện, sửa đi sửa lại nhiều lần, nên rốt cuộc không lỗi. **Toán Hà Lạc giải**: *Cải lỗi nhiều lần không hối thẹn.*

MHC: Tuy sửa đổi theo điều thiện, nhưng chưa được là quý nhân, lúc tiến lúc thoái, dễ sinh miệng tiếng.

MKHC: Muốn cầu cái dễ trong cái khó, cái ngắn trong cái dài, uất ức.

Vận Năm- **Giới Quan**: khó ổn định. **Giới Sĩ**: Đứng đầu sổ, thành danh. **Người thường**: Muốn nhanh hóa chậm, trở đi trở lại, nghi hoặc, lăm lăm.

Hào 4 âm

Ở giữa các tiểu nhân (các hào âm 2, 3 và 5, 6) mà một mình trở lại theo quân tử (hào 1) tức theo đạo. NHL giảng: Hào này âm nhu, đắc chính ở giữa các hào âm, nhưng chỉ một mình nó ứng với hào 1 là dương, quân tử, cho nên lời hào khen là một mình nó biết theo đường thiện. Phụ chú của PBC: Thánh nhân không bảo là tốt lành (cát), cũng không bảo là không lỗi (vô cữu), chỉ khen là đi một mình (độc phục), là có thâm ý lắm. Một con phượng ở giữa bảy cú, một hòn ngọc ở giữa chòm đá, đã chắc gì thay đổi được hoàn cảnh mà bảo là tốt lành. Bảo là dữ (hung) thì cũng không phải là dữ. Nên chỉ khen cho hai chữ một mình. Hơn thua chưa biết,

hiên nhân quân tử chỉ biết theo điều phải mà thôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Đẹp ở chỗ không ám muội giữa đám tiểu nhân.*

MHC: Tuy ở thời loạn, ô trọc, mà một mình giữ được đạo chính, hưởng lộc trong lành.

MKHC: Làm khách đường xa, lính đóng xa, cô độc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được phục chức. **Giới Sĩ:** Nổi danh. **Người thường:** Thu lợi.

Hào 5 âm

Có đức dày trở lại điều thiện, không có gì hối hận.
NHL giảng: Hào này nhu thuận, đắc trung lại ở vị tôn quý, như một người có đức dày trở lại với điều thiện, biết tự sửa mình, nên không hối hận. **Toán Hà Lạc giải:** *Trở lại đường thiện, với đạo là một.*

MHC: Quân tử trung hậu.

MKHC: Tuy không phải quý nhân, nhưng cũng có ruộng vườn sung túc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Đỗ đạt, được tiến cử. **Người thường:** Tích trữ có lợi. Phòng có tang. Lo cho cha.

Hào 6 âm

Mê muội không trở lại, sẽ bị tai vạ từ ngoài đưa đến và tự mình gây nên, đã vậy lại cậy võ lực mà dùng quân đàn áp người, rốt cuộc sẽ đại bại, làm cho quốc quân cũng bị khốn, tới mười năm (tới kết cục) cũng không khá được.
NHL giảng: Hào trên cùng, như kẻ tiểu nhân hôn mê đến cùng cực, không biết trở lại, nên bị đủ thứ tai vạ. Nó có thể lực nhất trong đám hào âm (đám tiểu nhân) vì ở trên cùng, muốn dùng võ lực đàn áp người, rốt cuộc sẽ đại bại, gây vạ lây cho nước nó không khá lên được. Nói mười năm là ý nói kết cục, tới cùng, chứ không nhất định là 10 năm. **Toán Hà Lạc giải:** *Sau cùng hôn mê không biết trở lại là xấu.*

MHC: Biết đổi lỗi hóa thiện thì vẫn phú quý.

MKHC: Hôn mê mãi nên tật ách, thương tổn, phá nhà, hại nước.

Vận Năm- **Giới Quan**: Tham quyền cố vị, bị chê.
Giới Sĩ: bị nhục. **Người thường**: Cứ mê, nên khổ. Tĩnh, lặng lẽ thì an lành. Xáo động thì nguy.

25 - THIÊN LÔI VÔ VỌNG

- **Vô Vọng** là Không dục vọng, không cần bầy.
----- Thuộc tháng 2. **Lời Tượng**: *Dưới Trời mà có*
----- *Sấm đi, khi ấy mọi vật được trời phú cho bầy*
----- *tính tự nhiên. Các nguyên thủ đời xưa coi quẻ*
----- *này mà bắt chước lễ trời, lấy cái thịnh vượng*
----- *của trời đất nuôi nấng muôn loài.* **Toán Hà**
----- **Lạc giải**: Những tuổi **Canh: Tý, Dần, Thìn;**
Nhâm: Ngọ, Thân, Tuất được quẻ này lại
sinh tháng 2 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán nói rằng: Không cần bầy thì rất hanh thông. Hợp với chính đạo thì rất lợi. Cái gì không hợp với chính đạo (lễ trời) thì có hại, có lỗi, theo đó mà hành động thì không lợi. Tượng quẻ này, quẻ Nội là Chấn (nghĩa là động, hành động), quẻ Ngoại là Càn (Trời). Nghĩa quẻ là hành động hợp với lễ trời, không cần bầy, thì hanh thông. Trình Di giảng: Sấm chạy dưới Trời, âm dương giao hòa, sấm non còn nấu phải kinh, mầm non mới nhú phải động, muôn vật đều phát sinh, vật nào nhằm đúng tính mệnh của vật ấy, không có *sai cần*, ấy là các vật được phú cho tính Không Cần (Vô vọng). PBC nói rõ thêm, coi quẻ này, việc gì chính đạo, chính lý thì cứ làm, không trông vào cái kỳ vọng của bản thân vốn tâm đắc, hoặc vì danh dự mà làm, hoặc vì lý chung mà làm, tóm lại căn cứ vào kỳ vọng mà làm thì không phải là vô vọng. Cứ phải là không căn cứ vào kỳ vọng (ý nói không

cần cứ vào ý chí, nguyện vọng của bản thân, cứ để sự vật diễn tiến theo lẽ tự nhiên của trời đất. XC) thì mới là vô vọng.

Hào 1 dương

Không cần bầy, mà tiến đi, thì tốt. (Học Năng dịch là: Để tự nhiên, tốt). PBC giảng: Hào này có đức dương cương, làm chủ quẻ Nội, chính là người chí thành, trong lòng hồn nhiên mà theo lẽ trời, không cần, không dục vọng mà đi lên, mà hành động, thì không chốn nào không tốt. Lại giảng: Động mà hợp đạo trời, có đức chí thành vô vọng như thế, thì tu thân chắc thân phải chính, xử sự chắc sự phải thuận, cảm hóa người thời người phải hóa, có đi đâu mà không thuận thỏa chí mình nữa ru? **Toán Hà Lạc giải:** *Lấy lòng thành mà tác động thì việc gì chẳng được* (lòng thành về lẽ tự nhiên của trời đất).

MHC: Phát triển mạnh chí hướng, là nhân vật quan trọng của nước, hưởng phúc, lộc vinh.

MKHC: Cũng là người tốt, thành thực, không vọng động (không hành động cần), sống yên ổn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được trên yêu, dưới kính. **Giới Sĩ:** Tiến lên, thành danh. **Người thường:** Được lợi.

Hào 2 âm

Khi cày thì không nghĩ tới lúc gặt, khi mới khai phá thì không nghĩ đến ruộng đã thuộc, như vậy mà tiến tới thì có lợi. NHL giảng: Chu công (tác giả lời hào) muốn bảo thấy việc chính đáng phải làm thì làm, mà không nghĩ đến cái lợi (có lợi hay không) rồi mới làm, không chỉ trông mong vào kết quả, như vậy mới tốt. Hào 2, âm, vừa trung, vừa chính, ứng với hào 5, dương, cũng trung, chính; nó vốn là âm, có

đức thuận, ở trong quẻ Nội Chấn là động, nó như một người tốt, hành động hợp với trung, chính, cho nên lời hào bảo như vậy mà tiến thì có lợi. PBC chỉ rõ thêm: Thánh nhân lấy công việc của nhà nông làm tỷ dụ để nói cái tâm lý của người ở thời Vô vọng, chẳng vì lúc cày mà nghĩ đến lúc gặt, chẳng vì lúc khai phá mà nghĩ đến lúc ruộng đã thuộc, hễ nghĩ lý đáng làm là làm, không kể công mưu lợi. Thế là vô vọng. Đã vô vọng thì phúc, lợi tự nhiên đến. **Toán Hà Lạc giải:** *Công bằng tự trong lòng, việc làm có ích lợi.*

MHC: Vừa ngay thẳng, vừa hiếu thuận, chẳng kể công mà công đến, phú quý tự nhiên, bình sinh yên lành.

MKHC: Chí hướng vô định, du đãng, sinh kiêu, làm ăn khó khăn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tiến tới. **Giới Sĩ:** Đỗ trung khoa. Không phải lao tâm lao lực mà nên giàu sang, Buôn bán ra ngoài được lợi. **Người thường:** Chỉ được những cái lợi lật vật.

Hào 3 âm

Không cần bầy mà bị tai vạ tự nhiên đến, giống như buộc con trâu, người qua đường lấy trộm trâu, người trong ấp bị vạ. NHL giảng: Cả 6 hào trong quẻ này đều là vô vọng (không cần bầy), nhưng hào này khác một chút là bất trung bất chính, nên bị tai vạ. Nhưng tai vạ đó chỉ là vô cớ mà mắc. **Toán Hà Lạc giải:** *Không làm nên vạ, mà vạ tự nhiên đến.*

MHC: Đức đủ để tránh được tai vạ. Hưởng phú quý phúc trạch.

MKHC: Chạy chọt, quỵ quyết, thường đeo vạ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Lợi cho quận, hại cho ấp. **Giới Sĩ:** Khó tiến thủ. Nhà nông tăng súc vật, của cải. Đi buôn thêm lợi. **Người thường:** Việc ở đâu đâu tự nhiên đến, làm tổn tài thiệt thân.

Hào 4 dương

Có thể giữ bền (trình) tư cách mình, thì không lỗi.
PBC giảng: Chữ Trình trong Lỗi hào có hai nghĩa là Chính đáng và Bền, ở đây chỉ có nghĩa là bền. Hào 4 này là dương, không ứng hợp với hào nào cả, vì hào 1 cũng là dương cương như nó, quả là người cảnh giới, vô tư, thực là người vô vọng đó vậy. Nên giữ bền lấy tư cách ấy, tự nhiên mà được không lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ bền tư cách mình thì ít lắm lỗi.*

MHC: Là người quân tử, một mình giữ được điều thiện, phúc trách rộng lớn.

MKHC: Bình sinh thông thả, sống sung túc.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Giữ chức vụ cũ.
Người thường: Giữ nghiệp cũ, thực tế, đừng hảo huyền.

Hào 5 dương

Tự nhiên bị bệnh, đừng thuốc thang gì (tự nhiên khỏi), có mừng. (bị bệnh còn có thể hiểu là gặp tai họa). NHL giảng: Hào này ở địa vị cao, trung chính, lại ứng với hào 2 cũng trung chính, vậy là rất tốt, chẳng may có bị bệnh (nghĩa bóng là gặp tai họa) thì đừng uống thuốc (nghĩa bóng là đừng chạy chọt gì cả), cứ thản nhiên sẽ tai qua nạn khỏi. PBC phụ chú: Như vua Văn Vương bị tù ở Dữu Lý, như đức Khổng Tử tuyệt lương ở Trần Thái, chỉ có vô vọng mà qua tạt nạn, có cần dùng đến thuốc đâu. NHL lấy ví dụ: Khổng Tử bị giam ở Đát Khuông, không ai phải can thiệp gì, sau được thả ra, vì người Khuông nhận lầm ông với Dương Hổ, một người mà họ ghét. **Toán Hà Lạc giải:** *Trên dưới hòa hợp, nếu ngoài ý muốn có xảy chuyện gì, êm ngay.*

MHC: Tài đức, cứu nguy, giúp nước, ích nhà. Tiềm biểu cho đời sau.

MKHC: Cũng có phúc, tai nạn qua khỏi, mừng đến.

Vạn Năm- **Giới Quan**: Tiến tới, dù có sự bất ngờ chẳng tốt, tự nhiên sáng tỏ. **Người thường**: Bệnh không thuốc cũng khỏi. Việc thành. Sự sinh nở tốt lành.

Hào 6 dương

Đế tự nhiên (không cần bầy), *hành động thì bị họa*, không lợi gì. NHL giảng: Lời hào khuyên không nên hành động, mặc dầu vẫn là tự nhiên, vô vọng, chỉ vì hào này tới cuối cùng của quẻ rồi, chỉ nên yên lặng chờ thời. PBC phụ chú: Toàn quẻ Vô vọng nói về thời vô vọng, nhưng mỗi hào lại có thời riêng của mỗi hào. Hào 1 với hào 2, vì sao mà *hành động thì tốt*? Là vì, thời nên động mà động, thì động là vô vọng (là tự nhiên, không cần bầy, là tốt). Hào 4 sợ dĩ có thể *giữ bền*, hào 5 sợ dĩ *không cần thuốc*, là thời nên tĩnh, mà tĩnh, thì tĩnh là vô vọng. Đến như hào 6, thì sao mà *hành động thì bị họa*, là vì thời nên tĩnh mà lại động, thì động là vọng (cần bầy). Tóm lại, ở một thời chung là Vô vọng, mà té ra lành, dữ, hay, dở khác nhau, thì lại thuộc về cái thời riêng của từng người. Hiểu được lẽ ấy, thì chúng ta ở đời phải có bộ óc xét Thời, lại phải có cặp mắt xem Thời, một phương diện thì soi thấu thời đại chung của một đời, một phương diện thì cân lường thời đại riêng của mình. Làm thế nào cho hai phương diện đó điều hòa thích hợp được, ấy mới là thức thời., mà cũng là biết học Dịch. *Người khéo học Dịch, quý nhất là biết chữ Thời* (Hồ Văn Phong - một bậc tiền nho). **Toán Hà Lạc giải**: *Tin chắc quá thì rồi hết cả tin*.

MHC: Giữ nhưng thông biến thì mới phòng được nguy, giữ được phúc trách.

MKHC: Chí lớn mà mưu vụng, nên tất tả ngược xuôi, cô độc, tai vạ đến.

Vận Năm- **Giới Quan:** Không đi đúng đường lối chính trị nên bị truất giáng, hay phải trốn tránh trách nhiệm. **Giới Sĩ:** Không đạt lý. **Người thường:** Không hiểu việc, không biết gió chiều nào, che chiều ấy. Số xấu có thể nguy đến thân.

26 - SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

----- **Đại Súc** là Tụ, là Chứa lớn, Tích trữ lớn, Tích
 ----- súc lớn, để chờ thời. (Chữ Súc trong nhóm từ súc
 ----- tích, uẩn súc). Thuộc tháng 12. **Lời Tượng:** *Trời*
 ----- *ở trong Núi là quẻ Đại Súc. Người quân tử coi*
 ----- *quẻ này mà biết nói theo lời trước, làm theo xua*
 ----- (những lời và việc đời trước đã tổng kết để lại)
 ----- cho nhiều, để mà nuôi lấy cái đức của mình.
Toán Hà Lạc giải: Những tuổi **Giáp** hoặc
Nhâm: Tý, Dần, Thìn; **Bính:** Tí, Dần, Tuất
 được quẻ này lại sinh tháng 12 là cách Công
 danh, phú quý.

NHL giảng: Trên là Núi, dưới là Trời, núi mà chứa được trời thì sức chứa của nó thật lớn, cho nên gọi là Đại Súc. Nói về bậc quân tử thì phải chứa tài đức, nghĩa là tu luyện cho tài đức uẩn súc, trước hết phải cương kiện như quẻ Càn, phải rất thành thực, rực rỡ (có văn vẻ) như quẻ Cấn, mà những đức đó phải mỗi ngày một mới (nhật tân kỳ đức. Lời Thoán), phải biết cho đến nơi đến chốn, làm cho đến nơi đến chốn, đủ cả tri lẫn hành (Lời Tượng). Người nào "uẩn súc" được như vậy thì được quốc gia nuôi, và khi xã hội gặp gian truân thì cứu được (vượt qua sông lớn) vì ứng với trời (hào 5 ứng với hào 2 trong quẻ Càn là Trời). PBC phụ chú: Đọc lời Thoán nói về quẻ Đại Súc chúng ta để ý bốn chữ **Đốc Thực** (dầy dặn, ý nói chứa trữ tài đức cho dày dặn) **Huy Quang** (sáng sủa). Người trong thiên hạ, nhiều hạng người thấy có

huy quang mà không phải đốc thực, chứ không hạn người nào đã đốc thực mà không huy quang. Huy quang mà không đốc thực, thời chỉ là loè loẹt ở bề ngoài, trau chuốt những văn minh vỏ. Thế chẳng phải là chân chính huy quang... Nghĩa là đạo của tiểu nhân, tuy rực rỡ vậy, mà ngày càng lẩn lút mất. Đó là tệ bệnh vì huy quang mà không đốc thực, huy quang mà không đốc thực, thời là huy quang giả. Đến như đốc thực mà nảy ra huy quang, thời đạo đức ở trong mà văn thái hiện ở ngoài... Vậy nên, muốn thấy được chân chính huy quang, thời trước phải căn cứ ở nơi đốc thực.

Hào 1 dương

Có nguy, ngưng lại thì lợi. NHL giảng: Hào này cương kiện, muốn tiến lên nhưng bị hào 4 âm ở trên chặn lại (Trong quẻ, *Súc* có nghĩa là *chứa trữ*, nhưng trong lời hào thì *Súc* có nghĩa là *ngăn*, đây là một điều đáng chú ý ở quẻ này). Nếu cứ cố tiến lên thì nguy, ngưng lại thì tốt. PBC phụ chú: Theo như quẻ khác thì hào 4 với hào 1 là chính ứng, đáng viện trợ cho nhau, nhưng ở quẻ Đại Súc thời trái thế. Hễ ứng với nhau thời ngăn cản nhau, mà lại hào trên ngăn cản được hào ở dưới. Duy chỉ có hào trên cùng với hào 3, đều là hào dương, nên mới lấy nghĩa là bạn bè, đồng chí, mà không lấy nghĩa là ngăn cản nhau. Nhưng ngăn cản ở đây có nghĩa là bị động mà ngăn cản, chứ không có nghĩa chủ động mà ngăn cản. **Toán Hà Lạc giải:** *Thoái (lui) tốt.*

MHC: Biết thời cơ mà tiến lui, giữ mình, hưởng phúc.

MKHC: Tùy theo thời mà xử thường, xử biến.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nên từ. **Giới Sĩ:** Đợi thời.

Người thường: Nên giữ mình theo lối cũ, kéo có tai biến.

Hào 2 dương

Xe tự bỏ trục. (Như chiếc xe đã tháo cái trục, không đi được nữa) NHL giảng: Hào này cũng bị hào 5, âm, ngăn lại như hào 1, nhưng vì đắc trung, (ở giữa quẻ nội), nên biết tự ngăn mình, (như tự tháo cái trục xe ra) để thôi không đi, như vậy không có lỗi. PBC phụ chú: Thông lệ Kinh Dịch, dương thì cương, âm thì yếu nhược. Nhưng quẻ Đại Súc này, hào 1, sơ, hào 2 thuộc về thể Càn trở lại chịu lụt với hào 4, hào 5, té ra dương cương mà bị âm nhu ngăn cản. Hào 1, thoái mà không tiến, hào 2, dừng mà không đi. Thế mới biết: Thịnh suy trái nhau vì Thời, cường nhược khác nhau vì Thế, chứ không phải dương nhất định là cường, âm nhất định là nhược. Trung trí như Dịch Nhân Kiệt (sử Tàu), mà phải làm tòi với Vũ Hậu. Tài năng như Viên Thế Khải, mà chót đời phải làm tòi với Nạp La Thái Hậu (Tứ Hi Thái Hậu). Nhưng rốt cuộc, đánh đổ Vũ thị, rất (toàn) là đồ đảng của Dịch. Đánh đổ Mãn Thanh hơn nữa là tay chân họ Viên. Mới biết rằng: Thời chưa nên tiến mà tiến, đầu anh hùng đến thế nào, cũng khó chống Thời được. Đó chính là nghĩa Đại Súc, mà cũng là lẽ biến hóa ở trong Dịch học. **Toán Hà Lạc giải:** *Tự đình chỉ.*

MHC: Biết thời cơ, mình miễn, biết tiến thoái, hoặc xin từ chức. (Người xưa là treo ấn từ quan).

MKHC: Bé chẳng học hành, già vô vị. Đau căng đau lưng.

Vận Năm: (chung cho mọi người) Phòng thất lạc, tai bay vạ gió. Số xấu khó sống lâu.

Hào 3 dương

Như hai con ngựa tốt chạy đua nhau; chịu khó giữ đua chính thì lợi. Lại phải hàng ngày luyện tập, dự bị các đồ đi đường, đồ hộ thân, thì tiến lên mới có lợi. NHL giảng: Chúng ta để ý: hai hào 1, 2 đều là dương cương mà đều bị hai

hào âm nhu (4 và 5) ngăn cản, vì tuy cương mà ở trong quẻ Nội, không phải thời nào dương cũng thắng âm cả đâu. Tới hào 3 này, may được hào trên cùng, cũng là dương, ứng với mình như một đồng chí. Cho nên, cả hai hàng hái như hai con ngựa tốt đua nhau chạy, nhưng hăng hái mà không nhớ rằng trên đường còn nhiều gian nan, không luyện tập để phòng hàng ngày thì không tiến được xa, nên lời hào khuyên như trên. PBC phụ chú: Quẻ Đại Súc này là thuộc về thời đại âm ngăn cản dương, duy hào 3 với hào 6 trên là hào dương cả, nên không ngăn nhau mà lại đồng loại tương trợ. Đó là tuy trái với Thời đại chung quẻ Đại Súc, mà lại đúng với thời đại riêng ở trong quẻ Đại Súc. Nên Lời hào hai hào đều được lợi, hanh. **Toán Hà Lạc giải:** *Cùng đi lên. Cùng có cách thoát đáng.*

MHC: Có thừa học vấn, tài đức để làm việc lớn. Trong lời Kinh ở trên, chữ Ngựa (chữ Mã), chữ Đồ hộ thân (chữ Vệ) gợi ý có thể làm chức chỉ huy bộ đội xe pháo, bộ đội kỵ binh, vệ binh...

MKHC: Hành động cần bậy, dù cùng đi với người quân tử, vẫn cứ gian nan.

Vận Năm- **Giới Quan:** Coi về xe, ngựa. **Giới Sĩ:** Đợi lên cao. **Người thường:** Được trên tin dùng, nhưng cũng bồn chồn gian nan, sau mới thành.

Hào 4 âm

Như con nghé còn non, mới nhú sừng, chẳng ngay cái gông cho nó, thì rất tốt. NHL giảng: Trong quẻ Đại Súc, hào âm này (tuy là âm) vẫn ngăn chặn được hào 1, dương, vì tuy nó âm nhu, nhưng hào 1 ở đầu quẻ là dương còn non, như con nghé (NHL gọi là con bò mộng, Học Năng gọi là con nghé) mới nhú sừng, nếu kịp thời ngăn cản ngay, chặn sự hung dữ của nó lại, thì không tổn công, mà kết quả rất tốt. Đại ý là phải đề phòng ngay từ khi họa mới có nguy cơ chớm (tiếng Nam bộ là mới có mồi) phát. PBC phụ chú: Lời hào này tuy

chuyên nói hào 4 với hào 1, nhưng lấy ý thánh nhân mà suy ra, thời hễ làm vua (ngày nay là nguyên thủ) dạy dân, làm thầy dạy trò, làm cha dạy con, làm chồng dạy vợ, cho đến làm bạn muốn bảo ban nhau, thầy nên học ý nghĩa hào này. Muốn ngăn cấm điều ác, muốn bế tắc điều tà, tất phải gấp lo từ lúc mới manh nha...Tà ác chưa kịp bùng mà việc giáo hóa còn dễ lần lần nhuần thấm từ bước đầu trở đi, thì người ác cũng có thể hóa làm người thiện. Nếu chờ khi tà ác đã phát hiện, măng đã thành tre, mà lúc đó mới lo cấm chỉ, thời tuy có thánh nhân dạy nó, cũng khó khiến cho nó cải tâm mà biến chất được. Câu chằng gông cho nghé lúc mới nhú sừng, chính là nghĩa ấy. Tục ngữ có câu: Dạy con thử thuở còn thơ/ Dạy vợ dạy thuở mới đưa vợ về, ý nghĩa tuy chưa hoàn toàn, cũng là ý chằng gông vào sừng trâu non vậy. PBC lại phụ chú: Chằng gông vào sừng trâu non, chỉ nói bằng cách thí dụ, trâu còn non, thời sừng chưa mọc ra, gông để vào đâu? Nghe ra thời vô lý, nhưng ý thánh nhân cốt bảo cho ta ngăn điều ác từ khi nó chưa phát lộ, tượng như trâu chưa có sừng, mà dự bị gông sẵn đó. Người học Dịch chớ nên câu nệ ở mặt chữ.

Toán Hà Lạc giải: *Ngăn điều ác ngay từ lúc đầu thì làm được điều tốt.*

MHC: Hoặc có chuyên khoa nhi đồng, hoặc thi đỗ khôi khoa. Phú quý song toàn.

MKHC: Chỉ gần quý nhân thôi, tài nhỏ, việc nhỏ.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Thăng chuyển.

Người thường: Có mừng. Thêm trâu bò, của cải.

Hào 5 âm

Như thế ngăn cái nanh con heo đã thiện thì tốt. NHL giảng: Hào 2 là dương đã già giặn, không non nổi như hào 1, cho nên dữ hơn 1, ví như nanh con heo (rừng). Hào 5 muốn chặn nó mà chỉ bề nanh con heo thôi, thì nó vẫn còn hung. Tốt hơn hết là thiện nó để nó hết dữ, lúc đó dù nó còn nanh cũng không hay cắn nữa. Hào 5 chặn được hào 2 là nhờ cách

đó. Trừ tận gốc, không tổn công mà kết quả rất tốt. PBC giảng: Hễ người ác trong thiên hạ, nó vẫn có sức cương cường, tượng như heo có nanh sắc. Tiểu nhân vì có sức cương cường mới nảy ra thủ đoạn làm ác. Nếu ta chỉ theo thủ đoạn nó mà trừ trị, nhưng sức cương cường nó vẫn y nhiên, thời nó hết thủ đoạn này, nó lại nảy ra thủ đoạn khác, biết bao giờ trừ cho nó xong. Tượng như heo hay cắn người, là nhờ có nanh sắc. Nếu ta phòng bị nó, mà bẻ nanh nó được rồi, nhưng tính cương táo của nó vẫn y nhiên, còn khiến cho nó trầm phục (thâm lặng phục hồi). Thánh nhân vì thế nên dùng cách cấm chỉ người ác trong thiên hạ không cần trừ ở nơi thủ đoạn của nó, mà cốt trừ ở nơi nguyên động lực của nó, lựa cho được cơ hội, nắm cho được mấu chốt, khiến cho nó mất sức cương cường, thời dầu nó có thủ đoạn nữa, mà cũng không làm gì được. Tượng như trị heo không cần trị ở nơi nanh, mà cốt trị ở nơi thể của nó. Nó sở dĩ cương táo vì nó có cái thể, đã cắt cái thể của nó rồi, thời dầu còn nanh cũng không hay cắn nữa. (Thế, chữ Hán còn là cái dái của giống vật). Trừ người ác mà dùng bằng một cách lén cơ hội, ngự heo mạnh mà dùng bằng một cách thiện, sự thực tuy khác nhau xa, mà kế hay diệu vẫn in như nhau, chỉ là có thời cơ, tìm cho được cái gốc, cắt cho hết rễ, thì công phu vừa phải, mà hiệu quả lớn. Nên Lời hào này theo mặt chữ thì thật cạn, mà theo ý nghĩa thì thật sâu. Từ trước đến nay những việc trừ ác, thường chỉ dùng uy hình, lấy cách chết dọa dân, mà dân không sợ chết. Lão Tử có câu: Dân không sợ chết, mà hay gì cứ đem cái chết dọa dân. Trừ ác mà như thế thì càng trừ càng vô công. Duy như Hào 5: Biết rình cơ hội mà trừ cho đến căn bản, thì người trên không mệt, người dưới không đau, mà tự nhiên thay đổi được phong tục, chính là hạnh phúc cho thiên hạ vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Chế ngự được điều ác ngay từ gốc.*

MHC: Tài đức lớn, lập công lớn, hưởng phú quý.

MKHC: Chí nhỏ, lợi nhỏ, có việc mừng nhỏ.

Giới Quan và Giới Sĩ: Thăng tiến. **Người thường:** Nhiều việc vui mừng. Nếu thất đức thì bị giảm nhiều.

Hào 6 dương

Đường trời sao mà hanh thông thế. PBC giảng: Hào này có nghĩa của toàn quẻ, ngăn cản từ hào 1 lên đến đây là cùng rồi, cản đã cùng rồi, tức nhiên phải rộng mở, mở thật rộng, thì rất hanh thông, nên Lời hào nói rằng đường trời sao thông suốt. Giữa chốn hư không bát ngát, mây bay chim lượn, cực kỳ tự do, phía trước không ai ngăn đón, phía sau không ai xô đẩy, tư bề thông suốt, khiến cảm thán, mừng mà kêu lên: sao mà hanh thông đến vậy. PBC phụ chú: Toàn 6 hào quẻ Đại Súc chiếu ứng với nhau: Ba hào Cấn trên là có thể lực, ngăn cản được người, ba hào Cấn dưới là thể lực non mà bị ngăn cản. Hai cặp hào 1 và 4, 2 và 5 ở vào thời còn ngăn cản. Đến cặp hào 3 và 6 thì hợp chí cùng tiến, gặp thời, gặp dịp, nên Ngựa đuổi nhau ở hào 3, Đường trời hanh thông ở hào 6, cặp đôi ngựa đua mà dong ruổi đường trời. ý nghĩa thú vị chiếu ứng nhau như thế. **Toán Hà Lạc giải:** Tích chứa càng nhiều thì lúc thi thố ra càng rộng lớn.

MHC: Công lớn, danh cao, mở hội hòa bình, đương thời trọng vọng.

MKHC: Chí lớn, mưu cao thì vạ lại to.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Thăng tiến. **Người thường:** Hanh thông, được lợi.

27- SƠN LÔI DI

----- **Di** là Nuôi. Thuộc tháng 8. **Lời Tượng:** *Dưới*
----- *Núi có Sấm là quẻ Di. Người quân tử coi quẻ*
----- *này mà cẩn thận việc nói năng, tiết độ việc ăn*
----- *uống.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Canh:**
----- **Tý, Dần, Thìn; Bính: Tí, Dần, Tuất** được quẻ
----- này lại sinh từ tháng 2 đến tháng 8 là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán nói rằng: Nuôi, hãy đứng chính đạo thì tốt, cứ xem cách nuôi người và tự nuôi mình thì biết tốt hay xấu. Suy rộng ra thì thấy: Trời Đất khéo nuôi vạn vật

mà vạn vật sinh sôi nảy nở, thánh nhân coi đó mà dùng người hiền giúp mình nuôi dân chúng. Cái đạo Nuôi lớn như vậy đó. Lối Tượng đưa thêm một ý nữa: Theo tượng quẻ thì dưới Núi có tiếng Sấm, khí dương bắt đầu phát, mà vạn vật trong núi được phát triển, như vậy là trời đất nuôi vạn vật. Người quân tử coi đó mà tự nuôi mình, biết rằng phải cần thận về lời nói mà nuôi cái đức, tiết độ về ăn uống để nuôi thân thể. PBC giảng: Chữ Di có hai nghĩa: một nghĩa thuộc về động từ là Nuôi (dưỡng, dưỡng tâm, dưỡng đức, dưỡng sinh... là nghĩa ấy cả); một nghĩa thuộc về danh từ là cái cảm miệng người. Coi tượng quẻ thì thấy dưới Chấn, trên Cấn, có một nét dương phía dưới đỡ được hết, một nét dương phía trên trùm lên hết, ở giữa ngâm 4 hào âm, ngoài đặc mà chính giữa trống không, trên thì ngán cần (Cấn), dưới thì động (Chấn), in như miệng, mép người. Vĩ miệng người dùng để ăn uống nuôi người, nên Di lại có nghĩa là nuôi. Có nuôi tính thần (đạo đức, trí thức, chí khí...), có nuôi thân xác (vật chất, cơ thể, hình thức ngoài...), bất luận người nào, cũng có hai phần nuôi như trên. Cũng là Nuôi cả nhưng cũng có nuôi theo đường lối chính và nuôi theo đường lối bất chính. Tỷ như nuôi linh hồn mà theo lối mê tín, huyền hoặc, ấy là bất chính. Nuôi xác thịt mà theo cách nô lệ ty tiện, hủy hoại lương tâm, ấy là bất chính. PBC phụ chú: Quân tử, tiểu nhân khác nhau một chỗ ấy: một đảng thì ăn cho sướng miệng (khẩu phúc) là phần nhẹ, đạo nghĩa là phần nặng; một đảng thì ăn cho sướng miệng quá chừng trọng, đạo nghĩa quá chừng khinh. Lối Nuôi vốn chỉ chừng ấy, mà kết quả khác nhau một vực một trời. PBC lại phụ chú: Chỉ một chữ Di là Nuôi mà thiên địa thánh nhân cũng bao bọc trong ấy. Trời đất nuôi vạn vật. Thánh nhân nuôi người hiền để người hiền đến với vạn dân. Quân tử xem Tượng quẻ Di nghĩ ra cách nuôi thân gồm trong hai chữ Thận và Tiết (Cần thận việc nói năng, tiết độ việc ăn thực). Tục ngữ Tàu có câu: Tai vạ từ trong miệng phun ra, tật bệnh ở ngoài miệng nuốt vào. Nhưng mà chữ Tiết chữ Thận ý nghĩa rất sâu xa. Bảo là Thận, có phải là bảo người ta cảm miệng không nói đầu? Nói

mà hợp đạo lý, hợp lòng người, thì mới nói, nói mà như bài *sở xin chêm bầy người tôi nịnh* của thầy Chu Văn An, đó là Thận rất mực. Bảo rằng Tiết, có phải là bảo người ta kén ăn lựa uống đâu? Vì ăn mà hoại danh tiết, họa nước nhà thời không thêm ần. Như ông Di, Tề không ăn lúa của nhà Chu, đó là Tiết rất mực.

Hào 1 dương

Bỏ mất con rùa thiêng của người, cứ nói ta xé cả mép xuống, xâu. NHL giảng: Chúng ta hãy để ý: Quẻ Nội là Chấn, có nghĩa là động nên cả ba hào đều diễn cái ý đi cầu cạnh người. Hào 1 này dương cương, khôn lanh, nhưng ứng với hào 4 âm, có thể lực ở trên, hăm hờ theo âm đến nỗi bỏ cả "con rùa thiêng" (linh quy, một giống chỉ nuốt linh khí mà sống) ý nói bỏ cái phần linh thiêng, linh hồn, thềm thuồng cầu ăn ở người khác, hào 4, để nuôi xác thịt, mà quên phần tinh thần, như vậy rất xấu. Nói sẽ mép xuống, là nói lời khinh miệt. Đây là lời của hào 4 nói với hào 1, giọng khinh khi, nên gọi hào 1 là người. Thánh nhân giận cho hào 1 mà đặt lời hào thế. PBC phụ chú: Tục ngữ ta có câu *Miếng ăn là miếng nhục* cũng là nghĩa xấu ở hào này. **Toán Hà Lạc giải:** *Bỏ tư cách của mình, đáng khinh bỉ.*

MHC: Nhờ người để thành lập nơi khác, nhưng được ít, mất nhiều.

MKHC: Bất nghĩa. Tham ô. Có hại.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nhục vì tham nhũng. **Giới sĩ:** Hoang dâm, bị chê cười. Học trò được lương ăn. **Người thường:** Ngược ngạo. Tranh của. Có hại. Đại để, cứ giữ chính đạo thì tốt.

Hào 2 âm

Đảo lộn cách nuôi mình, trái với lẽ thường, cầu sự nuôi dưỡng ở gò cao, tiến lên thì xấu. NHL giảng: Hào này

âm nhu, không tự sức nuôi mình được, nên phải cầu ăn với hai hào dương 1 và 6. Nhưng hào 1 ở dưới mình, như vậy là người trên ăn xin người dưới, đảo lộn, trái lẽ thường. Còn như cầu hào 6 dương ở trên cùng, ví như cái gò cao, thì hào này không ứng với 2, 2 sẽ bị từ chối, bị khinh mà mắc nhục. Nên để ý: theo thường lệ, hào 2 này đắc trung, chính, xem ra có vẻ tốt, mà ở đây lại xấu. Vì nghĩa quẻ là Nuôi dưỡng, mà hào này lại không đủ sức tự nuôi dưỡng. PBC phụ chú: Đó là cái lẽ tùy thời của Dịch. Thời quẻ Di, quý trọng nhất là Nuôi người hoặc là tự nuôi mình. Hào 2 âm nhu không tài nuôi người, lại không đủ sức tự nuôi, ở vào thời đại Di tất nhiên phải xấu. **Toán Hà Lạc giải:** Cầu người nuôi không phải chỗ.

MHC: Giữ điều chính mà kiên nhẫn nuôi thân dưỡng tính.

MKHC: Thay đổi bất định, là kẻ dưới mà coi thường người trên, hoặc bị hoạn nạn ức chế.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Phòng truất giáng, khiển trách, bị nhục. **Người thường**: Tiến thoái, điều tiếng không lường trước được. Số xấu có thể bệnh nặng đến nguy.

Hào 3 âm

Cách nuôi trái hẳn với đạo chính, xấu. Mười năm (có nghĩa là tới cùng) cũng không tốt được, không làm nên gì. NHL giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, lại hay động (vì ở trên cùng quẻ Chấn), không chịu ngồi yên, thấy đâu có ăn là đến, rất xấu. Về hai chữ Mười Năm, giống hào cuối cùng quẻ Phục, xem hào 6 quẻ Phục. **Toán Hà Lạc giải:** *Cách nuôi trái đạo.*

MHC: Sửa lỗi, bỏ những thèm khát, thì có thể làm được việc quy mô nhỏ.

MKHC: Trái nghĩa, mất tin cậy, thân và nhà bị phá tổn.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Mất tiếng vì làm liều, thất bại. **Người thường**: Hoang đàng. Hồng việc. Khổ sở.

Hào 4 âm

Đào lộn cách nuôi mà tốt. Mắt hổ nhìn đầm đầm, ham muốn khôn nguôi, không có lỗi. NHL giảng: Hào này âm nhu đắc chính, ở vào địa vị cao, được hào 5 chí tôn tương đắc với mình, (cùng là âm cả), lại có thêm hào 1 dương tương ứng, như vậy là người trên biết trọng nghĩa, biết hạ mình cầu người dưới (hào 1) nuôi mình, tuy là trái lẽ thường đấy, nhưng vì là người tốt (đắc chính), cầu 1 giúp mình để sau giúp đỡ dân chúng, cho nên không lỗi. Nhưng phải nhất quán, hết lòng, không ngừng (như mắt hổ nhìn đầm đầm (Học Năng dịch là chăm chăm) ham muốn không nguôi, cứ tiếp tục cầu hào 1 ứng giúp thì mới có kết quả, không lỗi. Khái niệm Nuôi ở hào này là Nuôi về tinh thần chứ không phải về thể xác. PBC phụ chú: Hào 2 cầu nuôi trái nghĩa, hào 4 cũng cầu nuôi trái nghĩa, thấy là kẻ trên cầu người dưới nuôi, mà cát hung lại khác nhau là cố sao? Bởi vì 2 vốn cầu là cầu nuôi về phần cái miệng ăn, 4 vốn cầu là cầu nuôi về phần đức nghĩa. 2 vốn cầu như cách Ngu công cầu ngọc với Ngu thúc. 4 vốn cầu như vua Thành Thang cầu tài đức với ông Y Doãn, thấy là kẻ trên cầu với người dưới mà cát hung khác nhau vậy. Đó là chân lý của Dịch học. **Toán Hà Lạc giải:** *Dùng người hiền để nuôi dân.*

MHC: Tài lớn, dụng nên hòa bình, cải cách, đuổi tà, lập chính.

MKHC: Điền đảo, ham muốn dồn dập. Tồn tài phá gia. Hoạch bị hổ đuổi. Sống vất vả.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được trên mến. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, nên danh. **Người thường:** Được quý nhân giúp đỡ. Toại nguyện. Số xấu: Phòng bị đuổi (hoặc nhà cửa v...v...) Luôn luôn bị điều nợ tiếng kia.

Hào 5 âm

Trái lẽ thường, bền chí giữ đạo chính thì tốt. Không thể vượt sông lớn được. NHL giảng: Hào này như một vị

nguyên thủ, có trách nhiệm nuôi người, nhưng vì âm nhu kém tài, nên phải nhờ người (tức hào trên cùng) nuôi mình (giúp đỡ mình); tuy là trái lẽ thường, nhưng cứ bền chí, giữ đạo chính thì tốt (vì nhờ người khác giúp đỡ để mình làm trọn nhiệm vụ nuôi dân). Tuy nhiên, vì tài kém (âm nhu), làm việc lớn gian hiểm, không nổi, nên Lời hào khuyên: Không thể qua sông lớn được. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm nguyên thủ mà phải cậy người khác nuôi dân giúp mình.*

MHC: hưởng phú quý sẵn có, hoặc nhờ tổ nghiệp.

MKHC: Bình sinh tân khổ, được người giúp đỡ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nhờ người mà thành công, mới giữ nổi địa vị. **Giới Sĩ:** Được đề cử, làm nhỏ. **Người thường:** Có chỗ nhờ. Đạt được chí. Phòng sông nước.

Hào 6 dương

Thiên hạ nhờ mình mà được nuôi, trách nhiệm lớn vậy. Thường lo nguy sợ hãi thì tốt. Qua sông lớn được. NHL giảng: Hào này dương cương mà ở trên cùng, như bậc làm thầy cho vị nguyên thủ, vị nguyên thủ nhờ mình mà nuôi được thiên hạ, thì cũng như chính mình nuôi thiên hạ. Trách nhiệm lớn vậy nên mình phải thường lo lắng, sợ hãi, rất thận trọng thì mới được tốt lành. Mà thiên hạ thì được phúc lớn. Hào này dương cương, có tài, không như hào 5, cho nên hào 5 không qua sông lớn được, hào này thì qua sông lớn, ý nói làm được những việc gian nan hiểm trở. PBC phụ chú: Sáu hào quẻ Di, ba hào dưới là nhờ người nuôi cho mình, ba hào trên là có trách nhiệm phải nuôi người. Vì thế ba hào trên thấy (đều) được cát. Hào 5 âm sở dĩ được cát là vì nuôi người hiền để đến với nhân dân. Hào 5 nhờ hào 6 trên mà được cát, nên đến hào trên cùng, thánh nhân tán cho rằng có phúc lớn. Xưa nay, tâm sự thánh hiền, lấy họa phúc thiên hạ làm họa phúc của mình. Tiên nho (ở đây là Phạm Văn Chính) có câu: Kê sĩ, lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui thiên hạ. Lo trước là đúng với chữ lo nguy ở Lời hào 5, vui sau là đúng với

chữ cổ phúc lớn trong Lỗi tượng hào 6 (đại hữu khánh dã). Chúng ta học Dịch nên tấm lòng mở cho rộng, tấm mắt phóng cho xa, chớ nên bo bo cầu nuôi cái miệng, như ba hào dưới quẻ Di, đầu thánh nhân không nói hung, chúng ta cũng nên lấy làm xấu hổ. **Toán Hà Lạc giải:** *Có quyền có vị, làm việc lớn của đất nước.*

MHC: Vị tôn đức trọng, chăm lo việc nước, công danh để đời, phúc trạch bền lâu.

MKHC: Cũng là người hưởng phúc thọ, được người đời ngưỡng vọng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Quyền cao, chức trọng. **Giới Sĩ:** Đổ cao. **Người thường:** Kinh doanh được lợi.

28- TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

----- **Đại Quá** là Họa, Lớn quá, Hư hao, Gian nan.
----- Thuộc tháng 2. **Lỗi Tượng:** *Nước Đắm làm chết*
----- *Cây là quẻ Đại Quá. Người quân tử coi quẻ này*
----- *mà một mình đứng riêng độc lập với thiên hạ*
----- *cũng không sợ gì, dù phải trốn đời cũng không*
----- *phiền muộn.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Đinh: Hợi, Dậu, Mùi
được quẻ này lại sinh tháng 2 là cách Công
danh, phú quý.

NHL giảng: Lỗi Thoán bảo rằng: Phần dương nhiều quá, phần âm ít quá, như cái cột yếu, cong xuống, chống không nổi. Tiến đi thì lợi, được hanh thông. Nhìn hình quẻ, bốn hào dương ở giữa, hai hào âm hai đầu, như cây cột, khúc giữa lớn quá, ngọn và chân nhỏ quá, chống không nổi, phải cong đi. Tuy vậy, hai hào dương 2 và 5 đều đắc trung, thế là cương mà vẫn trung. Lại thêm quẻ Tốn ở dưới có nghĩa là thuận, quẻ Đoài ở trên có nghĩa là hòa, vui; thế là hòa thuận vui vẻ. Cho nên bảo là tiến đi (hành động) thì hanh thông. Lỗi Tượng bàn thêm rằng: Đoài là đầm ở trên, Tốn là cây ở dưới, có nghĩa là nước lớn quá, ngập cây. Người quân tử gặp

quê này biết rằng phải cố đức độ, hành vi hơn người, cứ việc gì hợp đạo (chính đáng) thì làm, dù một mình đứng riêng, trái với thiên hạ, cũng không sợ. Nếu là việc không hợp đạo, không thêm làm, dù có phải trốn đời, cũng không phiền muộn. PBC chỉ rõ thêm: Chữ Đại Quá đối lập với chữ Bất Cập (chưa tới). Đại Quá là công việc quá chừng lớn. Sách Sử Ký có câu: Tất cả người phi thường mới làm nên việc phi thường. Mà những việc phi thường tất phải chờ đến người phi thường. Bởi vì những việc phi thường, quyết không phải những hạng người thường làm nổi. Đó chính là nghĩa chữ Đại Quá. PBC phụ chú: Quê Đại Quá ở sau quê Di là rất hay. Xưa nay, thánh hiền hào kiệt, trước khi chưa làm việc Đại Quá, tất phải tiềm tàng ẩn súc, trải biết bao thời giờ súc dưỡng (tích lũy, nuôi). Súc dưỡng có đầy đủ, phát triển mới lớn lao. Tuyệt chưa thấy ai không súc dưỡng mà làm nên đại quá (phi thường). Ông Y Doãn đi cày ở Hữu Săn, hơn nửa đời người ngâm thơ đọc sách, vui (nghiên ngẫm) đạo Nghiêu Thuấn, rồi sau (mới) giúp vua Thang đánh Kiệt an dân. Ông Đa Phú Nhi (Camillo Beuso di cavour) cũng cày ruộng đọc sách, âm thầm nghiên cứu lễ xưa nay hơn 10 năm, vậy sau làm nên sự nghiệp thống nhất nước Ý Đại Lợi (Italia). Một phụ chú khác của PBC: Nói về Thời Đại Quá, Lời Thoán có câu: To lớn rồi vậy, thời Đại Quá. Tức như trải qua đời quân chủ mà đổi ra làm dân chủ như cuộc Đại cách mạng Pháp. Ở giữa nước Bà la môn giáo mà lập nên Phật giáo như đức Thích Ca. Ở giữa nước quốc gia chủ nghĩa mà lập nên Chính phủ Xã hội như ông Liệt Ninh (Lê-nin). Thấy là công việc đại quá, mà cũng chỉ một bậc người tài đại quá mới làm nên. Nhưng tất cũng phải đúng thời tiết, nếu có tài đại quá, mà chưa gặp thời đại quá, tất nhiên cũng không làm xong. Chỉ có gặp Thời Đại Quá, thì người có Tài Đại Quá, mới làm nên những Việc Đại Quá. Một phụ chú khác của PBC: Lời Tượng có câu: Người quân tử thời Đại quá một mình đứng riêng độc lập với thiên hạ cũng không sợ gì, dù có phải trốn đời cũng không phiền muộn (Độc lập bất cù, độn thế vô muộn). Vẫn chung một hạng quân tử mà thủ đoạn có khác nhau. Việc gì đáng làm,

dầu cả thiên hạ không ai làm, mà mình cứ làm, xông vào nguy hiểm mà chẳng kinh, mắc lấy dèm chê mà chẳng quản. Đó là cách "độc lập" mà "bất cự". Việc gì không đáng làm, dầu toàn thiên hạ thấy làm, mà mình không chịu làm, mình đã trái mắt thế gian, ầu là bỏ tục trốn đời, mà tính thần được tự do tự tại. Đó là cách "độn thế" mà "vô muộn". Mạnh Tử có nói rằng: "Uy vũ bất năng khuất, bản tiện bất năng di". Chính là đúng với Lời tượng hào này.

Hào 1 âm

Lót (một vật gì) bằng cây cỏ mao trắng, không lõi.
NHL giảng: Hào này âm nhu, địa vị rất thấp, muốn làm việc lớn (vì ở thời Đại quá), mà không nổi, cứ cẩn thận, kính cẩn thì không lỗi. Khổng Tử đã giảng về hào này: Nếu đặt nó xuống đất, cũng đã được rồi, mà còn dùng cỏ mao trắng lót cho nó, có sợ gì đổ bể nữa đâu. Kính cẩn rất mực là như thế.
Toán Hà Lạc giải: *Kính cẩn, thận trọng để khỏi làm lỗi.*

MHC: Cao khiết thanh liêm, được tin dùng, hưởng phúc lâu bền.

MKHC: Tính tham hư (tham chốn hư vô), ẩn nơi rừng núi, đủ dùng không tham, nên không thất thất gì.

Vận Năm- **Giới Quan:** Cẩn thận giữ gìn, nên lộc vị bền. **Giới Sĩ:** Cẩn mật. Siêng đức nghiệp. **Người thường:** Kiệm ước đủ dùng. Phòng có tang.

Hào 2 dương

Như cây dương khô đâm rễ mới. Người già cưới được vợ trẻ. Không gì không lợi. NHL giảng: Hào này dương cương mà ở ngôi vị âm, vậy là cương mà có chút nhu, lại đặc trung. Nó thân cận với hào 1 âm, thế là cương nhu tương tế, bớt cứng đả, như cây dương khô mà đâm rễ mới, rồi cành lá sẽ tươi tốt. Có thể ví với một người già cưới được vợ trẻ. Theo PBC, Lời Tượng nói về hào này có một chữ Quá, là do hào 2

quá cương, làm thân với 1 âm còn non, như chồng già mà vợ quá trẻ, tương thân với nhau một cách quá vậy. Quá ở đây nghĩa là khác thường. **Toán Hà Lạc giải:** *Đương được âm giúp.*

MHC: Cứu nguy dẹp loạn, lập công lớn.

MKHC: Trước tân khổ, muộn tuổi mới vinh thăng. Hoặc vợ muộn, con muộn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nếu nghỉ việc, được phục chức. **Giới Sĩ:** Chờ lâu được vời đến. **Người thường:** Hoặc lấy vợ đẻ con. Hoặc có con nuôi. Hoặc giới thiệu đồ đệ.

Hào 3 dương

Cái cột cong xuống, xấu. NHL giảng: Hào 3 dương ở vị dương, thế là quá cương, định làm công việc lớn quá (vì ở thời Đại Quá), quá cương thì cong xuống, gãy, việc sẽ hỏng. Chúng ta để ý: Lời Thoán nói về nghĩa toàn quẻ, cũng nói cột cong xuống mà vẫn khen là tốt. Còn lời hào này chỉ nói riêng ý nghĩa hào 3, chê là xấu, vì hào này quá cương, mặc dù ứng với hào 6 trên, âm nhu, cũng không chịu để hào đó giúp mình. PBC phụ chú: Theo thông lệ trong Dịch, 3 với 6 ứng với nhau, 3 cương, 6 nhu, đáng nhẽ giúp nhau, có sao 3 dương lại bỏ nghĩa tương ứng với 6 âm, mà không nói đến? Đó chính là sự biến hóa trong Kinh Dịch, ở thời Đại Quá, xu thế đã quá rồi, bây giờ thế dương ở vị dương, là 3 quá cương rồi. Người đã quá thật là quá, thì ai giúp được, và nó cũng có chịu nghe ai đâu, nên kết quả chỉ là *cong xuống, xấu*. Truyện của Trình Di có câu rằng: Học Dịch cần thứ nhất là biết thời thế. Thế có nặng nhẹ, Thời có thay đổi. **Toán Hà Lạc giải:** *Quá cương, chẳng có ích gì cho việc cả.*

MHC: Hăng hái, lập công giúp đời, nhưng thường bạo mạnh quá, thành thương tổn, có khi nguy hiểm nữa.

MKHC: Hung bạo quá, nên gặp họa hại.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ:** Phòng thiệt hại, phòng nguy. **Người thường:** Phòng đổ vỡ, đau mắt, đau chân.

Hào 4 dương

Cây cột lớn khoẻ, nên tốt. Nhưng nếu có ý khác (đam mê chẳng hạn) thì sẽ hối tiếc. NHL giảng: Cũng là hào dương nhưng ở vị âm (4), vừa cương vừa nhu, như cái cột lớn, vững, đỡ nổi nhà, ý nói làm được việc lớn, không lo thất bại. Tuy nhiên, nó lại ứng hợp với hào 1 âm, tiểu nhân, ở dưới, như vậy e nó quá nhu chăng, cho nên Lời hào khuyên: Chớ quyền luyến quá với 1, có ý nghĩ khác, mà đáng xấu đấy. PBC phụ chú: Hào 4 dương như cái cột vững, vốn là hoàn hảo, nhưng hiểm vì ứng xuống với 1, nên có lời răn rằng: Hễ có ý khác, xấu thẹn. Là vì 1 âm là tiểu nhân, hễ ở thời Đại Quá, làm việc Đại Quá, mà dính tiểu nhân vào, thì việc phải hỏng. Đó là thâm ý của thánh nhân. **Toán Hà Lạc giải:** *Cương nhu đủ cả, nên gánh được trọng trách, nhưng nếu thiên về phía mềm yếu thì sẽ hỏng.*

MHC: Là giường cột của đất nước, công huân lớn.

MKHC: Cũng có danh vọng, được việc lớn cho gia đình. Phúc lộc dày, bền.

Vận Năm- **Giới quan:** Thường đứng đầu, giữ trọng trách. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, thành danh. *Người thường:* Hay kiến thiết, tu tạo. Hay cố chấp, có khi rơi vào bọn gian nịnh, dễ rồi hổ thẹn.

Hào 5 dương

Cây dương khô ra hoa, bà già có chồng trai tráng, không chê, cũng không khen. NHL giảng: Hào 5, dương, cương, trung chính, ở ngôi chí tôn, đáng lẽ làm được việc rất lớn, nhưng ở thời Đại Quá thì quá cương. Quá cương mà ở gần hào trên cùng, âm ở vị âm, là một người quá nhu, không giúp nhau được việc gì, cũng như cây dương đã khô mà ra hoa cuối mùa, sắp tiêu tụy đến nơi rồi. Không khác gì bà già mà có chồng trai tráng, chẳng mong gì sinh đẻ nữa. Hào này khác với hào 2 ở chỗ hào 2 vừa cương vừa nhu, nên tốt, ví với cây dương khô đâm rễ mới. Hào 5 thì quá cương, xấu, ví với

cây dương khô, không đâm rễ mà ra hoa, nhựa sắp kiệt rồi. PBC phụ chú: Tên quê là Đại Quá mà Lỗi hào lại ghét những người quá, mới biết rằng: Dịch Lý quý cái sự đặc trưng (có cương có nhu), và lại công việc Đại Quá chẳng phải ai cũng làm được cả. **Toán Hà Lạc giải:** *Cương nhu không đủ tài để giúp đời.*

MHC: Cương quá, gặp kẻ không ra người, không đủ tài lập công, chỉ đủ cơm áo, chẳng vinh, chẳng nhục.

MKHC: Hoặc vợ già, con keo kiệt, tuổi thọ mỏng, tài xoàng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Không bền. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:** Khó kinh doanh, đương vui hóa buồn, đương đẹp hóa xấu, trước nghịch cảnh, sau mới thuận.

Hào 6 âm

Lợi qua chỗ nước sâu, nước ngập đầu, xấu. Nhưng không có lỗi. NHL giảng: Bản chất âm nhu, tài hèn, lại ở vào cuối thời Đại Quá, muốn làm việc lớn thì tất nguy thân, như người lợi chỗ nước sâu lút đầu. Nhưng làm công việc nguy hiểm đó để cứu đời, cho nên không gọi là có lỗi được. Hào này trở hạng người hy sinh thân mình để làm điều nhân, đáng phục chứ không chê được. **Toán Hà Lạc giải:** *Tử nạn vì nước.*

MHC: Vì việc nước, lâm đại nạn, lưu danh sử sách.

MKHC: Chí lớn, mưu nhỏ, gặp họa, khó còn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thân nguy. **Giới Sĩ:** Đỗ khôi khoa. **Người thường:** Bị tai nạn đến đầu, đến trán.

29 - THIÊN KHAM

----- **Khảm** là hãm, Hiểm, Gian nan, Trở ngại.
----- Thuộc tháng 10. **Lời Tượng:** *Nước (cuốn cuộn)*
----- *đang tiến tới là quê Táp Khảm. Người quân tử*
----- *coi tượng nước chảy (thường xuyên, liên tục)*
----- *mà giữ đức hạnh bền bỉ hàng ngày, tập rèn việc*
----- *giáo dục, dạy dỗ cho dân quen dần.* **Toán Hà**

Lạc giải: Những tuổi Mậu: Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, Tý được quẻ này lại sinh tháng 10 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Quẻ này còn gọi là Tập Khảm, là hai lần Khảm, có nghĩa là hai lần hiểm. Nhìn hình quẻ Khảm ta thấy một hào dương bị hãm vào giữa hai hào âm, cho nên Khảm có nghĩa là hãm, hiểm. Hai hào dương như thế là hai lần hãm, hiểm. (PBC lưu ý: Các quẻ Thuần khác chỉ có một tên là Thuần, như Thuần Ly, Thuần Tốn..., riêng quẻ Thuần Khảm còn gọi là Tập Khảm, là để nhấn hai lần Khảm, hiểm). Ta lại thấy ở giữa đặc, nét liền, ngoài rỗng, nét đứt, trái với quẻ Ly ở giữa rỗng, trên dưới đặc, như cái miệng lò, chỗ rỗng để chứa không khí và than củi, cho nên Ly là lửa. Trái lại quẻ Khảm giữa thì đặc nên chỗ nào trúng thì nước chảy vào. Cho nên Khảm là Nước. Nguy hiểm không gì bằng nước sâu, nên bảo Nước là hiểm.

PBC giảng: Người xử vào thời hiểm chống chọi là hoàn cảnh rất nguy, nhưng xem tượng quẻ mà tìm ra cách xử hiểm thì vẫn không sợ gì hiểm. Vì tượng Khảm một hào dương ở giữa, dương là Thực, là thành tín, là chí thành. Tuy hoàn cảnh hiểm, thời hiểm mà tâm vẫn hanh thông, lòng chí thành đến đâu tác động mạnh đến đó, nên hành động được trọng, tai nạn qua khỏi, mà còn có công nữa. Người đời Tống có câu thơ: *Ngày thường giữ trung tín/ Nay sống gió sợ gì.* Người Nhật có câu: *Những chốn lòng thành thấu tới/ Đá vàng cũng phải nứt.* Chính là dùng đạo tín thành cho cái tâm sáng, mà bước qua thời hiểm vậy. PBC phụ chú: Trong Thoán truyện, khi tán (bình luận) các quẻ chỉ tán bằng một chữ Thời, mà quẻ Khảm lại thêm vào chữ Dụng (tác dụng). Bởi vì hiểm có thời, lại có dụng. Tỷ như trong nước có họa loạn, trong nhà có tai biến, là vào thời hiểm. Nhưng việc binh, việc hình, việc dạy dân để ngăn ngừa họa loạn, việc chuẩn bị tiền, gạo thuốc thang... để phòng tai nạn thủy hỏa là Dụng Hiểm. Tóm lại, Hiểm thuộc về thời, là cảnh ngộ không bình thường; Hiểm thuộc về Dụng là công việc thường làm. Thời hiểm

chắc không bao giờ không, Dụng hiểm chắc lúc nào cũng phải có. Nên lời Thoán nói rằng: Hiểm có thời, có dụng, lớn vậy thay.

Tán về lời tượng, PBC phụ chú: Chữ Tập trên chữ Khảm, có nghĩa rất hay. Tập có hai nghĩa. Một là tập rèn, ôn đi tập lại không ngừng, không quên. Người quân tử dùng nghĩa này mà *thường* (trau dồi) đức hạnh. Một nghĩa là tập quán, là ngày ngày đêm đêm rót sâu, đúc chín, khiến cho tai quen, mắt luyện, mà thành ra tập quán (thối quen). người quân tử dùng nghĩa này mà vận dụng vào việc giáo dục. Vậy mà chỉ một chữ Thường mà bao nuôi hết nghĩa tu thân, chỉ một chữ Tập mà bao nuôi hết nghĩa dạy dân. Nước từ một đồng suối mà chảy hoài thời có ngày thành sông biển, người ta từ một việc tốt mà làm hoài thời có ngày thành hiền. Nghĩa lý chữ Thường, chữ Tập của thánh hiền sâu xa thế.

Thiên Cơ Dật Sĩ (một nhà Dịch học VN ở nước ngoài) nói về Người quẻ Tập Khảm: Họ thường thích phủ suy hơn phủ thịnh. Là người có tài trí, vị tha, can đảm, dấn thân, nhưng phải cẩn trọng khi nhập cuộc. Biết mình có quẻ Tập Khảm thì cần giữ tâm trí cho ngay thẳng, chờ qua lúc gian nguy. Nếu có thể di chuyển nơi chốn thì tốt.

Hào 1 âm

Quen hiểm, vào sâu chỗ hiểm, xấu. PBC giảng: Hào âm nhu, lại ở dưới cùng quẻ Thuần Khảm, như người sa xuống vực hiểm, càng cựa quậy càng sụp xuống sâu. Nên lời hào có chữ tập khảm (quen hiểm). Chữ tập ở đây có khác với chữ tập ở quẻ. Chữ tập ở quẻ là hai lần, ở đây là *quen*. **Toán Hà Lạc giải:** Không biết cách trừ hiểm nên không ra khỏi chỗ hiểm.

MHC: Biết thời cơ, giữ đạo, tuy đến chỗ hiểm mà không vào.

MKHC: Tài xoàng, trí mọn, không gặp thời, không đúng chỗ, lối bùn lầy lội, không cách vượt lên.

Vận năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Phòng khiển trách, truất giáng. **Người thường**: Phòng đắm đuối. Chỉ có tăng ni ẩn dật là yên ổn.

Hào 2 dương

Ở chỗ hiểm lại có hiểm, chỉ mong làm được việc nhỏ thôi. NHL giảng: Hào này dương cương, đắc trung, có tài trí, nhưng ở giữa thời trũng hiểm, trên dưới bị hai hào âm nhu bao vây, chưa thoát được, nên chỉ mong làm được việc nhỏ thôi.

Xem hào 4 của quẻ Lôi Địa Dục, cũng dương ở vị âm, cũng bị hai hào âm bao vây, còn kém hào 2 quẻ Khảm vì không đắc trung, vậy mà lời hào 4 quẻ Dục (xem quẻ số 16) là thành công lớn (đại hữu đắc), còn hào 2 quẻ Khảm chỉ mong được việc nhỏ (cầu tiểu đắc) thôi, chỉ vì hai thời khác nhau, thời quẻ Dục là thời vui vẻ, hanh thông, thời quẻ Khảm là thời gian nan nguy hiểm. PBC phụ chú: Thế mới biết chữ Thời ghê gớm thiệt. Quẻ Dục, hào 4 là ở thời vui vẻ, thuận thời, thuận thế mà làm nên anh hùng. Quẻ Khảm, hào 2 ở thời hiểm, trái thời trái thế, may chỉ làm nên một bậc quân tử, hai bên dương cương in như nhau, mà thành tựu thì lớn nhỏ khác nhau. PBC lại tấn thêm rằng: Trước nay, anh hùng tuy có đủ sức chống với thời thế, nhưng thời thế cũng có sức làm khốn được anh hùng. Có tài cương, trung như hào 2 dương, mà bị trên dưới hai âm vây bọc, muốn làm được sự nghiệp lớn có dễ dàng đâu, nên phải tích ngày lũy tháng, từ một phân một tấc gây lên, miễn cho được một tí cỏn con, năm chống tháng chắt, tựa như nước chảy một giọt lúc đầu, nên nói rằng: mong được việc nhỏ. Được việc nhỏ thôi, nhưng mà tích lũy nghìn muôn cái nhỏ, thì thành một cái gì rất lớn, chính là một phương pháp rất hay cho người quân tử ở thời Khảm. **Toán Hà Lạc giải**: *Đang lúc gian nan, tìm cách thoát hiểm.*

MHC: Lúc biến cố, tuy chưa thành việc lớn, nhưng có công cứu được cái nguy đồ sập.

MKHC: Chỉ làm được việc quy mô nhỏ.

Vận năm- **Giới Quan**: Trái chức vụ nhỏ. **Giới Sĩ**: Thi bằng nhỏ. **Người thương**: Kinh doanh nhỏ. Mệnh nữ: Làm vợ nhỏ, người giúp việc. Vận xấu: Phòng bệnh tim, bụng, huyết khối.

Hào 3 âm

Tối lui đều bị hiểm, trước mặt sau lưng đều bị hiểm, hãm, chỉ càng sụp vào chỗ sâu hơn thôi, chớ dùng (ý nói người ở vào hoàn cảnh hào 3 này không được việc gì đâu). NHL giảng: Hào này âm nhu, bất trung bất chính, ở trên cùng quẻ nội Khảm, tiến lên thì gặp quẻ ngoại Khảm, sau lưng là Khảm, toàn là hiểm cả, cho nên chỉ sụp vào chỗ sâu hơn mà thôi. **Toán Hà Lạc giải**: *Qua lại đều hiểm, không thoát được hiểm.*

MHC: Không đến nổi chìm đắm, cũng bảo vệ được sự sống còn, thân và nhà không đến nỗi suy vi.

MKHC- Tài nhược, chí đoản, nghèo khó mãi.

Vận năm: **Giới Quan**: Nên lui bước. **Giới Sĩ**: Đợi thời. **Người thương**: Gian nan, thêm kiện tụng nữa.

Hào 4 âm

Đáng một chén rượu, một bát thức ăn, một vò nhỏ, (ý nói không cần nhiều, cốt lòng thành) đưa lời giao ước qua cửa sổ, cuối cùng không lỗi. NHL giảng: Lời hào này gọn quá, khó hiểu. Nghĩa hào là không cần nhiều, chỉ cần lòng chí thành là đủ. Lời ước hẹn làm tin đáng nhờ phải nộp qua cửa lớn, cho đàng hoàng, nhưng lại đưa qua cửa sổ, như vậy là không chính đại, quang minh, nhưng gặp thời hiểm, phải quyền biến, miễn là giữ được lòng chí thành.

Hào 4 này như một vị quan chức cấp cao, nhưng âm nhu, bất tài, không cứu đời ra khỏi cảnh hiểm được, cũng

may mà đắc chính, chí thành, cứ giữ đức chí thành đó mà ứng xử với bậc nguyên thủ, khai phát được chốn bế tắc cho bề trên, giúp đỡ cho thiên hạ trong cuộc gian nguy, có nghĩa là biết thời, thế, biết tổng quyền thì rồi cuộc không có lỗi. **PBC** giải thích câu “đưa lời giao ước qua cửa sổ” như sau: Đường giữa thời hiểm, lòng người còn bế tắc, nếu mình cứ ngay thẳng nhè vào giữa chốn bế tắc của người mà công kích hoài, tất nhiên lời nói khó vào, mà việc cũng hỏng. Chỉ bằng chịu khó mất công, rình chờ đến khi xuất hiện điểm sáng của người, mà thừa cơ mở đường, tương như nạp giao ước làm tin, mà không nạp ở cửa chính, lại đưa qua cửa sổ vào. Tuy làm thế không đường hoàng, nhưng cốt cho lời mình lọt vào tai người nghe, thì dầu có uốn đường, tất lỗi chút đỉnh cũng không ngại gì. Đó chỉ là thủ đoạn ứng xử về thời Khâm hiểm, thánh nhân vạn bất đắc dĩ mà phải ủy khúc chu toàn như thế. **Toán Hà Lạc giải:** Lấy đức thiện, lòng thành, làm cho nguyên thủ cảm được, nhờ vậy mà thành công.

MHC: Lòng thành, cứu được hiểm, dẹp được khó, nên đức nghiệp thịnh.

MKHC: Dễ thành, dễ phá, bỗng vinh, bỗng nhục, ăn mặc kiệm ước, phúc trạch thường.

Vận năm- **Giới Quan:** Giữ việc nghi lễ. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thương:** Có sự giao ước. Phòng tang phục.

Hào 5 dương

Nước (hiểm) chưa đầy, nhưng đến lúc nước đầy rồi, lặng rồi thì sẽ khỏi hiểm, không có lỗi. **NHL** giảng: Hào này dương, cương, có tài, đắc trung, đắc chính, ở ngôi chí tôn, mới trải qua già nửa thời Khâm, hiểm chưa hết, nước còn dâng lên nữa, đến khi nào nước đầy rồi, mới bình lại, mà đất dân ra khỏi hiểm được. **Toán Hà Lạc giải:** Có cách cứu hiểm, thì cứu hiểm thành công.

MHC: Đổi nguy ra an, cứu được dân, sự nghiệp không nhỏ.

MKHC: Tài nhỏ, giải được ách, bình an.

Vận năm- **Giới Quan**: Phận nhỏ, nhưng không nguy.

Giới Sĩ: Lợi nhỏ. **Người thường**: Bình thân, không nguy gì.

Hào 6 âm

Trối tay bằng dây đàn, lại đặt vào bụi gai, ba năm không ra được, xấu. NHL giảng: Hào này âm nhu, ở trên cùng quẻ Khảm, chỗ cực kỳ hiểm, đã không có tài ra khỏi cảnh hiểm, lại không biết hối mà sửa mình, nên bị họa rất nặng. PBC phụ chú: Quẻ Khảm này, 4 hào âm vây bọc lấy 2 hào dương, tượng như 4 tiểu nhân vây bọc 2 quân tử. Nên lời hào trong 6 hào: hào 2 dương thời *mong được việc nhỏ*, 5 dương thời *mong nước đầy, bình lặng*, là trông mong cho quân tử mau xuất hiểm; hào 1, sơ; hào 6, thượng, thời *xấu* (hung), hào 3 thời *chớ dùng* (vật dụng), hào 4 thời *chỉ được không lỗi* (vô cữu), là đau đớn cho tiểu nhân hành hiểm mà vô ích. Thánh nhân phù quân tử, ức tiểu nhân là như thế. Nên lời hào sơ, thượng, thầy có chữ *hung* (xấu), mà lời tượng đều có chữ *thất đạo* (mất đường lối), cứ coi hai hào đầu cuối, và hai hào ở giữa cũng đủ biết. **Toán Hà Lạc giải**: *Vô tài mà ở chỗ cực hiểm, tất nguy vong.*

MHC: Nên ẩn cư nơi sơn lâm. Hoặc làm tăng đạo.

MKHC: Tổn thân, phá tổ, cốt nhục khó yên, tuổi thọ kém, hình khắc nhiều.

Vận năm- **Giới Quan**: Lo chằng trối, hoặc đi an trí.

Giới Sĩ: Đấu tranh gay go. **Người thường**: Phòng tù ngục.

30- THUẦN LY

----- **Ly** là **Lệ** (lệ thuộc), là **Sáng**. Thuộc tháng 4. **Lời**
----- **Tượng**: *Hai lần sáng là quẻ Ly (văn minh). Bậc*
----- *đại nhân coi quẻ này mà tiếp nối đức sáng, soi*
----- *ra bốn phương.* **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi
----- **Kỷ**: Mão, Sửu, Hợi, Dậu, Mùi, Tị được quẻ này
----- lại sinh tháng 4 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Kinh Dịch mở đầu bằng hai quẻ Càn và Khôn, kết thúc phần kinh thượng bằng hai quẻ Khảm và Ly là vì hai lẽ: Một là ba hào thuần dương là Càn, lấy một hào của Khôn thay vào giữa của Càn thành Ly; hai là ba hào thuần âm là Khôn, lấy một hào của Càn thay vào giữa của Khôn, thành Khảm. Vậy Ly, Khảm là “Thiên Địa chi trung” nghĩa là ở giữa trời và đất; công dụng tạo hóa của trời đất nhờ lửa và nước (Ly và Khảm) cả. Khảm ở chính bắc, Ly ở chính nam. Khảm ở giữa đêm (giờ Tý), Ly ở giữa trưa (giờ Ngọ). Khảm, ở giữa là nét dương, liền, thực, cho nên đức của nó là trung thực. Ly, ở giữa là nét âm, đứt, hư, rỗng, cho nên đức của nó là sáng, là văn minh. PBC giảng: Ly có nghĩa chính là Lẻ, là Dựa vào; lại có nghĩa phản là Rời, Lìa. Ở đây chỉ lấy nghĩa chính, Ly là lệ thuộc, là nương dựa (trong sách của PBC là *dính dựa*, bản dịch của Ngô Tất Tố gọi là *bám*). Vạn vật không vật gì là không chôn nương dựa. Tỉ như: Loài chim nương dựa vào rừng, cá nương dựa vào nước, mà đến loài người cũng thế, hoặc bạn hữu nương dựa nhau mà nên đức nghiệp, hoặc cha con, vợ chồng, anh em nương dựa nhau mà nên gia đình, hoặc loài người nương dựa nhau mà nên dân tộc, hay xã hội. Nhưng mà hễ có nương dựa nhau, thời có hai phương diện: một, thời nương dựa theo lối *chính*, hai, thời nương dựa theo lối *tà*. Cho nên lời quẻ nói rằng: Người tất phải có chôn nương dựa, mà cốt nhất là nương dựa cho được chính thời mới hanh. Lời quẻ còn một nghĩa nữa lấy thí dụ bằng cái đức của con hổ cái, một giống nhu thuận, dễ bảo. Nhu thuận thời mới tốt. Bởi là quẻ Thuần Ly, trên dưới đều sáng, sáng quá, lúc nào cũng tỏ ra hơn người, thời ít người ưa. Nên phải giấu bớt cái sáng đi, trau dồi đức thuận của con hổ cái, thì mới được lành. Lời tượng ở trên nói *Hai lần sáng*, là muốn chỉ mặt trời, liền tiếp chiếu sáng, trùng điệp đức sáng, đó là tượng quẻ Ly. Nói *bạc đại nhân* (mà không nói quân tử như nhiều quẻ khác) là bởi có đức như thánh nhân, có ngôi vị như bậc nguyên thủ, mới có thể chiếu sáng được khắp bốn phương.

Hào 1 dương

Xỏ giày lấm lộn. Thận trọng thì không lỗi. NHL giảng: Hào dương này ở thời đầu quẻ Ly là sáng, nên có tính nóng nảy, cầu tiến quá, mà còn non nớt, như đứa trẻ vội vàng, dẫm bậy, xỏ nhầm giày người khác. Phải kính cẩn, thận trọng thì mới khỏi tội lỗi. Đức kính trong lúc vội xỏ chân vào giày, cốt để tránh điều lỗi lấm. (Ba chữ *Lý thác nhiên* trong lời hào, PBC dịch là xâu chân vào giày lớp xỏ; Ngô Tất Tố dịch là xéo bừa, Học Năng dịch là Xỏ giày lấm lộn. NHL dịch là Dẫm bậy bạ. Tôi theo PBC và Học Năng. XC) **Toán Hà Lạc giải:** *Làm bậy, phải cẩn thận.*

MHC: Kính, thận xét kỹ cơ sự, trở về điều chính thì sự nghiệp cũng thành, được người ngưỡng mộ.

MKHC: Sửa đổi, rồi cũng được ít nhiều thụ hưởng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Phòng nông nổi, bất cẩn mà bị lỗi. **Giới Sĩ:** Phòng sai ngoa, xuyên tạc. **Người thường:** Vượt cái phận dành riêng cho mình. Bị lỗi thôi. Hoặc trượt cẳng đau.

Hào 2 âm

Sắc vàng ở giữa, rất tốt. NHL giảng: Hào âm này ở quẻ Ly có đức văn minh, lại đặc trưng, đặc chính, trên ứng với hào 5 cũng văn minh, đặc trưng, nên rất tốt. Vì ở giữa, văn minh, nên ví với sắc vàng, đẹp, sắc ở giữa các màu sắc. Đây là hào tốt nhất trong quẻ. **Toán Hà Lạc giải:** *Giúp sức xây nền văn minh.*

MHC: Uyển chuyển, khiêm nhường, giúp người trên, hòa người dưới, thành nền nếp văn minh, hưởng phúc lớn, được kỳ vọng.

MKHC: Cũng thành thật, nghiệp nhà hưng thịnh, hưởng phúc lớn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Giữ chức vị cao ở trung ương. **Giới Sĩ:** Thi đỗ khôi khoa. **Người thường:** Hưởng lợi tức.

Hào 3 dương

Mặt trời xế chiều, gần lặn. Khi thì gõ cái vò mà hát, khi than thở thân già nua. Xấu. NHL giảng: Hào 3 này ở trên cùng quẻ nội Ly, như mặt trời sắp lặn mà chưa lên quẻ ngoại Ly, chưa tới lúc mặt trời mọc. Lời hào tả người già như mặt trời lúc xế chiều, tính khí thất thường, không đáng vui mà vui, không đáng buồn mà buồn, gõ vào cái vò rượu mà hát. Trong lời hào, cái vò gọi là cái phễu, vò đựng rượu bằng sành, ngày xưa còn dùng làm nhạc khí. Chu Hy giảng câu này là “chẳng biết yên phận, mà vui vẻ, lại than thở vì già nua, thế là không biết tự xử”. PBC phụ chú: Thơ Đường có câu (dịch): *Hát Ngó múa Sở dĩ dang / Mặt trời đã nửa ngậm gương non Đoài.* Lại có câu (dịch): *Con buồn biết nước mắt đâu / Cách sông hát buồn mấy câu hận đình.* Gõ vò mà hát, là như thế. Lời hào cho ta hình dung một thời tâm tình hôn ám, không khác gì mặt trời lúc xế chiều. Đức sáng đã đến lúc nhoe, chẳng còn lâu nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Vận đã suy, không cứu vãn được.*

MHC: Hiểu rõ lẽ thịnh suy, vơi đây, nên an mệnh sống vui thì cũng không tổn hại phúc trách.

MKHC: Thương thân, tổn tài, hình khắc về phía vợ.

Vận năm- **Giới Quan:** Cáo hưu. **Giới Sĩ:** Phòng bị bồi nhọ. **Người thường:** Vui quá hóa buồn. Gian nan đến nỗi bất kỳ ngày nào cũng có thể nguy đến thân.

Hào 4 dương

Thình lình chạy tới, như muốn đốt người ta vậy, thì sẽ chết, bị mọi người bỏ. NHL giảng: Hào 4 này dương cương, nóng nảy, bất chính, bất trung, mới ở quẻ nội lên, gặp hào 5, âm nhu, muốn lấn át 5, như một người ở đâu thình lình chạy tới, lồng lộn lên, muốn đốt người ta (hào 5), táo bạo, vụng về như vậy, làm sao tránh khỏi cái chết. Không ai dung được

người như thế. PBC giảng: Vào lúc ánh sáng trước đã tắt, ánh sáng sau sắp tới, nếu được người kế thừa cho tốt thì hay. Nhưng 4 dương thì trái hẳn. Hào này tương tự như Đồng Trắc thời Hán (xem Tam Quốc), Nguyễn Hữu Chính thời Tây Sơn. **Toán Hà Lạc giải:** *Cây cương mạnh để làm biến cách chính trị, chỉ chống đi đến chỗ chết.*

MHC: Nếu thủ cựu, an thường, trên tuân luật pháp, dưới không gây thù oán, thì có thể bảo vệ được thân mình.

MKHC: Không trung, chính, lắng bức trên, làm bậy, tội đến chết.

Vận năm - **Giới Quan:** Bị nghi lộng quyền. **Giới Sĩ:** Có tài, nhưng tưởng lầm là ta thông suốt hết. **Người thường:** Ngổ ngược, phạm thượng, hoặc chết vì binh đao. Hoặc cực khổ trăm điều.

Hào 5 âm

Nước mắt rờn rờn, nhưng biết buồn lo, than thở, nên tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu, ở ngôi tôn, trung nhưng không chính, bị ép giữa hai hào dương, như mắc vào hoàn cảnh khó khăn, cho nên, “nước mắt rờn rờn”, nhưng nhờ đức văn minh của quẻ Ly nên than thở đấy mà biết lo tính đấy, tìm cách đối phó với hoàn cảnh, cho nên rồi sẽ tốt. PBC phụ chú: Chữ than thở ở hào 5, với chữ than thở ở hào 3, tuy nghĩa đen in nhau, nhưng hào 3 là một hạng người mê muội tâm thần mà thở than, hào 5 lại là một người biết thời thế, lo sợ cho trách nhiệm mà thở than. **Toán Hà Lạc giải:** *Bạc nguyên thủ phải hết đạo lo việc nước, thì mới được yên.*

MHC: Mềm dẻo, khiêm tốn, biết lo xa, thì kẻ cường bạo mới không chen được vào khe hở, mới bảo vệ được phúc trách, an toàn.

MKHC: Nhu nhược, quyền vào tay người khác, hôn ám. Hoặc biết vun đắp vào cái thời của đại nhân, thì đạt được chí một phần; mà trước khó sau dễ.

Vận năm - **Giới Quan**: Đường hiển đạt thì đắc chí. Thoái chức rồi mà còn gian nan. **Giới sĩ**: Khó tiến thủ. **Người thường**: Kinh doanh đình trệ. Vận xấu: khó tránh đau buồn, than khóc.

Hào 6 dương

Bạc nguyên thủ dùng để ra quân, chinh phạt, có công tốt đẹp, giết đầu đảng, bắt sống kẻ xấu, cho đi theo, không có lỗi. NHL giảng: Hào này dương cương lại ở trên cùng quẻ Ly, thế là vừa cương quyết vừa sáng suốt đến cực điểm; bạc nguyên thủ dùng tài ấy để trừ kẻ gian tà thì thành công lớn. Nhưng vì cương quá, dễ hóa tàn bạo, nên lời hào khuyên dẹp loạn thì chỉ nên giết kẻ đầu sỏ, còn những kẻ đi theo thì bắt sống thôi. Như vậy sẽ không có lỗi. **Toán Hà Lạc giải**: Việc chinh phạt đem lại sự chính đáng.

MHC: Văn võ kiêm toàn, mở vận hội thái bình.

MKHC: Hoặc làm binh sĩ, khách buôn, vất vả ngược xuôi; hoặc đau đầu, mất thanh danh.

Vận năm - **Giới Quan**: Xuất hay sử cũng nên công. **Giới Sĩ**: Tiến thủ, đứng đầu danh sách. **Người thường**: Kinh doanh đắc lợi.

31- TRẠCH SƠN HÀM

----- **Hàm** là Cầm (giao cầm, cảm thông, cảm động)
----- Thuộc tháng 1. **Lời Tượng**: Trên Núi có Đám.
----- là quẻ Hàm. Người quân tử lấy lòng hư không
----- (vô tư, không có thành kiến gì) để tiếp thụ
----- người. **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi **Bính**:
----- **Thìn, Ngọ, Thân; Đinh: Hợi, Dậu, Mùi** được
quẻ này lại sinh tháng 1 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Kinh Thượng bắt đầu bằng hai quẻ Càn, Khôn: trời, đất, nói về vũ trụ. Kinh Hạ bắt đầu bằng hai quẻ Hàm, Hằng nói về nhân sự. Hàm là trai gái *cảm* nhau; Hằng là vợ chồng ăn ở với nhau được *lâu dài*.

Lời Thoán nói rằng: Giao cảm thì hanh thông, giữ đạo chính thì lợi. Theo đạo chính mà cưới người con gái làm vợ thì tốt. Đoài tượng là thiếu nữ, Cấn tượng là thiếu nam. Đặc điểm quẻ Hàm là thiếu nữ ở trên, thiếu nam ở dưới. Có nghĩa khi mới gặp nhau thiếu nam phải hạ mình cầu sự giao cảm của thiếu nữ; chứ nếu thiếu nữ cầu cạnh thiếu nam, thế là nữ bất chính, mà nam cũng không cảm, sao mà nên đạo Hàm được. (Qui tắc tâm lý học ấy ngày nay vẫn đúng). PBC giảng Lời Tượng: Tượng truyện không theo ý nghĩa Lời quẻ nói về nam nữ tương cảm mà chỉ lấy nghĩa theo tượng quẻ: Cấn là Núi mà ở dưới, Đoài là Đầm (trạch) mà ở trên, đó là do trên núi có chỗ trũng sâu xuống, nhờ vậy mà đọng được nước, nghĩa là trong lòng núi có rỗng không mới chứa được nước. Quân tử xem tượng ấy mà biết rằng có trống không trong lòng mình, chẳng cho cái gì nhập trước vào người chủ, thì mới dung nạp được người. Trống không trong lòng là không có cái tôi, không có gì riêng tư (vô ngã, vô tư). Nếu trong lòng mà trước sẵn có ý riêng tư, ham muốn riêng, thì té ra là đầy ở giữa (trung mãn). Đầy đặc trong lòng rồi, còn thu dung được gì nữa, nên quân tử phải lấy cái rỗng không để thu dung người. PBC phụ chú: Tâm lý con người, theo về bản chất thì tất phải trung thực, nghĩa là ở trong lòng đã chất chứa sẵn sự chí thành, nếu không có chí thành thì không làm ai cảm được. Nhưng về cách ứng dụng trong thực tế thì lại phải trống rỗng bên trong, nghĩa là trong lòng không có sẵn ham muốn riêng tư, thì mới dung nạp được đạo lý cổ kim. Chúng ta nghiên cứu Tâm lý học, cần phải có đầy đủ hai phương diện ấy. Vậy nên học Dịch xem quẻ Đại Súc có chữ Dày Dặn (đốc thực), lại phải xem quẻ Hàm có chữ Trống Không (hư), hai nghĩa đó vẫn bổ sung cho nhau. PBC phụ chú: Quẻ Hàm với quẻ Hằng đều biểu hiện một nam, một nữ.

Nhưng quẻ Hàm thời thiếu nam phải ở dưới thiếu nữ (xem ở trên). Đến quẻ Hằng thì sau khi vợ chồng đã thành, trưởng nam (Chấn) ở trên, trưởng nữ (Tốn) ở dưới, vợ phải thừa thuận chồng, thì mới là phải nghĩa, nếu trái lại, trưởng nữ ở trên, trưởng nam ở dưới, trái nghĩa vợ chồng, làm sao mà hằng -mà lâu dài được. Ý sắp quẻ với đặt tên quẻ của thánh nhân, lý do là như thế.

Hào 1 âm

Cảm ở ngón chân cái. NHL giảng: Lời hào cả quẻ này lấy thân người làm thí dụ. Hào 1 ở dưới cùng, nó ứng với hào 4, thấp mà cảm với trên cao, sức cảm còn nhỏ, chưa động được lòng người, mới ... hơi động được ở ngón chân thôi. Không khen cũng không chê. **Toán Hà Lạc giải:** *Không nên cảm mà cảm.*

MHC: Phận nhỏ mà chí cao, thành danh lúc còn trẻ, già mới hưởng lộc.

MKHC: Trung niên rồi nhà đi xa. Chưa được toại nguyện.

Vận Năm: **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Quan gần thì đổi đi xa, chưa nhân thì được hận. **Người thường**: Nên đi buôn xa. Tăng ni thì tiến tới được. Đại để mưu cầu việc gì càng vội, càng khó thành.

Hào 2 âm

Cảm ở nơi bắp chân, xấu. Ở yên thì tốt. NHL giảng: Hào 2, cao hơn một chút, ví như bắp chân. Nó ứng với hào 5, nhưng nó là âm, phận gái, mà còn ở dưới thấp, nếu nóng lòng cầu thân với 5 thì xấu. Nó nên giữ nét trung chính (vì là hào 2 đặc trưng, đặc chính) của nó thì mới tốt, như vậy mới hợp đạo lý. PBC giảng: Nơi bắp chân, hễ sắp sửa đi thì nó động trước, tượng một người có tính hiếu động. Thánh nhân

có lời răn: Hào 2 muốn cảm ứng với hào 5, nhưng 2 phải biết: 2 là dưới, 5 là trên, người dưới muốn cảm được người trên, tất mình phải trước tự trọng lấy mình, im lặng chờ người trên cầu mình, mới có cái hay. Nếu anh nóng gấp, cầu 5 ứng với mình, đó là cách cảm bằng bấp chân. Chân chưa đi mà bấp đã động e đến nỗi xấu. Nhưng vì hào 2 là trung chính, nên Thánh nhân lại khuyên, hào 2 chẳng phải đến nỗi thấy người sang bắt quàng làm họ, nên tự trọng lấy thân, chờ cho 5 đến cầu mình, thì tốt. Nghĩa là ở yên thì tốt. **Toán Hà Lạc giải: Tĩnh, lợi hơn động.**

MHC: Xem thời mà tiến. Thấy phải hãy làm, đối với trên không vượt phạm, đối với dưới, không trái đạo, tai hại không phát sinh, cái vui cái lành thường tự đến.

MKHC: Chí lớn, tham vọng nhiều, bôn tẩu cũng vì cơm áo, cực khổ mới nên nghiệp nhà.

Vận Năm- **Giới Quan:** Ngồi yên thì tốt. Lưu động có hại. **Giới Sĩ:** Khó gặp dịp may. **Người thường:** Tấn tả ngược xuôi. Tĩnh thì hơn.

Hào 3 dương

Cảm được tới đùi. Chỉ muốn theo người, cứ như vậy mà tiến thì xấu. (Hào ở trên cùng nội quái, nên ví với bấp đùi. Chỉ muốn theo hào 4 dương ở trên). NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Nội, nên ví với bấp đùi. Nó là dương cương, ham tiến, muốn theo hào 4 cũng dương cương ở trên nó. Trong thời Hàm, nên tĩnh mà nó lại động, lại động theo người nữa, nên đáng chê trách. **Toán Hà Lạc giải: Cảm không chính đáng, không khỏi hối hận.**

MHC: Biết liệu thời cơ mà tiến lui. Hoặc vai vế làm to. Nhưng cố điều hối không kịp.

MKHC: Thì tính khéo làm vụng. Chỉ theo người. Thất bại.

Vận Năm - **Giới Quan:** Phòng bị truất giáng. **Giới Sĩ:** Chí xoàng. Thí cử ở dưới người. **Người thường:** Giao việc gì làm việc ấy.

Hào 4 dương

Hễ chính đáng thì tốt. Mà mất hết những điều đáng ăn năn. Nhược bằng nếu lằng xằng tính toán qua lại với nhau, thì những người qua lại với anh chỉ là những người anh nghĩ tới mà thôi. (ý nói: Số bạn không đông, đoàn thể không lớn). NHL giảng: Hào này đã lên ngoài quái, dương cương, lại ở quẻ Đoài (vui vẻ) tức là có tính hoà vui, nặng về cảm tính, nên ví với trái tim (tấm lòng). Tình cảm phải chính đáng, chí công vô tư, như vậy mới không ăn năn. Nếu có óc tính toán, tốt với người để mong người tốt lại với mình, có đi có lại, thì số bạn không được đông.

PBC trích Hệ từ giải thích thêm: Từ cổ đến kim, từ Đông sang Tây, thiên hạ đường đi tuy khác nhau, mà đến lúc quy kết thời in nhau, sắp đặt tuy có trăm lối mà cuối cùng chỉ tóm vào một lẽ. Như thế thời đạo lý trong thiên hạ, cần gì phải ngẫm nghĩ bằng bụng riêng, cần gì phải tính toán bằng mẹo vặt. (Ta thường nói tư lự. Tư là ngẫm nghĩ trong lòng riêng, lự là tính toán mẹo vặt). Trong vũ trụ, cũng như trong một vật thể nhỏ, mọi sự cảm ứng chẳng qua là cảm ứng đáp đối cho nhau mà thôi. Cảm là động cơ, đã có cảm tất có ứng, cái ứng đó quay lại làm cái cảm, tạo cái nhân trước làm thành cái kết quả sau, cái kết quả sau lại tạo thành cái nhân cho sau nữa. Giống như mặt trời cảm cho mặt trăng, mặt trăng ứng lại với mặt trời; sau đó mặt trăng chạy qua cảm với mặt trời, mặt trời ứng lại cho mặt trăng, nhật nguyệt xô đẩy nhau mà nảy nở ra ánh sáng. Không gian như thế, mà thời gian cũng như thế. Mấy phút trước là cái đã qua đi, là co rút lại, mấy phút sau là cái sắp tới, là kéo dài ra. Lại giống như con sâu đo, tiến lên bằng cách co rút mình lại rồi duỗi dài ra. Suy đó mà tìm ra chân lý: Để phát triển sự nghiệp, trước phải

lo bồi dưỡng lấy trí thức, tìm nghĩa lý cho thấu tới chốn tinh vi, sau đó suy ra làm hành động cho kết quả tới nơi tới chốn. Đã thành công rồi, càng yên tâm lớn, làm cho tinh thần sự nghiệp càng cao lớn, cứ thế mà tiến lên mãi, rất mực thần diệu, không thể lấy mắt thường mà đo lường được. PBC phụ chú: Chỉ có lời hào 4 đạo Hàm mà thánh nhân suy rộng đến mặt trời mặt trăng là đạo lý lớn lắm. Chúng ta chẳng mấy người để ý con sâu đo, thánh nhân coi đó mà suy biết đạo cảm ứng *co rút và kéo dài*, biết rằng: trong thiên hạ không giống gì nhỏ mà không theo đạo lý. Thời nay có Vương Dương Minh chủ trương thuyết Tri Hành, nghĩa là Tri (nắm biết) kết hợp với Hành (hành động) trong một việc. Hễ Tri đến nơi, tất Hành được đến nơi, và đã Tri tất phải Hành. Cái Tri vun đắp cho nền tảng của cái Hành. Cái Hành mở rộng cho phạm vi cái Tri. Nước Nhật thời duy tân rất trọng thuyết Tri Hành của Vương. **Toán Hà Lạc giải:** *Học theo tài vương bá.*

MHC: Thành thật. Cảm được ngôi trên. Làm ơn được cho dân. Công lớn. Lộc nhiều.

MKHC: Tâm ám muội. Thiên lệch, bốn ba, tư cách xoàng, không có gì mở mang cả.

Vận Năm - **Giới Quan:** Chấp chính (nắm chính quyền) thì có bước tiến. **Giới Sĩ:** Có lợi. Chưa sáng tỏ. **Người thường:** Bạn bè nhờ nhau. Được việc nhỏ. Cầu to thì hỏng. Lòng ít an tĩnh.

Hào 5 dương

Cảm tới bắp thịt ở trên lưng. Không hối hận. NHL giảng: Bắp thịt ở trên lưng, cao hơn tim, mà trái với tim, không cảm được vật. Không cảm được vật mà không có tư tâm, tư ý nên cũng không có gì hối hận. Có lẽ vì hào 5 này dương cương, ở ngôi vị cao, trung, chính, cách biệt dân chúng quá, cho nên Chu Hy bảo là *không cảm được vật* chẳng? **Toán Hà Lạc giải:** *Không cảm với vật nào nên không hệ lụy gì.*

MHC: Tự lập. Tuy không có sự nghiệp với đời, nhưng cũng không hề lụy (thở than, liên lụy), hối tiếc gì.

MKHC: Chí mê, lượng hẹp, bỏ gốc theo ngọn, tâm thường, phúc mỏng.

Vận Năm - **Giới Quan**: Hay chấp nhận, hay mất lòng đồng僚. **Giới Sĩ**: Khó tiến thủ. **Người thường**: Tính tình khó hợp. Mưu việc nhỏ.

Hào 6 âm

Cảm bằng mép, má, lưỡi (toàn bộ phận ăn nói). NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Hàm, nên ví với mép, má, lưỡi. Nó là âm nhu ở trong ngoại quái Đoài (vui vẻ), ham cảm người ta bằng miệng lưỡi, không thành thực. Chẳng cần nói cũng biết là đáng chê rồi. **Toán Hà Lạc giải**: *Nói năng làm cho người cảm được.*

MHC: Có đức, có ngôn luận, hoặc giữ chức, việc thuyết đàm (giảng dạy, thuyết trình, đàm luận, đàm phán). Được lòng trên, xứng đáng được quần chúng khen.

MKHC: Khua môi, múa mép làm loạn đầu óc mọi người, khó tránh lỗi.

Vận Năm - **Giới Quan**: Phòng dèm pha trách cứ. **Giới Sĩ**: Thử làm khách du thuyết (như thuyết khách đời xưa, các chuyên gia hội đàm ngày nay), dịch vụ, công nghệ. Bình luận thường có báng bổ, hủy hoại.

32- LÔI PHONG HẰNG

----- **Hằng** là Cửu (vĩnh cửu, lâu bền, thường luôn,
----- đương nhiên cứ thế). Thuộc tháng 1. **Lời**
----- **Tượng**: *Sấm Gió là quẻ Hằng. Người quân tử*
----- *coi quẻ này giữ vững chỗ đứng, không đổi*
----- *phương hướng.* **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi
----- **Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Canh: Ngọ, Thân, Tuất**

được quẻ này lại sinh tháng 1 là cách công danh, phú quý. Sinh từ tháng 9 đến tháng 12 thì phúc kém.

NHL giảng: Thoán truyện giảng: Cương (Chấn) ở trên, nhu (Tốn) ở dưới; sấm gió giúp sức nhau, Chấn động trước, Tốn theo sau, thế là thuận đạo. Lại thêm ba hào âm đều ứng với ba hào dương, cũng là nghĩa thuận nữa, cả hai bên đều giữ được đạo chính lâu dài.

PBC phụ chú: Chữ Dịch (biến đổi) với chữ Hằng (bền lâu) có nghĩa tương đối. Nếu tuyệt đối Dịch thì không làm sao ra Hằng, nếu tuyệt đối Hằng không làm sao ra Dịch được. Vũ trụ cổ kim không một giống gì là tuyệt đối. Nếu tuyệt đối sáng hay tuyệt đối tối, tất không thành thiên tượng ở không gian. Mùa hạ nóng, tất nhiên có mùa đông lạnh, nếu tuyệt đối nóng, hay tuyệt đối lạnh, tất không thành được tuế công ở thời gian. Nhỏ từ thân một người, khi ngủ có khi thức, khi sống có khi chết, lớn cho đến xã hội thế giới, loạn lâu ngày phải trị, thịnh lâu ngày phải suy, cũng chỉ là tương đối thay đổi nhau, không thấy một giống gì là tuyệt đối. Vậy nên trong đạo Dịch, vì Hằng mà phải có Dịch, cũng nhân Dịch mới làm nên Hằng. Thánh nhân sợ người ta câu nệ ở chữ Hằng mà quên mất diệu lý ở chữ Dịch. Dịch với Hằng là tương thành mà không phải là tương phản. PBC giải thích Lời Tượng: Nói mọi vật phải theo thời (thời nên ra mà ra, thời nên ẩn mà ẩn...) lại nói quân tử giữ vững không đổi phương hướng, chẳng mâu thuẫn hay sao? Không phải đâu. Đó chỉ là một góc. Theo thời là nói về tác dụng, không đổi phương hướng là nói về nguyên tắc. Như tấm gương sáng treo lên, cái bản thể quang minh không bao giờ thay đổi, chẳng phải là không đổi phương hay sao? Khi gặp sự vật gì soi dọi vào, hiện ra tác dụng của mặt gương, tùy tròn mà hiện ra tròn, vuông hiện vuông..., chẳng phải là nghĩa chữ Thời hay sao? Chúng ta học Dịch cần nhất phải biết biến hóa. Ông Tô Đông Pha có câu rằng: Cứ xem ở giữa chốn biến, e rằng trời đất không được một giây phút, nhưng xem ở chốn bất biến, thì người với ta không bao giờ hết (vô tận).

Hào 1 âm

Quá mong được thân mật lâu dài, cứ quyết như vậy, không chịu bỏ thì xấu, không làm được gì thuận lợi cả. NHL giảng: Hào 1 ứng với hào 4, nhưng địa vị mình quá thấp, địa vị 4 quá cao, mà 4 là dương cương, chỉ trông lên, không ngó xuống mình. Lại thêm có hào 2 và hào 3 ngăn cách, vậy mà không biết phận, cứ tiến sâu, mong được thân mật lâu dài, keo sơn với 4, thành ra ngu. Cứ kiên cố cách ấy thì xấu. PBC phụ chú: Lời tượng hào 1 nói rằng: Xây ra dữ vì quá sâu mà mong bền lâu, lúc đầu mới sơ giao mà cầu vọng đã quá thâm (sâu) thời thất bại vậy. Đời Hán (Trung Hoa) có Giả Nghị mới bước chân lên triều, mà toan đuổi các công thần như Giáng Quán; đời Đường có Lưu Bồn, mới đỗ tiến sĩ, mà vội xin với vua Đường toan đánh đổ Phiên Trấn; chính là đúng với Lời tượng trên kia. **Toán Hà Lạc giải:** *Cố chấp không liệu thời, thế. Chẳng nên cứ giữ lối hằng* (giữ giàng lâu bền) *như thế.*

MHC: Liệu xem cách giao thiệp thân sơ như thế nào rồi hãy cầu, đo thời thế nên chăng ra sao rồi hãy làm, rồi mới đạt được chí, toại được ý, thành quý nhân được.

MKHC: Chẳng biết phận mình, chẳng lường nông sâu, cứ động làm là trở ngại, trì trệ, thất bại.

Vận Năm - **Giới Quan:** Không được lòng cấp trên. **Giới Sĩ:** Khó gặp tri kỷ. **Người thường:** Chẳng hiểu nhân tình, cứ nhen nhen ngoài đường. Tính thì dở xấu.

Hào 2 dương

Hối tiếc tiêu hết. NHL giảng: Hào này dương cương ở vị âm, đáng lẽ có hối hận, nhưng vì đắc trung, lại ứng với hào 5 cũng đắc trung, thế là giữ được đạo trung, nên không có gì phải hối tiếc. PBC phụ chú: Dịch lý rất chú trọng chữ Trung, mà đạo Hằng là rất quý trọng chữ Trung lắm. Bởi vì Hằng là thường lâu, nếu bất trung thì không thường lâu được.

Không kể việc gì nếu thái quá, hoặc bất cập, tất không được lâu dài, duy có đặc trưng mới được lâu dài. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ cho trung, thì ít lỗi.*

MHC: Thấy điều thiện thì làm, có lỗi thì sửa, hướng phú quý, phúc nhà.

MKHC: Cũng bình tĩnh, chẳng xấu, già không bệnh tật, sống lâu, tiếng trong sạch.

Vận Năm - Giới Quan: Cần thận, không sơ sài, lỏng lẻo. **Giới Sĩ:** Tôn sùng đạo đức, tính cách. **Người thường:** Cổ thủ, không bị hao tổn.

Hào 3 dương

Không giữ bền được cái đức của mình, có khi bị xấu hổ, dù chính đáng cũng tiếc. **NHL giảng:** Hào Dương ở vị dương là đặc chính, nếu thường giữ được đức *chính* đó thì tốt. Nhưng vì quá cương mà bất đặc trung, lại theo đòi với hào trên cùng, âm nhu, thế là bỏ cái đức chính của mình, muốn kết bạn với hào trên cùng, chưa biết chừng bị xấu hổ đấy. Vậy 3 tuy *chính* đấy, chỉ vì không thường giữ được đức đó, thì tuy chính mà vẫn đáng tiếc. **Lời Tượng:** Người đã không thường giữ đức, còn chỗ nào dung thân được nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Không giữ đức Hằng, làm điều không thiện.*

MHC: Dù mệnh hợp cách cũng dễ sơ hở để người chê cười.

MKHC: Hồng nổi, mất tiếng, khó dung thứ.

Vận Năm - Giới Quan và Giới Sĩ: Phòng cách giáng, chê cười. **Người thường:** Phòng kiện tụng, nhục nhã.

Hào 4 dương

Như đi sẵn mà không được cảm thú (Hào không trung chính). **NHL giảng:** Hào dương mà ở vị trí âm là không phải chỗ của mình mà cứ ở lâu chỗ đó (vì quẻ Hằng) thì

chẳng nên việc gì, chỉ mất công thôi, như đi săn mà không bắt được cầm thú. PBC phụ chú: Hào 2 dương và 4 dương cùng ứng xử không đúng với vị trí của bản thân mình, nhưng 2 đặc trưng thì được tốt, 4 không trưng thì xấu, mới biết: Trung, thì mới Hằng được. **Toán Hà Lạc giải:** *Không nên ở lâu mà cứ ở mãi, giữ chỗ.* (Chẳng khác đi săn không được chim)

MHC: Cũng dùng xảo thuật để được lòng trên, ham hưởng lộc vị, công danh. Sớm thoát thì hơn.

MKHC: Việc làm không thực sự, sinh nhai kém, hoặc làm nghề săn bắn.

Vận Năm - **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Thoái bộ, khó tiến. **Người thường:** Doanh mưu phí sức.

Hào 5 âm

Giữ được thường, lâu đức của mình, bền mà chính. Đàn bà thì tốt, đàn ông thì xấu. NHL giảng: Hào 5 âm nhu, đặc trưng, ứng với hào 2 dương cương, cũng đặc trưng, nếu cứ thuận tòng từ trước tới sau thì là bền mà chính đáng. Nhưng đó chỉ là đạo của đàn bà như hào 5, âm, này thôi; không hợp với đàn ông, vì theo quan niệm thời xưa, phu xướng phụ tùy. Lời Tượng: Đàn ông phải chế nghĩa (tạo ra nghĩa) tìm ra việc gì đáng làm thì làm, cứ một mực theo vợ thì xấu. PBC phụ chú: Hai chữ *chế nghĩa* rất có ý vị. Nếu mà những người trí thức non, nghị lực kém, không chế được nghĩa, thì ầu là thuận tòng cho đến cùng, cũng là tốt rồi. Đã tự coi mình như tượng phụ, thì trí thức phải cho cao, biến thông cho linh hoạt, tùy thời mà chế ra nghĩa: nghĩa nên dân chủ thì ta thờ dân, nghĩa nên xã hội ta thờ xã hội, cứ cái gì đúng với nghĩa thì ta làm theo. Khổng tử, Mạnh Tử đều có lời khuyên như thế. Nhưng mà hạng người chế ra nghĩa, tất phải trí thức cho cao, học vấn cho giàu, lịch duyệt cho sâu, nếu không phải bậc thánh nhân, chưa chắc đã chế được nghĩa. **Toán Hà Lạc giải:** *Lấy đức nhu thuận mà giữ đạo Hằng, sao vẫn áy náy, chẳng cho là lành.*

MHC: Có đức, hoặc được vợ hiền giúp sức.

MKHC: Quyền vào tay người khác, hoặc gặp vợ hung hãn, hại gia đạo.

Vận Năm - **Giới Quan**: a dua quyền thế. Bị chê cười.

Giới Sĩ: Tiến lên bị nhục. **Người thương**: Không giữ được lòng thiện, bị hủy báng, bài xích.

Hào 6 âm

Làm chấn động đạo Hằng, xấu. NHL giảng: ở trên cùng quẻ Hằng, và quẻ ngoại Chấn, cho nên nói là ham động quá. Lại âm nhu, không bền chí, ở yên không được, sẽ thất bại. Quẻ này quan trọng ở hào 5: một lời khuyên là theo lý mà làm. **Đừng hành động càn.** **Toán Hà Lạc giải:** *Cử động hoai, không biết cố thủ, thế là không đúng đạo Hằng, không chịu yên thì xấu.*

MHC: Làm đúng lý, không hỏng việc. Hợp nghĩa, không quá chức phận.

MKHC: Thích làm to, lập công mà trái phép, lộng hành, chỉ thêm sụp đổ, thất bại.

Vận Năm - **Giới Quan**: Hiếu động, cầu danh lợi nhỏ thì được, lớn thì uổng công. **Mệnh nữ**: Không lợi cho chồng con.

33- THIÊN SƠN ĐỘN

----- **Độn** là Thoái (lùi về, ở ẩn, trốn, lánh đi) Thuộc
----- tháng 6. **Lời Tượng:** *Dưới Trời có Núi là quẻ*
----- *Độn (ẩn tránh). Người quân tử coi quẻ này mà*
----- *xa kẻ tiến nhân, chẳng ác đâu, nhưng mà*
----- *nghiêm.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Bính:**
----- **Thìn, Ngọ, Thân; Nhâm** hoặc **Giáp: Ngọ,**
----- **Thân, Tuất** được quẻ này lại sinh tháng 6 là
cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Lối Thoán bảo trốn lánh đi thì hanh thông. Trong các việc nhỏ, giữ được điều chính thì có lợi. Trên là Trời, dưới là Núi: ở dưới chân núi thì thấy đỉnh núi là trời, nhưng càng lên càng thấy trời lùi lên cao nữa, tới đỉnh núi thấy trời mù mịt tối với, như trời trốn lánh núi, cho nên đặt tên quẻ là Độn. Lại coi cấu trúc quẻ: Hai hào âm ở dưới đẩy 4 hào dương lên trên, có cái tượng âm (tiểu nhân) mạnh lên, đuổi dương (quân tử) đi, trái hẳn với quẻ Lâm. Độn thuộc về tháng 6, Lâm thuộc về tháng 12. Ở thời Độn, âm đang tiến mạnh, dương nên rút lui đi là hợp thời, được hanh thông (có thể hiểu là đạo quân tử vẫn hanh thông). Tuy nhiên, âm mới có 2, dương còn tới 4, chưa phải là thời Bĩ (là thời cả 3 âm đều tiến lên), nên chưa đến nỗi nào, trong các việc nhỏ, giữ được điều chính thì còn có lợi. Sở dĩ chưa đến nỗi nào, còn hanh thông vì trong quẻ có hào 5, dương, ứng với hào 2, âm; cả hai đều trung, chính. Vậy ở thời đó chưa nên trốn hẳn, nên tính xem việc nào còn làm được thì làm, tùy cơ ứng biến. Cho nên Thoán truyện bảo lẽ tùy thời trong quẻ Độn này rất quan trọng. Còn Đại tượng truyện khuyên trong thời này quân tử nên xa lánh tiểu nhân, cứ giữ vẻ uy nghiêm, đừng dữ dằn với chúng quá.

Hào 1 âm

Ở dưới thời Độn, nguy đó. Chớ có tiến, dừng về việc gì. NHL giảng: Hào ở dưới cùng nên ví với cái đuôi ở lại sau cùng. Nó là âm, nhu nhược, hôn ám, không trốn theo kịp người, còn rù rờ ở sau, nên bảo là nguy. PBC trích Lời Tượng: Độn ở sau người, vẫn có lẽ nguy, nhưng nếu biết nguy mà nấp nép, không tiến đi ở nơi đâu, thời cũng không tai họa gì. **Toán Hà Lạc giải:** *Ấn tránh khéo thì thoát nạn.*

MHC: Trước làm nhỏ, sau làm lớn, trước khó sau dễ.

MKHC: Lo phiền, gian lận, dù có được đề huề, cũng chẳng làm nên chuyện.

Vận Năm - **Giới Quan**: Được dịp thì buông cương.
Giới Sĩ: Luyện tài, đợi thời. **Người thường**: Thủ phận thì hơn.

Hào 2 âm

Dùng da con bò vàng để buộc giữ lấy, ai còn cỏi thoát nổi. (Vàng là sắc ở giữa, buộc giữ lấy chí hướng). NHL giảng: Hào 2, âm, đắc trung, đắc chính, ứng với hào 5 dương, cũng đắc trung, đắc chính, cho nên tương đắc, khăng khít với nhau, không thể rời nhau ra được, 2 không thể bỏ 5 mà trốn được. Màu vàng (da bò vàng) là màu ở giữa, ám chỉ hai hào đó đều là đắc trung. PBC trích Lời Tượng: Giữ dùng (da) bò vàng, kiên cố. Có nghĩa hào 2 với hào 5 bền chặt, vì đạo nghĩa mà không dăm dợn. Xưa ông Cơ Tử trong hồi nguy vong, giả điên, làm đầy tớ, mà nói rằng chẳng bỏ đi trốn là đúng ý hào này (xem quẻ Minh Di). **Toán Hà Lạc giải**: *Cổ thủ giữ lấy chí hướng.*

MHC: Cổ thủ giữ được chí xưa, tránh bọn gian tà, đem đức trung thuận ứng xử việc đời.

MKHC: Chăn nuôi trâu bò có lợi.

Vận Năm - (Cho mọi người): Số xấu xảy việc kiện tụng do người nhà cố chấp hoặc đề phòng kẻ dưới xâm nhon. An thường thủ phận thì không lỗi.

Hào 3 dương

Ấn tránh mà vẫn bị ràng buộc (đang lúc trốn mà bị rịt tư tình, bởi hào 2 âm ở dưới) *khắc nào bị bệnh, nguy.* *Chỉ nuôi người giúp việc trai gái thì tốt.* (mình tốt với họ, thì họ vui lòng mà dễ sai khiến). NHL giảng: Hào dương này ở gần hào 2 âm, có vẻ bị rịt tư tình với hào đó, không thể trốn mau được, như bị bệnh mà nguy, có tư tình đó thì không làm được việc lớn được, chỉ nuôi người giúp việc trai gái,

mình tốt với họ thì họ vui lòng mà dễ sai khiến, được việc cho mình. PBC trích Lời Tượng: ở vào thời độn vẫn nên xu chạy cao bay, bầy giờ vì bị rận tư tình mà mắc nạn, tất nguy. Không trốn mau, cũng không làm việc lớn được, duy có việc nhỏ là nuôi người giúp việc, có thể còn tốt lành, còn ngoài ra quyết không thể làm được việc gì lớn trong cảnh bị rận tư tình. PBC phụ chú: Lời hào này cũng mang nghĩa *quyển biến* trong Kinh Dịch. Trung Hoa có chuyện ông Thái Tùng Pha, người tài giỏi, làm đô đốc Văn Nam, bị tướng Viên Thế Khải muốn xưng làm Hoàng đế triệu lên Bắc Kinh, nếu không lên sẽ bị trừng phạt. Thái do thể yếu đành nín nhịn mà lên. Viên cho làm tướng, nhưng không cho coi việc binh. Thường ngày phái người trinh thám. Ông phải nín chờ hai năm. Nuôi một đào hát tên là Phụng Tiên. Lĩnh trinh sát thấy ông có vẻ mê cô đào không hành động gì. Lại bấy trờ bà vợ đánh ghen tự cào cho rách mặt, bỏ về quê. Viên cho ông là người bầy bạ, không có mưu mô gì. Hai năm sau nữa xưng đế. Buổi sáng Viên xưng đế, Thái Tùng Pha mặc áo đeo gươm vào chầu, trong khi chờ đợi, thừa dịp lơ lửng, bỏ trốn về nhà Phụng Tiên, ăn mặc đàng diếm, cùng Phụng Tiên đáp xe lừa về Thiên Tân, đáp tàu thủy về Hương Cảng, hội nhập với Lương Khải Siêu và những người bạn cách mạng. Chỉ một tháng sau, Văn Nam nổi dậy. Thái phu nhân cũng từ Tứ Xuyên tìm về giúp việc. Ba tháng sau Viên đổ và chết. Người đời lúc đó mới biết cách **độn** của tay anh hùng, mà việc nuôi thân thiếp chẳng phải là vô dụng. Khi ông Tùng Pha chết, toàn quốc làm truy điệu. **Toán Hà Lạc giải:** *Đang ẩn tránh mà còn hệ lụy không tránh được.*

MHC: Minh triết giữ được thân, dũng thoát thoát được nạn. Hoặc có vợ hiền, chồng giỏi giúp sức, hoặc có người giúp việc hết lòng.

MKHC: Chỉ chề chén, tham tài, tham sắc, thương tổn liên miên, hoặc liên lụy vì nô tì.

Vận Năm - **Giới Quan:** Có cái lo về chức phận. **Giới Sĩ:** Không thành đại sự. **Người thường:** Nhiều tật ách. Số tốt thì được vợ đắc lực, nhà thêm người.

Hào 4 dương

Ấn tránh cả cái ưa thích của mình. (hào 1 ứng nhưng cũng phải tránh, vì đang thời động) *người quân tử thì tốt* (vì tránh được) *kẻ tiểu nhân không làm được.* Cũng câu trên, NHL dịch: *Có hệ lụy với người, nhưng trốn được, quân tử thì tốt, tiểu nhân thì không.* NHL giảng: Hào 4 dương cương, ứng với hào 1 âm nhu, có tình thân thiết với nhau, nhưng 4 là quân tử, 1 là tiểu nhân, 4 cất được tư tình mà trốn đi, theo chính nghĩa. Chỉ hạng quân tử mới làm vậy được, tiểu nhân thì không. **Toán Hà Lạc giải:** *Tin ở người quân tử có thể quyết chí ẩn tránh.*

MHC: Có ý kiến với tình thân trách nhiệm, có xác định, nên lợi lộc không quyến rũ được, tránh được hại, hưởng phúc lâu dài.

MKHC: Tham lam không chán, xu phụ quyền thế, hoặc có chí, có tài lập thân, hoặc chán đời.

Vận Năm - **Giới Quan:** Cáo hưu để tránh nạn. **Giới Sĩ:** Giao tiếp không đúng thời, khó tiến thủ. **Người thường:** Được tiểu nhân che chở, nhưng sau phòng họa ngầm.

Hào 5 dương

Trốn mà theo điều chính, nên tốt. NHL giảng: Hào 5 dương có đức trung, chính, ứng với hào 2 âm, cũng trung, chính. Vào thời Động, cả hai cùng tương trợ nhau trốn bọn tiểu nhân, giữ được điều chính, cho nên tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Khen biết ẩn tránh tốt.*

MHC: Đại nhân dẹp loạn, đem về đường chính.

MKHC: Điềm đậm, đường tính tình, bình ổn tâm trí, yên vui.

Vận Năm - **Giới Quan:** Thăng chuyển. **Giới Sĩ và Người thường:** Đều gặp quý nhân và có vui mừng.

Hào 6 dương

Ẩn trốn mà ung dung, đang hoàng, không có gì là không lợi. NHL giảng: Vào cuối thời Độn, càng trốn được xa càng được tự do. Hào này dương cương, quân tử, không bịn rịn với hào nào cả, vì hào 3 cũng dương, có thể ung dung đang hoàng trốn được, không nghi ngại gì cả. PBC phụ chú (cuối quẻ): Người ta ở đời, có xuất tất có xử (xuất xử: ra mặt và ứng phó), có tiến tất có thoái, chẳng những tiến với xuất là có việc, mà thoái với xử cũng là có việc. Vì có Thời nên phải có Việc, mà làm việc tất phải đúng với Thời. Dịch học vì người quân tử mà đặt ra quẻ Độn, tức là đặt ra Thời. Độn chóng hay chậm, độn xa hay gần, độn khéo hay vụng, độn hay không độn, tức là Việc. Hào 1 độn chậm, nên nói đuôi thời độn, mà nguy. Hào 3, độn mà còn bừa rầu, nên nói có nguy. Hào 4 có vương tư tình mà quyết độn xa, nên nói tốt. Hào 5 độn bằng trung chính nên được tốt. Hào 6 độn một cách ung dung, tốt nhất trong thời độn, nên được câu không gì không lợi. Duy hào 2 có nghĩa đặc biệt trong thời Độn: thân mình là đại thần, nghĩa là có vai trò mất còn với nước, mà lại lấy bất độn làm việc. Tóm lại, chung một thời Độn mà việc có khác nhau như thế. Chúng ta xem Thời ở toàn quẻ, lại phải xem Việc ở 6 hào. Tỷ như: một ngày là thời chung, hai mươi bốn giờ là thời riêng. Vì thời riêng có khác nhau mà việc cũng so le với nhau. Chỉ xem ở quẻ Độn cũng đã biết được Dịch Lý. **Toán Hà Lạc giải:** *ẩn tránh mà thân khoan thai là hay.*

MHC: Lòng rộng rãi, không quan tâm đến yêu ghét, phúc họa mà hưởng phúc lâu dài.

MKHC: Cơm áo đầy đủ. Chẳng nhọc chẳng vinh.

Vận Năm - **Giới Quan:** Thoái mà nhân. **Giới Sĩ:** Đợi thời. **Người thường:** Kinh doanh đắc lợi, gia nghiệp tăng trưởng.

----- **Đại Trắg** là Chí (tức ý chí lớn mạnh). Thuộc
 ----- tháng 2. **Lời Tượng:** *Sấm ở trên trời là quẻ Đại*
 ----- *Trắg. Người quân tử coi quẻ này thấy cái gì*
 ----- *không hợp lẽ phải thì chẳng làm.* Các tuổi
 ----- **Giáp** hoặc **Nhâm: Tý, Dầ, Thìn; Canh:**
 ----- **Ngo, Thân, Tuất** được quẻ này rất tốt. Lại sinh
 tháng 2 là hợp cách công danh, phú quý. Xuân
 Hạ thì được phúc dày. Thu Đông phúc mỏng.
 Sinh vào tháng 7, 8 hăy còn được mùa sinh.

NHL giảng: Quẻ này có 4 hào dương ở dưới, 2 hào âm ở trên, dương đã lớn mạnh mà âm sắp bị diệt hết. Quẻ Cầ ở trong, quẻ Chấn ở ngoài, thế là có đức dương cương mà động. Lại có thể giảng là sấm vang động ở trên trời, tiếng rất lớn, vang rất xa.

Học Năng nhấn mạnh: Sấm động trên trời, khí dương đang lên, khí âm đang suy, nên tính chất người có quẻ này là lớn mạnh, có sức, có chí, giàu mơ mộng, mạnh mẽ, nhưng phải chính đáng thì mới thuận và phát triển, lại phải biết nén lòng riêng của mình thì mới mạnh. Không biết nén lòng thì sẽ sinh hung tợn, làm nhiều việc xấu.

PBC phụ chú: Cổ nhân có câu: Hối đã dắc ý, càng nên phải nghĩ đến khi thất ý. Trước nay, tiểu nhân sở dĩ ám hại quân tử, thường rình ngó ở lúc quân tử dắc chí mà vạch lá tìm sâu, ngậm cát phun vào mặt, nên quân tử càng phải biết lo sợ, tu tỉnh lắm. Lời quẻ chỉ có mấy chữ Đại Trắg lợi chính bền mà ý nghĩa thật đầy đủ. Trình (chính bền) tạo ra nguyên nhân của Đại (lớn); Đại là kết quả của Trình; Đại mà thường Trình, mới bảo tồn được Trắg. Đó là ý thánh nhân phù trợ quân tử. PBC giảng lời Tượng: Quân tử coi quẻ này mà bắt chước cấu trúc Đại Trắg, làm theo cách Đại Trắg, gây phấn chấn tinh thần của mình, đánh đổ giặc tư dục, tự cường bất tức, cố theo thánh hiền. Hễ việc gì không hợp với lẽ trời, thời quyết không làm ngay. Kinh Phật nói rằng: Nhất thiết giặc ở ngoài, đều có thể đánh đổ được, duy có sáu giặc

ở trong mình, không chỉ khó đánh mà thôi, nếu đánh được giặc đó, mới là đại tráng của quân tử. Thầy Tử Lộ hỏi việc cường, Khổng Tử dạy: Quân tử hoà với chúng (quần chúng) mà không trở nổi theo chúng, đứng được bằng cách trung chính mà không nương dựa vào phía nào. Mạnh vậy thay! Rất mạnh, thấy như nghĩa tượng từ đây. Xưa nay, những cách bùng mang trọn mắt, xông súng đạn, nhảy hầm than, tục thường vẫn khen làm Tráng, những võ phu dũng sĩ thường hay làm được, đến như cấm được tư tình, biến hóa được khí chất, thời tài phải có nghĩa lý chí dũng được như quân tử, mới làm nên được, nên nói rằng: quân tử thấy cái gì không hợp lẽ phải thì chớ làm.

Hào 1 dương

Mạnh ở nơi ngón chân, tiến đi thì xấu, tin chắc vậy. Học Năng giảng: Hào 1, thời sơ, thể Kiển, giống người ở địa vị thấp mà lại lầu tầu quá hăng, chỉ dùng ngón chân mà tiến, thế nào cũng vấp ngã. PBC nhấn mạnh: Chữ tin chắc vậy, là chắc chắn xấu vậy. Giảng lời Tượng: ở vào thời Đại Tráng, thời Tráng vẫn có lẽ hay, nhưng hào 1 là địa vị tối hạ, mà toan dùng cách hăng mạnh ra với đời, hạng người ấy tất nhiên cùng khốn vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiến liền là khốn đến.*

MHC: Có tài rắn giỏi, sáng suốt, cứ thông dong mà xem cuộc biến, cứ ngẫm nghĩ, suy xét mà liệu thời cơ, không nóng vội tiến lên thì giữ toàn vẹn được thân, nhà.

MKHC: Cậy mạnh làm cần nên sinh gian lận, cùng khốn.

Vận Năm - **Giới Quan:** Bị dèm pha, nhục nhã. **Giới Sĩ:** Gặp không hay. **Người thường:** Kiện tụng lời thôi. Phòng bệnh chân.

Hào 2 dương.

Giữ chính đáng, nên tốt lành. PBC giảng: Là hào Dương lại ở vị trí âm nhu và giữa, thế là cương nhu phối hợp,

vừa đặc trung, trắng mà không quá trắng, do đó mà có chính bên, tốt lành. PBC phụ chú: Ở quẻ khác hào dương ở vị trí âm là bất chính, nhưng ở quẻ Đại Trắng, hào 2 dương là đặc trung rồi, đã đặc trung thì chẳng bao giờ bất chính. Đó là lẽ biến hóa trong Dịch. Lời Tượng: Hào 2 dương mà được chính tốt, là vì được đạo Trung vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Trở lại đường chính.*

MHC: Khởi thiên lệch, khởi thái quá, thành người cốt cán của quốc gia.

MKHC: Làm người ổn định, no ấm, phong lưu, đời ít tai nạn.

Vận Năm - **Giới Quan:** Ngồi vị thanh cao. **Giới sĩ:** Tiến thủ, thành danh. **Người thường:** Kinh doanh toại ý.

Hào 3 dương

Kẻ tiểu nhân dùng sức đang hăng, người quân tử dùng sức gan liêu, dù chính đáng vẫn nguy. Con dê đục húc vào bờ giậu, gãy cả sừng. PBC giảng: Hào dương ở vị trí 3 dương, cũng là dương cả, thời Đại Trắng, cuối thế Cần nên là cực trắng. Có hai cách xử sự của hai loại người quân tử và tiểu nhân. Quân tử thì gan góc và liêu, tiểu nhân thì hung hãn và mạnh. Tuy thủ đoạn khác nhau quy lại cũng là trắng, bướng, tượng của nó là con dê đục cây mình có cái sừng, thấy giậu, tưởng là húc. Giậu, tưởng không đổ mà sừng thì gãy. Tiểu nhân thì vì hăng mạnh mà sát thân, quân tử thì mang họa. Chính cũng nguy là thế. Lời Tượng: Tiểu nhân mà như 3 dương, thời là vị trắng mà sát thân, quân tử mà như 3 dương, thời là vị vọng (cần), mà mang họa. PBC phụ chú: Hễ mỗi hào trong Dịch bao bọc hết mấy hạng người, nên Thánh nhân thường đặt ra hai nghĩa. Hào 5 âm quẻ Hằng: đàn ông tốt, đàn bà xấu. Hào 3 dương quẻ Bĩ: Tiểu nhân tốt, đại nhân bĩ hanh. Hào 4 dương quẻ Độn: Quân tử cát, tiểu nhân bác (bỏ). Hào 3 dương này cũng thế. Người vận dụng được hào, không phải hào vận dụng được người. Xin bạn đọc chớ nệ

vân mà không biết lý. **Toán Hà Lạc giải:** *Cây sức đương hăng nên khó thoát nguy.*

MHC: Cũng là bậc quân tử nhưng coi việc thiên hạ không đáng làm, thiếu kiên trì, thận trọng để xem xét sự biến đổi; coi người thiên hạ không ai đáng sợ, nên thiếu thông dong để nhận định thời cơ, vì vậy dù ngay thẳng cũng gặp nguy.

MKHC: Sinh khí huyết cương cường, hay đấu tranh, giành giật, hay khởi sự đua tranh, hao tổn tài lộc, khuynh bại nhà.

Vận Năm- Giới Quan: Hoạn nạn, tiến thoái đều khó tránh. **Giới sĩ:** Bị ngăn trở, trì trệ. **Người thương:** Gặp kiện tụng, có tang, thương tổn, hình khắc, đa đoan, nhiều bất lợi về người và của.

Hào 4 dương

Giữ được chính thì lành, khỏi ăn năn. Bờ giàu đã tung, chẳng phải mệt nữa. Sức đương hăng ở cái trục bánh xe lớn. **NHL giảng:** Hào này dương cương, qua khỏi quẻ nội là Càn, mà lên quẻ ngoại là Chấn, là tráng thịnh đến cực điểm, nó ở trên hết các hào dương, làm lãnh tụ đám quân tử, sợ nó hăng quá mà lắm đường nên phải dạn kỹ: Giữ điều chính thì mới tốt, khỏi ăn năn. Trên nó là 2 hào âm, âm đã đến lúc suy, dễ đánh đổ, như cái giàu ở trước mặt hào 4 đã mở, không còn bị khốn nữa; nó có thể dắt 3 hào dương ào ào tiến lên dễ dàng, cơ hội thuận lợi như ngồi cỗ xe lớn mà trục xe vững vàng. **Toán Hà Lạc giải:** *Trở về đường chính, có thể tiến được.*

MHC: Sửa điều thiên lệch cho ngay lại, không dùng quá cương, nên tiến dễ dàng, dựng nên sự nghiệp. Văn chương phát lên ở lúc thanh niên, muộn tuổi được hưởng phúc trạch.

MKHC: Cũng bình sinh được an vui, chuyển bĩ thành thái, nghiệp nhà phúc hậu.

Vận Năm - **Giới Quan**: Phận hãm hiu thì khởi lên được. **Giới Sĩ**: Đổ cao. **Người thường**: Hưởng phúc, lành lâu thì động, tái được lành.

Hào 5 âm

Làm mất sự hưng hăng của bầy dê bằng cách vui vẻ để dãi của mình, nên không có gì phải ăn năn cả. NHL giảng: Hào này ở vị trí tôn, nhưng vốn âm nhu, không thể áp đảo được 4 hào dương ở dưới, phải vui vẻ, để dãi với họ để họ bớt hưng hăng. Bốn hào dương đó ví như bầy dê hưng hăng. Sở dĩ phải có thái độ đó vì ngôi của 5 quá cao đối với tư cách âm nhu của nó. **Toán Hà Lạc giải**: *Đức không đủ để tiến mà vẫn được việc.*

MHC: Lấy sự mềm dẻo để cảm phục kẻ cường bạo, đổi khó thành dễ, cũng được việc.

MKHC: Nhu nhược, phúc nhỏ, thọ kém.

Vận Năm - **Giới Quan**: Sơ sãi, lỏng lẻo trong thi hành phận sự. **Giới Sĩ**: mất tiếng. **Người thường**: Mưu không thành, không nên việc. Người ốm có triệu chứng nguy kịch.

Hào 6 âm

Con dê đực húc vào bờ dậu, không lui được, tiến cho toại ý cũng không được, không có lợi gì cả, chịu khó nhọc thì tốt. NHL giảng: hào này ở trên cùng quẻ Đại Tráng là hết thời lớn mạnh, mà cũng ở trên cùng quẻ ngoại Chấn, là rất ham động mà bất lực (âm nhu); như con dê đực hưng hăng húc vào gậu, mắc kẹt, lui không được, tiến lên cho toại ý cũng không được. Không lợi ở chỗ nào cả. Nếu bỏ tính hưng hăng húc quàng đi mà chịu khó nhọc thì tốt. PBC giảng Lời Tượng: Muốn thoái mà thoái cũng không xong, muốn tiến mà tiến cũng không được, là vì mình tự xử không thấu đáo, nên đến nỗi thế. Nhưng còn may, đến lúc đại tráng đã cùng

rồi, nhân lúc cùng mà biến đổi, biết gian nan tự giữ mình, thì tội lỗi cũng không bao nhiêu. Vậy nói rằng: Gian nan tất lành. PBC phụ chú (cuối hào): Đại Tráng là quẻ dương thịnh âm suy, theo thường lệ là quẻ tốt, mà lời hào trong 6 hào, lại không có hào nào là thật tốt. Là bởi vì: Thời Đại Tráng tuy một vận hội rất tốt, nhưng hệ phúc thường nấp cơ họa, thời thịnh thường nấp cơ suy. Lời quẻ chỉ nói về Thời, nên lời quẻ không thấy xấu. Lời hào lại nói riêng từng hạng người trong thời Đại Tráng, thấy phúc phải lo đến họa, thấy thịnh phải lo đến suy, tất phải dùng những lời răn đe ngăn ngừa, nên lời hào không thể nói tốt. Đó chính là vì lẽ Tiêu, Túc, Dĩnh, Hư ở trong Dịch mà Thánh nhân phải dặn trước cho người ta. Chính như nghĩa lời hào 3 dương quẻ Thái, muốn cho người ta chớ thấy Đại tráng mà đắc ý. **Toán Hà Lạc giải:** *Hết thời Tráng rồi mà còn tráng, thì không lợi gì.*

MHC: Cố thân trọng, trong xét lý sự, ngoài thuận thời thế, khéo dùng sức tráng thì cũng tiến được.

MKHC: Chí tráng tài nhược, chẳng lượng nên hay chẳng, dễ gặp nguy hiểm.

Vận Năm - **Giới Quan:** Bị truất giáng. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:** Vượt phận, trái nghĩa, có điều tiếng, tranh chấp kiện tụng, tiến thoái không thì thối được gì.

35- HỎA ĐỊA TẤN.

----- **Tấn** là Tiến (Tiến bước, thời vận đến). Thuộc
 ----- tháng 2. **Lời Tượng:** *ánh sáng lên trên mặt đất*
 ----- *là quẻ Tấn. Người quân tử coi quẻ này mà tự*
 ----- *làm sáng tỏ cái đức sáng cho mình.* Các tuổi **Ất**
 ----- hoặc **Quý: Mùi, Tị, Mão; Kỷ: Dậu, Mùi, Tị** được
 ----- quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 2 là cách công
 danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán: *Tiến lên; bậc hầu có tài trị nước được thưởng ngựa nhiều lần, ban ngày được tiếp tới ba*

lân. Quê có tượng mặt trời (Ly) lên khỏi mặt đất (Khôn), càng lên cao càng sáng, tiến mạnh.

Lại có thể hiểu là người dưới có đức thuận (Khôn) dựa vào bậc trên có đức sáng suốt (Ly), cho nên ví với một vị hầu (đại thần) có tài trị dân, được vua tín nhiệm, thường ngửa nhiều lần, nội một ngày được vua tiếp tới ba lần. Lời Tượng khuyên người quân tử xem tượng quẻ Tấn này nên tự làm cho đức của mình càng ngày càng sáng như mặt trời hiện lên khỏi mặt đất rồi tiến mãi. PBC phụ chú: Tượng truyện ở trong Dịch duy có quẻ Càn và quẻ Tấn có chữ Tự. Tự nghĩa là bản thân làm lấy. Bắt chước Càn mà *tự cường bất tức*, là công phu học của quân tử mà thuộc về sức hành động. Bắt chước Tấn mà *tự chiếu minh đức*, là công phu học của quân tử mà thuộc về trí hiểu biết. Phần hành động phải mạnh như trời, phần hiểu biết phải sáng như ban ngày, hai việc đó tất cùng tiến với nhau, làm cho sự năng động của quân tử mới là đầy đủ. Những việc đó không thể ý lại vào người ngoài mà được đâu, nên Tượng truyện nói chữ Tự.

Hào 1 âm

Muốn tiến lên mà bị chặn lại, giữ đạo chính thì tốt. Nếu người chẳng tin mình, nên khoan thai, bình tĩnh, sẽ không có lỗi. NHL giảng: Hào âm nhu ở dưới cùng, ứng với hào 4, mà 4 lại bất trung, bất chính, nên chẳng giúp mình được gì, mình muốn tiến lên mà như thế bị chặn lại. Trong hoàn cảnh đó nếu có người không tin mình, thì mình chỉ nên khoan thai, bình tĩnh tu thân là sẽ không có lỗi. PBC nhấn mạnh: Chính hay không chính là quyền tại mình, tin hay không tin là quyền tại người, nên cũng có khi mình đã chính mà người chưa tin. Tiểu nhân gặp cảnh đó thường nóng nảy chạy vạy để cầu người tin, hoặc thay đổi lòng dạ, tất nhiên có lỗi. Duy quân tử xử hoàn cảnh ấy thời tin hay không tin thấy kệ người, mình cứ khoan thai thông thả, ra sức tự tu

thân, như thế thì không tội lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** Nhờ có đức, dù bị ngăn, sau vẫn tốt.

MHC: Giữ nghĩa ở nơi mình, không phải uốn mình để cầu hợp với người, biết mệnh ở trời, nên thông dong giữ chí công danh, sau được toại ý.

MKHC: Có mưu trí nhưng bị trở ngại rất nhiều, quan chức hay sơ xuất, người thường vụng về, khó trường thọ.

Vận Năm - Giới Quan: Hay bị trở ngại bởi dư luận xuyên tạc. **Giới Sĩ:** Nhân hạ, dối dãi, thường không tin nhau, vui buồn lẫn lộn. Tính thì hơn.

Hào 2 âm

Tiến lên mà rầu rĩ, giữ đạo chính thì tốt. Sẽ được nhờ phúc lớn của bà tổ (bà nội).

NHL giảng: Hào này có đức trung chính, đáng lẽ tiến lên được, nhưng trên không có người ứng viện (vì hào 5 cũng âm nhu như 2), phải tiến một mình, nên rầu rĩ. Nhưng cứ giữ đạo chính thì chẳng bao lâu sẽ có cơ hội. Hào 5 tuy không giúp được mình, nhưng cũng đắc trung như mình, sẽ ban phúc lớn cho mình, và mình sẽ được nhờ hào 5 như được nhờ phúc của bà nội. Sở dĩ ví hào 5 như bà nội, vì 5 là âm nhưng ở trên cao, cách 2 khá xa. **Toán Hà Lạc giải:** Nhờ có đức, tuy buồn nhưng sau được phúc.

MHC: Nhờ phúc lớn của tổ mẫu, nhưng vẫn buồn vì không hành đạo được.

MKHC: Cũng đoạn chính. Nhưng buồn vui thất thường. Được mẹ hiền, hoặc quý nhân người âm phù trì.

Vận Năm - Giới Quan: Tiến được. **Giới Sĩ:** Trước lỗ. sau được.

Người thường: Được toại ý. Được mẹ hiền, vợ giàu.

Hào 3 âm

Mọi người tin cần, thì mọi sự hối tiếc sẽ mất đi. **NHL** giảng: Hào âm này ở trên cùng quẻ nội Khôn, bất trung, bất

chính, đáng lẽ có điều hối hận, nhưng có hai hào âm ở dưới **đều** muốn tiến lên với mình, đều tin mình, mình được lòng họ, thì còn gì phải hối tiếc nữa đâu. **Toán Hà Lạc giải:** *Có chí cùng đi lên. Không ai ức chế nổi.*

MHC: Tìm người đồng đạo, đồng khí để cùng tiến, cùng luyện rèn. Không làm điều gì để hối tiếc.

MKHC: Cũng là người thành thật, chân chính, nhiều bạn, ít thù. Vốn là người yên vui, ít buồn lo.

Vận Năm - **Giới Quan:** Có thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. **Người thường:** Được bạn tốt cùng kinh doanh có lợi.

Hào 4 dương

Tiến lên, tham lam như con chuột đồng, cứ giữ thói đó thì nguy. (cái thói vừa tham vừa rất sợ như con chuột đồng). **NHL giảng:** Hào này bất trung, bất chính, ở địa vị cao, tham lam, muốn giữ ngôi vị, mà lại sợ một bầy âm ở dưới đương hăng hái dắt nhau tiến lên, nên ví với con chuột đồng, vừa tham vừa sợ người. Nếu nó cứ giữ thói đó (cái thói không bền lòng) thì sẽ nguy, bị tai họa, mà mất ngôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức không đáng ngôi chỗ ấy.*

MHC: Ngôi trên cả trăm đồng nghiệp làm nhiều người ghen, ghét.

MKHC: Ngang ngạnh, ngông cuồng, không đạt kết quả gì.

Vận Năm - **Giới Quan:** Bị trở ngại. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:** Khó tránh kiện tụng, vu oan.

Hào 5 âm

Không có gì ân hận cả; nếu đừng lo được hay mất, mà cứ tiến thì tốt, không gì là không lợi. **NHL giảng:** Hào này làm chủ quẻ Tấn, có đức sáng suốt, vì ở giữa quẻ ngoại

Ly, lại được ba hào âm ở dưới thuận giúp mình, nên không có gì phải ân hận. Nhưng nó là âm nhu, e có lòng ham được, sợ mất, cho nên lời hào khuyên thành bại chẳng màng, cứ giữ đức sáng suốt thì sẽ thành công. **Toán Hà Lạc giải:** *Bạc vương giả vô tâm mà giáo hóa dân, nên thiên hạ trở nên thuận tình hết.*

MHC: Văn chương đạo đức hơn đời, việc làm không mưu lợi, không kể công, mà danh lợi trọn vẹn.

MKHC: Cũng là người óc sáng, chí rộng, biết xa, lo sau, điều được mất mặc cho tự nhiên, tiến ngừng đều toại chí.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được vinh thăng. **Giới Sĩ:** Tiến thủ thành danh. **Người thường:** Được lợi.

Hào 6 dương

Chỉ hăng hái tiến lên bằng cặp sừng thôi; lo trị cái áp riêng của mình thôi thì dù có nguy, kết quả cũng tốt, không tội lỗi, nhưng dù được điều chính thì cũng đáng thẹn.

NHL giảng: Hào dương cương mà ở trên cùng quẻ Tấn, có nghĩa là cứng đến cùng cực, mà ham tiến cũng cùng cực, không khác gì con thú hung hăng chỉ tiến bằng cặp sừng thôi. Như vậy không làm được việc lớn, chỉ giữ được cái ngôi vị của mình, như trị được cái áp riêng của mình thôi, thì dù có nguy cũng vẫn thành công đấy. Có điều là ở thời đại tiến lên mà chỉ làm được vậy, chứ không thành sự nghiệp lớn thì cũng đáng thẹn đáng tiếc. PBC giảng: do cứng đến cùng cực mà ham tiến đến cùng cực nên có tượng quẻ tiến bằng sừng. Cương gấp quá như hào 6 trên thì còn làm được gì lớn đâu, chỉ lo duy trì lấy phần riêng của mình thôi. Như người có học chỉ lo dạy con em mình; người đứng đầu chỉ lo quản bộ phận phụ thuộc mình; người có quyền cai trị chỉ lo cái áp riêng của mình. Như thế đâu không hay nhưng vẫn tốt (không lỗi), bởi vì cách cương đến cực, tiến đến cực, đem ra đối ngoại thì không xong, nhưng đem vào đối nội thì lại

dùng. Tuy vậy ở thời Tấn, do tài chất của 6 như thế chỉ làm việc nhỏ mọn thế, đặc chính đây mà cũng xấu thẹn đấy. **Toán Hà Lạc giải:** Vô đức, ngôi cao mà không miễn được sự trừng phạt áp mình.

MHC: Cường ở ngôi cực, cùng thế rồi, không vinh hiển lên được, hoặc làm quận trưởng (có tượng là ấp, thôn), dù gian nan nhưng không lợi lớn.

MKHC: Có tài, không đức, ruột thịt không thân. Hay cạnh tranh. Hoặc làm lính.

Vận Năm- **Giới Quan:** ăn lộc ấp làng. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, nhưng đường đi lối lại chưa rõ. **Người thường:** Tu tạo nhà cửa. Số xấu có hình phạt, tranh tụng.

36 - ĐỊA HÒA MINH DI

----- **Minh Di** là Thương (Thương tổn; có ánh sáng
----- nhưng bị tổn thương). Thuộc tháng 8. **Lời**
----- **Tương:** *Mặt trời lặn vào trong đất là quê*
----- *Minh Di (thương tổn) Người quân tử coi quê*
----- *này mà đến với công chúng, dùng cái tốt mà*
----- *thực ra là cái sáng.* **Toán Hà Lạc giải:**
----- Những tuổi **Kỷ: Mão, Sửu, Hợi; Ất: Sửu,**
Hợi, Dậu được quê này lại sinh tháng 8 là
cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: ánh sáng bị tổn hại, chịu gian nan giữ điều chính thì lợi.* Người quân tử ở thời u ám này gặp nhiều gian nan, chỉ có cách giữ trình (chính) của mình thì mới có lợi. Muốn vậy, ở trong lòng giữ đức sáng mà ở ngoài thì nhu thuận để chống với hoạn nạn như tượng của quẻ: Ly là sáng, văn minh ở quẻ nội, Khôn là nhu thuận ở quẻ ngoại. Vua Văn vương bị vua Trụ nghi ngờ, giam ngục Dữu Lý, tỏ vẻ rất nhu thuận, không chống đối Trụ, mà để hết tâm trí vào việc viết Lời giảng các quẻ trong Kinh Dịch, nhờ vậy Trụ không có cơ gì để giết, sau thả ông ra.

Không những ở ngoài phải tỏ vẻ nhu thuận, mà có khi còn nên giấu sự sáng suốt của mình đi nữa, mà trong lòng vẫn giữ chí hướng, như Cờ Tử, một hoàng thân của Trụ. Trụ vô đạo. Cờ Tử can không được. Trong khi Tỷ Can chịu chết với vua Trụ, ông Vi bỏ nước ra đi, thì Cờ Tử giả điên, làm nô lệ, để khỏi bị giết, mong có cơ hội tái tạo lại nhà Ân. Võ vương, con Văn vương, diệt Trụ rồi, trọng tư cách Cờ Tử, mời ra giúp nước, ông không chịu. Sau Võ vương cho ra ở Triều Tiên, lúc ấy vẫn còn là một hòn đảo giữa biển, lập một nước riêng. Như vậy là Cờ Tử giấu sự sáng suốt của mình để giữ vững chí, không làm mất đồng đội nhà Ân. Hiện nay Hàn quốc còn coi Cờ Tử như quốc tổ.

Lời Tượng quẻ báo người quân tử gặp thời Minh Di, muốn thống ngự quần chúng thì nên dùng cách kín đáo mà lại thấy được rõ, nghĩa là dùng thủ đoạn làm ngơ cho kẻ tiểu nhân, đừng rạch ròi, nghiêm khắc quá mà sẽ bị hại, tóm lại làm bộ như không biết để chúng không nghi ngờ mình và để lộ hết dụng tâm của chúng ra, mà mình sẽ biết được.

PBC giảng Lời Tượng quẻ: Quân tử coi tượng mặt trời lặn vào trong đất mà điều khiển quần chúng, khoan dung, hòa nhã, bỏ ngơ cái thấp kém, rất sáng suốt mà như cách hồ đồ, khiến cho người không kiêng sợ đức sáng của mình, bao nhiêu sự tình lộ cho mình biết hết, giả như làm ngơ mà thực ra chốn nào cũng soi xét tới. Nhìn thoáng qua hình như tối mờ, mà kỳ thực rất sáng. Như thế thì đức sáng của mình có gì phải lo thương tổn nữa đâu. PBC phụ chú: ở quẻ Tấn, mặt trời lên trên đất, thì quân tử coi đó mà tự làm cho tỏ đức sáng. Bởi vì trị mình thì cần cho hết sức sáng. Còn ở quẻ Minh Di, mặt trời lặn vào trong đất, thì quân tử coi đó mà làm cho quần chúng không sợ cái sáng của mình. Bởi vì ở thời Minh Di này, muốn trị người thì không nên quá sáng. *Câu che cái sáng của mình với câu làm không sợ cái sáng của mình* chỉ thay đổi mấy chữ mà có hai thủ đoạn rất hay. Che cái sáng của mình là thủ đoạn của thánh hiền khi gặp hoạn nạn. Làm không sợ cái sáng của mình là thủ đoạn

của thánh hiền khi được quyền thống ngự thiên hạ. Đó là hai cách ứng dụng kỳ diệu của Dịch.

Hào 1 dương

*Ở vào thời Minh Di (ánh sáng bị tổn hại), như con chim muốn bay mà cánh rũ xuống. Người quân tử biết thời cơ thì bỏ đi ngay (để tránh nạn) dù phải nhịn đói ba ngày, mà đi tới đâu, gặp chủ cũ, cũng bị chủ cũ chê trách. (Học Năng dịch: Vội nên ba ngày không ăn, có chuyện đi xa như thế, chắc hẳn người ta cũng có lời bàn tán (nghĩ ngờ)). (Hào 1 tránh xa được hào 6 âm là lúc cực tổn thương). NHL và PBC giảng: Hào dương ở đầu thời Minh Di, là người quân tử có chất sáng ở đầu thời hắc ám, có thể bị hại, đau như con chim rũ cánh xuống. Hiền thì bị người ghét, tài thì bị người ghen. Cách xử thế là nên bỏ đi ngay, như Phạm Lãi bỏ nước Việt, vì biết vua Việt là Câu Tiễn sẽ nghĩ ngờ mà hại các công thần, nhờ vậy mà tránh được cái họa bị giết như đại phu Chúng. Như ông Mục Công bỏ nước Sở, mà khỏi mắc họa như Thân công, Bạch Công. Khi cất gối ra đi, vội vàng có thể phải nhịn đói 3 ngày. Còn có thể bị chê cười. Nhưng đạo minh triết của người quân tử là nhìn thấy tình hình đại cuộc đã hiển hiện, cái họa đã rõ ràng. **Toán Hà Lạc giải: Biết thời cơ nên tránh sự tổn thương.***

MHC: Sáng suốt, trong sạch, nên đắc dụng thời bình, tránh họa thời loạn.

MKHC: Có chí lớn nhưng động làm là tổn thương, có công nhưng khó được hưởng lộc.

Vận Năm - **Giới Quan**: Có thể gần mặt trời, phụ tá thân mật, nhưng phòng tổn thương. **Giới Sĩ**: Có tin thắng lợi. **Người thường**: Tai bay vạ gió, chân tay bị đau. Số tốt có người đem ngựa xe đến.

Hào 2 âm

Ở thời Minh Di (ánh sáng bị tổn hại), như người bị đau ở đùi bên trái, nhưng cũng mau khỏi, sẽ như con ngựa

manh mẽ tiến lên. Tốt. NHL giảng: Hào này làm chủ quẻ nội Ly (sáng suốt), đặc trưng, đặc chính, là bậc quân tử có tài, nhưng ở thời Minh Di, hôn ám, nên bị tiểu nhân làm hại ít nhiều, như bị thương ở đùi bên trái, nhưng rồi sẽ mau khỏi, mà như con ngựa mạnh mẽ. *Tốt*, vì hào 2 trung chính, lại vẫn thuận theo (vì là hào âm) phép tắc. PBC giảng lời Tượng hào: Việc tốt lành của 2 âm là bởi vì sẵn có đức trung, chính, tuy xử vào nghịch cảnh mà vẫn nhu thuận, và lại còn có phép tắc, còn sợ gì Minh Di nữa đâu. **Toán Hà Lạc giải:** *Muốn khỏi hình phạt kẻ tàn bạo thì phải xem có thuận lòng trời không.*

MHC: Có uy quyền để chinh phạt làm cho dân an, nước vững.

MKHC: Đặc chí hoành hành, nghịch trên nạt dưới, chỉ làm quân nhân thì lập được chút công lao.

Vận Năm - **Giới Quan:** Có quyền binh tướng sủy ở bên trong. **Giới Sĩ:** Có cái mừng chiếm được công đầu.

Người thường: Dễ bị tai họa.

Hào 3 dương

Ở thời Minh Di (ánh sáng bị tổn hại), đi tuần về phương Nam, bắt được kẻ đầu sỏ, nhưng dừng hành động gấp, phải bền chí. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ nội Ly là cực sáng suốt; nó là dương cương ở vị dương, vậy là rất cương kiện, nó ứng với hào âm ở trên cùng quẻ Khôn (quẻ ngoại) hào này cực hôn ám. Nó sẽ đánh đổ hào âm đó. Nó cứ đem binh đi tuần về phương Nam, sẽ bắt được tên đầu sỏ phản loạn. Nhưng nó cương cường, nóng nảy, nên phải khuyên: Dừng gấp, phải bền chí giữ đạo chính. PBC phụ chú: Lời hào này in như việc vua Lê Thái Tổ ở nước ta, chém được Liễu Thăng, bắt được Hoàng Thông. Đó là đi sâu phía trước bắt được tên đầu sỏ, nhưng công việc trải 15 năm mới xong, vẫn là phải bền chí giữ chính mà không nóng vội được. Người gặp thời Minh Di, thật trông mong đến vận hào 3

đương lâm. PBC giảng lời Tượng hào: Lấy một người chỉ sáng ở dưới, trừ khử một người chỉ ám muội ở trên, ý chỉ người ấy đầu phải vì thân vì nhà mà thôi, còn vì sinh linh làm phúc muôn nhà, thiên hạ được nhờ, hoài bão cao cả chừng nào. Một khi sẵn dưới hạ được tên đầu sỏ, công thành, mà thiên hạ có phúc, như thế thật là đạt chí lớn. **Toán Hà Lạc giải:** Trên dưới đều có tổn thương, nên ánh sáng chiếu vào bị tổn hại, nếu không tranh tụng thì cũng tổn hại.

MHC: Nếu có Hỏa công, Nguyên khí thì có xây dựng, tu sửa nhà cửa.

MKHC: Vế bên trái bị tổn thương, hoặc phải chia tay đi xa ngàn dặm.

Vận Năm cũng như trên.

Hào 4 âm

Như vào phía trái bụng (ý nói vào nơi u ám), tâm trạng u ám, muốn thỏa lòng thời Minh Di, nên ra khỏi cửa, sân. NHL giảng: Hào này âm nhu, ở vào thời Minh Di, mà lại vượt quẻ Ly, sang quẻ Khôn rồi, tức bỏ chỗ sáng sửa, bước vào chỗ tối tăm, cho nên ví như vào phía bên trái của bụng. Nhưng hào này đắc chính (âm ở vị âm) nên có thể rút chân ra khỏi cảnh khốn nạn ấy được: Cứ bỏ nhà ra đi, tức tránh cho xa cảnh đó, mặc nó. (Đó là hiểu theo PBC. Chu Hy nói không thấy được nghĩa hào này). Theo PBC, hào này ứng vào cảnh ông Chu Thuấn Thủy bỏ nước Tàu mà đi sang Nhật. Ông Mạc Ngọc Luyện bỏ nước ta mà sang Long Châu cũng là ý ấy. PBC giảng lời Tượng hào: Hào 4 khi trước là vào phía trái bụng, nhưng sau là ra khỏi cửa sân, kết quả tránh được nơi tối, tìm được nơi sáng cũng là thỏa cái tâm ý vậy. **Toán Hà Lạc giải:** Vào chỗ tối còn nông, còn có thể đi ra xa được.

MHC: Là người tâm phúc, được sủng ái của chính quyền.

MKHC: Quý quyết, sâu mọt của dân nước.

Vận Năm chung cho mọi người: Chúc nhân, được giao việc quan trọng, ở trong được chuyển ra ngoài, ở tối lâu được ra sáng, bị giam được thoát thân, ra ngoài doanh nghiệp thường gặp bạn buôn đắc lực, đàn bà có mang, sinh sản số xấu thì có bệnh ở tim, ở bụng.

Hào 5 âm

Như ông Cơ Tử (Cơ Tử ở cạnh hào 6 là Trụ Vương) ở thời Minh Di (ánh sáng bị tổn hại) cố giữ chính thì có lợi.
NHL giảng: Thường các quẻ khác, hào 5 là ngôi chí tôn, quẻ Minh Di này hào trên cùng mới là ngôi chí tôn. Hào 5 là người thân cận với ngôi chí tôn. Hào trên cùng là ông vua rất hôn ám như vua Trụ, hào 5 là người thân cận có đức trung, như ông Cơ Tử, như vậy là giữ vững đạo chính, ở ngoài làm ra vẻ hôn mê mà trong lòng vẫn sáng suốt. PBC giảng lời Tượng hào: Có được đạo trình chính như ông Cơ Tử, thời đức sáng mới không thể tắt được vậy. Phụ chú: Xưa nay bầu tâm sự của ông Cơ Tử, đức Khổng Tử đã khen, nhưng ngài chưa khen cho thấu triệt. Phải đến một bài văn bia của Liễu Tông Nguyên mới nói được rõ ràng, minh bạch. Bài văn như sau: “Ông Cơ Tử vì cố sao không đi mà cũng không chết? Vì Tử bỏ đi vẫn là người trí; Tử Can tử tiết vẫn là người trung. Duy Cơ Tử giả người cuồng mà sống trở ngôi đó, chẳng phải tham sống sợ chết hay sao? Không! Không! Tâm sự của thánh hiền há phải óc phùng lưu tục mà phán đoán ra được đâu. Xin thử nghĩ: Lúc bấy giờ vận nhà Thương còn chưa hết, sự nghiệp nhà Chu còn chưa thành. Văn vương còn giữ đạo làm tôi. Nhân dân còn nhiều người luyện chúa, mà trung thần như Tử Can thì đã chết quách, thân thần như Vi Tử thì đã bỏ đi. Nếu một mai lòng trời chánh họa, tổ tiên nhà Thương còn anh linh, xui khiến lão Trụ kia vô cớ chết trước, con Trụ là Võ Canh tất nhiên nối ngôi, hậu chúa biết sửa chữa việc đổ nát cho cha, thân dân nhà Thương trông mong

có người chinh đốn. Nếu một người quốc thân hiền thánh như Cơ Tử mà cũng theo gót Tỷ Can, Vi Tử, thì ngọn lửa tàn còn thoi thóp đó, toan cậy vào ai thổi nhen bây giờ? Thày Cơ Tử sợ dĩ nhân nhục dương cuồng, mong hãy tồn thân, sẽ có ngày khôi phục nước cũ, chẳng phải là đại trung, đại trí, đại dũng, đại nhân hay sao?” Quê Minh Di hai lần nhắc đến Cơ Tử, chẳng phải tùy tiện mà viết ra đâu. **Toán Hà Lạc giải:** ở giữa hoạn nạn mà vẫn giữ được chí ngay.

MHC: Có cơ mưu lớn mà vẫn giữ được thân mình.

MKHC: Khó gặp đồng chí, lo lắng, gian nan, bôn tẩu.

Vận Năm- **Giới Quan:** Giữ bền đức, tránh nạn. **Giới Sĩ:** Khó gặp tri kỷ. **Người thường:** Gia đình có hoạn nạn.

Hào 6 âm

Chẳng sáng mà tối đen, mới thì lên tận trời, sau thì vào tận đất. NHL giảng: Hào trên cùng, âm, ở cuối thời Minh Di, lại ở trên cùng quê ngoại Khôn, tức như người có địa vị tối cao mà lại hôn ám cùng cực; như vậy là tối mù mù, chứ không phải chỉ là ánh sáng bị tổn hại (Minh Di) nữa. Cho nên lời hào bảo là chẳng sáng mà tối đen. Có cái tượng lên cao tới trời (địa vị tối cao) mà rồi sụp xuống đất. PBC phụ chú: Lời hào này ứng với vua Đinh Tiên Hoàng ở nước ta, lúc đầu đánh được Thập nhị tướng quân lên làm vua một nước, chẳng phải là mới thì lên tận trời hay sao? Đến lúc sau hung bạo, hoang dâm, tín dụng gian thần, lập năm hoàng hậu, chẳng bao lâu nhà Đinh mất, chẳng phải là sau vào tận đất hay sao? Lại phụ chú: Lời 5 hào trước, đều có chữ Minh di, duy đến hào trên cùng thì không có chữ Minh Di. Bởi vì: chất Minh (sáng) của năm hào trước đều vì 6 âm làm cho bị thương, nên đều có chữ Minh Di. Đến hào trên cùng âm, thời nó đã làm hại hết chất Minh của người, cuối cùng nó lại tự hại chất Minh nó có luôn, còn đâu là Minh mà phải nói Di

nữa. Đó cũng là một nghĩa đặc biệt trong quẻ này. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có đức nên không giữ được ngôi lớn.*

MHC: Chí cao, vị lớn, cứu đại nạn cho nước.

MKHC: ý thể làm bầy, bẻ cuồng ngôn (nói năng bầy bạ), lớn gấp sông gió.

Vận Năm - **Giới Quan:** Bị chỉ trích. **Giới Sĩ:** Chìm nổi. **Người thường:** Trước dễ sau khó, già quẩn, kém thọ.

37 - PHONG HÓA GIA NHÂN

----- **Gia Nhân** là Người trong nhà (hoà thuận, vui
----- vể). Thuộc tháng 6. **Lời Tượng:** *Giỏ từ Lũ ra*
----- *là quẻ Gia nhân. Người quân tử coi quẻ này*
----- *phải làm sao cho lời nói phải có sự thật, việc*
----- *làm phải theo đạo Hằng (thường xuyên, bền*
----- *bỉ).* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Kỷ: Mão,**
Sửu, Hợi; Tân: Mùi, Tị, Mão được quẻ này
lại sinh tháng 6 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Gia nhân là người trong một nhà. **Lời Thoán:** *Người trong nhà: hễ đàn bà mà chính đáng thì có lợi.* Quẻ nội là Ly, sáng suốt. Quẻ ngoại là Tốn, thuận. ở trong thì sáng suốt, xử trí không hồ đồ, ở ngoài thì thuận, như vậy việc tề gia sẽ tốt đẹp. Nói rộng ra việc nước cũng vậy, vì người trong một nước, lấy nước làm nhà. Mà việc thế giới cũng vậy, vì mỗi nước như một người, cả thế giới như một nhà. Quẻ này, quẻ nội Ly là trung nữ, quẻ ngoại Tốn là trưởng nữ, hào 2, âm làm chủ quẻ nội, hào 4, âm làm chủ quẻ ngoại, hai hào đó đều đắc chính cả, cho nên nói đàn bà mà chính đáng thì có lợi.

Tuy chỉ nói nữ chính đáng thôi, nhưng cũng cần hiểu nam cũng cần chính đáng nữa, vì nếu nam không chính đáng thì nữ làm sao chính đáng được? Thoán truyện còn giải thích:

Đàn bà chính đáng ở trong, (âm chỉ hào 2, âm ở vị âm trong quẻ nội), mà đàn ông chính đáng ở ngoài (hào 5,

dương ở vị dương trong quẻ ngoại), đàn bà lo việc nhà, đàn ông lo việc ngoài, cả hai đều giữ đạo chính, đó là hợp với nghĩa lớn của trời đất. Nam nữ nói chung, gồm cả cha mẹ, con cái, anh chị em, vợ chồng... ai nấy đều phải giữ đạo chính hết, chứ không phải chỉ có người dưới phải chính đáng, chỉ có vợ phải chính đáng, còn người trên, chồng không phải giữ đạo mà được. (Ngày nay nói nam nữ bình đẳng là nói về tư cách, đạo đức thì nam nữ đều có bốn phận, trách nhiệm ngang nhau, quyền lợi cũng vậy. Những ý tứ trên không có gì trái nghĩa nhau mà bổ sung cho nhau). Giảng Lối Tượng: Cõi tượng quẻ này: Gió từ lửa phát ra (khoa học ngày nay cũng giảng vậy) người quân tử hiểu rằng trong thiên hạ, việc gì cũng phát ra từ ở trong; muốn trị nước thì phải trị nhà, muốn trị nhà thì trước hết phải tu thân; mà việc tu thân thì cốt ở hai điều: **nói** phải có thực lý, thực sự, không nói suông, vu vơ; **làm** theo đạo Hằng là trước sao, sau vậy, quán triệt từ đầu tới đuôi, đừng thay đổi hoài.

Hào 1 dương

Ngăn ngừa (tật xấu) từ khi mới có nhà, thì không còn ăn năn gì cả. NHL giảng: Hào này dương cương ở đầu quẻ Gia Nhân, chính là lúc mới có nhà, nếu biết đề phòng, ngăn ngừa ngay các tật như lười biếng, xa xỉ thì không có gì phải ăn năn. ý hào này cũng như câu tục ngữ của ta: Dạy con từ thuở còn thơ/ Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. PBC phụ chú: Xưa nay, ở với người thiên hạ, thời chỉ có một chữ nghĩa mà thôi, còn như ở với người nhà, đã chữ nghĩa lại kiêm cả chữ ân. Nghĩa quá nặng thì hại mất ân, ân quá nhiều thì hại mất nghĩa, muốn cho ân nghĩa vẹn toàn tất lúc đầu phải cẩn thận cho hết sức. Thánh nhân lựa hào sơ quẻ Gia nhân mà dạy cho ta mấy chữ *ngăn ngừa từ khi mới có nhà*, làm khuôn mẫu cho việc tề gia, quả thật nên như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ chính được đạo nhà thì chẳng khiếm khuyết gì.*

MHC: Tài đức quảng đại, không những lập được nghiệp nhà, mà dựng được quốc thể, hưởng phú quý.

MKHC: Cũng là kẻ sĩ cần hậu, một đời yên vui.

Vận Năm- **Giới Quan**: Đương nhân đổi sang việc quan trọng; hoặc đương quan trọng thì hóa nhân. **Giới Sĩ**: Thi bằng nhỏ. **Người thường**: Lo toan được việc, thành gia thất. Tăng ni có nơi trụ trì. Người già kém thọ.

Hào 2 âm

Không cầu toại ý ở xa, ngay trong bếp núc. Giữ chính thì tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu mà ở vị âm, đắc trung đắc chính, là người dâu hay con gái thuận tòng, nhún nhường, nhưng bất tài, ở địa vị thấp, nên không gánh vác nổi việc trị gia, không lãnh trách nhiệm lớn được, chỉ nên lo việc nấu nướng ở trong nhà mà thôi. PBC phụ chú: Quẻ Gia nhân rất quý trọng là tài dương, cương, nên các hào 3, 5, 6, thì lời hào nhận làm người trị gia (gây dựng, gìn giữ nếp nhà). Duy hào 2, âm ở vị âm, và lại ở thể quẻ hạ, bản chất quá nhu nhược, không thể gánh nổi việc trị gia, nên bảo cho chớ cầu toại ý ở xa, (hãy lo) ngay trong bếp núc. Nếu những người có tài dương, cương, thời công việc chẳng phải chỉ có ngân ấy mà thôi đâu. Cứ xem lời các hào dương sẽ rõ. **Toán Hà Lạc giải**: *Giữ đạo đàn bà, đẹp nhà đẹp cửa.*

MHC: Bình dị gần dân, nhiều người kính mến, đạo nhà hưng thịnh. Mệnh nữ thì vượng chồng, lợi con, công nội trợ to.

MKHC: Thì cũng thanh nhân, hưởng phúc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Về trung ương, được vinh lộc. **Giới Sĩ**: Được học bổng, hay vào nội trú. **Người thường**: Lập gia đình, của cải tăng bội.

Hào 3 dương

Người trong nhà nghiêm khắc, tuy hơi hận, có nguy, nhưng tốt; nếu quá khoan, để cho dâu con buông tuồng thì

sau hối then. NHL giảng: Hào này là dương ở vị dương, đắc chính nhưng không đắc trung, quá nghiêm khắc, tuy có lúc phải hối hận, gặp nguy, nhưng kết quả lại tốt vì nhà có trật tự; trái lại nếu quá dễ dãi để cho dâu con buông tuồng, thì nhà sẽ suy loạn mà phải hối tiếc. PBC phụ chú: Chữ quá nghiêm và chữ quá khoan đối lập với nhau. Quá nghiêm, quá khoan thấy đều chưa phải đạo trung. Nhưng trong đạo trị gia, thà là quá nghiêm, hơn là quá khoan. Nên một đảng là tốt, một đảng là hối then. Hào 3 dương, ở chính giữa quẻ, hai hào dưới trông lên, tượng như một vị gia chủ, nên thánh nhân dạy cho đủ hai phương diện. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ nghiêm đạo nhà, mà vẫn khoan hòa.*

MHC: Nghiêm chính giữ uy, quả quyết giữ nghĩa, làm cho nhân tâm nể sợ thì mới tốt về sau.

MKHC: Mừng giận thất thường, trên dưới lẫn lộn, tất gia nghiệp phải đi đến điêu tàn.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nghiêm, ít khoan thứ. **Giới Sĩ:** Tiến thủ bình thường. **Người thường:** Nửa mừng nửa lo, phòng đàm mê.

Hào 4 âm

Nghiệp nhà hưng thịnh, tốt lắm. **NHL giảng:** Hào này âm nhu, đắc chính, ở vào quẻ ngoại Tốn, địa vị cao, như bà mẹ có trách nhiệm làm cho nhà giàu thịnh lên. Theo PBC gia đạo hưng thịnh bao gồm sự hòa hợp mọi người, trên ra trên, dưới ra dưới. PBC phụ chú: Xem lời hào của bốn hào rất có thứ tự: hào 1, sơ, là bắt đầu trị gia, cần nhất là gia giáo nên nói chữ Ngăn ngừa, nghĩa là trong nhà cần có khuôn khổ. Đến hào 2, là khi đã có gia giáo rồi, tất cần phải đầy đủ việc ăn, nên chú trọng việc bếp núc. Tiến đến hào 3 là khi đủ giáo, dưỡng rồi, đã có kẻ trên người dưới, kẻ thầy người tớ, là người nhà đã đông đúc rồi, tất phải có kỷ cương trật tự, nên phải quá nghiêm mới được tốt. Tiến lên đến hào 4 âm, ở vào vị cao, chính là gia chủ, duy lo trị gia, khuôn thước thế

nào, tóm gộp các cách an ở trên kia sao cho nghiệp nhà hưng thịnh, sắp đặt trong một nhà mà phải trước sau, thừa mau, thứ tự như thế. Chúng ta muốn nghiệp nhà hưng thịnh, tất phải đủ ngân ấy việc, ngân ấy người. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm lợi cho nước, cho nhà. Có đức.*

MHC: Có đức nhu thuận, luyện thành tài, làm cho nước vững bền, cuộc sống yên vui, dân đông thịnh.

MKHC: Cũng no đủ, làng xóm yên lành.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có lộc, nên giàu. **Giới Sĩ:** Được ân thưởng. **Người thương** B. 4 bán có lợi. Người cô quả gặp người thân.

Hào 5 dương

Vị nguyên thủ (cũng có thể hiểu là Gia chủ) *khéo trị nước* (trị nhà), *không có việc gì phải lo, tốt.* (Có hào 2 ứng).

NHL giảng: Hào này dương cương, đắc trung, đắc chính, lại có hào 2 âm ở dưới ứng với mình, cũng trung, cũng chính, như có người nội trợ hiền giúp đỡ mình, không còn lo lắng gì nữa, tốt. Lời hào này hiểu là chủ nhân trong nhà, còn có thể hiểu là nguyên thủ trong nước. PBC phụ chú: hào 1, sơ, dương ngăn ngừa khi mới có nhà, là đạo nhà lúc bắt đầu; hào 5 dương nói khéo trị nhà là nói đạo nhà khi thành; đạo nhà đã thành, nên nói rằng không lo, tốt. Còn như 3 dương, đạo nhà dương lúc giao thời trên dưới nên phải trải qua hồi tiếc, mới đến tốt. 4 dương là ngôi Mẹ trong nhà, thì làm cho hưng thịnh mới được tốt. Đến 5 dương là ngôi Cha trong nhà, thì làm cho được việc khéo trị nhà, mới được tốt, chữ khéo là có ý tới cực điểm. Trong năm hào có chương trình, thứ tự, 1, sơ là tạo nguyên nhân, 5 là kết quả, một nhà nhỏ như vậy, đến một nhà lớn như nước, như thiên hạ cũng như vậy. Đó là thâm ý thánh nhân; chớ nhận lầm chữ Gia là nhà mà thôi. Xem chữ nhà đặt dưới chữ nguyên thủ (Vương) thì đủ hiểu. **Toán Hà Lạc giải:** *Lời nói có sự thực, việc làm có nền nếp.*

MHC: Ngôn hạnh đều đúng mực, có người giúp đỡ, cái tốt tự đến.

MKHC: Cũng có cương có nhu, đức nghiệp đều tốt.

Vận Năm- **Giới Quan**: Hiển đạt. **Giới Sĩ**: Thành danh. **Người thường**: Gặp quý nhân.

Hào 6 dương

Có niềm tin, lại có uy, cuối cùng tốt. **NHL giảng**: Hào này ở trên cùng quẻ Gia nhân, tức lúc gia đạo đã hoàn thành. Người trên chỉ cần thành tín là người dưới tín, lại nghiêm trang nữa, thì đạo được tốt đẹp lâu dài.

Chúng ta để ý: sáu hào không có hào nào xấu; nhưng ba hào thuộc về lúc đầu, có lời răn bảo (hào 1: phải phòng ngừa từ lúc đầu, hào 2: phải giữ đạo chính; hào ba: coi chừng nghiêm quá thì hối hận, nguy); tới hào 4 và 5, kết quả rất tốt, hào cuối chỉ cách giữ được sự tốt đẹp đó tới cùng. PBC phụ chú: Chúng ta mới biết đạo tề gia, quan trọng thứ nhất ở nửa đoạn đầu, nửa đoạn đầu mà đã hay, thì nửa đoạn cuối chỉ là vun cao đắp lớn, thêm tốt, nối dài nữa là xong. Nên lời hào 4, 5 rất là vui vẻ, thông thả. Cái hạnh phúc của đoạn sau là kết quả gian nan của đoạn trước. Nhưng đến hào 6 trên cùng, thánh nhân lại dạy rằng có niềm tin, có uy, còn lời Tượng thì cho thêm mấy chữ *về lại trong mình* (phản thân). PBC cảm khái: Than ôi, nước lấy gốc ở nhà, nhà lấy gốc ở thân. Nếu bản thân mà đã chẳng trau dồi lính nét, tu rèn đức nghiệp, vun trồng tài học; chỉ chơi bời cho qua tháng ngày, giả dối để lừa chúng bạn; thân đã như thế, thì bảo thân đã không nổi, còn nói gì đến quốc gia xã hội nữa đâu. **Toán Hà Lạc giải**: *Phải chính đáng việc nhà để đi đến kết quả thì mới tốt.*

MHC: Có văn võ, có uy tín, là người hoàn hảo đối với dân, với nước.

MKHC: Cũng cương nhu đầy đủ, đức rộng phúc dày.

Vận Năm- **Giới Quan**: Ngôi cao, quyền trọng. **Giới Sĩ**: Tiến thủ, thành danh. **Người thường**: Kinh doanh đắc ý. **Mệnh Nữ**: là người vợ hiền, có đức hạnh.

----- **Khuê** là Khác nhau, Trái ngược nhau, là
 ----- Chống đối, Chia lìa. Thuộc tháng 2. **Lời**
 ----- **Tượng:** Trên là **Lửa**, dưới là **Đám**, là **quẻ**
 ----- **Khuê**. Người quân tử coi **quẻ** này mà thấy tuy
 ----- **đồng (cùng)** **đấy** nhưng vẫn là khác nhau (**dị**)
 ----- **đấy**. **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Đinh: Tị,**
Mão, Sửu; Kỷ: Dậu, Mùi, Tị được **quẻ** này
 lại sinh tháng 2 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: **Đoài** (đám, hổ, chằm) ở dưới **Ly** (lửa).
 Chằm có tính thấm xuống, lửa có tính bốc lên, trên dưới
 không thông với nhau, càng ngày càng xa cách nhau. **Quẻ**
 này xấu nhất trong Kinh Dịch, ngược hẳn lại với **quẻ Cách**.
 Chỉ làm những việc nhỏ cá nhân thì họa may được tốt.

Thoán truyện giảng thêm: **Đoài** là thiếu nữ, **Ly** là
 trung nữ, hai chị em ở một nhà mà xu hướng trái nhau (em
 hướng về cha mẹ, chị hướng về chồng), chí hướng khác nhau
 cho nên gọi là **Khuê**.

Tuy nhiên **Đoài** có đức vui, **Ly** có đức sáng, thế là
 hoà vui mà nương tựa vào đức sáng. Lại thêm hào 5, âm nhu
 mà tiến lên ở ngôi cao, đắc trung mà thuận ứng với hào 2,
 dương cương ở dưới, cho nên bảo việc nhỏ thì tốt.

Xét trong vũ trụ, trời đất, một ở trên cao, một ở dưới
 thấp, vốn là khác nhau, chia lìa nhau, vậy mà công hoá dục
 vạn vật là của chung trời đất. Trai gái một dương, một âm,
 vẫn là trái nhau, vậy mà cảm thông được nhau. Vạn vật tuy
 khác nhau mà việc sinh hoá cùng theo một luật như nhau.
 Thế là trong chỗ trái nhau vẫn có chỗ giống nhau, tìm ra
 được chỗ "đồng" đó trong cái "dị" là biết được cái diệu dụng
 (công dụng kỳ diệu) của **quẻ Khuê**, của thời **Khuê**.

Thoán truyện khuyên ta như vậy. Đại tượng truyện
 ngược lại khuyên ta ở trong chỗ "đồng" có khi nên "dị". Ví
 dụ người quân tử bình thường hành động cũng hợp thiên lý,
 thuận nhân tình như mọi người (đó là đồng). Nhưng gặp thời

loạn, đại chúng làm những việc trái thiên lý thì không ulla theo họ, mà tách riêng ra, cứ giữ thiên lý, dù bị chê bai, bị gian khổ cũng chịu (đó là dị). Vậy không nhất định phải đồng mới tốt, dị (chia lìa) cũng có đức tốt. PBC lấy ví dụ: Thời Chiến quốc, thiên hạ thầy xu phụ với Tần, mà một mình ông Lộ Trọng Liên không theo, gieo thân bể Đông mà chết, đó là người quân tử một mình biết giữa cái đồng tìm ra cái dị. PBC phụ chú: Soán truyện ở mọi quẻ chỉ tán một chữ Thời, mà ở đây lại tán chữ Dụng là cứ làm sao? Bởi vì, thời Khuê mà làm ra không khuê, mới là công dụng lớn. Xem câu: *Thời Dụng của quẻ Khuê lớn vậy thay*, thì biết thánh nhân ở trong thiên hạ không Thời nào là không có khả năng tận dụng, biến hóa chuyển đi chỉ cốt ở nơi chữ Dụng. Chữ Dụng là phương pháp cứu Thời của thánh nhân, mà cũng là thủ đoạn tạo Thời của anh hùng. Lại phụ chú: Quẻ Khuê với quẻ Đồng nhân là đối lập nhau. Thiên Hoá hai tính hợp nhau thành quẻ Đồng nhân, Tượng truyện nói rằng *chia các loại giống để phân biệt các vật*, nghĩa là phải tìm cho ra cái dị, mới sắp đặt được nên cái đồng. Hoả Trạch hai tính trái nhau, thì thành ra Khuê, Tượng truyện nói rằng *Cùng mà khác* nghĩa là lựa chọn ở trong lúc đồng mà tìm ra cái dị. Thế mới biết rằng đồng, mà không đồng, không phải là hỗn tạp; dị mà dị không phải là cưỡng bạo. Thánh nhân giảng đạo lý bao giờ cũng giảng đạo lý sống, chẳng bao giờ giảng đạo lý chết, biết như thế, thì học được Dịch.

Hào 1 dương

Hối hận tiêu hết (gặp hào 4 đồng đức), mất ngựa thì đừng tìm đuổi, nó tự về, cứ gặp kẻ ác, không lỗi gì. NHL giảng: Hào này có tính cương, ở địa vị dưới, trong thời chống đối nhau, thì tất ít kẻ hợp với mình, hành động sẽ bị hối hận. Nhưng may ở trên có hào 4 cũng dương cương, ứng với mình, tức như có bạn đồng chí, cứ chờ đợi rồi sẽ gặp mà bao nhiêu khó khăn, ân hận sẽ tiêu hết. Đối với kẻ ác thì tuy

không ưa cũng đừng nên tỏ ra, cứ làm bộ vui vẻ giao thiệp họ, để họ khỏi thù oán. **Toán Hà Lạc giải:** *Mất ứng viên mà rồi lại được.*

MHC: Đức vọng làm cho người ta tin, ngay thẳng làm cho người ta hết bạo ngược. Khi nhỏ thì khó phát triển. Lớn lên sẽ thành đạt.

MKHC: Gian nan chẳng gặp dịp may. Muộn, cảnh mới khá.

Vận Năm- Giới Quan: Được phục chức cũ, hoặc bị giáng thì được phục hồi. **Giới Sĩ:** Tiến thủ trắc trở. **Người thường:** Trước mất sau được. Trước giận sau làm lành. Để phòng hao tổn sức lực và lo lắng.

Hào 2 dương

Gặp chủ (hào 5 ứng) ở ngõ hẻm (vì thời Khuê xấu, không đăng hoàng được). Nhưng không lỗi. NHL giảng: Hào này dương cương, đắc trung, ứng với hào 5 âm nhu, đắc trung, nếu ở trong quẻ Thái (thời thông thuận) thì rất tốt. Nhưng ở trong quẻ Khuê (thời chống đối nhau) thì kém, vì hào 5 âm nhu có ý kiêng né hào hai dương cương; do đó, 2 muốn gặp 5 thì phải dùng đường tắt, rình 5 trong ngõ hẹp như tình cờ gặp nhau. Không có lỗi gì cả, vì thái độ đó chỉ là quyền biến thôi. PBC phụ chú: Đạo lý ở trong thiên hạ, chỉ sợ có lẽ phải mà thôi, mà lẽ phải lại thường phải tùy thời mà thay đổi. Ông Y Doãn chờ vua Thang ba lần sinh lễ mới chịu ra, đức Khổng Minh chờ Lưu Tiên Chúa (tức Lưu Bị) ba lần đến mời mới chịu ra. Nhưng Bách Lý Hề thì làm nghề chăn trâu, mà cầu tiến thân với Tần Mục Công; Ninh Thích giả cách đi hát giữa chợ, để cầu cảm động được Tể Hoàn Công, cũng chỉ chung một đạo lý, mà cơ quyền, thủ đoạn có khác nhau. Cho nên ở vào thời Khảm (hiểm), Dịch học dạy cho *giao ước qua cửa sổ* (giao ước vào lúc lòng người sáng suốt, dù không chính thức, phải qua cửa sổ); xử vào thời Khuê,

Dịch học dạy cho *gặp chủ trong ngõ hẹp*, chính là việc cầu cho được đạt cái chí tiết nghĩa của thánh hiền. Nhưng những hạng cố chấp thì bao giờ biết được nghĩa ấy. Phải người bậc tốt cao mới đạt được tiết của mình, còn thứ nữa chỉ nên thủ tiết mình là được. **Toán Hà Lạc giải:** *Hết lòng vì chúa.*

MHC: Người trung nghĩa, sửa được lỗi trên, đổi được tục dưới.

MKHC: Cũng hiểu được nhân tình, nhiều người giúp mình, ở nơi ngõ hẻm, chẳng quan tâm đến vinh nhục.

Vận Năm- **Giới Quan:** Gặp chủ, sẽ được thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Được tuyển chọn và tiến lên. **Người thường:** Kinh doanh đắc ý.

Hào 3 âm

Thấy xe (hào 2) dắt tới, nhưng con bò bị (hào 4) cản, không tiến được, như người bị xâm vào mặt, xẻo mũi, mới dẫu cách trở, sau hòa hợp với nhau (hào 6 ứng). **NHL giảng:** Hào 3 bất chính (âm mà ở vị dương) ứng với hào trên cùng cũng bất chính (dương mà ở vị âm). Vì ứng với nhau nên cầu hợp với nhau, 3 muốn tiến lên gặp hào ứng với nó, nhưng bị hào 4 ở trên ngăn chặn, như cỗ xe đã dắt tới rồi mà con bò bị cản, không tiến được. Lại thêm bị hào 2 ở dưới níu kéo lại. Hào 3 phải chống lại 4 và 2, xô xát với chúng mà bị thương ở mặt, ở tai. Nhưng rốt cuộc là 2 và 4 vẫn không thắng được chính 3 và 3 vẫn hòa hợp được với hào trên cùng. PBC bình: Tóm lại ở vào thời Khuê dẫu có chính ứng mà hòa hợp, cũng gay go như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Trước giận nhau, sau mới hợp.*

MHC: Tính người mẫn tiệp, trước bị người ngược đãi, sau hợp được và tính việc gì cũng thành.

MKHC: Hay bị hình thương ở sau ngựa, trước xe. Trước khổ, sau mới được an vui.

Vận Năm- **Giới Quan**: Phòng kẻ xu nịnh ngăn bước.
Giới Sĩ: Có thể bài thi bị bỏ lại, sẽ được xét lại. **Người thường**: Trước trở ngại, sau thành. Số xấu bị hình thương.

Hào 4 dương

Cô đơn thời Khuê (thời chống đối, chia lìa), gặp người trai tốt (hào 1 đồng đức) mà chỉ thành hoà hợp với nhau, thì dù gặp nguy, nhưng không lỗi. NHL giảng: Hào 4 này cô lập vì là dương mà bị hai hào bao vây, người trai tốt đây là hào 1, cùng đức dương cương với 4. Lời Tượng: *Hai người trai liên kết, không có lỗi, mà chỉ thì tiến lên được*. PBC giảng: Hai hào dương cương kết hợp với nhau một cách chí thành, ở thời Khuê mà có bạn quân tử như thế, thì chẳng những không lỗi, mà lại phát triển được cái chí cứu thời của mình. Lời Tượng ở đây bổ túc cho ý nghĩa của Lời Hào, lời Hào chỉ nói không lỗi mà thôi. **Toán Hà Lạc giải**: *Gặp bạn, không buồn cảnh cô đơn*.

MHC: Có tài xuất chúng, giao thiệp giỏi, gặp bạn hay, giúp dẹp loạn, trị nước, chuyển giận thành hòa. Mệnh nữ có thể thành bà lớn.

MKHC: Cũng là người tự lập, trước chia ly, sau tương hợp.

Vận Năm- **Giới Quan**: Được đồng chí tiến cử, đề bạt.
Giới Sĩ: Được người trên biết đến. **Người thường**: Hôn nhân thành. Từ nguy đến an. Việc mưu tính trước nghịch, sau thuận.

Hào 5 âm

Hối hận tiêu hết. Người cùng phe với mình cần vào da mình (làm thân) thì tiến đi, có lỗi gì đâu. NHL giảng: Hào này không đắc chính (âm mà ở vị dương) ở vào thời chống đối, đáng lẽ xấu, mà nhờ có đức trung, lại có hào 2

dương cương ứng với mình, nên không xấu nữa, hối hận tiêu tan hết. Được vậy là nhờ hào 2 chịu đứng vào một phe với mình, rất thân thiết với mình, như cắn chặt vào da mình. PBC phụ chú: ở vào thời Khuê, đầu quân tử với quân tử kết hợp với nhau, cũng tất phải vừa liệu chiều, vừa khôn khéo, như 2 với 5, đều có đức trung, và lại chính ứng với nhau, nếu ở thời khác, thì hai người ấy kết hợp với nhau là việc dễ dàng. Song ở thời Khuê, đành phải tùy cơ làm ứng, cho nên hào 2 dương nói *gặp chủ trong ngõ hẹp*, đến hào 5 âm có chữ *cắn vào da* mình. Ngõ hẹp là không phải đi thẳng vào ngay, cắn vào da là tìm cách lựa cơ, rình thế. Mới biết rằng ở thời Khuê, thật không thể so bì với đời thái bình vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Để dàng gặp nhau, biết nhau, cứ tiến đi.*

MHC: Vị cao, đức lớn, được người giỏi phụ tá, lập công danh, hưởng phú quý.

MKHC: Được nhờ tổ nghiệp, âm phù, không khó nhọc gì, ra ngoài cũng gặp tri kỷ. Nhưng phòng xương thịt cắn đứt.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được đền bù công lao. **Giới Sĩ:** Được lên cao. **Người thường:** Thu lợi. Hôn nhân thành. Có người đề cử. Số xấu thì bạn bè oán ghét, xương thịt bị hình thương, việc quan rắc rối.

Hào 6 dương

Cò đơn thời Khuê. Thấy con heo đội bùn (bẩn) trên xe chở quý (xấu). Trước giường cung đình bẩn, hãy tháo tên, không phải giặc đâu, đó là người muốn kết hôn. Thôi đi, gặp mửa (giải cơn nóng) là tốt. (Thái độ hào 6 đối với hào 3: Trước ngờ, sau hết ngờ, hòa hợp). NHL giảng: ở vào thời chia lìa, người ta hay nghi kị nhau, hào cuối cùng này, dương cương ở địa vị tối cao, không tin ai ở dưới cả, cho nên cò độc. Ngay hào 3 âm, chính ứng với mình mà cũng bị mình nghi kị, vì 3 ở kẹt vào giữa 2 hào dương, cho rằng 3 vào phe 2 hào dương đó mà chống với mình. Vì nghi kị, nên thấy 3

như con heo đội bùn, lại tưởng xe chở một bầy quỉ muốn hại mình. Do đó mà đâm hoảng, giường cung muốn bắn 3, nhưng nhờ vẫn còn chút mình mẫn (vì ở trên cung quê ngoại Ly) nên sau nghĩ lại, buông cung xuống xin lỗi 3: Tôi không phải là giặc (kẻ thù) muốn làm hại em đâu, mà trái lại muốn cầu hôn với em. Hết nghi kị rồi, hai bên hòa hợp với nhau, vui vẻ như sau khi nắng lâu gặp trận mưa rào, và cùng giúp nhau cứu đời. Văn thật là bóng bẩy, tâm lý cũng đúng. PBC khen là đạo lý rất tinh thâm, mà văn tự cũng ly kỳ biến hóa.

Quê Khuê là quê xấu nhất Kinh Dịch, nhưng kết quả lại không có gì xấu. Sáu hào thì có ba hào *không lỗi*, một hào *hối hận tiêu hết*, một hào *hoà hợp với nhau*, nhất là hào cuối lại *tốt nữa*. Như vậy là trong cái họa vẫn có mầm phúc. PBC cảm khái: Chúng ta chỉ lo không người tạo thời thế, chứ đừng lo không thời thế tạo mình, có lẽ đâu Khuê hoài, Khuê mãi, mà không có một ngày thông thái ru? **Toán Hà Lạc giải:** *Đối với người ứng viên, trước giờ sau hợp.*

MHC: Quá xét nét, đâm ngờ vực, trước khó khăn, sau dễ dàng, hoặc hôn nhân tối, hoặc việc quân sự thành công. Mưa tượng trưng cho phúc trạch, vui mừng, lợi lộc đến.

MKHC: Cô đơn, ô trọc, đối trá, điều tiếng, tan hợp bất thường.

Vận Năm- **Giới Quan:** Bị dèm pha, oán trách. **Giới Sĩ:** Trước u mê, sau làm được. **Người thường:** Gặp ô nhục, bị vu oan. Trước tổn, sau ích.

39 - THUY SƠN KIẾN

----- **Kiến** là Gian nan, vất vả. Thuộc tháng 8. **Lời**
----- **Tượng:** *Trên Núi có Nước là quê Kiến. Người*
----- *quân tử coi quê này mà trở lại xét mình để tu*
----- *rèn đức.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
----- **Bính:** Thìn, Ngọ, Thân; **Mậu:** Thân, Tuất,
----- **Tý** được quê này lại sinh tháng 8 là cách công
----- danh, phú quý.

Lời Thoán: *Gian nan, đi về Tây Nam thì lợi, về Đông Bắc thì không lợi. Gặp đại nhân giúp cho thì lợi. Bên giữ đạo chính thì mới tốt.* NHL giảng: Trước mặt là sông (Khảm), sau lưng là núi (Cấn), tiến lui đều gian nan hiểm trở nên gọi là quẻ Kiển. Phải bỏ đường hiểm trở mà kiếm đường bằng phẳng dễ đi, ở hướng Tây Nam, hướng quẻ Khôn, đừng đi hướng Đông Bắc, hướng quẻ Cấn. Dĩ nhiên chúng ta không nên hiểu đúng từng chữ Tây Nam và Đông Bắc, chỉ nên hiểu ý thôi. ở thời này, phải nhờ người có tài, đức (đại nhân) giúp cho thì mới thoát nạn, và phải bên giữ đạo chính. Lời Tượng quẻ khuyên phải tự xét mình mà luyện đức. PBC giảng: Quân tử gặp thời nạn Kiển thì nên đường nào? Chỉ nên trở lại xét mình, mà tu thêm đức. Đức đây là Nhân, Trí, Dũng. Đức Nhân mình có được, tất được nhiều người yêu mến; đức Trí mình có được, thì dầu lòng người hiểm mình cũng chẳng sợ; đức Dũng mình có được thì dầu đường đời hiểm mình cũng chả lui, đó là đạo đối với thời Kiển vậy. PBC phụ chú: Có ba quẻ có nghĩa giống in như nhau: **Kiến**, **Truân**, **Khốn** đều giải nghĩa là **Nạn**. Nhưng ý tứ thì khác nhau. **Truân** là bắt đầu vào nạn; **Khốn**, là khi nạn đã đến lúc cùng; **Kiến** là chính giữa lúc nạn. Muốn tiến lên, mà bị Khảm Thủy đón ở mặt trước, muốn thoái lui, thì bị Cấn Sơn ngăn ở mặt sau, tượng như đại tướng ra trận, mà sụp vào giữa trùng vây, nên đặt tên là **Kiến**. Lời Thoán cũng có câu: Công dụng ở về thời Kiển thật lớn vậy thay. PBC phụ chú: Quẻ Khảm, quẻ Kiển, quẻ Khuê ở những thời ấy đều là nghịch cảnh, nhưng thường lợi dụng được thời ấy, sẽ chuyển đi được nghịch cảnh làm ra thuận cảnh, thì sự nghiệp mới lớn vậy. Nên thánh nhân do ba quẻ ấy, đều nói chữ Thời mà kèm cả chữ Dụng. Vì rằng những bậc người hay dụng được thời ấy, thì trong thiên hạ không ngày nào mà không vượt lên được. Như thế thì biết được nghĩa chữ Thời bao gồm được rất lớn. Nếu chỉ chờ đến thời thái bình thông thuận, mà sau mới vượt lên được thì còn gì là nghĩa chữ Thời, nên thánh nhân coi ba quẻ ấy đều tán

rằng: Công dụng chữ Thời lớn vậy thay. Lại phụ chú: Quê Khốn với quê Kiển, cảnh ngộ có giống nhau, nhưng lời Tượng quê Khốn thì nói rằng: Biết mệnh mình mà bằng lòng. Lời Tượng quê Kiển lại nói rằng trở lại mình rèn đức, hai việc đó có khác nhau. Nhưng đầu có trái nhau. Kiển với Khốn thì có khác nhau, nên quân tử tùy thời theo đạo cũng có khác nhau. Kiển là nạn đang ở trung gian, chẳng qua khó khăn, gay go mà thôi, nên quân tử phải trở lại với bản thân mà rèn đức, lánh thân để thoát nạn; còn như Khốn thì nạn đã đạt đến cực điểm, quân tử gặp thời ấy, chỉ có một cách biết mệnh mà tự bằng lòng, nghĩa là vút cái sinh mệnh để hoàn toàn giữ tiết của mình. Việc tuy khác nhau, nhưng cũng chung một đạo tùy thời của quân tử.

Hào 1 âm

Đi lên thì vất vả, ở lại thì được khen. **NHL giảng:** Vào đầu thời gian nan, hào 1 này âm nhu, không có tài, tiến lên hay hành động thì xấu, chỉ nên chờ thời. **PBC thêm:** Nếu hào sơ Kiển biết thời cơ thì ngồi im, yên phận, tất nhiên kết quả được tiếng khôn ngoan, thế là lui thì có danh dự. **Toán Hà Lạc giải:** Thời không tiến được thì nên ngừng lại.

MHC: Tinh khôn, khéo xử nghịch cảnh, thấy hiểm trở thì ngừng lại, trước khó sau gặp.

MKHC: Tùy đường đi mà đánh xe, yên với cảnh nghèo, vui với đạo.

Vận Năm- Giới Quan: Được khen thưởng, khích lệ. **Gới Sĩ:** Chờ thời sẽ tiến. **Người thường:** Nên thủ phận, an thân.

Hào 2 âm

Bạc vương thân vất vả, chẳng phải do thân mình. (Vì việc nước, do hào 5 trông cậy).

NHL giảng: Hào này cũng âm nhu, kém tài nhưng đắc trung, đắc chính, có đức, được vua (hào 5, dương mà cũng trung, chính) phó thác việc nước, nên phải chống chọi với mọi gian nan, không dám từ, mặc dầu tự biết không chắc gì cứu nước, cứu dân được trong thời khó khăn này. Hoàn toàn không vì mình, đáng khen. PBC phụ chú: Tận trung hết lòng như hào 2 âm, nhưng lời hào chỉ nói đến gian nan, vất vả, chẳng phải do thân, mà không nói tới công hiệu. Than ôi, phù nguy cứu hiểm cần phải có bậc đại tài. Hào 2 bản chất âm nhu, có tài gì cứu được thời Kiển, nhưng tâm sự 2 thì thật đáng khen. Bài biểu Xuất Sư (Ra quân) của ông Khổng Minh có câu rằng: Tôi chỉ biết gò mình hết mệt, đến chết mới thôi, đến như thành hay bại, lý hay độn (lợi hay ẩn tránh) thì không phải sức một mình tôi mà thấy trước được. Thật đúng như nghĩa hào này. Sử nước ta có ông Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị ở đời Trần cũng bậc người ấy.

Toán Hà Lạc giải: *Hết lòng vì nước.*

MHC: Kiệt lực vì trung hiếu.

MKHC: Cha con cùng gian nan. Vợ chồng cùng trong sạch. Được làng xóm kính mến.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tận tâm với nhiệm vụ. **Giới Sĩ:** Không phải thời, nên khó tiến. **Người thường:** Lợi suốt trèo đèo, kinh doanh khó khăn. Số xấu lo cho bản mệnh.

Hào 3 dương

Tiến đi thì vất vả, quay trở lại thì hơn. NHL giảng: Hào này dương cương, đắc chính, nhưng vẫn còn ở quẻ nội, tức chưa hết nửa thời gian nan, lại thêm hào trên cùng âm nhu, ứng với nó mà không giúp được gì, nên lời hào khuyên dừng tiến, cứ quay lại với hai hào âm thì vui vẻ hơn, bề gì cũng là hạn cũ rồi. PBC phụ chú: ở vào thời Kiển nạn cần thứ nhất là người có tài, đã có tài lại cần phải có bạn. Hào sơ với hào 2, vì âm nhu mà không có tài, nên phải trông vào hào 3 dương, 3 dương tuy có tài dương cương, nhưng lại khổ nổi

không có bạn đồng đức, nên phải riu rít với 2 âm, liên quân còn hơn cô lập, không đại gì một mình chạy quanh mắc lấy Kiển thêm, đó là ý thánh nhân, dạy cho ta liệu thời mà xử thế đó. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên trở lại.*

MHC: Biết thời cơ. Được người tán trợ. Hoặc được vào nội trú, về nhà cửa bên nội, quê hương, yên vui, ổn định.

MKHC: Biết sửa lỗi. Từ ngoài trở về với tổ nghiệp để sinh nhai, hoặc được viện trợ, hoặc có người nội trợ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Trở về trung ương. **Giới Sĩ:** Lợi thi đại học, lên cao được vào cơ quan hàn lâm. **Người thường:** Được mừng về vợ con. Số xấu bị hình khắc tổn thương.

Hào 4 âm

Đi lên thì vất vả, trở lại thì liên kết được (với hào 3 và 3 hào quẻ nội). NHL giảng: Hào này âm nhu, kém tài, đã tiến lên quẻ ngoại, quá nửa thời gian nan, nhưng lại gặp hiểm trở (quẻ ngoại là Khảm), cũng không nên tiến lên, mà nên lùi lại với hào 3, liên hợp với ba hào ở dưới để thêm thế lực. **Toán Hà Lạc giải:** *Thời không nên tiến, nên hợp lực với bên dưới, cùng vượt gian nan.*

MHC: Thân với người giỏi, xuống với người dưới, đồng tâm hiệp lực, để cứu nguy dẹp loạn. Hoặc phát huy nghiệp tổ, truyền cái hay cho con cái, phúc lộc dồi dào.

MKHC: Được người giúp sức, bình sinh an vui, được vui mừng về hôn nhân hay tử tức.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được thăng thưởng đều đều. **Giới Sĩ:** Cầu danh lợi đều được. Số xấu: Liên can kiện tụng. Tính thì đỡ vất vả.

Hào 5 dương

Cực kỳ gian nan, nhưng có bạn tới giúp. (Hào 2 ứng). NHL giảng: ở giữa quẻ ngoại Khảm (hiểm) cho nên cực kỳ

gian nan. Hào này như ông vua có tài, nhưng cũng khó thoát được hiểm. May có hào 2 đắc trung, đắc chính ứng với mình, sẵn lòng dắt các bạn tức các hào 1, 3, 4 tới giúp mình. Nhưng các hào ấy đều ít tài, trừ hào 3; như vậy là tay chân của 5 tầm thường cả, không làm nên việc gì lớn, nên lời hào không khen là tốt. Cũng không bảo nên lùi, vì địa vị nguyên thủ của 5 không cho phép 5 lùi được, lùi thì trút trách nhiệm cho ai. **Toán Hà Lạc giải:** *Bậc lãnh đạo đương thời gian nan, mừng được giúp sức.*

MHC: Có bạn tốt giúp, cũng đổi bĩ ra thái, đổi loạn thành trị.

MKHC: Thân, nhà vào lúc khốn đốn, có bạn tốt giúp, trước gian nan, sau thái hòa.

Vận Năm- **Giới Quan:** ở quận ngoài, trong sạch. **Giới Sĩ:** Thi bằng trung cấp, hoặc được vào đại học. **Người thường:** Kinh doanh được khởi sắc. Có lợi.

Hào 6 âm

Đi nữa thì vất vả, trở lại được việc lớn. Tốt, lợi về gặp lại đại nhân (hào 5). NHL giảng: ở cuối thời gian nan, có cảnh tượng đáng mừng, hào này âm nhu, không một mình mạo hiểm được, nên quay lại giúp hào 5, bậc đại nhân (có tài đức) thì lập được công lớn, tốt. Kết luận cả 6 hào: Gặp thời gian nan nên thận trọng đợi thời. Riêng vị nguyên thủ phải tìm người tốt giúp mình, liên kết mọi tầng lớp để cùng mình chống đỡ. PBC phụ chú: Hào 6 trên cùng, kể tài không bằng hào 3 dương, kể ngôi vị với đức thì không bằng hào 5 dương, kể tính âm nhu, có khác gì Sơ, Hai, Bốn đâu? Nhưng có sao các hào kia không được chữ *tốt* mà một mình hào 6 được chữ *tốt*? Đó là may phúc cho hào 6 vì 6 đã ở vào thời cực của Kiển, sự vật đến cùng tất trở lại, cái cực đến cùng tất thông, đó là lẽ tự nhiên. Nếu 6 không biết *trở lại được việc lớn*, không biết *lợi về gặp lại đại nhân*, thì làm gì được *tốt*? Mới biết rằng việc Đồi và Khí số thường giúp nhau mà nên, cũng

thường tranh nhau mà thang. Xem như hào cuối cùng quẻ Kiến có chữ tốt, mà các hào kia đều không hung, hối, lỗi. Mới biết thánh nhân bàn đạo lý có bao giờ đổ tại khí số đâu? Mà chỉ cốt ở hai chữ Thời Trung. Nếu việc đời mà vận dụng được hai chữ Thời Trung thì dù khí số xấu thế nào, chúng ta cũng thấy kẹ.

Toán Hà Lạc giải: *Cái nghĩa ở chỗ cứ theo vị lãnh đạo.*

MHC: Tài cao đức lớn, công huân lừng lẫy đương thời, danh dự tên vào thiên cổ.

MKHC: Sinh nhai dựa vào người quyền thế. Có người giúp bên trong. Sống yên vui.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được vào nội các, các cơ quan nội chính. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, thành danh. **Người thường:** Làm ăn có lợi.

40 - LÔI THỦY GIẢI

----- **Giải** là Tán, là Tan biến, Cởi mở hoạn nạn, uất
----- ức. Thuộc tháng 12. **Lời tựa:** *Sấm và Mưa tác
----- động với nhau là quẻ Giải. Người quân tử được
----- quẻ này, coi đó mà khoan dung, bỏ lỗi, thứ tội
----- cho kẻ khác.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
----- **Mậu: Dần, Thìn, Ngọ; Canh: Ngọ, Tuất,**
Thân, được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 12
là cách Công danh, phú quý. Sinh tháng 2,
tháng 8 sấm mưa đúng mùa thì phúc cũng dày.
Sinh từ tháng 9 đến tháng 11 phúc mỏng.

NHL giảng: Tượng quẻ là âm dương giao hòa với nhau, Sấm (Chấn) động và Mưa (Khảm) đổ, bao nhiêu khí u uất tan hết, nên gọi là Giải. (Cũng có thể giảng: Khảm hiểm sinh nạn, nhờ Chấn động mà thoát nạn nên gọi là Giải). Khi hoạn nạn tan rồi, thì dân chỉ mong an cư lạc nghiệp, người trị dân nên có chính sách khoan dung, đừng đa sự, cứ khôi phục

trật tự cũ cũng đủ tốt rồi. Chu công khuyên đi về Tây Nam tốt, ý nói Tây Nam là hướng quê Khôn, đức quê Khôn là khoan đại, bình dị. Còn phải trừ những tệ gây ra hoạn nạn trước kia, sửa đổi cho sự nghiệp lâu dài, là những việc phải làm ngay, làm mau. PBC phụ chú: **Độc Tam quốc** có chuyện **Khổng Minh** trị nước Thục sau thời loạn rất đúng tinh thần quê Giải: khuyến khích dân cấy cấy, mở trường, sửa chữa cầu đường, giảm phu thuế, tuyển dụng hiền tài, chỉ trong mười năm mà nước Thục nhỏ thành một nước thái bình.

Hào 1 âm

Không lỗi. NHL giảng: Mới bắt đầu vào thời cởi mở, hào này âm nhu, mà có hào 4 dương cương ở trên ứng, cứ lặng lẽ ở yên không sinh sự gì cả, thì không có lỗi gì. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức, giúp nhau để không mắc lỗi.*

MHC: Cương nhu giúp nhau, mạnh khoan vừa đúng, vừa hỗn nhiên, không đa sự, nhiều dân, tai nạn khỏi, phúc trạch dày.

MKHC: Bình dị, ứng xử đúng mức, được tri kỷ giúp đỡ, không cùng quẫn.

Vận năm- **Giới Quan:** Xứng đáng. Có dịp được thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Đỗ đạt. Thành danh. **Giới khác:** Hôn nhân thành. Kinh doanh được.

Hào 2 dương

Sẵn được ba con cáo, được mũi tên vàng, giữ chính bền thì tốt. Theo Chu Hy thì ba con cáo là ba hào âm 1, 3, 6 (không kể hào 5). NHL giảng: Hào này dương cương, ứng với hào 5 âm, vị nguyên thủ, cho nên có thể khá mạnh, có trách nhiệm với quốc gia, trừ bọn tiểu nhân (3 con cáo), mà không mất mũi tên màu vàng (màu ở giữa tượng cho sự ngay thẳng, trung trực). PBC nhấn mạnh thời Giải, công việc bề bộn,

thánh nhân khuyên phải bền bỉ giữ đạo trung thì mới tốt, mệt mỏi buông là nguy. **Toán Hà Lạc giải:** *Trừ khử gian tà.*

MHC: Đức cao, có danh giá, trừ được tà, trên vun đắp cho đường lối đạo đức, dưới sửa sang phong tục cho dân, thành người tiêu biểu của thời đại.

MKHC: Thân người hiền, xa kẻ gian, có của cải (điền sản), vui chơi. Hôn nhân hai lần. Hoặc làm phu tráng cũng đủ ăn.

Vận năm- **Giới Quan:** Làm chức vụ cao. **Giới Sĩ:** Đổ cao và được tiến cử. **Giới khác:** Gia tăng của cải. Hoặc là tướng cầm quân thì đi chinh phạt, săn bắn. Có việc cải cách ba lần, tốt lành.

Hào 3 âm

Vừa đội vác, vừa ngồi xe (trông nhớ nhăng) chỉ thêm thu hút giặc tới, cứ ngoan cố thế thì hơi thẹn đấy. NHL giảng: Hào này âm nhu, bất chính bất trung, mà ở trên cùng quẻ Nội, như kẻ tiểu nhân ở ngôi cao, như người thấp kém mà ngất ngưỡng ngồi cao, cứ chỉ nhớ nhăng, ra vẻ người sang, chỉ tổ cho bọn cướp chú ý. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có đức mà ngồi địa vị cao, tai họa khó tránh.*

MHC: Hàn vi (nghèo hèn) mà trở nên phú quý. Cẩn mật kéo giặc cướp đến.

MKHC: Hiểm trá, tham ô, điểm nhục, chỉ gây thêm xung đột. Đàn bà như thế càng không nên.

Vận năm- **Giới Quan:** Phòng hạch sách, ruồng đuổi. **Giới Sĩ:** Phòng bị đuổi, dấy đoạ, nhục nhã, dù có đổ đạt. **Giới khác:** Phòng trộm cướp, kiện tụng, dèm pha.

Hào 4 dương

Cởi bỏ ngón chân cái của anh đi (bảo hào 4 bỏ hào 1 đi) thì bạn tốt mới đến và tin cậy anh. NHL giảng: Hào này

là dương, tuy không chính (vì ở ngôi âm), nhưng ở gần vị nguyên thủ (hào 5) là có địa vị cao. Nó ứng với hào 1 âm, tiểu nhân ở dưới, nên bị nhiều người chê, nếu nó biết tuyệt giao với hào 1, tượng trưng bằng ngón chân cái, ở chỗ thấp nhất trong cơ thể, thì các người tốt mới vui vẻ tới mà tin cậy ở nó. **Toán Hà Lạc giải:** *Phải nghiêm chỉnh mà tuyệt giao (với kẻ tiểu nhân) thì mới dùng đạo và hợp chí.*

MHC: Xa kẻ gian, hợp sức với người hiền, làm việc lớn, việc gì mà không thành?

MKHC: Không lánh cái ác, gần cái hiền, nên sự nghiệp nhỏ hẹp.

Vận năm- **Giới Quan:** Phòng bạn bè tập hợp an chơi sa đọa. **Giới Sĩ:** Phòng bạn bè hoang đãng. **Giới khác:** Phòng kẻ gian oán hờn.

Hào 5 âm

Người quân tử phải giải tán bọn tiểu nhân đi thì mới tốt. Cút xem bọn tiểu nhân có lui đi không thì mới biết chắc rằng mình có là quân tử hay không. NHL giảng: Hào này âm nhu, chưa chắc đã là quân tử, nhưng ở địa vị chí tôn, làm chủ què nên lời hào khuyên phải tuyệt giao với bọn tiểu nhân (tức ba hào âm kia) thì mới tỏ rằng mình là quân tử được. PBC phụ chú: Kiến với Giải là hai quẻ nối tiếp nhau, Kiến là chính giữa buổi tai nạn, Giải là khi tai nạn đã hết rồi, thời thế khác nhau, thì nhân tài cũng phải khác nhau. Vậy nên cùng một hào 5, mà khác nhau chữ dương và âm. Dương có đức đường cương nên có tài dẹp loạn mà cứu được nạn Kiến. Âm chẳng qua là tài âm nhu, nên lời hào 5 (thời Giải) không dám quyết đoán chỉ nói rằng: thấy tiểu nhân lui đi mà nghiệm ra cố tin mình là quân tử. Tuy cùng là hào 5, mà âm dương không cùng, nên lời hào phải có cân lượng. **Toán Hà Lạc giải:** *Người quân tử bỏ bọn ác đi thì mới lợi.*

MHC: Nắm quyền pháp lý, tiến cử người hiền, trừ bọn gian, cho quốc gia được an ninh, đời sống dân được cải thiện, sự nghiệp lớn, ít người sánh kịp.

MKHC: Người có niềm tin chân thành, ơn huệ, đức nghiệp lớn, phúc trạch nhiều.

Vận năm- **Giới Quan**: Giữ chức vụ quan trọng trừ gian hoặc cầm quân đánh giặc. **Giới Sĩ**: Thành danh. **Giới khác**: Thu lợi, giải được kiện tụng, khỏi bệnh.

Hào 6 âm

Một người nhằm bắn một con chim Chuẩn đậu trên bức tường cao. Bắn được, không có gì là không lợi. NHL giảng: Đã tới lúc cuối cùng thời Giải, nội loạn đã an rồi, nếu còn kẻ ở ngoài nhòm ngó (tượng là con chim đậu trên tường, lời hào Chu công gọi là chim chuẩn, một loại chim dữ) thì cứ nhằm diệt, không gì là không lợi. Toán Hà Lạc giải: Giải tán được giặc bên ngoài.

MHC: Văn hoá, chính trị phát huy được vai trò trong thời bình. Quân sự dẹp được giặc trong thời loạn. Sự nghiệp thành đạt lớn.

MKHC: Đường rộng, nhà cao, phúc lộc ven toàn, người quân tử đến gần làm thân, tiểu nhân sợ hãi bỏ đi.

Vận năm- **Giới Quan**: Được thăng chức quyền. Lập công. **Giới Sĩ**: Đỗ đạt. **Giới khác**: Thu hoạch có lợi.

41 - SƠN TRẠCH TỐN

----- **Tốn** là Ích, (mình chịu Tốn một ít để làm lợi
----- cho người. Gần như Hỷ xả. Tốn mà không mất
----- hẳn, vì có cơ được hồi lại, gần như đầu tư ngày
----- nay) (*). Thuộc tháng 7. **Lời Tượng**: Dưới Núi
----- có Đám là quẻ Tốn. Người quân tử được quẻ
----- này, coi đó mà dẫn ép khí giận tức, ngăn lấp
lòng ham muốn của mình. **Toán Hà Lạc giải**:
Những tuổi **Đinh**: Tị, Mão, Sửu; **Bính**: Tuất,
Tý, **Dần**, được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 7
là cách công danh, phú quý.

(*) **Ghi chú quan trọng:** Lời giảng trên là chép theo sách Học Năng. NHL và PBC giảng quẻ Tồn nhấn mạnh một ý khác. *Tồn là Giảm bớt (hao tổn), là Tồn dưới Ích trên, nên Ích trên không vững thành ra Tồn.* Trình Di và Chu Hy cũng nhấn mạnh: Quẻ Tồn sở dĩ gọi là Tồn vì nó Tồn ở dưới mà Ích lên trên. Ôi, bớt của trên mà thêm cho dưới thì là quẻ Ích (xem quẻ Phong Lôi Ích), bớt của dưới thêm cho trên thì là quẻ Tồn; lấy bớt nền gốc để đắp cho cao, há gọi là Ích được chăng?

NHL giảng: Quẻ này là nguyên quẻ Thái, ở quẻ nội Cấn, bớt hào dương thứ ba đưa lên thêm vào hào cuối cùng của quẻ ngoại Khôn ở trên, thành quẻ Cấn, lại bớt hào âm trên cùng của quẻ ngoại Khôn đưa xuống làm hào 3 quẻ nội, thành quẻ Đoài, nên gọi là Tồn: bớt đi. PBC bình luận: Thế là nguyên quẻ Địa Thiên Thái, biến hai hào mà thành Sơn Trạch Tồn. Hễ thời đại đã đến Tồn, thì nền tảng Thái đã hỏng rồi, đó là thâm ý của thánh nhân đặt tên quẻ.

Lại có thể hiểu: Khoét đất ở dưới (quẻ Đoài) đắp lên trên cao cho thành núi, chằm càng sâu, núi càng cao, càng không vững phải đổ, nên gọi là Tồn (thiệt hại).

Giảm đi không nhất định là tốt hay xấu. Còn tùy mình cố chí thành, không làm lỡ thì mới tốt. Ví dụ việc cúng tế, cần lòng chí thành trước hết, còn đồ cúng không quan trọng, dù đạm bạc mà tâm thành thì cũng cảm được quý thần. Giảm đi như vậy để tiết kiệm, thì không có lỗi.

Thoán truyện giảng thêm: phải biết tùy thời; nếu cương quá thì bớt cương đi, nếu nhu quá thì bớt nhu đi, nếu vui quá thì làm cho bớt vui đi, nếu văn sức quá thì bớt đi mà thêm phần chất phác vào; chất phác quá thì thêm văn sức vào. Dân nghèo mà bóc lột của dân thêm vào cho vua quan là xấu; nhưng hạng dân giàu thì bắt họ đóng góp thêm cho quốc gia là tốt; tóm lại phải tùy thời; hễ quá thì giảm đi cho được vừa phải.

Đại tượng truyện thường đứng về phương diện tu nhân, khuyên người quân tử nên giảm lòng giận và lòng dục đi (quân tử dĩ trừung phẫn, truat dục).

Hào 1 dương

*Nghĩ việc mình (hào 1) mà tiến lên gấp giúp ích người (hào 4), không lỗi, nhưng cũng nên cân nhắc sự tổn kém (nên chám chước, cái gì nên giảm bớt của mình để giúp cho 4 thì hãy giảm). NHL giảng: Hào 1 dương cương, ứng với hào 4 âm nhu ở trên; theo nghĩa thì nên giúp ích cho 4. Nhưng cũng đừng nên để thiệt hại cho mình quá; như vậy là cùng hợp chí với người trên ở thời Tổn (rút bớt). **Toán Hà Lạc giải:** Nói sự tốt đẹp của đạo bề bạn.*

MHC: Không vì mình mà tùy cơ ứng biến giúp người, nên công rõ, danh thơm.

MKHC: Thì khéo việc người, vụng việc mình, tiến thoái khó thành, cơm áo lo toan, phúc kém.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vì nước quên nhà, ngày thêm vinh, thêm ái mộ. **Giới Sĩ:** Hợp chí người trên, sẽ được lựa chọn. **Người thương:** Hoạch lợi. Số xấu: do ăn uống hỏng việc.

Hào 2 dương

Lợi ở sự giữ điều chính, đi ngay (để giúp hào 5) là xấu. Không làm tổn đức của mình, tức là giúp ích cho hẳn đấy (nêu gương chính đáng, cách giúp cái tiêu cực). NHL giảng: Quẻ này có nghĩa tổn dương cương (quẻ Càn ở dưới) để làm ích cho âm nhu (quẻ Khôn ở trên); cho nên hào này (dương cương), nên giúp ích cho hào 5 (âm nhu), cũng như hào 1 giúp ích cho hào 4. Nhưng hào 5 bất chính (âm mà ở vị dương), hay đòi những điều bất chính, nếu hào 2 bỏ đức cương và trung của mình đi mà vội vàng chiều lòng 5 thì sẽ xấu. Phải giữ đức cương trung thì mới lợi (lợi trình). Không làm tổn hại đức cương trung của mình, cũng là một cách khuyên hào 5 phải bỏ tính bất chính đi, như vậy là giúp ích cho 5 đấy. PBC nhấn mạnh: Hào 2 dương lợi về giữ chính, nhưng Lỗi Tượng lại chú trọng chữ Trung. Bởi vì Trung quý trọng hơn Chính, đã được

trung, tức là chính. Nếu chính mà thôi, chưa chắc đã trung. Vậy nên lấy chữ Trung bao chữ Chính. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ chính là có hiện lực to.*

MHC: Giữ chính là làm ích cho người, dù không hiển đạt lớn, cũng đủ làm gương tốt, đối được kẻ tham ra liêm, kẻ lười ra chăm, duy trì được mỹ tục nơi thôn dã.

MKHC: Thì cũng là người chân chất, của cái đủ dùng, suốt đời không bị tổn hại.

Vận Năm- **Giới Quan:** Cố thủ, không thay đổi. **Giới Sĩ:** Giữ nghiệp thường, khó tiến. **Người thường:** Cần trọng giữ gìn, không mưu tính gì xa xôi.

Hào 3 âm

Ba người đi thì bớt một người. Một người đi thì được thêm bạn. NHL giảng: Theo tượng quẻ Thái, quẻ nội Càn có ba hào dương, bớt đi một để đưa lên trên; quẻ ngoại Khôn có ba hào âm, bớt đi một để đưa xuống dưới, thành quẻ trũng tồn. Hào ba dương đi lên, hào trên cùng âm xuống dưới, tương đắc với nhau, thế là tuy tách ra, đi một mình mà hoá ra có bạn. Xét trong vũ trụ thì một âm một dương là đủ, nếu thêm một âm hay một dương nữa, thành ba thì thừa, mà nếu chỉ có một âm hay một dương thì thiếu, phải thêm một âm hay một dương mới đủ. Việc người cũng vậy, hai người thành một cặp, thêm một người thì dễ sinh chuyện, mà nếu chỉ có một người thôi thì lẻ loi quá, phải kiếm thêm bạn. PBC phụ chú: Nguyên thủy trong vũ trụ chỉ có chữ số Không (0) mà bắt đầu thành ra có số, số đầu tiên là Một (1), đặt số Một lên trên số Không mà thành ra Mười (10), cứ thế tiến lên mãi thành trăm, nghìn, ức, triệu... Nguyên lý trong vũ trụ chỉ có cái Một, nhưng mà đã có sinh tất có thành, nên lại phải có Một nữa để đối với Một thành ra Hai, đến Hai là bao học hết công dụng ở trong vũ trụ. Tuy vận trạng thiên hình nhưng rút cục chỉ có Một với Một là vậy. Tỷ như một âm một dương, một thiện một ác, một sống một mái, có thứ gì

tránh khỏi Một với Một đối với nhau đầu. Nên Lời Kinh Dịch mới có hai chữ *trí nhất* (như *chuyên nhất*). Theo về đạo lý vẫn là trí nhất, mà kể về việc làm, lại nên trí nhất lắm. Không kể học thuật, văn nghệ, thực nghiệp, công tác, hễ làm việc gì phải chuyên nhất việc ấy, nếu không chuyên nhất thì khó mà làm nên. **Toán Hà Lạc giải:** *Chơi với nhiều bạn, phải chọn bạn.*

MHC: Giữ điều nhân, chọn điều thiện, không những ích cho mình, mà lợi cho văn hóa đất nước.

MKHC: Cũng khéo giao lưu, không tổn phúc nhà.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có sự hợp tác. **Giới Sĩ:** Kết bạn cùng chí hướng, ích lợi, tiến tới. **Người thường:** Hiệp lực đồng đảo. Được lợi. Hôn nhân thành. **Tàng ni:** có đồng tín đồ theo.

Hào 4 âm

Giảm bớt cái tật (âm nhu) của mình, khiến làm cho nhanh thì có mừng, không lỗi. NHL giảng: Hào này có tật âm nhu, được hào sơ dương cương sửa tật đó cho mau hết, tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Khiến người biết xem xét lại mình, mà làm cho nhanh.*

MHC: Mạnh bạo theo lành, vui lòng sửa lỗi, đi lên chỗ cao, không lưu chỗ thấp, công danh thành đạt, phúc nhà sâu dày.

MKHC: Có tật phải mau dùng thuốc, có lỗi phải sửa nhanh, nhỏ thì gian nan, lớn được yên lành.

Vận Năm- **Giới Quan:** Đi lên. **Giới Sĩ:** Có mừng. **Người thường:** Thu lợi. Tai nạn thoát, bệnh khỏi, tối ra sáng, buồn hóa vui.

Hào 5 âm

Thình lình (hào 2) đem lợi ích đến cho mình, to lớn như mười con quy (một số đếm đời xưa), không từ chối được,

vì tốt nhất. NHL giảng: Hào này ở vị tối cao, nhu mà đặc trung, được hào 2 dương tận tình giúp ích cho, như cho mình một con rùa rất lớn. Sở dĩ vậy là hào này, đặc trung mà hiền (nhu) nên được lòng người, cũng như được trời giúp cho vậy. **Toán Hà Lạc giải:** Có đức, ngôi vị tôn, tất được người hiền giúp việc lớn.

MHC: Được người hiệp lực, đạo trị nước thành, nhân tâm về với mình, phúc nhà thịnh vượng.

MKHC: Cũng xuất chúng, nơi làng nước ngưỡng mộ, thân vinh, nhà vượng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Gần mặt trời. **Giới Sĩ:** Đổ cao. **Người thường:** Đại phát tài. Nhưng phòng có tang.

Hào 6 dương

Chẳng làm tổn ai nữa (làm tổn đến cùng rồi) mà làm ích cho người ta (cho hào 3), không lỗi gì, giữ chính nên tốt, đi thì có lợi đấy. Tiến đi, sẽ được người quy phục mình, chẳng phải nhà mình mới là nhà. NHL giảng: Hào này tối nghĩa, mỗi sách giảng một khác, chúng tôi châm chước theo PBC. Dương cương ở trên cùng quẻ Tổn, nên đem cái cương của mình giúp cho nhiều hào âm nhu, chính đáng như vậy thì tốt, mà chẳng hại gì cho mình, vì mọi người sẽ quý mến, quy phục mình. Có người hiểu là đừng làm hại, mà làm ích cho người thì tốt. Lẽ ấy dĩ nhiên rồi.

Đại ý quẻ này là Tổn chưa chắc là xấu, Ích (tăng) chưa chắc đã tốt; còn tùy việc, tùy thời, hễ quá thì nên tổn để được vừa phải, thiếu thì nên ích, và mình nên chịu thiệt hại cho mình mà giúp cho người. **Toán Hà Lạc giải:** Gắng công, chính đạo. Làm lợi ích cho bên dưới.

MHC: Lòng để ở thiên hạ. Chí đẹp để ở lớp cùng dân, lập công huân, hưởng phú quý.

MKHC: Không tham, không mưu toan gì, cũng được ấm no. Gần người hiền. Buôn bán thì có lợi, hoặc làm tăng đạo cũng tốt.

Vận Năm-Giới **Quan**: Được dân mến. **Giới Sĩ**: Toại chí. **Người thường**: Được đại lợi. Nhiều quý nhân giúp. Ra vào đều có lợi.

42- PHONG LÔI ÍCH

----- Ích là Tồn trên mà Ích dưới, cuối cùng mới
----- thật là Ích. Thuộc tháng 7. **Lời Tượng**: *Gió*
----- *Sấm là quẻ Ích. Người quân tử được quẻ này,*
----- *coi đó mà bề thấy điều lành thì dời đến gần,*
----- *có điều quá thì sửa ngay.* **Toán Hà Lạc giải**:
----- Những tuổi **Canh: Tý, Dần, Thìn; Tân:**
Mùi, Tị, Mão được quẻ này rất tốt. Lại sinh
tháng 7 là cách công danh, phú quý. Sinh từ
tháng 2 đến tháng 6 thì phúc đầy. Các tháng
khác phúc nhỏ.

NHL giảng: Quẻ này trái với quẻ Tồn. Quẻ ngoại vốn là Càn, bớt một hào dương thành quẻ Tồn. Quẻ nội là quẻ Khôn, được một hào dương quẻ Càn thêm vào, thành quẻ Chấn. Vậy là bớt ở trên thêm (Ich) cho dưới; còn quẻ Tồn là bớt ở dưới thêm cho trên. Xét về tượng quẻ thì sấm (Chấn) với gió (Tồn) giúp ích cho nhau vì gió mạnh thì tiếng sấm đi xa, mà sấm lớn thì gió mới dữ. Vì vậy mới gọi là quẻ Ich.

Mình ở địa vị cao mà giúp cho người ở thấp, càng làm càng có lợi, khó khăn gì rồi kết quả cũng tốt.

Thoán truyện giải thích thêm: Xét hào 2 và hào 5, đều đắc trung đắc chính cả, lấy đạo trung chính mà giúp ích cho dân, dân sẽ vui vẻ vô cùng mà đạo càng sáng sửa.

Nhưng quẻ này cũng như quẻ Tồn, tốt hay xấu còn tùy cách thức làm và tùy thời nữa. Dân đói, không có gạo ăn mà cưỡng bách giáo dục, dân rét, không có áo bận mà cấp cho xà bông thì việc giúp ích đó chỉ có hại. Đại tượng truyện đứng về phương diện tu thân khuyên: Thấy điều thiện thì nên tập làm điều thiện, thấy mình có lỗi thì sửa lỗi.

PBC phụ chú: Tồn dưới ích trên thì trên vẫn được ích, có sao tên quả gọi là Tồn? Tồn trên ích dưới, thì kẻ trên có phần tồn, có sao tên quả gọi là ích? Chẳng phải là viển vông lắm hay sao? Ôi lý thuyết thế, thật là đúng lắm, đúng lắm. Xưa Lão Tử nói rằng: muốn sang tất lấy người hèn làm gốc, muốn cao tất lấy đám thấp làm nền.

Vậy nên xem thấy phía trên bị lung lay, thế là tồn dưới kết quả làm cho kẻ trên cũng phải tồn. Trên chỉ lo làm ích cho mình, té ra dưới bị tồn, mà mình cũng chịu tồn, nên đặt tên là quả Tồn.

Trái lại, trên chỉ biết lo làm ích cho dưới, dưới đã thụ ích, mà cuối cùng mình cũng thụ ích, nên đặt tên quả là Ích, chỉ xem hai chữ tên quả mà thấy xưa nay đều thế cả (vạn cổ bất dịch). Thoán truyện bàn về quả Ích có câu: *Lợi về qua sông lớn*, PBC phụ chú: Hiệu quả của ích dưới, nếu ở lúc bình thường, vô sự, thì ích còn nhỏ, duy đến lúc hiểm trở gian nan, mới thấy được ích rất lớn. Xưa Mạnh Thường Quân làm thủ tướng nước Tề, cho dân huyện Triết vay, kể có hàng mấy vạn (bạc), đến khi sai người đi thu nợ, khách là Phùng Hoan xin lệnh khoán đi thu. Lúc ra đi, có hỏi Mạnh Thường Quân rằng: Thu được nợ thì mua gì đem về? Mạnh Thường Quân bảo: Cứ xem trong nhà ta có cái gì không sẵn, tùy ý anh liệu mua.

Phùng Hoan ra đi mang giấy khế nợ đầy một xe, vừa tới huyện Triết, thấy dân huyện gặp năm mất mùa đói kém, cảnh sống tiêu điều. Phùng Hoan tức thì họp dân huyện mà nói rằng: Quan thủ tướng bảo ta ra đây cốt để xem dân tình, chứ không phải cốt đòi nợ đâu. Bây giờ dân tình khốn khổ thế này, ta thể lòng thủ tướng, tha ráo nợ cho dân. Lập tức đốt bao nhiêu khế ước ở trước mặt dân. Phùng Hoan mang hai tay trắng về phục mệnh trước Mạnh Thường Quân. Thủ tướng mới hỏi rằng: Sao anh về hai tay không chứ? Phùng Hoan nói: Tôi thấy dân huyện đói khổ quá, nên khế ước tôi đốt ráo. Xem trong nhà ngài, bao nhiêu đồ sang vật lạ, sẵn thấy thừa cả rồi, duy có một thứ còn thiếu, là giống Nghĩa.

Tôi đem giống Nghĩa ấy về hiến ngài. Mạnh Thường Quân có ý không bằng lòng, nhưng cũng tự nhiên cho qua, mời Phùng Hoan ra nhà khách.

Chẳng bao lâu Tề vương mất, vua con nối ngôi. Các quý thích, đại thân, thầy ghét thế lực Mạnh Thường Quân, dèm vối vua đủ điều xấu về Mạnh Thường Quân. Vua bèn cách chức thủ tướng, hạ lệnh đuổi Mạnh Thường Quân không cho ở kinh đô nữa. Mạnh Thường Quân kinh hoàng e tính mệnh khó toàn. Phùng Hoan vào bàn với Mạnh Thường Quân mau gấp rút trở về huyện Triết. Mạnh Thường Quân nghe lời, nửa đêm thành lĩnh ruổi xe ngựa chạy mau về huyện Triết, tới địa giới chính vừa nửa ngày. Dân huyện nghe Mạnh Thường Quân về, già trẻ gái trai đổ ra hết, đón xe Mạnh Thường Quân, xúm nhau trước ngựa và hô lớn rằng: Cha huyện ta đã về. Hai bên xe dân học có mấy vạn.

Mạnh Thường Quân quay lại nói với Phùng Hoan rằng: Ngày nay tôi mới biết cái lợi mà tiên sinh mua nghĩa, hữu hiệu lớn như thế. Vua Tề nghe chuyện ấy, sợ Mạnh Thường Quân quá đặc nhân tâm, e có ngày làm phản chăng, lập tức mời Mạnh Thường Quân trở về nước, cho làm lại chức thủ tướng như xưa, lại nghiêm trách những kẻ khi xưa dèm Mạnh.

Chúng ta thử xem việc ấy mới biết tổn trên ích dưới, mà lợi ở sang sông lớn, chẳng phải là lời nói suông thôi đâu.

Thoán truyện còn bàn thêm nghĩa quẻ Ích: Tuy đạo làm ích cho dưới lớn vậy nhưng cũng phải hợp với Thời. PBC giảng: Làm đúng với Thời, tức là ích, làm trái với Thời tức là vô ích. Tỷ như đương mùa cây cấy mà bảo dân đi làm đường, đương mùa bão lụt mà bảo dân đi đào sông... há phải không làm ích đâu, nhưng vì trái với Thời, thì chẳng những đã vô ích mà lại làm tổn nữa. PBC phụ chú: Chữ Thời ở hai quẻ Tổn và Ích rất có thú vị. Lý vận nhất định mà Thời không nhất định. Thời thường có biến (chuyển) mà đạo lý cũng nhân đó mà có kinh, có quyền (ý nói có linh hoạt, có biến hóa). Tổn dưới vẫn không phải là hay, nhưng gặp khi quyền biến cũng

phải tùy thời mà tồn dưới. Tỷ như: trong nước gặp lúc binh lửa, mộ của dân mà giúp cho chính phủ, chẳng phải là tồn dưới hay sao, nhưng chẳng qua là tạm thời mà thôi. Vì thời đáng tồn mà tồn, là thuộc về nghĩa quyền biến. Còn như đáng ích mà ích, thì tồn trên ích dưới, chính là đạo lý thường xuyên, thời nào cũng phải như thế. Thánh nhân sợ ta không hiểu nghĩa ấy, vậy nên ở trong hai quẻ, chung có một chữ Thời.

Hào 1 dương

Lợi dụng (sự giúp đỡ của người) mà làm việc lớn, tốt nhất, không lỗi gì. NHL giảng: Hào này dương cương, làm chủ quẻ nội Chấn, là muốn hành động, được hào 4 ở trên ứng viện, cho nên muốn lợi dụng sự giúp đỡ để làm việc lớn; nhưng phải khéo tính toán, hành động cho đúng, hoàn thiện, tốt nhất, thì mới không có lỗi. Sở dĩ khuyên như vậy là vì hào này ở địa vị thấp, không nên lãnh việc nặng nề quá. **Toán Hà Lạc giải:** Có nhiều việc lớn để làm và việc làm có nhiều điều thiện.

MHC: Làm việc lớn, lập công to, sự nghiệp lâu dài, chu tất, vẹn toàn.

MKHC: Cũng làm lành, lớn thì việc to, nhỏ thì canh tác, của nhà hưng vượng.

Vận Năm- Giới Quan: Lên cao. **Giới Sĩ:** Trúng tuyển lớn. (có thể là tầm cỡ Đại học, đại sư, đại đức) **Người thường:** Cũng có công việc lớn, lợi lộc lớn.

Hào 2 âm

Có người đem đến cho một mối lợi lớn (một con rùa quý), chẳng từ chối được, cố giữ đức trung chính thì tốt. Nếu là vương thì dùng lễ dâng lên Đế, tốt. NHL giảng: Hào này âm, nhu thuận, trung chính nên được người trên giúp ích cho

nhiều (như cho mình một con rùa quý - coi hào 5 quẻ Tồn ở trên), không từ chối được, cứ giữ vững đức trung chính thì tốt. Ví dụ: là nhà vua mà có được đức trung chính để cầu Trời, thì Trời cũng giúp cho. **Toán Hà Lạc giải:** *Trên dưới đều hưởng ích lợi.*

MHC: Vô tư, được bạn tốt đến với mình, trên yêu, dưới kính.

MKHC: Giữ mình, kính trên. Thu dùng đầy đủ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thường:** Buôn bán hoạch lợi. Hưởng lộc tế tự. Được phúc.

Hào 3 âm

Giúp ích cho bằng cách bắt chịu hoạn nạn (hay trừng phạt) *thì không có lỗi.* (Hào 3 bất trung bất chính). *Nếu giữ lòng tin, cứ đạo trung mà hành động, thì được dùng ngọc Khuê để báo công lên* (hào 6). NHL giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, đáng lẽ không được giúp ích, nhưng ở vào thời ích thì cũng được giúp; có điều là giúp cho bằng cách bắt chịu hoạn nạn, để mở mắt ra thành người tốt; cũng như trừng trị để sửa lỗi cho vậy. Nhưng 3 phải thật chân thành sửa mình theo đúng đạo trung thì rồi sự cải quá của nó sẽ được bề trên biết, chân thành cải quá ấy như chiếc ngọc khuê (ngọc trắng mà trong) nó dâng lên bậc "công" (vương công), sẽ được nhận. PBC phụ chú: Câu *giúp ích cho bằng cách bắt chịu hoạn nạn*, mới đọc qua thật là khó hiểu, hoạn nạn là việc xấu, cố sao lại bảo là giúp ích cho, chúng ta nghĩ cho thật kỹ, mới biết là rất hay. Vốn là tính người ai cũng có thể làm được việc lành, làm việc lành thì có phúc. Nhưng khí chất người ta có trí, ngu, minh, ám khác nhau, thì cách làm ích cho người có khác nhau. Nếu gặp người ngu, ám như hào 3 âm, mà lại làm ích cho những việc bình thường, thuận lợi, chắc nó lại kêu dâm mắc lấy họa, chẳng phải là yêu nhau

mà lại bằng mười phụ nhau hay sao? Vậy nên, muốn làm ích cho nó, tất phải dùng việc khốn khó gay go. Tục ngữ ta có câu: Thương cho roi cho vọt; hoặc Thuốc đắng dã tật, là ý hào này. **Toán Hà Lạc giải:** *Hết đạo trung với nước.*

MHC: Làm việc nước, tận tụy cứu dân, làm ích cho văn hóa.

MKHC: Vào sinh ra tử, đổi nguy thành an, được tôn quý, tin dùng, sống lâu, hưởng phúc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Ra quân, lập công to. **Giới Sĩ:** Thành danh, được tuyển dụng. **Người thường:** Được lợi. Số xấu thì càng xấu, sợ tranh tụng cửa quan, tai họa.

Hào 4 âm

Làm theo đức trung rồi thưa với trên (hào 5), thì trên sẽ theo (địa vị hào 4 quan trọng nhất trong thời ích, chỉ kém đức trung). Lợi dụng đạo trung làm điểm tựa thì dù việc lớn như việc dời đô cũng làm nổi. NHL giảng: Hào này lên tới quốc ngoại rồi, có địa vị cao, trách nhiệm quan trọng, thân cận với vua, nhưng kém đức trung nên Lời Hào khuyên ráng theo đạo trung mà cáo với bề trên (bậc vương công) thì bề trên sẽ nghe mà có thể làm được việc lớn như dời quốc đô. PBC lấy ví dụ như sử ta, vua Lê Thái Tổ nghe lời Lê Chích mà dời đô vào Nghệ An. Trần Đế gặp nạn Mông Cổ mà thiên đô vào Thanh Hóa. Lời Kinh nói dù việc lớn như dời đô, ý nói việc dẫu to lớn như thế, cũng làm nổi, thì việc nhỏ không cần phải nói. Ý Kinh không hạn định một việc dời đô mà thôi dẫu. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm ích cho dưới nên trên thì người lãnh đạo, dưới thì dân chúng đều tin theo.*

MHC: Công minh, chính đại, lập công huân lớn (hạng nhất) trên dưới đều mến phục.

MKHC: Việc công được như ý. Dụng nghiệp, sáng tạo, đổi mới.

Giới Quan: Trách nhiệm trọng đại. Trên mền. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. Thành danh. **Người thường:** Có việc tu tạo. Đối đời, vui vẻ. Khi có kiện tụng, có thể trình bày phải trái được.

Hào 5 dương

Có lòng chí thành, thực hiện ân đức, thì chẳng cần hỏi, cũng biết là rất tốt rồi. Thiên hạ ai cũng tin vào đức ban ân huệ của ta (Hào 5). NHL giảng: Hào này là ông vua có tài đức, vừa trung vừa chính, có lòng chí thành ban ơn đức cho dân, cho nên rất tốt. Dân do đó rất tin vào đức của vua (chữ *ta* ở đây trở hào 5). **Toán Hà Lạc giải:** *Làm ích cho dưới, chứng mình được lòng thành của mình, có cơ được đáp ứng.*

MHC: Tài đức phụ tá, được việc nước, cảm phục được lòng dân, công danh thành đạt, phúc lộc đều cao.

MKHC: Cũng nhân hậu, có lòng làm ơn huệ cho người, nên được hưởng phúc. Là tăng ni thì thông tuệ. Buôn bán thì tử tế.

Vận Năm- **Giới Quan:** Gặp lãnh đạo sáng suốt. **Giới Sĩ:** Tiến thủ thành danh. **Người thường:** Việc làm ăn được như ý. Tăng ni: ở vị trí thấp được biết đến, được trân trọng đánh giá.

Hào 6 dương

Chẳng làm ích thêm nữa (ích đến cùng rồi) lại có kẻ đả kích mình nữa (Học Năng dịch: hoặc đánh đuổi đi thì có oán), lập tâm không theo đạo hằng (không hằng tâm, giữ cho lòng luôn luôn tốt), xấu. NHL giảng: Hào này dương cương, ở cuối quẻ Ích, là có lòng cầu ích đến cùng cực, tất bị nhiều người oán, như vậy chỉ vì không giữ được hằng tâm. Theo Hệ từ truyện, chương V, Khổng tử áp dụng hào này vào phép sử thế, khuyên người quân tử làm cho thân mình được yên ổn rồi

sau mới hành động, lòng mình được bình dị rồi sau mới thuyết phục người khác, làm cho giao tình được bền rồi sau mới yêu cầu, mà khỏi bị dân từ chối. Không từ hiểu "hằng tâm" là như vậy chăng? Quẻ Tồn vốn xấu mà hào cuối lại tốt, được chữ "tốt", "đi thì có lợi *". Quẻ Ich này vốn tốt mà hào cuối này lại rất xấu, bị chê là "xấu". Cũng chỉ là luật *trên thì cuối cùng sẽ đổ* (cuối quẻ Ich), *dưới thì cuối cùng được thêm vào* (cuối quẻ Tồn). Đó là luật thiên nhiên mà Nho, Lão, Dịch học phải đều coi là quy tắc xử thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Cầu ich đến cùng, hoặc đến nổi phải đánh đuổi (đả kích) thì lòng người sẽ oán.*

MHC: Tham lam tài, vật, cầu danh, lợi. Lập tâm giữ cho lòng tốt được bền (đạo hằng) thì may còn đỡ tai họa.

MKHC: Hiềm trá, lợi mình hại người, tai họa cùng đến, thân nhà khó giữ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Coi chừng tham nhũng, bị phạt, đổi. **Giới Sĩ:** Cạnh tranh bị nhục. **Người thường:** Chuyện vụ lợi, bị oán trách, hình khắc, tổn thương thể thâm.

43 - TRẠCH THIÊN QUẢI

----- **Quải** là Quyết (quyết đấu, quyết tâm, quyết nghị, quyết đoán). Thuộc tháng 3. **Lời Tượng:**
 ----- *Nước đầm dâng lên đến tận trời là quẻ Quải.*
 ----- *Người quân tử coi quẻ này mà ban phát lợi lộc*
 ----- *cho khắp bên dưới (1 hào âm ban phát xuống 5*
 ----- *hào dương) ở nơi đạo đức thì phải biết kiêng sợ*
 ----- *lầm lỗi.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Giáp**
 hoặc **Nhâm: Tý, Dần, Thìn; Đinh: Hợi, Dậu,**
Mùi được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 3 là
 cách công danh, phú quý. Kiền, Đoài đều là
 Kim, sinh mùa Thu là được mùa.

NHL giảng: Lời Thoán: *Quyết liệt: Phải tuyên cáo tội ác của nó ở sân vua, lấy lòng chí thành mà phát hiệu lệnh. Có điều nguy sợ đây, phải tự răn phe mình đã, đừng*

chuyên dùng vũ lực, được như vậy thì sự nghiệp của mình càng tiến tới, có lợi.

NHL giảng: Châm (Đoài), ở trên trời, trời (Cần) ở dưới, là nước châm (đắm) dâng lên ngập trời, tất nhiên các đê ngăn nước phải nứt vỡ khắp nơi. Lại thêm năm hào dương tiến lên, quyết tâm diệt một hào âm ở trên cùng. Vì hai lẽ đó mà quẻ này đặt tên là Quải.

Quẻ này thuộc về tháng 3 âm, âm sắp tiêu hết, suy đến cực rồi. Tuy nhiên vẫn phải đề phòng, phải tuyên bố tội ác của tội nhân trước công chúng, rồi lấy lòng chí thành để ban lệnh. Mặc dầu vậy, vẫn có thể gặp nguy được (cổ nhân thật dè dặt) cho nên phải răn phe mình đoàn kết, hành động đồng lòng, mà đừng nên chuyên dùng võ lực. PBC nhấn mạnh: Sự lý trong thiên hạ, rất không bình thường là *cơ họa phúc*, rất bất trắc là *minh tiểu nhân*, nên thánh nhân lại răn rằng: Phe quân tử mạnh nhưng chớ nên kiêu, phe tiểu nhân tuy suy, nhưng chớ nên khinh nó; phe quân tử tất phải luôn có lòng lo sợ, mà tính toán cho vẹn toàn. Vậy nên Lời quẻ rằng: *Có nguy*, cốt mong cho quân tử luôn đề phòng tiểu nhân. Vì quẻ ngoại là Đoài có nghĩa là hoà thuận, vui vẻ, bốn chữ "*đi thì có lợi*" có sách giảng là "cứ như vậy - tức không dùng võ lực- mà tiến tới thì có lợi". Thoán truyện giảng là: cứ tiến tới, đến khi trừ xong hào âm, chỉ còn toàn quân tử, thì mới là hoàn thành. PBC phụ chú: Năm dương khử một âm, năm quân tử trừ một tiểu nhân, đáng lẽ rất dễ, mà Lời quẻ lại có ý rất gay go. Trên quẻ Bác, năm tiểu nhân khử một quân tử, thánh nhân đã hết sức lo cho quân tử. Bây giờ quẻ Quải, năm quân tử trừ một tiểu nhân, mà thánh nhân lại răn đe quân tử, ý tứ Dịch thâm thúy biết chừng nào.

Đại tượng truyện khuyên nên ban phát lộc cho dân, cũng do cái ý của quẻ ngoại Đoài: vui vẻ, thuận. hoà.

Hào 1 dương

Hăng mạnh ở ngón chân bước lên trước, tiến lên mà không chắc thắng được, là có lỗi. (Hào 1 còn thấp quá).

NHL giảng: Hào này dương cương, hàng lăm, ở vị trí thấp nhất, tài còn non mà muốn tiến lên trước để diệt hào âm ở trên cùng, chưa chắc đã thắng mà cứ tiến lên là có lỗi (vì không lượng sức mình, không chuẩn bị kỹ). PBC phụ chú: Binh thư có câu rằng: Hễ cách cầm quân, đánh giặc, tính toán cách đánh được trước khi chưa xuất quân, như thế, thì chắc được. Ra đi ở trước khi chưa tính cách được, như thế, chắc thì phải thua. Như sử nước ta, triều Tây Sơn, vua Quang Trung nghe giặc Mãn Thanh vào Hà Nội, ngài sắp sẵn kế hoạch trước, sai người mang biểu ra đầu hàng với Mãn Thanh, để cho giặc sinh lòng kiêu, rồi liền chia năm đạo binh xuất kỳ bất ý, trực bức Long thành (thành Thăng Long), đuổi sạch 15 vạn quân Mãn Thanh, đó là thắng từ trước khi ra đi đã tính toán cách đánh thắng.

Lại như nước Xiêm La (Thái Lan ngày nay), đương lúc vua Gia Long cầu viện, vội vàng khinh địch, kéo hơn 15 vạn binh, xuống tận đất Cao Mên, toan cướp Nam Kỳ, chẳng dè bị vua Quang Trung kéo qua từ Bắc Thành, vào thẳng Nam Kỳ, chỉ một trận mà quân Xiêm đổ như lá rụng, đó là ra đi từ trước khi tính toán cách đánh thắng.

Huống hồ chẳng thắng cũng cứ đi, còn làm gì nên việc rư? ... Độc giả nên xem đến thâm ý của thánh nhân. **Toán Hà Lạc giải:** *Liệu không thắng nổi mà đấu với kẻ tiểu nhân thì khó tránh nguy biến.*

MHC: Xem thời rồi hãy tiến, thấy nguy thì khó tránh tai biến.

MKHC: Vô đức mà cứ sinh chí, khoe tài, phận dưới mà tranh trèo, họa sinh liên tiếp.

Vận Năm- **Giới Quan:** Bị hành án vì bạo động. **Giới Sĩ:** Mưu đồ bạt mạng nên bị oán trách. **Người thường:** Lo họa làm liều.

Hào 2 dương

Lo lắng mà kêu gọi, đề phòng, dù đêm hôm có giặc tới, cũng chẳng sợ. (Hào 2 đắc trung, đã phòng bị đủ cả).

NHL giảng: Hào này dương cương, quyết tâm tiêu diệt tiểu nhân, mà đặc trưng là biết lo lắng, đề phòng, cảnh cáo các bạn luôn luôn, khi vô sự mà như vậy thì khi giặc tới thành linh nửa đêm, cũng chuẩn bị sẵn sàng rồi, nên không sợ. PBC phụ chú: Lời Hào chỉ có ít chữ (trong Hán văn là 8 chữ), mà đủ tư cách làm người đại tướng. Xưa nay nhà binh sợ dĩ thất bại, chỉ vì hai cốt: Một là, khi chưa có giặc, chỉ lơ lửng, hững hờ, không biết nghĩa chữ *lo lắng, kêu gọi*. Hai là, thoát khi nghe giặc tới, thì kinh hoàng hoảng hốt, chính là không biết nghĩa *có giặc, chẳng sợ*.

Sứ nhà Đường khen một vị danh tướng rằng: Khi ông ở trong quân, suốt ngày lâm lâm như thể đương đối địch với giặc; khi có giặc mà lâm trận, thì lại khoan thai êm đềm như không muốn đánh. Đó chỉ là vì lúc vô sự mà hay *lo lắng, kêu gọi* (để phòng), nên lúc hữu sự, mới được *chẳng sợ*, như thế gọi là đặc trưng. **Toán Hà Lạc giảng:** *Có phòng bị cả rồi thì không lo nữa.*

MHC: Sửa trị từ lúc chưa loạn, bảo vệ nước từ lúc chưa nguy, đạo trung cảm được dân, uy tín ngăn trừ bạo, văn thành tên tuổi, võ có công lao.

MKHC: Đa mưu, đa biến, lo mừng bất thường; hoặc lập công hưởng lộc, theo quân, có danh.

Vân Nam- **Giới Quan:** Phần nhiều nắm quyền quân đội. **Giới Sĩ:** Được tuyển vào ngành võ, hoặc bán quân sự. **Người thường:** Hay kinh sợ nạn giặc cướp.

Hào 3 dương

Vẻ hăng mạnh lộ ra gò má, e có điểm dữ. (Hào 3 cương mà tỏ ra quá trung, thì dễ nguy). *Người quân tử quyết quyết* (bỏ tiểu nhân), *trước kia đã lỡ đi riêng một đường, gặp mưa ướt và lấm* (cảm tình với hào 6 tiểu nhân) *để có người giận ghét, bây giờ vẫn quyết thắng* (tiểu nhân), *thì không có lỗi.* **NHL giảng:** Hào này là dương cương nhưng bất trung,

lại ứng với hào âm (tiểu nhân) ở trên cùng là có ý phản bạn (các hào dương khác) mà thân với tiểu nhân, bây giờ nét mặt tỏ vẻ cường bạo với hào âm (tiểu nhân), thì kẻ tiểu nhân đó không ưa mà ngay các bạn quân tử của 3 cũng không ưa, (vì cho là giả dối?), có điều xấu đấy. Câu đầu: *Vẻ hăng mạnh lộ ra ở gò má* còn tối nghĩa, mỗi sách giảng một cách mà đều lúng túng. Lời hào khuyên cứ thật cương quyết bỏ hào trên cùng đi, đánh đổ nó đi, trước kia lỡ thân với nó mà xa các bạn, như một người đi riêng một đường, gặp mưa, ướt và lấm (ý nói mắc tội lỗi), bị bạn bè giận, bây giờ hợp lực với bạn, diệt xong hào âm đó rồi, sẽ rửa sạch được lỗi. Lời Tượng lại khuyên hào 3 dương vẫn chính ứng với 6 trên, vẫn trong đám quân tử, mà một mình đi riêng một lối. Nhưng mà trong đạo tương giao cốt ở tinh thần, không cần ở hình thức, nếu 3 thật có lòng quân tử quả quyết, thì cuối cùng chắc không tội lỗi.

Toán Hà Lạc giải: *Muốn quyết tính kẻ tiểu nhân, phải khôn khéo, đừng cương quá.*

MHC: Tài lớn, chí cương, mưu cơ sâu, lo xa, vì nước trừ hại, làm lành phong tục, công danh rất mực.

MKHC: Hăng tranh đấu, chuốc oán mua hờn, cô độc lo lắng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vất vả trừ gian. **Giới Sĩ:** Giận đời, ngược đời. **Người thường:** Hay thừa kiện. Đại để nên theo thiện, tránh tà, trước gian nan, sau yên tĩnh.

Hào 4 dương

Mông dít không da, đi chập choạng. (Hào 4 xấu). (Chỉ có cách) *Lừa bầy dê thì khỏi ăn năn* (nhường những hào dương đi trước, mình theo sau). *Nghe lời này chẳng tin sao?* (Có nghĩa hào 4 dở dang lấm). NHL giảng: Hào này dương bất trung và bất chính, ở hào vị âm, thấy mấy hào dương kia tiến, không lẽ nó cứ ngồi im, nhưng thiếu tài, tiến chập chững (như người bàn tọa không có da), chỉ có cách tốt nhất

là nhường cho các hào dương kia tiến trước, nó đi sau cùng như người lùa bầy cừu, như vậy không hận. Nhưng nó ở vị nhu, không sáng suốt, cho nên khuyên nó vậy mà không chắc nó đã nghe. **Toán Hà Lạc giải:** Chưa khéo, nên cần biết cái thuật quyết tình bọn tiểu nhân.

MHC: Tài đức, trí thức cũng khá mà không sinh khôn đi trước, nghe điều thiện biết theo, lập được công danh.

MKHC: Cố chấp, mê muội, lỡ việc hoặc điếc, què. Hoặc sinh nhai nghề chân nuôi.

Giới Quan: Bị ruồng bỏ vì bất lực. **Giới Sĩ:** Đỗ bết diện bằng cao. **Người thường:** Kiện tụng, bị đòn, hoặc bệnh ngứa lở, trĩ, hoặc tật ách ở tay, chân, khó đi.

Hào 5 dương

Rau nghiện-lục đấy (một loại rau như mã-xỉ, hay rau sam, nhiều khí âm, tức hào 6 âm, tượng tiểu nhân), *nếu cứ quyết quyết theo đạo trung mà đi* (ý đừng cảm tình với hào 6) *thì không lỗi gì.* NHL giảng: Hào này ở gần hào trên cùng, gần tiểu nhân (âm, ví như rau sam), như vậy không tốt, nhưng may nó là dương cương, đặc trưng đặc chính, nên không bị dận với hào trên cùng mà quyết tâm trừ đi. Hào từ khuyên phải giữ đạo trung thì mới không có lỗi (vì 5 vốn có tư tình với hào trên). **Toán Hà Lạc giải:** Bạc nguyên thủ phải quyết tâm đối phó kẻ tiểu nhân.

MHC: Sáng suốt không bị mưu gian của tiểu nhân, nghiêm túc về pháp luật Nhà nước, truyền thống nhân dân, nên công lớn, phúc dày.

MKHC: Nhút nhát, không quả quyết, thiên lệch, không hợp đạo trung, ưa thí những ơn huệ nhỏ để mang họa.

Vận Năm- **Giới Quan:** Phòng gian nịnh làm hại. **Giới Sĩ:** Lợi nhỏ. **Người thường:** Kinh doanh đắc ý, có kiện tụng thì được trình bày phải trái. Bệnh khỏi.

Không kêu khóc ai được (tiểu nhân hết thời rồi). *Kết cục là xấu*. NHL giảng: Hào này âm ở trên cùng quẻ Quải, bị 5 hào dương tấn công, nguy cơ tới rồi, không có hào nào giúp nó cả, cho nên khuyên nó đừng kêu gào vô ích, cuối cùng sẽ chết thôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Bè tiểu nhân đã hết, mà tai họa chưa lùi.*

MHC: Tuy phú quý, nhưng cây thối, áp chế người, lộng quyền, lấy của, ám hại người lành, sau ắt khó tránh tai họa.

MKHC: Người ghét mình, mình chẳng thân ai, động làm gì là hối tiếc, chẳng bền lâu.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nên dừng thoái thì tốt. **Giới Sĩ:** Khó tiến thủ, ẩn mình, tu là hơn. **Người thường:** Nên an phận thủ thường thì đẹp. Số xấu thì cốt nhục hình thương, thị phi những nhiều, người già lo tuổi thọ.

NHL bình giảng: So sánh quẻ Quải này với quẻ Phục chúng ta thấy dụng ý của cổ nhân. Quẻ Phục có 5 tiểu nhân kinh với một quân tử, trong số đó có một tiểu nhân (hào 4) làm nội ứng cho quân tử, cho nên được khen một mình biết trở lại điều phải. Quẻ Quải, trong số 5 quân tử đuổi một tiểu nhân, cũng có một quân tử (hào 3) thân thiện với tiểu nhân, cho nên khuyên là phải cương quyết tuyệt giao với tiểu nhân đi thì sẽ không có lỗi, còn hào 5 tuy không chính ứng với tiểu nhân, nhưng là vì ngôi chí tôn, cầm đầu phe quân tử, mà lại ở gần tiểu nhân (hào 6) cho nên cũng phải khuyên cương quyết diệt tiểu nhân thì sẽ không có lỗi.

PBC phụ chú: Đọc suốt 6 hào quẻ Quải, thì càng biết thủ đoạn thánh nhân rất cao. Năm dương quyết một âm, năm quân tử quyết một tiểu nhân, mà cứ sao mọi hào không có chữ Quyết. Duy hào 3 dương với 5 dương có 2 chữ *Quyết Quyết*. Chẳng phải là cơ quan họa phúc ở thời Quải nằm ở trong tay hai hào ấy hay sao? Mà thật vẫn có thể, hào Sơ tuy là quân tử mà vị thấp, tài hèn, may làm được một người anh hùng vô danh đã tốt rồi, nên phải lo cho *Sơ tiến chưa chắc*

thắng. Hào Hai vẫn là tay đại tướng, nhưng nếu vận chưa đến, chỉ là *lo lắng, kêu gọi* mà thôi. Hào 4 dương vẫn là một vị quân tử, có giá trị ở trong phe, nhưng vì có khí thế, mà tài chưa đủ, chỉ vừa làm một người đồng sự, ứng viện phía sau mà thôi, nên bảo rằng *lưu bất đề đi trước thì khỏi ăn năn*. Tụ trung duy có 3 dương với 5 dương. Ba (3) là bạn thân với 6 trên, âm, chính là một tay làm được nội gián cho bề quân tử. Nếu Ba mà có tâm thật tốt, thì ông Y Doãn về Kiệt, Dịch Nhân Kiệt thờ Chu, hưng Thương, phục Đường, chẳng phải tay 3 còn ai? Trong khi toàn Cần chuyển Khôn (ý nói dương thịnh toàn Cần thay Khôn), đổi sông thay núi, thật không thể thiếu được hạng người ấy, nên thánh nhân tán tụng cực kỳ mà cho rằng: *quân tử quyết quyết*. Đến như 5 dương, thì địa vị ở trên hết quần chúng, chính là lãnh tụ trong đám quân tử; dùng đầu óc mà khu xử tay chân, vận tài năng mà di chuyển cả thời thế, chính là nhờ vì hạng người ấy. Nếu người ấy mà dở, thì còn ai làm nổi việc thời Quải được rư? Nên thánh nhân tán cho rằng: *Quyết quyết, theo đạo trung mà đi*. Tóm lại, trong sáu hào mà công việc quyết quyết chỉ đặt trên vai 3 dương với 5 dương. Dùng 3 dương là biến hóa kỳ ảo, tôn 5 dương là đường lối chính thống. Nếu không 5 dương thì té ra rần không đầu, sao mà đi được; nếu không 3 dương, thì té ra đánh giặc không có nội công, sao mà thắng địch? Xem hai lời hào ấy thì thấy thủ đoạn thánh nhân càng đáng ghê. (Hai lần ca tụng).

44 - THIÊN PHONG CẦU

- **Cầu** là Gập gỡ. Thuộc tháng 5. **Lời Tượng:**
 ----- *Dưới trời có Gió là quẻ Cầu. Nguyên thủ coi*
 ----- *quẻ này mà thi hành mệnh lệnh, cho thông cáo*
 ----- *đi bốn phương* (Như gió thổi vào khắp vạn vật
 ----- *ở dưới trời). **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
 ----- **Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Nhâm hoặc Giáp: Ngọ,**
Thân, Tuất được quẻ này rất tốt. Lại sinh
 tháng 5 là cách công danh, phú quý.*

NHL giảng: Trời (Càn) ở trên, gió (Tốn) ở dưới, gió đi dưới trời, tất dụng chạm vạn vật, cho nên gọi là Cầu (gập gối). Quê này một hào âm mới sinh ở dưới (thuộc về tháng 5), dụng với 5 hào dương ở trên, cũng như một người con gái rất cường tráng, dụng với (Cầu) năm người con trai, chồng được với 5 người con trai; hào đó lại bất đắc chính (âm ở vị dương), giống như kẻ tiểu nhân đương lúc mạnh, dùng thân với nó.

Thoán truyện đưa thêm một nghĩa khác, trái hẳn, tương truyền là của Khổng tử: một hào âm xuất hiện ở dưới 5 hào dương, là âm dương bắt đầu hội ngộ (gặp nhau: cầu), vạn vật nhờ đó sinh trưởng, các phẩm vật đều rực rỡ, tốt. Lại thêm hào 5 dương cương, trung chính, thế là đạo quân tử được thi hành khắp thiên hạ. Cho nên ý nghĩa chữ "Cầu" này thật lớn lao. PBC bàn thêm rằng: Phải thêm chữ Nghĩa thì mới thấy hết ý nghĩa lớn lao của quê Cầu. Cầu có nghĩa là gặp gỡ, do đó quan hệ với nhân sự rất nhiều. Nhờ từ vợ chồng gặp nhau, bạn bấy gặp nhau, thầy trò gặp nhau, lớn đến thánh hiền hào kiệt gặp nhau, mới làm nên sự nghiệp quốc gia, xã hội, chăm lo được hạnh phúc cho dân tộc, dân sinh, như thế là nghĩa chữ Cầu to lớn lắm, nên nói rằng Thời Nghĩa (Thời của việc Nghĩa). Đại tượng truyện chỉ coi tượng quê, không để ý tới ý nghĩa gặp gỡ của quê, mà đưa ra lời khuyên, người quân tử nên thi hành mệnh lệnh, báo cáo, hiểu dụ khắp bốn phương, như gió thổi vào khắp vạn vật ở dưới trời.

PBC phụ chú: Thầy Thiệu (Khang Tiết) nói rằng: Quê Phục tiếp theo quê Bác, thì biết rằng Trị sinh ở Loạn đó mà. Quê Cầu tiếp sau quê Quải, thì biết rằng Loạn sinh ở Trị đó mà. Vì vậy nên thánh nhân phòng bị từ khi việc chưa thấy. Quê Bác là quê năm âm bác một dương, dương bác chưa hết, là đạo quân tử chưa tiêu hết, chốc đã sang quê Phục là một dương lại sinh, thì đạo quân tử đã toan trưởng rồi. Quê Quải là quê năm dương quyết một âm, âm quyết chưa được hết, cũng là tiểu nhân chưa trừ được sạch, vừa bắt liên sang Cầu, thì một âm đã lộ ra rồi, cũng là tiểu nhân đã nảy ra rồi. Thế mới biết cơ trời vạn vật, quan hệ ở tiểu nhân, quân

tử đắp đổi thịnh suy, nhưng quân tử thì khó vun trồng, mà tiểu nhân thì dễ nảy nở.

Hào 1 âm

Chặn nó lại bằng cái dây hãm bằng kim khí thì đạo chính mới tốt. Nếu để cho nó (hào 1) tiến lên thì xấu. Con heo ấy tuy gầy yếu, nhưng chắc sẽ có ngày nó nhảy nhót lung tung.

NHL giảng: Hào này âm (tiểu nhân) mới xuất hiện, phải chặn ngay nó mới được, đừng cho nó tiến lên thì đạo chính của người quân tử mới tốt, nếu để nó tiến lên thì xấu. Vì bây giờ nó tuy còn non, yếu, nhưng một ngày kia nó sẽ mạnh, nhảy nhót lung tung, đừng nên coi thường nó. Đó là cách trừ kẻ tiểu nhân mà cũng là cách trừ những tật mới sinh. PBC phụ chú: Thâm ý của thánh nhân chẳng những kiêng sợ quân tử, tiểu nhân ở hình thức mà thôi, mà kiêng sợ thứ nhất lại là quân tử, tiểu nhân ở tinh thần. Quân tử ở tinh thần là gì? Tức là thiên lý (lẽ trời). Tiểu nhân ở tinh thần là gì? Tức là nhân dục. Há phải quốc gia, xã hội có tiểu nhân, quân tử mà thôi, mà chính giữa thân ta, thì quân tử, tiểu nhân càng ghê gớm lắm. Hễ có một tư tưởng gì đúng với thiên lý (lẽ trời), tức là quân tử; hễ có một tư tưởng gì thiên về nhân dục (nên hiểu là dục vọng thấp hèn của con người, trái với thiên lý), tức là tiểu nhân. Chúng ta muốn ngăn ngừa tiểu nhân ở trong thân ta, tất phải hết sức ngăn ngừa nhân dục. Cái hại về nhân dục, e còn nặng nề hơn *con heo gầy mà nhảy nhót lung tung*; chỉ duy có *loại dây hãm bằng kim khí* mới ngăn ngừa nổi. Phàm ai đọc Kinh văn phải nghĩ đến lời ít mà ý sâu như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiểu nhân nên tự giữ mình.*

MHC: Học cổ, hành đạo, tuy không lập được sự nghiệp, nhưng cũng khôn khéo tu thân, bảo vệ nghiệp nhà.

MKHC: Tài nhỏ, sức ngắn, làm liều, gánh họa.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Bị hình phạt, khó tiến. **Người thường:** Gặp quý nhân, bạn tin cậy, hoặc được

vàng lụa. Đàn bà sinh nở. Số xấu thì phòng tật, tranh tụng, lo phiền; đàn bà: không thanh khiết.

Hào 2 dương

Cái bao có cá (Hào 2 là bao, hào 1 là cá), *không lỗi gì* (Vì hào 1 âm, tiểu nhân, không nhảy ra được). *Nhưng đừng cho nó* (hào 1) *gặp khách sẽ không lợi* (hào 4 ứng với hào 1 sẽ giúp làm điều trái đạo). NHL giảng: Hào này tuy ở sát hào 1, nhưng có đức dương cương lại đặc trưng, cho nên chế ngự được 1, như nhốt lỏng nó trong cái bao (ví hào 1 với con cá vì cá thuộc âm), như vậy không có tội lỗi. Nhưng 1 chính ứng với hào 4; 4 muốn làm thân với 1 lắm, nó bất trung bất chính, không có đức như 2, sẽ bị 1 mê hoặc mất, cho nên Hào từ khuyên hào 2 phải ngăn không cho 1 gặp 4 (chữ khách, trỏ hào 4). PBC giảng: ở vào thời Cấu là chú trọng về cách gặp nhau, nên có lời giảng như trên. **Toán Hà Lạc giải:** *Quân tử gặp tiểu nhân, giữ cho nó làm điều chính.*

MHC: Có tài lớn, rộng lượng, bao dung mọi vật, sống đời thường với dân.

MKHC: Thô bỉ, dối trá, không thích hàng xóm thân cận, ích mình hại người, cố chấp.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được thăng chức tước. Được hưởng cá vàng, cá bạc (?). (Có lẽ do tín hiệu cá ở hào 2 và tín hiệu kim khí ở hào 1). **Giới Sĩ:** Chẳng có người nhà nào. **Người thường:** Được vàng, lụa. Lợi về nước. Hoặc lợi về người giúp việc. Đàn bà có ghen.

Hào 3 dương

Mông dít không da nên đi chập choạng, nguy, nhưng không lỗi to. NHL giảng: Hào này quá cương (dương ở vị dương), bất trung, muốn có bạn là 1, nhưng hào 2 đã là bạn của 1 rồi, ngó lên trên có hào trên cùng ứng với 3, nhưng

cũng là dương như 3, thành thử có vẻ ngồi không an, mà đi thì chập chững, có thể nguy đấy. Nhưng nó đắc chính (dương ở vị dương) nên biết giữ đạo, không mắc lỗi lớn. **PBC** giảng: Theo lẽ thường, âm với dương vẫn ưa nhau, mà cả quẻ chỉ có hào Sơ là âm, nên anh nào cũng duyệt Sơ, nhưng vì Hai đã gặp Sơ rồi. Ba dương, tính cương, không chịu ngồi yên, bèn ứng với 6 trên nhưng 6 cũng dương, nên loạng choạng là như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Cương mà không gặp được ai, cũng nguy.*

MHC: Muốn có công danh thì không đủ tài, nhưng sống hoa lá thì thừa sức. Hoặc nhờ tổ nghiệp mà giữ được điền sản.

MKHC: Có lập, gian truân. Hoặc đau lưng, đau cẳng. Phúc nhỏ.

Vận năm - **Giới Quan:** Nên lùi bước. Bị hình phạt. **Giới Sĩ:** Tiến thủ được. Đỗ cuối bằng cao học. **Người thường:** Bị tai ách. Hoặc bị đòn.

Hào 4 dương

Bao không cá (Hào 1 chính ứng, đã ở trong bao của hào 2 rồi), *khởi đầu xấu* (hào 4 trở nên cô lập). **NHL** giảng: Hào này ứng với 1, nhưng bị 2 ngăn không cho gặp (coi lại hào 2), 1 đã như ở trong cái bọc của 2 rồi, cho nên cái bọc của 4 không có gì cả. Sở dĩ vậy cũng do lỗi của 4, bất trung bất chính, làm mất lòng 1. **PBC:** 4 là người ở vị trên, 1 là người ở vị dưới; người ở trên không thu phục được người dưới, chẳng phải là quan mất dân, thầy mất trò, chồng mất vợ hay sao? Làm người trên mà để đến nỗi người dưới bỏ mình, e chẳng bao lâu tai nạn phát sinh. **Toán Hà Lạc giải:** *Mất dân nên xấu.*

MHC: Quý mà không có địa vị, ở cao mà không có dân. Biết thời cơ, cố giữ mình, thì đỡ tai hại.

MKHC: Cầu danh, muốn có lợi lộc, mà mất cơ hội. Cô lập. Kém về người giúp việc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị về hưu. **Giới Sĩ**: Bị đình giảng. **Người thường**: Tranh tụng, bị điều tiếng. Người già tổn thọ.

Hào 5 dương

Cây Kỷ bao học, che chở cho cây Dưa (Hào 5 che chở cho hào 1), *hàm chứa vẻ tốt đẹp, như từ trời ban xuống*. NHL giảng: Hào này ở địa vị tối cao, dương cương, trung chính, có đức tốt mà không khoe khoang (ngậm chứa đức tốt), bao học cho kẻ tiểu nhân ở dưới (hào 1) như cây kỷ, cao, cành lá xum xuê che cây dưa (thuộc loài âm). Như vậy là hợp đạo trời, sẽ được trời ban phúc cho. PBC phụ chú: Quẻ này nguyên là quẻ Càn, vì hào Sơ dương biến động, mà hóa ra hào âm, thành ra quẻ Cấu. Bản thân hào Sơ trước ở quẻ Càn vẫn như rồng ẩn (tiềm long), nay sang quẻ Cấu thành con heo gầy. Một người vì hoàn cảnh thay đổi mà thiện, ác xa nhau đến thế. Chúng ta lo cải thiện nhân cách mà không lo cải thiện hoàn cảnh xấu, thì thế đạo làm sao khỏi có tiểu nhân? May thay ở thời Cấu này còn có 5 dương, cương, trung chính, nguyên trước ở vị thế rồng bay quẻ Càn. Bốn bạn dương nhờ 5 đũa đất, một hào Sơ âm bị 5 chế ngự, mà cơ họa chuyển thành phúc, xem ra trời phải chiều người (như từ trời ban xuống). **Toán Hà Lạc giải**: *Lấy dương khắc chế âm, chính là đạo trời*.

MHC: Khoan hồng, đại lượng, dung nạp được đám đông trong cuộc sống, hưởng phú quý.

MKHC: Cũng có học vấn, có độ lượng, tuy không vinh hiển, nhưng giàu có.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có tài làm giường cột đất nước. **Người thường**: Được người tôn quý đùm bọc, và có thu hoạch bất ngờ. Đàn bà có sinh nở. Người già giảm thọ.

Hào 6 dương

Chỉ gặp cái sừng của mình (hào 6 cương mà ở trên cùng), *xấu then. Không trách lỗi ai được* (tự mình cô lập). NHL giảng: Hào này ở trên cùng, thời Cấu (gặp gỡ) cho nên ví với cặp sừng. Gặp nhau mà bằng cặp sừng (đụng nhau bằng sừng) có ý nói quá cương - đáng hối tiếc. Mọi sách đều dịch "vô cữu" là không có lỗi mà không giảng tại sao quá cương mà không có lỗi. Riêng PBC hiểu là: không đổ lỗi cho ai được.

Quẻ Cấu này khuyên ta :

- Phải chế ngự tiểu nhân (và tật của ta) từ khi nó mới xuất hiện (hào 1).

- Muốn chế ngự tiểu nhân thì nên có độ lượng bao dung, có đức trung chính (như hào 2, hào 5); nếu quá cương như (hào 3) bất trung bất chính (như hào 4) thì tiểu nhân sẽ không phục mình. PBC phụ chú: Theo về lý Dịch, thì âm dương vẫn tương đối, dương chẳng phải tuyệt đối tốt, âm chẳng phải tuyệt đối xấu, chỉ khác nhau Thời với Vị, trung hay bất trung, chính hay bất chính mà tốt xấu khác nhau.

Hào Sơ quẻ này một âm mà gánh đỡ 5 dương (chẳng khác nào 1 gái gánh nhiều trai, một tớ theo nhiều chủ) tiểu nhân ở cực điểm. Nên đánh giá 5 dương tốt, xấu phải căn cứ vào thái độ đối với Sơ âm. Hễ ai hạn chế được Sơ thì tốt. Nhưng trong phép hạn chế Sơ, thì cốt có lượng bao dung, có đức trung, chính, nên lời hào 5 dương, 2 dương đều dùng chữ *bao*. Vì hai hào ấy có đức cương, trung nên Sơ không dám khinh nhờn, oán hận gì. Chớ nên *bao có cá* thuộc về 2 dương, *bao che cây dứa* thuộc về hào 5 dương; kiềm chế tiểu nhân mà khôn khéo như thế, còn sợ gì tiểu nhân? Kia như 3 dương, vì quá cương, bất trung, 4 dương bất trung, bất chính, nên tiểu nhân bất phục. Hễ tiểu nhân bất phục, thì không thể tốt lành, nên 3 dương mới *loạng choạng* (như không da ở chỗ dễ ngồi), 4 dương thì *bao không cá*. Vậy mới biết trong đời không thể không tiểu nhân, nhưng phải biết thủ đoạn kiềm

chế tiểu nhân, thì tuy có đụng gặp tiểu nhân, cũng không hại gì.

Duy có một nghĩa chúng ta nên chú ý: chế trị tiểu nhân phải đề phòng từ lúc mới manh nha, nên toàn quẻ Cấu chỉ có một chữ *tốt*, mà chữ tốt đó lại phải ở dưới câu *dây hãm bằng kim khí*; ý thánh nhân sâu xa biết đường nào. Nếu ở thời Sơ mà không biết hạn chế, chờ đến lúc cuối cùng mới toan lo đối phó, thì chỉ như hào 6 trên sừng gặp sừng, xấu thẹn mà thôi. Cho nên ở hào Sơ quẻ Khôn thì đã báo cho rằng: đi trên sương mỏng phải phòng lúc băng giá; ở hào Sơ quẻ Cấu thì vội bảo cho rằng: chặn bằng dây kim khí. Thời tuy khác nhau nhưng ý thận trọng ban đầu, phòng bị về sau, giống in như nhau. **Toán Hà Lạc giải:** *Cương không gặp ai hết.*

MHC: Danh cao, tiếng sạch, xuất chúng, bao học đời, nói năng ngay thẳng, nhưng bị xuyên tạc, điều tiếng nhiều, nên lộc vị chẳng ổn.

MKHC: Chí khí cứng nhắc, nên không thuận tình người, kết thù mua oán, luôn vất vả.

Vận Năm- **Giới Quan:** Ngồi cao, đứng đầu, đề phòng bị chê trách. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, lên cao. **Người thường:** Không kẻ giúp, kinh doanh khó.

45 - TRẠCH ĐỊA TỤY

----- **Tụy** là Tụ (tụ họp đông đảo, thì thổ, vui buồn
----- phức tạp). Thuộc tháng 6. **Lời Tượng:** *Đám lên
----- ở trên Đất là quẻ Tụy. Người quân tử coi quẻ
----- này mà tàng chứa đồ binh khí, để phòng sự bất
----- ngờ xảy đến.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **ất**
----- hoặc **Quý:** Mùi, Tị, Mão hoặc **Đinh:** Hợi,
----- **Dậu, Mùi** được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng
6 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Chằm, đầm (Đoài) ở trên đất (Khôn), là nước có chỗ nhóm, tụ, cho nên gọi là quẻ Tụy. Quẻ nội là

Khôn có tính thuận, quẻ ngoại là Đoài có nghĩa vui vẻ, hoà thuận, mà hào 5 ở trên được hào 2 ở dưới ứng trợ cho, tất nhóm họp được đông người, cho nên hanh thông. Nhóm họp cần long trọng và tổ lòng chí thành, có thần linh chứng giám, cho nên Lời Thoán có câu: Vua tới nhà Thái miếu, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi, giữ vững đạo chính thì lợi. Người đứng ra nhóm họp một đảng phải là bậc đại nhân có tài, đức, được người tin, trọng thì mới tốt, người đó phải giữ vững đạo chính, đường lối chính đáng thì mới tốt (lợi trình). Lễ vật nên dùng con sinh lớn (hậu hỷ).

Đại tượng truyện khuyên khi nhóm họp nên có tính thần hoà thuận, vui vẻ như quẻ Khôn, quẻ Đoài; cất khí giới để ngừa những sự biến bất ngờ xảy ra (trong khi họp). PBC phụ chú: Thâu tóm lời quẻ thì thấy ý thánh nhân bàn về thời Tụy rất minh bạch và đầy đủ. Tụy là nhóm họp. Nhóm họp mà không người đầu đàn thì Tụy không xong, nên phải có đại nhân, tài đức. Nhóm họp tất phải có chủ nghĩa cho chính đáng, để quần chúng theo đường lối mà đi, đường lối đó lợi về chính bền, như thế tất kết quả hanh thông. Lúc bấy giờ cần phải có vật chất, sắp đặt cho có hậu, để cho tụ họp được lâu dài, nên phải dùng vật lớn, về vật chất không thể keo sèn được.

Hào 1 âm

Có người tin mình (hào 4), mà mình không theo đến cùng, bèn làm rối loạn, bèn nhóm họp, biết lầm mà kêu gọi người tin theo mình, dù có bị kẻ tiểu nhân cười (hào 2), đừng lo, cứ đi với người tin mình, thì không có lỗi. NHL giảng: Hào này có chính ứng là hào 4 dương, cương, tức là có bạn tin mình, nhưng 1 âm nhu, giữ đạo chính không được vững (không theo 4 đến cùng) mà nhập bọn với 2, 3 đều âm nhu, tiểu nhân, lúc thì loạn, lúc thì họp nhóm của mình. Nếu có biết như vậy là lầm mà kêu gọi 4, theo 4, dù có bị 2, 3 cười cũng mặc, thì sẽ không có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên xa*

bọn tiểu nhân để theo đạo chính, tránh được cái tai họa tự hợp bừa bãi.

MHC: Sửa lỗi mà theo chính đạo thì giữ được nghiệp lớn, không lo gì.

MKHC: Vui buồn bất thường, tà chính không định được, đức bạc, hạnh kém, vất vả.

Vận Năm- **Giới Quan**: Bị cách, giáng. **Giới Sĩ**: Gian nan. **Người thường**: Câu kết với tiểu nhân, bị vu tội lây. Đại để trước xấu, sau mới tốt.

Hào 2 âm

Dẫn (2 hào âm lên hội với hào 5) thì tốt, không lỗi gì, tin nhau, như dùng lễ tế thực (lễ nhỏ mà cảm được thần).
NHL giảng: Hào này âm nhu nhưng trung chính, ứng với hào 5 dương, cương, trung chính ở trên là một nhóm rất tốt. Nhưng vì nó ở xen vào giữa hai hào âm 1 và 3, mà cách xa hào 5, nên Lời hào khuyên nó kéo hai hào âm đó lên nhóm hợp với 5, thì tốt, không có lỗi, và nhớ phải chí thành mới được, chí thành thì như trong việc cúng tế, dùng lễ mọn (thực) cũng tốt. PBC: Lời hào này chỉ cốt có hai chữ Dẫn và Tin. Dẫn là thuộc về thủ đoạn (phương pháp), Tin thuộc về tính thần. **Toán Hà Lạc giải**: *Gặp được người chỉ thành giúp nước. Nên sửa cái lễ nhỏ mà thành tâm.*

MHC: Đức chính trực, nên tiến dẫn được người hiền giúp nước, lại cảm thấu được thần linh, danh thơm ra hoàn vũ.

MKHC: Cũng thành thực giao hảo, được quý nhân tiến dẫn, có lợi lộc, có phúc đầy.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Được tiến cử, thăng chuyển. **Người thường**: Cơ mưu, kế hoạch đều thuận lợi. Được đề cử, toại ý.

Hào 3 âm

Muốn hợp đấy mà than thở đấy (Bị hào 4, hào 5 chê), không lợi đâu. Vạy đi lên (với hào 6), không lỗi gì, hối then

một chút thôi. (Vì cùng là âm cả). NHL giảng: Hào này âm nhu, ứng với hào trên cùng, nhưng không thích (vì hào này cũng âm nhu), muốn hợp với 4 và 5 là dương kia, nhưng 4 có bạn là 1, 5 có bạn là 2 rồi, chẻ 3 là bất trung, bất chính không thêm; 3 nhìn xuống dưới, muốn hợp với 2, 1 cũng không được vì họ có bạn là 5, 4 rồi; vì vậy 3 than thở, chẳng có gì tốt cả. Đành phải tiến lên mà hợp với hào trên cùng vậy, bất như ý đấy, nhưng không có lỗi. PBC: Bởi vì, những người có thể lực đã không chịu nhóm hợp với mình, còn có bạn tương ứng dù ở xa, thì cũng nên tương giao. Trong thời Tuy, tuy có xấu thẹn, nhưng không lỗi, vì hợp đạo lý. **Toán Hà Lạc giải:** *Tụ hợp chẳng chính đầu, nhưng cứ phải đi.*

MHC: Toại chí, bốn bề là nhà, sinh nhai thuận lợi.

MKHC: Lãnh đạm với thân thích. Gia nghiệp quanh hiu, rồi tổ đi xa. May lắm mới toại ý.

Vận Năm- **Giới Quan:** Khó tụ hợp ở trung ương. Phải đi xa mà vất vả. **Giới Sĩ:** Khó gặp dịp tiến thân. **Người thường:** Nhà không yên. Thân thích bị thương tổn. Người già thì vận xấu.

Hào 4 dương

Giữ thật tốt, thì mới không lỗi. NHL giảng: Hào này dương cương, tốt, chỉ hiểm bất chính; nó thân với hào 5, dương cương ở trên, mà lại gần với một bầy âm nhu ở dưới; tình thế khó khăn, phải làm sao thuyết phục được bầy âm theo 5 như vậy mới khỏi có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Trên dưới ủy thác, nên phải hết lòng.*

MHC: Cẩm quyền, chấp chính, phải rất linh hoạt, cân đối tất cả, tụ hợp được mọi cái tốt lành, thịnh vượng, thì mới không lỗi.

MKHC: Có tài mà thiếu đức, không hỏng việc nước thì cũng hại việc nhà.

Vận Năm- **Giới Quan**: Phòng nghi ngờ, nên bỏ cao xuống thấp, đừng thoái là hay. **Giới Sĩ**: Mắc lỗi không ngồi đúng ngôi vị. **Người thường**: Không theo đường chính nên mắc tai họa. Thật là quân tử thì mới thoát.

Hào 5 dương

Nhờ có ngôi vị (cao) mà tụ hợp được, nên không lỗi. Nếu có người chưa tin mình thì phải giữ được tư cách nguyên thủ, giữ người được lâu, giữ đạo chính được bền, như vậy mới không hối hận. NHL giảng: Bốn hào âm trong quẻ này đều muốn hợp với hai hào dương, mà trong hai hào dương này, hào 5 có địa vị cao nhất, đức lại thịnh hơn hào 4, đủ cả trung, chính, cho nên các hào âm đều hướng vào, tốt, không có lỗi. Nhưng còn e có người vẫn chưa tin hẳn 5, muốn cho mọi người tin thì phải làm sao xứng đáng là vị nguyên thủ (nguyên), giữ người được lâu (vĩnh) giữ đạo chính (trình) được bền, như vậy sẽ không hối hận. **Toán Hà Lạc giải**: ở ngôi lãnh đạo, cũng phải tu đức.

MHC: Ngôi cao, lộc trọng chưa lấy làm vinh; sĩ theo, dân mến chưa lấy làm thích. (Chưa thỏa mãn với ngôi vị lợi lộc). Thường cẩn trọng, tôn kính, thì phú quý mới bền.

MKHC: Cũng phải luôn tỉnh táo xem xét mình, chẳng vinh hoa thì cũng giữ được gia nghiệp.

Vận Năm- **Giới Quan**: Chưa thực tỉnh táo, nên chưa sáng sủa. **Giới Sĩ**: Chưa vững đạo đức. **Người thường**: Không hợp nhân tình, nên còn trở ngại.

Hào 6 âm

Than thở, khóc chảy nước mắt nước mũi, mà không biết lỗi tại ai. NHL giảng: Hào này âm nhu, kém tư cách, lại ở cuối thời nhóm hợp (Tụ), muốn hợp với ai cũng không được, tới nỗi than thở, sụt sùi, cứ an phận thì không có lỗi.

PBC hiểu là *không trách lỗi ai được*, cũng như hào trên cùng quẻ Cấu ở trên. Đại ý quẻ này là muốn hợp người, lập một đảng chẳng hạn thì phải là bậc đại nhân: có địa vị cao, có tài, có đức, phải có lòng chí thành, một chủ trương chính đáng. PBC phụ chú: Tuy vẫn là việc rất tốt ở trong xã hội loài người, vậy nên lời quẻ nói rằng Tuy hanh, cả sáu hào không có chữ xấu. Nhưng sáu hào cũng chỉ có hai chữ tốt, là cố vì sao? Là vì trong sự nhóm hợp có hai phương diện: một mặt là có tài chủ động mà nhóm hợp được người, một mặt là bị động mà nhóm hòa theo người.

Phương diện chủ động là thiếu số, như 2 âm, 5 dương. 2 âm tuy vị còn thấp, mà đức rất cao. 5 dương đức cao, vị nổi bật, là những đại nhân, mới nhóm hợp được người. Thứ nữa cũng phải như 4 dương, tài đức đã khá tốt, địa vị lại gần bậc chí tôn, uy quyền trong tay, hoàn cảnh lại thuận lợi, chính là thời thế tạo anh hùng, mới mong làm nên sự nghiệp Tuy. Vậy nên 2 âm có chữ *Dẫn, tốt*, 4 dương có chữ *Giữ thật tốt*, 5 dương có chữ *Hội hận mất*. Nếu chẳng thế, không có địa vị như hào Sơ, hào Trên, nửa trên nửa dưới như hào 3, tài đức chẳng hơn ai, thì chẳng những không nhóm hợp được người, mà muốn theo người cũng gay go lắm. Vậy nên hào Sơ thì nói: *bèn loạn, bèn hợp*; hào 3 thì nói: *hợp đầy, than thở đầy*; hào 6 thì nói: *than thở, nước mắt nước mũi*.

Chúng ta mới biết có đức mà không có vị, vẫn không làm nên Tuy; có vị mà không có đức, càng không làm nên Tuy. Xem trong sáu hào chỉ có hai hào có chữ tốt, chúng ta sẽ hiểu. **Toán Hà Lạc giải:** *Bất tài, không ngôi vị, mà tụ hợp thiên hạ, chỉ thêm lo sợ.*

MHC: Trị phải phòng loạn, an phải nhớ nguy, thì bảo toàn được thân, tránh được hại.

MKHC: Nhu nhược, ưu sầu, cô lập, chỉ làm được việc nhỏ.

Vận năm- Tiến lên chẳng ổn, nhiều việc rắc rối, lớn bé ưu sầu, danh lợi thành hư, tuổi thọ cũng kém.

----- **Thăng** là Tiến, là Lên (từ thấp tiến dần lên
 ----- cao). Thuộc tháng 8. **Lời Tượng:** Trong Đất
 ----- sinh ra Cây là quả **Thăng**. Người quân tử coi
 ----- quả này mà thuận chiều tu đức, góp từ cái nhỏ
 ----- để thành cái cao lớn. **Toán Hà Lạc giải:**
 ----- Những tuổi **Tân: Sửu, Hợi, Dậu;** át hoặc
Quý: Sửu, Hợi, Dậu được quả này rất tốt. Lại
 sinh tháng 8 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Lên, có gốc, hanh thông, phải dùng người có tài đức (đại nhân), không có gì là lo ngại, cứ tiến về phía trước, tốt.* Giảng: Tồn là Gió mà cũng là Cây. Ở đây hiểu là cây. Cây mọc ở dưới đất, mỗi ngày mỗi đâm lên cao, cho nên gọi là quả **Thăng**. Cũng có thể hiểu: Khôn vốn là âm nhu mà tiến lên quả ngoại, là vì ở thời tiến lên thì nên như vậy, chứ bình thường thì dương mới thăng, còn âm thì giáng. Tồn có tính nhún, Khôn có tính thuận; lại thêm hào 5 âm có đức nhu và trung, ứng với hào 2 có đức dương cương, cho nên rất hanh thông. Phải dùng người có tài đức (hào 2) thì mới không có gì lo ngại. **Lời Thoán,** chữ Hân có chữ "Nam chinh" là tiến về phía trước mặt, chứ không có nghĩa là tiến về phía Nam. **Đại tượng** truyện khuyên người được quả này nên thuận đạo mà sửa đức, mỗi ngày một chút, lần lần sẽ rất cao.

PBC phụ chú: **Lời Thoán** có hai chữ Nguyên, Hanh (có gốc, hanh thông) mà không có thêm hai chữ Lợi, Trinh (như quả Kiển). Nhưng như thế cũng chỉ được có ba quả là có hai chữ ấy. Đó là ba quả **Đại Hữu, Đỉnh, Thăng,** được gọi là đắc thời hành đạo (được thời để thực hành đạo). **Thăng** là quân tử tiến lên hành đạo không trở ngại; **Đỉnh** là quân tử được lộc trời; **Đại Hữu** là quân tử có cánh lớn. Đặc điểm chung của ba quả ấy là đều có hào dương ở vị 2, hào âm ở vị 5, cho biết rằng trong cương mà có nhu, trong nhu mà có

cương, và đều đặc trưng. Cương nhu đặc trưng mà ứng với nhau tạo thành thời thế như ba quả ấy, thiên thời, nhân sự đất nhau mà lên, há phải lời nói không hay sao? Giảng Lời tượng PBC phụ chú: Tượng truyện ở đây, rất hay là chữ Góp (Tích). Nếu muốn thăng mà không tích góp, thì không bao giờ thăng được. Góp là chồng chứa lại, ví như trèo thang, tất bắt đầu từ trèo từ bậc dưới cùng. Đắp tháp, tất bắt đầu từ nền dưới hết. Đất có một hòn, mà muốn xây nên 10 tầng tháp thiết là vô lý. Xưa Lưu Huyền Đức có nói rằng: Chớ khinh điều thiện nhỏ mà không làm.

Hào 1 âm

Có lòng tin, thuận tình mà tiến lên (Doãn thẳng), rất tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu, ở dưới cùng, làm chủ quẻ nội Tốn là có đức khiêm tốn, nhu thuận, theo sau hai hào dương (2 và 3) mà nhờ hai hào đó dắt lên, rất tốt. "Doãn" nghĩa là tin, 1 tin 2 và 3, mà 2 và 3 cũng tin 1. Tiểu tượng truyện gọi như vậy là hợp chí nhau. **Toán Hà Lạc giải:** *Có người giúp sức để tiến, lại rất may, được lời nguyên thủ, nên thực hiện được đường lối.*

MHC: Có đức khiêm nhường, cung kính, lại được người đề bạt, trở thành giường cột quốc gia.

MKHC: Cũng hiểu nhân tình, được nhiều người giúp sức, toại ý, nghiệp nhà hưng vượng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vượt lên cao. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. **Người thường:** Kinh doanh xứng ý.

Hào 2 dương

Lòng chí thành, tin nhau, thì dùng lễ nhỏ, đơn sơ cũng được, không có lỗi. NHL giảng: Hào này dương cương mà ở dưới, hào 5 âm nhu mà ở vị cao, hai bên khác nhau như vậy mà ứng với nhau, là rất tin nhau, cảm nhau bằng lòng chí

thành, hợp tác với nhau làm nên sự nghiệp ở thời "Thăng".
Đã có lòng chí thành thì lễ vật rất đơn sơ cũng được, không
có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** Thành thực đối với trên, nhất là
trong việc tế (lễ).

MHC: Tài đức lớn, trên mến dưới kính, công nghiệp
hiển hách.

MKHC: Cũng thành tâm kết giao, thanh danh đức
nghiệp tốt cả.

Vận Năm- Giới Quan: Được thăng, hoặc trông coi
việc tế lễ. (Ngày nay có thể hiểu thêm là trông coi việc văn
hóa). **Giới Sĩ:** Nên danh. **Người thường:** Có vui mừng. Bệnh
khỏi việc thành. Vận xấu có tang lễ.

Hào 3 dương

Lên, dễ dàng như vào cái ấp không người. NHL
giảng: Hào này đắc chính có tài, ở trên cùng quẻ nội là Tốn,
có đức thuận theo ba hào âm ở trên, được ba hào này dất lên
một cách dễ dàng, như vào một cái ấp không có ai ngăn cản,
không có gì ngại cả. **Toán Hà Lạc giải:** Tiến dễ dàng.

MHC: Cuộc nam chinh dễ như phá ngôi, chẻ trúc.
Lớn thì giữ đường lối, nhỏ thì ăn lộc ấp quận.

MKHC: Toại ý, không trở ngại. Gia nghiệp vượng.
Hoặc tu đạo, trong triều.

Vận Năm- Giới Quan: Thăng chức lên quận lớn.
(Quận ngày xưa ở Tàu to hơn tỉnh ngày nay). **Giới Sĩ:** Thành
danh. **Người thường:** Doanh mưu toại ý. Số xấu thành quẻ
Sư: Xe chở thầy về.

Hào 4 âm

*Vua Văn Vương dùng đạo mà hanh thịnh, ở núi Kỳ
Sơn. Tốt, không lỗi.* [Học Năng dịch là: Vương dùng lễ dâng
lên đế (lên hào 5, nguyên thủ)]. Hào này nhu thuận, đắc
chính ở ngay dưới hào 5, như vua một nước chư hầu, giúp

thiên tử, dắt những người hiền cùng tiến lên; đó là trường hợp vua Văn Vương, một chư hầu dưới thời nhà Ân, lập nên sự nghiệp ở Kỳ Sơn. PBC giảng: Lời hào này vẫn rất tốt, đáng có chữ Lên như mọi hào, cớ sao không có chữ Lên? Bởi vì, hào 4 sát gần với 5, 5 là địa vị rất tôn, nếu giữa bản thân 4, mà còn có chữ Lên, thì Lên vào đâu? Tất là đánh đổ 5. Nên lời hào không có chữ Lên, cốt cho khỏi cái họa bức (hiếp) người trên. Dịch lý thường ở chỗ không chữ, xem như lời hào không có chữ Lên, chúng ta học Dịch nên để ý vào chỗ ấy. **Toán Hà Lạc giải:** *Lòng thành đáng lễ lên thân, được hưởng phúc.*

MHC: Chí thành, việc dương thì cảm được nguyên thủ, việc âm thì cảm được thần linh, công to, danh hiển.

MKHC: Cũng thành thực, được lòng người, việc trôi chảy, gia nghiệp vượng.

Vận Năm- **Giới Quan:** Lên cao. **Giới Sĩ:** Được vời như quý khách, thành danh. **Người thường:** Được lợi về sơn lâm, hoặc ẩn vui non nước. Tăng đạo hưởng lộc tế lễ. Số xấu có điềm trở về núi.

Hào 5 âm

Giữ được chính thì tốt, dễ dàng như bước lên thêm.
NHL giảng: Hào này tuy âm nhu nhưng đắc trung, ở dưới có hào 2 là hiền thần giúp, nên dễ dàng đắc chí, lên thêm cao một cách dễ dàng (lập được sự nghiệp). PBC phụ chú: Xưa nay quân tử ở vào thời Thăng, với mục đích Thăng, đâu phải muốn lên ngôi chỗ cao? Dắt thế đạo lên đến thái cực, đưa nhân loại tới vòng cực lạc, đấy mới là mục đích Thăng của quân tử. Lời Thoán và Lời Tượng về quẻ Thăng gọi đó là chí lớn. Nói cho đúng, chí tại thiên hạ, mà không phải chí tại thân, nhà, nên nói rằng đắc chí lớn. Nếu chí tại thân, nhà, thì ty (tiện), bỉ (ối), nhỏ mọn lắm, làm sao mà gọi bằng đại được. **Toán Hà Lạc giải:** *Nguyên thủ mà giữ chính để gần dân, thì là thuận trị rồi.*

MHC: Tuổi trẻ đồ ạt, lập công danh, chí lớn, phúc dày.

MKHC: Cũng giữ đạo, lập thân, biết tiến thủ, nghề nghiệp biết đổi mới.

Vận Năm- **Giới Quan**: Thăng chức, tước. **Giới Sĩ**: Được tiến cử. **Người thường**: Doanh mưu toại ý.

Hào 6 âm

Câu lên nữa là mờ ám. Sửa đức cho hợp đạo chính, không bao giờ nghỉ, thì có lợi. (Lên đến cùng rồi, chỉ còn lợi ở chỗ giữ chính không ngừng). NHL giảng: Hào này âm nhu, hôn ám, ở dưới thời "Thăng", đã lên đến cùng cực rồi mà còn muốn lên nữa; nếu đổi lòng tham, lên đến lòng tự cường, sửa đức cho hợp đạo chính, không bao giờ nghỉ, thì lại tốt. Năm hào dưới đều tốt, chỉ có hào trên cùng là xấu vì quá tham, cứ muốn tiến lên hoài về danh lợi, địa vị. PBC sự ấy mà xử thế, thì không hay t phụ chú: Thăng đã đến cực rồi, mà còn cầu thăng, lấy tâm í nào. Nhưng hướng về việc tu đức thì lại rất hay.

Về địa vị, mà cầu thăng không thôi, thì là tiểu nhân cực điểm. Về đạo đức mà cầu thăng không thôi, thì là quân tử cực điểm. Cũng từ một cái tâm như thế mà hành động, mà thánh hiền và người tầm thường khác nhau xa. Xem Lời hào thấy toả ra ý nghĩa đến như thế, mới biết nghĩa của Dịch, chẳng bao giờ tuyệt đối xấu, chỉ cốt độc giả biết biến thông mà thôi. **Toán Hà Lạc giải**: *Chỉ biết lên mà không biết ngừng.*

MHC: Là người ngay thẳng, tiến đức tu nghiệp, có thanh danh.

MKHC: tham lợi, khó tránh tai ương, nhục nhã.

Vận Năm- **Giới Quan**: Nên cáo hưu. **Giới Sĩ**: Nên tu tỉnh. **Người thường**: Tham quá mắc họa. Số xấu: Có điều phi pháp, ám muội.

----- **Khốn** là Nguy (nguy nan, khốn khổ, nên kiên
 ----- nhẫn). Thuộc tháng 5. **Lời Tượng:** *Đầm không*
 ----- *có Nước là quẻ Khốn. Người quân tử coi quẻ*
 ----- *này mà trút bỏ (hy sinh) tính mệnh để thỏa chí*
 ----- *hướng của mình (như đã có người sát thân để*
 ----- *thành nhân).* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
Mậu: Dần, Thìn, Ngọ; Đinh: Hợi, Dậu, Mùi
 được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 5 là cách
 công danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Khốn, hanh thông. Chính*
đỉnh như bậc đại nhân (có đức) thì tốt, không lỗi. Dù nói gì
cũng không bày tỏ được lòng mình (không ai nghe mình). Quẻ
Khảm là dương ở cuối, quẻ **Đoài** là âm ở trên, dương cương
 (quân tử) bị âm nhu (tiểu nhân) che lấp, cho nên gọi là Khốn.
 (Chú ý: quẻ đơn nào có một hào dương là quẻ dương; quẻ
 đơn nào có một hào âm là quẻ âm). Lại thêm: quẻ nội có một
 hào dương bị kẹt giữa hai hào âm, quẻ ngoại hai hào dương ở
 dưới một hào âm, cùng là cái tượng quân tử bị tiểu nhân làm
 khốn. Một cách giảng nữa: **Châm (Đoài)** ở trên mà nước
 (**Khảm**) ở dưới, nước trong châm chảy xuống dưới, tiết mất
 hết, châm sẽ khô thành ra cái tượng Khốn. Tuy nhiên **Khảm**
 là hiểm, **Đoài** là hoà duyệt, vậy tuy gặp hiểm mà vẫn vui vẻ
 hanh thông. Hanh thông chỉ là đối với bậc đại nhân, có đức
 cương, trung, giữ vững đạo chính thời, vì hạng người đó càng
 gặp cảnh khốn, tài càng được luyện, đức càng được trau, chí
 càng vững dù có phải hy sinh tính mạng để thỏa chí nguyện
 cũng không ngại, thân tuy khốn mà vẫn vui vẻ, đạo của họ
 vẫn hanh thông, cho nên **Lời Hào** cho là tốt, không lỗi.

Ở vào thời Khốn, chỉ có cường quyền, không có
 công lý, nên đừng nói gì cả, càng nói chỉ càng thêm có vạ
 miệng, không biện bạch được gì đâu. Đây là lời khuyên
 chung, còn bậc quân tử có thể "không thành thân thì cũng

thành nhân" thì lại khác. PBC phụ chú: Lời Quẻ nói rằng Khốn, hanh thông. Thoán truyện lại nói thêm: Được như thế, chắc chỉ bậc quân tử mà thôi. Thế thì hai chữ Khốn hanh chỉ dành riêng cho quân tử hay sao? Thật có thế, người bình thường khốn ở hoàn cảnh, thì khốn đến cả tâm. Khốn ở Thời, thì khốn đến cả đạo lý. Chỉ duy quân tử, cảnh tuy khốn mà tâm vẫn hanh, thời tuy khốn mà đạo vẫn hanh. Kìa như: đức Khổng Tử tuyệt lương ở Trần Thái bảy ngày mà đánh đòn, đọc sách không ngớt; vua Văn vương bị tù ở Dữu Lý chín năm, mà cấm đầu làm Kinh Dịch không ngừng bút, chẳng phải là Khốn mà Hanh hay sao? Tuy nhiên, có địa vị như Văn Vương, có tài đức như Khổng Tử, mà gặp cảnh tuyệt lương, bị tù, mới gọi là Khốn, nhân vì có cảnh Khốn ấy, mới tỏ ra thánh nhân, mới gọi là Khốn mà Hanh. Nếu những hạng người địa vị, tài học, kém xa hai người ấy gấp nhiều lần, thì Khốn là sự thường, và cũng không thể nào Hanh được. Vậy nên câu chắc chỉ bậc quân tử mà thôi, chẳng phải dành riêng cho quân tử, mà chính là mong cho mọi người ai cũng muốn làm quân tử. Ở trong thời Khốn, chẳng ai là tuyệt đối không khốn, nhưng mà khốn hanh thì hiếm quá.

Hào 1 âm

Chỗ ngồi bị khốn nơi gốc cây. Lại sụp vào nơi hang tối. Ba năm không thấy ai. (ai đây trở hào 4). **NHL giảng:** Hào này ở đầu quẻ Khốn, âm nhu, mê muội. Hào 4 dương ứng với nó, bất trung bất chính không giúp gì được nó, như một người ngồi trên cây trụi trời gốc ra (ý nói ở hào đầu, thấp nhất), rồi lại sụp vào hang tối (hào này âm, nhu, mê muội), mà không thấy ai lại cứu (ai đây trở hào 4). **Toán Hà Lạc giải:** Không có tài thoát khỏi nơi khốn.

MHC: Tuy không được đắc dụng, nhưng cũng là kẻ sĩ một thời ở ẩn nơi núi sâu, không bị nhục.

MKHC: Nhu nhược, tối tăm, không nhìn thấy cơ sự, không thoát được khốn.

Vận năm- **Giới Quan**: Nền lui. **Giới Sĩ**: Đợi thời.
Người thường: Có sự kính sợ, tang phục.

Hào 2 dương

Thời khốn ở nơi (ngôi vị) có rượu, thức ăn, lại có dây dỏ buộc ấn (ông lớn) đương đi lại với mình (hào 5 ứng với hào 2), nhưng dùng việc tế lễ thì lợi, nếu tiến hành việc gì thì xấu, tuy không lỗi. NHL giảng: Hào này dương cương, đắc trung, đáng lẽ tốt, nhưng ở thời Khốn thì vẫn bị khốn vì ăn uống, do ơn vua lộc nước; được người trên ứng hợp lại nhờ giúp (ở đây tượng trưng bằng việc đem cái "phất" đồ, một bộ phận lễ phục để che đầu gối) nên đem lòng tinh thành để tế thần linh mà xử sự trong thời khốn này. Nếu cứ tiến hành thì không gặp thời, xấu; giữ đạo thì không có lỗi. PBC phụ chú: *Câu có rượu, thức ăn, lại có dây dỏ buộc ấn* là hình dung khổ tâm của quân tử. Tục ngữ có câu: *Khi vui non nước cũng vui - Khi buồn sáo nhịp đàn đòi cũng buồn*, chính là ý nghĩa như mấy câu này. **Toán Hà Lạc giải**: *Có tài đức nhưng không có thời, nên không cứu khốn, giải nguy được.*

MHC: Vị cao lộc hậu, vừa lòng trên, cảm được thần, tuy không cứu khốn được, nhưng không bị tai họa gì.

MKHC: Thiên lệch, hay ăn uống rượu chè vào phục vụ nhà sang, hoặc làm nghề bói toán đủ ăn đủ mặc, nhưng không thành sự nghiệp gì lớn lao.

Vận năm- **Giới Quan**: Được thăng chuyển, hoặc giữ chức coi tế lễ. **Giới Sĩ**: Có vui mừng. **Người thường**: Được quý nhân dẫn dắt, doanh mưu được lợi, tình thì tốt, động thì xấu. Số xấu có tang phục, tế lễ.

Hào 3 âm

Khốn nơi hòn đá (hào 4) dựa nơi cây gai (hào 2) vào nơi nhà mình (hào 3) chẳng thấy vợ đâu, xấu. NHL giảng: Hào này bất trung bất chính, âm nhu ở vào thời khốn, ở trên cùng què nội là Khảm, tức là ở cảnh cực hiểm, tiến thoái đều

không được nên ví với người bị đá dẫn ở trên (tức hào 4), mà lại dựa vào một cây có gai (trong Lối hào gọi là cây Tật lê, NHL lược bỏ) (tức hào 2), vô nhà lại không thấy vợ (tức hào trên cùng, cũng âm nhu, không giúp 3 được gì). Rất xấu. PBC phụ chú: Ở vào thời Khốn, khốn cũng là sự thường. Nhưng cũng phải lựa lọc đạo lý, xem có phải chôn mình đáng khốn hay không. Nay 3 là âm mà muốn theo với 4 là dương, nên bị khốn với 4. Như thế là không đến nỗi khốn mà khốn, nên lối hào nói rằng: khốn nơi hòn đá; đá có sức nặng áp vào mình, mà mình ghé đầu vào, nên đến nỗi danh nhục. Ở vào thời Khốn, phải tìm chỗ dựa cũng là lẽ thường, nhưng tất phải xem thời thế, biết mình biết người, xem có phải là người mà mình đáng dựa hay không. Lúc này 3 là âm mà ghé trên lưng 2 dương, 2 đầu có chịu để cho 3 ghé trên lưng mình? Nên Lối hào nói rằng: dựa trên cây gai. Gai đâm được mình mà mình ghé lưng dựa vào, tất đến nỗi thân nguy. Xem sử Tàu như Thái Ung đời Hán, vì khóc thấy Đổng Trác mà mang vạ sát thân. Dương Hùng vì tụng công đức Vương Mãng mà mang vạ nháy lâu tự tử, kết quả bị uống một đời vắn sứt, làm bia cho miệng thế chề cười, rất là không đến nỗi khốn mà khốn, đến nỗi danh nhục.

Sử nước ta có Lê Văn Chất danh tướng của Tây Sơn sau phản Tây Sơn theo vua Gia Long, kết quả bị Nguyễn triều chu di tam tộc, đó thật là không phải chỗ đáng dựa mà dựa, đến nỗi thân nguy. **Toán Hà Lạc giải:** *Không tài cứu khốn đến nỗi thân nguy.*

MHC: Thân dầu nơi sơn lâm, hoặc làm lính gác nơi cung môn, chẳng vợ con gì.

MKHC: Thân cô thế nguy.

Giới Quan: Vào nơi thành cấm để sửa lỗi. **Giới Sĩ:** Được vào trường thi, nhưng có biến ở thân, thiếp. **Người thường:** Số xấu danh nhục thân nguy, còn không nhìn thấy vợ con.

Hào 4 dương

Lại chậm chậm vì bị cổ xe bằng kim khí chặn (khốn), có điều ân hận, nhưng được trọn vẹn về sau. NHL giảng: Hào này dương cương, nhưng bất trung bất chính, ở vào Khốn, trông vào 1 (ứng vào nó), tới giúp; nhưng 1 không tới mau được vì bị hào 2 chặn ở giữa (hào 2 này ví với cổ xe bằng kim khí, có lẽ vì 2 dương cương, mà kim khí là chất cứng chẳng) cho nên có điều ân hận, xấu hổ; nhưng cuối cùng vẫn liên hợp được với 1 vì hai bên đều dốc lòng ứng với nhau (4 là dương, 1 là âm). **Toán Hà Lạc giải:** *Tài nhỏ không cứu được khốn ngay lúc xảy ra, nhưng sau sẽ gặp nhau.*

MHC: Tuy thành danh sớm nhưng muộn mới được hưởng lộc.

MKHC: Trước khó sau dễ, nhờ nơi quyền thế, sau mới thành được.

Vận năm- **Giới Quan:** Kiểm nhiệm phức tạp. **Giới Sĩ:** Tiến thủ vụng về. **Người thường:** Mơ vọng vất vả, mãi sau mới ra khỏi bế tắc, nhà buôn bị khổ về xe cộ.

Hào 5 dương

Bị hốt mũi (bị hào 6 làm tổn) khoét chân (bị hào 4 làm tổn) khốn khổ nơi dây buộc ấn (giúp cho 2 hào) thôi cứ thủng thủng, rồi cũng được vui lòng (sẽ gặp hào 2), hiện giờ hãy cứ dùng việc tế lễ là có lợi (cảm đến thần linh). NHL giảng: Hào này dương ở vị chí tôn, có tài đức, nhưng ở vào thời Khốn, người chung quanh mình và ở dưới mình đều bị khốn cả, lại thêm hào trên cùng là âm muốn đè ép quanh mình, hào 4 dương cương ở dưới tính làm hại mình, ngay đến hào 2, đã đem cái "Phát" đổ cho nó, nhờ nó giúp, nó cũng chỉ làm cho mình thêm khốn; như vậy mình không khác gì kẻ bị thương ở mũi (xẻo mũi) ở chân (cắt chân);

nhưng 5 và 2 cùng có đức cương trung thì rồi sẽ hợp với nhau, cứ chí thành thì sẽ hanh thông, vui. **Toán Hà Lạc giải:** *Lấy đức cứu khốn, lấy lòng thành cảm thần.*

MHC: Theo cổ, hành đạo, tiến thủ, tuy gian nan sau có cơ hội, ngôn lộ ngay thẳng, hoặc làm chức trông coi tế lễ.

MKHC: Trước khốn sau yên, hoặc cốt nhục bị hình thương.

Vận năm- **Giới Quan:** Trước khó sau dễ. Hoặc coi tế lễ. **Giới Sĩ:** Trước nghịch, sau thuận. **Người thường:** Trước hồng sau được. Số xấu có kiện tụng. Hoặc tang phục, tế lễ.

Hào 6 âm

*Bị khốn nơi dây sắn, nơi gáp ghềnh. Hành động đẩy, hối tiếc đấy. Biết suy nghĩ như vậy thì hành động sẽ tốt. (Vị hết thời Khốn rồi). NHL giảng: Hào này ở cuối thời Khốn, như người bị buộc chằng chịt trong đám dây sắn, dây leo mà lại đi đứng trong chỗ khấp khểnh, gáp ghềnh; nhưng Khốn đến cùng cực rồi thì sẽ thông, cho nên nếu thận trọng, biết ăn năn thì sẽ tốt. **Toán Hà Lạc giải:** Không có tài cứu khốn, nên xem xét mình.*

MHC: Sửa lỗi làm lành, rồi có đủ tài, giúp nguy cứu khốn.

MKHC: Tâm nhược thân nguy mà không tự giải thoát được. Hoặc rời tổ đi xa lập nghiệp.

Vận năm- **Giới Quan:** Phòng hình phạt, bị chằng trói. **Giới Sĩ:** Bị đình giảng, nhục nhằn. **Người thường:** Phòng lo sợ tang phục. Chỉ người buôn bán thì có lợi.

NHL so sánh ba quẻ: Truân, Kiển, Khốn. Quẻ Truân là đầu thời khó khăn, còn có thể hành động chút ít để cứu vãn thời thế được. Quẻ Kiển là giữa thời có khó khăn, nên chờ thời, không làm gì hết, hoặc có vì bồn phẫn mà làm thì cũng khó có kết quả. Tới quẻ Khốn, thì khó khăn lên tới tột điểm, 5 hào xấu (Khốn, lận), chỉ có hào cuối cùng mới tốt,

đành phải chờ thời, giữ đức trung, chính, lòng chí thành, mới qua được cơn khốn.

PBC phụ chú và cảm khái: Đọc suốt lời quẻ, lời hào, sinh ra hai cảm tưởng. Lời Quẻ nói rằng *Khốn, hanh thông*, với *bậc đại nhân bên chính thì tốt*, nhưng xem suốt sáu hào thì có đến hai hào *xấu*, một hào *hồi then*, mà hào nào cũng có chữ *Khốn*, chỉ duy hào 6 âm trên cùng có chữ *tốt*. Mỗi biết người ta ở trong vũ trụ, chẳng ai là chẳng bị chinh phục vì hoàn cảnh chung. Đó là một cảm tưởng. Nhưng mà đứng giữa trời đất, con người tất phải có trí lực, đảm lực, phách lực (trí tuệ, can đảm, khí phách), mà chiến thắng hoàn cảnh riêng. Đó lại là một cảm tưởng. Lý do vì sao? Chinh phục được hoàn cảnh chung, tất phải có trợ lực ở nơi xã hội. Xã hội còn sụp vào vòng mù đen mây tối, dầu thánh hiền cũng không thể cậy một sức mình mà đánh đổ được hoàn cảnh tối tăm. *Tối mà chẳng sáng* như hào 1 âm, *thiếu mình mất* như hào 3 âm, tài hèn, trí mọn thôi chẳng nói gì bọn họ. Có đức *cương trung* như 2 dương, *có tài có vị* như 5 dương, cũng chẳng tránh khỏi *Khốn* với *Xấu*, đành chờ thời *Khốn* đến cùng, vận *hanh* sắp tới, như đông hết xuân về, mới được hai chữ *Chính, tốt* (hào 6 âm). Nhưng xem tới Lời hào vẫn còn nói rằng: *hành động đấy, hối tiếc đấy*. Quả thật khổ tâm mà suy ngẫm sâu sắc cho cái cảnh thiên hạ thoát khỏi vòng khốn nạn. Chiến thắng được hoàn cảnh chẳng phải là khó lắm hay sao? Nhưng đã sinh ra trong hoàn cảnh chung ấy, bản thân mình cũng là một phần tử trong hoàn cảnh ấy, không chiến thắng được hoàn cảnh chung, còn đổ tội cho xã hội, chứ như phần riêng mà không chiến thắng được còn đổ tội cho ai? *Làm cây cột đá giữa dòng sông lớn, làm cây tùng cây bách giữa tiết trời đông*, đó là phần của chúng ta, để mà không hàng phục trước hoàn cảnh riêng. Muốn được như vậy, thì nên như thế nào? Xin xem lời quẻ có chữ *Bên chính, Đại nhân*, Thoán truyện có câu *chỉ có quân tử mới được*, và câu *giữ đức cương trung*. Xem thế ta cứ giữ gìn sự chính đáng,

bao nhiêu đường xiêu lối quẹo ta chớ đặt chân vào, ta cứ cương trung, bao nhiêu sấm sét, chông gai, ta không chịu đổi khí tiết. Như thế là Khốn mà không mất cái hanh thông ban đầu, đầu hoàn cảnh chung khốn đến bao nhiêu, mà hoàn cảnh riêng tự bản thân không bao giờ nao núng, thân tuy khốn mà đạo mình vẫn hanh, chẳng phải là đại nhân, quân tử hay sao? Nếu may mà đặt thân vào địa vị 2 dương, 5 dương, thì chỉ dùng cách tinh thành mà cảm tới giới đất, như thánh nhân đã dạy, nghĩa là cứ nghĩ cho ra, nghĩ không ra thì có thần linh chỉ bảo, truyền đạt cho.

Hễ những ai thương nỗi tiếc giống, cảm cảnh đau đời, thì có phương pháp như trên là hay nhất, chẳng may gặp lúc không có khả năng vượt sông, cực bất đắc dĩ, thì đã có câu: *biết mệnh mà yên chí* (vui lòng với số mệnh), ở lời Tượng, quả là cái kim chỉ nam cho chúng ta trong thời Khốn, còn sợ gì mà không chiến thắng hoàn cảnh nữa?

48 - THỦY PHONG TỈNH

----- **Tỉnh** là Tĩnh. (an tĩnh, đợi thời vận như đợi mạch nước giếng thời). Tỉnh còn là cái Giếng.
----- Thuộc tháng 3. **Lời Tượng:** *Trên Cây có Nước là quê Tỉnh. Người quân tử coi quê này mà an ủi dân, khuyên họ giúp đỡ lẫn nhau.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Mậu: Thân, Tuất, Tý** được quê này rất tốt.
Lại sinh tháng 3 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: Lời Thoán: *Giếng: dổi áp chứ không đổi giếng. nước giếng không kiệt mà cũng không thêm; người qua người lại để mức nước giếng. Gần đến nơi (đến giếng) chưa kịp thông dây gầu xuống mà hết cái bình đựng nước thì xấu.* Theo tượng quẻ, trên là nước (Khảm), dưới là gỗ (Tốn, ở đây không hiểu là gió mà hiểu là cây, là đồ bằng gỗ - trở cái gầu) có nghĩa là thông cái gầu xuống nước để mức lên. Theo

tượng của quẻ: dưới cùng là một hào âm, như mạch nước, rồi tiến lên là hai hào dương, như lớp đất ở đáy giếng; tiến lên nữa là hào âm, tức nước giếng, lòng giếng; trên nữa là một vạch liền, tức cái nắp giếng, trên cùng là một vạch đứt, tức miệng giếng.

Bản thể của cái giếng là ở đâu thì ở đấy, áp còn có khi thay đổi, chứ giếng thì cố định; có nước mạch chảy vào giếng hoài, nên nước giếng không kiệt, nhưng nước giếng chỉ lên đến một mực nào đó, không khi nào tràn ra. Công dụng của giếng là ai ai cũng lại giếng để lấy nước (tỉnh tỉnh: Chữ tỉnh trên là động từ, chữ tỉnh dưới là danh từ), kể qua người lại luôn, người nào cũng nhờ nó mà có nước, nó giúp đỡ mọi người mà như vô tâm. Nói về nhân sự thì người đi lấy nước, đã gần tới rồi, chưa kịp thông dây gầu xuống, mà đánh vỡ cái gầu đựng nước thì thật uổng công; vậy làm việc gì cũng phải cẩn thận, đến nơi đến chốn để khỏi bị thất bại nửa chừng.

Thoán truyện bảo giếng ở đâu ở đấy, không thay đổi như áp, vậy là có đức cương trung của hào 2 và hào 5. Đại tượng truyện khuyên người quân tử nên coi tượng cái giếng mà nuôi dân và chỉ cho dân cách giúp đỡ lẫn nhau.

PBC phụ chú: Chỉ có mấy câu mà suy vào triết học rất có thú vị. Đạo trời đất ở giữa vũ trụ, mặc dầu cuộc đời bề dẫu, thời đời nóng lạnh, mà trời đất vẫn cứ y nhiên. Thế là làng (ấp) đổi, giếng không đổi. Làng là nhân tạo, giếng là thiên nhiên. Biến đổi là nhân tạo, không biến đổi là thiên nhiên. Đó là nguyên lý của tạo hóa. ... Lại nói về chuyện mức nước giếng. Đó là cái ví dụ để nói về việc con người trong thực tế. Để làm một việc gì, tất phải làm cho đến thành công, vô luận thờ một chủ nghĩa gì, hay mưu một sự nghiệp gì, tất phải làm cho đến nơi mới thấy được kết quả của việc ấy. Nếu giữa đường mà vứt quách, hoặc gần tới nơi mà nghỉ bỏ, thì tuy chưa thất bại cũng gọi là thất bại. Tỷ như: người đi mức nước giếng, sắp sửa tới nơi, nhưng chưa kịp giòng dây gầu xuống, thành linh vỡ mất cái bình đựng nước, té ra

công đi tới giếng hoàn toàn hỏng ráo, chẳng uống công làm hay sao? Chúng ta xem câu thí dụ ấy thì biết rằng, chương trình làm việc phải có ba giai đoạn: Đoạn thứ nhất là phải thăm dò cho ra giếng. Đoạn thứ hai là phải cố công đi cho tới giếng, và dụng công giồng dây xuống giếng, bao giờ mức được nước lên mới thôi. Đoạn thứ ba là trong thời gian ấy, phải hết sức giữ gìn vật liệu dụng cụ, chớ để nửa chừng đổ vỡ; nếu không vỡ bình, thì nước chắc về đến nhà, đó mới là thành công. Đau đớn thay, nước chưa kịp mức xong, mà bình đã nứt vỡ, công phu đi tới giếng, chẳng hóa ra dạ tràng xe cát biển đông. Vậy nên làm việc gì mọi người cần có gan lớn, mà cũng cần phải có tâm để ý những việc nhỏ, đó là cái thâm ý Lời quẻ Tỉnh dạy cho chúng ta vậy.

Hào 1 âm

Giếng bùn không ăn được. Giếng cũ không chìm.
NIL giếng: Hào này âm nhu ở địa vị thấp nhất, hào 4 ở trên cũng không giúp gì nó, chính là hạng người vô dụng, bất tài, nên ví như cái giếng không có mạch, bị bùn, không có ai lại lấy nước, chìm muông cũng không tới. PBC phụ chú: Đây chỉ hạng người như nước giếng không ăn được, trong đời không ai dùng mình. Vì sao như vậy? Cái đó chỉ nên trách bản thân Một âm. Đã như giếng không ra giếng, thì còn ai dùng đến mình nữa. Vậy nên chúng ta ở trong đời, muốn cho đời quý trọng mình, trước hết phải bồi dưỡng lấy nhân cách mình. Đức Khổng Tử nói rằng: Người ở trong đời, chớ lo không ai biết mình, chỉ nên lo làm sao cho xứng đáng được người ta biết. Như Một âm này, đã không tự cách tự biết mình, làm sao mong được người biết mình. **Toán Hà Lạc giải:** Không có đức, bị đời coi như bỏ.

MHC: Dù có tài đức cũng không gặp cơ hội công danh. Than thân trách phận.

MKHC: Thấp kém, ô nhiễm, tối tăm, thành bại chẳng ra sao. Hoặc có bệnh kiết lý, lại khí tức ở trên, có thể giảm thọ.

Vận năm- **Giới Quan**: Thoái nhân, cầu danh không toại ý. Kinh doanh trì trệ. Số xấu khó thọ.

Hào 2 dương

Giếng ở trong hang, nước chỉ róc rách bắn vào con diếc, như cái chum nứt, rỉ nước. NHL giảng: Hào này dương cương có tài hơn hào 1, nhưng địa vị cũng thấp, trên cũng không có người ứng viện cho, nên cũng không làm nổi việc đời, ví như cái giếng nước tuy trong, nhưng nước mạch ít, chỉ đủ ra đủ nuôi con giếc, chứ không có người tới mức. Hào này khác hào 1 ở chỗ 1 vì bất tài mà vô dụng, hào này vì hoàn cảnh mà vô dụng. **Toán Hà Lạc giải**: *Có đức, nhưng lực không đủ phát động ra ngoài.*

MHC: Khó gặp được người lãnh đạo tốt (minh chủ), nên an phận, vui sống.

MKHC: ít học, vô danh, có tật nguyên.

Vận năm- **Giới Quan**: Lui về tự dưỡng. **Giới Sĩ**: Đợi thời. **Người thường**: Cần trọng giữ gìn.

Hào 3 dương

Giếng sạch chẳng ăn, vì ta (hào 3) mà lòng đau, nên dùng mức lên; gặp nguyên thủ sáng suốt thì mọi người được hưởng phúc. NHL giảng: Hào này dương đắc chính, là người có tài, muốn giúp đời nhưng địa vị còn ở thấp (quê nội), không được dùng, ví như cái giếng nước trong mà không ai mức. Nếu được nguyên thủ sáng suốt dùng, thì người đó giúp cho mọi người được nhờ. PBC phụ chú: Lời hào này chú trọng ở chữ *lòng đau* và chữ *nguyên thủ sáng suốt*. Ba dương là giếng sạch, là bản thân 3 tốt đã dành. Nhưng tài trí 3 là tài trí chung của xã hội, nếu xã hội nhiều cảnh trắc trở, thì những hạng người lòng đau, như 3 dương, bỏ hoài hay sao? Tức như: Có dân Ấn Độ (ủng hộ), thì thánh Găng-đi chẳng

phải là người phải đi ở tù. Có quốc dân Trung Hoa (hưởng ứng), thì Tôn Trung Sơn chẳng phải là người đi làm khách chốn xa lạ. Chính là vì xã hội làm trắc trở, đau đớn quá nhiều nên kết quả họ không được dùng. Cho nên cần có *nguyên thủ sáng suốt*. Tức như có Thành Thang thì Y Doãn mới làm nên công cuộc đánh Kiệt cứu dân. Có Vin-hem I thì Bits-mác mới làm nên phú cường cho nước Đức. Nếu không có nguyên thủ sáng suốt thì như hai người vừa nói, nước giếng trong có ai dùng cho? **Toán Hà Lạc giải:** *Tiệc chưa được dùng, mà hứa sẽ đắc dụng.*

MHC: Đức có thể đem dùng, huệ có thể giúp dân, công danh đạt, phúc tốt.

MKHC: Không được thu dùng, không được hưởng lộc, chưa phát triển mấy, buồn thiu.

Vận năm- **Giới Quan:** Không được gặp cấp trên sáng suốt, giải nhiệm là hơn. **Giới Sĩ:** Khó gặp dịp may. Hãy tu dưỡng. **Người thường:** Thủ phận. Số xấu có sự buồn thảm.

Hào 4 âm

Giếng sửa lại (NHL dịch: Thành và đáy xếp đá), *không lỗi gì*. NHL giảng: Hào này âm nhu, tài tâm thường, nhưng đặc chính, ở gần hào 5 chí tôn, nên nhờ 5 mà làm được việc nhỏ, không có lỗi, ví như cái giếng mạch không nhiều, nhưng xếp đá ở thành và đáy, thì nước mạch thấm vào, lắng lại, cũng tạm dùng được. **Toán Hà Lạc giải:** *Tự tu, giữ điều thiện, dù chỉ một mình.*

MHC: Cần hậu, nhưng thiếu cả quyết, không lập được sự nghiệp đối với quốc gia, nhưng về mặt tu dưỡng thì cũng đẹp đẽ.

MKHC: Trù tính được, nhưng không gặp cơ hội, ngoài thì khả quan, trong thì buồn.

Vận năm- **Giới Quan:** Nên điều trần. **Giới Sĩ:** Cố sức học tập để đợi thời. **Người thường:** Cây ruộng, đào giếng, hoặc xây đắp, sửa chữa nhà cửa.

Hào 5 dương

Giếng trong sạch, suối mát lạnh, ẩn. NHL giảng: Hào này dương cương, đặc trưng ở ngôi chí tôn, có ân trạch với dân chúng, nên ví với nước giếng vừa trong, vừa mát, lại mức lên được. **Toán Hà Lạc giải:** Đức sáng, trọn vẹn, công thành.

MHC: Tài kinh tế, đức bao dung, công danh phú quý, lên cao.

MKHC: Giữ nghĩa, an phận nghèo.

Vận năm - **Giới Quan:** Đức, ngôi vị toàn vẹn. **Giới Sĩ:** Được tiến cử, lợi danh có đủ. **Người thương:** Kinh doanh có lợi.

Hào 6 âm

Nước giếng mức lên rồi, đừng che đậy, cứ mãi như vậy thì rất tốt. NHL giảng: Hào này trên cùng tuy là âm nhu, nhưng ở cuối quẻ Tỉnh, nó có cái tượng nước giếng đã mức lên rồi, nên để cho mọi người dùng, chứ đừng che đậy, và cứ như vậy giúp đời mãi thì không gì tốt bằng.

Chúng ta để ý, quẻ Tỉnh này có điểm đặc biệt là các hào càng lên cao càng tốt, tốt nhất là hào trên cùng. Thường các quẻ khác, hào trên cùng có nghĩa là cùng cực; hễ là quẻ tốt như quẻ Cần, quẻ Thái thì hào trên cùng xấu, nếu mà quẻ xấu như quẻ Bĩ, quẻ Khốn thì hào trên cùng tốt, vì luật: Cực thì phải biến, tốt biến ra xấu, xấu biến thành tốt. Quẻ Tỉnh này với quẻ Đỉnh (và một số quẻ nữa như Tiệm...), tức là lúc thành công, cho nên đều tốt cả. PBC phụ chú: Bàn tóm tắt cả 6 hào quẻ Tỉnh, thấy lý lẽ tiếp nối, ý nghĩa rất chiều ứng vào nhau. Bởi vì tên quẻ Tỉnh (giếng) là mượn một vật mà nói về đạo lý, đầu đuôi 6 hào chỉ nói cái giếng, có thể chia làm 3 đoạn. Một là, hào sơ, hào 2, ở về đoạn dưới, sơ lại ở vào đáy giếng, có bùn, nên nói rằng: *Giếng bùn*. 2 ở vị trí có cao hơn 1, nên nói rằng: *Giếng trong hang* (có mạch). Hai là 3, 4, ở vào đoạn giữa, vừa đúng khoảng trung tâm giếng, bùn ở thời sơ đã lắng trong, nên thấy được *Giếng sạch*. Nước mạch

(trong hang) đến đây nhờ thành giếng đã được tu sửa, nên trong trèo hơn, gọi là *giếng sửa lại*. Ba là 5, 6 trên, thuộc về phần trên, nhưng 5 chưa lên đến miệng giếng, công dụng của giếng chưa được hoàn thành. Đến hào 6 trên, nước đã lên khỏi giếng, là công dụng của giếng đến đó mới hoàn thành. Vậy nên trong 6 hào, hào Trên được gọi là *giếng mức lên, rất tốt*. Xem suốt 6 hào thì lý lẽ vẫn rất hay, rất đúng, từ đó mà nói rằng lý luận và thực tế, chẳng trái nhau bao giờ, rất đúng. Hiểu hay không hiểu, quyền tại người đọc. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức trạch đã phổ biến, nên giữ gốc mãi.*

MHC: Đức có thực, cách trị có gốc, ơn trạch dồi dào, sự nghiệp lớn, danh thơm lâu dài.

MKHC: Cũng tích đức, tuy không đình chung, mà có chí Đào Chu làm giàu.

Vận năm- **Giới Quan:** Công lớn, lên cao. **Giới Sĩ và Người thường:** Thành danh. Cửa cải sung túc, toại ý.

49 - TRẠCH HOẢ CÁCH

----- Cách là Cải cách, trong từ Cách mệnh (thay
----- đổi mạnh mẽ, thay cũ đổi mới). Thuộc tháng 2.
----- **Lời Tượng:** *Giữa Đám có Lửa là quẻ Cách*
----- *(Nước Lửa xung khắc, Cũ Mới tranh đấu nhau*
----- *mà làm nên sự thay đổi). Người quân tử coi*
----- *quẻ này mà sửa trị lịch pháp để làm sáng tỏ*
----- *(sự thay đổi bốn mùa, chẳng hạn)* **Toán Hà**
Lạc giải: Những tuổi **Kỷ: Mão, Sửu, Hợi;**
Đinh: Hợi, Dậu, Mùi được quẻ này rất tốt. Lại
sinh tháng 2 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Thay đổi, phải lâu ngày*
người ta mới tin được, phải hanh thông, hợp chính đạo (thì
người ta mới phục). Được vậy thì không phải ăn năn. Theo
tượng quẻ, chằm (Đoài) ở trên, lửa (Ly) ở dưới, lửa đốt thì
nước cạn, nước xối vào thì lửa tắt; hai thứ đó tranh nhau thì

có sự thay đổi, cho nên gọi là quẻ Cách. Lại có thể giảng: Đoài là con út, Li là con gái giữa, họ có xu hướng khác nhau (con gái út nghĩ tới cha mẹ, con gái giữa nghĩ tới chồng), phải có sự thay đổi, không thể như vậy mà ở chung với nhau được. Thay cũ đổi mới là một việc khó, ngược với thói quen thủ cựu của con người, cho nên mới đầu người ta không tin, cho là đa sự. Muốn cho người ta tin thì phải một thời gian lâu để người ta thấy kết quả. Mà muốn có kết quả, sự cải cách phải hợp thời, hợp chính đạo, phải sáng suốt, soi xét rạch ròi và có tính hoà duyệt, thoả thuận với lòng người, có thể mới đắc nhân tâm mà người ta không phản kháng. Sáng suốt là đức của quẻ nội Li, hoà duyệt là đức của quẻ ngoại Đoài. Có đủ những điều kiện đó: Hợp thời, hợp chính đạo (tức là thích đáng, chính đáng) sáng suốt và hoà duyệt thì không phải ăn năn.

Vua Thang diệt Kiệt, vua Vũ diệt Trụ, hai cuộc cách mạng đó đều thuận với đạo Trời (chính đạo) và ứng với lòng người (hợp thời, hợp nguyện vọng nhân dân) cho nên thành công. Trời đất phải thay đổi mới có bốn mùa, mà vạn vật mới sinh sinh, hoá hoá. Việc đời lâu lâu cũng phải cải cách, để trừ những tệ nạn cũ mà thích hợp với hoàn cảnh mới.

PBC phụ chú: Lời Thoán các quẻ ít thấy chữ *ăn năn*, duy đến quẻ Cách mới thấy chữ *ăn năn* (*hối vong*). Bởi vì trong thiên hạ, không gì dễ hơn việc Cách, cũng không gì khó hơn việc Cách. Cách mà đáng thì vẫn không sợ gì, lỡ ra Cách mà không đáng, thì chẳng những hiện tại đã nhiều nỗi khó khăn, lại gây mầm họa cho tương lai, thêm cản trở con đường tiến bộ, thiệt ăn năn không biết chừng nào. Huống gì, sự thế đã đến lúc thất bại, dầu ăn năn cũng có ích gì. Vậy nên Lời quẻ hết sức trịnh trọng nói về quẻ Cách, mà kết thúc bằng hai chữ *ăn năn*.

Hào 1 dương

Dùng sự bền chặt của da con bò vàng. NHL giảng: Người nào muốn làm cải cách lớn thì phải có thời (hợp thời),

có địa vị, có tài. Hào 1 này mới ở vào buổi đầu của thời Cách (thay đổi), còn lỗ dở, thế là chưa có thời, địa vị lại thấp, tuy dương cương nhưng bất trung, thế là tài đức còn kém, trên không có người ứng viện (hào 4 cũng là dương); làm việc cải cách tất hỏng; chỉ nên giữ vững (bố chặt bằng) đạo trung (tượng trưng bằng màu vàng); thuận (đức của loài bò), thì mới khỏi bị lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có nhiệm vụ làm đổi mới cuộc sống thì không cải cách.*

MHC: Tuy có tài nhưng sự nghiệp bị cản trở nhiều, an thường thủ phận. Đợi thời.

MKHC: Phận nhỏ mọn, hay chấp nhận, tuy không tai họa, nhưng cũng thô thiển, đối trá, xấu hổ.

Vận năm- **Giới Quan:** Nên giữ chỗ. **Giới Sĩ:** Giữ phận, chưa nên cầu tiến vội. **Người thường:** Nên cẩn trọng giữ gìn, đừng làm bừa (làm đại).

Hào 2 âm

Chuẩn bị lâu ngày rồi, liệu cải cách đi, tiến lên, tốt, không lỗi. NHL giảng: Hào này nhu thuận, đắc trung đắc chính, ở giữa quẻ nội Li là sáng suốt, ở trên có hào 5 dương cương, trung chính, vị cao, ứng viện cho, đủ tư cách, hoàn cảnh thuận tiện để cải cách (vì vị 2 này là cơ hội cải cách đã tới), cho nên cứ việc mà đi miễn là chuẩn bị cho kỹ, để cho người trên kẻ dưới đều tin mình. PBC phụ chú: Hai âm với 5 dương là hai hào rất tốt ở quẻ Cách, mà lại đồng đức ứng với nhau, đức xứng theo vị, vị xứng theo tài, tài lại đúng theo Thời, nhưng mà Lỗi hào còn có câu *chuẩn bị lâu ngày rồi liệu cải cách đi*, tỏ ra một cách rất là cẩn trọng. Vậy mới biết *cải cách* là một việc rất nhu yếu ở trong xã hội, lại là một việc rất gian nan. Khi chưa nên cách mà chưa cách như sơ dương, chính là đang buổi ngấm ngấm nuôi sức, mà chờ ngày cất cánh. Khi đáng cách mà cách tất phải như 2 âm, đủ ngón kinh quyền mới khỏi thất bại. Huống gì sơ dương thời thế chưa thành thực, mà tài đức với vị còn thua 5 với 2 xa. Than

ôi, cánh mỏng mà muốn bay cao, chân ngắn mà muốn bơi
bể, chẳng nguy hiểm lắm hay sao? Nên thánh nhân không
dám khinh dị nói cách mệnh. **Toán Hà Lạc giải:** *Cứ bình
tình xem thời, thì biến đổi mới đúng.*

MHC: Biến cải đúng thời cơ, hợp lòng dân, sáng tạo,
thiết chế, sửa sang một thời mà ảnh hưởng đến đời sau.

MKHC: Cũng trung hậu, xử sự đúng phép, biết cải
cách những tục cũ để xây dựng quy mô mới tốt đẹp.

Vận Năm - Giới Quan và Giới Sĩ: Thay đổi, thành
danh. **Người thường:** Có nhiều việc vui mừng.

Hào 3 dương

*Tiến liền thì xấu (hào 3 tảo bạo), hãy giữ bền đạo,
thận trọng, lo lắng (dù chính cũng nguy), tính toán sắp đặt
kế hoạch tới 3 lần, thì kết quả mới chắc chắn.* **NHL giảng:**
Hào này dương cương, bất trung, có tính nóng nảy, muốn
làm liều, hàng hải tiến tới, hồng việc (chính hung). Phải giữ
vững (trình) đạo chính, thận trọng, lo lắng; phải sắp đặt, tính
toán kế hoạch đến ba lần, chắc không có gì khuyết điểm, thì
kết quả mới chắc chắn. **Toán Hà Lạc giải:** *Cải cách thường
hay nóng nảy. Phải thẩm tra, xem xét thật kỹ lưỡng.*

MHC: Thông dong xem thời, liệu mà biến cách, bỏ
những tệ hại cũ, đổi mới, khiến quần chúng hợp sức lại, được
đời sau ngưỡng mộ.

MKHC: Khinh suất, hành động càn, thành ít, bại
nhiều, nan trắc, gian truân, dễ bị tan tác.

Vận Năm- Giới Quan: Khinh động, mất về chính trị,
bị giáng truất. **Giới Sĩ:** Phải thi lại đến ba lần. **Người
thường:** Phán tán khó yên. Số xấu thì chết sớm.

Hào 4 dương

*Hối hận tiêu kết, có lòng chí thành, trên dưới đều tin
theo, đổi mệnh (cải cách lớn) được. Tốt.* **NHL giảng:** Hào

này dương ở vị âm, đáng lẽ có điều ăn năn, nhưng ở vào thời cải cách, không nên cương quá, cho nên tính cương mà vị nhu, vừa cương vừa nhu thì tốt, không phải ân hận. Nếu có đủ lòng chí thành khiến người trên kẻ dưới đều tin mình thì cứ tiến hành việc cách mệnh. Tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Có dân đồng tâm hiệp lực, thì cách mệnh, đổi mới được.*

MHC: Mưu cao, chí lớn, làm được cuộc cách mệnh hợp lý, hợp tình. Chữ mệnh còn là tín hiệu thọ mệnh.

MKHC: Cũng là người trung hậu, làm việc có kế hoạch, rồi tổ lập nghiệp ở xa. Kiên trì giữ chí, trước khó sau dễ.

Vận năm- **Giới Quan:** Thăng chuyển nhanh. **Giới Sĩ:** Được tiến cử. **Người thường:** Tăng tiến mạnh mẽ. Nhiều cái đổi mới.

Hào 5 dương

Bậc đại nhân làm cho xã hội thay đổi, như con hổ thay lông đổi mã, chưa cần bói cũng tin như vậy rồi. NHL giảng: Hào này có đủ cả thời (công cuộc cải cách đã được tám chín phần mười rồi), vị (ở ngôi chí tôn), tài đức (dương cương, trung chính, đúng là một đại nhân) cho nên thành công mỹ mãn, làm cho xã hội thay đổi, tốt đẹp, mới mẻ lên như con hổ thay lông, dân chúng sẵn lòng tin như vậy từ khi chưa bói. PBC phụ chú: *Chưa cần bói ở hào này giống như vua Thành Thang khi chưa đánh Hạ đuổi Kiệt, mà quân của vua Thang đi đến đâu, thì nhà nhà reo mừng, mà bảo với nhau rằng: Chờ vua ta, vua tới thì ta sống lại. Lại như: Vua Lê Thái Tổ nước ta, khi chưa về tới Thăng Long, mà quân đi tới đâu, từ Tân Bình đến Nghệ Thanh, tất thấy trống cờ đón rước. Cách mạng mà được như thế, còn chờ gì phải bói mới biết và tin.* **Toán Hà Lạc giải:** *Cuộc cách mệnh đúng, hợp lòng dân.*

MHC: Tài đức xuất chúng, làm được cuộc cách mệnh lớn, lập quy mô cho đời sau theo.

MKHC: Cũng giá trị, thấy việc hồ đồ thì không giữ chủ trương nữa.

Vận năm- **Giới Quan**: Vinh thăng. **Giới Sĩ**: Được tiến cử lên cao. **Người thường**: Linh hoạt, biến thông có lợi. Duy kẻ Sĩ hèn mọn và mệnh Nữ: Không hợp (có nghĩa không sử dụng được những lời giải trên. XC).

Hào 6 âm

Người quân tử (thực hiểu và theo cách mạng) *như con báo biến hóa, còn tiểu nhân thì chỉ cách ngoài mặt. Công việc cải cách đến đây đã xong, nên ngừng lại, đi nữa thì xấu, giữ chính đạo cho vững bền, thì tốt.* NHL giảng: Hào này ở cuối cùng thời Cách, công việc cải cách đã xong. Kết quả là hàng người từ bậc trung trở lên, sáng suốt (quân tử), thực tâm tự thay cũ mà theo mới, còn người tư cách thấp kém (tiểu nhân) chỉ thay đổi bề ngoài thôi. Như vậy là kết quả tốt đẹp rồi, đừng cải cách hoài nữa mà sinh hậu họa, nên giữ chính đạo. Phan Bội Châu chê Nã-phá-luân khi lập nền quân chủ của Pháp, khai quốc hội, lập hiến pháp rồi, không chịu ngừng lại, còn xưng đế, rồi muốn chinh phục châu Âu nữa, kết quả thân bị đầy, danh bị hủy. (Còn chê Viên Thế Khải đánh đổ Mãn Thanh, dựng Trung Hoa dân quốc là Cách đã thành rồi, mà còn ham muốn cao, dựng triều đình mới, kết quả thân danh đều mất. Nã-phá-luân và Viên ứng với câu: *Đi nữa thì xấu*. Lại khen Hoa Thịnh Đốn, tám năm huyết chiến, đánh đổ quân Anh, dựng chính thể hợp chúng dân chủ, nhường ngôi Tổng thống cho người khác, làm người dân thường, được người Mỹ tôn vinh là quốc phụ, đúng là *giữ chính bền, tốt*).

Sáu hào quẻ này diễn đúng những giai đoạn từ bước đầu khó khăn đến lúc cải cách thành công. Phải có đủ những điều kiện: Hợp thời, hợp đạo, có địa vị, có tài đức, sáng suốt, thận trọng (tính toán, sắp đặt kế hoạch kỹ lưỡng ba lần), có

lòng chí thành, tính hoà duyệt, được nhiều người tin thì làm công việc cải cách lớn mới được. Cần nhất là được lòng tin, chí công vô tư. PBC phụ chú: (nói rõ hơn nữa về chữ Tin) Cả trong Lối quẻ Cách, các lời Hào, đều có một chữ Tin. Lời quẻ thì nói *bền lòng tin*, trong lời 6 hào thì ba hào 3, 4, 5 đều có chữ *có lòng tin*. Chỉ có một chữ tin mà nói đi nói lại định ninh thế. Xưa nay ở thời Cách, làm việc Cách mà nếu xã hội còn đương phân tán, lòng người còn nghi ngại, chưa lấy được lòng tin của đại đa số nhân dân, mà vội nói làm cách mệnh, lịch sử cách mệnh chưa thấy lực lượng nào như thế mà làm nên cả. Chẳng nói đâu xa, gần đây có ông Muys-ta-pha Kê-man ở Thổ Nhĩ Kỳ, ông Lê-nin ở Nga, sự nghiệp to lớn biết chừng nào, mà nhân tâm hai nước ấy tin phục hai ông biết chừng nào.... Mới biết rằng, đầu đuôi quẻ Cách mà chỉ nhắc đi nhắc lại có một chữ Tin, thật là khuôn vàng thước ngọc cho nhà làm cách mệnh đó vậy. Than ôi, chân lý như vậy, công dụng kỳ diệu như vậy, Dịch học đâu phải là sách nói không. Ai sinh ở đời cách mệnh, làm việc cách mệnh, nên hấp thụ cho hết tinh thần quẻ Cách. **Toán Hà Lạc giải:** *Cách mệnh đã thành công, giữ chính đạo.*

MHC: Trên tôn pháp luật, dưới tu tính đạo đức, cải tiến văn hóa cho tốt đẹp.

MKHC: Cây thông minh, phạm pháp, làm xằng, tham lam mắc họa.

Vận năm- **Giới Quan:** Nên thoái nhàn, hoặc tham gia các hoạt động văn hóa. **Giới Sĩ:** Tiến lên. **Người thường:** Trọng pháp luật, nên lo về việc miễn cưỡng cải cách, đeo tiếng thị phi.

50 - HỎA PHONG ĐỈNH

----- **Đỉnh** là Đỉnh (an định, đặt yên như đỉnh 3
----- chân vững). Thuộc tháng 12. **Lời Tượng:** *Trên*
----- *Mộc có Hỏa là quẻ Đỉnh (củi nhóm lửa bốc).*
----- *Người quân tử coi quẻ này mà ngồi vào chính*
----- *vị, để cho mệnh lệnh được vững gọn (Nghĩm*
----- *chính như cái đỉnh).* **Toán Hà Lạc giải:** Những

tuổi Tân: Sửu, Hợi, Dậu; Kỷ: Dậu, Mùi, Tị được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 12 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Vạc (nấu ăn) rất tốt, hanh thông.* Nhìn hình của quẻ, ta thấy vạch đứt ở dưới cùng như cái chân vạc, ba vạch liền ở trên như cái thân vạc, trong chứa thức ăn, vạch đứt ở trên nữa như hai tai vạc, vạch liền ở trên cũng là cái đòn để khiêng vạc. Vì vậy gọi là quẻ Đỉnh.

Theo nghĩa thì quẻ nội Tốn là cây, gỗ (ở đây không nên hiểu Tốn là gió). Quẻ ngoại Li là lửa; đốt cây vào lửa để đốt mà nấu thức ăn.

Ở trên đã xét quẻ Tỉnh, về việc uống, ở đây là quẻ Đỉnh, về việc ăn. Cổ nhân trong việc nấu nướng, trước hết để tế thượng đế, rồi để nuôi bậc thánh hiền. Tế thượng đế thì cốt thành tâm, nuôi thánh hiền thì cốt trọng hậu. Đó là ý nghĩa của câu Thoán truyện.

Quẻ Ly có đức thông minh, sáng suốt; quẻ Tốn có đức vui, thuận. Hào 5 âm nhu mà được ở ngôi chí tôn, đắc trung, ứng với hào 2 dương cương ở dưới. Vậy quẻ Đỉnh có đủ những đức sáng suốt, vui thuận, đắc trung, cương (hào 2) nhu (hào 5) ứng viện nhau để làm việc đời, thì có việc gì mà không hanh thông?

Hào 1 âm

Vạc đảo chân lên, trút những đồ cặn bã ra thì lợi; như gặp người thiếp sinh con cho, không lỗi. NHL giảng: Hào này là cái chân vạc, âm nhu mà ứng với hào 4 dương cương ở trên, có cái tượng chống chân lên trời, tuy xấu, nhưng vì vạc chưa đựng thức ăn, chưa đặt lên bếp, thì nhân nó chống chân lên mà trút hết các dơ bẩn ra, rồi cuộc hoá tốt, không có lỗi. PBC phụ chú: Lời hào này chỉ ra cái nghĩa *Tùy thời* của Dịch học, ở đây là thời Đỉnh. Đỉnh sở dĩ quý hóa là cốt những thứ chứa đựng ở trong. Hào Sơ là chân

đỉnh, chỉ có công dụng đỡ đỉnh. Bây giờ chân chống lên trời thì còn gì là công dụng, may vì còn ở thời Sơ, nhân đó mà trút hết căn bã, vào lúc vận may số đỏ, mà Sơ cũng được *không lỗi*, hóa ra thành việc hay. Đó là tình thế ngẫu nhiên. Chúng ta trong cuộc sống gặp hào này, không thể coi Lờ hào như lệ thường (lính tất yếu). Thế mới là biết được Dịch học. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức có đủ để thay cũ đổi mới.*

MHC: Quên mình để tiến đức tu nghiệp và thay cũ đổi mới. Tuổi trẻ có danh, đến muộn mới hưởng phúc lộc.

MKHC: Đời tổ đi xa lập nghiệp, cầu lợi hơn danh. Mệnh Nam: đường lo hoá mừng, tiện thành quý.

Hào 2 dương

Vạc đã chứa đầy (thức ăn), có kẻ đối lập với ta (hào 1) vì lòng ghen ghét, nhưng chẳng tới gần được ta, nên vẫn tốt. NHL giảng: Hào này dương cương ở vị trung, hữu dụng rồi, như cái vạc đã chứa thức ăn. Vì nó thân với hào 5 âm ở trên, mà không để ý đến hào 1 âm ở sát nó, nên nó bị 1 ghen tuông mà oán nó. Nhưng nó quân tử, ứng với hào 5, nên 1 không tới gần mà hãm hại được nó. Nên cẩn thận thôi, vẫn là tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đạo tự giữ mình, nên tốt.*

MHC: Là nhân vật quý báu của đất nước, có tài, đức chân thực, ích nước, lợi dân.

MKHC: Cũng chứa chất đầy đặn, biết thời thế, phóng khoáng, có kẻ ghét.

Vận năm- **Giới Quan:** Chấp chính, phòng gian nịnh làm hại. **Giới Sĩ:** Có học thức, biết nhiều, mà không gặp tri kỷ. **Người thương:** Kinh doanh có lợi, nhưng người ngoài những nhiều, kẻ dưới làm hại. Bệnh sơ qua.

Hào 3 dương

Như cái tai vạc đương thay đổi, chưa cất vạc lên được, có mỡ chim trĩ mà chẳng ăn được. Nhưng sắp mưa rồi

(hào 6 âm ứng với hào 3 dương), *hết ăn năn, kết quả tốt lành*. NHL giảng: Hào này ở giữa lòng vạc, dương cương, là hạng người tốt, có hào trên cùng ứng với nó, nhưng bị hào 5 ngăn cách (cũng như cái tai vạc hào 5 còn đương sửa, chưa cất vạc lên được), thành thử chưa đắc dụng, cũng như món ăn (mỡ chim trĩ là mỡ ngon) chưa đem ra cho người ta ăn được. Nhưng 3 có tài, lại chính đáng (dương ở vị dương) thì chẳng bao lâu 5 và 3 sẽ hợp nhau, âm (5) dương (3) giao hòa, tượng như trời sắp mưa, không còn gì ăn hận nữa, lúc đó 3 sẽ đắc dụng, kết quả sẽ tốt. PBC phụ chú: Lời hào 3 dương cũng tương tự 3 dương quẻ Tỉnh. 3 dương quẻ Tỉnh nói rằng: Nước sạch chẳng ăn. 3 dương quẻ Đỉnh thì nói rằng: Mỡ trĩ chẳng ăn. Nước giếng tuy trong, mỡ trĩ tuy béo, nhưng đương lúc người ta chưa biết dùng ăn, chính là cái tượng kẻ sĩ, người quân tử, ôm tài mà chưa gặp thời, chẳng phải là một việc đáng đau hay sao? Ông Hàn Vương Tôn (sử Tàu) khi ở ngôi vị thấp kém, có câu hát rằng: *Buổi mặt trăng chưa mọc / Bầy sao bé nhỏ nhằng / Khi vận tốt chưa tới / Tay hào kiệt dở dang*. Chính là tượng hai hào ấy. Tới khi gặp Tiều Hà tiến cử lên Hán Cao Tổ, mới tỏ ra một người quốc sĩ vô song, làm nòng cốt cho Tần mà diệt Hạng, chính là tượng gặp nguyên thủ sáng suốt, phúc lành đó vậy. Quân tử gặp thời đen rủi, dầu có lẽ lợi trong đời, nên ở yên vị không hành động là tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Vững vàng, nhưng trước bực mình, sau mới hợp*.

MHC: Thời niên thiếu, khoa cử lận đận, nhưng giữ đức cho tốt, danh lợi đến muộn mới đẹp.

MKHC: Không đắc dụng, hoặc tạt ở chân, hoặc ham lợi quên nghĩa. Muộn mới an nhàn.

Vận năm- **Giới Quan:** Hay bị dư luận xuyên tạc, trước lao đao, sau tốt. **Giới Sĩ:** Khó tiến thủ. **Người thường:** Doanh mưu sau cùng mới đạt. Già hưởng phúc, trẻ không toại ý.

Hào 4 dương

Chân vạc gãy, đánh đổ thức ăn của nhà công hầu, mà bị hình phạt nặng, xấu. NHL giảng: Hào này ở vị cao, gần ngôi chí tôn, vậy là có trách nhiệm lớn, nhưng ứng hợp với 1, âm nhu ở dưới, nên không gánh nổi trách nhiệm, như cái vạc gãy chân, đánh đổ thức ăn mà bị tội. Khổng Tử (trong Hệ Từ) cho rằng hào này cảnh cáo những kẻ đức mỏng mà ngôi tôn, trí nhỏ mà mưu lớn, sức yếu mà gánh nặng. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm lớn mà dùng người hóng, để quốc gia suy sụp.*

MHC: Làm lớn dùng người bậy, bị lụy to.

MKHC: Có tài không đức, bỏ chính theo tà, cậy thế làm xằng, bỏ tổ đi xa, khi tán khi tụ.

Vận năm- **Giới Quan:** Bị cách giáng. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:** Bị tổn phá hoặc đau chân. Xấu hơn: Kém thọ.

Hào 5 âm

Vạc có tai màu vàng, đòn kiềng bằng kim khí, giữ chính bền thì có lợi. NHL giảng: Hào này là cái quai vạc, đặc trưng cho nên tượng bằng màu vàng; ở trên nó là hào dương cương, tượng bằng cái đòn xâu bằng kim khí (chất cứng). Vậy là người có tài, đức, chỉ cần giữ được đạo chính thời. **Toán Hà Lạc giải:** *Chọn người hiền trị nước, giữ đức đến cùng.*

MHC: Đức trọng vị tôn, hạ mình để mời người hiền ra cộng tác, hợp ý trời, lòng dân.

MKHC: Cũng trung thực, hiểu nhân tình, nhà vượng, phúc đầy.

Vận năm- **Giới Quan:** Vinh hiển rất nhiều. **Giới Sĩ:** Đổ cao. **Người thường:** Thương mại có lợi. **Tăng ni:** Trụ trì yên ổn.

Hào 6 dương

Cái đòn khiêng đỉnh bằng ngọc. (chất cương mà nhu thuận) *điều tốt lớn lắm, không gì không lợi.* NHL giảng: Hào này là cái đòn để xâu vào tai vạc mà khiêng; nó dương cương mà ở vị âm (chấn), vừa cương vừa nhu, nên ví nó với chất ngọc vừa cứng vừa ôn nhuận. Ở cuối thời Đinh, như vậy là rất tốt. Quẻ này cũng như quẻ Tỉnh, hào trên cùng tốt nhất vì tới lúc thành công. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức đẹp, công thành.*

MHC: Phú quý đến đỉnh cao. Mệnh Nữ: Là người đàn bà có đức hạnh, cao quý.

MKHC: Có danh giá cao, trong sáng, ở ẩn, ở nơi núi rừng, vàng ngọc đầy, phúc nhà lớn.

Vận năm- **Giới Quan:** Ngồi vị cao rồi, lui về nhân nhả là hay. **Giới Sĩ:** Tiến chức. Đổ đạt. **Người thường:** Yên ổn. Có lợi cho thân mình. Số xấu đức nhỏ, không xứng với hào này: Có thể vong thân.

51- THUẦN CHẤN

----- **Chấn** là Động (chấn động như sấm nổ vang,
----- phần phát lên, thanh thế mạnh hơn). Thuộc
----- tháng 10. **Lời Tượng:** *Sấm dộng là quẻ Chấn.*
----- *Người quân tử coi quẻ này mà biết lo sợ, xét và*
----- *sửa mình.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
----- **Canh:** Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất được
quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 10 là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Sấm động thì hanh thông.*
Lúc sấm nổ ầm ầm mà nơm nớp lo sợ thì sau sẽ cười nói ha ha. *Sấm động trầm dậm mà không mất muông và rùa nghé*
(đồ tế thần). Sấm phát động thì vạn vật mới nảy nở, cho nên
bảo là hanh thông. Khi có điều gì kinh động mà nơm nớp lo

sợ, giữ gìn sửa mình thì không bị tai họa, mà sau sẽ được vui vẻ. Sấm vang động đến trăm dặm, mà tinh thần vẫn vững, không đến nỗi đánh mất đồ tế thần (cái muống và rượu; rượu là bằng lúa mạch hoà với nghệ nên gọi là rượu nghệ), thế là tốt, hanh thông. Nói đến việc tế thần là để diễn cái ý: Giữ được tôn miếu, xã tắc. PBC lấy thí dụ sau đây để làm sáng tỏ Lời Thoán: Nước Nhật có Thái tử Mục Liên, ngày thường ngồi thiền niệm Phật. Một hôm, ông đang ngồi niệm, có lũ cướp đến, chúng quát làm ông sợ, ông vẫn ngồi yên, chúng lấy gươm cửa cổ ông, ông cứ niệm kinh như không có gì xảy ra. Kẻ cướp đâm sợ ông, tưởng ông là Phật sống, bỏ gươm quỳ lạy ông. Ông nhân đó khai hóa được 10 người, thầy đều quy y cửa Phật. Nhật bản lúc đó tôn vinh ông là Thánh Mục Liên. Xem như việc ấy thì Lời Thoán rõ lắm.

Hào 1 dương

Lúc sấm nổ âm âm mà nom nớp lo sợ, thì sau đó sẽ cười nói ha hả. Tốt. (Hào này ở đầu thời sấm động). NHL giảng: Hào này ở đầu thời sấm động. Lời hào y hết Lời Thoán, chỉ nhận mạnh chữ sau (hậu) và thêm chữ tốt (cát). **Toán Hà Lạc giải:** *Biết sợ, mà (thực) sợ, thì sau mới có phép tốt.*

MHC: Tính cương, chí lớn, uy tín to, dân phục, làm được sự nghiệp lớn, phúc lộc đầy.

MKHC: Cũng biết lo lắng, tu tỉnh, trước gian nan, sau hưởng phúc. Hoặc có tật cảm, ngong.

Vận năm- **Giới Quan:** Trước sợ, sau vui. **Giới Sĩ:** Có tiếng tăm làm kinh động người. Hoặc làm chức Tỉnh, Quận. Hay chức chủ tế. **Người thường:** Trước lo sợ, sau vui mừng.

Hào 2 âm

Sấm tối, nguy (sợ hào 1 dương uy hiếp) tưởng mất của, chạy lên chín tầng gò để tránh, mất của đừng đuổi theo, 7 ngày sẽ thấy. NHL giảng: Hào này âm nhu lại cười lên

hào 1 dương cương, nhút nhát sợ 1 áp bức, e có cơ nguy, lại ngại mất của, nên phải tránh xa (lên chín tầng gò); nhưng nó vốn trung chính, khéo xử, nên đừng quá lo mà khiếp sợ, cứ bình tĩnh, dù có mất tiền, sau cũng lấy lại được. **Toán Hà Lạc giải:** *Biết sợ, mà sợ, thì sau có sợ đắc.* (Nói 7 ngày là nói kỳ hạn, có cơ duyên).

MHC: Lo sâu, nghĩ xa, thấy biến biết cách chuyển, thấy họa có mưu tránh, tuy không sáng cơ hội, cũng giữ được nghiệp cũ.

MKHC: Không biết thoát nạn, không biết bỏ của mà chạy, luôn lo sợ, bồn tẩu, trước nguy, sau mới yên.

Vận năm- **Giới Quan:** Lo gặp kẻ âm mưu, gian trá. **Giới Sĩ:** Trước mê muội, sau mới được việc. **Người thường:** Kiện tụng, mất mát, già thì lo tuổi thọ, trẻ thì có chuyện sợ hãi.

Hào 3 âm

Sấm động mà sợ rụng rời. Thấy sấm thì đi tránh, không tai họa. NHL giảng: Hào này âm, ở vị dương, là hạng người bất chính, nên lo sợ đến thác loạn; nếu trở về đường chính thì không bị tai họa. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có đức nên bị tai họa. Nên sửa lỗi.*

MHC: Trị nhớ loạn, an nhớ nguy, uy không khuyếch trương được việc lớn, nhưng cũng biết lo sợ, bảo toàn thân phận, tu rèn trong sáng ích lợi.

MKHC: Nhu nhược, nhút nhát, không lập được chí, danh lợi hỏng.

Vận năm- **Giới Quan:** Ngồi cho có chỗ. **Giới Sĩ:** Lo phế nghiệp. **Người thường:** Thận trọng lắm mới tránh được tai họa.

Hào 4 dương

Sấm chìm xuống bùn. (Bị mắc kẹt giữa 4 hào âm, như giữa bùn, sấm không nổ vang được). NHL giảng: Hào này

ương, bất trung bất chính, mà lại bị hãm vào giữa bốn hào âm, hai ở trên, hai ở dưới, nên gặp việc chân động, lo sợ, không tự thoát được, chỉ chìm đắm thôi. **Toán Hà Lạc giải:** *Cứ đắm chìm trong dục vọng bừa bãi là nguy.*

MHC: Tiết chế dục vọng, không đến nỗi đam mê, tuy không trình bày được sự nghiệp quảng đại (có thể giải: tuy sự nghiệp không khởi sắc), cũng duy trì được tư thế.

MKHC: Sống cầu thả ở chỗ tiện, vui thân vào cát bụi, bùn lầy, để mất thể thống, sinh nhai đạm bạc.

Vận năm- **Giới Quan:** Bị cách, giáng. **Giới Sĩ:** Bị đình đốn. **Người thường:** Bị ổi, ô trọc, thậm chí bị bắt bớ, tàn đời.

Hào 5 âm

Sấm di sấm lại (tối lui), nguy. Lo sao cho khỏi mất đức trung, thì làm nổi công việc.

NHL giảng: Hào này âm, hay lo sợ, chỉ thấy toàn là nguy, nhưng ở vị 5, có đức trung, cứ giữ lấy đức đó thì sấm tối hay lui (vãng lai cũng có thể hiểu là hào 5 này tối hay lui) cũng không sao mà còn làm được công việc nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Khó tránh nguy, cần có đức để biết sợ.*

MHC: Tài không đủ, mà đức có thừa, có thể giữ nghiệp cũ, và tạo nên thành tích giúp nước.

MKHC: Cũng trung hậu, giữ được cơ đồ. Tuổi trẻ bôn tẩu, muộn mới an nhàn.

Vận năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ:** yên phận, bảo thủ, cố hữu. **Người thường:** Có mối lo. Đau chân tay.

Hào 6 âm

Sấm kinh hoàng (Học Năng dịch là mỗi mỗi), mắt nhón nhác, nếu đi tới (hành động) thì xấu. Nếu biết đề phòng từ khi sấm mới động tới hàng xóm, thì không làm lỗi. Có việc cười xin, có điều tiếng. (NHL dịch là: Bà con có kẻ

cười chê mình). NHL giảng: Hào này âm nhu, gặp hoàn cảnh cực kỳ chân động (vì ở trên cùng quẻ Chấn) cho nên có vẻ quá sợ sệt, mà không có tài cho nên không nên hành động gì cả, chỉ nên đề phòng trước thôi. Bốn chữ "Hôn cấu, hữu ngôn", Chu Hy hiểu là nói về việc gả cưới, không khỏi có lời ngờ vực; các sách khác đều hiểu là bị bà con chê cười. Tại sao lại chê cười? Tại hào này nhút nhát; tại không dám hành động chăng? PBC phụ chú: Sáu hào quẻ Chấn, không hào nào không có chữ Chấn, thánh nhân muốn bảo cho người ta: hễ đã đem thân vào đời, không một người nào mà không ở trong hoàn cảnh nguy cực. Nên trong sáu hào thầy có chữ Chấn. **Toán Hà Lạc giải:** *Vô tài nên chịu tai họa xấu.*

MHC: Đề phòng nạn cháy, nên gây uy tín với hàng xóm, giữ được thân, bảo vệ nhà.

MKHC: Không cần trọng, hay cậy mạnh, gây tai họa, thế thiếp bất hòa, đáng mạo hiểm ủy mị.

Vận năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Phòng ruộng bỏ, phòng đình giáng. **Người thường:** Biết đề phòng, lo trước thì tránh được họa, biết tu tính thì tốt lành. Vợ chồng có hình khắc. Thân nhân, hàng xóm có xảy tai nạn.

52 - THUẦN CẤN

----- **Cấn** là Ngăn (đỉnh chùi, ngăn bước, ngừng lại, trở ngại trùng trùng). Thuộc tháng 4. **Lời**
 ----- **Tượng:** *Gồm cả hai trái Núi là quẻ Cấn (Ngăn cản).* *Người quân tử coi quẻ này mà không ra ngoài địa vị của mình.* **Toán Hà Lạc giải:**
 ----- Những tuổi **Bính: Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần,** được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 4 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Ngừng ở cái lưng (tĩnh như cái lưng) không thấy được thân mình, đi ở trước sân, không thấy có người, không có lỗi.* Quẻ này vốn là quẻ Khôn, lấy

nét thứ ba, dương của quẻ Cấn thay vào nét thứ ba, âm, của Khôn mà thành một nét dương ở trên, hai nét âm ở dưới; nét âm ngưng lại ở trên, hai nét âm cũng bị chặn ở dưới, cho nên đặt tên là quẻ Cấn (ngưng). Trong thân thể người ta, đầu, cổ, tay chân thường động dẫy, chỉ có lưng là thường tĩnh, đó là nghĩa ba chữ *ngưng ở lưng*. Hễ tĩnh thì không bị linh dục chi phối, không làm điều ác, tĩnh thì không nghĩ tới mình, mà cũng quên cả người khác (như đi ở trước sân mà không thấy có người) tức là không phân biệt mình với người, như vậy thì không có lỗi.

Thoán truyện giảng thêm: Lúc đáng ngưng thì ngưng, đáng đi thì đi (đi là biết tiến tới chỗ phải ngưng lại), động tĩnh đều hợp thời. Lại phải biết ngưng ở chỗ đáng ngưng, ví dụ cư xử với người cổ đại cho được đức nhân, đức tín, như vậy là biết ngưng ở chỗ đáng ngưng. Không phân biệt mình với người, coi nhân (người), ngã (mình) chỉ là nhất thể (cũng như quẻ nội Cấn, quẻ ngoại cũng là Cấn, cùng một thể với nhau, theo cách giải của Thoán truyện), đó là nghĩa sâu sắc của quẻ Cấn.

Đại tượng truyện khuyên: người quân tử chỉ nên ngưng ở chỗ làm trọn bốn phận của mình và đừng trật ra khỏi bốn phận của mình.

Hào 1 âm

Ngưng lại ngay từ ngón chân, không lỗi, lợi ích về việc giữ chính bền mãi mãi. NHL giảng: Hào này âm ở dưới cùng quẻ Cấn, ví như ngón chân, lúc mới bắt đầu động mà biết cẩn thận, ngưng lại thì không có lỗi. Sở dĩ khuyên như vậy vì hào 1 bất chính (âm ở vị dương). Mà phải kiên nhẫn giữ chính đạo thì mới có lợi. **Toán Hà Lạc giải:** Có đường lối giữ cho ngay thẳng.

MHC: Theo chính giữ phận, nên được kết quả hay. Dù không phát đạt mỹ mãn, cũng tránh được tai nguy.

MKHC: Khiêm tốn giữ phận nhỏ, nên bảo vệ, giữ gìn được thân, nhà, không tai họa.

Vận năm- **Giới Quan**: Giữ địa vị thì không thất thố gì. **Giới Sĩ**: Tiến trong cảnh lạc hậu. **Người thường**: an thường thủ phận là hơn.

Hào 2 âm

Bị ngăn ở bấp chân mình, không cứu được (bấp vế) mà phải theo nó (hào 2 âm phải theo hào 3 dương), nên lòng không vui. NHL giảng: Hào này ở trên hào 1, như bấp chân, nó đắc trung, đắc chính, biết lúc nào nên ngưng, nhưng nó tùy thuộc hào 3 trên nó, như bấp vế ở trên bấp chân (vế cử động thì bấp chân cử động theo), mà 3 thì lầm lỗi không sửa được, phải theo một kẻ lầm lỗi thì lòng không vui. PBC phụ chú: Lời hào này giống như việc thầy Mạnh với Tề Tuyên Vương. Vương nói gì thầy cũng chiều mà nói theo, như khi Vương nói Hiếu sắc, thầy cũng nói Thái vương hiếu sắc. Có phải thầy không muốn cứu Tề Vương đâu. Nhưng vì biết Tề Vương không nghe lời mà nói theo cho qua. Kết quả thầy phải bỏ nước Tề mà đi, ấy là *không cứu được mà phải theo, lòng không vui.* **Toán Hà Lạc giải**: Thành tựu được ở mình, nhưng chưa được ở người.

MHC: Tài đức cao, có chí phục vụ, nhưng tiếc rằng mưu chẳng được dùng, việc bị trở ngại thuộc quyền khu vực trên, nên lòng chẳng thỏa mãn, tuy không đạt chí, cũng nêu gương tốt về sau.

MKHC: Tâm không nhất định, tà chính lẫn lộn, không thu xếp được việc nhà, không sửa trị được cái lầm của cha, gian nan cô lập, buồn bực quanh năm.

Vận năm- **Giới Quan**: Không tài cứu nguy, sửa sai. **Giới Sĩ**: Không gặp dịp may. **Người thường**: Lo toan chẳng được việc gì, phải sang quận khác để làm lao công vất vả, hoặc đau chân, hoặc buồn phiền nổi nhà.

Hào 3 dương

Bị ngăn ở ngang thân, như bị đứt xương sống, (hào 3 dương khó xử giữa trên và dưới), nguy khốn, lo như cháy ruột. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ nội, như ở chỗ lưng quân, nơi phân cách trên và dưới. Nó là dương cương, bất trung, tiến lên thì người trên không nghe, lui xuống cũng không được, như bị đứt ở giữa xương sống, rất nguy khốn. **Toán Hà Lạc giải:** Không đáng ngăn mà bị ngăn. Mất hẳn thời cơ.

MHC: Làm lớn nhưng lòng tham không đáy, để hỏng việc nước, trên dưới cách trở, khó tránh lỗi.

MKHC: Tích trữ vàng bạc, nhưng ương ngạnh, làm liều. Không đủ thiện duyên.

Vạn năm- **Giới Quan:** Di chuyển, sửa đổi. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thường:** ương ngạnh, phá tổn hại, không yên. Số xấu thì già trẻ bị bệnh tim, mắt, lung. Hoặc có tang phục.

Hào 4 âm.

Ngừng ở thân mình, nên không lỗi. (Hào 4 được chính). NHL giảng: Hào này lên đến giữa thân mình, có đắc chính (âm ở vị âm), biết lúc nên ngừng thì ngừng, tuy không làm được việc gì, nhưng không có lỗi. PBC phụ chú: Chữ *ngừng ở thân* ở đây, cũng tương tự như *ngừng ở lưng* ở Lối quẻ (xem Lối Thoán). Duy Lối quẻ thì *không thấy thân mình*, là quên cả thân mình. 4 âm thì chỉ *ngừng ở thân*, là còn biết có mình. Khác nhau chỉ hai chữ, mà giới hạn thánh, phạm rất xa. Đọc Dịch nên biết ý ấy. **Toán Hà Lạc giải:** Thời nên ngừng thì ngừng. Không động càn.

MHC: Kín đáo tu luyện, cẩn trọng, rộng rãi, tuy không hóa thiện được thiên hạ, nhưng riêng mình vẫn giữ được điều thiện, không cứu được thời, thì cũng tránh được lầm lỗi.

MKHC: Riêng mình toan tính, tự túc, hoặc làm tăng đạo.
Vận năm- (Không có lời giải)

Hào 5 âm

Biết ngừng ở mép mình. nói năng có thứ tự, khỏi ăn năn gì. NHL giảng: Hào này lên tới mép, đặc trưng, biết thận trọng lời nói, lúc nào không đáng nói thì không nói, nên không có gì hối hận. PBC phụ chú: Khổng Tử nói rằng: Người có đức tất có lời nói hay, người chỉ có lời nói, không chắc người có đức. Xưa vua Cao Tôn 3 năm không nói, đến khi nói một lời thì bốn bề thấy đều tin mà hướng về. Tề Uy Vương ba năm không ngáy (gáy), đến khi ngáy một tiếng, mà nước Tề kinh động. Đó chính là *Nói năng có thứ tự* mà *khỏi ăn năn* như hào này vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Dè dặt lời nói, nên đỡ lỗi.*

MHC: Có đức, có lập ngôn, lớn thì làm ngoại giao, nhỏ thì làm giáo sư.

MKHC: Thì cũng ngậm nga như Đào Tiềm, luận bàn kim cổ, được bạn bè hội tụ, sinh kế bình thường.

Vận năm- **Giới Quan:** Hiện đạt ở ngôi vị cao cấp trung ương; chưa hiện đạt thì cũng giữ chức ngôn luận. **Giới Sĩ:** Nhờ một lời nói trúng ý đại nhân mà khoa danh thành tựu. **Người thường:** Hợp nhân tình, mưu được toại ý. Số xấu thì vạ miệng. Già trẻ khó về kinh tế.

Hào 6 dương

Đôn hậu về đạo biết ngừng đúng lúc, tốt. NHL giảng: Hào này ở trên cùng, làm chủ quẻ dương cương, có tính đôn hậu, biết lúc nào nên ngừng, thì ngừng. Tốt. PBC phụ chú: Đọc Dịch đến Lời quẻ Cấn là quẻ rất tốt. Đọc Lời hào quẻ Cấn đến hào Thượng 6 dương thiết là hào rất tốt. Cấn, tượng là Núi. Núi là một giống rất trọng hậu (đức tính

dày dặn, ăn ở chú trọng về sau). Người có đức trọng hậu, còn gì quý hơn? Lời Thoán nói rằng: *Khi động mà đúng với Thời, khi tĩnh cũng đúng với Thời, đạo Cấn ngày càng rực rỡ*. Quẻ Đại Súc là quẻ có quẻ ngoại là Cấn cũng nói: Đốc thực huy quang, nhật tân kỳ đức. Đã chứa chất dày dặn (đốc thực), lại tỏa sáng (huy quang), ngày ngày càng mới (nhật tân) được đức mình (kỳ đức), đủ bấy nhiêu lời tốt, chẳng phải do trọng hậu mà được thế hay sao? Thánh nhân sợ người ta nhận lầm người trọng hậu là người kém tài. Nhưng xưa nay những người đại tài bao nhiêu, lại là người trọng hậu bấy nhiêu. Vì có chứa chất được dày dặn, thì đến khi phát triển mới rõ ràng, duy đốc thực mới huy quang, chính là điểm tốt của Cấn. Vì vậy trong Dịch gồm có tám quẻ có quẻ ngoại là Cấn, đến hào Thượng, thấy đều là Tốt (cát). Lời tượng hào Thượng quẻ Cấn nói rằng sở dĩ tốt là vì *hậu cho đến cùng* (đĩ hậu chung). Ta lại xem Lời tượng hào Thượng quẻ Bí: *Ở trên mà đạt được cái chí* (Thượng đắc chí dã); hào Thượng quẻ Bác: *(Xe) được dân chở* (Dân sở tải dã); hào Thượng quẻ Đại Súc: *Đường lớn thông hành* (Đại đạo hành dã); hào Thượng quẻ Cổ: *Cái chí đáng làm thành phép tắc* (Chí khả tắc dã); hào Thượng quẻ Di: *lớn lao nhờ có phúc* (đại hữu khánh dã); hào Thượng quẻ Tổn: *Người lớn* (đại quân tử) *đạt được chí* (Đại đắc chí dã); hào Thượng quẻ Mông: *Lợi về sự chống giặc* (lợi ngự khấu dã). Như vậy là tất thấy các hào Thượng ở các quẻ Ngoại Cấn, Lời hào đã tốt, Lời tượng lại hết sức tán dương. Tóm lại, nạp vào hai chữ hậu chung (*hậu cho đến cùng*). Bởi vì chứa chất dày dặn (đốc thực) lại tỏa sáng (huy quang), chính là kết quả của một chữ *hậu*.

Hậu là trái nghĩa với chữ Bạc (mỏng). Hậu, chỉ nghĩa là dày; đất sở dĩ chở được núi sông, đựng được bốn bể, nuôi được muôn vật, chỉ vì có đức hậu mà thôi; nên móng dày mới dựng được nhà lớn, lực lượng dày mới cất được gánh nặng. Xưa nay chẳng thấy hạng người nào mỏng mảnh mà làm nên nghiệp lớn. Ý nghĩa của mấy chữ *Đôn hậu về đạo*

biết ngừng đúng lúc, tốt (Đôn cần cát), học giả chẳng đã thừa nhận hay sao. Đó là nói trong thực tế; còn trong triết học, thì mấy câu Lời Thoán ở đầu quẻ, càng nên nghiên cứu. **Toán Hà Lạc giải:** *Ngừng lại ở mức chí thiện.*

MHC: Phong độ cao, tiết khí vững, làm biểu tượng người của thời đại, phúc trạch sâu bền.

MKHC: Cũng thành thực, không phù hoa, ruộng vườn rộng lớn, tuổi thọ cao.

Vận năm- **Giới Quan:** Đổi chức vụ. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thường:** Nhà nông, buôn bán đều được lợi, Nhưng chí hướng chưa được mãn nguyện.

53 - PHONG SƠN TIỆM

----- **Tiệm** là Tiến dân (Như con chim hồng -một
----- loại chim vùng biển- bay lên cao dân). Thuộc
----- tháng 1. **Lời Tượng:** *Trên Núi có Cây là quẻ*
----- *Tiệm* (Tiến dân). *Người quân tử coi quẻ này*
----- *mà cư xử cho đức tốt dân lên, làm cho phong*
----- *tục lành dân lên.* **Toán Hà Lạc giải:** Những
tuổi **Bính:** Thìn, Ngọ, Thân; **Tân:** Mùi, Tị,
Mão được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 1 là
cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Tiến lần lần, như con gái về nhà chồng, tốt, giữ vững đạo chính thì lợi.* Quẻ này trên là Tốn (ở đây có nghĩa là cây), dưới là Cấn (núi). Trên núi có cây, có cái tượng dưới thấp lần lần lên cao, nên đặt tên là Tiệm. Cấn còn có nghĩa là ngăn, Tốn còn có nghĩa là thuận, ngăn ở dưới mà thuận ở trên, để cho tiến, nhưng không cho tiến vội, mà tiến lần lần thôi. Như trường hợp con gái về nhà chồng. Việc gả con phải thận trọng, thung dung, không nên hấp tấp, có vậy mới tốt.

Xét bốn hào ở giữa quẻ, từ 2 tới 5, từ dưới tiến lên, hào nào cũng đắc chính (hào âm ở vị âm, hào dương ở vị

dương), nhất là hào 5 dương cương, đắc chính lại đắc trung, rồi tới hào 2, âm nhu cũng đắc chính đắc trung; cho nên Lời Thoán khuyên giữ vững đạo chính như những hào đó thì tốt.

Tiến mà lần lần, không nóng nảy, vẫn tĩnh như quẻ nội Cấn, vẫn hoà thuận như quẻ ngoại Tốn thì không vấp vấp, không bị khốn cùng.

Đại tượng khuyên người quân tử nên theo tượng quẻ này mà tu thân, tiến lần lần cho được thành người hiền, rồi thành bậc thánh nhân, để cải thiện phong tục cho dân.

Hào 1 âm

Chim Hồng tiến dần đến mé bờ nước. Kể tiểu tử cho là nguy. Có chuyện (để nói) nhưng không lỗi gì. NHL giảng: Hồng là loài chim sống ở mặt nước, di cư, mùa lạnh thì bay xuống phương nam, mùa nóng trở về phương bắc, bay từng đàn, có thứ tự, sáu hào quẻ Tiệm đều dùng tượng chim hồng.

Hào này âm nhu, ở dưới cùng, như chim hồng mới tiến được tới bờ nước, thân thể không tiến được mau, cho là nguy vì còn nhỏ, chưa hiểu biết (tiểu tử), sự thực thì tuy chưa tiến được mấy, nhưng vẫn không tội lỗi gì. **Toán Hà Lạc giải:** Không được yên, chưa phải thời, không tiến được.

MHC: Có hiền đức, do khoa danh mà dần dần tiến chức, nhưng phòng bị gian nịnh xuyên tạc.

MKHC: Kể làm ăn đi từ thấp lên, nhưng vất vả, và hay bị miệng tiếng.

Vận năm- **Giới Quan:** Phải nói thẳng, trình bày lợi hại. **Giới Sĩ:** Không có người ứng viện, khó tiến. **Người thường:** Bị cùng đường. Tai ách.

Hào 2 âm

Chim hồng tiến đến bàn đá lớn, ăn uống hòa vui, tốt. NHL giảng: Hào này đắc trung đắc chính, âm nhu mà ứng với hào 5 dương cương ở trên, nên tiến được một cách dễ

dàng, tới đậu ở phiến đá lớn, vui vẻ ung dung. Tiểu tượng khuyên hào này được hào 5 giúp đỡ thì phải làm gì đáp lại, chứ đừng ăn không.

Toán Hà Lạc giải: *May gặp* (quý nhân, niềm vui...) *được an hưởng lộc vị.*

MHC: Tài cao đức trọng, đưa nước, nhà đến chỗ an vui vững như bàn đá, phúc trạch dồi dào.

MKHC: Cũng no ấm có thừa. Là kẻ sĩ ở ẩn nơi rừng núi. Hoạch phiêu diêu nơi sông hồ.

Vận năm- **Giới Quan:** Được hưởng lộc tể lễ (có thể hiểu là lộc về mặt văn hóa). **Giới Sĩ:** Dự yến tiệc. **Người thường:** Bận việc bếp núc, cổ bàn. Có lợi và vui vẻ.

Hào 3 dương

Chim hồng tiến dần đến nơi đất bằng, chồng đi xa chẳng trở về, vợ có thai chẳng nuôi được, xấu. Chỉ lợi về việc phòng giặc. NHL giảng: Hào này đã tiến lên được đất bằng, nó dương cương còn muốn tiến lên nữa, mà không muốn ngó lại; nó ở sát hào 4 âm nhu, thân với 4 nhưng không chính ứng với nhau, mà cả hai đều bất trung, ví như cặp vợ chồng không chính đáng, chồng (hào 3) bỏ vợ mà đi không ngó lại, vợ (hào 4) đang có mang, đẻ con mà không nuôi; Xấu. Nếu hoà thuận với nhau mà giữ đạo chính (trừ cái bất chính đi như trừ cướp) thì có lợi. **Toán Hà Lạc giải:** *Không được yên ổn. Không có đức nên không tiến được.*

MHC: Có tài đức, kiêm văn võ. Chỉ khổ đường vợ con.

MKHC: Bỏ tổ nghiệp. Bỏ văn theo võ. Tự cao tự đại, chẳng hợp tính với ai, hình khắc vợ con, xử sự hay lầm lỡ.

Vận năm- **Giới Quan:** Bị giáng cách. **Giới Sĩ:** Bị ngăn trở. **Người thường:** Sợ hãi. Bất hòa. Trộm cướp.

Hào 4 âm

Chim hồng tiến dần lên trên cây, hoặc được chỗ cành bằng. Không lỗi gì. NHL giảng: Hào này âm nhu mà ở trên

hào 3 dương cương, như chim hồng bay lên cây cao, không phải chỗ đậu của nó (vì nó vốn ở trên nước), nhưng may được cành thẳng, thì cũng yên ổn. Hào này bản chất âm, nhu thuận mà quẻ ngoại Tốn cũng có nghĩa thuận, nên được yên ổn. **Toán Hà Lạc giải:** *Gặp bạo mà được yên lành.*

MHC: có đức, có vị, nhưng khiêm nhường thì suốt đời yên vui.

MKHC: Sinh kế khó khăn, phải kiềm ước, muộn mới đủ dùng.

Vận năm- **Giới Quan:** Gặp cường bạo, không khắc phục nổi, đổi việc, không yên định. **Giới Sĩ:** Đổ khoa mùa thu. **Người thường:** Lợi việc tu sửa lật vật. Nhà yên ổn.

Hào 5 dương

Chim hồng tiến dần đến nơi gò cao. Vợ ba năm chẳng có thai. Nhưng cuối cùng không gì thắng nổi điều chính đáng. Tốt. NHL giảng: Hào này dương ở ngôi cao, chính ứng với hào 2, âm ở dưới, như vợ chồng muốn ăn nằm với nhau, nhưng hào 5 bị hào 4 ngăn cản (ghen với 2). Hào 2 lại bị hào 3 ngăn cản (ghen với 5) thành thử ba năm vợ chồng bị cách trở, mà vợ không có mang được. Nhưng 3 và 4 không thắng 2 và 5 được. Vì 2 và 5 đều đắc trung, mà việc 2 với 5 liên kết với nhau là chính đáng, nên rốt cuộc chúng phải chịu thua. PBC phụ chú: Theo về thể quẻ, ngoại Tốn là Nữ, nội Cấn là Nam. Theo về nghĩa hào, 5 ở quẻ trên là chồng, 2 ở quẻ dưới là vợ. Lý Dịch thường biến dịch như thế. **Toán Hà Lạc giải:** *Tiến đến với nguyên thủ, lại được người hiền phụ tá, nên việc nước thành công.*

MHC: Có tài đức, nhưng muộn mới phát.

MKHC: Có thanh danh, ở ẩn nơi núi rừng, có chí hướng nhưng muộn tuổi mới đạt. Sinh con muộn.

Vận năm- **Giới Quan:** Hay bị dèm pha. Trước mờ ám sau sáng. **Giới Sĩ:** Sau mới thành. **Người thường:** Trước khó,

sau dễ. Già tổn thọ. Nhỏ khó nuôi. Người tận số có tín hiệu đem chôn nơi gò cao. Người sinh tháng giêng là rất phú quý.

Hào 6 dương

Chim hồng bay bổng ở tầng mây. Lòng nó (rớt xuống) có thể dùng làm đồ trang điểm, tốt. NHL giảng: Hào trên cùng, ở trên hào 5 chỉ tôn, không có "vị" gì cả, vô dụng. Trong quẻ này nó ở cao hơn cái gò cao, tức ở trên không trung, trên đường mây (vân lộ). Nó là xuất thế, khí tiết thanh cao, khác phàm; tuy không trực tiếp giúp đời, nhưng có tư cách làm gương cho đời, xã hội có họ thì mới văn minh, cũng như lòng chim hồng không dùng vào việc ăn uống, cất nhà, chõ đồ, cày ruộng... được, nhưng làm đồ trang điểm như cờ, quạt, mũ, thì lại quý. PBC phụ chú: Hào Thượng 6 dương là một hạng người không lụy vào lưới đời, duy có danh cao, khí chất khác thường lưu ở nhân gian. Tỷ như ông Phạm Viên ở nước ta, nhà thơ Ta-go-rơ ở Ấn Độ, một người thì lấy cách thần tiên mà khinh miệt cả vương hầu, một người thì lấy thơ ca mà tiêu dao khắp Âu, Á. Thiệt là chim hồng bay ở đường mây, mà lòng rơi còn dùng được làm cờ quạt đó vậy. PBC phụ chú sau khi đọc toàn quẻ: Chúng ta đọc quẻ Tiệm mà biết rằng: Chữ Thời trong Dịch thật là quán triệt từ đầu đến cuối. Chữ Tiệm là Thời chung của toàn quẻ, tức là thời chung của một xã hội, sáu hào là thời riêng của mỗi người trong xã hội ấy. Vì thời riêng có khác nhau, nên lời hào ở trong sáu hào, tăng thứ tiến lên có trước sau, thang bậc tiến lên có cao thấp. Sơ vì địa vị quá thấp, nên *tiến dần đến mé bờ nước* (tiệm vu can). 2 vì địa vị đã nhích lên, mà tài lại trung chính, nên *tiến đến bàn đá* (tiệm vu bàn). 3 vì địa vị lấp lửng trên dưới, nên tiến lên khá cao, mà không được yên vị, nên *tiến đến đất bằng* (tiệm vu lục). 4 địa vị cũng như 3, mà tài lại thua 3, thì xử lý còn bấp bõm, nên *tiến lên cây* (tiệm vu mộc) mà lại nói *hoặc được cành bằng*. Chữ *hoặc được* ở đây

giống như *hoặc nhảy* ở hào 4 quẻ Càn. *Hoặc nhảy* (vực sâu) thì mong tiến mà chưa chắc đã tiến. *Hoặc được* thì mong được mà chưa chắc đã được, chỉ vì Thời còn ở chốn bấp bênh mà phải như thế. Đến 5 dương thì địa vị cả đặc trung, vừa đặc chính, còn gặp Thời Tiệm đã đến chặng cao nhất, nên *tiến lên gò cao* (tiệm vu lãng), mà cuối cùng được sở nguyện. Đến 6 dương trên cùng là Thời Tiệm đã đạt cực điểm, thật là cánh hồng bay bổng tuyệt vời, nên *tiến lên tầng mây* (tiệm vu quỳ) mà lòng cũng dùng làm vật trang điểm được.

Tóm lại, sáu hào đều là chim hồng cả, đều ở vào thời Tiệm cả, nhưng vì Thời riêng của mỗi hào khác nhau mà **Bờ, Bàn, Đất, Cây, Gò, Mây** (Càn, Bàn, Lục, Mộc, Lãng, Quỳ) cũng khác nhau mỗi hào mỗi vị trí. Đó chính là công dụng kỳ diệu của chữ Thời. Giống như sáu hào quẻ Càn, tóm lại là Rỗng cả, do Thời riêng của mỗi hào khác nhau mà Ẩn, Hiện, Nhảy, Bay, Chọi cũng khác nhau.

Nói khái quát, Thời là một vị thánh sư dạy cho ta làm việc, mà cũng là cỗ xe tốt đẩy cho ta lên đường. Nếu Thời chưa tới dù tài đức đến thế nào, cũng khó mà làm gắng trước. Thời nếu đã qua, thì dù khí phách, nghị lực đến thế nào, cũng khó mà kéo lại.

Vậy chúng ta muốn làm nên sự nghiệp tạo Thời, cần thứ nhất là phải có cặp mắt xem Thời, mà Thời chung với Thời riêng là cần cân nhắc lắm. Thời chung với Thời riêng gặp nhau, dám chắc trong thiên hạ không việc gì khó.

NHL nhận xét: Trong 64 quẻ, không có quẻ nào mà hào trên cùng cho ta một cảm tưởng nhẹ nhàng, khoan khoái như quẻ này. Thật là phơi phơi cùng với cánh hồng bay bổng. Nên so sánh hào 6 quẻ này với hào 6 quẻ Cỏ. Quẻ Tấn với quẻ Tiệm này nghĩa rất giống nhau, Tấn là tiến lên, Tiệm là tiến lên lần lần; mà lời tiên đoán lại khác nhau xa, thật là bất ngờ. **Toán Hà Lạc giải: Vượt ra ngoài sự thường tình.**

MHC: Hoặc làm người tiêu biểu, gương sáng một thời, hoặc đại biểu cho bốn phương, xa gần đều kính phục.

MKHC: Làm tăng đạo, khoác áo "lông chim" (đẹp, thanh cao), không màng danh lợi, không phe cánh, khó hưởng giàu sang.

Vận năm- **Giới Quan:** Được hưởng nghỉ thức sang trọng. **Giới Sĩ:** Bổng lưng danh. **Người thường:** Được đề cử, có mưu kế lỗi lạc, không tai họa, có phúc trách dài lâu.

54 - LỜI TRẠCH QUY MUỘI

----- **Quy Muội** là Đại khái, là Không chính thức
----- (là xử sự đại khái cho xong, không kiên trì, tế
----- nhị, sau thường có hối, có kiểm điểm). Thuộc
----- tháng 7. **Lời Tượng:** *Trên Đám có Sấm là quẻ*
----- *Quy Muội. Người quân tử coi quẻ này mà*
----- *ngâm nghĩ, ngăn đón về sau, biết cái tệ hại sẽ*
----- *xảy ra.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Đinh:**
Tị, Mão, Sửu; Canh: Ngọ, Thân, Tuất được
quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 7 là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Con gái nhỏ về nhà chồng,*
đi thì xấu, không có gì lợi cả. Quẻ nội là **Đoài** (con gái nhỏ),
quẻ ngoại là **Chấn** (con trai lớn); Chấn còn có nghĩa là động,
Đoài có nghĩa là vui vẻ, thuận theo, con gái nhỏ về với
trưởng nam, cho nên gọi là Quy Muội.

Trai gái phối hợp với nhau vốn là "cái nghĩa lớn của trời đất"; vì có vợ chồng rồi mới có gia đình, xã hội. Vậy mà Thoán từ bảo là xấu vì lẽ: Cặp trai gái này không xứng nhau: Trai lớn quá (trưởng nam), gái nhỏ quá (muội). Tình của họ không chính đáng: gái chỉ vì vui (hoà duyệt, đức của quẻ nội **Đoài**) mà tự động (Chấn) theo trai. Cũng có thể giảng là gái cầu trai, mà trai đã bị động theo gái; như vậy là bất chính. Sự bất chính đó còn thấy trên bốn hào ở giữa nữa, không một hào nào ở vị chính đáng.

Lại thêm hào 3 và 5 đều là âm mà cưỡi lên dương 4 và 2, có cái tượng vợ ăn hiếp chồng.

Ngay từ buổi đầu, sự phối hợp đã không được chính đáng thì biết được về sau không có gì lợi cả, chỉ tệ hại thôi (Lời Đại Tượng truyện).

Hào 1 dương

Gả em gái mà cho làm phạm lễ mọn. Thọt mà hay đi. Cừ đi, tốt. PBC giảng: Theo lời quẻ thì quẻ Quy Muội là xấu, nhưng theo về lời hào thì xấu, tốt còn theo nghĩa của từng hào (ý nghĩa theo vị trí, thời và hoàn cảnh của mỗi hào XC). Hào 1 này dương cương, nhưng ở vị trí thấp, mà trên không chính ứng (hào 4 cũng dương), tượng người con gái (vì ở quẻ đoàn. XC), tuy có đức hiền, nhưng phạm thấp, hèn, nên phải dựa theo người, thuận theo người trên, ví như người thọt mà hay đi (vì là dương). Nhưng theo về bản phạm hào sơ, thì như thế là thuận, nên lời hào bảo là *cừ đi, tốt*. (Lời hào nói phạm lễ mọn là theo tục xưa, ngày nay ta nên hiểu là phụ thuộc vào người. XC). PBC phụ chú: Chữ *đi, tốt* đối lập với chữ *đi xấu* trên lời quẻ. Lời quẻ nói về người thiếu nữ hành động theo cái tà tâm riêng, nên đi thì xấu. Còn Sơ dương hành động theo thân phận và địa vị, theo đúng nghĩa thời Sơ, nên nói rằng đi tốt. Dịch lý biến hoá bất thường, theo địa vị mỗi người, mỗi thời khác nhau, không thể hiểu một chiều được. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức mà thiếu ứng viện. Cam phạm vậy.*

MHC: Có đức mà chẳng gặp thời, phạm dưới không người giúp, chỉ được việc nhỏ.

MKHC: Giữ phận nhỏ, bình thường. Đi từ khó nhọc. Hoặc tật bệnh chân, phải ngồi.

Vận năm- **Giới Quan:** Giúp được người trên có tiếng. **Giới Sĩ:** Đỗ khoa nhỏ. **Người thường:** Đức nhỏ, được lợi nhỏ thôi. Hoặc vào nhà quyền thế để giải quyết cái sống.

Hào 2 dương

Chột mà hay nhìn. (Hào 2 và hào 5 tuy ứng nhưng chỉ được trung thời, không được chính). *Lợi ở kín lặng mà*

giữ chính. NHL giảng: Hào này dương cương đặc trưng, là người con gái hiền, trinh; nhưng chính ứng với hào 5 âm nhu, bất chính, tức như gặp người chồng dở, không dựng nổi cơ đồ, nên ví với người chột mắt. Cử âm thầm giữ đức trung của mình thì tốt. Đây là hoàn cảnh một người không gặp thời. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức mà không gặp cấp trên biết cho.*

MHC: Có đủ tài đức mà không gặp người trên sáng suốt, nhưng tâm lòng vẫn không ai lay chuyển nổi.

MKHC: Cố học vấn mà không danh lợi, ở chốn rừng núi, tiền của đủ dùng, phúc trạch vững. Giữ thanh liêm, đạm bạc. Phòng tật ở mắt.

Vận năm- **Giới Quan:** Ngồi vị khó thay đổi. **Giới Sĩ:** Khó gặp dịp may. **Người thường:** Yên phận thì không hại gì. **Số xấu:** Người ác hiểm, lại ở mãi cảnh tối tăm.

· Hào 3 âm

Đến thời gả em gái về nhà chồng mà chờ đợi mãi, sốt ruột đành phận lẽ mọn. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ nội, có địa vị, đáng lẽ không phải làm vợ bé. Nhưng vì là âm nhu, bất trung bất chính, mà lại đa tình (ham vui là tính cách của quẻ nội Đoài), tính nết như thế nên ế chồng, chờ đợi mãi không ai chịu đến lấy, đành phải trở về làm vợ bé vậy. Kê ham công danh, phú quý, cầu cạnh người, kết quả bị người khinh coi như tôi tớ, cũng giống cô gái trong hào này. **Toán Hà Lạc giải:** *Không có đức, lại không có ứng, nên cam phận lẽ mọn.*

MHC: Không gặp dịp tốt, chỉ vừa đủ làm được việc.

MKHC: Chí hẹp, việc làm vất vả, cậy vào kẻ mạnh thì phúc trạch nhỏ, không cho hơn gì.

Vận năm- **Giới Quan:** Gặp họa cách giáng. **Giới Sĩ:** Khốn khó đợi thời. **Người thường:** Phải lao công chán lăm, lo buồn đường tiến lui. **Mệnh Nam:** nếu có Nguyên đường tốt thì có tài thiếp đỡ đần.

Hào 4 dương

*Gả em gái lỡ hẹn: tuy muộn nhưng cũng sẽ có chồng tốt (còn được thời). NHL giảng: Hào này dương cương, ở quê ngoại là người con gái đã hiến lại sang, nhưng không có hào chính ứng với nó (vì 1 cũng là dương), nên lỡ thời, không sao, cứ đợi giá cao, chậm trễ ít lâu, rồi sẽ gặp duyên lành. **Toán Hà Lạc giải:** Cốt giữ đạo, chẳng tiến cầu thủ được.*

MHC: Chính đáng, đang hoàng, nhưng giữ đạo, đợi thời, không đỗ đạt sớm, muộn tuổi thành việc lớn.

MKHC: Đức lớn nhưng bị trở lực, vợ trẻ, con muộn. Muộn tuổi mới vinh hoa.

Vận năm- **Giới Quan:** ở ngoài đợi gọi về trung ương. **Giới Sĩ:** Đợi thời, chờ bổ nhiệm. **Người thường:** Đi buôn bán xa chưa về. Hôn nhân chưa thành.

Hào 5 âm

Vua Đế Ất cho em gái về nhà chồng, cái tay áo có công chúa chẳng đẹp bằng cái tay áo của người gái theo hầu (vì chỉ trọng đức không trọng trang phục). Trắng sắp đến rằm, tốt. NHL giảng: Hào này âm nhu, đặc trưng, ở địa vị cao quý mà lại chính ứng với hào 2 dương, địa vị thấp, như nàng công chúa em vua Đế Ất (một vị vua đời Thương) mà gả cho người bình dân. Đã vậy mà khi rước dâu, y phục của nàng lại không đẹp bằng y phục của mấy cô phù dâu. Như vậy là đức hạnh rất cao, không hờn mình địa vị cao quý, lại coi thường phục sức. Đức như vậy thật đẹp; như trắng mười bốn (trắng mười bốn tròn, đẹp mà chưa đầy hẳn). PBC phụ chú: Lời hào ở đây cốt nói về cách xử thế của người quân tử, trọng đạo đức mà không trọng quyền vị, quý tinh thần mà không quý đến vật chất. Thế tục đời sau lấy thế vị mà đánh giá người, lấy văn hoa mà lừa quần chúng, đạo đức chẳng trau, mà chỉ trau về y phục. Văn minh không ruột, mà chỉ lừa

ở vỏ da, xin thử đọc mấy lời hào ở đây. **Toán Hà Lạc giải:**
Gái có đức, phong tục tốt đẹp.

MHC: Theo nếp cổ, khoan dung, độ lượng, ưa nhã
nhận, công danh đạt, phúc lộc thịnh.

MKHC: Sang hèn cũng đối đãi thế, giàu không kiêu,
ham muốn nhưng không tham.

Vận năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Thăng chuyển, đỗ
đạt. **Người thường**: Được toại nguyện, lấy vợ được của, hoặc
làm khách quý của nước.

Hào 6 âm

*Người con gái bưng gió đổ cứng mà gió không có gì
(không xứng làm vợ), người con trai cắt tiết dê làm lễ mà
không có máu (không xứng làm chồng). Không có gì lợi cả.*

NHL giảng: Năm hào trên, các cô em gái đều về nhà
chồng cả rồi, hào này là hào trên cùng, muộn nhất; mà lại
không có chính ứng (hào 3 ứng với nó cũng là âm), không
thành vợ chồng chính thức được, chỉ sống bầy bọ với nhau,
không có gì lợi cả.

Hồi xưa, khi cúng tổ tiên, bốn phận người vợ là dâng
đồ cúng, người chồng dâng huyết cừu; người con gái trong
hào này, xách giỏ dâng đồ cúng mà giỏ lại trống không, còn
người con trai cắt cổ cừu để lấy huyết thì lại cắt giả vờ,
không có huyết dâng; như vậy thì tổ tiên nào chứng giám,
nên không thành vợ chồng được.

Hào đẹp trong quẻ là hào 5. Việc kén dâu, kén vợ,
trọng người có đức, không hợm mình cao sang, giàu có, coi
thường phục sức, mà khiêm tốn. **Toán Hà Lạc giải:** *Không
có đức, không có ứng, ước trước mà không hẹn sau.*

MHC: Có tài mà không được dùng, có bằng cấp mà
chẳng có lộc vị, có vợ mà khó có con.

MKHC: Có khổ, mệt óc, nghĩ nhiều chỉ quẩn.

Vận năm- **Giới Quan**: Chỉ hư vị. **Giới Sĩ**: Hư danh.
Người thường: Kinh doanh uống sức. Người già: Có tang, tế.

----- Phong là Phong phú, Thịnh, Lớn, Đây, là Sung
----- mãn. Vì Thịnh nên phải lo thịnh cực sẽ đến
----- Suy. Thuộc tháng 9. **Lời Tượng:** *Sấm Chớp*
----- *đều đến là quê Phong. Người quân tử coi quê*
----- *này mà làm gãy gọn lời xét đoán từ đây, làm*
----- *sáng tỏ được hình án.* **Toán Hà Lạc giải:**
----- Những tuổi **Kỷ: Mão, Sửu, Hợi; Canh: Ngọ,**
----- **Thân, Tuất** được quê này rất tốt. Lại sinh
----- tháng 9 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Thịnh lớn thì hanh thông,*
bậc vương giả tới được, đừng lo, nên giữ được đạo trung như
mặt trời đứng giữa trời. Dưới là Ly (sáng suốt), trên là Chấn
(hành động), Sáng suốt mà hành động thì làm nên sự nghiệp
lớn. Chỉ bậc vương giả có quyền, có vị mới làm tới nơi được.
Khi đã thịnh lớn thì người sáng suốt biết rằng sẽ phải suy,
nên thường lo; nhưng đừng nên lo suông, cứ giữ được đạo
trung như mặt trời (quê nội Ly có nghĩa như mặt trời) đứng ở
giữa trời, thì sẽ tốt.

Về Lời Tượng: Do quê nội Ly tượng là Mặt trời, là
Sáng suốt, quê ngoại Chấn tượng là Sấm, là Hành động, nên
Đại tượng truyện áp dụng vào việc hình ngục, khuyên người
trị dân nên sáng suốt mà soi xét dân tình khi có việc xử
đoán. PBC phụ chú: Thời Phong là thời thịnh cực, chính là
lúc mặt trời đứng giữa trời rồi. Bây giờ làm cho mặt trời luôn
luôn đứng giữa trời là việc rất khó, có lẽ nào mặt trời cứ
đứng mãi giữa trời hay sao? Trong câu *mặt trời đứng giữa*
trời, thâm ý thánh nhân cốt trọng ở chữ *đứng giữa*. Mặt trời
chẳng qua là thí dụ. Đứng giữa mới là chân lý.

Lệ trong thiên hạ, từ một người, một nhà, một nước,
cho đến thiên hạ, hễ đã đến lúc thịnh, đáng lo nhất là quá
thịnh. Hễ gặp việc đắc ý, đáng lo nhất là quá đắc ý. Nên gặp
thời tiết ấy, phải lo sao cho khỏi quá, giữ được khỏi quá tức

là *đình giữa*, chỉ một chữ *đình giữa* (trung) là vừa đủ làm thuốc chữa bệnh Thịnh quá.

Hào 1 dương

Gặp được người chủ hợp với mình, tuy ngang nhau nhưng không có lỗi, tiến đi thì có sự nghiệp đáng khen. NHL giảng: Hào này ở quẻ nội Li, có đức sáng suốt, có tài (vì là dương), ở trên ứng với hào 4, thuộc quẻ ngoại Chấn, có đức hoạt động, mà cũng có tài (dương cương). Bình thường thì ứng với nhau, phải một âm một dương mới tốt; ở hào này thì khác, cùng là dương cả mà cũng tốt, vì 1 sáng suốt, 4 hoạt động, hai hào tương thành, chứ không tương phản, giúp nhau làm nên sự nghiệp lớn được. Hai hào ngang nhau, biết chăm chú ý kiến nhau là điều tốt cho sự hợp tác, nếu một bên cầu thắng, một bên chỉ nhường, thì không còn là hợp tác nữa, khó thành công lớn được. **Toán Hà Lạc giải:** *Đức ngang nhau, công giúp nhau.*

MHC: Tài cao, thời thịnh, cùng ngang đức, dắt dẫn nhau, thành nghiệp lớn.

MKHC: Cậy tài, kiêu hãnh, gây oán ghét. Hình thương về xương cốt.

Vận năm - **Giới Quan:** Gặp cấp trên sáng suốt, dễ vượt lên. **Giới Sĩ:** Gặp tri kỷ. Dễ thành danh. **Người thường:** Được quý nhân dẫn dắt. Toại ý. Số xấu thì mắc sai lầm lớn, thêm tai ương.

Hào 2 âm

Lớn thay cái màn che (trở hào 5 âm) giữa ban ngày mà thấy sao Đẩu, đi thì bị ngờ, ghét, nhưng cứ giữ lòng chỉ thành, mà cảm hóa người trên, tốt. NHL giảng: Hào này âm ở giữa quẻ Ly, đặc trưng đặc chính, nhưng quẻ ứng với nó là hào 5, âm nhu bất chính, không giúp được nó, không tin nó;

ó như một hiền thần gặp một ám chúa, nên ví với mặt trời (quê Ly) bị mây mù che dày. Có muốn theo 5, bị 5 nghi kỵ và ghét; chỉ có cách giữ đức trung trinh, lấy lòng chí thành mà đối sử với 5, rồi sau 5 sẽ tỉnh ngộ.

PBC phụ chú: Lời hào này tượng như ông Chu Công giúp Thành Vương mà bị họa dèm pha của Quản Thái; ông Khổng Minh giúp Hậu Chúa mà bị họa sàm ngôn của Hoàng Hạo. Đó là cái màn che, giữa ban ngày mà thấy sao Đẩu. Nhưng hai người đó vì lấy lòng chí thành cảm cách được chân chúa, kết quả Thành Vương mất lòng nghi, Hậu Chúa biết nhận lỗi, mà sự nghiệp Chu, Khổng đều được thủy chung. **Toán Hà Lạc giải:** *Có đức mà bị người trên che lấp, cứ giữ lòng chí thành.*

MHC: Ngồi vị cao ở Trung ương, tuy gặp cấp trên hôn ám, ngờ ghét, mà lòng thành thực để tìm cách chuyển hóa.

MKHC: Không có người che chở. Trơ trọi, ít bạn, hay bị dèm pha, oán trách. Trước trở ngại, sau mới thuận tiện.

Vận năm - **Giới Quan:** Nói thẳng, hay bị xuyên tạc, trước xấu sau lành. **Giới Sĩ:** Chờ lâu, may phát đạt. **Người thường:** Khốn lâu, nay phát tài, có kiện tụng rồi tự nhiên lý sẽ sáng tỏ, bệnh sẽ khỏi. Số xấu phòng người trên có chuyện buồn.

Hào 3 dương

Bị màn che kín mít, ban ngày mà thấy sao nhỏ, gãy cánh tay phải, biết trách lỗi ai. NHL giảng: Hào này dương cương, ở trên cùng quê Ly là người sáng suốt, có tài, nhưng hào trên cùng ứng với nó lại là bất tài (âm nhu), không giúp gì được nó đã thế nó lại bị hào 4 che ám, hoàn cảnh còn tệ hơn hào 2 nữa, cho nên bị bảo là bị tấm màn che kín mít, ban ngày mà tối như đêm, thấy được cả những vì sao nhỏ. Như vậy hào 3 như người bị gãy cánh tay phải (trở hào 6 không giúp gì được nó), nó không có lỗi vì hoàn cảnh khiến vậy.

Toán Hà Lạc giải: *Gặp chủ không xứng đáng, mình sáng suốt cũng vô dụng.*

MHC: Có tài đức làm phụ tá. Nhưng trên hôn ám, đồng liêu lắm lỗi.

MKHC: Đẹp nhưng không ngon, thương thân phá tổ, tính việc nhỏ thôi. Hoặc có tật chân tay.

Vận năm - **Giới Quan:** Muốn về hưu. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:** Khó toại ý. Cái hay bị che lấp. Tranh tụng. Chân tay có tật ách. Khó làm việc.

Hào 4 dương

Lớn thay cái màn che (trò hào 5 âm) giữa ban ngày mà thấy sao Đẩu, gặp được bạn bằng vai vế. Tốt. (gặp hào 1, chính ứng, cũng đức dương cương cũng coi là tốt). NHL giảng: Hào này dương cương ở địa vị cao, có thể lập được sự nghiệp nhưng bất trung, bất chính lại bị hào 5 âm nhu hôn ám che lấp, hoàn cảnh cũng như hào 2, cũng ban ngày mà thấy sao Bắc Đẩu, nhưng may được hào 1 ở dưới đồng đức (cũng dương cương) bằng vai vế ứng với nó, cũng coi là tốt được. PBC phụ chú: 2 âm, 4 dương, lời hào sở dĩ giống in nhau, bởi vì hai hào ấy cảnh ngộ xử lý ban đầu với những cái trông thấy ở trước mắt, giống in nhau, nên lời hào cũng không cần khác lời nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Tuy gặp cấp trên không xứng đáng, nhưng cùng bạn tiến lên thì tốt.*

MHC: Tuy bị che lấp, nhưng có bạn cùng chí hướng hiệp lực, nên cũng thành sự nghiệp. Phúc trạch dồi dào.

MKHC: Bỏ nhà đi xa lập nghiệp, dựa vào người thân quý để làm ăn, trước tối, sau sáng.

Vận năm- **Giới Quan:** Trên dưới có nghi kỵ, không ổn. **Giới Sĩ:** Gặp tri kỷ, nhờ đó mà tiến được. **Người thường:** ánh sáng bị che lấp, có người giải thích cho. Khách buôn ra ngoài gặp bạn. Phòng thuyền gãy cột buồm.

Hào 5 âm

Mỗi người tài giúp thì được phúc, có tiếng khen, tốt.
NHL giảng: Hào này, ở địa vị chí tôn, âm nhu, không có tài tạo được sự nghiệp thịnh lớn, nhng khá là có đức trung (ở giữa quẻ ngoại), và có hào 3, 4 dương cương, hiển tài ở dưới mình, nếu biết mời họ giúp mình thì có phúc và được tiếng khen, tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Khuyến cấp trên cầu hiền, nên nhân đó được người hiền.*

MHC: Trước tối, sau sáng, tích đức, bỏ cái riêng, nên hiển đạt, dồi dào.

MKHC: Văn chương nổi tiếng, lộc vị cao.

Vận năm- **Giới Quan:** Lên cao được. **Giới Sĩ:** Đổ cao thành danh. **Người thường:** Được đề cử. Mưu vọng toại ý.

Hào 6 âm

Lớn thay cái óc (ngôi vị rất cao), nhỏ hẹp thay cái chỗ ở (thân phận âm nhu), nhìn vào ngõ, vắng tanh không người (tự mình bùng bít), ba năm chẳng thấy rõ, xấu. NHL giảng: Hào này âm nhu như người hôn ám, mà ở trên cùng mà lại có địa vị rất cao, y như người cất nhà nóc rất cao (địa vị cao) mà buồng mình ở thì lại thấp hẹp (bản tính âm nhu), thế là tự mình che lấp mình, nên không ai lui tới với mình, do đó mà đứng ở cửa nhìn vào, không thấy bóng người, ba năm không thấy ai (hoặc ba năm không giấc ngủ: dịch là thấy rõ). Không gì xấu hơn.

Tên quẻ là thịnh lớn, rất tốt mà không có hào nào thật tốt, hào nào cũng có lời răn đe, cổ nhân muốn cảnh cáo chúng ta ở thời thịnh lớn, có phúc thì cũng có sẵn mầm hoạ, phải cẩn thận lắm mới được. Các quẻ khác thường hào dương ứng với âm, hoặc âm ứng dương thì tốt; quẻ này trái lại, dương ứng với dương (như 1 với 4) mới tốt. Đó lại là một lời khuyên nữa: ở thời Thịnh, người ta thường vì quyền lợi chia rẽ mà thịnh hóa suy; phải biết đồng đức, đồng tâm với nhau,

thì mới tránh được họa. PBC phụ chú: Các hào 1 và 4, 2 và 5, đều là đồng một đức mà lại đồng tâm nên các hào đều tốt. Duy có 3 đường với 6 âm thì cương dụng lấy nhu, sáng dụng lấy tối, đức không đồng nhau mà mỗi người mỗi bụng, dù đến như thế, tội chỉ vì chia rẽ tâm và đức mà thôi. Ở về thời Phong mà tâm đức chẳng đồng, còn tại họa như thế, huống gì gặp lúc truân chuyên khó khăn, mà người trong thời đó, chẳng biết đồng tâm, đồng đức với nhau, còn mong làm được việc gì nữa? Thánh nhân nhân quả Phong, biến luật *cương nhu tương ứng* mà thay vào nghĩa *cương nhu đồng đức*, mẫu nhiệm thay, tình túy thay. **Toán Hà Lạc giải:** *Sáng quá hoá tối, nên xấu vậy.*

MHC: Có tổ nghiệp mà không tiếp nối được, cậy tài thông minh, làm bậy, sau mê tối, không tỉnh, khó tránh tai họa.

MKHC: Hữu tài vô đức, tự tôn tự đại (kiêu sa, khoe mẽ), tuyệt (dứt bỏ) người thân, bỏ bạn hữu, chấp nhất, không ổn định, công việc chất lượng kém. Chỉ làm tăng đạo nơi núi rừng là đỡ tai họa.

Vận năm - **Giới Quan:** Ngôi vị cao nhưng bị tai ách.

Giới Sĩ: Có tín hiệu bay bổng. **Người thường:** Cốt nhục tương tàn, khó tránh kiện tụng, hình ngục, nói năng tổn thất, hoặc làm lỗi ở cơ quan hành chính.

56 - HỎA SƠN LŨ

----- Lũ là Bó nhà di tha phương, là khách lũ hành đi
----- xa, thường không yên tâm, lúc nào cũng phải
----- thận trọng. Thuộc tháng 5. **Lời Tượng:** *Trên*
----- *Núi có Lửa là quê Lũ. Người quân tử coi quê*
----- *này mà sáng suốt (như lửa), thận trọng (như*
----- *núi) trong việc dùng hình luật, chẳng để giam*
----- *lâu, trì trệ trong ngục.* **Toán Hà Lạc giải:**
----- Những tuổi **Bính: Thìn, Ngọ, Thân; Kỷ: Dậu,**
----- **Mùi, Tị** được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 5 là
----- cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: ở trọ, ít hanh thông. Đi ở trọ mà giữ được đạo chính thì tốt.* Chỗ ở của lửa là mặt trời hay lò, chứ không phải ở trên núi; trên núi lâu lâu vẫn có đám lửa cháy rừng hay đốt rừng, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi, cho nên dùng cái tượng lửa (Ly) ở trên núi (Cấn) để chỉ cảnh bỏ nhà mà đi ở trọ (ở đậu) què người. Cảnh đó là cảnh bất đắc dĩ, nhiều lắm cũng chỉ hanh thông nhỏ được thôi, nếu người đi ở trọ giữ được đức trung, thuận như hào 5, yên lặng như quả nội Cấn, sáng suốt như quả ngoại Ly. Hào 5 đắc trung mà lại là âm ở giữa hai hào dương, biết thuận theo dương. Cái đạo ở trọ là mềm mỏng, đừng làm cao để người ta khỏi ghét; nhưng mặt khác cũng phải yên lặng sáng suốt, giữ tư cách đạo chính của mình để người ta khỏi khinh. Giữ cho được nghĩa lý trong hoàn cảnh đó thật là khó. Đại tượng truyện cũng lại áp dụng vào việc hình phạt, khuyên phải xử đoán sáng suốt (như lửa - Ly) và thận trọng (như núi - Cấn), đừng giam tội nhân quá lâu trong ngục. PBC phụ chú: Lữ là một cảnh ngộ đặc biệt của con người, lia họ hàng thân thích, bỏ mô mả nhà cửa, đi làm một người lữ khách ở viễn phương, còn có lấy gì làm sung sướng đâu. Nhưng cảnh đời có thường có biến, việc người có cùng có thông, ở vào cảnh cùng biến, mà vẫn có một đạo lý thông thường. Tức như: Đức Khổng tuyệt lương ở Trần Thái, Mạnh Tử chẳng gặp Tề, Lương; chẳng phải là thánh hiền cũng có lúc cơ lữ đó hay sao?

Nhưng đạo nghĩa trong bản thân, thì bao giờ cũng không thay đổi. Tuy không làm sự nghiệp lớn, nhưng do chính nghĩa, chính đạo, tới đâu cũng làm ơn cho người. Như thế là Lữ chính bền mà vẫn được tốt. Nói cách khác, lữ mà không chính bền như Trần Ích Tắc nước ta, đi ở độ đất nước Nguyên, toan bán nước cầu vinh. Kết quả chôn thân ở nước người, nhà Trần cũng chẳng thêm nhận làm tôn thất. Kìa như ông Cơ Tử ở đời Thương, vì không chịu làm lỗi với nhà Chu, mà qua ở đất Triều Tiên, lấy văn tự Trung Hoa, đặt ra giáo lệnh 10 điều, dạy cho người Triều Tiên, đến bây giờ người Triều Tiên còn nhận ông làm quốc tổ. Lại như ông Sĩ Nhiếp

vì tránh loạn Tam quốc mà sang nước ta, bắt đầu lấy Hán văn dạy cho người nước ta, trọn đời ở nước ta, bây giờ người nước ta còn gọi ông là Sĩ Vương tiên. Như hai người ấy, chẳng phải là lũ, chính bên mà tốt hay sao?

Dịch Lý là bao học tất thấy lẽ trời và việc người. Ở trong loài người năm châu bốn bể, giao thông phát triển, thì Lũ cũng là việc phải có. Nhưng tất phải Hanh thông nhỏ mà giữ đạo chính bền, thì thân người lũ đã hay, mà người được hàm ơn Lũ cũng cảm tình thân thiết. Đó cũng là một đạo lý của người ở đời vậy.

Hào 1 âm

Ở nhà trọ mà tư cách nhỏ nhen là tự chuốc lấy họa.
NHL giảng: Hào này âm nhu ở vị thấp nhất, ví với người chỉ đã cùng, tư cách hèn hạ đối với chủ nhà mình ở trọ mà tham lam, tẩn mẩn, khiến người ta ghét, như vậy là tự rước họa vào mình. **Toán Hà Lạc giải:** *Xử sự với tư cách người khách trọ nhỏ nhen, lật vật.*

MHC: Có tài khác người, mà chỉ làm việc nhỏ thôi, việc bị ngăn trở, công nhỏ mọn.

MKHC: Sống với bên dưới, quen nhỏ nhen, gặp dịp là lên mặt kiêu, lỡ gặp vận bất thì tai họa khó lường.

Vận năm- **Giới Quan:** Tài đức chỉ dùng để than vãn.
Giới Sĩ: Thấp kém, ô trọc, quê vụng. **Người thường:** Chỉ bị tai nạn ở khía cạnh nhỏ hẹp.

Hào 2 âm

Ở đất khách, được chỗ trọ yên lành, giữ được tiền bạc, có người giúp việc trẻ, tin cậy, giữ chính. NHL giảng: Ở đất khách nên nhu thuận, mà hào này âm nhu, đặc trưng đặc chính, trên lại cũng ứng với hào 5 âm nhu, đặc trưng mà lại văn minh (ở quê ngoại Lý), như gặp được chủ nhà tốt, mình

có chỗ trọ được an lành, lại giữ được tiền, có đầy tớ tin cậy, mọi việc đều tốt cả. PBC phụ chú: Lời hào này ứng với việc Tấn Văn Công ở Tả truyện. Tấn Trùng Nhị là một người mất ngôi bỏ nước chạy ra nước ngoài, lưu lạc vừa 19 năm, thậm chí xin người cày ruộng cho ăn, chịu nhục với người nước Tào, may thay chỉ nhờ có năm người đi theo hầu, tất cả đều có tài giúp việc nước, kết quả được trở về nước Tấn làm bá chủ chư hầu. Thế mới biết Lời hào ở đây không phải là không có sự thực. (Cả Lời tượng nữa *được người giúp việc trẻ chính*). Soạn đến đây, sự nhớ chuyện vua Gia Long, khi bị Tây Sơn đuổi, chạy trốn sang Xiêm La. Trung thần là Nguyễn Hoàng Đức bị vua Quang Trung bắt sống. Quang Trung muốn thu dụng Hoàng Đức, hết sức dỗ dành, đêm cho ngủ chung giường, nhưng Hoàng Đức không đổi lòng, ngoài mặt vẫn phục thuận với Quang Trung, mà ngày đêm vẫn nghĩ đến chủ cũ. Một đêm, ngủ bên cạnh Quang Trung, bỗng nói mơ rằng: Giết giặc Huệ, giết Huệ. Quang Trung biết được ý, sáng ngày mai hỏi Hoàng Đức rằng: Ta hỏi thiệt người, ta đối với người rất tử tế, nhưng ý thật người ra sao? Hoàng Đức thưa thật rằng: Tôi vẫn cảm ơn ngài, nhưng không thể nào khiến tôi quên được chúa tôi. Hễ tôi biết được chúa tôi ở đâu, thì tôi đi ngay. Quang Trung vui lòng mà bảo rằng: Chúa anh bây giờ ở Băng Cốc. Sáng hôm sau, Quang Trung cho dọn tiệc thết đãi rồi sai người đưa Hoàng Đức qua Xiêm... Mới biết thế nào là được người giúp việc trẻ chính, là việc rất tốt ở trong thời Lữ. **Toán Hà Lạc giải: Lữ khách được yên lành.**

MHC: Văn làm đẹp nước, tài cứu được đời, trên ban vinh hiển, dưới dân mến phục, đức nghiệp cao, lâu bền.

MKHC: Không làm quan chức, cũng có tài riêng phong phú, đầy đủ, nhà cửa hoa lệ, người giúp việc xúm xít, phúc đầy.

Vạn năm - **Giới Quan và Giới Sĩ**: Hiên đạt, thành danh. **Người thường**: Tu đạo giỏi, người theo đông vui.

Hào 3 dương

Ở đất khách mà (tự mình) đốt quán trọ, mất người giúp việc trẻ, dù chính đáng cũng nguy. NHL giảng: Hào này quá cương (dương ở vị dương), bất trung, ở đất khách như vậy không tốt, vị lại khá cao, có ý tự cao, bị chủ nhà đuổi, như vậy không khác gì tự đốt chỗ trọ của mình, đây tớ cũng không ưa mình, mất lòng cả người trên kẻ dưới, dù mình có chính đáng cũng nguy. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm lữ khách mà chẳng được lòng người, nên xấu.*

MHC: Cũng phong trần, quý mà không có ngôi, cao mà chẳng có dân, thêm thù oán.

MKHC: Rồi tổ đi xa lập nghiệp, động làm gì là có hối hận.

Vận năm- **Giới Quan:** Thôi việc. **Giới Sĩ:** Mất tiếng. **Người thường:** Cháy nhà, người bị tai ách.

Hào 4 dương

Lữ khách đến chỗ ở tạm, được tiền cửa, đồ hộ thân, nhưng lòng không vui. NHL giảng: Hào này dương cương nhưng ở vị âm, lại ở dưới cùng quẻ ngoại, là biết mềm mỏng, tự hạ, tức biết xử thế, cho nên được chỗ ở tạm, có tiền cửa, vật liệu để phòng thân, nhưng ở trên hào 5 âm nhu không giúp đỡ gì được 4, ở dưới, hào 1, ứng với 4, âm nhu lại thấp hèn, cũng chẳng giúp đỡ 4 được gì, vì vậy là lòng 4 không vui. **Toán Hà Lạc giải:** *Được quán trọ tử tế, để lo chuyện thiên hạ.*

MHC: Tài đức đủ để dùng vào việc đời, hoặc việc võ bị, lập công ở phương ngoài, hoạt động nhiều, gặp khó, nhưng rồi hóa dễ.

MKHC: Phân nhiều buôn bán ở xa nhà, hoạch lợi, bôn ba, hiểm trở, lòng chẳng được yên.

Vận năm- **Giới Quan:** Nhận nhiệm vụ lớn bên ngoài, chinh chiến có công. **Giới Sĩ:** Khó tiến. **Người thường:**

Được lợi. Thường lập nghiệp ở bên ngoài, nhưng không được trọn vẹn hạnh phúc.

Hào 5 âm

Bắt con chim trĩ (con vật lông đẹp), tuy có hao mất một mũi tên, nhưng cuối cùng được ban khen. NHL giảng: Hào này trở ngôi vua, nhưng nếu vua mà làm lữ khách thì vua mất nước, cho nên chỉ coi là một lữ khách thôi, một lữ khách vân minh (ở quê ngoại Ly), nhũn nhặn, mềm mỏng, (âm nhu), được lòng mọi người (đắc trung), như vậy tất đẹp như bắt được con chim trĩ (một loài chim đẹp - Tượng quê Ly), tổn hao không mấy mà được tiếng khen, và phúc lộc. **Toán Hà Lạc giải:** *Mất ít mà được nhiều.*

MHC: Công danh phát đạt từ lúc thanh niên, tiếng tăm lừng khắp, phúc lộc dồi dào.

MKHC: Cũng nổi tiếng văn chương, đức nghiệp, là thiện sĩ chốn hương thôn.

Vận năm- **Giới Quan:** Được tiến cử vào chức vụ có thanh danh. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thương:** Gắn bó tôn trưởng. Người già được kể tạ ơn. Người phục vụ được bằng khoán hay được giấy tờ tốt đẹp. Nhưng số xấu thì không nói tốt được.

Hào 6 dương

Như chim bị cháy tổ, lữ khách trước thì cười nói, sau phải kêu khóc, vì đánh mất bò, (đánh mất đức nhu thuận) do nhẹ dạ, nên mắc họa, xấu. NHL giảng: Hào này thân phận ở đậu (trợ) mà trên chủ nhà, đã là nghịch cảnh rồi, đã vậy lại quá cương (hào dương), mất lòng người tất bị đuổi đi, như con chim cháy mất tổ. Mới đầu hớn hờ, vì được ở trên người, sau phải kêu khóc vì mất chỗ trợ. Sở dĩ vậy vì khinh dị, đánh mất đức nhu thuận (tượng bằng con bò) rất cần ở thời ở đậu. Cuối quẻ Lữ này, cụ Phan Bội Châu có ghi cảm tưởng (phụ

chú): Cảnh khôn nạn không gì bằng Lữ, xử thế rất khó khăn, cũng không gì bằng Lữ. Cả 6 hào không một chữ cát, chữ hanh nào cả. Đồ đang sinh ra gặp hồi đen rủi, gửi thân nơi đất khách quê người... may khỏi tai họa là hạnh phúc đã lớn rồi. Vậy nên trung, chính như 2 âm, văn minh, nhu, trung như 5 âm, mà lời hào không có chữ cát, hanh. **Hưởng** gì quá cương, bất trung, như 3 dương, 6 dương trên cùng, thì còn gì nữa? Vậy nên người ở vào thời Lữ, nên mang chặt lấy hai chữ **Nhu** (mềm, thuận), **Trung** làm bùa hộ thân. Đọc lời của cụ, chúng tôi vô cùng cảm thán. Trong mấy chục năm, vì quốc gia, dân tộc, cụ gửi thân quê người, gặp biết bao cảnh tủi nhục, nổi gian nguy, rồi cuộc cũng không tránh khỏi tai họa, nhưng lúc nào cũng giữ được tư cách, khí phách, chí hướng. Ai hiểu được tình cảnh lữ thứ, hiểu được quê Lữ hơn cụ?

Toán Hà Lạc giải: *Lữ khách ở nơi cao quá nên mắc họa.*

MHC: Cây tài ở trên đỉnh cao, kiêu, nhưng sau mắc họa.

MKHC: Cứ lang thang bốn tẩu, nhà bỏ, thân tàn.

Vạn năm- **Giới Quan:** Khó giữ được địa vị. **Giới Sĩ:** Có tín hiệu bay cao. **Người thường:** Đường tốt thì bị hao tổn, hoặc nên dời chỗ ở, hoặc tu tạo, thì tránh được tai họa, hoặc bị đau mất, tai ách lửa điện. Đại thể cái vinh là mầm của cái họa.

57- THUẬN TỐN

----- **Tốn** là Thuận (Thuận thì nhập; thuận theo để
 ----- đi vào một công việc gì; có mềm dẻo mới
 ----- thành công). Thuộc tháng 4. **Lời Tượng:** *Gió*
 ----- *theo nhau là quẻ Tốn. Người quân tử coi quẻ*
 ----- *này mà thân hành ra mệnh lệnh để thi hành*
 ----- *chính sự. (Thiên hạ phục tòng như vạn vật ngã*
 ----- *theo gió).* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Tân:**
Sửu, Hợi, Dậu, Mùi, Tị, Mão được quẻ này rất
 tốt. Lại sinh tháng 4 là cách công danh, phú quý.
 Sinh mùa Xuân, mùa Hạ cũng được phúc dày.

NHL giảng: *Lời Thoán: Thuận thì được hanh thông chút ít, tiến hành thì có lợi, lựa bậc đại nhân mà tin theo thì có lợi.* Quẻ này có một hào âm dưới hai hào dương, là âm phục tòng dương, nên gọi là Tốn. Tiểu nhân phục tòng quân tử thì có thể tốt, nhưng phải có việc để tiến hành, chứ không phải chỉ ở yên mà tốt, lại phải lựa bậc đại nhân (có tài đức) mà tin theo. Đại nhân trở hào 2 và hào 5, cương mà đắc trung, tiểu nhân là hào 1 và hào 4. Nhất là hào 5, đắc trung lại đắc chính nữa, 1 và 4 đều phải theo hào đó. Đại tượng truyện giảng: trên là gió, dưới là gió (Tốn), là có hai luồng gió tiếp tục nhau. Người quân tử tiếp tục xuất phát mệnh lệnh để thi hành chính sự, mà thiên hạ phục tòng, cũng như vạn vật ngã theo gió.

Hào 1 âm

Tiến lùi do dự, chỉ lợi cho đạo chính của người vũ dũng (làm lợi cho dương để điều hòa). NHL giảng: Hào này âm nhu ở dưới cùng quẻ Tốn, là người nhu thuận thái quá, còn nghi ngờ, không cương quyết là tiến hay lui, không thể làm gì được. Hào từ khuyên phải theo cái chí kiên cường của hạng người vũ dũng thì mới trị được tạt nghi hoặc. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên quả quyết.*

MHC: Văn có tiến, vũ có công, lợi ra ngoài, trước nghịch sau thuận.

MKHC: Chỉ làm được việc nhỏ. Làm lớn sẽ tai hại. Về nghề nghiệp thường hay bỏ gốc theo ngọn. Được sức thợ thuyền.

Vận Năm- **Giới Quan:** Tiến lùi không định được. Kiềm quyền. Trong khó có dễ. **Giới Sĩ:** Vào văn lợi hơn võ. **Người thường:** Có cái mất cái được. Số xấu hay bị nghi ngờ, dèm pha.

Hào 2 dương

Từ tốn như nép mình dưới giường, dùng thầy Sử để cúng, thầy Vu để cầu trời, bìn rịn thế mới tốt. Không lỗi.

(Ngày xưa bên Tàu: Sứ là chức quan coi việc tế, Vu là quan coi về việc lên đồng cốt, trừ tai họa, ý hào là hào này thuận quá, may mà đặc trưng, không phải kẻ xiêm ninh, lại có lòng thành, nên tốt). NHL giảng: Hào này dương mà lại ở vào vị âm thời Tốn (thuận), nên quá thuận đến nỗi nép ở dưới giường. May mà đặc trưng không phải kẻ xiêm ninh, mà lại có lòng thành; trong việc tế thần, mà như vậy thì tốt, không có lỗi. "Sứ" là chức quan coi việc tế, "Vu" là chức quan coi về việc trừ tai họa, như đồng cốt. PBC phụ chú: Hào này lấy việc tốn thuận như nép mình dưới giường để làm ví dụ về thủ đoạn của 2 dương, làm ra vẻ rù rờ, e sợ, nép mình lại. Đọc Dịch đến hào này ta chớ nhận lầm lời văn là sự thật như thế. Xem sử Tàu có chuyện Hàn Xương Lê bị đầy ở Triều Châu, đến núi Hành Sơn, mây tuyết mù mịt không thấy đường, bèn thành tâm cầu đảo, bỗng chốc mây bay, tuyết tan. Khi ấy Triều Châu thường có họa cá sấu, làm hại nhiều người, dân còn lạc hậu, bảo sấu là thần, không dám động đến. Thầy

chuẩn bị cung tên, vũ khí, trừ họa cho dân. Trước làm bài văn tế cá sấu, bảo nếu đúng là thần thì hãy lánh ra biển. Nếu không quan Thái thú sẽ giết sạch. Thành linh sau hai ngày, sấm gió nổi lên dữ dội, bao nhiêu cá sấu theo gió triều lui ra bể hết, từ đó dân Triều Châu hết họa cá sấu. Sứ nhà Đường còn chép lại bài văn tế cá sấu ấy. Tốn thuận như nép dưới giường, dùng thầy Sứ, thầy Vu lòng thành, cầu trời mà qua lúc rối ren, tránh được họa, chính là giống hệt câu chuyện trên. **Toán Hà Lạc giải:** *Đi đúng đường của người hiền, làm việc nước.*

MHC: Đức lớn, biện pháp hay vẫn khiêm tốn, công danh hiển đạt, có thể giữ chức quan biên soạn lịch sử.

MKHC: Thì làm việc quy mô nhỏ, hoặc làm thầy thuốc, thầy số, tăng ni... Vào cuộc hành động thường rối ren, tâm trạng, không nhất quán.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có thay đổi. Hoặc sang ngành ngôn luận, sử học. **Giới Sĩ:** Thành danh. **Người thường:** Thành thực, nên người cảm phục, kinh doanh thường được việc.

Hào 3 dương

Tốn thuận quá nhiều lần, hối thẹn. NHL giảng: Hào này quá cương (dương ở vị dương), bất đắc trung, nóng nảy kiêu căng, thất bại nhiều lần, sau mới làm bộ tự hạ, thuận tòng, nhưng lại thuận tòng quá mức, việc gì cũng thuận tòng dù không phải lúc, đáng xấu hổ. Uyn - lờ - hen (R. Wilhem) (nhà nghiên cứu Dịch học, người Đức) giảng: Suy nghĩ đi, suy nghĩ lại nhiều lần kỹ quá mà không quyết định hành động. Xấu hổ. **Toán Hà Lạc giải:** *Không khéo tốn thuận nên mắc lỗi.*

MHC: Quá cương, không biết hạ mình xuống với người, lấy thế hiếp người, nên bị đời ghét.

MKHC: Hay gây hấn, chọc hờn, kiêu ngạo, ngỗ ngược, không ai chịu nổi.

Vận Năm- **Giới Quan:** Bị khiển trách, cách giảng. **Giới Sĩ:** Lo có sự tổn thất. **Người thường:** Cùng khổn, càng hoạt động càng thất bại, thêm xấu hổ.

Hào 4 âm

Khởi ăn năn gì, đi sẵn được 3 phẩm vật. NHL giảng: Hào này âm nhu, hào 1 ứng với nó cũng âm nhu, không giúp gì được nó, mà nó lại bị kẹt giữa bốn hào dương ở trên và dưới, xấu; nhưng nhờ nó đắc chính, địa vị cao (ở quẻ ngoại sát hào 5), mà lại có đức tự khiêm, thuận tòng, nên được trên, dưới mến, chẳng những không hối hận gì mà còn được thưởng công. Thời xưa đi săn về, được của, chia làm 3 phần (phẩm vật), một phần để làm đồ tế, một phần để đãi khách, một phần giao cho nhà bếp. Có công lớn mới được chia như vậy. **Toán Hà Lạc giải:** *Có công thu hoạch được nhiều.*

MHC: Có tài lo việc lớn mà vẫn khiêm nhường, làm đến chức to. Hoặc tư lệnh quân đội. Lập công to.

MKHC: Cũng là chủ ruộng đất, sung túc, an vui.

Vận Năm- **Giới Quan**: Hoặc chỉ huy ba quân ngoài biên giới. Hoặc trông coi việc tế tự. (Cũng có thể hiểu là việc tuyên truyền, văn hóa, giáo dục). **Giới Sĩ**: Công danh thành đạt. **Người thường**: Được lợi, được phúc.

Hào 5 dương

Giữ chính tốt, không ăn năn gì, không có gì là chẳng lợi. Lúc đầu không khá, mà cuối cùng tốt. (Đỉnh ninh như) Trước ngày Canh 3 ngày; (đần đo như) sau ngày Canh 3 ngày. NHL giảng: Hào này ở thời Tốn, phải thuận tòng, mà bản thể và vị đều là dương cả, mới đầu không tốt, e có điều hối hận, may mà đắc trung đắc chính, hợp với tư cách một vị chủ, cứ giữ đức trung, chính ấy thì sau sẽ tốt, hối hận mất hết mà không có gì không lợi. Tuy nhiên muốn kết quả được tốt thì trước khi hành động, canh cải, phải đỉnh ninh cân nhắc cho kỹ, rồi sau khi canh cải phải khảo nghiệm, chu đáo. Toán Hà Lạc giải: Có công vì nghĩa lớn, lại biết hóa thiện nữa.

MHC: Biết đem công về ngay, đem quá về vừa, thăm xét kỹ càng, tuổi thanh niên khó phát đạt, đến muộn tuổi thành công.

MKHC: Tuy không được dùng vào việc lớn, nhưng cũng có thanh danh, việc phải làm đi làm lại, trước khó sau dễ.

Vận Năm- **Giới Quan**: Trước trở ngại, sau thuận, việc có mưu vọng, có chuyển biến. **Giới Sĩ**: Nền danh. **Người thường**: Có phúc lợi.

Hào 6 dương

Tốn thuận như nếp xuống giường, mất cả tiền của và đồ phòng thân, ngoan cố càng xấu. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Tốn mà thuận tòng cùng cực như kẻ nếp ở

dưới giường; tối nổi đức dương cương - ví với đồ hộ thân của mình cũng mất luôn. Cứ giữ thói xấu xa, dễ tiện, siểm nịnh đó thì càng bị họa. **Toán Hà Lạc giải:** *Quá rồn thuận, nên xấu.*

MHC: Khiêm tốn tự hạ làm cho kẻ cường bạo cũng mến phục, tuy không được đắc dụng, cũng giữ được bản thân.

MKHC: Thô lậu, vất vả, tai ách đến.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Thôi việc, tổn hại đến cùng. **Người thường:** Có lo tổn hại, nhưng số tốt thì trong xấu có người giúp, nơi đất chết lại tìm ra sống, công thành vui vẻ.

58 - THUẦN ĐOÀI

----- **Đoài** là Vui lòng, Vừa ý, hai quẻ **Đoài** là song
----- hỷ, hai lần vui. Thuộc tháng 10. **Lời Tượng:**
----- *Đằm liền với Đằm là quẻ Đoài. Người quân tử*
----- *coi quẻ này mà hạn bề cùng giảng giải thực tập*
----- *với nhau.* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi
----- **Đinh: Tị, Mão, Sửu, Hợi, Dậu, Mùi** được quẻ
này rất tốt. Lại sinh tháng 10 là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Vui thì hanh thông. Hợp đạo chính thì lợi.* **Đoài** là đằm (chằm) cũng là thiếu nữ. Nước đằm làm cho cây cỏ tươi vui, sinh vật vui thích; thiếu nữ làm cho con trai vui thích. Vui thích thì hanh thông, miễn là phải hợp với đạo chính; phải ngay thẳng thành thực đoan chính. **Đoài** có hai hào dương ở phía trong, một hào âm ở ngoài, nghĩa là trong lòng phải thành thực rồi ngoài mặt nhu hoà, như vậy là hợp với đạo chính, tốt. PBC phụ chú: *Đối với ba quẻ có tượng là nữ (Tốn, Ly, Đoài), Lời quẻ Tốn nói rằng Hanh chút ít; Ly nói rằng Lợi ở chính bên; Đoài nói rằng Hanh, hợp đạo chính thì lợi.* Ba quẻ ấy duy quẻ Tốn thì Hanh chút ít, còn hai quẻ Ly và Đoài đều nói rằng phải Lợi ở

chính bên mới hạnh. Còn như Lối quẻ đối với ba quẻ có tượng là nam (Chấn, Khảm, Cấn) đều không nói đến chữ Chính. Bởi vì tính chất âm nhu thì thường nghiêng về đường bất chính, nên thánh nhân phải răn cho chữ Chính. Đó là thâm ý của thánh nhân. Vậy nên, chữ Chính chỉ thấy ở Lối quẻ trong hai quẻ có tượng là nữ.

Thoán truyện giảng rộng ra: *Vui vẻ mà hợp với đạo chính thì thuận với trời, hợp với người. Vui vẻ mà đi trước dân thì dân quên khó nhọc; vui vẻ mà xông vào chốn nguy hiểm thì dân quên cái chết mà cũng xông vào; đạo vui vẻ (làm gương cho dân) thật lớn thay; khuyến khích dân không gì bằng.* PBC phụ chú: Thoán truyện giảng chữ *Vui* (Duyệt) rất hay là ở hai chữ *Quên*. Việc thuận mà vui vẻ làm, đường đời trôi chảy mà vui vẻ đi, chưa phải là cái hiệu quả của Đạo Vui. Chỉ duy việc nhọc mà dân vui làm, đường chết mà dân vui đi, có tính thần hai chữ quên mới cho ta hình dung được hiệu quả của Đạo Vui. Đâu phải cưỡng bức dân mà được thế? Vì tâm lý thánh nhân, cốt vì lợi ích của dân mà bất đắc dĩ phải nhọc đến dân, tạm thời tuy mệt nhọc mà yên lành được lâu dài, nên dân không lấy sự nhọc làm nhọc. Vì muốn gây hạnh phúc cho dân, mà bất đắc dĩ phải khiến dân xông vào chốn hiểm nguy, hiểm ở trước mặt mà hạnh phúc theo ở sau lưng, nên dân quên cả cái chết. Đạo Vui đến thế, lợi biết đường nào?

NHL: Đại tượng truyện thiên về tu thân, khuyên người quân tử nên hợp bạn cùng nhau giảng nghĩa lý, đạo đức, rồi cùng nhau thực hành, để giúp ích cho nhau mà hai bên cùng vui vẻ. PBC: Giảng đây là nghiên cứu, nghiên cứu phải đi với thực hành. Người quân tử nên chăm việc hợp hành cùng nhau nghiên cứu, thực nghiệm tìm ra chân lý.

Hào 1 dương

Hòa vui, tốt. NHL giảng: Hào này dương ở dưới cùng quẻ Đoài là quân tử mà khiêm hạ, ở trên lại không tư tình với

ai (vì 4 cũng là dương, không phải là âm, tiểu nhân), nên chỉ dùng đạo chính mà hoà thuận vui vẻ với mọi người, tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Hòa vui đối với mọi người, nên được lòng dân.*

MHC: Thấm nhuần cái học của thánh hiền. Văn chương là tinh hoa của đất nước, công danh lập sớm, phúc trạch dồi dào.

MKHC: Giữ hòa khí, tuy không lộc vị, cũng ruộng vườn vui thú.

Vận Năm- **Giới Quan:** Hưởng ứng hiệp lực với nhau, làm nên chính sự tốt đẹp. **Giới Sĩ:** Bạn tốt cùng tiến tới. **Người thường:** Hòa hợp. Mọi việc đều vừa lòng, vợ chồng hòa thuận. Số xấu thì kiện tụng.

Hào 2 dương

Thành thực vui vẻ, tốt, khỏi ăn năn gì. NHL giảng: Hào này ở gần hào 3, âm nhu, tiểu nhân, nhưng hào 2 này đã dương cương mà lại đắc trung, cho nên có đức thành thực cương trung, không nhiễm xấu của hào 3, không bị hối hận. **Toán Hà Lạc giải:** *Thành thực nhưng không nịnh bợ, nên không lâm lỗi.*

MHC: Thành công vinh quang rủ xuống một thời.

MKHC: Cũng là người kết thân vui vẻ.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ:** Được thăng thưởng, tiến tới. **Người thường:** Mọi việc được thuận hoà.

Hào 3 âm

Cần người hoà vui vẻ với mình, xấu. (Hào 3 bất trung, bất chính ở giữa 4 hào dương, khác nào 1 gái ở giữa 4 trai). NHL giảng: Hào này âm nhu bất trung bất chính, là hạng tiểu nhân tìm vui mà không giữ đạo, là phận gái ở giữa bốn người con trai (4 hào dương, 2 ở trên, 2 ở dưới) câu vui với hai người ở trên, thì không dám, vì phận thấp, phải quay

lại cầu với hai người ở dưới, nhưng họ cũng không thêm, vì hào 1 cương trực mà chính, hào 2 cương trực mà trung, kết quả là xấu. **Toán Hà Lạc giải:** *Nịnh bợ nên xấu.*

MHC: Giao thiệp trên với người quyền quý, dưới với phú hào, tuy chẳng làm được việc gì lớn nhưng cũng giữ yên vững chức nghiệp của mình.

MKHC: Chỉ quen với dân nịnh bợ a dua, chẳng được vì nề, mà thêm người cười khinh.

Vận Năm- Giới Quan: Lỗi xu nịnh, lấp liếm, quanh co. **Giới Sĩ:** Chạy chọt buồn lắm.

Người thường: Quy lụy thêm tai họa, có khi vong thân.

Hào 4 dương

Cần nhắc xem nên vui hơn với phía nào (với hào 5 dương hay 3 âm), vì vậy nên chú ý lòng, rồi sau theo chính bỏ tà (bỏ hào 3 tiểu nhân) liền có sự vui mừng. **NHL** giảng: Hào này dương cương mà ở vị âm, chưa thật là quân tử, ở trên thừa tiếp hào 5 vừa trung vừa chính, nhưng ở dưới lại gần hào 3, tiểu nhân, cho nên mới đầu do dự, cần nhắc xem nên hướng về phía nào; nhưng nhờ có đức dương cương, đồng đức với 5, nên sau hướng về 5, quyết tâm bỏ tà theo chính, thật đáng mừng. **Toán Hà Lạc giải:** *Tuyệt giao với bọn tà nịnh, để giữ một lòng trung, nên hưởng phúc.*

MHC: Lánh tà, gần hiền, nhường giỏi, tích đức để lập công lâu dài.

MKHC: Hiền ác lẫn lộn, xu hướng bất định, lòng không yên, việc chẳng đẹp, nhưng cũng cứ cần thận thì trước khó sau dễ.

Vận Năm- Giới Quan: Có mưu đuổi quân gian tà, được thăng chuyển. **Giới Sĩ:** Được lựa chọn, vui mừng. **Người thường:** Buôn bán có lợi, thêm nhân khẩu. Kém hơn thì tật bệnh chẳng yên, tâm trí chưa ổn.

Hào 5 dương

Nếu tin vào kẻ tiểu nhân mà tiêu mòn hết đức trung chính của mình, thì nguy. (Hào 6 âm mưu làm tiêu mòn hào 5 dương). NHL giảng: Hào này dương cương trung chính, địa vị chí tôn, ở vào thời Đoài mà thân cận với hào trên cùng, âm nhu tiểu nhân, làm chủ sự vui, rồi ham vui bấy bậ thì nguy; đây là lời răn kẻ trị nước. PBC phụ chú: Lời hào mỗi hào đều có chữ *vui*, duy hào 5 không có chữ *vui* mà lại có chữ *nguy*. Bởi vì, hào 5 là ở vào địa vị chí tôn, nên lấy vui, âm, là điều đáng sợ, lời hào không nói vui mà nói nguy là nói cho quân tử, mà để phòng kẻ tiểu nhân. Các hào nếu vui lắm thì tai hại chỉ một mình, đến như 5 mà vui lắm thì tai hại đến một nước. Nên lời hào có lời răn mà lời tượng cũng có lời răn. **Toán Hà Lạc giải:** *Dùng nhăm kẻ gian tà thì nguy đó.*

MHC: Ở ngôi tôn, lỡ dùng nhăm kẻ gian, hỏng việc.

MKHC: Chí bất định, dùng bảy người để sinh oán ghét.

Vận Năm- **Giới Quan:** Gặp gian ninh, dèm pha. **Giới**

Sĩ: Buồn vì bị mất, bị đoạt. **Người thường:** Bị gian tà vây quanh làm hại.

Hào 6 âm

Đem sự vui tới. NHL giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Đoài mà âm nhu, là kẻ chuyên siểm nịnh, dụ dỗ người ta tìm vui một cách bất chính. Tất nhiên là xấu rồi, chẳng cần nói. PBC phụ chú: ... Toàn quẻ có hai hào âm, bốn hào dương, hai hào âm làm chủ cho Vui là tiểu nhân, phỉnh hót người, cố sức cầu 4 hào dương, nhưng cầu vui bằng cách của tiểu nhân, nên 3 âm *về vui với* mà xấu, 6 âm *đem vui tới* mà chưa sáng (lời tượng). ... Muốn xét rõ tình trạng tiểu nhân, chỉ nên nhận kỹ hai chữ *đem* (vui tới) và *về* (vui với).

Cách của tiểu nhân làm vui người, có hai cách: một là mình không cầu nó mà nó tự lại với mình, đó là cách gắp

vội, là *về vui với*; hai là dùng cách gấp như trên mà vui được rồi thì nó lại kéo dây kéo nhẹ, kéo dài sự vui, ấy là *đem vui tới*. Bạn quân tử nếu không cẩn thận, lỡ một lúc xảy chân, sa vào lưới vui của nó, tai hại biết chừng nào. Vậy nên, lời hào phải lo cho quân tử, hào hai dương dùng chữ *ăn năn*, hào bốn dương dùng chữ *hở tã*, hào 5 dương dùng chữ *nguy*, ý tứ rất là sâu sắc. Còn hào năm dương thì *tin mà tiêu mòn*, ý muốn nói rằng: nó muốn vui với mình, là nó cốt gọt dẽo mình đó. Đọc Dịch mà chịu nghĩ như thế, mới khỏi phụ khổ tâm của thánh nhân. **Toán Hà Lạc giải:** *chuyên việc làm vui cho người*.

MHC: Đẹp trên, vui dưới, hòa khí tung bùng, phúc trạch dồi dào.

MKHC: Gian tà phá hoại lòng người, ai cũng ghét, việc chẳng ra sao.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vai trò hướng dẫn ở cấp cao.

Giới Sĩ: Cũng tiến dân, lãnh đạo, nhưng chưa rõ rệt. **Người thường:** Tuy hòa đồng với mọi người, nhưng không hiển đạt được. Số xấu thì có tật tại ách ở mắt. Hoặc bị ô uế.

59 - PHONG THỦY HOÁN

----- **Hoán** là Tán, Tiêu tan, không tụ một chỗ.
 ----- Thuộc tháng 3. **Lời Tượng:** *Gió đi trên Nước*
 ----- *là quả Hoán. Các nguyên thủ xưa coi quả này*
 ----- *mà dâng lễ lên bề trên, dựng miếu thờ (để quy*
 ----- *tụ lòng người khỏi tản ra).* **Toán Hà Lạc giải:**
 ----- Những tuổi **Mậu: Dần, Thìn, Ngọ; Tân: Mùi,**
Ti, Mão được quả này rất tốt. Lại sinh tháng 3
 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Lìa tan, hanh thông. Vua tới nhà Thái miếu, vượt qua sông lớn thì lợi, giữ đạo chính thì lợi.* Trên là gió, dưới là nước (Khảm cũng có thể hiểu là mây - Như quả Thủy Lôi Truân, cũng gọi là Vân Lôi Truân); gió

thổi trên nước (hay mây) làm nước tung toé ra (hay mây tan rã ra), cho nên đặt tên quẻ là Hoán.

Thường thì nhóm hợp mới hanh thông (như quẻ Tuy), nhưng li tán cũng có khi hanh thông, chẳng hạn sương mù tụ lại nhiều quá, nắng lên, nó tan đi thì tốt; hoặc thời nhiều loạn, dân chúng tụ hợp lại chống đối, phải giải tán đi v.v.. Hễ hợp thời thì tốt, trái lại thì xấu. Muốn cho công việc giải tán hanh thông thì nhà cầm quyền phải có lòng chí thành, như một ông vua đến nhà Thái miếu; lại phải biết mạo hiểm như có gan vượt qua sông lớn; sau cùng phải giữ đạo chính, đừng làm những việc bất chính. PBC phụ chú: Dịch học vẫn có Tượng, nhưng gốc cốt ở Lý. Vì Lý là vô hình, tượng là hữu hình, nên phải mượn tượng là hữu hình mà tỏ rõ Lý vô hình. Lời Quẻ Hoán nói rằng Lợi qua sông lớn, đến Thoán truyện lại giải thích rằng: Dùng thuyền gỗ mà qua sông. Vậy là chỉ nói việc chèo thuyền qua sông hay sao? Không phải. Làm công việc cứu thời Hoán tất phải mạo hiểm, như vượt sông, muốn vượt sông tất phải cậy đến tài năng của thuyền. Thuyền đó chính là nhân tài. Thuyền gỗ qua sông là ý nói nương dựa vào nhân tài mà vượt hiểm.

Hào 1 âm

Dùng con ngựa mạnh để cứu vớt (thời lìa tan), tốt.
NHL giảng: Hào này ở đầu thời li tán, còn có thể gom lại được. Hào âm nhu kém tài, không đủ sức, nhưng trên có hào 2 dương cương, đặc trưng ý thác vào được, như đi đường xa có con ngựa khỏe, cho nên tốt. **Toán Hà Lạc giải:** *Cứu sự lìa tan, có dương cương giúp, nên cứu được.*

MHC: Có tài đức, lại ra sức làm, gặp được tri kỷ, nên lòng người cảm phục, thế nước vững bền.

MKHC: Cũng khởi động dễ dàng, được người giúp.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thăng chuyển nhanh. **Giới Sĩ:** Có vận bay nhảy. **Người thường:** Được bậc tôn trưởng đề cử nên mưu việc toại ý.

Hào 2 dương

Thời lia tan, chạy đến chỗ ghé dựa (hào 1) thì khỏi ăn năn gì. NHL giảng: Hào này là thời li tán rồi, để có việc ăn năn; hào này dương cương đã giúp được cho hào 1, bây giờ nên dựa vào 1 làm ghế ngồi, đỡ lẫn nhau thì khỏi hối hận.

Toán Hà Lạc giải: Có đất căn cứ nên cái được sự lia tan.

MHC: Dương thời Hoán, biết cơ biến để cứu vớt thì phục hưng được, trước gian khổ, sau dễ dàng.

MKHC: Lìa nhà, độc lực kinh doanh, buổi đầu thất chí, an tĩnh lâu lâu, muộn sau toại nguyện.

Vận Năm- **Giới Quan:** Làm trưởng, cầm quyền bính, hoặc được phong tướng, dự mưu quốc sự. **Giới Sĩ:** Nên danh.

Người thường: Việc nhà thành. Tăng đạo: Thụ ân. Số xấu: Chạy ngược xuôi, thất lạc, trốn tránh.

Hào 3 âm

Tiêu tan cái thân riêng mình, thì khỏi ăn năn gì. (Hy sinh cái tôi bé nhỏ, cái lợi riêng). NHL giảng: Hào này âm nhu bất trung bất chính, là người có lòng vị kỷ, nhưng ở vị dương lại được hào trên cùng chính ứng với nó, mà có lòng lo việc đời (vì là dương cương); nếu 3 bỏ tính vị ki đi, lo gánh việc đời với hào trên cùng, thì sẽ không hối hận.

Toán Hà Lạc giải: Dem thân để cứu nạn.

MHC: Nấn cái thiên lệch để về với cái chính, bất thái quá để tới trung dung, chỉ lo việc lớn, trên vì nước, dưới vì dân.

MKHC: Xa người thân, gần người sơ, lìa nhà lập nghiệp, chẳng vinh, chẳng nhục. Hoặc làm tăng đạo tu dưỡng.

Vận Năm- **Giới Quan:** ở đô thị thì dời đi địa phương. Tai ách tiêu tan. **Giới Sĩ:** Lợi thi ở bên ngoài. **Người thường:** Làm ăn có lợi.

Hào 4 âm

Tan cái đàn nhỏ, tốt nhất, tan mà có đàn lớn (thay vào) *không phải kẻ tầm thường nghĩ ra được.* NHL giảng: Hào này âm nhu, thuận giúp đỡ hào 5 vừa cương vừa đặc trung, như một vị đại thần giúp một minh quân, mà biết giải tán bề phái của mình đi (sở dĩ nói vậy vì hào 1 ở dưới không ứng viện với 4, cũng như 4 không còn bề phái), để đoàn kết tập hợp cả quốc dân mà cùng lo cứu nước, như vậy là giải tán cái nhỏ để gom cái lớn lại thành gò đồng, rất tốt. Người thường không hiểu được lẽ đó mà chê sao lại giải tán đảng của mình. Muốn vậy phải là người đặc chính (âm ở vị âm) như 4, và đặc trung, cương cường như hào 5. PBC phụ chú: Ba hào ở dưới chỉ là ở thời Hoán, mà lo cho khỏi hoán (tán), đến 4 âm này, lại lấy một cách Hoán mà làm cho mất Hoán. Người ta chỉ biết là tan, mà không biết cách tan của 4 dương này. Tan cái rất ít mà nhóm (hợp) được cái rất nhiều, tan bấy của mình mà hợp được bấy cả thiên hạ. Công việc to lớn như thế, thủ đoạn lạ lùng như thế, há người thường mà nghĩ được hay sao? **Toán Hà Lạc giải:** *Bỏ cái bé, lập cái lớn, phải trù tính mưu kế, hoạch định cho chí lý.*

MHC: Giải tán bề đảng mình để hòa với đảng lớn, lập công phi thường.

MKHC: Tài đức hơn người, có danh có lợi, nhưng tự, tán không nhất quán.

Vận Năm- **Giới Quan:** Hay đứng đầu tỉnh quận. **Giới Sĩ:** Tài vượt người, đồ ưu. **Người thường:** Có hung thì tán. Có mưu vọng thì thành. Số xấu chẳng lợi. Có tín hiệu chôn cất trên gò cao.

Hào 5 dương

Ban bố hiệu lệnh lớn khắp nước như mô hôi tán phát ra khắp người; tán phát kho của vua để chu cấp cho dân, không có lỗi. NHL giảng: Năm chữ "Hoán hân kỳ đại hiệu"

tối nghĩa, Chu Hy giảng là huỷ bỏ các hiệu lệnh trước đi, những hiệu lệnh đó như mớ hơi chảy ra mà không trở lại. Chúng tôi theo PBC mà dịch như trên là ban bố hiệu lệnh đi khắp nơi. Ba chữ "Hán vương cư" nghĩa dễ hiểu, vua nên tán tài để tụ dân, cũng như hào 4, giải tán bè phái để tụ dân, đều là chính sách tốt ở thời li tán cả. **Toán Hà Lạc giải:** *Rút quân về, mở rộng đức ra.*

MHC: Tài cao, vị trọng, đức đủ để các đơn vị nhỏ thân phục, sự nghiệp hiển hách, phúc trách lớn.

MKHC: Chí khí hơn người, dù chẳng phú quý cũng có tiếng tăm.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Có thăng chuyển, có tiến thủ, có tai họa thì tiêu tan, cầu lợi được lợi.

Hào 6 dương

Thời Hoán, trừ được cái họa huyết dau, tổng được cái sợ hãi đi, là không lỗi gì. NHL giảng: Hào này ở cuối thời li tán, sắp hết, xấu; nó có tài (dương cương), lại được hào 3 ứng viện, cho nên nó thành công, trừ được vết thương li tán, và thoát được cảnh lo sợ.

PBC phụ chú: *Hoán* với *Tụy* là hai quẻ đối lập nhau, mà cũng là hai quẻ tương ứng nhau. ...Hai quẻ chung một chữ *hanh*, đó là lý trong thiên hạ, *Tụy* vẫn *hanh*, mà *Hoán* cũng *hanh* được. Nhưng lại vốn chung nhau một câu: *Vua tới nhà Thái miếu*, là cố vì sao? Bởi vì, làm việc thiên hạ, không kể lúc thường hay lúc biến, cảnh thuận hay cảnh nghịch, nhưng căn bản không lúc nào không cốt ở chí thành, chí thành là tinh thần thuộc về vô hình, nên phải mượn việc tế tự mà hình dung tinh thần của chí thành. *Vua tới nhà thái miếu* nghĩa là, gặp thời *Tụy* cũng như gặp thời *Hoán*, phải căn bản ở chí thành, giống như một người vào chủ tế, mà tinh thần mình đối chất với thần mình, có căn bản như thế, thì việc *Tụy* vẫn hay, mà việc *Hoán* vẫn tốt. Duy đến thủ đoạn (nên hiểu là phương pháp) thì tùy Thời mà khác nhau. Vậy nên

quẻ Tụy thì có câu: *Lợi gặp đại nhân*. Đến quẻ Hoán thì có câu: *Lợi qua sông lớn* mà không có câu Lợi gặp đại nhân.

Bởi vì, thời Tụy là việc thường, cảnh thuận, đoàn thể có sẵn, mà cơ sở vẫn không động dao (không biến động), chỉ cốt có người đại đức, đại tài, để làm lãnh tụ cho quần chúng, là xong nổi việc, kỳ thực không gì là nguy hiểm, nên chỉ nói: *lợi gặp đại nhân*, mà không nói lợi qua sông lớn.

Đến như thời Hoán, việc Hoán, thì khác hẳn. Cảnh đã nghịch, việc đã biến, đoàn thể cũ đã hủ bại, cơ sở cũ đã động dao, chế độ cũ đã không thể bảo tồn được. Ngoài xã hội cũng như trong nội tình, những việc nên đánh tan đã nhiều, chẳng có cách nào khác. Ở vào thời ấy, mà muốn thổi gió quét mây, thì nguy hiểm biết là bao nhiêu, tất phải vưng tay cầm lái, cùng bạn chèo chống. Làm nổi công việc Hoán, đâu phải một người đại tài đại đức mà xong đâu? Nên lời quẻ không có câu lợi gặp đại nhân, mà có câu *lợi qua sông lớn*. Vì thủ đoạn thời Hoán với thủ đoạn thời Tụy khác nhau, chỉ có cái căn bản (lòng chí thành như vua tối Thái miếu) thì giống nhau mà thôi. Mới biết thánh nhân khi làm Dịch thiết rất thâm diệu. Lại xem 6 hào quẻ Hoán, nghĩa tùy thời còn sáng tỏ hơn nữa. Hào 1, sơ, còn mong *cần vớt* được; hào 2, tiến vào giữa quẻ nội, ly tán, phải *tìm chỗ dựa*; ba, thì gần đến giữa Hoán mới bắt tay vào làm việc Hoán, nên phải tự mình tan đi, mà nói rằng *tiêu tan cái thân riêng*. Đến bốn, là vừa lúc trung gian thời Hoán, công việc Hoán đến lúc phát triển, nhưng phải tự bẻ riêng mình tan đi, nên nói rằng *tan cái đàn nhỏ, người thường không thể nghĩ ra được*. Đến Năm thì việc Hoán đã tới ngày thành công, tới lúc đó tất phải ban bố hiến pháp mới, phân tán tài sản riêng, nên nói rằng: *Ban bố hiệu lệnh lớn, tán phát kho vua*. Chữ *hiệu lệnh lớn* là không phải hiệu lệnh tầm thường. Kho vua mà còn tán thì những tích trữ cá nhân còn kể vào đâu? Việc thời Hoán đến đó, cái đáng tan đã tan sạch, quy tụ thành cái lớn, cái chung. Hoán đến cùng thành tụ, tụ đến lúc đó mới thật là lớn. Xã hội kiến thiết, vũ trụ hòa đồng, đều là công hiệu, kết quả của Hoán. **Toán Hà Lạc giải:** *Có công cứu thời Hoán, không hổ thẹn*.

MHC: Gan trung đờm nghĩa, cứu hiểm họa cho dân. Công thành, việc trọng, hưởng vị cao lộc dày.

MKHC: Biết thời nên lùi, ngoại du phương xa, tránh hiểm ra ngoài, đổi nguy ra an.

Vận Năm- **Giới Quan**: ở trung ương được tuyển đi ra ngoài. Làm vũ tướng, thì ra trị nạn. **Giới Sĩ**: Dời nơi ở ẩn. **Người thương**: Dời chỗ hiểm đến nơi an toàn. Kiện tụng hết, tại ách khỏi, ở tối ra sáng. Số xấu thì có tai ương, khóc ra máu.

60 - THUYẾT TRẠCH TIẾT

----- **Tiết** là Giữ chừng mực, là đến giới hạn nào thì
----- ngừng (tiết chế, tiết độ, tiết kiệm...) Thuộc
----- tháng 11. **Lời Tượng**: *Trên Đám có Nước là*
----- *quả Tiết (chừng mực). Người quân tử coi quả*
----- *này mà thiết chế ra độ, số, và nghị luận về đức*
----- *hạnh.* **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi **Đinh**:
Tị, Mão, Sửu; Mậu: Thân, Tuất, Tý được
quả này rất tốt. Lại sinh tháng 11 là cách công
danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Tiết chế thì hanh thông.*
nhưng tiết chế đến mức cực khổ thì không ai chịu được lâu.
Theo tượng quả, trên đám (chằm) có nước; bờ đám hạn chế
số nước chứa trong đám, cho nên đặt tên là quả Tiết. Cái gì
cũng vừa phải thì mới tốt, thái quá cũng như bất cập đều xấu
cả. Quả này có ba hào cương, ba hào nhu, không bên nào
quá; lại thêm hào 2 và hào 5 đều dương cương mà đặc trưng
như vậy là sự sự được đúng tiết, cho nên việc gì cũng hanh
thông. Nhưng tiết chế quá, bắt người ta khổ cực thì không ai
chịu được lâu, như vậy không còn hanh thông nữa.

Thoán truyện khuyên nhà cầm quyền nên theo luật
tiết chế của trời đất: bốn mùa thay đổi, nắng mưa, nóng lạnh
đều có chừng mực, mà trị dân, hạn chế lòng ham muốn, tính
xa xỉ, không hại dân.

Đại tượng truyền khuyên người quân tử (ở đây trở người trị dân) đặt ra số, độ, nghĩa là hạn định một chừng mực nào đó, trong sự làm việc và hưởng thụ của dân, tùy đạo đức, tài nghệ của mỗi người. Như vậy là chữ Tiết có tác dụng lớn, gần như chữ Kế hoạch hóa hiện nay và có mục đích thực hiện sự công bằng trong xã hội.

Hào 1 dương

Chẳng ra khỏi cổng, sân, không lỗi gì. NHL giảng: Hào này dùng chữ tiết với ý nghĩa, tự mình tiết chế mình, tức đề dặt. Ở vào thời Tiết chế, làm việc gì cũng phải đúng mức, (trúng tiết) mới tốt. Hào 1 dương cương, đắc chính, ở đầu thời Tiết chế, biết thận trọng, không ra khỏi sân ngõ, vì biết là thời chưa thông, hãy còn tắc, như vậy là đúng với thời tiết chế, không có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Liệu thời mà tự thủ thì khỏi nhục.*

MHC: Học rộng cổ kim, thấu lẽ thông, biến, giữ chức bên trong, hoặc việc công chính, lớn thì ở trung ương, nhỏ thì ở quận, xã.

MKHC: Cần thận giữ gìn, không cạnh tranh thì khó mà tai hại.

Vân Nam- **Giới Quan:** Cứ ở trung ương, không ra ngoài. **Giới Sĩ:** Tiến thủ được. **Người thường:** Nên theo cái cũ (thủ cựu).

Hào 2 dương

Chẳng ra khỏi cửa, sân thì xấu. (đắc trung lại có ứng cùng đức -hào 5 dương- thì nên lưu thông, đừng bắt chước hào 1 dương ngồi nhà). NHL giảng: Hào này đáng lẽ ra giúp được việc, vì thời đã khác thời của hào 1, đã thông rồi không tắc nữa, lại được hào 5 ở trên cũng dương như mình giúp sức cho; vậy mà đóng cửa không ra cũng như 1, hành vi đó xấu.

Toán Hà Lạc giải: Thời đen tối mà giữ mình quá cũng không hay.

MHC: Có tài mà chẳng biết sử dụng, gặp thời mà chẳng biết tiến thủ, giữ thân trong sạch lúc đời rối loạn về đạo đức.

MKHC: Quê mùa, không thông đạt nhân tình, khôn khổ giữ tiết, chẳng dám làm gì.

Vận Năm- Giới Quan và Giới Sĩ: Mất thời cơ, không sáng suốt nên khó tiến thủ. **Người thường:** Không thông suốt, có dự tính đáng làm thì không làm, đáng đi ra ngoài thì lại ru rú xó nhà. Đại thể nên hoạt động, không nên im lặng.

Hào 3 âm

Chẳng giữ chừng mực như thế, thời than thở như thế, không đổ lỗi cho ai được. **NHL giảng:** Hào này âm nhu bất trung, bất chính, lại cuối lên hai hào dương, mà muốn tiến tới cõi nguy hiểm (quẻ Khảm ở trên), như vậy là không biết đề dặt, tự tiết chế, rước vạ vào thân, còn đổ lỗi cho ai được nữa. **Toán Hà Lạc giải:** Không giữ chừng mực, đến nỗi phải lo.

MHC: Tuy ngồi địa vị, ăn lộc nước, mà chẳng biết cách xây dựng các chế độ, để tổn tài, hại dân, buồn thảm.

MKHC: Chuyên gian nịnh, đi quá kỷ luật, đi quá phạm sự, mà cơm áo cũng chẳng dư, sau gặp nhiều trở ngại.

Vận Năm- Giới Quan: Xa xỉ, bê bối đến cùng, nguy. (Thực chất lời giải là như trên, cần lựa lời nói cho chủ thể biết). **Giới Sĩ:** Kém đức nên xấu hổ. **Người thường:** Phỉ phạm, không từng trải.

Hào 4 âm

An vui về việc giữ chừng mực nên hanh thông. **NHL giảng:** Hào này nhu thuận, đắc chính, vâng theo hào 5, thực tâm đề dặt, tự tiết chế đúng thời, cho nên hanh thông. **Toán Hà Lạc giải:** Yên phận phụ tá nên thành công.

MHC: Nguyên thủ không quên hiến pháp, người cộng tác không quên tuân theo các chế độ, phúc trách lâu bền.

MKHC: Cũng suốt đời yên ổn, không có việc đổ vỡ, đàn bà thì thuận chồng con để làm việc nhà.

Vận Năm- **Giới Quan**: Tuân mệnh trời mà vỗ về yên dân. Mệnh nữ: Làm việc uý lạo, an ủi người, tốt. **Giới Sĩ**: Thành danh, nêu cao pháp luật. **Người thường**: Kính trên, thờ tổ được phúc.

Hào 5 dương

Chừng mực một cách vui vẻ thì tốt. Cú thể mà tiến hành, còn được người ta trọng nữa. NHL giảng: Hào này ở vị chí tôn làm chủ quẻ Tiết, có đủ các đức dương, trung, chính, tự tiết chế một cách vui vẻ, thiên hạ noi gương mà vui vẻ tiết chế, cho nên tốt, và cú thể mà tiến hành thì có công lớn, đáng khen. **Toán Hà Lạc giải**: *Chừng mực tốt lành vui vẻ.*

MHC: Lập chế độ, nghị đức hạnh, thành công đương thời, lưu tiếng đời sau.

MKHC: Cũng chẳng cạnh tranh, không xa hoa, yên phận nghèo, cẩn trọng giữ gìn.

Vận Năm- **Giới Quan** và **Giới Sĩ**: Có thăng chuyển, đạt được. **Người thường**: Mưu vọng toại ý.

Hào 6 âm

Khổ sở về việc giữ chừng mực (chừng mực thái quá), cứ cố giữ nữa thì xấu, biết hối mà bớt thái quá đi thì khỏi xấu. NHL giảng: Hào này trái với hào trên, vì ở trên cùng quẻ Tiết, có nghĩa là tiết chế thái quá, tới cực khổ, không ai chịu được hoài như vậy. Lời hào chữ Hán có hai chữ "hối vong" ở đây không có nghĩa thường dùng là hối hận tiêu tan đi, mà có nghĩa là nếu hối hận thì cái xấu (hung) sẽ tiêu tan đi. PBC phụ chú:

Quẻ Tiết ở sau quẻ Hoán về Lý luận Dịch học là rất hay. Quốc gia xã hội vừa trải qua một cuộc hoán, tán, phong tục đổi bại, công nghệ hoang phế, trật tự nhiễu loạn, kinh tế cùng quần... Nếu khi ấy mà không dùng đạo Tiết, thì nguy hiểm cho vận mệnh đất nước và cuộc sống biết chừng nào. Vậy nên sau thời Hoán rất cần có Tiết: đường tài chính tiết chế cho đỡ hao tổn, giáo dục tiết chế cho thích ứng, quân sự tiết chế cho nghiêm minh, việc trong chính phủ phải trọng danh tiết, việc Tiết có rất nhiều. Nhưng tóm lại là để bổ túc sau thời Hoán. Nhưng mà tiết phải cho đúng mực (đắc trung), quá khổ thì nhân tình không chịu được, quá dễ chịu thì không đúng nghĩa lý. Nên trong sáu hào tùy theo vị của mỗi hào mà xử lý cho thích đáng. Vị mỗi hào chính là thời mỗi hào; tiết cho đúng với thời, thì hay; tiết không đúng với thời, thì không hay. Các hào Sơ dương, Bốn âm, Năm dương rất đúng vị, tiết đúng với thời, nên lời hào Năm là *Tốt*, Bốn là *Hạnh*, Sơ là *Không lỗi*. Các hào Hai dương, Ba âm rất là không đúng vị, mà tiết trái với thời; nên lời hào Hai dương là *xấu*, mà Ba âm là *than thở*.

Lại xem ở mỗi cặp hai hào đi liền nhau, thì nghĩa hào đều trái nhau. Sơ đi với Hai, Sơ *không ra khỏi cửa sân* thì *không lỗi*, Hai *không ra khỏi cửa* thì lại *xấu*. Đó là Hai trái với Sơ. Ba đi với Bốn, Bốn được chính thì *an vui giữ gìn mực*, Ba bất chính thì *chẳng giữ gìn mực*. Đó là Ba trái với Bốn. Năm đi với hào Thượng, Năm cương mà đắc trung, thì *tiết mà vui vẻ*, Thượng *quá chừng mực mà khổ sở*. Ấy là Thượng trái với Năm. Cứ mỗi cặp hào dính nhau thì trái nhau. Thánh nhân sở dĩ bày đặt thế, có phải xuyên tạc làm cho nhiễu loạn. Than ôi, loài người phức tạp, sự vật không về một mối, tiết chế vẫn là hay, mà không thể cấm người ta không tiết chế; huống chỉ thời Hoán vừa qua, đạo Tiết chưa thịnh, làm thế nào mà khỏi trái nhau cho được. Thánh nhân chỉ biết đem chân lý mà chỉ vẽ cho người ta, ai hay thì theo, ai dở thì bỏ qua. Tiết hay không tiết, còn tùy ở người học Dịch. **Toán Hà Lạc giải:** *Giữ chừng mực quá đáng cho nên xấu.*

MHC: Kiệm ước, liêm khiết, giảm chi phí, giản dị, không có vẻ hợp nhân tình, nhưng cũng không tổn tài hại vật.

MKHC: Quê mùa, dè dặt, biến lộn, không biết kế thừa nghiệp tổ, ít hợp nhân tình, khó tránh hối hận.

Vận Năm- **Giới Quan**: Cố chấp nên hối. **Giới Sĩ**: Quá nghi ngại, nên than van. **Người thường**: Đi quá trớn, cầu danh lợi chẳng ăn thua gì. Người già giảm thọ.

61- PHONG TRẠCH TRUNG PHU

----- **Trung Phu** là Tin, là Chí thành. Thuộc tháng
----- **8. Lời Tượng**: *Trên Đám có Gió là quẻ Trung*
----- *Phu (chí thành). Người quân tử coi quẻ này mà*
----- *ngộ bàn việc hình ngục để hoãn tội tử hình.*
----- **Toán Hà Lạc giải**: Những tuổi **Đinh: Tị,**
----- **Mão, Sửu; Tân: Mùi, Tị, Mão** được quẻ này
rất tốt. Lại sinh tháng 8 là cách công danh, phú
quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Trong lòng có đức tin tới mức cảm được heo và cá, tốt như vậy thì lợi qua sông lớn được, giữ đạo chính thì lợi.* Quẻ này ở giữa có hai hào âm, hai nét đứt, như trong lòng trống rỗng (hư âm), không có tư dục, tư ý; còn 4 hào dương là nét liền, đặc, thực (trái với hư), mà hào 2 và hào 5 lại đặc trung (ở giữa quẻ nội và quẻ ngoại), vậy là có đức trung thực. Do đó mà đặt tên quẻ là Trung Phu.

Theo nghĩa thì trên là Tốn, thuận với người dưới. Dưới là Đoài, phục tòng người trên. Như vậy là cảm hoá được dân. Lòng chí thành cảm hoá được những vật ngu, không biết gì, như heo và cá. Lấy lòng chí thành, hư tâm mà ứng phó với nguy hiểm thì vượt được hết, như qua sông lớn mà ngồi chiếc thuyền trống không (hư chu), không chở gì cả, thật là an toàn. Phải giữ chính đạo mới tốt.

Đại tượng truyện giảng: Gió ở trên, đám ở dưới, là gió (lầm) động được nước, như lòng thành thực cảm động được người. Nên lấy lòng trung thành mà xử việc thiên hạ; như xử tội thì xét đi xét lại, tìm cách cứu tội nhân, tha cho tội chết.

PBC phụ chú: Nghĩa chữ Trung Phu gồm cả *trung hư* (rỗng) và *trung thực*. Lòng trung có hư (trong trẻo) thì mới đặt lòng thành tín vào được, trung có thực thì giả dối mới không lọt vào được. Nói tắt lại, chỉ hai chữ trung tín, nhưng kết lại ở chữ *trình* (chính). Bởi vì trong loài người, có một hạng người trung tín mà không chính. Tỷ như: đạo tặc vì tư lợi mà tin nhau; nam nữ vì tà dâm mà tin nhau; họ chẳng phải là trung tín. Kết quả là lâm đường lạc lối, có thủy không có chung, thường là nguyên nhân đã ác, mà kết quả cũng ác. Đó chính là trung mà không chính, cũng không gọi là trung phu được.

PBC phụ chú (sau khi giảng Lời tượng): Theo sách Chu Lễ (sách Tầu), ngày xưa khi có hình ngục, trước hết vua thẩm đoán, lại ủy quyền cho quan Tư khấu thẩm đoán lần thứ hai, lại ủy quyền cho quan Tam công thẩm đoán lần thứ ba, đó là nghị án hình ngục. Sau đó còn lần lượt xét sau một tuần, sau hai tuần, sau ba tháng, sau ba lần đó mới đến vua quyết định cuối cùng, chỉ mong cho người bị tội khỏi chết oan.

Trong Dịch học, Tượng truyện nói về hình ngục gồm có 5 quẻ. Quẻ **Phệ Hạp** thì nói rằng coi tượng sấm chớp mà làm *sáng tỏ hình luật*. Quẻ **Bĩ** thì nói rằng coi tượng lửa ở dưới núi mà *không quả cảm* (không khinh suất) *về việc đoán ngục hình*. Quẻ **Phong** thì nói rằng coi tượng sấm chớp đều đến (sáng và động cùng lúc) mà *xét án ghép tội*. Quẻ **Lữ** thì nói rằng coi tượng lửa ở trên núi mà *chẳng để hình ngục động lại*. Bốn quẻ ấy đều lấy tượng để cho thấy cái lợi về sự *sáng*, lấy chữ sáng làm trọng. Duy đến quẻ **Trung Phu** thì nói rằng coi tượng gió ở trên đám mà bàn việc hình ngục để *hoãn tội từ hình*, đó là lấy chữ *Thành* làm trọng. Tóm lại xem Tượng-truyện 5 quẻ, thì nhà làm hình ngục nên có lòng

thương người, như tượng quẻ Trung Phu, còn đến khi thẩm đoán tất phải có đức Sáng như tượng bốn quẻ trên. Có nghĩa là lấy Thành làm gốc, lấy Sáng làm phương pháp (trong bản gốc gọi là thủ đoạn). Thánh nhân vì bốn quẻ trên chuyên chú trọng đức Sáng, nên ở quẻ Trung Phu lại chú trọng đức Thành. Sáng mà không thành tâm, e rằng có khi lạm dụng. Thành mà không Sáng, e rằng có lúc bị lừa. Thành với Sáng đều đầy đủ, việc hình ngục mới chắc được công bằng. Đọc hết mấy bộ sách hình luật, trước xin đọc năm Lời tượng ấy.

Hào 1 dương

Lo liệu cho chắc chắn (để rồi hãy tin) thì tốt, có lòng nghĩ khác luân quán thì không yên.

NHL giảng: Hào này mới vào thời Trung Phu, tuy ứng với hào 4, âm nhu, đặc chính là người đáng tin cậy, nhưng bước đầu, phải xét cho kỹ lưỡng xem 4 có đáng tin không; khi đã tin rồi thì đừng đổi chí hướng, lòng phải định rồi mới tĩnh mà yên được. **Toán Hà Lạc giải:** *Điều thiện nên theo một đường lối.*

MHC: Nhu thuận mà trung, thành thực mà sáng, được người ủng hộ (vây cánh), sự nghiệp vẻ vang.

MKHC: Động tĩnh khác thường, xu hướng không nhất quán, mưu vọng không đúng, thân thể không yên.

Vận Năm- **Giới Quan:** Được đề bạt. **Giới Sĩ:** Có tin tốt lành, hấp dẫn. **Người thường:** Có quý nhân đề cử. Mưu vọng toại ý. Nhưng trong mừng có lo, có thể người và vật hao tổn.

Hào 2 dương

Chim hạc mẹ gáy trong bóng rợp, con nó gáy họa theo. Ta có rượu ngon, cùng chia nhau.

NHL giảng: Hào này ứng với hào 5 ở trên, cả hai đều có đức dương cương, lại đặc trưng đều có lòng thành thực, đều là những hào quan trọng

trong quẻ Trung Phu, hai bên cảm ứng, tương đắc với nhau như hạc mẹ gáy mà hạc con họa theo, hoặc như một người có chén rượu ngon mà chia cho bạn. Khổng tử giải thích ý nghĩa Lời hào này như sau: Người quân tử ở trong nhà mà nói ra, nếu lời nói hay thì người ngoài nghìn dặm cũng hưởng ứng, hưởng chỉ là người ở gần. Hành vi từ gần phát ra thì ảnh hưởng hiện ngay ở xa, như vậy chẳng nên thận trọng lắm hay sao? Như vậy, Khổng tử đã hiểu rộng *tiếng gáy của con hạc mẹ*, là lời nói hay; và *chén rượu ngon* là hành vi đẹp, mà khuyên chúng ta phải *thận trọng về lời nói và việc làm* (ngôn và hành). PBC phụ chú: Nói cách khác, tiếng gáy không phải tiếng loài nó, thì nó không họa theo; rượu của mình vẫn dở, thì chắc không ai thêm. Ngôn, hành mình đã không lành, thì ai chịu ứng cho. Trên mặt chữ tuy khác nhau mà tinh thần đạo lý vẫn in nhau. Nên sách Khổng tử với sách Chu công, vẫn không giống nhau, mà ý nghĩa thì tuyệt đối giống nhau. Chúng ta học Dịch nên học lấy bộ óc ấy. Nếu Chu công nói hạc nói rượu, mà Khổng tử cũng nói hạc nói rượu, còn có gì thú vị nữa. **Toán Hà Lạc giải:** *Cùng đức, giúp nhau nên việc.*

MHC: Đồng tâm, đồng chí, làm đẹp cho trước, làm vượng cho sau.

MKHC: Được tôn về đức, trọng về tài, một đời thanh cao, không tai hại.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thăng tiến. **Giới Sĩ:** Được toại ý. **Người thường:** Được lợi. Hoặc sinh con. Duy người già mang tật.

Hào 3 âm

Được kẻ đối địch (hào 6 ứng, có thể hiểu là bạn), hoặc *múa may*, hoặc *rụng rời*, hoặc *khóc lóc*, hoặc *hát vang* (thái độ khác thường, không thành thực). NHL giảng: Hào này âm nhu bất chính bất trung, ứng với hào ở trên cùng, dương cương mà bất trung bất chính, như hai người ăn ở với

nhau mà không thành thực, tính tình thay đổi luôn luôn. "vui đó rồi khóc đó" (hoặc cổ hoặc bãi). (Có người hiểu là: lúc thì cổ võ, lúc thì bỏ đi). **Toán Hà Lạc giải:** *Không có chủ định.*

MHC: Không cha anh, không thầy bạn, đức nghiệp chẳng thành, cứ chỉ bất định, dù có giàu sang cũng là hạng bẽ bối.

MKHC: Thành tín, nhưng tiến lui, thành bại bất thường, lại cô quai, đơn côi.

Vận Năm- Giới Quan: Đồng liêu bất hoà, trước tiến chức, sau lùi. **Giới Sĩ và Người thường:** Trong vui có buồn, trong buồn có vui, cầu danh, mưu lợi, khi được khi mất.

Hào 4 âm

Trắng gần đến rằm, con ngựa bỏ bạn mà tiến lên, không lỗi. NHL giảng: Hào này đặc chính thân cận với hào 5, được vua tín nhiệm, sự thịnh vượng đã gần đến tuyệt đỉnh rồi, như trăng mười bốn gần đến ngày rằm. Nó ứng với hào 1, hai bên cặp kè nhau như cặp ngựa, nhưng nó biết phục tùng đạo lý, nên sau bỏ 1 để chuyên nhất với 5, như vậy không có tội lỗi gì. PBC phụ chú: Lỗi hào ở đây theo về sử Tàu thì như ông Y Doãn, trả chính quyền cho ông Thái Giáp mà trở về cày ruộng. Sử nước ta thì có Trần Hưng Đạo chỉ làm đến Thượng Quốc Công, không nghe lời An Sinh Vương giành lấy ngôi vua, đó là theo nghĩa câu *trắng gần đến rằm*. Lại như đảng Thôi, Trần, rất mạnh ở nước Tề, khuyên Ân Tử vào, mà Ân Tử không chịu vào. Sử nước ta có Phùng Khắc Khoan đời nhà Mạc đương thịnh mà không chịu theo. Kết quả Thôi, Trần bại mà Ân Tử được hiển danh; Mạc thì vong mà Phùng thì nên sự nghiệp. Đó là nghĩa câu *Ngựa bỏ bạn mà tiến lên*. Trung phu lợi về chính mới được tốt, Dịch có nói đối với ai đâu. **Toán Hà Lạc giải:** *Quên riêng tư để phục vụ việc lớn.*

MHC: Bỏ bè đảng riêng để làm việc nước. Tấm lòng trình bạch. Bạn đồng liêu tôn kính, quyền chẳng cần khuyếch trương mà hóa to.

MKHC: Có cơ mưu nhưng khó toại chí, dù có khi thành, rồi lại tổn hại. Hoặc việc hôn nhân lận đận. Hoặc phụ thân thương tổn.

Vận Năm- **Giới Quan**: Có vinh thăng. **Giới Sĩ**: Nội trong thăng cố tin mừng. **Người thường**: Được đề bạt. Hoặc mất ngựa xe.

Hào 5 dương

Có lòng thành tín ràng buộc, không lỗi. NHL giảng: Hào này ở ngôi chí tôn, cố đủ đức trung chính, thành tín buộc được lòng thiên hạ. **Toán Hà Lạc giải**: *Nguyên thủ và người cộng tác tin nhau hết lòng.*

MHC: Có lòng chí thành, đức cao cả vì nước, thì dân cảm, vật ứng, trời giúp, công thành, phú quý khôn xiết kể.

MKHC: Cũng có đức, trên quý, dưới phục, cuộc sống đầy đủ, tuổi thọ bền lâu.

Vận Năm- **Giới Quan**: Trên dưới một lòng, tín nhiệm cao. **Giới Sĩ**: Tiến thủ thành danh. **Người thường**: Nhân tình hòa hợp, mưu tính thành việc, có lợi.

Hào 6 dương

Nghe tiếng chim bay trên trời (mà không thấy hình), cố chấp thì xấu. (Hết thời tin rồi mà cứ tin thì hỏng). NHL giảng: Hào này dương cương không đắc trung, lại ở vào thời thành tín đến cùng cực, đức tin đã suy, vậy là có danh mà không có thực. Lại thêm không biết biến thông, muốn cố giữ đức tín (vì có tính dương cương), cho nên ví với loài gà là loại không bay cao được mà muốn lên tới trời.

Vậy lòng thành tín vẫn là tốt, nhưng phải đừng thái quá mà biết biến thông, PBC nhắc truyện ngụ ngôn anh chàng họ Vĩ (có sách nói là họ Vi) thời Xuân thu hẹn với một người con gái ở dưới cầu, người đó không tới, nước lên

cao, anh ta cứ ôm cột cầu mà chịu chết. Tín như vậy là ngu, không biết biến thông. **Toán Hà Lạc giải:** *Không đáng tin mà cứ tin là có hại.*

MHC: Tuổi trẻ đã có bằng cao, làm chức to, nhưng cố chấp, không biết biến thông, nên chẳng được lâu.

MKHC: Hàn vi mà lên nhanh quá. Cầu chấp không thông nên bị tai hại, duy chỉ ở nơi hang động, thanh hư như nơi tiên cảnh thì yên lành.

Vận Năm- Giới Quan: Yết kiến nguyên thủ. **Giới Sĩ:** Danh lên cao. **Người thường:** Tranh cao, cây mạnh, nên khôn quần. Buôn bán tổn thiệt. Số xấu giảm thọ.

62 - LÔI SƠN TIỂU QUÁ

----- **Tiểu Quá** là Cái nhỏ quá đi một chút. Thuộc
----- tháng 2. **Lời Tượng:** *Trên Núi có Sấm là quẻ*
----- *Tiểu Quá (cái nhỏ đi quá). Người quân tử coi*
----- *quẻ này mà nên giữ tiết quá cung kính, làm*
----- *tang quá buồn rầu, tiêu sài quá tiết kiệm (chỉ*
----- *quá những cái nhỏ thôi chứ không quá việc*
----- *lớn).* **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Bính:**
Thìn, Ngọ, Thân; Canh: Ngọ, Thân, Tuất
được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 2 là cách
công danh, phú quý.

NHL giảng: **Lời Thoán:** *Cái nhỏ nhiều hơn. Hành*
thông. Hợp đạo chính thì lợi. Có thể làm việc nhỏ, không thể
làm việc lớn. Con chim bay mà để tiếng kêu lại, không nên
lên cao mà nên xuống thấp. Người quân tử biết được vậy thì tốt.

Quẻ này trái với quẻ Đại quá số 28. Đại quá có 4 hào dương ở giữa, 2 hào âm ở dưới cùng và trên cùng, như vậy dương nhiều hơn âm, mà dương có nghĩa là lớn, âm là nhỏ, cho nên Đại quá là cái lớn (dương) nhiều hơn. Tiểu quá có hai hào dương ở giữa, 4 hào âm ở trên và dưới, như vậy là âm -tức cái nhỏ- nhiều hơn dương -tức cái lớn; cho nên đặt

tên là Tiểu quá. Tiểu Quá là cái nhỏ nhiều hơn; nhưng cũng có nghĩa là quá chút ít.

Bình thường thì vừa phải là hay. Nhưng cũng có khi quá một chút lại hay, chẳng hạn trong nhà, chống tiêu pha nhiều quá, vợ chồng bóp một chút để được trung bình; hoặc khi thiên về bên tả quá, muốn lấy lại mức trung bình thì thiên về bên hữu một chút. Nhưng việc gì cũng phải hợp lẽ, hợp thời, hợp đạo chính thì mới được. Đó là ý nghĩa câu đầu.

Câu thứ hai: Chỉ nên "quá" trong việc nhỏ, không nên "quá" trong việc lớn; vì việc nhỏ lỡ có quá một chút, hậu quả không tai hại, còn việc lớn quá một chút, một li có thể đi một dặm, hậu quả rất nặng nề, như việc nước, lỗi lầm một chút có thể gây chiến tranh hoặc sự sụp đổ về kinh tế... Thoán truyện giảng: Các hào dương (lớn) đều không đắc trung, là quân tử thất thời, không làm việc lớn được.

Câu thứ ba tối nghĩa, không hiểu sao lại dùng tượng con chim bay ở đây. Mỗi nhà giải thích một khác. Chu Hy bảo trong thực, ngoài hư như con chim bay, có lẽ vì cho hai hào âm ở dưới như hai chân chim, hai hào âm ở trên như hai cánh chim xòe ra. Còn về ý nghĩa thì có người giảng: Người quân tử ở thời Tiểu quá nên khiêm tốn, không nên có tiếng tăm quá lớn, chỉ nên như tiếng chim kêu khi bay, thoáng qua mà thôi. Mà cũng không nên ở ngôi cao, như con chim không nên bay lên cao.

Đại tượng truyện giảng: Chấn ở trên Cấn, là tiếng sấm ở trên núi, bị nghẹt vì núi mà thu hẹp lại, nên gọi là Tiểu Quá. Người quân tử ở thời này chỉ nên làm quá trong những việc nhỏ, như có thể quá cung kính, quá thương cảm trong việc ma chay, quá tiết kiệm.

Hào 1 âm

Chim bay chuốc lấy cái xấu. (Bé mà bay cao quá). (NHL dịch: *Chim* (nên nấp mà lại bay) *bay*, *nên xấu*). NHL giảng: Hào này âm nhu bất tài, được hào 4 dương giúp, lại ở

thời "hơi quá" (Tiểu quá), nên hàng hải muốn làm việc quá, e mắc vạ, cho nên xấu. Chỉ nên làm chim nấp, đừng làm chim bay. PBC phụ chú: Bắt đầu thời Đại Quá, mà quá cẩn thận như hào Sơ *lót bằng cỏ mao trắng* (xem quẻ Đại Quá), mới được *không lỗi*. Bắt đầu vào thời Tiểu Quá mà quá chừng nóng nảy như hào Sơ: *chim bay*, thì mắc lấy *xấu*. Mới biết rằng: Việc trong thiên hạ có thể lớn nhỏ khác nhau, tóm lại, việc quá là việc không đáng khinh xuất. Nếu gặp thời Tiểu Quá mà cứ quá liều, chẳng học hào Sơ Đại Quá, lại đi học hào Sơ Tiểu Quá, chẳng là trái Thời mà mắc họa hay sao? **Toán Hà Lạc giải:** *Nên xuống thấp thì không hại.*

MHC: Khoa danh, chức vị đều lớn, mà chỉ vì kiêu mãn quá nên tai họa.

MKHC: Kiêu vì thế, ngạo về của, gây thù oán, nhà phá thân nguy.

Vận Năm- **Giới Quan:** Muốn tiến nhanh quá nên hạn. **Giới Sĩ:** Có việc bay cao quá trời. **Người thường:** Chỉ thêm tổn hại.

Hào 2 âm

Vượt quá tổ ông (hào 3, hào 4) gặp tổ bà (hào 5). Chẳng kịp ngang vua. làm đúng phận bầy tôi, không lỗi gì. NHL giảng: Hào này âm nhu, trung, chính, ở vào thời Tiểu quá, có quá một chút mà không lỗi. Nó là âm, đáng lẽ câu dương, mà nó lại vượt hai hào dương (3 và 4) để gặp ứng (với 5) nghĩa là gặp âm nữa, cho nên Lữ Hào nói là vượt ông mà gặp bà. Lữ hào khuyên hào này ở thấp, là phận làm tôi, không gặp được vua thì cứ giữ phận bề tôi (đứng vào hàng những bề tôi khác). **Toán Hà Lạc giải:** *Hết phận mình đối với trên thì ít lỗi.*

MHC: Đây mưu lược, vượt quần chúng, trùm đời mà vẫn giữ lễ với người trên.

MKHC: Cũng khiêm tốn, cẩn thận, nên mưu việc toại ý, nổi nghiệp tổ, gia phong tốt.

Vận Năm- **Giới Quan**: Tận tâm với chức vụ nên được thăng nhanh. **Giới Sĩ**: Có tiền thủ. Được gặp gỡ. **Người thường**: Được quý nhân dẫn dắt, mưu cầu được việc, được sức vợ (phụ nhân) giúp đỡ. **Số xấu**: Mẹ hay bà bị tổn thương.

Hào 3 dương

Chẳng dễ phòng quá đi một chút, thì họ (tiểu nhân) theo dõi hoặc làm hại đấy. Xấu. NHL giảng: Hào này ở thời Tiểu quá, tiểu nhân nhiều hơn quân tử, nên dễ phòng quá cẩn thận thì tốt. Hào này là dương, cương, đắc chính, là quân tử, nhưng vì quá cương (dương ở vị dương) tự thị, không dễ phòng nên bị vạ. Hào này xấu nhất trong quẻ, vì bị hai hào âm ở trên ép xuống, hai hào âm ở dưới thúc lên, chỉ có mỗi hào 4 là bạn, mà chẳng giúp được gì. PBC phụ chú: Tiểu Quá là thời chung của cả quẻ, sáu hào lại có thời riêng của mỗi hào. Quẻ này khốn nạn nhất là thời 3 dương, ngó xuống dưới thì hai hào âm toan bức mình, ngó lên thì hai hào âm toan ép mình. 4 dương tuy đồng đức, nhưng không giúp đỡ được mình, bản thân 3 lại ở chỗ nửa trên nửa dưới. Vậy nên lời hào phải nói một cách quá là lo lắng như thế. Tả truyện có câu nói rằng: Quân tử hay kiềng, sợ ở việc nhỏ, mới không hoạn nạn lớn, chính đúng với nghĩa hào này. **Toán Hà Lạc giải**: *Không dễ phòng, tất họa sẽ đến.*

MHC: Phòng bị đủ cả, đức cương quyết làm người phục, trí sáng suốt giữ được thân.

MKHC: Tự thị, cương cường, chỉ gây thù ghét, họa theo thân, hại đến nhà.

Vận Năm- **Giới Quan**: Phòng bị hại ngầm. **Giới Sĩ**: Lo bị đình giáng. **Người thường**: Bị bọn gian tà làm tổn hại.

Hào 4 dương

Không lỗi, chẳng quá (cương) mà đúng đạo lý đấy (thời tiểu quá), tiến thời nguy, nên răn, chớ dùng thói cố

chấp mãi (mà có hại). NHL giảng: Hào này hoàn cảnh y hệt hào 3; cũng bị hai hào âm ép ở trên, hai hào âm thúc ở dưới, và cũng ở chỗ chưa dứt được với quẻ nội, chưa lên hẳn được quẻ ngoại, đáng lẽ cũng xấu, nhưng nhờ 4 tuy dương mà ở vị âm, như vậy là hơi biết mềm dẻo, không quá cương như ba, đúng với đạo lý thời Tiểu quá. Tuy nhiên phải nhớ đừng tiến lên mà theo hai hào âm, như vậy là quá nhu mất, sẽ nguy; mà cũng đừng cố chấp giữ tính dương cương của mình, mà nên biến thông. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên quá khiêm cung, đừng kiêu ngạo, có hại.*

MHC: Vị cao mà xử nhũn, công lớn mà nhường nhịn, không lên mặt với trên, hách dịch với dân, nên phúc trách bền sâu.

MKHC: Cũng là người cẩn hậu, bình dị, yên tĩnh, không lâm vào cảnh vinh nhục.

Vận Năm- **Giới Quan:** An thường thủ phận. **Giới Sĩ:** Gặp nhiều dịp may, thi bằng nhỏ. **Người thường:** an phận, không tổn hại.

Hào 5 âm

Mây đặc chẳng mưa, từ đất phía Tây của ta (hào 5) ông bắt lấy nó (hào 2) ở hang. NHL giảng: Âm dương tiếp xúc với nhau thì mới thành mưa, nay âm lên quá cao rồi (hào 5) dương ở dưới, âm dương bất hoà, có cái tượng mây kín mà không mưa ở cõi tây của ta (như Lời Thoán quẻ Tiểu Súc số 9), đại ý là không làm được gì cả: Vì là âm nhu, bất tài lại ở vào thời âm nhiều quá, chỉ có một cách là xuống tìm hào 2, cũng âm, mà làm bạn. Chữ ông ở đây trở hào 5, nó trở hào 2; hào 2 ở vị âm, tối tăm cho nên ví với cái hang. **Toán Hà Lạc giải:** *Làm trái đạo Nhỏ nên không thành công.*

MHC: Tài lớn chí cao nhưng không gặp thời, bị ngăn trở, nên chỉ làm được việc nhỏ.

MKHC: Kiêu ngông, phóng túng, trái nhân tình, ở chỗ vắng, không đạt chí.

Vận Năm- **Giới Quan**: Cáo hưu. **Giới Sĩ**: ở hàng cùng, có tín hiệu lấy công nương. **Người thường**: Thủ cựu thì tốt. Chỉ có người già và bệnh nhân là xấu.

Hào 6 âm

Chẳng đúng đạo lý mà quá đấy, chim bay xa đấy, xấu, cho nên tai vạ. NHL giảng: Hào này âm nhu, mà hiếu động vì ở quẻ ngoại Chấn (động), lại ở vào cuối thời Tiểu quá, là thái quá, cho nên bảo là sai đạo Quá, có cái tượng con chim bay cao quá, xa quá rồi, khó kéo lại được mà còn sợ bị tai vạ nữa. Hào 6 này, âm là tiểu nhân, tiểu nhân mà vượt lên trên quân tử (dương, hào 4), cho nên răn là sẽ bị tai họa. Quẻ này khuyên người quân tử ở vào thời tiểu nhân quá thì đừng nên cương như hào 3, mà nên mềm mỏng một chút, biến thông như hào 4. PBC phụ chú: ở quẻ Tiểu Quá này, bốn âm ở ngoài bao bọc lấy hai dương bên trong, số dương phần ít, số âm phần nhiều, là âm quá mà dương không quá, tượng là tiểu nhân nhiều quá so với quân tử. Nên 4 dương với 6 âm đối lập nhau. 4 dương thì chẳng quá mà đúng đạo, là dương không quá được âm, mà lại gặp âm. Quân tử mà gặp tiểu nhân là việc đáng sợ, nên răn rằng tiến thì nguy, nên răn. Trái lại, 6 âm ở trên, thì chẳng đúng đạo mà quá, là âm gặp dương, mà lại vượt quá được dương. Tiểu nhân mà vượt quá quân tử, là nguy cho thể đạo nhiều lắm, nên lời hào ngầm cho rằng: bay xa, tai vạ. PBC phụ chú Lời tượng hào: Xem suốt hết lời hào cả sáu hào, thì càng nên nhận kỹ câu Lời quẻ: *Đừng bay cao mà bay thấp, tốt lắm.* Ở về thời âm thịnh hơn dương, nhu nhiều hơn cương, tiểu nhân đắc thế hơn quân tử, về phần dương cương, phe quân tử chỉ nên thoái mà xuống thấp, không nên tiến mà lên cao. Trong quẻ chỉ có hai hào dương là 4 và 3. 3 vì ở vị dương mà tính lên, thì mắc lấy hung. Là vì thời không bay cao mà bay cao, thì kết quả phải xấu. 4 vì xử ở vị nhu, nhu thì hay tự mình xuống thấp, xuống được nên không lỗi.; ở thời xuống thấp mà biết cách xuống, thì kết quả

cũng được lành. Chúng ta rủi gặp thời Tiểu Quá, nên cân lượng ở chốn bay cao bay thấp, như thế nào cho phải đạo.

Toán Hà Lạc giải: *Đi quá rồi nên bị tai vạ.*

MHC: Kiêu mạn, phóng túng dục vọng, không dần được lòng mình, khoe khoang thích miệng, tuy công danh được toại ý nguyện, nhưng phúc trách khó bền.

MKHC: Cậy mạnh làm liều, tham to, mưu lớn, tai họa đều đến, thân nhà khó giữ.

Vận Năm- **Giới Quan:** Quá cương nên gãy. **Giới Sĩ:** Có tín hiệu bay bổng. **Người thường:** Đi quá phận mình, nên oán, hối, có thể xảy tang phục.

63 - THỦY HÒA KÝ TẾ

----- **Ký Tế** là **Đã thành** (Đã thành rồi, danh lợi đủ
----- cả, chỉ phòng khi thịnh hóa suy). Thuộc tháng
----- 1. **Lời Tượng:** *Nước ở trên Lửa là quẻ Ký Tế.*
----- *Người quân tử coi quẻ này mà nghĩ lo để*
----- *phòng sẵn trước đó (Lửa đun sôi nước, nước*
----- *dào làm tắt lửa).* **Toán Hà Lạc giải:** Những
tuổi **Kỷ: Mão, Sửu, Hợi; Mậu: Thân, Tuất,**
Tý được quẻ này rất tốt. Lại sinh tháng 1 là
cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Đã xong, hanh thông, nếu làm nổi các việc nhỏ, cố giữ được những việc đã thành rồi thì mới lợi. Mới đầu tốt, cuối cùng thì loạn (nát bét).*

Trong Lời Thoán này, hai chữ "Hanh tiểu", Chu Hy ngờ là "Tiểu hanh" mới đúng, tiểu hanh nghĩa là việc nhỏ được hanh thông; chúng tôi cho cách hiểu của PBC (theo Thoán truyện) là đúng hơn, nên dịch như trên.

Quẻ này trên là Nước, dưới là Lửa, Lửa có tính bốc lên, mà ở dưới Nước, Nước thì chảy xuống, thế là Nước với Lửa giao với nhau, giúp nhau mà thành công. Cũng như nổi nước để trên bếp lửa, lửa bốc lên mà nước mới nóng, mới sôi được.

Lại xét sáu hào trong quẻ: Hào dương nào cũng ở vị dương, hào âm nào cũng ở vị âm; mà hào nào cũng có ứng vị: 1 dương có 4 âm ứng; 2 âm có 5 dương ứng; 3 dương có 6 âm ứng, đầu đó tốt đẹp cả, mọi việc xong xuôi, thế là hanh thông.

Ở vào thời Kí Tế, việc lớn đã xong, còn những việc nhỏ cũng phải làm cho xong nữa, thì mới thật là hoàn thành. Hoàn thành rồi lại phải cố giữ được sự nghiệp; nếu không thì chỉ tốt lúc đầu thôi, rồi cuộc lại nát bét. Nghĩa là lúc trị phải lo đến lúc loạn.

Thoán truyện giảng lúc đầu tốt vì hào 2 ở quẻ nội có đức nhu thuận mà đắc trung; và rồi cuộc sẽ loạn vì ngừng không tiến nữa, không để phòng nữa.

Đại tượng truyện cũng can dặn phải phòng trước lúc loạn, lúc suy.

PBC giành cho phần giảng quẻ Kí tế 4 đoạn phụ chú, chúng tôi trích 3. Phụ chú 1: Vũ trụ, lớn nhất là trời đất. Cần trời, Khôn đất, vì thế đặt ở đầu bộ Kinh Dịch. Công dụng của tạo hóa lớn nhất là Thủy, Hỏa. Khảm thủy, Ly hỏa, vì thế đặt ở cuối Kinh thượng. Bây giờ 64 quẻ đã sắp hết, chính là công việc Dịch đã sắp hoàn thành, thì lại lấy hai quẻ Khảm Ly hợp thể, Khảm trên, Ly dưới, mà thành quẻ Kí Tế. Ly trên, Khảm dưới mà thành quẻ Vị Tế.

Lấy hai quẻ ấy mà đặt vào cuối cùng toàn bộ Kinh, để cho chúng ta biết, vũ trụ có bắt đầu, có kết thúc, chỉ có thiên, địa, thủy, hỏa là biểu hiện được.

Chúng ta thử nghĩ, xưa nay suốt 5 châu, vạn vật sở dĩ sinh tồn, tạo lập, không một tí gì là không có công dụng của Nước Lửa, mà Nước Lửa lại thu nạp vào trong công dụng của Trời Đất.

Dịch mở đầu bằng hai quẻ Cần, Khôn, kết thúc bằng hai quẻ Khảm Ly hợp thể, ý nghĩa thật sâu xa biết chừng nào.

Nước Lửa có tương khắc mà sau mới có tương thành. Khảm Ly mỗi quẻ đặt riêng, thì Nước Lửa ở vị trí cách nhau tuyệt đối, làm sao tương khắc, tương thành được? Nhờ có hai

thứ đó tiếp xúc và ở bên nhau (tương xúc và tương đối) mà có tương khắc và tương thành. Khoa học ngày càng phát triển, tuy muôn ngàn hình thức, không có gì trật khỏi ngoài vòng đạo lý ấy. Thử xem việc gần gũi: than đá nấu nước thành hơi nước, hơi nước lại phát động được máy điện, quanh đi quẩn lại cũng chỉ là Nước Lửa tác động vào nhau mà thành.

Phụ chú 2: ở trong 64 quẻ, nói về việc Trời Đất, việc Người tuần hoàn, thay đổi, tương phản và tiếp nối nhau, chỉ có 4 quẻ: **Địa Thiên Thái**, **Thiên Địa Bĩ** (hai quẻ này sở dĩ khác nhau vì Thiên Địa giao nhau và không giao nhau); **Thủy Hỏa Ký tế** và **Hỏa Thủy Vị tế** (hai quẻ này sở dĩ khác nhau vì Thủy Hỏa giao nhau và không giao nhau). Thủy Hỏa giao nhau mà thành ra Ký Tế, nhưng lúc đầu sang Ký tế, chính là lúc Thiên Địa đã giao rồi. Vì thiên địa giao nên thủy hỏa mới giao. Thế là Thái với Ký tế cùng trong một vận hội liên quan với nhau, chẳng qua Thái trước mà Ký tế sau, chỉ xê xích về thời gian ít nhiều thôi. Vì trị (cai quản khi ổn định) đến lúc cùng mà loạn nảy ra, thông suốt đến cùng mà bế tắc quay lại, bấy giờ Thủy Hỏa không giao nhau mà thành ra Vị tế (chưa thành, chưa xong). Nhưng lúc bắt đầu vào Vị tế, tất đã có Bĩ rồi. Vì Thiên Địa không giao nhau, mà Thủy Hỏa mới không giao nhau. Vậy nên, Bĩ với Vị tế cùng trong một vận hội liên quan với nhau, chỉ khác nhau về thời gian xê xích ít nhiều thôi. Chúng ta đọc Dịch đến 4 quẻ ấy, thấy vừa Thái tiếp đến Bĩ, vừa Ký tế tiếp đến Vị tế, thật ghê gớm cho khí số bất thường. Nhưng cũng may cho loài người, Bĩ với Thái, Thái với Bĩ vẫn luôn luôn tuần hoàn, Ký tế và Vị tế thường xoay đổi. Chúng ta gặp hồi Thái với Ký tế, thì nên nhận nghĩa: *Thành đổ về rãnh* (ở hào 6 quẻ Thái) và *Mới đầu tốt, sau loạn* (ở hào 6 quẻ Ký tế). Gặp hồi Bĩ với Vị tế thì nên nhận nghĩa: *Hết bĩ đến mừng* (ở hào 6 quẻ Bĩ) và *Có niềm tin, không lỗi* (ở hào 6 quẻ Vị tế).

Than ôi, đạo trời như bánh xe lăn, việc người như bàn tay lật, chẳng bao giờ Ký tế đến cùng mà không xoay

sang Bĩ, cũng chẳng bao giờ Vị tể đến cùng mà không chuyển sang Thái. Tất cả là do chúng ta, chớ vì Thái với Ký tể mà kiêu ngạo, cũng chớ vì Bĩ với Vị tể mà buồn bã, 4 quẻ trái nhau mà nối tiếp nhau, là thâm ý thánh nhân muốn cho chúng ta biết như thế.

Phụ chú 3: (Bình luận câu của Khổng Tử giảng quẻ Ký tể: *Lúc cùng mà ngừng thì loạn*). Quẻ Ký tể này rất gần với y học, vận khí của vũ trụ, và giống như hệ thống khí huyết của thân người, nên người xưa thường nói: thân người là trời đất thu nhỏ. Thủy Hỏa của vũ trụ có giao mới thành tạo hóa, thủy hỏa ở trong mình có giao mới được Khang kiện, tâm hỏa giáng mà giao với thận, thận thủy thăng mà giao với tâm, tâm thận giao là thân thể được Ký tể. Nhưng mà thủy là huyết mạch, hỏa là khí quản, tất phải vận chuyển hoàn hảo luôn. Nếu một phút đông hồ, hỏa chỉ ở một chốn, mà không thăng, thủy chỉ ở một chốn mà không giáng, tất sinh ra bệnh phù thũng. Phàm việc thiên hạ không tiến bộ trong một lúc, tất nhiên thoái lui. Chỉ nghiệm thân người cũng đủ biết. Thâm ý câu *lúc cùng mà ngừng thì loạn*, là muốn cho việc người không bao giờ ngừng, thì mới có được lúc cùng không bao giờ loạn. Vì *ngừng thì loạn*, chứ không phải vì *lúc cùng mà loạn*.

Hào 1 dương

Hãy kéo lết cái bánh xe, đừng vội đi quá, ướm đuôi rồi, (nhưng chưa qua sông), *không lỗi gì*. NHL giảng: Hào này dương, có tài, ở trong quẻ nội Li (lửa), có tính nóng này, lại ở đầu quẻ Ký Tể, có chí cầu tiến quá hăng. Nên Lời hào khuyên phải thận trọng, thùng thảng (kéo lết bánh xe lại), chưa qua sông được đâu (như con chồn ướm cái đuôi, không lội được), như vậy mới khỏi có lỗi. **Toán Hà Lạc giải:** *Nên cẩn thận ngay từ buổi đầu*.

MHC: Phồng loạn ngay từ lúc đang trị, nên đất nước vững yên không lo, sự nghiệp lớn, lộc vị cao.

MKHC: Tâm sáng, trí khôn, nhưng tiến thoái vô định, bỏ lỡ cơ hội, chỉ hư danh.

Vận Năm- Có chức chưa lĩnh, có vị chưa ngồi, muốn hoạt động chưa đến lúc, sắp ra tay chẳng ra tay vội, cẩn thận đợi thời, thì yên bình không lo.

Hào 2 âm

Như người đàn bà (xưa) đánh mất cái màn xe (phải hoãn cuộc đi) nhưng chờ đuổi tìm, bảy ngày sẽ thấy. (Hào 2 không được hào 5 dùng vì bị kẹt vào giữa quẻ Khảm. Chờ hết quẻ này 6 hào, nên nói 7 ngày thời biến khác, sẽ gặp). NHL giảng: Hào này ở giữa quẻ nội Li, có đức văn minh, trung, chính, có thể thực hiện được chí mình. Nó ứng với hào 5 dương cương, trung, chính ở địa vị chí tôn; nhưng ở thời Kí Tế, đã xong việc, nên 5 không đoái hoài tới 2, thành thử 2 như người đàn bà có xe để đi, mà đánh mất cái màn che bốn mặt xe, không đi được. Tuy nhiên 2 trung, chính, mà đạo trung, chính không bị bỏ lâu bao giờ, nên đừng mất công theo đuổi, cứ đợi rồi tự nhiên sẽ được như ý. **Toán Hà Lạc giải:** Có số đức đầy nhưng chưa được dùng, nên hãy giữ gìn và đợi.

MHC: Đức đủ, đường lối sẵn, nhưng chưa tiến hành được, chờ đợi thời, sẽ có cơ hội, công danh muộn vậy.

MKHC: Có kiến thức, biết nắm giữ, mà tuổi trẻ bị uất ức gian nan, mãi già mới được sung túc.

Vận Năm- **Giới Quan:** Trước nghịch sau thuận. **Giới Sĩ:** Trước mất sau được. **Người thường:** Trước khó sau dễ.

Hào 3 dương

Vua Cao Tông đánh nước Quỷ Phương, 3 năm mới dẹp xong, đừng dùng kẻ tiểu nhân. NHL giảng: Hào này là dương ở vị dương, nên quá cương cường, hoá ra khinh xuất, lời hào khuyên phải thận trọng như vua Cao Tông, tức Vũ

Đình (1324-1264) nhà Ân, khi đánh một rợ nhỏ là Quý Phương mà mất ba năm mới được. Đừng dùng kẻ tiểu nhân, là lời khuyên chung chứ không phải chỉ khuyên riêng hào 3 này. PBC phụ chú: Hào 6, trên, quẻ Sư cũng có câu đừng dùng kẻ tiểu nhân, nghĩa là chớ nên dùng kẻ tiểu nhân vào việc binh, là vì tính chất nó cương, bạo, tham lam, dùng nó vào việc binh, thì đến nỗi tàn dân hại nước. Bởi vì ở vào thời Ký tế chính là lúc trong nước vô sự, biên giới yên tĩnh, rất đáng lo là một bọn tiểu nhân sinh sự. Chẳng khác nào thân thể đương khỏe mạnh lại đem thuốc công bệnh, làm tổn thương nguyên khí, nên lời hào có ý răn việc dùng binh, mà lại chú trọng câu: đừng dùng kẻ tiểu nhân. **Toán Hà Lạc giải:** *Đạo làm tướng trong hành quân.*

MHC: Có tài nhưng vội thì khó thành công. Lớn làm tướng sù, nhỏ làm quản đốc.

MKHC: Làm bừa, lừa dối trên, không dùng thì oán, dùng đến thì kiêu mạn, ưa tranh tụng, sức mệt, của hết.

Vận Năm- **Giới Quan:** Có nhiệm vụ lớn. Hoặc đi chinh phạt. **Giới Sĩ:** Tiến thủ, phải lâu mới được. **Người thường:** Hay gây oán thù. Kiện tụng tranh chấp.

Hào 4 âm

Thuyền bị nước thấm lậu, phải có giẻ trám chỗ thủng, suốt ngày lưu ý. (lên đến quẻ Khảm rồi). NHL giảng: Hào này đã bắt đầu lên quẻ ngoại Khảm, nguy hiểm, phải phòng bị cẩn thận, như người ngồi chiếc thuyền bị nước vào, phải có giẻ để bít lỗ. Hào này âm nhu, ở vị âm, đắc chính, là người thận trọng biết lo sợ. **Toán Hà Lạc giải:** *Chức lớn dự phòng việc nước, cho hết đạo trị dân.*

MHC: Thời bình phòng loạn, cơ mưu lớn đặc dụng, nên phú quý song toàn.

MKHC: Cũng là người cẩn hậu, cả lo, cả ngờ, đời sống sung túc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Biết phòng xa nên lộc vị yên ổn. **Giới Sĩ**: Sống trong sạch, nên tiến thủ mà không lềm nhèm. **Người thường**: Có sinh kế, có phòng bị nên không vấp nguy. Đi dò phòng dò rỉ, nước vào.

Hào 5 dương

Xóm bên Đông giết trâu tế, mà hưởng phúc không bằng xóm bên Tây cúng lễ thực sơ sài (hào 2 bé hơn, nhưng dương thịnh). NHL giảng: Hàng xóm bên đông là hào 5, bên tây là hào 2. Cả hai hào đều đắc trung, đắc chính, lòng chí thành ngang nhau; 5 ở địa vị chí tôn làm tế lễ lớn, nhưng được hưởng phúc thì 2 lại hơn 5, chỉ vì 2 gặp thời hơn; 2 ở vào đoạn đầu Ký tế nên sức tiến còn mạnh, tương lai còn nhiều; 5 ở vào gần cuối Ký tế, lại ở giữa quẻ Khảm (hiểm), tiến tới mức chót rồi, sắp nguy, thịnh cực rồi thì phải suy. **Toán Hà Lạc giải**: *Cấp trên suy rồi không bằng cấp dưới gặp thời.*

MHC: Lo xa, việc không khinh động, phép chẳng đổi bữa, giữ trọn vẹn thời Ký Tế, hưởng phúc lớn.

MKHC: Thiếu thành thực, nhiều phù hoa, tổn vật hại người, thân gia khó toàn, chỉ nên ở ẩn nơi sơn lâm hay chốn u tịch thì còn phúc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Trông coi việc tế lễ (việc văn hóa), nhưng hết thời cũng bị oán trách. **Giới Sĩ**: Hết thời rồi mới đi theo, cho nên tai hại. **Người thường**: Mưu việc gần thì còn thấy thực, xa thì hão huyền, lợi phương Tây, không lợi phương Đông.

Hào 6 âm

Ngập cả đất, nguy. NHL giảng: Hào này tiểu nhân bất tài (hào này là âm) ở thời cuối cùng của Ký tế, lại ở trên hết quẻ Khảm, càng nguy nữa, như một người lội qua sông,

nước ngập cả đầu. Ký tế vốn là một quả tốt, nhưng chỉ được ba hào đầu là khá tốt, còn ba hào sau càng tiến lên càng xấu: hào 5 kém phúc hào 2, mà hào trên cùng (ướt đầu), so với hào 1 (ướt đuôi) còn xấu hơn nhiều. Vẫn là lời khuyên gấp thời thịnh phải cẩn thận, đề phòng lúc suy. **Toán Hà Lạc giải:** *Tài đủ lo cho đời, nhưng nguy.*

MHC: Trị không quên loạn, an không quên nguy. Thiên mệnh vững, nhân tâm nhớ lâu, nên sự nghiệp Ký Tế không đến nỗi nào.

MKHC: Chí cao, ý đầy (mãn), cây tài, làm liều, trời chán, người oán, cái thân chưa biết đến ngày nào.

Vận Năm- **Giới Quan:** Cao quá dễ gãy. **Giới Sĩ:** Chìm đắm khó tiến. **Người thường:** Phòng nhiễm bẩn, không hay ho gì, đi thuyền sợ đắm.

64 - HÒA THUYẾT VỊ TẾ

----- **Vị Tế** là Chưa thành, là mất thăng bằng (nhưng
----- **chớ** bị quan, vẫn có hy vọng) Thuộc tháng 7. **Lời**
----- **Tượng:** *Lửa ở trên Nước là quả Vị Tế. Người*
----- *quân tử coi quả này mà cẩn thận phân biệt mọi*
----- *vật để đặt vào cho đúng phương (đúng chỗ).*
----- **Toán Hà Lạc giải:** Những tuổi **Mậu: Dần,**
----- **Thìn, Ngọ; Kỷ: Dậu, Mùi, Tị** được quả này rất
tốt. Lại sinh tháng 7 là cách công danh, phú quý.

NHL giảng: *Lời Thoán: Chưa xong, chưa cùng: được
hành thông. Con chồn nhỏ sửa soạn vượt qua sông mà đã ướt
cái đuôi, không qua được, không có gì lợi cả.*

Quả này trái hẳn quả trên, lửa ở trên nước, nước và
lửa không giao nhau, không giúp được nhau, cả 6 hào đều ở
trái ngôi cả, dương ở vị âm, mà âm ở vị dương. Cho nên gọi
là Vị Tế: Chưa xong.

Vị Tế chứ không phải là *bất tế*; chưa qua sông được
chứ không phải không qua sông được, sẽ có thời qua được,

lúc đó sẽ hanh thông. Thời đó là thời của hào 5, có đức nhu, trung, biết thận trọng mà ở giữa quẻ Li (thời văn minh). Và lại tuy 6 hào đều trái ngôi, nhưng ứng viện nhau, cương nhu giúp nhau mà nên việc: thêm một lẽ hanh thông nữa.

Lời Thoán khuyên đừng như con chồn con, nóng nảy hấp tấp, mới sửa soạn qua sông mà đã làm ướt cái đuôi, không qua được nữa, không làm được việc gì lợi cả, không tiếp tục được đến cùng.

Đại tượng truyện khuyên phải xem xét kỹ càng mà đặt người, vật vào đúng chỗ thích đáng, thì mới nên việc, đừng đặt lửa trên nước chẳng hạn, như quẻ này.

PBC phụ chú: Lời quẻ ở Ký tế nói rằng *làm cho xong những việc nhỏ thì hanh*, là nói bằng việc dĩ vãng. Lời quẻ ở Vị tế nói rằng hanh, là dự đoán về phúc tương lai. Việc dĩ vãng thì hanh có hạn, phúc tương lai thì hanh vô cùng. Hanh ở Ký tế, ví như con đã trưởng thành, thì mạnh hay yếu, trí hay ngu, là việc đã ấn định. Hanh ở Vị tế, ví như con còn thơ bé, thì tương lai còn chưa biết chừng. Dịch sở dĩ quy kết bằng Vị tế, chính như xuân mà chưa đến lúc hoa nở, đêm mà chưa đến lúc trăng tròn, chắc hy vọng về tiền đồ hãy còn nhiều lắm. Ai dám bảo rằng: Vị tế mà hẳn là bất tế đâu. Vậy nên lời quẻ nói rằng: *Vị tế* (chưa xong): *hanh*. Lại còn hơn là Ký tế (đã xong): *hanh tiểu* (cho xong việc nhỏ thì hanh).

Hào 1 âm

Uớt cái đuôi, xấu thẹn. (Hào sơ quẻ Khảm, không lợi được qua). NHL giảng: Hào này âm nhu tài kém, ở vào đầu thời Vị tế, mà lại bước chân vào chỗ hiểm (Khảm), coi như chồn sắp qua sông mà đã làm ướt cái đuôi, không biết tính trước nên phải ân hận. **Toán Hà Lạc giải:** *Không tài, đức, lại không gặp thời.*

MHC: Dù có tài kinh bang tế thế cũng không gặp thời, nên an phận, không vinh nhục gì.

MKHC: Thân nhỏ, vận yếu, mà vọng động (động càn), nên việc có đầu không đuôi, không biết tri cơ, gian nan.

Vận Năm- **Giới Quan**: Gặp biến, trở lên không được.

Giới Sĩ: Được chọn, hoặc đổ cuối bảng. **Người thường**: Kinh doanh không được như ý. Cần thận sông nước.

Hào 2 dương

Kéo lết cái bánh xe (đi từ từ). Giữ chính là tốt. NHL giảng: Hào này dương cương là có tài, ở vị âm là bất chính, thấy hào 5 ở ngôi tôn, ứng với mình mà âm nhu, có ý muốn lấn lướt 5, như vậy sẽ hỏng việc, cho nên hào từ khuyên giảm bớt tính cương của mình đi (như kéo lết bánh xe, hãm bớt lại) và giữ đạo trung của mình (hào 2 đắc trung) thì tốt, vì hề trung thì có thể chính được. **Toán Hà Lạc giải**: *Nên giữ phận dưới, đừng vội thân với trên.*

MHC: Trung thuận, cần thận, trên mến dưới tin.

MKHC: Cũng là kẻ sĩ cần hậu, hòa đồng với mọi người, không ham tài lộc, ăn mặc sung túc.

Vận Năm- **Giới Quan**: Vất vả vì chức vụ nên được tin yêu. **Giới Sĩ**: Đi lên, cần thận kéo mắc lỗi. **Người thường**: Cứ giữ bình thường thì toại ý, nếu vọng động sẽ khốn.

Hào 3 âm

Vị tể, tiến đi thì xấu. Qua sông lớn, thì có lợi. NHL giảng: Hào này âm nhu, vô tài lại bất trung, bất chính không làm nên việc đâu, nếu cứ tiến hành thì xấu. Sao lại bảo qua sông lớn thì lợi? Mâu thuẫn chăng? Vì vậy mà có người ngờ trước chữ lợi, thiếu chữ *không*, vượt qua sông lớn thì không lợi, mới phải.

Cũng có thể giảng như sau: Xét về tài đức của 3 thì không nên tiến hành, nhưng xét về thời của 3: ở cuối quẻ Khảm, là sắp có cơ thoát hiểm, hơn nữa trên có hào 6 dương

cương giúp cho, thì sắp có cơ hội vượt qua sông lớn được, lúc đó sẽ có lợi. PBC phụ chú: Chúng ta để ý: Lờ hào cả 6 hào quẻ Ký tế, không hào nào có tên quẻ. Đến quẻ Vị tế thì 5 hào không có tên quẻ. Duy nhất hào 3 này có hai chữ: Chưa thành (Vị tế). Chúng ta đọc lờ hào 3, nên xem qua lờ hào 2 dương và 4 dương. 2 và 4 thì đều có chữ *Giữ chính, tốt*. Mà 3 âm thì có chữ *Tiến đi, xấu*. Nhưng chữ *Tiến đi, xấu* gần liền với chữ *Chưa thành*. Ý thánh nhân rằng: Ở vào thời Vị tế, chỉ nên ở lại, giữ chính thì tốt như hào 2, hào 4 kia. Huống chi 3 âm thì tài hào quá kém, ở vào thời Vị tế, mà tài như thế, đi tất phải xấu. Nhưng thánh nhân lại sợ chúng ta thấy chữ *đi, xấu* mà nghĩ rằng: thời Vị tế tuyệt đối không tốt. Nên lại thêm vào câu: *qua sông lớn thì có lợi*, khiến cho chúng ta biết: một khi Thời đã đến, 3 âm vẫn có thể đi tốt, duy như tài 3 âm thì mới đi xấu mà thôi. Chỉ thấy câu *Tiến đi, xấu* mà đổ tội tại thời Vị tế, lại xem câu *qua sông lớn, có lợi* mới hiểu được ý. **Toán Hà Lạc giải:** *Tài không đủ, phải dựa người thì nên việc.*

MHC: Tài vụng, một mình không đủ làm, phải dựa vào người để múa may, cổ vũ mới hay được.

MKHC: Âm hiểm, cùng hoạn nạn chứ không cùng an hưởng, một bước cũng khó tiến.

Vận Năm- **Giới Quan:** Nhờ người mà nên mỹ mãn. **Giới Sĩ:** Có lo bị kẻ đùn đẩy. Buôn bán phải nhanh. **Người thường:** Thích tiến, chỉ thêm thẹn mặt. Sông nước gian nan mới kiếm được lợi. Không nên treo núi qua sông.

Hào 4 dương

Giữ chính thì mới tốt. Khởi án năn. Phấn chấn tinh thần, cổ vũ dũng khí mà đánh nước Quỷ Phương, lâu 3 năm, nhưng rồi được nước lớn thưởng cho. NHL giảng: Hào này có tài dương cương mà ở vào thời thoát khỏi hiểm (quẻ nội Khảm), tiến lên cõi sáng sửa văn minh (quẻ ngoại Li) trên có hào 5, âm, là ông vua tin cậy mình, thì đáng lẽ tốt, chỉ vì hào

4 này bất chính (dương ở vị âm), nên khuyên phải giữ đạo chính. Lại khuyên phải phấn phát tinh thần và kiên nhẫn thì mới làm được việc cho xã hội, như việc đánh nước Quý Phương thời vua Cao Tôn (coi hào 3, quẻ Ký tể) ba năm mới thành công. PBC phụ chú: Xem tất cả 64 quẻ Dịch, sự tốt xấu liên quan đến Thời của mỗi quẻ. Mỗi quẻ có 6 hào, sự tốt xấu lại liên quan đến Thời của mỗi hào. Nhìn chung, được tốt, được xấu, hoặc từ tốt quay lại xấu, hoặc từ xấu chuyển sang tốt, *rất quan hệ là hào 3, hào 4*. 3 dương quẻ Thái vì quá cương nên thánh nhân phải dạy cho rằng trong gian nan mà giữ lấy chính đáng. 4 dương quẻ Cách thì cương nhu gặp nhau nên tán rằng Có tin. Như 4 dương ở quẻ này, đành là có tài dương cương nhưng cũng nhờ gặp Thời. Ở vào thời Vị tể, hết Khảm tới Ly, vận Bỉ trước đã qua, mà vận Thái sau gần tới, nên làm nổi việc lớn, như phạt giặc Quý phương 3 năm, uy danh động đến nước ngoài, ân thưởng khắp trong nước, nên Lời tượng (ở hào) tán cho rằng: thực hành được cái chí. Thật mừng cho có tài tể thế mà lại gặp thời. Xưa nay biết bao nhiều người có chí mà không hành được, cũng vì không gặp thời như 4 dương này. **Toán Hà Lạc giải:** *Cố gắng theo đạo chính, thành công trong gian nan.*

MHC: Biến chất thiên lệch để trở về trung hòa, khoa đánh chậm nhưng ân sủng cũng lớn.

MKHC: Cũng thực hành cái thiện, được người hiền đề cử, mưu toại, ý chí biến thành hành động.

Vận Năm- **Giới Quan:** Võ thì đi chinh phạt nơi ngoài, văn thì vị cao tột bậc, công lớn vẻ vang. **Giới Sĩ:** Đổ hạng ưu. **Người thường:** Hành động có lợi. Được quý nhân tiến cử.

Hào 5 âm

Chính, tốt. Không ăn năn gì. Có cái rực rỡ của người quân tử. Có lòng chí thành, tốt.

NHL giảng: Hào này âm ở vị dương là bất chính, nhưng vì âm nhu đặc trưng (trung còn tốt hơn chính), ở vào giữa quẻ ngoại Li, là có đức văn minh rực rỡ. Lại ứng với hào 2 đặc trưng, dương cương ở dưới, nên hai lần được khen là tốt: lần đầu vì có đức trung, văn minh, lần sau vì có lòng chí thành, hết lòng tin ở hào 2. **Toán Hà Lạc giải:** *Bạc nguyên thủ được phụ tá thành đức nghiệp mỹ mãn.*

MHC: Cầu hiền để giúp việc chính trị, gặp người ủy thác được, sự nghiệp dương thời rực rỡ.

MKHC: Cũng là quang minh chính đại, nghiệp lớn giàu thịnh, phúc dày.

Vận Năm- **Giới Quan:** Vinh thăng vượt bậc. **Giới Sĩ:** Văn chương xán lạn. **Người thường:** Được quang hiển, vàng lụa tích nhiều.

Hào 6 dương

Tự tin (thong dong chờ thời), như khi uống rượu, không lỗi gì. Nhưng nếu quá tự tin mà chìm đắm trong rượu chè (uớt cả đầu), thì hỏng. NHL giảng: Hào này dương cương ở trên cùng quẻ là cương đến cùng cực, cũng ở cuối quẻ ngoại Ly là sáng đến cùng cực, đều là quá cả. Sắp hết thời Vị Tế rồi, mà hào 4 và 5 đã làm được nhiều việc rồi, hào 6 này chỉ nên tự tin, lạc thiên an mệnh, vui thì uống rượu chơi mà chờ thời, như vậy không có lỗi. Nếu quá tự tin đến nỗi chìm đắm trong rượu chè (như con chồn uớt cái đầu), không biết tiết độ thì mất cái nghĩa, hoá bậy.

Kinh Dịch bắt đầu bằng hai quẻ Càn, Khôn, gốc của vạn vật; ở giữa là hai quẻ Hàm và Hằng, đạo vợ chồng, gốc của xã hội, tận cùng là hai quẻ Ký tế và Vị tế, đã xong rồi lại chưa xong; như vậy là hàm cái nghĩa việc trời đất cũng như việc của loài người, không bao giờ xong, cái gì tới chung lại tiếp ngay tới thủy. Mà đạo Dịch cũng vậy không bao giờ hết. Dịch cho ta niềm hy vọng ở tương lai. Thật là một triết lý lạc quan.

PBC phụ chú: Suốt từ đầu đến đuôi, chỉ một chữ Thời vừa tóm hết bộ Dịch. Nhưng chỉ nói chữ Thời thôi, té ra hoàn toàn thuộc về phần tự nhiên, nên phải thêm chữ Tiết (tiết chế, điều tiết) thay vào chữ Thời, càng thấy được đạo lý thuộc về phần đương nhiên.

Vì Thời mà có việc, mà làm việc thì phải theo Thời, muốn tùy thời mà biến dịch (tùy theo thời mà chuyển dịch) cho đúng với đạo Trung, nên phải có Dịch học. Nhưng cuối cùng bộ Dịch, lại đặt que Vị tể, thì chúng ta càng nên biết rằng: Thời không bao giờ cùng, Việc không bao giờ xong, mà Dịch cũng không bao giờ hết. Đông tàn thì Xuân đến, Đêm hết thì Ngày bắt đầu, Bế tắc đến cùng thì Thông suốt bắt đầu. Chúng ta tùy thời mà xử sự, chỉ cần nhất là biết điều tiết. Tiết Hạ chí tới, mà lo soạn sửa áo dày, tiết Đông chí qua mà lo sắm sửa áo mỏng, tiết lụt chưa tới, mà lo dự bị thuyền bè, tiết hạn chưa tới, mà lo dự bị đồ tát nước, trăm việc ngàn việc đều biết lo điều tiết như thế, thì có bao giờ lo thất bại đâu.

Chúng ta nhận kỹ ý nghĩa chữ Vị tể, mới biết được thời vận vẫn là vô cùng. Nhận biết được mấy chữ biết điều tiết, lại biết được thiên thời cũng cần cố nhân sự. Thời, là tạo hóa tự nhiên, có kết thúc thì có bắt đầu; Tiết là đạo lý đương nhiên, biết thì mới năng động mà hành động, ý nghĩa Dịch dạy người sâu sắc như thế. Chúng ta khi mở quyển xem cũng như khi đóng quyển nghỉ, đều cần nhận rõ như vậy, chứ không nên đọc què, xem hào mà coi là xong. **Toán Hà Lạc giải:** *Thuận mệnh trời để làm hết việc người.*

MHC: Có tài cứu vớt, đổi loạn thành trị, lập công, để tiếng về sau.

MKHC: Không tiết chế dục vọng, trái nghĩa, dễ thành khó.

Vận Năm- **Giới Quan:** Thăng chuyển, giữ chức trông coi tế lễ (văn hóa ngày nay). **Giới Sĩ:** Tiến thủ. Được lựa chọn đứng đầu. **Người thường:** Thoát được hiểm. Người già có tiệc mừng thọ. Số xấu thì chết đuối.

PHẦN BA

CHÂN DUNG NHÀ VĂN SOI CHIẾU BẰNG HÀ LẠC

Trong phần Ba sau đây, chúng tôi thử dùng phép toán Hà Lạc phác thảo chân dung một số nhà văn quen biết. Bạn sẽ thấy cuộc đời mỗi nhà văn, những bước thăng trầm, cấu trúc tác phẩm, thần thái văn chương của họ hiện rõ trên cấu trúc Hà Lạc của mỗi người như thế nào. Bạn cũng sẽ thấy, cấu trúc số mệnh của mỗi người, theo toán Hà Lạc, không phải một thứ định mệnh, giới cho thế nào thì được thế, và chịu thế. Nhờ có linh cảm, mẫn cảm, nhờ có lòng chí thành, từng người có thể tận dụng những ưu tiên, ưu thế, khắc phục những gì là nhược điểm tiềm ẩn trong nguyên thế, biết Thế, còn biết Dụng, họ vẫn có thể vươn tới những thành đạt, còn cao hơn cả những gì giới đất đã cho. Có người nhờ thức thời, đã tự điều chỉnh hành lang số phận mình “trên từng cây số”. Tôi cũng trộm nghĩ nếu các nhà nghiên cứu, phê bình văn học nắm được phép toán này thì có lợi biết bao, họ sẽ có điều kiện tiếp cận với cái bản thể mà họ đang khám phá.

Tôi cố gắng làm theo đúng những gì mà phép toán đã mách bảo, nhất là những gì tôi tiếp thu được ở phần Hai: **Hà Lạc giải đoán**. Cũng vì vậy những gì tôi xem xét chưa đúng, hoặc chưa tới, thì đó là do tôi còn kém cỏi. Những phác thảo chân dung này được soi chiếu bằng những góc độ khác nhau, đôi khi do ngẫu hứng, nên chưa thể coi là những bài mẫu, thực tình tôi không dám như thế. Những chi tiết về đời sống riêng các nhà văn được đưa vào đây theo nguyên tắc: chỉ nói đến những gì đã được công bố trong các tài liệu đã xuất bản, được nhiều người biết. Sau mỗi chân dung đều có phụ lục Cấu trúc Hà Lạc của mỗi người. Bạn có thể căn cứ vào cấu

trước đó tìm tới những tín hiệu của từng năm, thậm chí từng tháng, từng ngày của mỗi người. Chỉ riêng Cấu trúc Hà Lạc của Tản Đà tôi ghi thêm những tín hiệu Hà Lạc đến từng năm, cũng chỉ ghi những năm được truy cập đến trong bài viết.

Một lần nữa tôi chân thành cảm ơn các nhà văn và gia đình các nhà văn đã giúp đỡ tôi phác thảo những chân dung này. Xin các bậc cao minh chỉ dẫn cho những thiếu sót cùng những lầm lẫn, để những bức chân dung sau sẽ giúp ích các nhà văn và bạn đọc và gây hứng thú cho các bạn nhiều hơn.

TẢN ĐÀ

Ánh chớp trong đêm thế kỷ

1

Trong lịch sử Toán Hà Lạc ở nước ta, Tản Đà là người mở mang đầu tiên. Vào khoảng năm 1938-1939 trên đường phố Bạch Mai, Hà Nội, xuất hiện một cửa hàng với dòng chữ đỏ đằng hoàng: *Nguyễn Khắc Hiếu Tản Đà Hà Lạc lý số*. Trên báo Ngày Nay lúc bấy giờ đăng quảng cáo cho cửa hàng trên nhiều số báo: *Nguyễn Khắc Hiếu Tản Đà/ Nay mai sắp ở Hà/ Hà Lạc đoán lý số/ Đàn ông và đàn bà/ Ai gần xin đến hỏi/ Thư gửi người ở xa/ Biên rõ năm cùng tháng/ Ngày giờ nào để ta/ Một cử ước tuần lễ/ Có thư mời khách qua/ Quyền số lấy đã rồi/ Xin cứ nói thực thà/ Hán văn âm quốc ngữ/ Quốc văn bầy nghê ra/ Còn như tiền đặt quả/ Nhiều năm ít có ba*/ Nhiều ít tùy ở khách/ Hậu học kẻ chỉ mà/ Kính cáo.* (*Năm đồng và ba đồng Đông Dương lúc đó. XC). Thời nhỏ nghe cha tôi kể chuyện, ông cũng có lần la đến quán Hà Lạc của thi sĩ Tản Đà xem cho tôi một quẻ. Nhà tôi ở một làng ven đô Hà thành. Tôi không hề biết lá số của tôi thế nào, chỉ nhớ nó bằng quyển vở học trò, có chữ quốc ngữ viết tay bằng thơ lục bát. Và nhớ cha tôi kể: “Ta có ra quán thi sĩ Tản Đà xem cho con lá số. Ta hỏi đặt tên cho con là Cang có đúng không. Ông bảo được đấy.” Chỉ có thế. Lớn lên tôi mê văn thơ Tản Đà, thường giấu những *Giấc mộng lớn, Giấc mộng con, Thế non nước* trong học bàn học, cùng nhiều sách khác, vừa nghe thầy giáo giảng bài vừa lén đọc. Bấy giờ nghiên cứu Hà Lạc, tôi vẫn thường mong ước làm sao soạn được một chân dung Tản Đà bằng Hà Lạc. Để trả ơn ông. Để thắp một nén nhang tưởng nhớ ông tổ Hà Lạc ở nước ta.

Trong việc này khó nhất là không biết giờ sinh của Tản Đà. Tôi ngờ rằng chính ông cũng không biết, do các bậc

cha mẹ không quan tâm, hoặc dữ kiện bị chìm lấp trong việc sinh nở nhiều con cái, hoặc chính nhà thơ khi chú ý giờ sinh của mình thì không còn hỏi được các cụ nữa. Có lẽ đó cũng là lý do ngày nay không tìm thấy bài toán Hà Lạc ông soạn cho chính ông.

Nhưng tôi có cách tìm ra giờ sinh của Tản Đà.

Trước hết là vấn đề ngày sinh. Mỗi sách chép một dữ liệu. Sách của Tâm Dương (Tản Đà, khối mẫu thuẫn lớn. NXB Khoa học Hà Nội. 1964) chép là 29-4 năm Mậu Tý (1888). Sách của Văn Tâm, cũng chính là Tâm Dương (Góp lời Thiên cổ sự. NXB Văn Học - Hà Nội 1991) chép là 31-5-1889. Ngay cái ngày sinh chính thức công bố vào lễ kỷ niệm gần đây nhất trang trọng đặt ở giữa bàn thờ: 25-5-1889 đến 25-5-1999 cuối cùng cũng không được người nhà ông công nhận. Chị Nguyễn Phượng Tường, con gái ông bảo tôi: Sở Văn hóa Hà Tây, cùng với gia đình mấy mò điều tra, cuối cùng kết luận ngày sinh của cụ đúng thực là 19-5-1889 cơ. Tôi nói: Để tôi dùng dữ liệu này, nếu quê Hà Lạc ứng nghiệm với từng bước đường đời của nhà thơ thì có nghĩa là các anh chị đã tìm ra đúng ngày sinh của cụ. Và chỉ vài giờ sau tôi đã có thể reo lên: Thế là chúng ta đã tìm ra đúng ngày giờ sinh của Tản Đà.

Cách làm của tôi đơn giản như sau. Tôi thử dựa vào dữ liệu tin cậy nhất là ngày 19-5-1889. Nhờ Bảng tìm Can Chi căn cứ vào ngày dương lịch của nhà Lịch học Lê Thành Lân (Nguyễn Hoàng Phương chép lại trong Tích hợp đa văn hóa Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai - THĐVH...- Nxb Giáo dục Hà Nội, 1996, tr 247) xác định Can Chi ngày 19-5-1889 là ngày Ất Mùi. Lần lượt tìm 12 quẻ ứng với 12 giờ trong ngày Ất Mùi. Một trong 12 quẻ đó sẽ là quẻ Tiên thiên của Tản Đà. Việc này không khó lắm nhờ có máy vi tính. Và khi cả 12 quẻ đã lần lượt hiện lên, thì trước mắt tôi sừng sững một quẻ mà tôi tin chắc đó là mệnh văn chương của Tản Đà. Linh tính báo cho tôi biết không thể có một quẻ thứ hai nào khác. *Đó là quẻ Sơn Thủy Mông với giờ*

sinh là giờ Bính Tý. Một chân dung Tản Đà hiện lên rõ mồn một, từng nét như sơn khắc, lại huyền ảo, ẩn hiện như sơn mài, mà càng mài càng hiện. Như trời cho, như định mệnh. Sơn là Núi, Thủy là Nước. Mông là mông muội, là thời mà trời đất còn mông lung đen tối, con người cần được mở mang, dạy dỗ cho sáng dần. Trước nay người ta chỉ biết quê ông ở miền Khê Thượng, Ba Vì, làng quê như cái nôi nằm giữa núi Tản sông Đà nên ông lấy tên là Tản Đà. Ai hay đâu cái tên ấy bắt nguồn từ mệnh văn chương Sơn Thủy. Tản là Núi Tản, là Sơn. Đà là Sông Đà, là Thủy. Mà không phải chỉ có cái tên, nhắc đến Tản Đà là nhớ ngay đến Thê Non Nước, bài thơ in dấu son lên cuộc đời văn chương của Tản Đà, cảm hứng bắt nguồn từ tổ chất thiên nhiên Núi Non, Sóng Nước:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện nước thê non
Nước đi chưa lại non còn đứng không
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày*

Các nhà Dịch học giành quẻ Mông để nói về sứ mạng giáo hóa dân trong thời mông muội, có thể nói những triết lý cô đọng nhất, tổng kết về sự nghiệp giáo dục được thể hiện ở 6 vạch âm dương quẻ này. Còn các nhà Hà Lạc dự đoán học thì giành quẻ Mông để nói về hành lang số phận các nhà giáo, các nhà ngôn luận, làm sử, làm triết, làm văn cũng với sứ mạng giáo hóa dân từ cõi mờ mịt, hỗn mang, tăm tối... Tản Đà sinh trong thời khắc nào, mà sao cứ như Trời Đất đã xui ông sớm viết những tác phẩm dạy dỗ trẻ em như *Lên Sáu, Lên Tám*, về sau là *Đài Gương Kính, Quốc Sử Huấn Mông*. Ông gọi những tác phẩm *Lên Sáu, Lên Tám* là *Tản Đà nhi Quý Sửu văn tập* nghĩa là Tập văn năm Quý Sửu của đứa trẻ Tản Đà. Không nghi ngờ gì nữa, Sơn Thủy Mông chính là thân phận và sứ mạng của Tản Đà. Như vậy Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu sinh *năm Kỷ Sửu, tháng Kỷ Tỵ, ngày Ất Mùi, giờ Bính Tý*. Quẻ Tiên thiên phản ánh tiền vận của đời ông là

Sơn Thủy Mông, hào chủ mệnh là hào 2: Là *bạc hiển tài lớn, đại lượng, bao dung được mọi việc, giữ hòa khí với mọi người, trung hiếu vẹn toàn*. Dù có là mệnh không hợp cách thì cũng mở mang lập nghiệp nhà, vợ đảm con quý. Lời Kinh của Chu Văn Vương chép rằng: *Bao dung kẻ mờ tối, tốt. Dung nạp hạng người nhu ám, tốt. Phận con mà sửa trị việc nhà* (Xem hào 2 quẻ Mông). Số phận tốt đến như thế. Lại có Hóa Công, ưu tiên năng lượng của Trời Đất, có Địa nguyên khí. Nguyễn Hiến Lê giảng: Hào 2 dương cương, đắc trung, nên bảo là có đức bao dung; nó làm chủ quẻ nội, thống trị cả 4 hào âm, cho nên bảo nó dung nạp được các hào âm (có thể hiểu các hào âm như đàn bà); nó ở dưới thấp mà lại là hào quan trọng nhất nên ví nó như người con mà cai quản được nghiệp nhà. Được hào này là tốt. Phan Bội Châu chỉ rõ thêm: Hào 5 ở địa vị tôn quý trong quẻ, tức như cha trong nhà, hào 2 ở dưới, như con. Cha nhu nhược vì là âm, con cương cường, sáng suốt vì là dương, cảm hóa được cha, làm cho cha hết hôn ám, như vậy là con sửa trị được việc nhà. Thực tế vị thế và cuộc sống trong gia đình Tản Đà đã diễn ra đúng như thế. Nhà văn Nguyễn Văn Phúc, cháu gọi Tản Đà bằng ông trẻ, đã kể trong Hồi ký *Tôi với Tản Đà*: *Tuy trước kia ông cụ thân sinh ra Tản Đà cũng làm đến quan tỉnh (Nguyễn Danh Kế, án sát Hà Nam. NVP chú thích), nhưng khi đang tại chức, ngài rất cương trực và thanh liêm nên gia tư rất là thanh bạch, ruộng nương không có đến một mẫu, nhà cửa không có đến một ngôi....* (Tôi với Tản Đà. Sdd). Bà mẹ sinh Tản Đà vốn là một cô đào hát tài sắc vẹn toàn. Nhưng chẳng may ông án mất khi cậu bé Hiếu mới lên ba tuổi. Bà mẹ trẻ tái giá, thế là cậu sống với “mẹ già”, và anh cả, theo ông anh đi đây đi đó, học hành và tính bề lập nghiệp theo con đường khoa cử. *Sống trong cảnh bán hàn thanh bạch, Tản Đà lúc đó đã ôm ấp một cao vọng mà người chỉ chờ thời thế...* (Tôi với Tản Đà. Sdd). Khi thơ văn Tản Đà còn chưa đăng báo mà nhiều người đã biết tiếng tăm. Một hôm, Tản Đà nhận được thư của Nguyễn Văn Vĩnh lúc ấy đang làm chủ nhiệm tờ Trung Bắc

Tân Văn, mỗi viết bài cộng tác, hứa sẽ trả, tính số tiền đến trăm đồng mỗi tháng. Một trăm đồng lúc ấy là to lắm. Nhưng Tân Đà đã từ chối vì: *...Tôi đã có ý định, nếu khi mình ra góp mặt với đời, thì tự mình phải đứng chủ trương một cơ quan ngôn luận. Cơ quan ngôn luận đó sẽ hoàn toàn thực hành những quan niệm về văn chương, sẽ trình bày những lý tưởng của mình nói theo với quốc dân... Đi theo một người khác để nhờ người tiến cử hộ thời một nhà văn biết tự trọng không bao giờ chịu làm.* (Tôi với Tân Đà. sdd) Tính dương cương, đặc trưng là thể. Cái vị thể làm người dưới mà phải gánh vác việc lớn của Cha Mẹ là như thế. Nhưng cái vị thể này ta không nên hiểu trong một gia đình. Tân Đà là một tài năng sinh giữa buổi giao thời của hai thế kỷ, *lúc thơ cổ tàn, và thơ kim đương phôi thai. Tân Đà bắt đầu ca lên những điệu mới, đầy rẫy hồn thơ.* (Xuân Diệu. Ngày Nay số 166 ngày 17-6-1939). Cái vị thể hào 2 dương quẻ Mông bây giờ được xem xét ở tầm của thời đại, ta sẽ thấy Tân Đà là thể nào.

2

Xin bỏ qua chân dung thời nhỏ của ông, tuy mảng này cũng rất lý thú. Ta bắt đầu từ Đại vận hào 4 quẻ Sơn Thủy Mông, từ năm ông 16 - 21 tuổi (1904-1909). Đây là chặng đường đời khốn khó vào loại nhất của nhà thơ: *Tài năng đã bộc lộ, nhưng thân phận còn bị khốn trong vòng tối tăm, không gặp được người giỏi để học, cứ thui thủi giữ tiết lấy một mình, uống tài ở nơi hẻo lánh* (Xem Lối hào 4, quẻ Mông). Những năm này, Nguyễn Khắc Hiếu theo ông anh là Phó bảng Nguyễn Tái Tích nay Nam Định, mai Sơn Tây, Vĩnh Yên... chuyên tâm về lối học khoa cử. Gia đình ông anh đông người, sinh hoạt khó khăn, ngoài cơm ăn áo mặc, kiếm một ngôi bút, một tờ giấy cho việc học hành đối với ông cũng đã là một chuyện không dễ dàng. (Tân Đà khối mâu thuẫn lớn. Sdd). Năm Giáp Thìn (1904) là quẻ Vị Tể: *Đỏ dang,*

chưa qua sông. Năm Ất Tị (1905) là quẻ Tụng: *có xung đột, kiện tụng.* Năm Bính Ngọ (1906) là quẻ Khốn: *khốn đốn, gian nan.* Đến năm Đinh Mùi (1907) vừa 19 tuổi sáng lên một quẻ Thuần Đoài: *hai lần vui.* Tình yêu đầu chớm nở. Mỗi buổi chiều tan học, ở Gia Ngư về phố Hàng Nón, Nguyễn Khắc Hiếu thường phải nũa đường đi vòng qua phố Hàng Bồ là nơi có một bóng dáng đã thu hút mắt hồn. Nhờ ông anh rể là Nguyễn Thiện Kế thăm hỏi mới biết nàng là con gái ông Đỗ Thận (cũng là một nhân vật nổi tiếng thời đó), tiêu chuẩn kén chồng của nàng là cái ấn quan huyện. Bền quyết chí học để vào trường Hậu bổ, học làm quan. Năm Mậu Thân (1908) là quẻ Tuý, hào 2: *ràng buộc với người thấp kém thì mất kẻ trợ giúp.* Năm Kỷ Dậu (1909) là năm quẻ Cách, năm quyết định, cách mạng, cải cách, nhưng phải cái hào 3 xấu lắm: *Tiến liền thì hỏng, phải tính toán sắp đặt thế nào, phải biết thận trọng, lo lắng, học trò phải thi lại...* Quả nhiên, thi vào trường vấp phải kỳ o-ran (đổi thoại) "*lại đến o - ran là bước khó*" không thể vượt qua.

Đại vận hào 5 quẻ Mông, cuộc đời bắt đầu khởi sắc sau những năm trần trở. Đây là chặng đường nhà thơ *có địa vị tôn quý, được chọn đảm nhiệm việc lớn, biết dựa vào người hiền, nên công việc trôi chảy* (Lời hào 5 quẻ Mông). Vẫn còn là những thời Hoán (vào năm Canh Tuất-1910) thời ly tán, chia lìa; thời Thuần Khảm (Tân Hợi -1911) hai lần hiểm trở; thời Tiết (Nhâm Tý-1912) đòi hỏi điều chỉnh, tiết chế bản thân, rồi đến thời Truân (Quý Sửu -1913) gian truân mở đường. Rồi mới đến hai năm cuối cùng của Đại vận là năm Giáp Dần - 1914, năm Ký tế, đã sang sông (đã xong việc lớn) tiếp đến năm Ất Mão -1915, năm của thời Cách với hào 4 tuyệt vời, khác hẳn với hào 3 quẻ Cách năm nào.

Dựa theo tài liệu của Văn Tâm (Tâm Dương) ta sẽ thấy hoạt động của Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu đi theo cái hành lang số phận của mình chặt chẽ biết chừng nào.

Có thể thấy những năm Hoán (chia lìa), Khảm (hiếm hăm), Tiệt (tiệt chế) là những năm tan vỡ mỗi tình đầu đơn phương, kết thúc bằng cuộc thất bại kỳ thi học làm quan với bài hỏi mẹo về văn sách. Về sau chàng sĩ tử trong trắng đã ghi lại cuộc thất bại đó như một lời nguyên: *Các sự bất thâu trong đời không cái gì bản bằng văn sách hỏi mẹo* (Theo Tản Đà khối máu thuần lớn. Sđd). Chàng từ bỏ con đường khoa cử làm quan, tiếp xúc với các sách Tây phương, các tư tưởng tân tiến trên báo chí Trung Quốc thâm nhập vào trong nước, dựa vào những người hiền là Nhà thơ Nguyễn Thiện Kế, nhà kinh doanh Bạch Thái Bưởi. Dấu ấn quẻ Tiệt để lại trong đời sống Tản Đà thật là khó quên. Sau những gian truân, hiếm hăm, đến quẻ Tiệt, hào 1, hướng con người tự điều chỉnh, tự tiết chế mình. Lễ trời thế, mà lễ đời cũng thế. Tự tiết chế cho cân bằng, vừa phải thì không sao, như người *không ra khỏi cổng, sân, không lỗi gì* (Lời hào 1 quẻ Tiệt). Nhưng ở Tản Đà, bên cạnh quẻ Mông, hay nói đúng hơn trong lòng quẻ Mông, có quẻ Địa Lôi Phục. Lôi là Sấm, tượng của cái động, mạnh mẽ, chấn động, với năng lượng ưu tiên đổi đảo của Trời Đất, nên đã tiết là tiết ghê tiết gớm, tiết quá chừng. Khổng Tử cũng đã nhắc trong Lời Thoán quẻ Tiệt rằng: *Tiệt chế đến mức cực khổ thì không ai chịu được lâu* (xem quẻ Tiệt). Tản Đà đã tiết đúng như thế. Ông đã trời nổi về ấp Cổ Đằng (nơi khai hoang của Nguyễn Thiện Kế), ở đây, tâm bệnh ngày càng tăng, đến một cơn khủng hoảng tinh thần, *“cái bụng chán đời đến cực điểm”* (Giấc mộng lớn), nhà thơ đã thử thách mình bằng cuộc “tịch cốc” (nhịn ăn cơm). Ông đã kể lại trong Giấc mộng lớn: sau ba hôm nhịn ăn, khát không chịu được thì còn phải uống nước. *“Ba hôm như thế, sân khổ không thể chịu được nữa, thời lại phải uống rượu. Rượu cũng uống suông, mà uống đến thật say, nguyên đã ba hôm không ăn, trong bụng hư không, lại một phen say rượu mê ly, thành ra từ đấy về sau khác hẳn từ đấy về trước. Bụng không biết no, không biết đói, người không biết vui, không biết buồn, chỉ cứ mỗi ngày một bữa rượu, hoặc uống suông, hoặc ăn một đĩa rau dưa nhỏ con,*

xong rồi đem chõng ra nằm dưới gốc cây ngọc lan, nghe những con chim kêu trên cành cây, hoặc là xem những đám mây đi trên gò, con chim bay trên không, xem kết cục đến đâu là hết..." (Theo Tâm Dương. Tản Đà khối máu thuẫn lớn. Sdd) Sau ba tháng ở ấp Cổ Đằng, Tản Đà về quê. Ở Cổ Đằng ăn toàn rau, thì bây giờ ông lại ăn toàn thịt. Ba tháng sống một cách dị thường nữa trôi qua. Sau đó, Nguyễn Khắc Hiếu sang phủ Vĩnh Tường (Vĩnh Yên) ở với Nguyễn Tái Tích, một người anh, và bắt đầu "tập ăn cơm". Quê Tiết chỉ đến với Nguyễn Khắc Hiếu một lần như thế trong đời. Nó có tác dụng gì không biết, chỉ biết những năm tháng ấy, đã ra đời hai tập bản thảo mà hai phần ba thế kỷ sau đó lại lưu lạc đến tay người con cả của ông: Nhà "Tản Đà học" Nguyễn Khắc Xương. Tập thứ nhất có tên: *Quý Sửu niên, Tản Đà văn tập* nghĩa là Năm Quý Sửu (1913), tập văn Tản Đà. Dày 40 trang, chép 33 bài văn xuôi và 9 bài thơ. Tập thứ hai có tên: *Tản Đà nhi Giáp Dần văn tập*, nghĩa là Tập văn năm Giáp Dần (1914) của đứa trẻ Tản Đà. Dày 104 trang, chép 30 bài văn xuôi và 5 bài thơ. (Nhân tiện nói thêm: Tập Quý Sửu, bìa trong cũng có 3 chữ Tản Đà Nhi). Có nghĩa là mặc dầu trải qua những Hoán tảo, Khảm hiểm, rồi là Truân nạn, nhưng rõ ràng là công việc sáng tác văn thơ *vẫn trôi chảy*, như lời hào 5 quẻ Mông.

Và với tài năng Tản Đà, cái gì phải đến đã đến, như tín hiệu Hà Lạc năm Ất Mão (1915) hào 4 quẻ Cách: *Mưu cao chí lớn, làm được cuộc cách mệnh, hợp lý hợp tình, được tiến cử, đổi được cái mệnh mình*. Năm này Đông Dương tạp chí đăng những bài văn xuôi đầu tay của Tản Đà, khen: *Nguyễn Khắc Hiếu là một bậc văn sĩ có biệt tài, có lý tưởng riêng, ngắm cảnh vật một cách kỳ khôi, lạ thay cho một bậc thiếu niên*. Thoạt tiên mở riêng mục *Một lối văn xuôi* (specimen de prose) sau đổi thành *Tản Đà văn tập*. (Theo Văn Tâm. *Góp lời Thiên cổ sự*. Sdd). Đúng là ông đã đổi được cái mệnh của mình.

15 năm tiếp theo gồm hai chặng đường 9 năm và 6 năm là đỉnh cao trong cuộc đời văn chương, báo chí của Tân Đà, sáng rực rỡ như một “*ánh chớp trong đêm thế kỷ*”.

Lời hào 6 quẻ Mông (đại vận 9 năm) báo trước rằng đây là một chặng đường đặc biệt, chủ thể sẽ quan tâm rất nhiều về phương pháp giáo hóa dân (*phép đánh bạt cái ngu tối đi*), có nghĩa là ở Tân Đà quan tâm nhiều về phép tắc, cách thức, nội dung, hình thức, làm sao tác động mạnh mẽ tới người dân thường, trong điều kiện thời thế còn tăm tối, dân chưa thức tỉnh, có một bộ phận nhân dân còn khó bảo, Dịch học gọi là “*loạn dân*”. Đối với những “*loạn dân*” này, phải *biết từ tốn, dùng ức chế dân, làm cho dân thành giặc*. Những năm *có danh vị, lợi lộc, hoặc lập chiến công, đầy chí khí, không sợ đảm nhiệm việc lớn*. (Những chữ in nghiêng ở trên là lời hào 6 quẻ Mông). Trên đây là tín hiệu chung của cả chặng đường. Ta hãy xem từng năm. Năm Bính Thìn (1916): Hào 6 quẻ Sư, sau những thắng lợi năm trước ở Đông Dương tạp chí, cuộc sống diễn ra như một *khúc khải hoàn*, nhưng nhà thơ *không lợi dụng công danh ấy để mà vinh thăng* theo đường quan chức. Tân Đà đã khước từ ân huệ của Vay-rac - Giám đốc trường Hậu bổ lúc đó - cho vào thẳng trường Hậu bổ (không phải qua o-ran), có nghĩa là từ bỏ mộng làm quan, để dứt khoát đi vào văn nghiệp. Năm Đinh Tị (1917), hào 3 quẻ Thăng, *cuộc nam chinh để như phá ngôi ché trúc*, Tân Đà viết truyện dài đầu tiên của văn xuôi Việt Nam: Giác mộng con I. Năm 1918, quẻ Cốc hào 6: Quẻ Cốc nói về *sự sửa sang cái đồ nát*, hào 1 bảo rằng *không xu phụ bậc vương hầu, mà nêu cao tư cách của mình. Giữ chí cao thượng, coi thường danh lợi*. Năm 1919, quẻ Đại Súc hào 1: Quẻ Đại Súc nói về *sự chứa trữ lớn, càng đầy đặn thì càng tỏa sáng*, hào 1 khuyên nên *biết thời cơ mà tiến lui*. Hai năm này Tân Đà viết truyện **Thần Tiên**. Nhân vật là đồng tiền kể chuyện mình: khi ở trong tay người nông dân, khi vào cửa quan, khi là bình dân, khi trở thành thần. Tâm trạng và tính cách thần tiên, từ

đó mà làm bật lên các nhân vật xã hội xung quanh nhân vật Thần tiên... Nhà văn Dương Bá Trạc (1884-1944) vào năm 1918 viết: *"Mười mười lăm năm nay, sĩ phu trong nước mới có cái khuynh hướng về văn quốc âm... Ông Nguyễn Khắc Hiếu chính là một tay kiện tướng trên trường văn mạt kỷ"*. Cũng trong năm 1918 ấy, viên Thượng thư tương lai của triều đình Huế, Phạm Quỳnh, chủ bút Tạp chí Nam Phong phê phán hết sức nặng lời về xu thế văn hiện thực của Tân Đà (trong Giác mộng con I) : ... *"Người ta phỉ người cuồng, không ai trân trọng mà đi ngoài phố..."*. Với lời phê phán này của nhân vật cũ triều đình, rõ ràng là Tân Đà đã không xu phụ, mà nêu cao tư cách, giữ chí cao thượng, tiếp tục đi con đường của mình. Nhưng sang năm 1919, hành lang của ông là phải *biết thời cơ mà tiến lui*. Phải chăng vì thế, ông lảng tránh chuyện thế sự người lớn, viết Lên Sáu, cuốn sách giáo dục trẻ em, viết xong in ngay, sau đó là Lên Tám.

Năm Canh Thân (1920), được quê Sơn Hóa Bí. Bí là Trang sức, làm đẹp. Hào 2 chủ mệnh là *làm đẹp cho người. Văn chương, học văn sáng sửa, giúp nước, giúp người; được người yểm trợ*. Năm này của ông đúng là năm trang sức cho người, cũng là năm rực rỡ nhất của đời văn chương Tân Đà. Tháng Giêng, được sự giúp đỡ của một nhà doanh nghiệp, ông đi chơi Huế. Tân Đà lúc này danh tiếng đã nổi như cồn, người chê như Phạm Quỳnh cũng có, mà chê ngay trên đất Huế, nhưng tiếng khen vẫn nhiều hơn và rất là nồng nhiệt, nên việc ông xuất hiện ở Huế chính là làm đẹp cho Huế, làm đẹp cho người bảo trợ ông vào Huế (Bùi Huy Tín, chủ nhà in Đắc Lập, Huế). Và Tân Đà đã rời gia đình vào đúng ngày 30 tết năm Kỷ Mùi, hôm sau đã là mồng một tết năm Canh Thân: *Canh Thân ăn tết Thăng Long/ Sáng ngày mồng bốn vào trong Trung Kỳ*. Với khí chất thiên nhiên là Sơn Thủy, chuyến đi chơi Huế đã làm thức dậy những cảm xúc mãnh liệt, sau này Tân Đà đã ghi lại trong Giác Mộng Lớn: *"Rộng mắt nhận sơn hải, mà nặng lòng chứng tộc giang sơn. Trèo*

lên đỉnh núi Hoàng Sơn mà trông quanh ngoài bể trong non, có hơn như phục dưới đèn xanh đọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy". Chính trong năm ấy, nhà thơ viết truyện ngắn ***Thế non nước***, kể chuyện một mối tình chia ly thương nhớ, trong đó có bài thơ Thế Non Nước nổi tiếng, bài thơ mệnh của Tản Đà. Cảm xúc Huế vẩn vào quê Bỉ đã làm nên những câu thơ đẹp sống mãi trong lòng người đọc:

*Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thế xưa
Non cao đã biết hay chưa
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.*

Cũng trong năm, in lần thứ hai *Lên Sáu*, in lần thứ nhất *Lên Tám*.

Năm Tân Dậu (1921) Tản Đà được quê Sơn Lôi Di. Di là Nuôi. Trong Dịch học, đạo Nuôi lớn lắm, người được quê Di thường tính chuyện nuôi dân, nuôi mình, nuôi vật chất, nuôi tinh thần. Nhưng năm này, hào 3 quê Di cho biết chủ mệnh của ông rất xấu: *Mắc lỗi làm trái đạo Nuôi, hoặc do khao khát tiến lên mà đâm liều, nên thân, nhà đến bị hại.* Sự tình trong thực tế đã diễn ra như sau: Ông được mời làm chủ bút báo Hữu Thanh. Hữu Thanh là Tiếng BẠN, báo Hữu Thanh là tờ báo cất tiếng gọi dân. Báo là cơ quan của hội Ái Hữu Trung Bắc Kỳ nông công thương tương tế, do nhóm các ông Nguyễn Huy Hối và Nguyễn Mạnh Bổng chủ trương. Làm chủ bút báo Hữu Thanh, Tản Đà liền có ngay những chủ trương cách tân. Ví dụ: Số 3 Hữu Thanh ra ngày 1-9-1926 đăng vở kịch Chén thuốc độc của Vũ Đình Long với lời giới thiệu khen ngợi của Tản Đà. Sau này, quả nhiên vở kịch được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh, tác giả của nó, ông Vũ Đình Long, cùng với nhiều hoạt động khác, trở thành một

nhà văn hóa lớn. Làm chủ bút Hữu Thanh được sáu tháng, không biết chuyện gì đã xảy ra, ông phải từ chức. Xem lời hào và quẻ tôi ngờ rằng chính cái lỗi trái đạo Nuôi đã gây nên chuyện: Năm này chủ thể phải biết *thận trọng về lời nói, tiết độ việc ẩm thực*. Nhưng quẻ Chấn kể một bên không cho ông *thận* và *tiết* theo đúng đạo. Cái năm quẻ Tiết hãy còn kia. Lại thêm mệnh Hỏa gặp quẻ Cấn, e rằng ông thường khăng khăng giữ ý kiến mình, nên họa sẽ sinh ra từ đây. Tân Đà là người rất biết cái mệnh và khí chất của mình, nên cuộc chia tay với Hữu Thanh có vẻ như là hết sức chủ động. Như 4 câu thơ từ biệt bạn đọc sau đây, cho thấy việc rời báo Hữu Thanh chẳng qua là biện pháp tình thế mà thôi:

Mười mùa năm trời báo Hữu Thanh,

Biệt ly lai láng xiết bao tình

Chút tình hữu ái không ly biệt,

Tiếng gọi đàn xa núi Tản xanh.

(Theo Nguyễn Văn Phúc. Tôi với Tân Đà. Sđd)

Năm sau, mệnh biến chuyển khác hơn, năm Nhâm Tuất (1922), được quẻ Hỏa Lôi Phệ Hạp. Phệ là Cấn. Hạp là Hợp. Phệ Hạp là Cấn để Hợp, như ngày nay nói đấu tranh để hoà hợp. Tên quẻ cho biết năm này có chuyện xung đột, nhưng Hào 4 chủ mệnh thì rất tốt: *Là bậc đại nhân, giữ việc lớn. Không sợ gì. Có quyền dùng hình phạt, mà biết khéo dùng*. (Người xưa ví như cần phải miếng thịt liền xương, được mũi tên đồng) Tháng ba năm ấy, lão mẫu của Tân Đà lâm bệnh mất. Tân Đà làm lễ tang xong ra Hà Nội, cùng hai người bạn nữa, lập Tân Đà Thư điểm. Thật đúng là Phệ Hạp: Tân Đà thư điểm sau đó lại hợp với Nghiêm Hàm ẩn quán, gọi tên là **Tân Đà tu thư cục**.

Hai năm cuối của Đại vận 9 năm, hào 6 quẻ Mông, Tân Đà dành phần lớn hoạt động cho Tân Đà tu thư cục và chủ yếu cho công việc dịch thuật. Đó là hai năm quẻ Vô Vọng (1923) và quẻ Tùy (1924). Vô Vọng là Không đục vọng. Chủ mệnh hào 5 là hào tốt nhất quẻ: *Trên dưới hòa hợp. Tài đức tiêu biểu cho đời sau*. Tùy là Theo. Chủ mệnh

hào 6: *Ràng buộc lấy, theo mà thắt chặt lấy, được lòng người, trong sáng, thông tuệ. Nhưng coi chừng dễ bị bôi bác.* Chỉ nghe tên quẻ cũng đủ thấy hai năm này thuận cho việc dịch văn thơ. Muốn dịch cho hay, tất phải vô tư, không dục vọng, trong sáng, thông tuệ mà theo người, ràng buộc lấy, thắt chặt lấy. Thời kỳ này, Tân Đà viết **Quốc sử huấn mông**; cùng Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô dịch **Đại học**, dịch thiên Quốc phong trong **Kinh Thi**, san nhuận bản dịch **Tỳ Bà hành** của Đoàn Tư Thuật. Những năm này mở đường cho cảm hứng dịch và nghệ thuật dịch của ông trong nhiều năm sau.

Tuy nhiên sứ mạng thức tỉnh đời người trong thời Sơn Thủy Mông không cho ông “Vô Vọng” với “Tùy” mãi được. Một chặng đường mới đã đến, bắt đầu từ năm 1925, ứng với Hào 1 quẻ Mông: *Làm sáng tỏ phép tắc, phương pháp giáo hóa dân.* Đây là những năm gặp được quý nhân, chuyên cần đi vào sự nghiệp, không mưu cầu danh lợi, cũng không cần văn bằng, kiên trì xây dựng những tấm gương, không cần quyền uy mà vẫn thường phạt được (Lời Hào). Nhà nghiên cứu Tâm Dương bảo rằng “sang năm 1925, nhân các phong trào chính trị đương làm chấn động cả xã hội Việt Nam (Phan Chu Trinh về Sài Gòn, Phan Bội Châu bị xử ở tòa án Đế hình Hà Nội), không thể nào an tâm với công việc trước tác quá thanh nhàn, một lần nữa, Tân Đà lại nhập thế cục một cách tích cực hơn bằng hoạt động báo chí.” (Tân Đà, khối mâu thuẫn lớn. Sđd.). Nói thế cũng đúng, nhưng giá Tâm Dương biết thêm rằng cũng từ năm 1925 ấy, mệnh Tân Đà đã bước vào một hành lang mới. Ông quyết định dừng Tân Đà tu thư cục, tìm cách mở tờ báo mới.

Đang lo làm sao xoay được vốn thì bỗng gặp quý nhân. Một người không quen biết, trong một cuộc gặp ngẫu nhiên, giúp cho một trăm bạc. Công việc cần đến ba nghìn bạc, nhưng với cái vốn nhỏ nhoi ban đầu ấy, cũng đủ cho Tân Đà thuê được nhà, xin được giấy phép, giắt gấu vá vai, ra được tờ **An Nam tạp chí**. Số đầu tiên ra mắt quốc dân ngày 1 tháng 7- 1926. (Theo Tâm Dương.Sđd)

Ra được tờ An Nam tạp chí, nắm trong tay tờ báo, hoàn toàn chi phối nó, chính là một điều đặc ý của Tân Đà. Bởi vì có vậy ông mới viết cho thỏa ý mình, mới hành động cho thỏa cái chí bình sinh của mình. Bởi vậy, dù có điều đứng trăm bề, nợ nan chống chái, dù tờ báo có chết đi sống lại (từ lúc báo ra đến khi dừng hẳn cả thảy 5 lần chết sống) ông cũng vui lòng. Ai hay trong sự đặc chí ấy, trong hành động quyết liệt ấy tiềm ẩn cái mệnh trời cho: *làm sáng tỏ phép tắc (đường lối), phương pháp giáo hóa dân*.

Tân Đà ra sức chăm sóc tờ tạp chí. Ngay từ cái tên tờ tạp chí, ông cũng cố chủ đích. Khi có người băn khoăn, khó chịu về cái tên An Nam, ông viết bài giải thích: *Không cứ những người thôn quê ít học, dân bà trẻ con cùng với nhau nói chuyện cũng là nói “người An Nam ta”. ...”Quốc hiệu là cái chữ, cái tiếng để gọi tên một nước, quý hồ cho mọi người trong nước cùng biết, không cần phải nhận nghĩa lắm làm chi. Nếu nước ta sau này mà giàu cho khá lên thì hai chữ An Nam cũng chẳng khác gì những chữ France, Japon, Angleterre, Russie, Etats-Unis, Chine... Nếu hèn mạt không ra bộ dạng gì, thì dẫu Đại Việt hay Đại Nam, hay là Đại Cổ Việt, mà cũng chỉ là cái nước ấy vậy”*. (Theo Tầm Dương, Tân Đà khối mâu thuẫn lớn. Sđd).

Ông cho mở hai mục Việt Nam nhị thập thế kỷ - Xã hội thiểu dân và Việt Nam nhị thập thế kỷ - Xã hội ba đào ký và khai bút cho hai mục này, nói rõ chủ trương ghi chép chuyện đời, cảnh thế sự thăng trầm trong xã hội đương thời. *“Bản chí khai thiết ra mục này để hoan nghênh các bài lai cáo của đa số quốc dân trong 3 kỳ, không cứ người có nhiều văn học hay kém sự học vấn, người tại mất ở thành thị hay ông lão thôn quê, phạm những điều mắt thấy tai nghe trong khoảng 30 năm nay (là kể từ năm 1901 tới nay), không kể điều hay nhẽ dở, sự nhỏ việc to trong xã hội, xin nhất thiết gửi về cho bản chí. Bản chí rất vui lòng đăng tải, để người nơi nọ biết được sự tình của người nơi kia, kẻ sinh thuở sau*

được nghe câu chuyện về thuở trước.” Những bài Xã hội thiến đàm và Xã hội ba đào ký đầu tiên trên An Nam tạp chí đều do Tân Đà viết.

Ông kể sự khó khăn lúc mở Tân Đà tu thư cục ở Hải Phòng, cảnh tang thương ở Trấn hải đài (Thuận An), tình cảnh trí thức thất nghiệp, câu chuyện khôi hài về chiếc ô tô... Sau Tân Đà, là đến Nguyễn Công Hoan. Với mấy chục truyện ngắn đăng liên tục trong Xã hội ba đào ký của An Nam tạp chí, Nguyễn Công Hoan đã bước hẳn vào con đường văn học hiện thực phê phán. Có thể nói, An Nam tạp chí chính là bà đỡ của nhà văn Nguyễn Công Hoan nổi tiếng sau này. An Nam tạp chí còn mở hai mục *Văn đàn* và *Thi đàn giảng tập*, chuyên bàn việc viết văn thơ thể nào cho hay. Chẳng hạn theo Tầm Dương, những ý kiến của Tân Đà về công việc của nhà văn còn khiến cho các nhà văn hiện nay phải suy ngẫm. Tân Đà nói rằng muốn thành một nhà văn chân chính cần phải có công phu: *Trừ sức văn liệu* (thu thập tài liệu sống, tài liệu văn học); *Quảng bị văn thức* (học tập kiến thức văn học, kỹ thuật nghiệp vụ cho rộng); *Bảo dưỡng tinh thần* (giữ cuộc sống trong sạch cho tinh thần minh mẫn).

An Nam tạp chí cũng chĩa ngọn bút sắc sảo vào những kẻ quan lại đục khoét bòn rút của dân đen. Tân Đà viết về vụ ăn hối lộ của tri phủ Anh Sơn (Nghệ An): *Thái Bình chưa dứt tiếng kêu oan/ Lại tiếng kêu trời ở Nghệ An/ Một phủ Anh Sơn trong mấy tháng/ Mà tay Phan Tử lấy ba ngàn/ Cùng phường dôi nước quân ăn cắp/ Cũng lũ tàn dân giống hại đàn/ Lạnh lẽo hơi sương tòa tạp chí/ Lệ ai giàn giụa với giang san.*

Nhưng An Nam tạp chí càng được bạn đọc yêu quý bao nhiêu thì càng lâm vào cảnh nợ nần: Nợ tiền nhà, tiền giấy, tiền in, tiền công xá trả cho nhân viên. Tân Đà ví tờ báo như chiếc thuyền nan trên sông Cái, mà ông là người chèo lái: *Nghìn trùng sóng gió ba khoang nửa/ Bốn mặt non sông một mái chèo...*

An Nam tạp chí ra được 10 số đầu tiên thì tạm ngừng, tòa báo giải tán. Tân Đà còn ít tiền, dám đi chuyến du lịch vào Nam Kỳ. Hóa ra một chuyến đi may mắn. Lại gặp quý nhân, lần này là ông Diệp Văn Kỳ, chủ báo Đông Pháp, tặng món tiền to: 1000 đồng. Ra Bắc thanh toán công nợ xong, Tân Đà lại vào Sài Gòn, nhận lời mời của Diệp Văn Kỳ, phụ trách trang *Phụ trương văn chương* trên báo Đông Pháp. Chuyến này đi có thêm nhà văn Ngô Tất Tố cùng đi. Những chuyện trên diễn ra trong năm 1927 cũng lại là năm quẻ Bĩ, giống hệt như năm 1920 đi chơi Huế, trang sức cho người. Nhưng năm nay, hào chủ mệnh tốt hơn, hào 3, *dâm thắm, sang trọng, tài lộc dồi dào* hơn. Quả có như thế. Thật kỳ diệu. Chỉ có điều hơi tiếc, thánh nhân bảo gặp hào này phải *giữ chính đáng và bền*, thì mới thật *tốt*, nhưng theo nhiều hồi ức bạn bè kể lại thì nhà thơ nhiều khi say khướt và có nhiều điều tiếng. Cuối cùng việc làm Phụ trương Văn chương cho Đông Pháp cũng không bền, sang đầu năm 1928 thì chấm dứt.

Năm 1929 Tân Đà làm xong và cho in tiểu thuyết tự truyện Giác Mộng Lớn, nhờ cuốn sách này về sau nhiều nhà nghiên cứu mới thật hiểu Tân Đà giữa những bề bộn văn thơ, sự kiện và tính cách. Việc này ứng với hào 5, hào chủ mệnh quẻ **Thiên Hòa Đồng Nhân**: Dương cương, trung, chính, ứng hợp với hào 2 cũng trung, chính, nhưng không dễ mà đồng nhân, cùng người được, còn bị những hào 3 và 4 cản trở, phải dùng sức lớn đánh dẹp, mới tìm đến nhau mà vui vẻ được. Sức lớn ấy chính là cuốn Giác Mộng Lớn dễ đời. Ba năm cuối cùng của một thời Sơn Thủy Mộng đã diễn ra đúng như định mệnh: Tân Đà ra sức chạy vạy, đắp đổi, đi đây đi đó, từ *mạn rừng lại trở về mạn bể*, có lúc đã định yên phận trong một ngôi nhà lá ở một nơi vắng vẻ trên vùng đồi Vĩnh Yên. Nhưng chí lớn lại thức dậy, năm 1930 là quẻ **Trạch Hỏa Cách** cuối cùng của Thời Mộng, cũng là hào 6, hào cuối cùng quẻ Cách. Tân Đà lại cố gắng đối phó với mọi khó khăn, tổ chức một báo quán mới ở Bồ Hồ Hà Nội, cho An

Nam tạp chí được tiếp tục ra mắt bạn đọc. Tháng 7-1930, trên An Nam tạp chí số 11, Tân Đà viết: *“Phen này An Nam tạp chí lại ra, riêng lòng tôi thấy phần lạnh lại, vui mừng kém trước, mà sự lo sâu nghĩ xa hơn xưa”*. Đó cũng là tiếng nói của mệnh: Hào 6 bảo rằng *công việc cải cách đến đây đã xong, nên ngừng lại, đi nữa thì xấu*. Nhà nghiên cứu Tâm Dương (tức Văn Tâm) sau này viết về sự kiện đó: *Đúng như điều lo ngại mà linh tính đã báo trước* (tôi nhấn mạnh.XC), số phận An Nam tạp chí lần này cũng là chết yểu. Chỉ trong hai tháng, từ tháng 7 đến tháng 8-1930, báo ra tiếp được 3 số (11 đến 13), rồi lại đành im hơi lặng tiếng. (4 tháng sau, An Nam tạp chí chuyển xuống Nam Định, tục bản lần thứ hai, cũng chỉ được thêm mấy kỳ nữa).

Nhưng ánh chớp còn sáng lóe lên rực rỡ một lần nữa. Từ mùa xuân 1931, Tân Đà bước vào vận hội mới, quê **Địa Sơn Khiêm**, chủ mệnh là hào 5, hào chí tôn của quê.

Khiêm là Khiêm nhường, người được quê này lấy sự khiêm nhường mà thu phục cả thiên hạ. Năm 1931, cuộc sống Tân Đà ứng với hào 5 quê **Thủy Sơn Kiển**. Kiển là gian nan. Hào 5 được ví với một ông vua cố tài, vào thời gian nan, được bạn bè ra sức giúp, nhưng cũng khó thoát được hiểm. Quả đúng như vậy. Mùa xuân 1931 trôi qua, quay về Hà Nội, được một số bạn hữu cộng tác, Tân Đà chấn chỉnh An Nam tạp chí cho thành một tờ báo lớn... An Nam tạp chí tục bản lần thứ ba bắt đầu từ tháng Tư-1931. Báo ra đúng kỳ hạn được mấy chục số. Đến số 42 thì lâm vào cảnh hiểm. Báo ra thất thường, đến số ra ngày 9-7-1932 người ta thấy hiện ra mấy hàng chữ cỡ lớn: *“... Vì tôi còn thiếu tiền in tờ tạp chí từ khi xưa, số tiền hơn 600 đồng bạc, đến nay do món nợ ấy, thành đến báo quán bị tịch biên.”* Đến đầu năm 1933, báo đình bản hẳn. Trên mấy số An Nam tạp chí cuối cùng, Tân Đà bắt đầu quảng cáo *“chữa thơ cho thiên hạ”*. Sau mấy tháng làm trợ bút cho Văn học tạp chí, chuyên việc bình giảng văn thơ, Tân Đà lui về quê nhà ở Khê Thượng: *Công danh sự nghiệp mặc đời / Bến thời be rệu, bến thời bãi thơ*.

Những sự kiện năm Nhâm Thân (1932) ứng nghiệm vô cùng với hào 6 quẻ Phong Sơn Tiệm. Quẻ này có tượng một con chim hồng, bay dần từ biển lên gò núi cao. Đến hào 6, chim hồng không còn ở đỉnh gò nữa, mà đã lên ... mây. Lời hào 6 nói rằng: *Chim hồng bay bổng tâng mây. Lông nó (rớt xuống) có thể làm đồ trang điểm, tốt.* Cái thời năng nổ hoạt động đã chấm dứt, đây là lúc nhà thơ nhẹ cánh chim hồng. Nguyễn Hiến Lê giảng: Hào 6 ở trên cùng, ở trên cả hào 5 chỉ tôn, nhưng nó không còn “vị” gì cả, vô dụng. Trong quẻ này, nó ở cao hơn cái gò cao, tức là trên không trung, trên đường mây. Nó là xuất thế, khí tiết thanh cao, khác phàm; tuy không trực tiếp giúp đời, nhưng có tư cách làm gương cho đời, xã hội có họ thì mới văn minh. Cũng như lông chim hồng, không dùng vào việc ăn uống, cất nhà, chõ đồ, cấy ruộng... được, nhưng làm đồ trang điểm như cờ, quạt, mũ, thì lại quý. Phan Bội Châu ghi chú thêm: hào 6 dương (quẻ Tiệm) là một hạng người không lụy vào lưới đời, duy có danh cao, khí chất khác thường lưu ở nhân gian. Tỷ như ông Phạm Viên ở nước ta, ông Ta-go-rơ ở Ấn Độ; một người thì lấy cách thần tiên mà khinh miệt cả vương hầu, một người thì lấy thơ ca mà tiêu dao khắp Âu Á. Thiệt là chim hồng bay ở đường mây, mà lông rơi còn dùng được làm cờ quạt đó vậy. Quả thật, cùng với sự kiện chấm dứt một cách đau đớn An Nam Tạp chí, con chim hồng Tân Đà bay bổng đường mây để lại cho đời hàng loạt tác phẩm đẹp in dấu năm Nhâm Thân (1932): *Giấc Mơng Con II, Thẻ Non Nước* (in lại cùng với truyện *Kiếp phong trần*), *Trần ai tri kỷ, Tân Đà văn tập, Khôi tình con III* (thơ) (Theo Tạp chí *Tác phẩm mới*, số 6 năm 1999). Những năm sau này Tân Đà dành thời gian dịch thơ Đường. Những bài dịch tuyệt tác về thơ Đường ra đời trong những năm này. Năm Giáp Tuất (1934), ông được quẻ *Phong Thiên Tiểu Súc*. Tiểu Súc có hai nghĩa: ngân trở nhỏ, tích chứa nhỏ. Vì là ngân trở nhỏ nên vận còn hanh thông, hanh thông nhưng cũng không thể hành động lớn, cứu đời được. Người quân tử được quẻ này biết rằng thời cơ chưa đến, tối nhất là thu mình

lại, tu đức, luyện tài, thảo văn, viết sách, ung dung đợi dịp. Đó chính là tích chứa nhỏ. Phan Bội Châu trong lời phụ chú, bình giảng thêm rằng: “...Xưa nay việc tu thân cứu thế cốt ở hành động mà không cần hù vắn, Chẳng may hoàn cảnh gay go, thời thế bắt buộc, chưa thể giương đôi cánh lớn, mới phải quay đầu làm những việc soạn sách, lập ngôn. Như Khổng Tử, Mạnh Tử, không gặp thời, quay về viết sách làm kinh, muôn đời sau bắt hù. Người đời sau coi đó là việc lớn, nhưng thánh nhân chỉ xem bằng Tiểu Súc mà thôi”. Tản Đà trong năm Tiểu Súc của mình đã làm những gì? Dấu ấn còn lại là tập thơ *Tản Đà xuân sắc*. Nhưng tôi nghĩ là ông còn làm được nhiều hơn thế. Năm Ất Hợi (1935), hào 3 quẻ *Phong Trạch Trung Phục*: tám chỉ bất định, chắc ông không làm được gì đáng kể. Năm Bính Tý (1936), hào 4 quẻ *Thiên Trạch Lý*, lời hào cho biết thuận cho việc dịch sách: *Kính thân đối với trên, mềm dẻo thu phục được kẻ bạo cường: người kim lòng hoài cổ, đổi khó thành dễ, biến xấu thành tốt*. Có lẽ trong năm này ông đã dịch Liêu Trai Chí Dị, để sang năm 1937 xuất bản (Theo *Tác Phẩm Mới*, tập chí đã dẫn).

Năm Đinh Sửu (1937) là năm mở đầu một chặng đường mới của Tản Đà, hào 6 quẻ *Địa Sơn Khiêm*: Đây là chặng đường khiêm cung rất mực, *khiêm đến giới hạn cuối cùng, nổi tiếng vì khiêm cung, nhiều tri kỷ mà ít người giúp mình, kém tài, đành phải quay về với người nhà, người làng thời*. Thế là đã rõ, Chiết ra từ hào đại vận, năm 1937 là năm *Thuần Cấn* của Tản Đà, tượng Núi đầy đặn, tầng tầng lớp lớp, trọng hậu, là tượng của vận mệnh nhà thơ, có lẽ là năm làm ăn lớn chăng? Không, hào 6 chủ mệnh trong năm khuyên: *Hãy biết ngừng đứng lúc, khi cuộc đời đã đầy đặn như núi*. (Đôn hậu về đạo biết ngừng đứng lúc, tốt). Ai ngờ đây là quẻ mở đầu cho một chặng đường cuối cùng của cuộc đời. Bên cạnh cuốn Liêu Trai Chí Dị mở ra trước mắt bạn đọc một thế giới huyền ảo, biến hóa khôn lường, người ta chỉ còn thấy ông dịch thơ Đường trên báo Ngày Nay. Theo tác giả

Tôi với Tân Đà, năm nay ông theo bạn bè về Quảng Yên, sống trong sự mờ mịt và xướng họa thơ ca cùng với những độc giả đã yêu quý ông từ lâu. Vậy là ông đã biết ngừng đứng lúc. Năm Mậu Dần (1938) ông lại được quẻ *Sơn Hỏa Bí*, nhưng ở hào 1. Lời hào khuyên: *Hãy yên phận dưới của mình. Bỏ ngôi xe mà đi bộ. Hãy giữ tình thân Cương và Chính, đạt thì đẹp cho cả thiên hạ, cùng thì giữ thân mình. Tài đức lớn, không lấy vận cùng hay vận thông làm vui, buồn.* Ông rời Quảng Yên về Hà Trì (Hà Đông) ít lâu, rồi ra Hà Nội mở quán xem Hà Lạc. Đúng là “Tài đức lớn, không lấy vận cùng hay vận thông làm vui buồn”. Có lẽ trong năm này ông còn cố công chú giải truyện Kiều, “làm đẹp cho cả thiên hạ”, bản chú giải chưa kịp in khi ông còn sống.

Chúng ta không biết Tân Đà nghiên cứu và nắm bắt Hà Lạc từ bao giờ, nhưng đến những năm này, ta thấy ông tự điều chỉnh đến từng bước đi trên hành lang số phận. Cuối cùng ông cũng đành bỏ quán Hà Lạc ở phố Bạch Mai lui về một căn nhà nhỏ cùng với vợ con ở Ngã Tư Sở, thuộc quận Thanh Xuân (Hà Nội) ngày nay, “yên phận dưới của mình, bỏ ngôi xe mà đi bộ”. Và năm Kỷ Mão (1939) của đời ông đã đến. Tân Đà mất ngày 20 tháng Tư năm ấy. Chúng tôi theo phép toán Hà Lạc lần theo bước đi của ông thì thấy năm Kỷ Mão này ông được quẻ *Sơn Thiên Đại Súc*, hào 2 là chủ mệnh: *Như chiếc xe tự bỏ trục (để khỏi phải đi nữa).* Lần theo từng hào thấy tháng Tư năm này ứng với hào 5 quẻ *Đại Súc*, biến thành hào 5 quẻ *Phong Thiên Tiểu Súc*. Quẻ tối, hào chủ mệnh tháng Tư tốt: *Đức lớn, cảm hóa được lòng người, ngăn ngừa được tàn bạo.* Nhưng khốn thay, ngày 20 tháng Tư ứng vào đúng hào 3, hào xấu nhất quẻ *Tiểu Súc*. Lời hào 3: *Xe rời mất trục. Vợ chồng trái mắt nhau.* Tân Đà vĩnh biệt thế gian này vào đúng cái ngày “xe rời mất trục” đó. Hoàn cảnh xấu đã xảy ra như sau: Có người bạn ở Phủ Quốc (Sơn Tây) mời thi sĩ về nhà chơi để giải sầu. Trên đường trở về nhà, vào lúc 12 giờ trưa, trời nắng oi bức, người còn say,

thấy có đầm nước mát, bèn xuống xe tay, xuống đầm tắm, nửa giờ sau lại lên đường. Về đến nhà bị cảm. Mấy ngày sau, đúng vào ngày 20-4 (lịch mặt trăng) thì mất. Ông mất trong cái chủ mệnh của hào 5 quẻ Tiểu Súc: “Đức lớn, cảm hóa được lòng người, ngăn ngừa được tàn bạo.” Niềm tiếc thương không nguôi cho đến hôm nay.

3

Với ưu tiên năng lượng của trời đất (Hóa công) Tân Đà đã linh cảm thấy cái tượng quẻ Sơn Thủy Mông xuyên thấu vào vận mệnh, đời sống của mình, nên ông đã lấy tên Núi tên Sông quê hương làm tên mình và gán bó, thấu tóm cái khí chất Núi non, Sông nước vào cảm xúc, tài năng, ý chí của mình. Sau đó là khí chất của Đất biểu tượng ở hai quẻ Địa Lôi Phục và Địa Sơn Khiêm. Chúng tôi đã tuyển một ít câu thơ bắt nguồn từ mệnh của Tân Đà trong bài *Thế Non Nước*. Nhưng đâu phải chỉ có thế, những câu thơ, bài thơ có nguồn từ tượng Đất trong mệnh Tân Đà cũng rất hay. Như bài *Thăm mả cũ bên đường*. Vũ Quần Phương nhận xét rất tinh tế bằng một linh cảm về bài thơ mệnh này. “*Ai đã đọc Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du, hay Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều có thể nhận thấy Tân Đà trong bài Thăm mả cũ bên đường này cùng khuynh hướng cảm xúc với hai bậc cổ điển kia. Nhưng cái hích ban đầu thì có khác. Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều vào bài bằng nhận thức tổng hợp, khái quát. Tân Đà đi từ việc cụ thể: ngôi mộ ven đường nơi dốc Ghè hoang vắng làng Khê Thượng (dốc Ghè nay là nghĩa trang Yên Kỳ-Hà Tây)*”. (Tập chí Tác Phẩm Mới số 6 - 1999)

*Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà
Đường xa, người vắng bóng chiều tà,
Một dãy lau cao làn gió chạy
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha*

*Ngoài xa trơ một đồng đất đỏ,
Hang hốc đùn lên đám cỏ gà.
Người nằm dưới má ai, ai đó?
Biết có quê đây hay vắng xa?*

Các nhà bình luận về sự nghiệp và văn chương Tân Đà thường luận giải nhiều về ba đặc điểm trong tính cách Tân Đà. Ai hay rằng ba đặc điểm đó cũng đã tiềm ẩn trong cấu trúc Hà Lạc của nhà thơ. Tôi xin nêu ra 3 tín hiệu sau đây.

Một là *cái ngông* trong văn thơ Tân Đà. Bài thơ Hầu Trời là tiêu biểu cho cái ngông đó.

*... Thiên tào tra sổ xét vừa xong
Đệ số trình lên Thượng đế trông:
Bám quả có tên Nguyễn Khắc Hiến
Đầy xuống hạ giới vì tội ngông.*

Đầu đuôi là một đêm trăng kia, tiếng ngâm thơ sang sáng của thi sĩ ở hạ giới vang vọng lên “lâm Trời mất ngủ”. Trời hỏi ra, bèn sai gọi lên đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe.

*Đọc hết văn vần sang văn xuôi
Hết văn thuyết lý lại văn chơi.
Đương cơn đắc ý đọc đã thích
Chê trời nháp giọng càng tốt hơi.
Văn dài hơi tốt ran cung mây
Trời nghe Trời cũng lấy làm hay...*

Thật là ngông. Vậy cái ngông ấy ở đâu ra? Đầu đuôi là ở quê Hậu thiên, hậu vận của Tân Đà, quê Địa Sơn Khiêm, hào nguyên đường, chủ mệnh là hào 5. Lối hào 5 khuyên rằng khiêm nhường đấy, nhưng cũng *phải có chút uy thì mới chinh phục được kẻ chưa phục mình, thì mới không gì là không lợi*. Lối hào này không đợi đến những năm 30 này mới phát huy tác dụng, mà đã đi vào đời sống Tân Đà từ nhiều năm trước. Tân Đà đã mặc nhiên coi trọng việc tạo cho mình một chút uy nào đó để thu phục nhân tâm. Nhưng thân phận kẻ sĩ nghèo thì lấy đâu ra được cái uy? Tân Đà có cách của riêng ông: Đó là khi ông cho ra đời một mảng thơ mà người

đọc gọi là thơ ngông. Ông tưởng tượng ra mình được trời gọi lên, và kể lại cho mọi người câu chuyện bầu trời rất lý thú, trong đó thơ Tản Đà được trời và các thần, các tiên thấy đều khen ngợi. Vậy là khiêm đấy mà uy đấy, mặc dầu ai cũng biết cái uy này chẳng qua là uy giả tạo mà thôi.

Hai là những tín hiệu cho một thứ văn hóa ngày nay ta gọi là văn hóa ẩm thực. Tản Đà sinh thời là người rất chú trọng về nghệ thuật ăn uống. Nhà văn Nguyễn Văn Phúc, cháu gọi Tản Đà là ông trể, trong cuốn *Tôi với Tản Đà* đã dành nhiều trang tả những bữa rượu và nghệ thuật ăn uống của Tản Đà mà Nguyễn Văn Phúc có điểm phúc được cùng thưởng thức với nhà thơ. Tản Đà không chỉ sáng tác thơ văn và làm báo, ông còn sáng tạo ra nhiều món ăn, và kể lại cho mọi người về cách thức, cũng là nghệ thuật ăn uống, khiến cho sau này có người đã sưu tập viết thành một cuốn sách, đó là cuốn *Tản Đà thực phẩm* của Nguyễn Tố (Duy Tân thư xã xuất bản - 1943). Văn hóa ẩm thực ấy có nguồn gốc trong Cấu trúc Hà Lạc của Tản Đà. Trong 42 năm thuộc quê Sơn Thủy Mông, chúng tôi chiết ra thấy có hai quê Sơn Lôi Di, vào các năm Tản Đà 33 và 38 tuổi. Di là Di dưỡng, là Nuôi. Dịch học có cả một Đạo Nuôi thể hiện trong Quê Di. Tượng của quê Di là Sấm động ở dưới Núi. Sấm động dưới núi thì phát ra khí dương, nuôi cho vạn vật tươi tốt. Ca dao ta có câu: *Tháng Ba sấm động đầu bờ, Làm cho cây lúa phát cò mà lên*, chính là nghĩa ấy. Lối tượng quê nói rằng người quân tử coi tượng sấm động dưới núi mà quan sát cách trời đất nuôi vạn vật, để mà biết cách nuôi dân và suy ngẫm về đạo Nuôi của trời đất. Và cái điều cô đọng lại cho mỗi người là *thận trọng việc nói năng, tiết độ việc ăn uống*, nói gọn trong hai chữ là Thận và Tiết. Ở đây chỉ nói việc tiết độ ăn uống của Tản Đà. Trong 42 năm mà có đến 2 quê Di là to chuyện lắm, có nghĩa là có 2 năm trời khiến cho người quân tử Tản Đà suy ngẫm về tiết độ ẩm thực, hơn nữa ưu tiên năng lượng (Hóa công) của ông lại là Chấn, là Sấm, là Lôi trong quê Sơn Lôi Di. Tiết độ ẩm thực bao gồm cả một văn hóa ẩm thực, là ăn uống sao cho

ngon, lành, sao cho vừa phải, đủ để nuôi thân thể, nuôi tinh thần. Ta hãy đọc một đoạn Nguyễn Văn Phúc kể chuyện Tản Đà thổi một bữa rượu ốc nướng thì biết tinh thần quẻ Di đi vào mệnh của ông thế nào. Có thể tóm tắt là: ốc phải chọn từng con, ngâm kỹ, rửa sạch, bày lên mâm trông đã thấy đẹp. Phải có hóa lò. Nướng ốc bằng vỏ sò. Đặt chiếc vỏ sò lên bếp than, rưới vào đó ít mỡ và hành tươi cho thơm, nhét con ốc đặt vào cho vừa chín thì gắp cái vỏ sò ra. Ăn ốc nướng phải ăn nóng và phải ăn vào lúc tiết trời lạnh. Nghĩa là chỉ trong một món ăn, mà thu vào đó cả một đạo Nuôi của trời đất.

Thứ ba là những tín hiệu về trang sức văn chương. Cuộc đời ngắn ngủi của Tản Đà nếu có đến 4 quẻ Cách, 2 quẻ Di, thì cũng có đến ba quẻ Sơn Hóa Bí. Bí là Trang sức, là quẻ nói về việc làm đẹp cái hình thức bên ngoài. Tượng quẻ là dưới Núi có Lửa. Lửa trang sức làm cho Núi đẹp rực rỡ lên. Người phụ nữ được quẻ Bí là người chăm lo sự chải chuốt, ăn mặc, cái đầu, cái tóc, cái răng, ngày nay là cái mốt, là thời trang.... Nhà văn được quẻ Bí thì tự nhiên chăm lo tới hình thức văn chương, tới cấu trúc tác phẩm, tới câu văn câu thơ, tới từng từ, từng chữ, tới vần, điệu, nhạc, thanh âm của mỗi từ. Hình thức là một lĩnh vực quan trọng trong vũ trụ, chính vì vậy Dịch học dành cả một quẻ Bí để nói về Hình thức, nói về sự Trang sức của sự vật. Câu chú thích đầu tiên của lời Thoán dành cho quẻ Bí là *trang sức, văn vẻ thì hanh thông*, ý nói nhờ có trang sức, hình thức, nhất là trong văn hóa, trong đó đặc biệt là văn chương, thì cần hình thức lắm, làm cho sự vật được tốt đẹp, hanh thông lên. Cũng chính vì vậy, trong chú thích lời quẻ, thánh nhân lưu ý người đời rằng, khi gặp quẻ Bí, phải chú ý cái chất lượng của sự vật, chính cái chất lượng ấy làm nên giá trị của sự vật, còn nếu chỉ chú ý hình thức thì kết quả cũng nhỏ thôi. Riêng đối với những vấn đề phán xử hình ngục là việc quan hệ đến sinh mạng của nhân dân, thì tuyệt đối không được tô vẽ, trang trí, làm cho sự thật bị hiểu khác đi. Theo Phan Bội Châu, Khổng Tử nói rằng chất phác nhiều hơn văn thì thành què mùa, văn hoa nhiều hơn

chất thì thành người chép sử (ý nói người sao chép sử trong cung đình ngày trước, nhiều khi phải dùng hình thức uốn éo để miêu tả những sự việc không có lợi cho danh giá nhà vua. Chuyện tiểu lâm nước ta về hạt ngọc minh châu - tức hạt cơm dính- trên mép bà quan, cũng là để chế diễu thói văn hoa nhiều hơn chất). Hành lang số phận của Tản Đà có đến 3 quẻ Bí, và đẹp thay, quẻ Bí đầu tiên, ứng vào năm Canh Thân (1920) có hào chủ mệnh là hào 2 là hào nói về trang sức, hình thức trong văn chương, lấy mối quan hệ giữa bộ râu và cái cằm để nói về trang sức (có cằm đẹp thì mới đáng để râu, ý nói bản chất tốt thì mới xứng đáng trang sức, trang sức đẹp thì chất càng tốt hơn lên). Tản Đà là một nhà thơ rất coi trọng hình thức văn chương; những tìm tòi không mệt mỏi của ông về thể loại văn thơ, về cách thức diễn tả, về câu chữ, âm thanh, nhạc điệu, tượng hình của từ, về việc tạo hình tạo dáng cho câu thơ, khai thác đến đỉnh cao khả năng gợi tả của âm và thanh tiếng Việt trong thơ ca, chính là bắt nguồn từ quẻ Bí đầu tiên của đời ông. Năm Canh Thân, sau chuyến đi Huế, cũng là năm ông viết chuyện Thế Non Nước, trong đó có bài thơ Thế Non Nước, bài thơ “mệnh”, đỉnh cao trong sự nghiệp văn thơ của ông. Đó là một bài thơ tiềm ẩn 3 tầng ý nghĩa: mối quan hệ thiên nhiên giữa Nước và Non; tình yêu đậm thắm và bền chặt như Non với Nước; cuối cùng là lòng yêu nước thông qua cái đẹp tuyệt vời của Non Nước. Bài thơ này cũng tiêu biểu cho văn chương Tản Đà về mối quan hệ tương tác giữa cái Có và cái Không, tức cái hiện ra và cái tiềm ẩn, thể hiện ra trong rất nhiều bài thơ khác của ông. (theo Văn Tám: Góp lời Thiên cổ sự. Sđd) Tản Đà là người đầu tiên, với 4 quẻ Cách trong đời mình, đã cách tân làm ra những câu thơ thoát khỏi những hình thức cố định của thơ niêm luật, mang âm hưởng của Thơ Mới sau này:

*Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ nay xa cách mãi
Của động
Đầu non*

*Đường lối cũ
Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi
(Tống biệt)*

*Từ vào thu tới nay,
Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành,
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
Sóng thu đưa lá bao ngành biệt ly
Nhạn về én lại bay đi
Đêm thì vượt hót ngày thì ve ngám
Lá sen tàn tạ trong đầm
Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa
Sắc đầu nhuộm ố quan hà
Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương
(Cảm thu, tiễn thu)*

Ông cũng có nhiều bài báo nói về lao động làm thơ, về dịch thơ Đường. Riêng đối với bài Cảm thu tiễn thu trên đây, ông kể tỉ mỉ công việc làm thơ, cho ta thấy trong công việc bếp núc ăn uống, ông cầu kỳ bao nhiêu thì trong bếp núc văn chương, ông còn cầu kỳ gấp bội, và đó chính là tinh thần quê Bỉ thâm nhập vào mệnh văn chương của Tản Đà. Ông viết:

Bài văn này tôi làm ra trong khi ở Hữu Thanh tạp chí, in ra báo khoảng tháng chín An Nam, chính là hợp thời cảnh. Bài này sau khi đã lập ý như bốn chữ đầu đề đó, rồi mới đem cái ý ấy dàn ra thế, chia làm mấy đoạn lạc. Nghĩ vì, có “thu” mới có “cảm”, có “cảm” mới có “tiễn”. Cho nên chữ “thu” đem lên đoạn đầu, dùng thể văn tả cảnh, tả cho thấy thu vì sao mà cảm. Chữ “cảm” nói vào đoạn thứ hai, dùng thể văn tả tình, tả cho hết những ai trong thế gian hiện là người cảm thu. Chữ “tiễn” thì nói vào đoạn kết, là ý chính của bài văn đó. Sự dàn thế đã định, mới theo đoạn lạc mà làm việc.

chất thì thành người chép sử (ý nói người sao chép sử trong cung đình ngày trước, nhiều khi phải dùng hình thức uốn éo để miêu tả những sự việc không có lợi cho danh giá nhà vua. Chuyện tiểu lâm nước ta về hạt ngọc minh châu -tức hạt cơm dính- trên mếp bà quan, cũng là để chế diễu thói văn hoa nhiều hơn chất). Hành lang số phận của Tản Đà có đến 3 quẻ Bí, và đẹp thay, quẻ Bí đầu tiên, ứng vào năm Canh Thân (1920) có hào chủ mệnh là hào 2 là hào nói về trang sức, hình thức trong văn chương, lấy mối quan hệ giữa bộ râu và cái cằm để nói về trang sức (có cằm đẹp thì mới đáng để râu, ý nói bản chất tốt thì mới xứng đáng trang sức, trang sức đẹp thì chất càng tốt hơn lên). Tản Đà là một nhà thơ rất coi trọng hình thức văn chương; những tìm tòi không mệt mỏi của ông về thể loại văn thơ, về cách thức diễn tả, về câu chữ, âm thanh, nhạc điệu, tượng hình của từ, về việc tạo hình tạo dáng cho câu thơ, khai thác đến đỉnh cao khả năng gợi tả của âm và thanh tiếng Việt trong thơ ca, chính là bắt nguồn từ quẻ Bí đầu tiên của đời ông. Năm Canh Thân, sau chuyến đi Huế, cũng là năm ông viết chuyện Thề Non Nước, trong đó có bài thơ Thề Non Nước, bài thơ “mệnh”, đỉnh cao trong sự nghiệp văn thơ của ông. Đó là một bài thơ tiềm ẩn 3 tầng ý nghĩa: mối quan hệ thiên nhiên giữa Nước và Non; tình yêu đậm thắm và bền chặt như Non với Nước; cuối cùng là lòng yêu nước thông qua cái đẹp tuyệt vời của Non Nước. Bài thơ này cũng tiêu biểu cho văn chương Tản Đà về mối quan hệ tương tác giữa cái Có và cái Không, tức cái hiện ra và cái tiềm ẩn, thể hiện ra trong rất nhiều bài thơ khác của ông. (theo Văn Tâm: Góp lời Thiên cổ sự. Sdd) Tản Đà là người đầu tiên, với 4 quẻ Cách trong đời mình, đã cách tân làm ra những câu thơ thoát khỏi những hình thức cố định của thơ niêm luật, mang âm hưởng của Thơ Mới sau này:

*Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ nay xa cách mãi
Của động
Đầu non*

Đoạn thứ nhất khởi đầu lập thể, (thể riêng của một đoạn), thứ hai kiểm liệu, thứ ba lựa điệu, thứ tư luyện lời, sau thời ngâm vịnh riêng để kiểm soát.

Từ vào thu tới nay...

Năm chữ khởi đầu đó, tức là “lập thể”, không những xướng xuất cho một đoạn, mà còn tổng quán cả toàn bài, nói suốt trong cái thời gian từ đầu thu cho tới lúc mình tiễn. Các chữ cảnh vật đều để tả thu mà không được trùng điệp, nếu trùng điệp thì viết dài đến đâu cũng được, mà lời vẫn không có giá trị gì. Đó là việc “kiểm liệu”.

Mấy câu đầu tả cảnh, bốn chữ xuống ba, ba chữ lại lên bốn; chữ “hắt”, chữ “lạnh”, chữ “bach”, các chữ vẫn trắc bất luôn đó từ dấu sắc, xuống dấu nặng, lại xuống dấu nặng hơn nữa, rồi tiếp sang vẫn bằng là chữ “thành” để đi điệu lục bát. Đó là việc lựa điệu.

Một câu thứ tư, bốn chữ “khởi thu xây thành” cân phải có sức để đứng lại, vì từ trên sắp xuống rất mạnh, nếu bốn chữ ấy mà yếu, thì thể văn đến đó phải xiêu đổ, không đủ dẫn các câu lục bát ở phần sau. Đó là việc “luyện lời”. Còn các câu lục bát ở sau, đã sẵn liệu, và có liệu, chỉ về việc luyện lời cả.

Các câu tả cảnh đó, xét lại chữ và ý không điệp, mà cũng không kiểm thêm được liệu nữa, như cảnh vật của thu có thể hồ hết, thu vì sao mà cảm, có như thế mà thôi. Đó là việc kiểm sát.

(Tản Đà, khối mâu thuẫn lớn. Sđd)

Có bạn đọc hỏi : Nhưng còn Sấm Chớp, cũng là một trong bốn tượng, trong Cấu trúc Hà Lạc của Tản Đà, sao chẳng thấy câu thơ, bài thơ nào thật hay bắt nguồn từ cảm xúc về Sấm? Xin thưa: Tượng Sấm, khí chất Sấm không đi vào văn thơ Tản Đà mà đi vào hành động. Tư liệu văn học còn để lại rất nhiều câu chuyện và giai thoại về Tản Đà, đã nghĩ gì là nói ra, và làm ngay, làm cho bằng được. Trong túi còn 7 đồng mà dám đi xuyên Đông Dương vào Sài Gòn chơi.

Đó là khí chất của Sấm. Cho đến cái cách ông tự tiết chế bản thân cũng mạnh mẽ như Sấm: Tịch cốc hàng tháng trời. Hết Tân Đà thư cục đến An Nam tạp chí. Năm lần tờ tạp chí này chết rồi sống lại chính là khí chất của quê Địa Lôi Phục. Phục là trở lại. Và quê Lôi Thủy Giải nằm trong cơ cấu quê Địa Sơn Khiêm, nhưng cũng bắt nguồn từ giờ sinh của ông mà thành, cũng phát huy tác dụng suốt đời ông. Giải là giải quyết, giải tỏa, là mở ra, là kết lại, là tỏa sáng ra. Nhà nghiên cứu Văn Tâm (tức Tâm Dương) trong cuốn *Góp lời Thiên Cổ Sự* đã tổng kết rằng một đời Tân Đà đã “giải” cho văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ này mười vấn đề với tư cách nhà văn hóa tiền đạo. Mười vấn đề như sau:

1- Người đã dạo bản đàn mở đầu của chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam. Đó là việc khẳng định “cái tôi” trong các tác phẩm như *Giấc Mơng Con I, II; Giấc Mơng Lớn, Hâu Trời...* Là việc miêu tả những trạng thái tình cảm con người mà trước đó văn chương ta chưa có, như thói đa tình, mối sầu thiên cổ, tâm trạng cô đơn lạc loài... Là cái văn phong ngông ngạo, khả năng tưởng tượng mãnh liệt. Rất nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thuộc các thế hệ sau như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương,... đã kế thừa những yếu tố trên do Tân Đà khai phá. Xuân Diệu đã đánh giá Tân Đà là “người thi sĩ đầu tiên mở đầu cho thơ Việt Nam hiện đại”.

2- Bàn tay đầu tiên phá cách, vứt điệu luật thơ cũ. Những bài tiêu biểu là *Hoa rụng, Còn chơi, Non xanh xanh, Cảm thu tiễn thu...*

3- Cây bút khai sơn phá thạch trong văn xuôi quốc ngữ.

4- Một trong những bàn tay đầu tiên khơi dòng văn học hiện thực phê phán.

5- Một nhà báo kỳ cựu, có bài đăng trên *Đồng Dương tạp chí* từ 1915.

6- Tác gia đi tiên phong kiếm sống bằng ngòi bút. “Bán văn buồn chữ kiếm tiền tiêu”.

7- Một trong những người biên soạn sớm nhất sách giáo khoa quốc ngữ. (Lên Sáu, Lên Tám, Quốc sử huấn môn...))

8- Triết gia đầu tiên rao giảng triết học bằng chữ quốc ngữ (Thuyết Thiên lương).

9- Người có những đóng góp tân kỳ trong những lĩnh vực hoạt động sân khấu, dịch thuật.

10- Nhà văn hóa mở màn cho nghệ thuật ẩm thực. (Văn Tâm: Góp lời Thiên cổ sự. Sdd)

Tân Đà đã đi qua thế kỷ này như một ánh chớp trong đêm. Ánh chớp đó gồm 21 năm chuẩn bị, thao luyện, rồi đến 21 năm xuất thân, tỏa sáng, nghĩa là ông đi gọn một quẻ Sơn Thủy Mông bắt đầu từ hào Hai dương. Trước khi tắt lịm, ánh chớp còn sáng rực lên một lần nữa trong quẻ đạo hào 5 âm quẻ Địa Sơn Khiêm, và 3 năm đầu hào 6 âm quẻ Khiêm. Ông không kịp đi hết cái hào Sáu ấy.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Tân Đà

Sinh: 19 - 05 - 1889 giờ Bính Tý. Can Chi: Năm Kỷ Sửu, Tháng Kỷ Tị, ngày Ất Mùi. giờ Bính Tý. Mã số Can Chi: 9, 5-10; 9, 2-7; 2, 5-10; 8, 1-6.

Tiên thiên Tiền vận	Đại vận (tuổi)	Hỗ Tiên thiên	Hậu thiên Hậu vận	Đại vận (tuổi)	Hỗ Hậu thiên
-----	28-36	-----	-----	49-54	-----
-----	22-27	-----	-----*	43-48	-----
-----	16-21	-----	-----		-----
-----	10-15	-----	-----		-----
-----*	01-09	-----	-----		-----
-----	37-42	-----	-----		-----
Sơn Thủy Mông		Địa Lôi Phục	Địa Sơn Khiêm		Lôi Thủy Giải

Hóa công: Chấn ở Hỗ Tiên thiên. *Thiên nguyên khí:* Không. *Địa Nguyên khí:* Cấn ở Tiên Thiên, Hậu thiên. Dấu *: Hào nguyên đường, chủ mệnh. Mệnh hợp cách ở mức trung bình.

Các vận năm truy cập trong bài *Tần Đà, ánh chớp trong đêm thế kỷ*:

Đại vận hào 4 quẻ Sơn Thủy Mông. Năm Giáp Thìn (1904): quẻ Hỏa Thủy Vị tế, hào 4; năm Ất Tị (1905): quẻ Thiên Thủy Tụng, hào 5; năm Bính Ngọ (1906): quẻ Trạch Thủy Khốn, hào 6; năm Đinh Mùi (1907) quẻ Thuần Đoài, hào 1; năm Mậu Thân (1908): quẻ Trạch Lôi Tùy, hào 2; năm Kỷ Dậu (1909): quẻ Trạch Hỏa Cách, hào 3.

Đại vận hào 5 quẻ Sơn Thủy Mông. Năm Canh Tuất (1910): quẻ Phong Thủy Hoán, hào 5; năm Tân Hợi (1911): quẻ Thuần Khảm, hào 6; năm Nhâm Tý (1912): quẻ Thủy Trạch Tiết, hào 1; năm Quý Sửu (1913): quẻ Thủy Lôi Truân, hào 2; năm Giáp Dần (1914): quẻ Thủy Hỏa Ký Tế; năm Ất Tị (1915): quẻ Trạch Hỏa Cách, hào 4.

Đại vận hào 6 quẻ Sơn Thủy Mông. Năm Bính Thìn (1916): quẻ Địa Thủy Sư, hào 6; năm Đinh Tị (1917): quẻ Địa Phong Thăng, hào 3; năm Mậu Ngọ (1918): quẻ Sơn Phong Cổ, hào 6; năm Kỷ Mùi (1919): quẻ Sơn Thiên Đại Súc, hào 1; năm Canh Thân (1920): quẻ Sơn Hỏa Bí, hào 2; năm Tân Dậu (1921): quẻ Sơn Lôi Di, hào 3; năm Nhâm Tuất (1922): quẻ Hỏa Lôi Phệ Hạp, hào 4; năm Quý Hợi (1923): quẻ Thiên Lôi Vô Vọng, hào 5; năm Giáp Tý (1924): quẻ Trạch Lôi Tùy, hào 6.

Đại vận hào 1 quẻ Sơn Thủy Mông. Năm Ất Sửu (1925): quẻ Sơn Trạch Tổn, hào 1; năm Bính Dần (1926): quẻ Sơn Lôi Di, hào 2; năm Đinh Mão (1927): quẻ Sơn Hỏa Bí, hào 3; năm Mậu Thìn (1928): quẻ Thuần Ly, hào 4; năm Kỷ Tị (1929): quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân, hào 5; năm Canh Ngọ (1930): quẻ Trạch Hỏa Cách, hào 6.

Đại vận hào 5 quẻ Địa Sơn Khiêm. Năm Tân Mùi (1931): quẻ Thủy Sơn Kiển, hào 5; năm Nhâm Thân (1932): quẻ Phong Sơn Tiệm, hào 6; năm Quý Dậu (1933): quẻ Phong Hỏa Gia Nhân, hào 1; năm Giáp Tuất (1934): quẻ Phong Thiên Tiểu Súc, hào 2; năm Ất Hợi (1935): quẻ Phong

Trạch Trung Phu, hào 3; Năm Bính Tý (1936): quẻ Thiên Trạch Lý, hào 4.

Đại vận hào 6 quẻ Địa Sơn Khiêm. Năm Đinh Sửu (1937): quẻ Thuần Cấn, hào 6; năm Mậu Dần (1938): quẻ Sơn Hỏa Bí, hào 1; năm Kỷ Mão (1939): quẻ Sơn Thiên Đại Súc, hào 2.

TÔ HOÀI

Đấu chân trên đầm

Từ lâu tôi vẫn thềm làm một cái chân dung văn chương Tô Hoài. Tôi nói với bạn bè: Để xem cái mệnh ông ấy ra sao mà thấy ông ấy làm lụng “khủng khiếp” thế, hơn *một trăm năm mươi đầu sách*, đứng đầu làng văn trong cả nước. Ở ta may ra chỉ có Nguyễn Hiến Lê mới xếp hàng được với ông. Nhưng xem tiểu sử Nguyễn Hiến Lê, thấy ông Lê cũng chỉ mới có hơn trăm đầu sách. Mà mệnh Nguyễn Hiến Lê thì cũng gồm lắm rồi, Phong Địa Quán với lại Địa Thiên Thái, nguyên khí của Trời và Đất giải đều trên khắp cuộc đời. Vậy mà xem ra chưa sánh được với Tô Hoài, tất nhiên mới nói về số lượng. Vậy thì mệnh Tô Hoài phải thế nào? Nói là “thềm”, nhưng hỏi thẳng ông về ngày giờ sinh thì tôi rất ngại. Thông thường, những người tốt số ở thời này thường không quan tâm về số mệnh, mọi sự thành đạt là ở tài trí của họ. Tô Hoài chính là người không quan tâm chút nào về ngày giờ sinh và số mệnh của mình. Trong một cuốn hồi ký gần đây nhất ông kể rằng mãi đến năm 1990 sang Nga, một đêm Matxcova ngủ ở nhà Marich, một nhà văn Nga thân thiết với bạn văn Việt, dịch nhiều sách của Tô Hoài, thấy thư viện của Marich có cả quyển “Năm Việt Nam so sánh âm lịch dương lịch”... *Tôi tò mò lần đầu tiên tìm ngày sinh năm dương lịch của tôi. Khai sinh của tôi 16 tháng Tám là năm âm lịch. Tôi được sinh ở làng, thời ấy chưa có lệ làm giấy khai sinh. Đến năm ra trường tiểu học Yên Phụ, mới đi xin khai sinh và lậu xuống ba tuổi cho không quá tuổi lớp bét. Mẹ tôi bảo: “Để con chấp tới ngày 16 tháng Tám ta, hôm ấy trăng tròn hơn trăng đêm rằm”. Nhớ thế, giấy tờ nào về sau, cả khai sinh tôi đều lấy ngày tháng âm lịch như lịch dương và năm Thân là năm 1920. Bây giờ nằm ở Matxcova mới tìm ra tôi sinh ngày 23 tháng Chín dương lịch.*

Ngay cả “ngày 23” cũng không đúng nốt. Đúng thật là ngày 27 (*Lịch Vạn niên dịch học phổ thông Nxb Văn hoá dân tộc*, 1997) như lời ông “khai sinh” mới nhất tại cuốn *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (Nxb Hội nhà văn, 1997): sinh ngày 27 - 9 - 1920 (tức ngày 16 - 8 năm Canh Thân). Cái mà tôi “bất được” ở cuốn hồi ký là 2 chữ *chập tối*, tức giờ Dậu. Vậy Tô Hoài sinh giờ *Dậu ngày Mười sáu tháng Tám năm Canh Thân*. Tám chữ Can Chi của ông là năm *Canh Thân*, tháng *Ất Dậu*, ngày *Mậu Tý*, giờ *Tân Dậu*. Cấu trúc Hà Lạc của ông là *Trạch Phong Đại Quá* (Tiên thiên), *Thuần Càn* (Hỗ Tiên Thiên), *Phong Thiên Tiểu Súc* (Hậu Thiên) *Hoả Trạch Khuê* (Hỗ Hậu Thiên). Ông có Hoá Công nghĩa là có ưu tiên năng lượng của Trời Đất vào các quẻ Đoài ở cả tiền vận và hậu vận. Tượng quẻ Trạch Phong Đại Quá là Đầm (hồ) và Gió (cây). Nghĩa quẻ Đại Quá là quá lớn. Tượng quẻ cho thấy Đầm ở trên, Cây ở dưới, vậy là nước lớn quá, ngập cây, dễ phồng cây dễ bị đổ. Người quân tử xem tượng quẻ này biết rằng phải hành động thì mới hanh thông. Phan Bội Châu giảng rằng: Chữ Đại quá đối lập với chữ bất cập (chưa tới). Đại quá là công việc quá chừng lớn, cũng tức là phi thường. Tất có người phi thường mới làm nên việc phi thường. Mà những việc phi thường tất phải chờ đến người phi thường. Tức như trải qua đời quân chủ mà đổi ra làm dân chủ như cuộc cách đại mạng Pháp. Ở giữa nước Bà la môn giáo (Ấn Độ) mà lập nên Phật giáo như đức Thích Ca. Ở giữa nước quốc gia chủ nghĩa mà lập nên chính phủ Xã hội như ông Liệt Ninh (Lênin). Thấy là công việc đại quá mà cũng chỉ một bậc người tài đại quá mới làm nên. Nhưng cũng tất phải đúng thời tiết, nếu có tài đại quá, mà chưa gặp thời đại quá, tất nhiên cũng không làm xong. Chỉ có gặp Thời Đại Quá, thì người có Tài Đại Quá mới làm nên những việc Đại Quá. Ở một đoạn phụ chú khác, Phan Bội Châu giảng thêm: Lời tượng quẻ Đại quá có câu: Người quân tử thời Đại quá một mình đứng riêng độc lập với thiên hạ cũng không sợ gì, dù có phải trốn đời

cũng không phiền muộn (độc lập bất cự, dộn thể vô muộn). Vẫn chung một hạng quân tử mà thủ đoạn có khác nhau. Việc gì đáng làm, dầu cả thiên hạ không ai làm, mà mình cứ làm, xông vào nguy hiểm mà chẳng kinh, mắc lấy dèm chê mà chẳng quản, đó là cách “độc lập” mà “bất cự”. Việc gì không đáng làm, dầu toàn thiên hạ thầy làm, mà mình không chịu làm, mình đã trái mắt thế gian, âu là bỏ tục, trốn đời, mà tinh thần được tự do tự tại. Đó là cách “dộn thể” mà “vô muộn”.

Đọc lời giải quẻ Đại Quá, tôi cho là đã tìm đúng chân dung Tô Hoài. Sinh vào đúng giờ khắc ấy, là giới đất đã cho ông làm một người đại quá, may mắn lại đúng vào thời Đại quá, chính là thời của Cách mạng tháng Tám, nên ông đã làm được những việc đại quá, ít nhất trong địa hạt văn chương (Toán Tú trụ cho biết ông có tài văn chương).

Ông đã sáng tạo một khối tác phẩm văn chương khổng lồ hơn một trăm năm mươi đầu sách, đúng là một việc đại quá, phi thường. Dầu ấn thời Đại Quá ấy chính là *Dế mèn phiêu lưu ký* tái bản rất nhiều lần, dịch ra nhiều thứ tiếng, *Truyện Tây Bắc* (Giải nhất Hội Văn nghệ Việt Nam 1956) mà cái đỉnh là truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (dựng thành phim), tiểu thuyết *Miền Tây* (Giải thưởng Hội Nhà văn Á Phi, 1970).

Tính cách Đại Quá thể hiện một cách rất đầy đủ trong *Vợ chồng A Phủ*. Mỵ, con dâu trả nợ đời nhà thống lý Pá Tra trông thấy cảnh người trai lực lưỡng A Phủ bị trói đứng suốt mấy ngày ở góc nhà. *Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen... Mỵ rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ thở phè từng hơi, như rắn thở, không biết mê hay tỉnh... Hai người dỡ nhau lao xuống dốc núi. Hai người đi rồng rã hơn một tháng. Họ truyền trên những triền núi cao ngất, lồm đồm nhà, tháp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới.*

Nhưng tính cách Đại Quá sáng tỏ nhất vẫn là ở tác phẩm đầu tay *Dế mèn phiêu lưu ký*. Tô Hoài đã từng phiền muộn về cuốn sách nhỏ (mà không nhỏ) này. *Những chuyện*

Con đế mèn và Đế mèn phiêu lưu ký của tôi viết cho lứa tuổi thơ đến nay đã năm mươi tư năm qua, có lần Hồ Phương và Nguyễn Kiến kể cho tôi biết ngày còn nhỏ các anh thuộc từng đoạn, nhất là khi Đế Mèn phải rời bờ nước ra đi, thăm nhìn cảnh quê lúc ấy. Nhiều bạn đọc tôi cũng như bạn đọc của nhà văn lão thành xó viết Mác - sác viết cho thiếu nhi đã hỏi tác giả năm nay ông bao nhiêu tuổi, ông đã một trăm tuổi hay hơn rồi. Bởi vì bạn lứa tuổi vừa lớn đã thấy trên giá sách từ đời ông và bố mẹ đã có Đế Mèn phiêu lưu ký. Tôi vui chứ, nhưng sau đấy lại buồn. Tôi đã viết và vẫn đang viết có hàng trăm sách. Thế mà chỉ có vài nhân vật ấy được bạn đọc nhớ nhiều mà thôi. Sự thật và thời gian nghiệt ngã đến thế? (Những gương mặt, Nxb Hội Nhà văn, 1995. Tr.321).

Không có gì phải phiền muộn. Đế Mèn phiêu lưu ký là tác phẩm thuộc về mệnh của Tô Hoài. Tượng quẻ Trạch Phong Đại quá là Đầm nước và Gió (cây). Khí chất thiên nhiên thấm nhuần vào cảm xúc văn chương Tô Hoài là chính cái đầm nước mà ông tả trong Đế Mèn phiêu lưu ký cùng những dân cư của nó sống trên bờ và dưới nước, những đế choắt, đế trũi, cò, sếu, vạc, cốc, le le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng két, những nhà trò, bọ muồm, bọ ngựa, cào cào, châu chấu voi, ếch cốm, nhái bén, chấu chàng, rắn mòng, rắn nước, diều, ngỗng, săn sắt... Cả một vùng đầm nước bốn mùa với những sắc thái riêng, hiện lên trong hơn trăm trang sách, đọc một lần là thích thú, là nhớ. Không phải ngẫu nhiên mà các bậc cha mẹ đặt tên ông là Sen, Nguyễn Văn Sen, một loài cây mọc trong đầm. Ất phải có cái gì xui khiến. Để rồi sau đấy ông lấy bút danh là Tô Hoài. Để nhớ dòng sông Tô, nhiều đoạn về sau đã thành đầm. Mà không phải chỉ có cái tượng đầm nước phóng khoáng, vui vẻ, nếu ai đã đọc quẻ Đại Quá lại đọc Đế Mèn, sẽ thấy cả cái sắc thái quẻ Đại Quá cũng hiển hiện trong nhân vật Đế Mèn. Ngay câu đầu tiên của truyện đã có hai chữ độc lập: *Tôi sống độc lập từ thuở bé.* Anh chàng Đế Mèn đã từng “độc lập bất cừ”, ấy là cái cảnh

từ biệt của ông anh nhất sợ mà quyết chí đi phiêu lưu; giữa xóm ếch, nhái, ếch ương om sòm đe dọa, bắt nạt, cũng như giữa vòng vây kiến điệp trùng mà không biết sợ, vẫn giữ được cái vị thế anh hào của mình. Anh ta cũng đã từng ở bên lão Xiển tóc ẩn sĩ, trốn đời, rồi ngay sau đó một mình trong hang chim Tră, vẫn không chút hổ thẹn, kiên trung đợi thời tìm lối thoát, đó là “độn thể vô muộn”. Khi hai chú đế trong chiếc bè cánh bèo trôi ra giữa trời nước mênh mông thì đó là thân phận cái *cây cong giữa đầm* (hào 3 quẻ Đại Quá); lại khi một mình trên võ đài đối mặt với võ sĩ Bọ ngựa và sau đó từ chối thi đấu với chú em Đế trũi để trở thành kẻ chăm lo cho dân vùng cỏ, thì đó là cây *cột cứng, đứng vững giữa đời* (hào 4 quẻ Đại Quá).

Đế Mèn phiêu lưu ký trở thành tinh hoa của Tô Hoài, cũng là tác phẩm ghi dấu ấn trên văn đàn Việt Nam.

Quẻ Hậu thiên phản ánh chặng đường về sau của Tô Hoài là Phong Thiên Tiểu Súc. Phong là Gió. Thiên là Trời. Tiểu Súc là Ngăn cản nhỏ. Trình Di giảng quẻ Tiểu Súc, bảo rằng súc gió thì nhỏ, gió phải ở trên mặt đất thì mới có tác dụng, gió ở trên cao thì khó tích tụ mây để thành mưa nên bức bối, bế tắc, nhưng là bế tắc nhỏ. Súc là ngăn trở, còn có nghĩa là chứa chất. Tiểu súc là ngăn trở nhỏ, chứa chất nhỏ. Lời tượng quẻ Tiểu Súc bảo rằng người quân tử gặp quẻ này, biết là vì ngăn trở mà chưa gặp thời, vậy hãy cứ (chứa chất) làm đẹp văn đức, ý nói hãy trau dồi đức, chăm việc học hành nghiên cứu phát triển tài văn chương. Phan Bội Châu đặt câu hỏi: ở vào thời Tiểu Súc, người quân tử chỉ nên trau dồi văn đức là vì sao? Bởi vì xưa nay, việc tu thân cứu thế cốt ở hành động, mà không cần hư văn. Chẳng may hoàn cảnh gay go, thời thế bắt buộc chưa thể giương đôi cánh lớn, mới phải quay đầu làm những việc soạn sách, lập ngôn. Như Khổng Tử, Mạnh Tử, vì không gặp thời, chăm chỉ mài mài viết sách làm kinh, muôn đời sau bất hủ. Người đời sau coi đó là việc lớn, nhưng thánh nhân chỉ xem bằng “tiểu súc” mà thôi.

Bạn đọc coi cấu trúc Hà Lạc của Tô Hoài sẽ thấy quẻ Hổ soi sáng cho quẻ Tiểu Súc là quẻ Hoá Trạch Khuê. Hoá là Lửa. Trạch là Đầm nước. Lửa ở trên thì bốc cao lên. Đầm ở dưới và nước thì thấm xuống. Trên dưới không thông với nhau, càng ngày càng cách xa nhau. Nên nghĩa quẻ là Khuê. Khuê là khác nhau, là chia lìa nhau. Trong Dịch học, Khuê là quẻ xấu. Người thời Khuê là người hay gặp cảnh khác biệt, chia lìa. Người quân tử gặp quẻ này phải biết thực dụng, biết lúc này nên hoà cùng với người, biết lúc nào phải khác biệt với người, và biết rằng ở thời Khuê chỉ làm được việc nhỏ mà thôi.

Cái thời *ngăn trở nhỏ*, làm cho người quân tử chưa thể *giương đôi cánh lớn*, đã diễn ra trong cuộc đời nhà văn như thế nào, bạn đọc coi thiên hồi ký *Cát bụi chân ai* (Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam 1992) có thể nhận biết một phần. Sau cái thời Đại Quá, làm được những việc quá lớn, phi thường, từ 49 tuổi ta, ông sang thời Tiểu Súc, bị ngăn trở nhỏ, thường gặp cảnh khác biệt, chia lìa, đòi hỏi ông phải biết Thời, lại phải biết Dụng, lúc nào nên hoà đồng, lúc nào phải tỏ ra khác người, dù có thiệt đến thân cũng không được hoà đồng; lại đòi hỏi nhà văn phải tiếp tục trau dồi đức văn, phát triển tài văn, lấy cái đó để tồn tại; nếu được như vậy (và Tô Hoài đã làm được như vậy), thì sẽ tiếp tục làm được việc lớn, tuy rằng đối với mệnh người, thánh nhân cũng chỉ coi là kết quả của thời Tiểu Súc mà thôi. Ta sẽ thấy sang thời Tiểu Súc, ông vừa làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, vừa làm Trưởng ban đại biểu khối phố nơi ông cư trú (giống như chủ tịch phường sau này), vừa đi khắp các nước Đông, Tây, vừa điều khiển đội quân phòng cháy, chữa cháy của khu phố đi thi giành cờ đỏ (mà cuộc thi này không thành công); vừa đi nghỉ ở bờ biển Yan - ta, vừa viết truyện Họ Giàng ở Phìn Sa...

Nếu *Dế Mèn phiêu lưu ký* là bức tranh chính diện thời Đại Quá của Tô Hoài, thì truyện ngắn *Một người bạn* chính là tám gương về một thời Tiểu Súc, nhưng là tám gương phản diện thời Tiểu Súc của tác giả (45 truyện ngắn 1975 - 1985, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985. Tr.189). Nhân vật người

bạn tên là Châu, một người có khả năng kiếm sống không đến nỗi xoàng, là học sinh Kỹ nghệ ra trường, có nghề sửa chữa điện, người Hà Nội vào Sài Gòn làm ăn. Suốt đời anh ta bị một cái gì vô hình không biết từ đâu cản trở anh ta, mà chỉ cản trở nhỏ thôi, làm cho anh ta không ở đâu yên. Thoạt tiên là do nghĩ ốm quá hạn bị chủ Tây đuổi, chán quá, ra Hà Nội, làm quản lý cho ông anh tên Đức Lợi, buôn bán đang phát. Bản thân cũng giàu lên, lấy vợ, làm nhà, vì vụ này Sài Gòn, mai Hà Nội. Bà vợ cũng là người có chí làm giàu. Nhưng người bạn vẫn thấy mình không yên, và không bằng lòng với số phận của mình. Nhân vật Tôi, người kể chuyện, vào những năm trước Cách mạng tháng Tám, đã thu hút bạn mình theo Việt Minh, và số phận cũng đã đưa đẩy anh bạn đi theo kháng chiến, nhưng rồi một cuộc cần của địch lại đẩy anh ta vào Hà Nội, vùng địch tạm chiếm. Lại tám người anh bảy giờ trở thành ông chủ lớn, vào Sài Gòn cho đến khi Sài Gòn được giải phóng. Vào năm 1975, hai người bạn gặp nhau, sau bao nhiêu biến chuyển. Nhân vật Tôi đã trở thành nhà văn có danh tiếng, bạn của họ có người thành nhân vật tâm cỡ ở một bộ. Còn Châu cũng có thể yên lành, không bị ai làm rầy rà, nhà cửa đang hoàng, con trai đã sang Anh làm ăn, bạn bè gặp lại nhau, an ủi nhau, bỏ qua những chuyện cũ. Tưởng thế là yên. Nhưng không yên. Người bạn lại bỏ nước ra đi, bắt đầu từ những bế tắc chẳng ra đâu vào đâu. Danh tiếng những người bạn làm cho anh ta không yên. Cái tính hám giàu của người vợ làm cho anh không yên. Thậm chí Sài Gòn năm ấy lạnh hơn, mùa bưởi Biên Hoà năm ấy chậm hơn cũng làm cho anh ta không yên. Lại nhiều năm sau, hai người bạn tình cờ gặp nhau, khi nhân vật Tôi đi công tác sang thành phố An - giê (An - giê - ri), ngồi ăn ở một cửa hàng bên bờ biển. Người bạn bây giờ là một ông già râu tóc dài, bạc phơ, như Tô Vũ trong tranh cổ, làm nghề bung rượu vang ướp tiếp khách, ngoài ra các buổi tối còn đi xa ba mươi cây số làm thêm kiếm tiền. Làm gì, làm một pho tượng sống, một ông già Châu Á, với gương mặt hấp dẫn ở một cửa hàng rượu, để

hấp dẫn khách, như thế trong một giờ cũng có một món tiền. “Rõ khi?” Người bạn kết thúc câu chuyện đời của mình như thế. Hồi ra thì biết sang Anh, con giai và con dâu đối đãi rất tử tế, nhưng vợ chồng già suốt ngày trong phòng nhỏ như bị giam, buồn chán quá, không yên. Bền nhờ người quen bên Pa-ri, sang đó làm ăn. Sang Pháp, cũng không yên, có người rủ sang An-giê, thế là bà ở lại Pa-ri, còn người bạn thì sang An-giê, làm nghề bung bê rượu vang. Một người suốt đời không vượt lên nổi những cản trở nhỏ, bế tắc nhỏ, trở thành người vô vị, cô đơn, tàn đời trong cô đơn. Rõ ra một thân phận Tiểu Súc, một tấm gương Tiểu Súc trong một cái chiếu phản diện của số phận. Tô Hoài kể chuyện *một người bạn*, mà như kể chuyện mình, không giữ nổi ngòi bút, đã phải để cho nhân vật người bạn thốt lên: *Đời tôi đã không phải là tôi. Đáng lẽ tôi là anh, rồi cũng không phải. Tôi có thể là Đức Lợi. Rồi cũng chưa bằng cái móng tay của Đức Lợi. Thế mà lúc nào anh cũng hiện ra trước mắt tôi. Cả đến cái lúc năm cùng tháng tận của đời người này. Ô hay, sao cứ luống cuống, bối rối suốt đời người đến thế. Quả quyết lên chứ (nhưng lúc ấy Châu lại ngồi thừ rồi uống một hơi ly rượu mạnh). Những kỷ niệm xa xưa trở về dần vật, xỉ vả tôi. Thật đấy có phải anh là cái gương sáng, cái gương mờ soi vào tôi, mà ở đâu, chạy đi đâu, tôi cũng chỉ là người nhìn gương (Sđd. tr.200). Một người bạn chính là cái gương mờ của một thời Tiểu Súc, nói về một kiểu người tự hành hạ và làm hỏng đời mình chỉ vì những cản trở nhỏ, những bế tắc nhỏ (Tiểu Súc còn là bế tắc nhỏ). Tôi cho rằng đây là một truyện ngắn khó đọc nhưng bạn đọc nhẩn nha thì sẽ được một truyện ngắn hay đến từng chữ. Vì nó là một tác phẩm được sáng tạo từ cái mệnh của một cây bút tài hoa. Nguyễn Tuân đọc xong viết thư cho Tô Hoài: “... đọc Sài Gòn Giải phóng, 13 tháng Giêng 1985, bài **Một người bạn**, mình thấy có một cái gì mới mới ở ông. Nhưng phải khen cái truyện ngắn khá dài, khá sâu rộng này. Người thật việc thật trong chuyện này có thật không, hoặc có*

thì tôi mức nào, đối với tôi không quan trọng. Cái quan trọng là nó như thật. Nó hay đấy. Ông còn khoẻ hơn tôi. Cứ làm độ một tập như thế này thì ông sẽ phá kỷ lục của Tô Hoài đấy” (Cát bụi, chân ai, Sdd. tr.158). Nếu *Một người bạn* là cái gương mờ thì *Cát bụi, chân ai* (Nxb Hội Nhà văn - Hà Nội 1992) là cái gương sáng thời Tiểu Súc, được viết ra trong ánh sáng của một kiểu người hiểu được cái Thời của mình chưa thể giương đôi cánh lớn, biết vượt lên những cản trở, những bế tắc, mà suy cho cùng đó là những cản trở nhỏ, bế tắc nhỏ mà thôi, chịu khó trau dồi văn đức, làm từng việc nhỏ một mà thành sự nghiệp lớn. Những câu chuyện về Nguyễn Tuấn, Xuân Diệu, Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tường, và bản thân Tô Hoài đều được nhớ lại và miêu tả dưới góc độ những người đấu tranh vượt lên những phiền muộn, bối rối, những lỗi, những lầm, để rồi dốc tâm vào sự nghiệp văn chương của mỗi người. Mỗi nhà văn có một thời của mình, có hành lang số phận riêng mình, nhưng họ xuất hiện trong cuốn hồi ký này dưới sự soi chiếu của một người từ thời Đại Quá sang thời Tiểu Súc, làm cho cuốn hồi ký có một màu vị riêng mang dấu ấn Tô Hoài, khiến người đọc vừa tự hào về dân tộc mình trải qua cách mạng, vừa có một niềm thông cảm sâu xa khôn nguôi đối với những số phận văn chương. Giá trị của cuốn sách chính là ở chỗ đó.

Trên kia có nói cảm xúc thiên nhiên đi vào văn Tô Hoài là từ tượng của Đám (chằm). Còn phải kể đến tượng Gió ở hai quẻ Trạch Phong Đại Quá và Phong Thiên Tiểu Súc. Phong là Gió, còn là Cây. Cần nói rằng câu văn, đoạn văn Tô Hoài sống động hẳn lên mỗi khi ông tả gió, tả cây. Trong *Chuyện cũ Hà Nội* (Nxb Hà Nội, 1998), có lẽ *Điều sáo* là bút ký hay nhất trong cả hai tập ghi chép. Kể điều có nghĩa là kể gió, mà là gió ở trên giới cao. *Vùng tôi chơi điều sáo, Cánh điều tương tự bằng nhau, to rộng như nhau, chỉ khác nhau, hơn nhau, ganh nhau ở tiếng sáo. Cái điều không trọng màu sắc, cốt hình thù lực sĩ oai hùng và người ta lắng nghe thưởng thức tiếng sáo.*

Tác giả kể chuyện người quê nhà lên tận vùng người Mường, trên Hoà Bình kén thú hộp đá cứng nhất, làm thân điều. Hộp đá nhỏ con, rắn mặt, ruột đặc. Nói rõ mua hộp đá làm khung điều, người Mường mới tìm cho cây hộp chết dóc, dó tía, nhẹ như cái đòn tay, vác mấy cây về chọn, chẳng phí đi đâu. Cây hộp đã bừa đôi mà làm đòn gánh thì bền có hỷ... Cây tre, cây hộp ngã vào mùa lạnh mới chắc thờ, không bao giờ mọt. Hộp đá và tre đục được ngâm vào bùn trong ao cả mùa, cả năm. Vót lên, dẽo vót qua loa rồi đem gác bếp cả bộ sườn, bộ khung. Cuối tháng giêng, dỡ xuống, thanh hộp đá và những mảnh tre cắt đã được khói hun óng đỏ, dẽo như cái lạt.

Làm thân điều công phu thế nào thì làm giấy điều, dây điều cũng vất vả, bền thuộc như thế. Đến việc làm sáo điều: Các vùng ven bên sông Cái hay chơi điều. Có lẽ vì ở nơi sông nước nhiều gió. Mây mờ lên đấy mới kiếm được sáo tốt, không phải sáo hàng chợ. Nhưng cũng chỉ chuốc được cái lưỡi sáo và hai miệng sáo dẽo bằng mảnh gộc tre đục. Còn khoét cái thân sáo thì đi thợ tiện phố Hàng Tiện ngoài Kẻ Chợ, hay về làng Nhị Khê, quê gốc nghề tiện. Gỗ thì cũng không được, chỉ có gỗ thông mực dẽo dai mới làm được thân sáo. Có ba thứ sáo điều: sáo còi nhỉnh hơn đốt tay cái. Sáo đầu như ống nứa. Sáo chiêng (còn gọi là sáo tù và) to bằng đốt vầu, ống dài nửa thước, hai miệng loe, nom cái sáo to tương mốc thếch như con trăn gió. Hôm nào gió nhỏ, lấp sáo còi; gió lừng thì chơi sáo đầu; có gió trên mới đóng sáo chiêng. Khi thả điều lên thì: Tiếng sáo điều văng vẳng liên hồi suốt đêm. Các cụ và trai làng ngồi bên gốc cây hàn hán, đánh cược và cho ngồi thử cái điều mà tiếng sáo được đem ra cãi cọ trước nhất. Gió nho nhỏ, sáo còi lạnh lớt trong không. Khi sáo đầu rền rền, biết là điều sắp lên tới gió trên, tiếng đầu chuyển gió dưới lên gió trên có êm không. Có gió trên, sáo chiêng mới lên tiếng, và cả bộ ba chiêng, đầu, còi trong thình không hoà vào nhau vang lừng bầu trời. Không trông

thấy diều, biết diều có lên đứng, tiếng sáo mới tròn, diều không chao chát, nghiêng ngả. Giải thi diều ăn thua ở cái điểm tiếng sáo bỗng trầm hoà khéo vào nhau như phường bát âm ngồi trên trời... Không nhìn thấy diều, nhưng sáo chiêng rúc đổ hồi tù và, sáo đầu rền vang, sáo còi lanh lảnh nỉ non thì rành rõ như nước nở trong tai, đêm về ngủ còn nằm mơ nghe sáo. Bấy giờ cái diều lẫn trong bóng trắng, cả lũ đổ nhau đùa nào nhìn thấy (Sđd, Tập II, Tr.17 - 22).

Chính cái mệnh làm làn gió đi trên trời cao (Phong Thiên Tiểu Súc) đã đưa Tô Hoài đi khắp vùng Tây Bắc, toàn chọn những vùng người Mèo núi cao cổ gió lồng mà leo lên. Ông kể với nhà văn Nguyễn Công Hoan: *Đi bộ, trong khoảng 4 tháng, suốt vùng du kích, qua dọc núi Mèo Nghĩa Lộ, đến dọc núi Mèo Tú Lệ, đến dọc Mèo Tuần Giáo, đến dọc núi Mèo Điện Biên. Trên đường gặp ai tôi cũng đi với người ấy. Lần thì đi với vợ chồng A Phủ, có A Phủ thật anh ạ. Lần thì theo người đi chợ. Lần thì theo người đi thăm họ hàng* (Nguyễn Công Hoan. Chân dung văn học. Sđd, tr.125). Tô Hoài tả gió núi, gió sông thường dữ dội: *Bóng tối trầu nặng từng quãng, nhanh và dữ tợn. Các mỏm núi đương vàng rực bỗng xanh rợn. Gió chồm lên rồi chết đứng, từng đợt, ngay giữa các triền đồi tranh im lặng (tiểu thuyết Miền Tây). Những thuyền lưới dulong tấp nập từng quãng sông. Đôi lúc gió lớn như bão cạn, thổi cát lẫn phù sa đỏ ngùn ngụt bốc lên ngang trời, những chiếc thuyền qua lại mờ hồ như trong mây. Tiếng gõ cá, tiếng chèo và mạn thuyền, tiếng chài quãng roăn roạt, nghe vắng vắng trong thình không. Gió cát và dòng nước nhuộm trời đất đỏ lừ (tiểu thuyết Kể chuyện bến Bối).*

Quan sát cấu trúc Hà Lạc của Tô Hoài, tôi băn khoăn: Trong mệnh ông không có tượng Núi. Nếu có thì chỉ có ở những quê Năm, trong thời Đại Quá. Vậy mà ông có khoảng hơn chục năm rong rã đi khắp các vùng núi cao, viết Truyện Tây Bắc, Miền Tây, nhiều truyện hay khác về miền núi. Mệnh ông cũng không có dấu ấn của một đời phiêu lưu, làm

khách lữ hành. Nhưng ông đã đi khắp thế giới. Cũng có chuyên gia Hà Lạc nói rằng những cuộc leo núi và đi xa ấy là đi chệch hành lang. Tôi nghĩ rằng người có mệnh Đại Quá lại có ưu tiên năng lượng của trời đất (Hoá Công) thì họ có thể làm những việc phi thường, đi ra ngoài hành lang số phận. Và lại ông còn là làn gió bay trên trời cao (Phong Thiên), việc ông bay cao bay xa là có thể hiểu được. Chỉ có điều, giả như ông biết được mệnh của mình có tượng thiên nhiên là Đám, là Gió, là Cây... ông tập trung cái năng lượng 150 đầu sách ấy vào những tác phẩm viết về vùng quê đầm hồ Tây hồ (Hà Nội), thì tôi tin chắc bạn đọc nước ta còn được nhờ ở ông nhiều hơn nữa, như đã được nhờ ông ở những Dế mèn, Giăng thế, Quê nhà, Cát bụi, Chuyện cũ... Tôi thành thật tin như vậy và thành thật lấy làm tiếc như vậy.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của nhà văn Tô Hoài

Sinh ngày 16 - 08 - Canh Thân, giờ Dậu (27 - 09 - 1920) Tiết lệnh tháng 08: Bạch Lộ: 26 - 7 - Canh Thân. Thu phân: 12 - 08 (HC Đoài) Dương Nam. Mệnh mộc (thạch lựu). Thượng Nguyên. Can Chi: **Canh thân, Ất Dậu, Mậu Tý, Tân Dậu**. Mã số Can Chi: 3, 4 - 9; 2, 4 - 9; 1, 1 - 6; 4, 4 - 9.d/ã.

Tiên thiên Tiền vận	Đại vận (Tuổi)	Hổ Tiên thiên	Hậu thiên Hậu vận	Đại vận (Tuổi)	Hổ Hậu thiên
-----*	01 - 06	-----	-----	73 - 81	-----
-----	40 - 48	-----	-----	64 - 72	-----
-----	31 - 39	-----	-----	58 - 63	-----
-----	22 - 30	-----	-----*	49 - 57	-----
-----	13 - 21	-----	-----	-----	-----
-----	07 - 12	-----	-----	82 - 90	-----
Trạch Phong Đại Quá		Thuần Cần	Phong Thiên Tiểu Súc		Hoà Trạch Khước

Hoá công: Đoài ở Tiên Thiên và Hổ Hậu thiên. *Thiên Nguyên khí:* Không. *Địa Nguyên Khí:* Không. Mệnh hợp cách mức trung bình cao. Dấu *: Hào nguyên đường chỉ chủ mệnh xuyên suốt Tiền vận hoặc Hậu vận.

NGUYỄN NGỌC

Đất và Nước

Tôi và *Nguyễn Ngọc* có chút kỷ niệm về Toán Hà Lạc. Ngày ấy biết tôi bắt đầu nghiên cứu về Hà Lạc, ông cho tôi biết ngày giờ sinh và bảo tôi làm cho một bài toán. Khi cấu trúc Hà Lạc của ông hiện lên, tôi ngắm nhìn, liên tưởng đến hành trình văn học của ông và bỗng giật mình: Hầu như toàn bộ sáng tác của ông phản ánh hết sức đầy đủ, rõ ràng, cái mệnh vận trời đất đã cho ông. Ta hãy coi: quẻ tiên thiên, tiền vận của ông là *Địa Phong Thăng*, quẻ hậu thiên, hậu vận của ông là *Thủy Địa Tỷ*. Tượng thiên nhiên thâm thấu vào khí chất con người ông là Đất, Cây (gió), Nước. Thế thì tác phẩm của ông mang những cái tên: *Đất nước đứng lên, Rẻo cao, Rừng xà mu, Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng, Đất Quảng...* Thậm chí khi ông đi thực tế một vùng công nghiệp, ông cũng viết: *Mạch nước ngầm*. Hình như ông không đi đâu ra khỏi Đất và Nước. Những nhận biết đầu tiên ấy, ý tưởng ấy cứ xoáy vào trong tôi để sau đó tôi làm cuốn sách này. Cấu trúc Hà Lạc ứng nghiệm với tất cả mọi người trên trái đất, nhưng đặc biệt ứng nghiệm với giới nhà văn (có thể rộng ra, với văn nghệ sĩ) là vì sao? Là vì nhà văn không bao giờ giấu được mình. Khí chất, mệnh vận, tính cách văn chương của anh nó cứ phơi bày ra trên trang giấy, không dưới hình thức này thì dưới hình thức khác. Văn chương của một người chính là một bản sao hành trình số phận của anh ta.

Nhà văn Nguyễn Ngọc sinh vào giờ Mão ngày 05 tháng 9 năm 1932 tức 05 tháng 08 năm Nhâm Thân. Năm ấy tiết Bạch Lộ, lệnh thời tiết của tháng Tám là vào ngày 08 tháng Tám, nên toán Hà Lạc không tính ông sinh vào tháng Tám mà vào tháng Bảy.

Cấu trúc Hà Lạc của ông gồm bốn quẻ: *Địa Phong Thăng*, hào chủ mệnh là hào 3, quẻ hồ là *Lôi Trạch Quy*

Muội; Thủy Địa Tỷ. hào chủ mệnh là hào 6, quẻ hồ là *Sơn Địa Bác*. Ông không có ưu tiên năng lượng của trời đất, không có nguyên khí của trời, nhưng rất giàu nguyên khí của đất. Địa nguyên khí của ông là quẻ Khôn. Trong cấu trúc Hà Lạc của ông có tới 3 quẻ Khôn. Ông có mệnh hợp cách. Địa là Đất. Phong là Gió, ở đây hiểu là Cây. Thăng là Lên, là tiến lên, là phát triển. Hào 3 chủ mệnh bảo rằng: người này rồi sẽ *tiến lên để dành như* (người xưa) *vào cái ấp không người. Cuộc nam chinh để như phá ngôi chế trúc.* Nam chinh ở đây, Nguyễn Hiến Lê giảng không nên hiểu là tiến về phía Nam mà nên hiểu là tiến về phía trước mặt, nhưng riêng với Nguyễn Ngọc thì hiện thực lại là có chuyện tiến về phía Nam. Lời hào còn nói rằng ở vào thời vận này, *lớn* (ý nói thời vận lớn) *thì giữ đường lối, nhỏ thì* (ít ra cũng) *ăn lộc ấp, quận.* Tượng quẻ trên là đất, dưới là cây, đó là cái tượng của một cái mầm cây len lõi, len lách đi lên, vượt qua các tầng sỏi đá, nhiều trở ngại nhưng không gì ngăn cản được, hướng lên phía trên, phía có ánh nắng mặt trời. Như vậy người quẻ Địa Phong Thăng là người rất nhạy cảm với sự phát triển, tiến lên, là người có chí khí vươn tới, không sợ trở ngại. Nếu là người có gốc vững về phúc nhà, về văn hóa, về đức, thì sẽ là người có sứ mạng tiến lên để thực hành đường lối (người xưa gọi là hành đạo). Còn với người thường được quẻ Thăng chí ít cũng ăn lộc ở vùng nhỏ địa phương. Người quẻ Thăng nhạy cảm với cái mới, như cái mầm cây nhạy cảm với hơi ẩm và ánh nắng phía trên, ủng hộ cái mới hết lòng. Người quẻ Thăng rất giàu mơ mộng và tưởng tượng, rất giàu niềm tin, trong đó có cả niềm tin tâm linh. Nhưng cái tin tâm linh của người quẻ Thăng là tin ở trong lòng, với sự chí thành, lễ nhỏ và đơn sơ mà cảm được tới bề trên. Như cái mầm cây linh cảm thấy hơi ẩm và ánh nắng phía trên mà vươn lên, với lòng chí thành, còn lễ lạt thì có gì đâu. Cho nên người quẻ Thăng thường được người phía trên thông cảm và ủng hộ, dù có người trên không bằng lòng đấy, nhưng không làm hại được người quẻ Thăng. Quẻ hồ là *Lôi Trạch Quy Muội* cho biết rằng người

quẻ Thăng cũng có những lầm lỗi, thường là do sơ sài, qua loa, đại khái, xong thì thôi, kiểu lầm lỗi của những người anh chị khi lo việc gả chồng cho em gái (Quy Muội là gả em gái), ít khi được chu đáo như cha mẹ. Cũng có khi đó là một thứ lầm lỗi đáng yêu như lời hào 5 quẻ Thăng lấy việc vua Đế Ấi gả em gái làm ví dụ. Vị vua này vì quá coi trọng vẻ đức mà sơ xuất để cho cái tay áo của công chúa không đẹp bằng của nàng hầu, để người ta cười cho.

Nguyễn Ngọc đã sống và làm lụng đúng như những gì trời đất đã ban cho mình. Ông ra đời vào đúng thời của hào 3 quẻ Thăng: *Lên, để dàng như vào áp không người*. Cái áp không người đây là một gia đình có nền nếp, quý trọng sự học. Vừa đúng tuổi học là được đi học. Thông minh, học đâu biết đấy. Năm 1945, bị đứt đoạn mất một năm, tiếp tục học cho đến khi đỗ tú tài. Lời hào 4 quẻ Thăng cho biết ở tuổi mười lăm đã *có lòng chí thành, nhu thuận, có chí lớn, sẽ được lợi khi hòa mình vào với núi rừng, cây cối*. Quả nhiên, sang chặng đường hào 5 đẹp nhất thời Thăng thì Nguyễn Ngọc vào bộ đội, lăn lộn với núi rừng Tây nguyên, vùng Ban Mê Thuột, gặp ngay các quý nhân, sớm vào nghề làm báo quân đội. Về sau Nguyễn Ngọc kể chuyện đời, cho rằng cái thời làm báo chẳng khác nào cái phúc nhà: *Nó tạo cho người viết những đức tính quý báu: xông xáo, nhạy cảm với thời sự và xã hội, sắc sảo khi tiếp cận hiện thực, đi nhiều, nghe nhiều, thấy nhiều, biết nhiều*. (Nhà số 4 Lý Nam Đế. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 121). Còn cái lợi khi hòa mình với núi rừng được ông tổng kết như sau: *Riêng tôi, có lẽ chiến trường khu 5 đã để lại cho tôi hai điều thật quý: một âm hưởng đậm đà của Tây nguyên, nơi tôi được tham gia chiến đấu gần suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, và những ấn tượng trong sáng của một đời sống văn hóa tinh thần giản dị mà lành mạnh của một xã hội thật kỳ lạ, một hòn đảo Nghiêu Thuân giữa chiến tranh bốn bề...* (Sách dd, tr. 122). Quẻ Thăng có sáu hào thì năm hào tốt, chỉ có một hào xấu, là

hào 6 trên cùng. Hào đó nói rằng thời vận lên đã tới đỉnh, còn tham vọng lên nữa thì sẽ gặp họa, như cây đã hút hết nhựa đất, gốc không vững nữa, sẽ đổ. Nhưng đối với con người thì có hai cách xử lý: một là kẻ tiểu nhân không thức thời còn ham tiến lên về địa vị, danh lợi, thì tất không tránh khỏi đổ vỡ; hai là quân tử chỉ cần ham tiến lên về đức, tiếp tục tu rèn về đức với ham muốn khôn nguôi, thì lại rất hanh thông, biến xấu thành tốt, biến họa thành phúc. Như những cây cổ thụ biết dừng lại, trau dồi gốc cho vững trước bão táp phong ba, mà tươi xanh mãi. Nguyên Ngọc đã xử sự chính cái chặng đường 6 năm hào 6 quẻ Thăng ấy như thế nào. Năm Quý Tị (1953) quẻ Sơn Phong Cổ hào 6: là năm chàng nhà báo trẻ tuổi đã bộc lộ phẩm chất văn chương, *giữ chí cao thượng, không màng danh lợi, không xu phụ bề trên, thanh cao khác người, ẩn mình đợi thời* (Lời hào 6 quẻ Cổ, đối với mệnh hợp cách). Năm Giáp Ngọ (1954) quẻ Sơn Thiên Đại Súc, hào 1: Năm nay có người phía trên không cố ý mà ngăn cản mình, có nguy, biết dừng lại thì lợi. *Biết thời cơ mà liệu đường tiến lui, giữ mình, gặp may, được hưởng phúc lớn*. Đây là hai năm hết sức quan trọng trong đời nhà văn trẻ tương lai. Do công việc làm báo và do có vốn tiếng Pháp bằng tú tài, không ngừng được dồi mài ngay trong các cuộc hành quân chiến đấu và ở chiến khu, ông tiếp xúc với văn chương Pháp và ham thích ngay cái cấu trúc tiểu thuyết của nó. Ông cũng phải đấu tranh với cái ý muốn của cấp trên muốn thu hút ông theo hẳn nghề làm báo (hào 4 âm quẻ Đại Súc không cố ý mà hóa ra ngăn cản). Có nghĩa là phải *giữ chí hướng văn chương, không màng danh lợi, biết thanh cao khác người, biết ẩn mình, đợi thời, biết thời cơ mà liệu đường tiến lui*. Cuối cùng thì cái may đã tới. Năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Nguyên Ngọc tập kết ra Bắc trong chuyến tàu cuối cùng, đặt chân lên đất Thanh Hóa vào ngày 19-5-1955. Năm Ất Mùi ấy (1955) là năm thuộc quẻ Sơn Hỏa Bí hào 2: lời hào bảo rằng đây là năm phát triển về văn chương, *như lửa chiếu sáng*

trang sức cho mũi rọc rõ lên, văn đẹp, sáng sủa. Người xưa ví như lấy bộ râu trang sức cho cái cằm, phải có cái cằm đẹp thì râu mới đẹp. Lỗi hào 2 còn bảo rằng trang sức cho người để thúc đẩy ổn định việc làm. Có nghĩa là phải dựa vào người mà đi đến thành công. Văn chương, học văn sáng sủa, giúp nước. Văn chương được người yểm trợ. (Tản Đà ngày trước, vào năm hào 2 quê Bí, đã sáng tác Thể Non Nước. Xem bài Tản Đà, ánh chớp trong đêm thế kỷ). Nguyên Ngọc kể: *Mấy tháng sau, một hôm tôi nhận được điện của Tổng cục chính trị gọi đúng tên tôi về Hà Nội để viết cái gì đó... Ra đến Hà Nội, tôi mới rõ: Đại hội thi đua toàn quốc vừa được triệu tập, một số anh hùng quân đội mới được tuyên dương, TCCT chủ trương cần viết về thành tích của các anh hùng đó. Tôi được TCCT gọi đúng tên là vì anh Dương Minh Châu, trong kháng chiến là Phó ban Tuyên huấn bộ Tư lệnh khu 5, là cấp trên của tôi lúc tôi làm báo Quân đội nhân dân liên khu 5, đã giới thiệu tôi với Tổng cục: Cậu ấy có vẻ viết được. (Anh Châu về Tổng cục trước tôi mấy tháng)... Anh em đã vẽ đông đủ, tôi là người cuối cùng. Thú thật tôi có hơi hoảng, toàn những người có tên tuổi, tôi ở chiến trường rất xa mà cũng đã từng được nghe: Hồ Phương đã có Thư nhà, Nguyễn Khải đã có truyện được giải thưởng Hội Văn Nghệ trung ương, Nguyễn Khắc Thu vừa in xong bộ tiểu thuyết dày hai tập Đất chuyển, Phùng Quán lúc đó cũng vừa có Vượt Côn Đảo đang gây xôn xao... Gần như chỉ có mỗi tôi tay trắng và vô danh. ...Mỗi người chúng tôi phải chọn viết về một người anh hùng thuộc đơn vị mình mới được tuyên dương. Nguyễn Khải viết Mạc Thị Bưởi, Hồ Phương viết Phùng Văn Khầu, Mạc Phi viết Lý Văn Thám, Phùng Quán viết Lâm Úy, v.v... Tôi thì xin nhận Núp (Sdd, tr. 123-125). Theo cách nói Hào 2 quê Bí: Núp chính là cái cằm đẹp để nhà văn trang sức lên đó bộ râu văn chương. Toán Hà Lạc giải về hào 2: Trang sức cho người (Người đây là ai, nếu không phải là Núp?) để thúc đẩy, ổn*

định việc làm (có nghĩa cụ thể đối với chàng lính trẻ Nguyễn Ngọc là để thúc đẩy việc hình thành một sự nghiệp văn chương). Toán Hà Lạc lại giải đối với mệnh hợp cách: *Văn chương, học vấn sáng sửa, giúp nước*. Đối với giới Sĩ trong văn năm: *Văn chương được người yểm trợ*. Vậy là hành lang số phận đã đưa Nguyễn Ngọc đến với Núp (xin bạn đọc nhớ cho rằng trước đó Nguyễn Ngọc chiến đấu ở Tây Nguyên nhưng chưa hề gặp Núp). *Phải viết tiểu thuyết*. Nguyễn Ngọc tự bảo mình như thế. *Về sau nhìn lại tôi thấy những tác phẩm có thành công lần ấy là những sáng tác trong đó người viết đã đem được vào đây cái phần thể nghiệm, từng trải của riêng mình, bóng dáng, âm hưởng cuộc đời riêng, giọng điệu tâm hồn riêng của mình rất nhiều, mặc dù là viết người có thật, chuyện có thật.* (Sđd tr.128) Cả điều này nữa, nghe như đồng vọng lời cổ nhân đã từng nhắc trong quẻ Bí: *Chất phác nhiều hơn văn thì thành quẻ mùa...* Về sau Nguyễn Ngọc thú nhận rằng, ông đã đưa cái cấu trúc tiểu thuyết Pháp vào Đất nước đứng lên. Người đọc thấy cuốn sách kể chuyện về một người anh hùng Tây nguyên mà chẳng *quẻ mùa* tí nào.

Tiểu thuyết Đất nước đứng lên đã ra đời như thế. *Văn chương được người yểm trợ*. Ngay sau đó nó đứng vào hàng giải nhất văn chương. Đó là cuốn tiểu thuyết của định mệnh. Nguyễn Ngọc đã từng băn khoăn: *Nghĩ lại, sao mọi sự lại cứ dẫu vào đó, hay, đẹp thế nhỉ? ...Mọi việc cứ ngỡ như là ngẫu nhiên. Tôi có cái may mắn là một trong những người được cuộc sống nhân hậu và thông minh “đưa đẩy” theo con đường đó, qua một loạt “ngẫu nhiên” cứ đến tuần tự...* (Sđd tr.122) Không ngẫu nhiên chút nào. Cái mầm cây Nguyễn Ngọc sinh giữa thời Thăng, hào 3 dương, vốn đã mang nguyên khí của Đất, lại nhún thắm một đời sống văn hóa đẹp của vùng đất Tây Nguyên, len lách qua những tầng đá sỏi đi lên và khi gặp Núp, len lách một ánh sáng ấm áp soi xuống, cái mầm cây cựa quậy, vươn mình... Bản thân Núp cũng là một cái cây trong lòng đất Tây Nguyên. *Liều không hiểu gì cả, đứng nhìn*

theo, thấy cái tóc của Núp gió thổi bay bay, rồi mất vào trong lá cây màu xanh. Liều tháo cái chum ra, nhúng xuống nước cho dẻo sợi giang, quăn tròn lại, giấu thật kỹ vào đáy gùi, rồi leo lên đường, đi ra rẫy. Đi ngang qua rẫy của anh Núp, Liều dừng lại ngó vô. Lúa của Núp chín rồi, bà mẹ anh đang suốt, cái lưng cong xuống. Cái rẫy của anh Núp to quá, to nhất làng Kông Hoa. Bể dài nhiều sải tay lắm, đếm lộn nhiều lần, đếm không hết. Bể ngang cũng nhiều sải tay lắm, đếm cũng không hết. (Đất nước đứng lên. NXB Kim Đồng-Hà Nội-1998 Tr. 15).

Nguyễn Ngọc ngắm nghĩa Cấu trúc Hà Lạc của mình, bảo tôi: Ông giải thích cho mình cái chặng đường 6 năm hào 1 quê Thăng này xem sao. Đây cũng là những năm đầy những biến động của đời mình.

Hào 1 quê Thăng của Nguyễn Ngọc thật ra phản ánh một chặng đường (1959-1964) tốt đẹp. Lời hào nói rằng: *Có lòng tin, nhu thuận, khiêm nhường, cung kính, được người dắt dẫn, giúp sức, được lời* (ở đây là sự hướng dẫn) *nguyên thủ, được tiến cử, thành giường cột quốc gia.* Nhưng Kinh Dịch không bao giờ phản ánh sự tốt đẹp đơn thuần, tuyệt đối. Các quẻ tách ra hàng năm cho thấy chủ thể luôn đứng trước những thử thách. Tôi chỉ đưa ra hai năm tiêu biểu trên chặng đường đó. Năm 1960, hành lang của ông là quẻ Địa Hỏa Minh Di, chủ mệnh là hào 2. Minh là Sáng, Di là Đau, là tổn thương. Tượng quẻ là Lửa ở trong Đất. Lửa trong đất nên ánh sáng không thoát ra được, ánh sáng bị tổn thương, sáng đấy mà đau đấy. Hào 2 bảo rằng năm này, *ánh sáng bị tổn hại*, ông sẽ gặp nạn như người bị đau ở đùi trái, nhưng cũng sẽ mau khỏi, sẽ lại như con ngựa mạnh mẽ tiến lên. Sẽ là năm có uy có quyền, có vai trò chinh phạt cho dân yên, nước vững. Là năm kẻ sĩ chiếm công đầu. Nhưng Lời quẻ cũng như lời hào đều nhấn mạnh: *Muốn khởi hình phạt kẻ tàn bạo thì phải xem có thuận lòng trời không.* Lòng trời ở đây là chính nghĩa, là đạo lý, nôm na là lẽ phải. Muốn cho lẽ phải thắng thì người

quân tử được quẻ này phải biết *che cái sáng* của mình đi, nếu được quyền chỉ huy mọi người thì phải biết làm cho người ta *không sợ cái sáng của mình*. Như ông Cơ Tử đời xưa (thời nhà Chu bên Tàu) là người hiền tài, bị vua nghi ngờ ra lệnh đuổi ra khỏi kinh đô. Cơ Tử đã *che cái sáng* của mình, giả điên và giả làm người đi ở, để được yên thân, nhờ thế thoát nạn, sau cố thời cơ lại mạnh mẽ tiến lên và trở thành một nhân vật của thời đại. Vậy năm Canh Tý (1960), năm Minh Di của nhà văn đã diễn ra thế nào? Năm 1959, Nguyễn Ngọc đi thực tế về vùng công nghiệp, lên khu gang thép Thái Nguyên rồi sang khu công nghiệp Việt Trì. Nhiều bạn đọc yêu quý ông đã vui mừng đón tiếp và giúp đỡ ông đi vào đời sống. Nguyễn Ngọc viết truyện vừa *Mạch nước ngầm* (MNN) công bố vào năm 1960 (in chung cùng Ngõ ngang xóm thợ của Võ Huy Tâm. *Mạch nước ngầm*, NXB Văn Học, Hà Nội, 1960). MNN vừa ra đời lập tức được bạn đọc hoan nghênh, nhưng chẳng bao lâu xuất hiện một luồng ý kiến công khai phê phán truyện, cùng với những tiếng xì xào rằng tác giả chưa nắm vững đường lối văn học, chưa nắm được hiện thực, rằng hiện thực cuộc tiến quân vào khoa học kỹ thuật của những con người mới không như cái nhìn bi quan của tác giả MNN (chẳng hạn tác giả đã dùng từ *dốt nát* để miêu tả một nhân vật chính diện). Rằng tâm trạng các chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc không đến nỗi u ám như trong tác phẩm: *“Chúng ta vẫn chưa đủ sức dò cho hết những mạch nước ngầm trong lòng đất, và trong lòng người”* (Sđd. tr 32). Vậy là Minh Di, sáng và tổn thương. Tác giả đã lặng im, né mình tránh cơn sóng lớn. Ông tiếp tục đi, *“lần này tôi lang thang suốt cả năm trời vùng Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang...”*. Riêng ở Hà Giang đúng vào lúc có động, một nhóm phi đang làm rối an ninh. Nhà văn đã dừng lại và vào cuộc chiến đấu như những ngày ở Tây Nguyên. Có lúc cũng nắm quyền chỉ huy một binh đội, học cưỡi ngựa của người H'Mông, nói tiếng H'Mông. Không ai biết ông là nhà văn, vậy là ông đã

giấu cái sáng của mình, làm cho người ta không sợ cái sáng của mình, cho đến khi ông ra khỏi cuộc chiến đấu và về Hà Nội với bút ký nổi tiếng *Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng*, in đây một trang báo Nhân Dân khổ lớn.

Năm Nhâm Dần (1962), Nguyên Ngọc được quẻ Thuận Chấn, hào 4. Thuận chấn là hai lần sấm, sấm dôn, gây chấn động. Sấm động thì vạn vật nảy sinh, cho nên hanh thông. Lời quẻ bảo rằng người quân tử được quẻ này thì *phải biết lo sợ, xét và luôn sửa mình, được như thế thì tránh được tai họa, mà sau sẽ vui vẻ, sấm động vang trăm dặm mà trong lòng vẫn vững*. Tuy nhiên chủ mệnh năm này là hào 4 thì xấu lắm: như *Sấm chìm xuống bùn*, một hào dương là bản thân, bị kẹt giữa bốn hào âm, lo sợ mà không thoát được, đành chìm đắm thôi. Muốn khỏi chìm đắm, năm nay phải tiết chế dục vọng, tiết chế những ham muốn, chịu đựng rất nhiều, tuy sự nghiệp chưa khởi sắc nhưng cũng duy trì được tư thế. (Mệnh không hợp cách thì coi như vùi thân vào cát bụi, bùn lầy, dễ mất thể thống, ăn uống kham khổ, đạm bạc). Quả nhiên năm nay nhà văn tình nguyện đi Nam. Nguyên Ngọc kể: *Cho đến khi có tin những cuộc nổi dậy, rồi cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam bắt đầu, thì chúng tôi (NN và nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn) háo hức, chạy xuôi chạy ngược, chỗ này chỗ kia, nài nỉ được lên đường về Nam. Đến đầu năm 1962 thì tôi được gọi. Lúc này Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đã được thành lập. Anh Nguyễn Đôn, Tư lệnh quân khu, điện ra Hà Nội, xin đứng tên tôi vào. Nguyễn Ngọc Tấn cứ lẳng lẳng. Anh chạy khắp các cửa, kêu kiện “sự bất công” này. Cuối cùng anh cũng được quyết định trở về Nam Bộ. Chúng tôi lên Sư đoàn 338 ở Xuân Mai để tập luyện và bồi dưỡng một tháng. Trong “một tháng” đó, hai nhà văn phải tập đi bộ, leo núi, mang vác nặng, phải tước bỏ hành trang, tính đến từng cái khuy áo một, phải tập mang từ một viên gạch đến mười viên gạch... Có nghĩa là phải biết lo, phải rèn luyện rất nhiều, chịu đựng nhiều, tiết chế nhiều để thích ứng với hoàn cảnh gian khổ,*

khắc nghiệt mới. Rồi lên đường. Đối với tôi, có một sự trùng hợp rất lạ, tôi rời miền Bắc trở vào Nam đúng ngày 19-5-1962, tức là tôi ở miền Bắc đúng trọn 7 năm, không sai một ngày... Tôi về cơ quan Bộ Tư lệnh khu 5 bấy giờ đóng ở vùng Nước Non, huyện Trà Mi, tây Quảng Nam, gặp anh Nguyễn Đôn, tư lệnh quân khu. Anh bảo: Trước hết, cậu nhận một cây rựa và đi phát rẫy đã. Vấn đề bây giờ là tồn tại. Tôi nghĩ: nghe cứ như là Hăm-lét ấy nhỉ. To be or not to be (Tồn tại hay không tồn tại). Nhưng mà đúng như thế thật, trước phải tồn tại đã, nghĩa là đừng chết đói và đừng để bị địch tiêu diệt, rồi mới dần dần gây dựng lên tất cả, gần như là từ tay trắng (Sdd. tr. 132-135) Đúng là năm Thuần Chấn, hào 4: một hào dương bị bốn hào âm ép trên, ép dưới. Nhờ biết lo lắng, luôn răn mình nên cuối cùng thoát hiểm, đi đến đích.

Chặng đường 1965-1973, hào 2 quẻ Thăng: Có lòng chí thành, thành thực với trên, tài đức lớn, trên mến dưới kính, sự nghiệp hiển hách. Nên danh. Lòng chí thành đó chính là cách sống ở chiến trường mà Nguyễn Ngọc cùng Nguyễn Ngọc Tấn đã tâm sự với nhau đêm chia tay ở rừng Tây Thừa Thiên, một người vào Nam bộ, một người xuống khu 5: Chúng tôi hẹn nhau sẽ đi đến cùng trong cuộc chiến đấu này, cho đến ngày thắng lợi, không bỏ dở giữa chừng, và nếu một trong hai đứa hy sinh, thì ngày hòa bình, đứa kia phải đi tìm gia đình cho bạn... Tôi nhớ hồi đó ở chiến trường, anh em văn học khu 5 thường trao đổi với nhau: Chúng tôi không đồng tình, không thích lắm nói đi thực tế. Tổ chức một chuyến đi thực tế, đến xem người ta làm, người ta đánh nhau, mình thì chăm chăm giở sổ tay hí hoáy ghi chép, rồi về ngồi viết. Chúng tôi muốn và thực sự làm kiểu khác: thật sự vào cuộc với mọi người, nhất thiết không làm người đi xem, làm người đứng ngoài. Có lúc thật sự đi làm cán bộ phát động quần chúng phá kim nôi dậy, có lúc đi làm bí thư chi bộ ở xã, cán bộ quân sự hay chính trị ở đại đội, tiểu đoàn, cũng có anh nhận cầm quân đánh nhau thật sự...Cái mình sẽ viết ra

là cái mình sống, viết bằng sống (và chết) của chính mình, chứ không phải là cái nghe lỏm được của cuộc đời, cuộc chiến đấu. (Sđd. tr. 135)

Đó cũng là những năm tài đức lớn, sự nghiệp hiển hách của nhà văn. Ông viết tùy bút *Đường chúng ta đi*, truyện ngắn *Rừng xà nu*, tiểu thuyết *Đất Quảng*. Năm 1967 được bầu làm Chủ tịch Hội Văn Nghệ giải phóng Trung Trung bộ. Năm 1971 tiểu thuyết *Đất nước đứng lên* được Giải thưởng Hoa Sen của Tổ chức Nhà văn Á Phi.

Từ năm 1974 Nguyên Ngọc bước vào vận hội mới Thủy Địa Tỷ. Thủy là Nước. Địa là Đất. Tỷ là gần gũi, sánh vai. Thánh nhân khuyên người được quẻ này cần coi trọng việc kết bạn, thân với người dưới, gây dựng các đầu mối, đừng để mất cơ hội làm thân, gần gũi. Chủ thể sinh tháng 7 được quẻ này rất tốt, lại có Địa nguyên khí hỗ trợ. Nền chung cả hậu vận là tiếp nối thời Thăng, hưởng thành quả những năm phát triển rực rỡ, nhưng bắt đầu sang thời Tỷ với chủ mệnh là hào 6 thì xấu. Tượng hào và lời hào cho biết: Tuy được thời thân hữu, gần gũi, sánh vai với mọi người, nhưng mất đầu mối để làm thân, không làm sao cảm hóa được thiên hạ, dù văn tài võ giỏi cũng mất thời cơ, chẳng kịp nữa. May nhờ có Địa nguyên khí và nhờ quẻ Tỷ hợp với mùa sinh tháng 7, nhờ hơn 40 năm rèn luyện nhân cách người quân tử, nên có thể là chủ thể đã ý thức được những tín hiệu xấu, tăng cường gây đầu mối để luôn có dân bên mình, biến xấu thành tốt, tạo nên nhiều cơ hội phát triển, dần thân, duy trì được vai trò, vị trí xã hội. Có điều là phải chú ý có quẻ Bác kẻ bên (xem Cấu trúc Hà Lạc), luôn nhắc nhở phải đề phòng, nhớ rằng đang ở thời âm thịnh dương suy, khi có thành quả đừng hưởng hết, phải biết gây mầm cho thời cơ về sau, thì cuộc sống mới bình an, làm người quân tử “ở ngôi nhà lớn, đi xe dân chở” (lời hào 6 quẻ Bác).

Đây là những năm Nguyên Ngọc được cử làm bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam, đại biểu Quốc hội, Tổng biên tập báo Văn Nghệ, ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn

Việt Nam khóa 4, trưởng ban sáng tác của Hội, Tổng thư ký Hội Văn hóa vì Môi trường, tham gia giảng dạy trường Đại học viết văn Nguyễn Du. Khí chất thiên nhiên tạo nên ảnh hưởng trong đời sống tinh thần của Nguyên Ngọc những năm này là Đất, Nước, Núi. Đây là những năm ông làm các kịch bản phim Đất nước đứng lên, Đường mòn trên biển đông, tham gia nghiên cứu khoa học về Con người đất Quảng (do ủy ban nhân dân Quảng Nam chủ trì).

Khí chất Đất, Nước, Núi và Gió và Cây nhuần thấm trong cảm xúc văn chương của Nguyên Ngọc sâu đậm và mạnh mẽ đến mức chỉ đọc tên các tác phẩm của ông đã biết cái tượng quẻ trong cấu trúc Hà Lạc của ông là những gì, những trích dẫn ở trên đã cho thấy điều đó. Không chỉ có thế, ông còn có những trang văn rất hay tả những hiện tượng thiên nhiên kể trên và nhất là cái âm vang, cái ánh ỏi, hòa sắc của chúng trong đời sống xã hội, con người.

Đồng chí giao thông huyện chính là cháu gọi Cẩm bằng chú. Cẩm biết nó từ khi nó lọt lòng mẹ, nó còn bằng cái nắm tay thế này, nó đỏ như một hòn máu. À, thế mà nó lớn nhanh hơn một cái cây bên suối đấy. Không biết cái gì nuôi nó nhón nhanh thế. Đi ra ngoài nương, đi về trong nhà, đã thấy nó nhón bằng con lợn ba tháng rồi. Tra lúa, lúa có sữa, nó đã nhón bằng con hoẵng con. Lúa chín thì nó biết ngồi. Gặt lúa thì nó biết đứng. Lại đốt rẫy thì nó biết đi. Từ đó. Cẩm cứ tính tuổi nó bằng mùa mưa. Một mùa mưa, hai mùa mưa, ba mùa mưa. Chẳng bé lúc đầu còn như một con bê, sau nó thành một con chó lai, sau dần dần thì nó đã trở thành một con cạp, một con cạp thật đấy. Rừng núi nào nó cũng không chứa. Bụng nó sáng như thắp đèn trong ấy. Cái gì nó cũng biết, chỉ cái sợ là nó chưa biết. Cứ mỗi mùa mưa, Cẩm lại quệt cho nó một cái quệt than đen sì lên cây cột nhà. Năm cái quệt, sáu cái quệt, bảy cái quệt. Cẩm tính tuổi cho nó, nhưng lại quên tính tuổi cho mình. Khi cây cột nhà của thằng bé được bảy cái quệt than, thì quanh mồm Cẩm đã lún phún

dây râu là râu. (Rẻo cao. Truyện ngắn. NXB Văn học, Hà Nội 1992, Tr. 107)

Những đêm mưa to gió lớn, đốt lửa ngồi trong nhà rông, bok Sung thường kể cho con cháu nghe những câu chuyện về núi, rừng, trời, đất, sông, nước. Tất cả những thứ đó, bok Sung kể, không phải là vô tri vô giác đâu. Khi bình thường, nó hiền lành. Núi rừng thì có mặt ong, có cây gỗ làm nhà, sông suối thì đem nước cho người uống, đem cá cho người ăn, và nước khi chảy mệt dừng lại nghỉ chân ở các bến có cây to thì trong lấm, chỉ ngồi trên hòn đá, nhúng hai chân xuống cũng đủ mát lạnh cả người. Gió thì như anh chàng suốt lúa ăn no rồi cầm ná đi săn trong núi, khi thì chạy mau, khi thì đi rón rén, rình mò từng gốc cây, nòi thì thăm, sợ con thú rừng nghe, nó chạy mất. Đá thì lười biếng, quanh năm nằm ở một chỗ, không muốn đi đâu... Nhưng cũng có khi trời đất tức giận, không biết giận cái gì. Nước to lên, chảy ào ào dưới suối, có khi chạy tuốt lên rẫy, lôi cả cây, cả lúa, cả người ném xuống sông Ba. Gió gấm như con cạp chạy âm âm, gặp cái gì cũng xô ngã, bẻ gãy cây to bốn, năm người ôm, xô cả nhà, cả người ta. Nhưng khủng khiếp nhất là đá giận. Đá giận thì đá chạy!

Khi nhỏ, bảy tám tuổi, Núp thấy đá chạy một lần rồi. Thật là ghê gớm. Suốt đêm đó, gió và nước nổi giận trước. Tảng sáng hôm sau, hơi đỡ một chút. Gió mệt chạy chậm. Mưa nhỏ dần. Tự nhiên trên đỉnh núi Chư Lây tảng đá to nhất nổi giận. Trước tiên nó xô mấy miếng đất dưới chân nó ra. Nó chuyển mình, rồi bất thành linh nó lật ngược và vut chạy xuống núi. Nó chạy mau không thể cái gì chạy theo kịp. Nó bẻ gãy hết cây nào cản đường nó. Gặp con thú, nó đâm một cái, con thú chết bẹp ngay. Đến giữa đường, gặp đá bạn, đá con, nó thúc mỗi đứa một cái, tất cả đá ùa chạy theo nó. Thôi thì, cả núi rừng rung lên ào ào, đất thành khối đỏ bay mù mịt. Đồng bào sợ quá, rú lên, chạy vô trốn trong nhà. Các ông già làng nhiều kinh nghiệm, kêu lên:

- *Đá chạy! Đá chạy! ố, ố, trốn trong nhà không được đâu! Chạy ra suối hết, mau lên. (Đất nước đứng lên. Sđd Tr. 114-116).*

Sau này làm kịch bản phim Đất nước đứng lên (ĐNĐL), Nguyên Ngọc muốn tái tạo một tiểu thuyết ĐNĐL bằng một cái nhìn mới, sau 40 năm tiểu thuyết ra đời như một cuốn sách của định mệnh. Bộ phim đã dựng lại trước mắt chúng ta cái đẹp chất phác một làng Kông Hoa của Tây Nguyên, một Núp, một Hơ Liêu của Ba Na, trong một nền văn hóa với những quan niệm bền vững về vũ trụ, về con người và cuộc sống. Người ta thấy các tác giả muốn cất nghĩa sức sống Việt Nam, bản lĩnh Việt Nam là bắt nguồn từ văn hoá Việt Nam được Đảng và Bác Hồ đánh thức dậy. Những lễ hội và nghi thức, phong tục gắn với đời sống con người được miêu tả trong tiếng nhạc trầm hùng, nhịp điệu buồm thả như tiếng suối, tiếng gió, của rừng, của núi. Trước mắt người xem hiện lên một Tây nguyên mộc mạc và hùng tráng, tài hoa trong nghệ thuật tận dụng thiên nhiên và mô tả thiên nhiên. Nguyên Ngọc và các tác giả phim đã dày công để giới thiệu với người xem một ngôi đàn suối, phải nói rằng đó là cả một ngôi đàn, với những dụng cụ âm thanh là gỗ, đá, nước; sóng nhạc đung đưa thiết tha theo nhịp điệu suối chảy vào lòng cối, nhấn từng phím đàn. Tôi nghe Nguyên Ngọc kể chuyện rằng các tác giả phim phải lặn lội hàng trăm kilômét vào những vùng sâu mới tìm lại được những người còn lại hiếm hoi của Tây nguyên có tài năng xây dựng lại ngôi đàn kỳ vĩ. *Cái tượng Đất và Nước thuộc quê Thủy Địa Tỷ biểu hiện rất rõ ở hình tượng ngôi đàn suối ấy.*

Bộ phim được xây dựng hết sức công phu này tiếc thay lại vướng vào một sai sót đã tiềm ẩn trong mệnh của tác giả kịch bản. Quẻ hồ Lôi Trạch Quy muội của Nguyên Ngọc bảo rằng ông sẽ có nhiều sai lầm kiểu “quy muội” (gả chồng cho em gái): thường hay qua loa, đại khái, thiên lệch theo ý thích của mình, lại có khi như vua Đế Ất gả em gái cho một người thường dân, quá coi trọng đạo đức đến mức để cho cái

“tay áo của nàng hầu lại đẹp hơn của công chúa”. Quê Quy Muội chủ yếu trong thời Thăng, còn phát huy tác dụng sang cả thời Tỷ của ông. Ở đây đúng là Nguyên Ngọc có một cái sai đáng yêu theo kiểu “Đế át quy muội” như thế: ông đã cùng đạo diễn quá đam mê vào việc dựng lại những lễ hội và phong tục Tây nguyên, khiến những trường đoạn ấy lẫn át cả tính cách và hành động nhân vật Núp, đôi khi làm cho phim mang dáng dấp một bộ phim tài liệu hơn là phim truyện.

Quê Lôi Trạch Quy Muội cũng chỉ phối Nguyên Ngọc trong quá trình làm Tổng biên tập báo Văn Nghệ.

Đó là những năm 1986-1988 thuộc Đại vận 6 năm 1986-1991, hào 2 quê Thủy Địa Tỷ. Lời hào rất đẹp: *Tài cao đức lớn, được nguyên thủ xứng đáng, quý hiển, phúc trạch lớn, ngôn hành đều thực tâm, tiếng tăm lừng lẫy*. Nhưng năm 1986, năm ông được phân công làm Tổng biên tập báo Văn Nghệ thì được quê rất xấu: quê Thuận Khảm, người xưa còn gọi là Tập Khảm, chủ mệnh là hào 2. Tượng quê là hai lần Nước, có nghĩa hai lần hiểm, một tập hợp hiểm nạn, thuộc loại quê xấu nhất trong Kinh Dịch.

Hào 2 quê Tập Khảm bảo rằng: *Năm nay ông gặp nhiều hiểm, hãm, gian nan, trở ngại. Hai lần hiểm. Phải có trí lực, mưu dụng thì mới vượt hiểm được. Ở chỗ hiểm lại đang gặp hiểm, nên chỉ làm được việc nhỏ thôi. Nhưng sẽ có công cầu được cái nguy đổ sập*. Theo các chuyên gia Hà Lạc, người quân tử gặp quê Tập Khảm, xem tượng quê, thấy có một hào dương ở giữa hai hào âm, biết mình gặp hiểm nạn, nhưng nhờ có lòng thành thực, nhất quán, sáng suốt, cảm được lòng người thì vẫn có thể thoát hiểm, đạt tới hanh thông. Muốn vậy phải vận động, di chuyển, như nước chảy, thì mới thông thoát. Người vào thời Tập Khảm thường thích phù suy hơn phù thịnh. Họ thường có dịp tỏ ra tài đức, vị tha, can đảm, nhân nghĩa, cứu giúp kẻ yếu, biết lo đại sự khi khó khăn, biết dấn thân; tất nhiên, dấn thân thì phải trả giá. Phan Bội Châu nhấn mạnh thời kỳ quê Tập Khảm, không tránh

được hiểm nạn, nhưng là người quân tử thì phải biết dụng hiểm (linh hoạt dùng mưu để thoát hiểm), ví dụ, cũng phải biết lựa lúc đổi phương sáng suốt nhất, đưa niềm tin, giao ước, qua cửa sổ. Qua cửa sổ (không đồng nghĩa với đi cửa sau), tuy không đang hoảng hốt, nhưng được lòng người, nhờ vậy mà thoát hiểm. Cái năm Nguyên Ngọc làm báo Văn Nghệ đúng là như vậy. Đó là năm *sóng Cái chiếc thuyền nan* của Tân Đà ngày trước. Tờ báo vượt lên trong cuộc đổi mới của đất nước. Nhưng tổng biên tập của nó thì gặp đầy hiểm nạn. Với tinh thần quẻ Thăng chuyển thành quẻ Tỷ, ông là người hết sức nhạy cảm với cái mới, tờ báo do ông phụ trách đã mạnh bạo đề xuất hàng loạt quan điểm đổi mới trong sáng tác văn học, giới thiệu hàng loạt tác giả mới được bạn đọc hoan nghênh. Nhưng cũng ở đây ông đã quá đà khi cho tung ra cả những mệnh đề như “văn chương phải đạo”, “lời ai điều cho văn chương minh họa”. Tất cả những cái đó hoàn toàn có thể điều chỉnh được nếu như chủ thể biết được trong cấu trúc mệnh của mình có cái anh Quy Muội. Bạn bè thường dùng chữ cực đoan để chỉ ra tính cách của Nguyên Ngọc trong các hoạt động xã hội và văn học, chính cái cực đoan đó là một đặc điểm “quy muội” của ông. Tiếc thay, chúng ta biết đến điều này quá muộn. Cuối cùng ông cũng chỉ làm được *những việc nhỏ* thôi, chưa đúng như tham vọng lớn. Sang năm 1987, quẻ Thủy Phong Tỉnh hào 3. Tỉnh là Giếng. Năm này vận mệnh ông giống như cái *giếng nước trong mà không được uống, trong lòng đau buồn... tuy vẫn đầy hứa hẹn*. (Lời hào 3). Ông phải đối mặt với nhiều luồng ý kiến khác nhau hoan nghênh hoặc phê phán. Năm 1988 quẻ Trạch Phong Đại Quá, hào 4. Năm này có những việc *quá lớn, phi thường, phải có gan, có chí mới làm nổi. Thấy việc phải, không ai làm, một mình cũng làm, dù có hiểm nguy. Thấy việc trái lẽ, cả thiên hạ theo, một mình không theo, dù bị chê trách. Cương nhu có đủ, gánh việc lớn, làm giường cột của đất nước, nhưng nếu thiên vị, quá nghiêng về phía mềm yếu thì việc sẽ hỏng*. Như

cây mọc trong rừng bị ngập nước, dễ bị đổ. Tuy vậy, phúc lộc đều có. Đây chính là năm ông vừa phải đối ứng căng thẳng với nhiều ý kiến phê bình báo, vừa phải chuẩn bị lễ kỷ niệm 40 năm báo Văn Nghệ. Cũng là năm ông phải chia tay với Hội Nhà văn Việt Nam khóa 4. Những năm Nguyên Ngọc làm báo Văn Nghệ quả là những năm Tập Khảm, Tỉnh và Đại quá. Phải đợi sang năm 1989 ông mới thực sự thoát ra với quả Lôi Phong Hằng hào 5. Lôi hào bảo rằng: Năm nay lấy đức nhu thuận mà giữ được vị trí, vai trò người lớn, trí thức cao, biến thông linh hoạt, nghị lực vững vàng, lại được vợ hiền giúp sức, nên vẫn được lâu bền. Tuy vậy lòng vẫn không yên, tiến liền thì dễ bị nhục. Đây là năm Đại hội nhà văn bầu ông vào ban Chấp hành Hội, với phiếu cao.

Không phải ngẫu nhiên mà những năm sau này Nguyên Ngọc viết nhiều về biển. Quê Thủy Địa Tỷ với tượng Đất và Nước đã tác động mạnh mẽ vào cảm xúc văn chương của ông. Ông làm kịch bản phim *Có một đường mòn trên biển Đông*. Ông còn tham gia nghiên cứu khoa học về con người Đất Quảng và làm kịch bản phim tài liệu lịch sử về Vịnh Hạ Long. Kịch bản phim *Có một đường mòn...* có dung lượng một cuốn tiểu thuyết lớn về những con người bình dị làm nên những sự tích anh hùng khai thông một con đường huyền thoại trên biển chở hàng vạn tấn vũ khí từ miền Bắc tiếp tế cho chiến trường miền Nam, những năm chống Mỹ cứu nước. Những con người mà chính Nguyên Ngọc thú nhận là không bao giờ có thể giải thích được hết. *Bởi chính sự giản dị của họ. Đó là nhân dân, cụ thể, âm thầm, vô danh. Như mặt đất, như biển. Không bao giờ có thể hiểu hết, nói hết về họ.* (Kịch bản phim đã dẫn. Tr. 30, bản đánh máy).

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Nguyễn Ngọc

Sinh 05-9-1932 lúc trước 7 giờ sáng tức 5 - 8 - Nhâm Thân, giờ Mão. Bạch Lộ: 08-08-Nhâm Thân. Do sinh trước tiết lệnh Bạch Lộ nên phải tính tháng sinh là tháng 7. Can Chi: Năm *Nhâm Thân*, Tháng *Mậu Thân*, Ngày *Kỷ Tị*, Giờ *Đinh Mão*. Mã số Can Chi: 6, 4-9; 1, 4-9 ; 9, 2-7; 7, 3-8.

Tiên Thiên Tiền Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----	22-27	-----	-----*	43-48	-----
-----	16-21	-----	-----	73-81	-----
-----	10-15	-----	-----	67-72	-----
-----*	01-09	-----	-----	61-66	-----
-----	34-42	-----	-----	55-60	-----
-----	28-33	-----	-----	49-54	-----
Địa Phong Thăng		Lôi Trạch Quy Muội	Thủy Địa Tỷ		Sơn Địa Bác

Hoá công: Không. *Thiên nguyên khí:* Không. *Địa Nguyên khí:* Khôn ở Tiên, Hậu thiên, Hỗ hậu thiên. Dấu *: Hào nguyên đường, chủ mệnh. Mệnh hợp cách ở mức trung bình cao.

TRẦN ĐĂNG KHOA

Nhà thơ của góc sân và khoảng trời

Nhà thơ *Trần Đăng Khoa* (TĐK), sinh vào giờ Dậu ngày Tám tháng Ba năm Mậu Tuất (26-4-1958), ở vùng quê của anh bên bờ sông Kinh Thầy (Hải Dương). Cấu trúc Hà Lạc của anh phản ánh hết sức đầy đủ tâm tính và cảm xúc văn chương cũng như những bước đường đời anh đã đi qua. Quê Tiên thiên, là quê giới cho anh, là quê *Phong Địa Quán*. Phong là Gió, Địa là Đất. Tượng thiên nhiên của quê là Gió đi trên Đất. Quán, hay còn gọi là Quan. Quán là *làm cho thấy*, còn Quan là *thấy, là quan sát, xem xét, nhìn ngắm và suy ngẫm*. Khi đọc tên quê người ta đọc là *Quán*, khi đọc lời của từng hào, thì gọi là *Quan*. Các nguyên thủ đời xưa coi tượng quê *làn gió lướt trên mặt đất* mà bắt chước thiên nhiên đi quan sát dân tình, suy tính đặt ra các chính sách cho dân. Phan Bội Châu nêu ví dụ: *Tỷ như, xứ nào suy kiệt về nghề nghiệp thì dạy bằng nông tang, xứ nào suy đồi phong hóa thì dạy bằng lễ nghĩa, dân khiếm nhược thì dạy bằng thượng võ, dân hiếu dũng thì dạy bằng thượng văn. Đó là cách quán của bậc nguyên thủ vậy*. Còn đối với những người bình thường, người được quê Quán, người nào cũng mang sẵn trong mình một niềm ưa thích hoặc năng khiếu quan sát nhạy bén, thích nhìn ngắm, đối chiếu, so sánh, suy ngẫm. Quê Quán cho ta biết ta ở vào thời Quán, thời của quan sát và suy ngẫm. Người được quê Quán lại có hào chủ mệnh tốt, ở vào giai đoạn có vị, có thế, có cơ hội, có ưu tiên năng lượng của trời đất (Hóa công), có nguyên khí của Trời và Đất (Thiên nguyên khí, Địa nguyên khí) thì đó là những tín hiệu của tài năng, người đó có thể thành các nhà báo, các nhà văn, nhà khoa học. Người mẹ quê mùa ở đất Nam Sách đã may mắn sinh được cậu con trai vào một thời điểm có gần đủ những tố chất đó. Trong *Chán*

dung tự họa của TĐK, hình như anh có linh cảm thấy mình được giới cho một cái gì: Đối với TĐK, thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Suốt đời y có ý thức vươn tới loại thơ đó. Nhưng để làm được điều ấy, một phần do y, một phần khác còn do... ông giới! Nhưng ông giới ở đâu, tính khi ông ta thế nào thì suốt đời y, y cũng không thể hiểu được. (Chân dung và Đối thoại, Nxb Thanh Niên, Hà Nội 1998).

Trong bài viết này chúng tôi cố gắng quán cái điều anh còn có về nghi ngờ đó. Ta hãy ngắm nghía cái cấu trúc Hà Lạc của anh và lần theo những dấu vết đường đời anh đã đi qua, những dấu vết mà cấu trúc Hà Lạc đó để lại trong văn chương của anh. Quê của TĐK thuộc loại mệnh hợp cách ở mức thấp, nhưng mặt khác lại có nhiều ưu tiên thuận lợi. Những ưu tiên đó là: Về cuối đời sẽ có ưu tiên về năng lượng của ông Giời và có nguyên khí của Đất. Thôi hãy để đấy và đợi xem cái ưu tiên ấy nó thế nào. Tuổi Mậu Tuất có mệnh Mộc (đất bằng), gặp quẻ Tồn là tín hiệu cho thấy tuổi nhỏ có nhiều dao động, trắc trở, lo âu, thiếu tự chủ và bình tĩnh. Nhưng cũng chính tuổi nhỏ ấy đã chiếm cái hào 4 là hào Nguyên đường, chủ mệnh, với lời hào thật đẹp: *Xem vẻ sáng của đất nước mà biết sử dụng cho tốt cái lợi thế ở gần bậc nguyên thủ*. Hà Lạc cho biết người được hào này có chứa chất trong mình *cái nghĩa của người nguyên thủ và người phụ tá trong thời thịnh*. Đó là tín hiệu cho biết người này sinh ra là để làm người quan sát, chiêm ngưỡng và ca ngợi những vẻ đẹp của đất nước, suy ngẫm và làm lợi cho thiên hạ. Chủ thể sẽ có tư thế người phụ tá cho các bậc nguyên thủ, và là phụ tá trong thời thịnh, lời hào khuyên phải biết tận dụng cái lợi thế ấy và giữ cái nghĩa làm phụ tá, chớ có vượt qua. Tượng của hào còn nhận mạnh ý nghĩa *xem vẻ sáng của nước mà sinh chỉ hướng muốn hiến thân cho nước*. Hào 4 là chủ mệnh sẽ đi xuyên suốt cuộc đời chủ thể đồng thời phản ánh chặng đường từ 01 đến 06 tuổi. Ngay sau đó là hào 5 phản ánh chặng đường từ 07 đến 15 tuổi. Hào 5 là hào có vị trí *chỉ tôn*, hào

vua trong 6 hào của quẻ Dịch. Lời hào cho biết chủ thể đến chặng đường này sẽ coi trọng việc quan sát và suy ngẫm về bản thân mình, qua vẻ sáng của đất nước và của nhân dân phản ánh vào mình, để từ đấy mà thấy được mình như *tấm gương* của đất nước và thiên hạ. Tượng của Hào còn cho biết thêm: Xem xét mình đâu phải chỉ xem xét mình. Vì mình (ở chặng đường này) ở vào vị trí chỉ tôn nên cái mình ấy đã phản ánh trong nhân dân, nên xem xét mình có nghĩa xem xét nhân dân, có nghĩa coi nhân dân như *tấm gương để xem xét mình*. Cái sứ mệnh tuyệt đẹp đó ở tuổi thần tiên từ 7 đến 15 tuổi thì đó chính là tín hiệu thần đồng ở TĐK, như mọi người đã biết. (Tín hiệu thần đồng đó cũng phản ánh trong bài toán Tứ trụ: Đại vận Đinh Tị của chủ thể từ 04 đến 13 tuổi là đại vận Từ Quán. Từ quán là tín hiệu tài trí ở bậc hàn lâm, học viện). Do tượng của quẻ, ta biết những tố chất thiên nhiên ảnh hưởng vào tâm tính, vào cảm xúc, tiềm ẩn trong TĐK là Gió (cũng là Cây), Đất, Núi, Trời, sau đó đến Sấm chớp và Đám hồ. Thơ của TĐK nhuần thấm những vẻ đẹp và những khí chất thiên nhiên đó. Không phải ngẫu nhiên mà anh đặt tên cho tập thơ đầu cũng là tác phẩm hay nhất của anh cho đến nay, in đi in lại trên 30 lần, là *Góc sân và Khoảng trời*. Góc sân, chính là Đất. Còn cái bầu trời sau này sẽ trùm lên trong hậu vận của anh (quẻ Địa Thiên Thái) thì ở tuổi thơ mới hiện lên lấp lánh trăng sao và xanh biếc mênh mông trong một khoảng nào còn rất hạn chế ở một góc sân nhà.

Góc sân nho nhỏ mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em trông

Thấy trời xanh biếc mênh mông

Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy.

Cảm xúc thiên nhiên mạnh nhất thời thơ ấu của nhà thơ là Đất và Cây cối, lúa má. *Hạt gạo làng ta / Có vị phù sa / Cửa sông Kinh Thầy / Có hương sen thơm / Trong hồ nước đầy...* (Hạt gạo làng ta). Những bài thơ hay như *Côn Sơn*, *Đêm Côn Sơn*, *Khi mùa thu sang...* thấm đẫm cái cảm xúc về Đất, Gió, Cây đã đi vào mệnh vân chương của TĐK.

*Sáng trên đỉnh Côn Sơn
Hương đồng thơm trong túi
Chiều xay thóc góc nhà
Tóc lại bay gió núi*

(Côn Sơn)

*Tiếng chim vách núi nhỏ dần
Rì rầm tiếng suối khi gần khi xa
Ngoài thêm rơi cái lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.*

(Đêm Côn Sơn)

*Mặt trời lặn xuống bờ ao,
Ngọn khói xanh lên lúng liếng
Vườn sau gió chẳng đuổi nhau
Lá vẫn bay vàng sân giếng*

*Xóm ngoài nhà ai già cỗi
Làn sương lam mỏng rung rinh,
Em nhỏ cười trâu về ngõ,
Tự mình làm nên bức tranh*

*Rào thưa tiếng ai cười gọi,
Trông ra nào thấy đầu nào
Một khoảng trời trong leo lẻo
Thình lình hiện lên ngôi sao*

(Khi mùa thu sang)

Câu *Tự mình làm nên bức tranh* là câu thơ của định mệnh, đó là câu thơ của hào 5 quẻ Quán. Bạn đọc hãy chú ý TDK cũng rất nhạy cảm với Sấm chớp (xem quẻ Hồ Hậu Thiên): *Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy* (Góc sân và khoảng trời). *Bống đầu vang tiếng sấm rền/ Tỉnh ra em thấy trong đèn đỏ hương* (Đêm Côn Sơn). Xuân Diệu cũng rất chú ý loại cảm xúc sấm chớp này nhưng ông không hề biết nó tiềm ẩn từ trong mệnh văn chương của TDK. Ông đặc biệt chú ý bài Mưa. Ông chất vấn:

- Tại sao lại đội sấm, đội chớp? Ông sấm ông ấy đánh cái sệt. Thế cậu muốn bố cậu chết hay sao mà bắt ông ấy đội sấm?

Tôi không dám cãi Xuân Diệu, chỉ cười trừ. Xuân Diệu cũng cười. Nhưng mấy ngày sau, vào lúc 10 giờ đêm ngày 1-6-1968, cái làng quê hẻo lánh, yên tĩnh của tôi đã vang lên giọng bình thơ của ông Tây qua các loa công cộng, trong buổi phát thanh Tiếng thơ. Giọng Xuân Diệu sang sảng:

Bố em đi cày về

Đội sấm

Đội chớp

Đội cả trời mưa...

(Chân dung và Đối thoại, sdd)

Đặc biệt trong trường ca *Đánh thần hạm*, TĐK thả sức vùng vẫy đôi cánh lớn của cảm xúc về Sấm Chớp, vì đó là trường ca về những cuộc chiến đấu ở trên trời:

Bỗng thần sức tỉnh

Dọc ngang vô cánh,

Vòi quật chéo không trung

Lửa trắng

Lửa xanh

Lửa tím,

lại bốc lên bùng bùng

TĐK đã đi gọn một chặng đường chói sáng 9 năm hào 5 quê Quán. Chú bé cũng đã tìm thấy nguyên thủ của mình: Đó phải chăng là nhà thơ Xuân Diệu. Chú bé đã thành người phụ tá của ông. Ông đã đến góc sân nhà em, hỏi chuyện và nhìn ngắm, đã giới thiệu chú bé trên báo Văn Nghệ và đưa chú bé về Hà Nội. Đã chữa thơ cho chú bé, và nhiều khi chỉ chữa một chữ thôi, câu thơ hay hẳn lên. Ông bụt trên chùa Côn Sơn, TĐK viết: *Sợ gì ông vẫn ngồi yên lưng đèn*, Xuân Diệu chữa là *Nghĩ gì ông vẫn...* Sau này, trong cuốn sách *Chân dung và Đối thoại*, bài viết về Xuân Diệu là một trong những bài viết hay nhất của TĐK. Họ đã đi trọn cái nghĩa

nguyên thủ và phụ tá trong thời thịnh. Nhưng, tiếc thay, cả Xuân Diệu và TDK đều không biết rằng thánh nhân đã nhắc nhở TDK bằng quả Hổ mang tên **Son Địa Bác**. Hào 5 quả Quán ứng với hào 6 quả Bác. Lời hào 6 quả Bác nói rằng: *Còn một trái lớn trên cây, không hái xuống ăn...* Có nghĩa là những thành tựu giành được ở hào 5 quả Quán chẳng qua là hào Dương duy nhất còn lại ở quả Bác, phản ánh thời âm thịnh, dương suy, ví như trái lớn cuối cùng còn lại trên cây, ngon đấy, nhưng là người quân tử thì chờ đợi mà hái xuống ăn. Ăn là hết đấy. Hãy để cho trái chín rụng xuống, hạt nó lại nảy mầm, và ta sẽ lại có cây có quả. Nhưng chú bé TDK đã hái xuống và ăn hết, ăn ngon lành. *Bài thơ đầu tiên của TDK được in trên báo Văn Nghệ vào năm 1966. Khi đó y 8 tuổi, đang học ở học kỳ 2 lớp Một trường làng. Và năm 1968, tròn 10 tuổi, tập thơ Góc sân và khoảng trời của y ra đời. Lúc ấy, người làm thơ còn ít, trẻ con làm thơ lại càng ít, nên nghiêm nhiên, y thành của hiếm, thành đặc sản. Nhiều người tò mò, lặn lội hàng trăm cây số bom đạn, tìm đến nhà y, chỉ cốt để xem... xem y như xem... ma quỷ hiện hình. Có người còn bắt y xòe tay nom đường chỉ, vạch tóc ngó xoáy đầu, rồi lẳng lẽ ra đi với gương mặt rất bí hiểm. (Chân dung tự họa. sdd). Hàng ngàn chú bộ đội đã lần lượt giải chiếu ngủ trên nền đất nhà tôi, đã mắc võng nằm trong vườn cây nhà tôi. Các chú nghe thơ tôi, chép thơ tôi vào sổ tay và mang nó ra mặt trận. (Đôi lời của tác giả, Góc sân và khoảng trời NXB Văn hóa Hà Nội 1998).*

Đọc những câu ấy, cho đến bây giờ ta thấy TDK vẫn còn thưởng thức cái dư vị ngon lành của trái cây duy nhất còn lại trên cảnh âm thịnh dương suy ấy. Nhưng biết làm sao được. Chính mọi người đã hái trái cây ấy xuống, và chú bé chỉ việc bóc ăn. Mãi đến bây giờ chúng ta mới nhìn ra cái quả Bác ấy.

Bởi vì, sau cái thời đoạn ấy, là đến những chặng đường gian nan. Từ 16 đến 24 tuổi của TDK ứng với hào 6 quả Quán: *Trở lại với bản thân để tự trị, làm tiêu biểu cho dân.* Có nghĩa là tự xét mình, trần trở muốn vượt lên xứng

đáng là tấm gương đối với mọi người. Hà Lạc giải đoán: *Tám trạng u uất, không phát triển được tài năng. Tiến lên một cách gian nan, chưa toại ý. Thánh nhân khuyên: Nên đi vào con đường thanh tu (tu tâm cho trong sáng). Từ 25 đến 30 tuổi tiếp theo là một chặng đường xấu nữa của chủ thể, ứng với hào 1 quẻ Quán. Hào này tả cách quan sát giống như đứa trẻ con nhìn lên phía trên, là trẻ con thì như thế không sao, nhưng đã chót làm người quán tử rồi, thì như vậy là hối tiếc. Hà Lạc giải đoán: Không có đức, cảm thấy không xứng đáng với nguyên thủ (ở đây là nhân dân và Đảng). Trở về với cái nhậy cảm thời trẻ nhỏ, muốn đi lại con đường đã qua, nhưng chỉ tỏ ra vụng về. Muốn hướng về đồng quê, nhưng muộn rồi, hối tiếc. Tính thì khéo, làm thì vụng, có lúc ngớ ngẩn, dễ bị lừa. Sáu năm tiếp theo nữa, từ 31 đến 36 tuổi, cũng thế: Cách quan sát giống như người con gái trinh, thích nhìn trộm, thường lặng lẽ, lén nhìn lên cái thời rực rỡ hào 5 của mình, đối với người gái có nét trinh, thì như thế còn thích hợp, nhưng đối với kẻ trượng phu mà như thế thì đáng xấu hổ. Hà Lạc giải đoán: Nhìn lại một thời rực rỡ, thấy xấu hổ. Chí thấp, tài mỏng, không nhìn xa được. Trong lời giải cụ thể, Hà Lạc còn chỉ rõ thêm một cách đáng sợ: Văn lý không thông hoạt (ý nói văn chương xuống hạng). Tối ở nhà, sáng ở chợ, lang thang quê người, muốn làm giàu. Được quý nhân là nữ giúp đỡ (nếu lấy vợ thì được vợ giàu). Mức sống kém, vẫn giữ nếp quê mùa. Buồn vui phức tạp. Có điều gì xấu hổ khi có ai nhắc đến chuyện vợ con. (Xin bạn đọc giờ xem quẻ Phong Địa Quán, đọc lần lượt các hào 6, 1, 2).*

Ba chặng đường, thẩm thoát hơn hai chục năm trời, ứng nghiệm đến đâu chỉ có chủ thể mới biết được. Còn chúng ta, là người thiên hạ, yêu mến TĐK thì được biết như sau: Mười tám tuổi, anh đi bộ đội Hải quân. Đó là hành động đã được báo trước: *Xem về sáng của nước mà sinh ý chỉ muốn hiến thân cho nước.* Chỉ có điều buồn cho người đọc là chặng đường này anh ít có thơ hay. Nhìn vào cấu trúc Hà Lạc của anh thì thấy hoàn toàn không có tượng Nước, cảm súc về

Nước của anh không có ưu thế trong mệnh văn chương. Dấu vết chẳng đường này được bạn đọc biết đến qua bài thơ nổi tiếng *Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* (Giải nhất thi thơ báo Văn Nghệ 1981-1982). Tuy nhiên, nhìn bằng con mắt quê Quán, thì bài thơ này cũng giống như đứa trẻ nhỏ (Hào 1) nhìn lên thời thơ ấu rực rỡ của mình (hào 5), muốn bắt chước mà chỉ thấy vụng về.

*Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu
Dấu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn
trên mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong
trái tim người
như đá vững bền, như đá tốt tươi...*

Có cái gì đó như trong một bài xã luận. Và vẫn là cái nhìn từ Đất nhìn lên khoảng Trời. Anh không có duyên với những gì thuộc về Nước gắn với sông, biển (trừ con sông Kinh Thầy quê hương). Đề tài Hải quân, Biển, đối với anh vẫn là xa lạ. Những ngày tháng đi với biển có lẽ là những ngày anh đi chệch khỏi hành lang số phận. May mà anh an toàn trở về với Đất.

Anh đi vào con đường *thanh tu*, đúng với những gì Hà Lạc đã mách bảo. Hết học Đại học Nguyễn Du đến Học viện Goóc-ki, làm khách quý nước ngoài (điều này đã được ghi nhận trong hào 4 quê Quán). Nhưng đây cũng là những năm buồn vui phức tạp. Sự hối tiếc một thời thơ oanh liệt được TĐK nhắc đến ở đây đó: *Bây giờ thì y đã già và dốt khoát không phải là kẻ đặc đạo, vậy mà y vẫn phải còng lưng ị ạch vác cái cây thánh giá ở lứa tuổi trẻ con.* (Chân dung và đối thoại, Sđd). Và đặc biệt trong bài thơ rất hay anh viết *gửi bác Trần Nhuận Minh*, nhà thơ, anh ruột của TĐK. Tôi không biết Khoa có nghiên cứu Hà Lạc không, nhưng trong bài thơ này, anh cảm thấy rất rõ vận mệnh mình gắn với Đất, Trời và Gió (Cây cỏ), còn ông anh mình thì gắn với những kiếp người (xem bài về chân dung Trần Nhuận Minh).

*Bác ám thâm chìm nổi
Cùng kiếp người lang thang
Em lông nhông bầu bạn
Với kiến đen, chó vàng*

*Biết bao nhiêu giun dế
Đã khiêng vác em lên
Tên tuổi em xứng xoảng
Những trống ran mõ rên.*

.....

*Em quấy bầu trắng gió
Bác gánh bao nỗi người*

Và không phải là không có chút hối tiếc khi chợt thấy
mình hình như đã đi chệch khỏi hành lang, so với ông anh:

*Bác đã bay dưới đất
Em đành đi trên trời.*

(Tôi nhấn hai chữ *đi* và *bay*. XC). Và thú nhận, và ao ước:

*Giờ thì em đã chán
Những vinh quang hão huyền
Muốn làm làn mây trắng
Bay cho chiều bình yên*

*Trả niềm vui cho cỏ
Trả nỗi buồn cho cây
Lại áo tôi, nón lá
Ta về với luống cày*

*Đất trời thì chật hẹp
Làng quê thì mệnh mông
Thung thẳm em với bác
Ta cười thơ ra đồng.*

Chỉ có hai câu cuối này, nhà thơ cảm nhận hơi chủ
quan và nhảm một chút: ông anh Trần Nhuận Minh đã yên

phận với quẻ hậu thiên Phong Thủy Hoán (Gió Mây Tan) trên bờ biển Hạ Long, ông không thể *cuối thơ ra đồng* cùng chú em được nữa. Phải đành vậy thôi, đúng như TDK đã linh cảm thấy: *sống đôi mà đơn độc/ đi mang mang trong đời*.

Những ngày chúng tôi làm bài này, nhà thơ TDK đang đi nốt chặng đường cuối của quẻ Phong Địa Quán (1994-1999). Toán Hà Lạc giải: Đây là chặng đường nghiêm túc xem xét bản thân để liệu đường lui tới. Ra sức tu dưỡng, rèn luyện nghề nghiệp, làm người hiền sáng. Nay tiến mai thoái, cô lập, gian nan. Cạnh tranh với đồng nghiệp. Cái được cái hồng. (Xem hào 3 quẻ Quán). Đoạn đời này được phản ánh đầy đủ và sâu sắc trong cuốn sách Chân dung và Đối thoại (1998). Cái sự nghiêm túc *xem xét bản thân* đã thể hiện, không gì rõ hơn, qua bài văn ngắn *Chân dung tự họa* (sau đó là bài thơ *Gửi bác Trần Nhuận Minh* đã trích trên kia), không phải nói thêm gì nữa. Còn *cái được*, *cái hồng* thì hàng loạt bài cảm nhận và phê bình cùng cuộc hội thảo do báo Văn Nghệ tổ chức và phản ánh (tháng 5-1998) cũng đã chỉ ra. Cái được của TDK trong loạt bài Chân dung và Đối thoại này là những gì nếu không phải là những đề tài bắt nguồn từ những ưu tiên, thế mạnh gởi cho trong cảm xúc thiên nhiên của TDK: Đất, Gió (Cây). Những bài về Lê Lưu, Phù Thăng, Nguyễn Viết Chộp, những con người từ Đất dấy lên, là những cái được như thế. Bài về Xuân Diệu thì cái được lại bắt nguồn từ việc TDK đã thực hiện cái nghĩa giữa người phụ tá và nguyên thủ, nằm trong ưu thế về khí chất của hào 4 quẻ Quán. Bạn đọc chú ý hào 3 quẻ Quán còn đi đôi với hào 2 và hào 4 quẻ Bác nằm ẩn bên trong. Hào 2: Giường hồng đến thân, họa tiểu nhân càng gần. Hào 4: Giường hồng đến da người nằm. Mưu xấu, tai họa. Tự mình hại mình. Những tín hiệu ấy cũng thể hiện một cách đầy đủ trong Chân dung và Đối thoại. Cuốn sách được bạn đọc vô vấp đón nhận, nhưng đối với TDK chẳng qua đó là một dữ liệu về số mệnh để *liệu đường lui tới* mà thôi. Không phải không có những ý kiến phản nản xác đáng về những chỗ chưa được của cuốn sách.

Đỉnh cao trong cuộc đời anh lại sắp sửa bắt đầu với quê Địa Thiên Thái, quê đẹp tuyệt vời đứng hàng thứ ba trong Kinh Dịch (sau quê Càn và Khôn). Thái là Thịnh, là Hanh thông, Yêu thích, Hòa thuận. Hậu vận TDK bắt đầu từ năm 2000 (43 tuổi âm) là một thời thịnh vượng, rực rỡ, sự nghiệp phát triển, thành đạt lớn. Có ưu tiên năng lượng của Trời Đất và có Địa nguyên khí. Tuy nhiên do có quê Lôi Trạch Quy Muội kẻ bên mà biết rằng đi đôi với sự hanh thông, cũng thường có những vấp vấp, lở làng kiểu đại khái, qua quýt, sơ xuất không đáng có, kể cả những sai sót đáng yêu (xem quê Quy Muội), trong suy nghĩ và hành động thường có nhiều hiện tượng hảo huyền, thiếu thực tế (do tín hiệu mệnh Mộc gặp quê Càn). Từ 43 đến 51 tuổi: Có tài nhưng vị trí còn thấp. Liên kết với đồng nghiệp, bạn bè, tìm người đồng tâm, đùm dặt nhau gánh việc thiên hạ, nên việc dễ kết quả. Tiến hành những hoạt động lớn. Quang minh chính đại, lập lại sự nghiệp, hưởng phú quý. Từ 52 đến 60 tuổi (ứng với Đại vận Nhâm Tuất, đại vận Từ Quán trong Toán Tứ Trụ): Tài năng phát triển mạnh. Bạn bè đông. Được lãnh đạo tin cậy. Sẽ mở vận hội lớn, giàu sang, được quý trọng, danh tiếng nổi như cồn, lập nghiệp lớn. Thánh nhân khuyên người được thời này: Một là về độ lượng, cần biết bao dung, có thể phải dung nạp những tệ hại cũ còn sót lại, đừng mong trừ diệt nó ngay từ đầu. Hai là về khí phách, phải như người mạo hiểm tay không vượt sông. Ba là về kế hoạch cần tính trước những việc xa xôi sẽ xảy ra. Bốn là về đức, cần công tâm, chớ bề phái mà có hại cho nghĩa lớn. Tất cả những cái đó đều chú ý giữ cho vừa phải, chẳng hạn bao dung quá hay mạo hiểm quá đều nguy hại (Theo Phan Bội Châu). Bắt đầu từ 61 tuổi sẽ sang thời suy, nhưng mà là suy trong thời Thái, nên vẫn thịnh vượng, nhưng xu thế sẽ là lui về nơi thôn xóm, trở về với vận hội thời trước, đùm dặt nhiều kẻ thấp kém cùng tiến lên, lấy lòng thành mà xuống với người hiền. Phải luôn coi chừng vận Bĩ sẽ đến và tất cả sẽ đổ sụp thành đồng đất như khi mới sinh ra từ đất.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Trần Đăng Khoa

Sinh 8-3- Mậu Tuất giờ Dậu. (26-4-1958). Can Chi: Năm *Mậu Tuất* tháng *Bính Thìn*, Ngày *Quý Dậu*, Giờ *Tân Dậu*. Mã số Can Chi: 1, 5-10; 8, 5-10; 2, 4-9; 4, 4-9.

Tiên Thiên Tiên Vân	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----	16-24	-----	-----	82-87	-----
-----	07-15	-----	-----	76-81	-----
-----*	01-06	-----	-----	70-75	-----
-----	37-42	-----	-----	61-69	-----
-----	31-36	-----	-----	52-60	-----
-----	25-30	-----	-----*	43-51	-----
Phong Địa Quán		Sơn Địa Bác	Địa Thiên Thái		Lôi Trạch Quy Muội

Hoá công: Chấn ở Hỗ Hậu thiên. *Thiên nguyên khí:* Không. *Địa Nguyên khí:* Càn ở Hậu Thiên. Mệnh hợp cách ở mức thấp.

TRẦN NHUẬN MINH

Trên từng cây số

Một hôm tôi đến thăm và trò chuyện với nhà thơ *Trần Nhuận Minh* tại ngôi nhà số 25 của anh chị, đường Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, ngay gần bến phà Bãi Cháy. Ngôi nhà dựa lưng vào núi nhìn ra biển. Ngôi ở sân trời, gió nồng mùi biển, cứ ngẩng lên là nhìn thấy biển, đảo và những con tàu, những cánh bướm. Trần Nhuận Minh ngắm nghía bức chân dung Hà Lạc Trần Đăng Khoa, hỏi tôi:

- Cứ theo ý bác thì cậu em tôi sau cái thời thịnh vượng ban đầu, có đi chệch hành lang Hà Lạc?

- Chỉ đi chệch một đoạn ngắn khi có ý định phấn đấu trở thành một nhà thơ của Hải quân. Khoa không có duyên với vùng trời nước, điều đó đã phản ánh trong những tín hiệu Hà Lạc. Trước sau Khoa vẫn là nhà thơ của Đất Trời, của Gió và Cây, của Đám hồ và Sấm chớp. Anh coi, sau này những bài thơ của Khoa viết từ trên trời vẫn có cái thần của cảm xúc, như *Bên cửa sổ máy bay* chẳng hạn.

- Còn cái xu hướng của Khoa đi vào phê bình văn chương thì có tín hiệu gì trong Hà Lạc?

- Có chứ. Đó là một công việc cần một cái nhìn bao quát, rộng rãi, phóng khoáng, công bằng, độ lượng, *một cái nhìn từ trời xuống*. *Chân dung và đôi thoại* là một bước chuẩn bị, để *liệu đường lui tới*. Sang hậu vận Địa Thiên Thái, tố chất Trời chiếm lĩnh tâm trí Khoa, cậu ấy sẽ vừa có thơ hay, vừa trở thành một tay phê bình văn chương có tâm cỡ, đó là hành lang của Khoa.

Tôi kể một chuyện vui: Tôi vừa xem Hà Lạc cho một chị bạn là họa sĩ có tài. Cấu trúc Hà Lạc của chị là gì anh biết không? *Thiên Địa Bĩ*. Thiên là Trời, Địa là Đất, Bĩ là bế tắc, không thông. Nguyên đường, chủ mệnh, là hào 5 là tín hiệu *thoát bĩ*. Kết quả cho biết thế nào là một họa sĩ có cấu

trúc Thiên Địa Bĩ, với chủ mệnh sang thời thoát bĩ. Trước hết, tín hiệu thoát bĩ thể hiện ở chỗ chị tìm được cơ hội phát triển tài năng. Suốt đời chị chỉ vẽ 3 mảng tranh. Một là Hoa. Mọi người có cảm tưởng suốt đời chị chỉ vẽ hoa. Dù các loại hoa, cả một thế giới hoa hiện lên trong tranh chị, không rực rỡ, mà đậm thắm, mà tinh tế, mà mỏng mảnh, mà suy ngẫm. Cái nghĩa thế nào vẽ hiện tượng ấy? Hoa, chẳng là tính chất của Đất. Mảng tranh thứ hai: chị vẽ phong cảnh, thuần một loại phong cảnh *chiếu cái nhìn từ trên cao xuống*. Bức tranh mang tên *Biển động* chẳng hạn. Đó là một cảnh biển có núi đảo, có những cánh buồm nghiêng, có các loại sóng bạc đầu, tất cả được diễn tả bằng *một cái nhìn từ trời xuống*. Đây, người có tố chất Trời trong mệnh, mà là họa sĩ, thì vẽ tranh như thế, nếu là nhà văn, anh ta sẽ đi vào công việc phê bình, lý luận văn chương, cũng đòi hỏi một cái nhìn từ trời xuống. Còn mảng tranh thứ ba của nữ họa sĩ, có cái tên chung là Người đàn bà cô đơn, ở đây là cả một thế giới cô đơn của đàn bà. Tức là cái đẹp của thời Bĩ. Trái ngược hẳn lại, Trần Đăng Khoa có hậu vận là thời Thái, thơ của cậu ta là cái đẹp của một thời thịnh, có đúng không? Bài thơ Gửi bác Trần Nhuận Minh chẳng hạn, là bài mang âm hưởng của một cái gì buồn buồn: *Bác thì bay dưới đất/ Em đành đi trên trời...*, hoặc là: *Giờ thì em đã chán/ Những vinh quang hào huyền*, ta vẫn thấy đó là âm điệu thơ của một người bước vào thời thịnh một lần nữa. Có đúng không?

- Thôi thôi, tôi sốt ruột lắm rồi. Nhuận Minh cười. Bác giải thích cấu trúc Hà Lạc của tôi coi.

Nhà thơ Trần Nhuận Minh (TNM) sinh giờ Tị ngày 20-8 năm Giáp Thân (1944). Anh cho chúng tôi biết trong sách *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (Nxb Hội nhà văn 1997), ghi ngày sinh của anh là 20-8-1944, có lẫn âm dương: 20-8 là ngày tháng lịch âm, còn 1944 là lịch dương - ngày trước các bác cha mẹ vẫn hay lẫn lộn thế. Vậy quẻ Dịch ông gởi cho anh là *Thủy Sơn Kiển*. Thủy là Nước. Sơn là Núi. Tượng quẻ là Nước ở trên Núi, còn có thể hiểu là Nước (như sông biển)

ở phía trước, Núi ở phía sau (như cảnh nhà anh ở vài chục năm nay vùng Hạ Long). Kiến là Gian nan, hiểm trở, là Nạn. Người thời coi tượng quẻ này mà biết rằng mình đang ở giữa thời hiểm nạn, phía trước là Nước, phía sau là Núi, muốn qua thời này phải dụng công lắm, phải trở lại với thân mình, rèn đức thì mới vượt lên hiểm nạn, cũng có khi phải lánh mình tránh nạn, sau mới thành sự nghiệp lớn. Chủ thể TNM tuy gặp quẻ Kiến nhưng may mắn anh có hào chủ mệnh là hào 2 âm, tài kém, nhưng có đức trung chính, có hào 5 dương ở vị chí tôn, tượng như một nhân vật lớn (đại nhân) phía trên ứng tiếp. Sinh tháng Tám mà được quẻ Kiến là hợp mùa sinh nên có sức để vượt lên thời Kiến. Người quẻ Kiến là người đường đời thường gặp hiểm nạn, có tâm lý mình ở giữa nơi hiểm nạn, nên thường trở lại với mình, tìm lại mình, tự đánh giá mình. Người thời Kiến cũng như người thời Bĩ thường cảm thông sâu sắc với kẻ khốn cùng, nhất là những người lâm nạn. Người thời Kiến mà không biết dụng công vượt hiểm thì coi như sụp vào chốn chông gai, còn nếu biết rèn đức để vượt lên thì thành nghiệp lớn, TNM ở vào trường hợp thứ hai này. Theo Phan Bội Châu, đức đây là Nhân, Trí, Dũng. “Đức Nhân mình có được, tất được nhiều người yêu mến, đức Trí mình có được, thì dầu lòng người hiểm mình cũng chẳng sợ, đức Dũng mình có được thì dầu đường đời hiểm mình cũng chả lui” (Xem quẻ Thủy Sơn Kiến). Toán Tử trạ cũng cho biết TNM có tài văn chương, thông minh, học giỏi và khéo léo trong ứng xử việc đời (tín hiệu Văn Xương, Học Đường).

Tổ chất thiên nhiên thâm nhập vào cảm xúc văn chương của anh là Nước, Núi, Gió, Lửa. Trong cấu trúc Hà Lạc có tới 3 quẻ Khảm (Nước), 2 quẻ Cấn (Núi), nên chắc hẳn cuộc sống và cảm xúc thơ sẽ rất dồi dào về Nước, về hiểm, về trí lực vượt hiểm, là những gì mà Nước là tiêu biểu (theo Hà Lạc); cả về Núi, về sự tích chứa, sự ngăn trở, ngưng đọng, tĩnh lặng và trang sức, những đặc điểm của tượng Núi. Ta cũng sẽ thấy tượng Lửa (trong quẻ Hố Hỏa Thủy Vị) và Gió (trong quẻ Phong Thủy Hoán) đi ngang qua và để lại dấu ấn trong thơ anh thế nào.

Khác với chú em Trần Đăng Khoa, có chặng đường đi chệch hành lang số phận nên đã từng phải trả giá, Trần Nhuận Minh là hình ảnh một con người luôn luôn biết chèo lái cuộc đời và không cưỡng lại hành lang số phận trên từng bước đường, mặc dầu anh chưa từng biết cái hành lang ấy nó ra sao.

Trần Nhuận Minh sinh ở làng quê Diên Trì, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, một làng thuần nông, trên là trời, dưới là lúa. Bà đỡ là người đầu tiên nhận ra cái thời Kiển của anh.

*Tôi sinh ra bên bờ sông Kinh Thầy
Nắng gió mùa thu năm đói
Mẹ tôi hai mươi bốn tuổi
Đói mắt lặng thắm buồn mệnh mông
Bà đỡ đặt tôi vào giữa nong
Mong tôi lắm thóc nhiều tiền
Không phải ăn mày, ở đợ
Bà quần cho tôi vạt áo cũ
Ngai ngái mồ hôi
Tôi khóc chào đời
Tiếng ghen trong cổ
Bà đỡ khê kêu: Thằng này rồi sẽ khổ*

Rồi đến bà ngoại đầy linh cảm:

*Tuổi thơ
Tôi sống ở nhà Ngoại
Cậu tôi bế vạo xương sườn
à ơi, con cò con vạc...
Tôi lê la vầy đất, nghịch cát
Chơi một mình, ngủ một mình
Mẹ tôi vào phường cấy thuê
Với câu hát buồn tứ xứ
Gặp cha là lại cãi nhau
Tôi không hiểu vì đâu
Đứng khóc một mình không ai dỗ
Bà tôi khê kêu: rõ khổ!*

(Đá cháy- Nhà thơ và Hoa Cỏ. Nxb Đồng Nai - 1997)

Trong cuốn sách nói trên, TNM kể:

"Tôi làm thơ từ thuở học phổ thông và thường được giải nhất trong các cuộc thi thơ của trường. Năm 1958-1959, tôi là người sáng tác chính của tờ tuyên truyền huyện Nam Sách. Hàng tuần, người ta đến lấy thơ tôi in trên đất sét rồi phát lên loa, kẻ lên các bản tin, viết lên các tường vách nhà, ở hầu hết các làng xã trong huyện. Đó là thơ thường chỉ có từ 4 đến 8 câu, phục vụ các nhiệm vụ trước mắt. Cách viết này ảnh hưởng đến sáng tác của tôi nhiều năm sau." "Năm 1960, tôi đã có thơ đăng báo" (Thư Bạn đọc)

Nhưng anh không gắn bó với lúa má, hương đồng gió nội. Về sau này có lần anh thốt lên: *Tôi, tảng đất sét bên bờ sông Kinh Thầy* (Đá cháy). Không ngờ rằng đó là câu thơ nói lên cái mệnh của anh. Là con một gia đình nông dân, cuộc đời bất nắng bất gió, "mùi mồ hôi nửa dầu nửa muối", nhưng anh cũng đã sớm nhận ra mình là *tảng đất sét*, không lên lúa lên hương ở nơi đồng quê như chú em Trần Đăng Khoa được. Từ 1962 đến 1969, TNM xung phong đi dạy học ở một vùng đồng bào miền núi Quảng Ninh. Lời quê Kiến đã dặn dò: người được quê này *chớ đi về phương Đông Bắc* (hướng quê Cấn), *dây hiểm trở, mà hãy kiếm đường bằng phẳng hướng Tây Nam, hướng quê Khôn*. Nhà nghiên cứu Dịch học Nguyễn Hiến Lê bảo rằng chúng ta không nên hiểu đúng từng chữ Tây Nam và Đông Bắc, chỉ nên hiểu ý thôi. Nhưng số phận đã dun dủi nhà thơ trẻ, khi đó là nhà giáo trẻ đi đúng từng chữ trong lời quê, cả ý tứ lẫn phương hướng cụ thể. Quảng Ninh và vùng mỏ Hạ Long đúng là hướng Đông Bắc của cả đời anh.

Vùng mỏ bảy giờ thành nơi tôi sinh

Với tiếng xoáy chân vịt tàu, tiếng than cuộn đổ

Anh nói lời tâm huyết: *"Tôi đã nhận từ than ngọn lửa/ Thấp sáng lên trong mọi cõi âm u"*. Và ở nơi đây: *"Vinh nhục vui buồn lặn vào cuộc đời tôi/ Như vết than lặn vào da thịt* (Đá cháy).

*Từng đánh cá biển
Như một dân chài
Đém ngủ thông chân xuống khoang thuyền
Biết ngán nước lên lấy mo sam tát vôi*

... ..
*Từng lên thiu, đánh cột, cuốc lò
Giảm mình trong than, như cái rễ cây
Hoàn toàn tự do trong đất tối
Tắm áo thợ xanh dầy
Uớt dầm mồ hôi và than bụi*

(Đá cháy)

Tất cả đã được báo trước trong tín hiệu hào 2 quẻ Kiển, hào chủ mệnh khái quát cả một thời tiền vận: *Bạc vương thân vất vả, chẳng phải do thân mình* (ý nói: ở thời này, chủ thể thuộc hào 2, âm nhu, kém tài, nhưng đắc trung, đắc chính, có đức được nguyên thủ - hào 5, dương, mà cũng trung, chính - phó thác việc nước, nên phải chống chọi với mọi gian nan, không dám từ, hoàn toàn không vì mình). *Kiệt lực vì trung hiếu.*

Những năm từ 22 đến 30 tuổi (1965-1973) ở vùng mỏ, ứng với hào 5 quẻ Kiển: *Cực kỳ gian nan, nhưng có bạn tôi giúp, đổi bĩ ra thái...* TNM kể: *Năm 1960, tôi đã có thơ đăng báo. Năm 1965-1966, tôi tham gia vào tuyển thơ Sức Mới, hai tập, do nhà thơ Chế Lan Viên chọn và giới thiệu, gồm các nhà thơ trẻ, sẽ là lực lượng chủ yếu của thơ những năm chống Mỹ cứu nước.* Năm 1970, TNM được quẻ Sơn Hỏa Bí. Cũng như nhiều nhà văn và nghệ sĩ khác (trong sách này là Tấn Đà và Nguyên Ngọc), năm quẻ Bí thường là năm văn chương khởi sắc (Lửa sáng làm cho Núi đẹp rực rỡ, Bí là trang sức). Năm này, TNM hoàn thành tập thơ đầu tay: *Đấy là tình yêu* (in năm 1971). Những năm sau đó, anh liên tiếp sáng tác và thành danh. Năm 1980, năm được quẻ Ký Tế (tín hiệu hoàn thành, đã xong, đã sang sông) ra tập thơ thứ hai: *Âm điệu một vùng đất*, ra tiếp một tập truyện vừa: *Trước mùa*

*mưa bão, cả hai tập này đều được giải thưởng văn học của Tổng Công đoàn Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Như thế, kể đã là sang trọng. Nhưng người thời Kiến chưa thể tự bằng lòng với mình, họ luôn tự đánh giá về mình, quay trở lại với mình. Trong lòng quê Kiến, thấy lấp ló hiện ra quê Hồ Hỏa Thủy Vị tế. Vị tế là chưa xong, chưa sang sông. Có nghĩa là những cái đã làm ra chưa là cái gì cả. TNM sớm nhận ra điều đó. Anh có một chặng đường thử thách 6 năm tiếp theo, từ 37 đến 42 tuổi (1980-1985), mà tín hiệu là hào 1 quê Kiến: *Đi lên thì vất vả, ở lại thì được khen. Tinh khôn, khéo xử nghịch cảnh, thấy hiểm trở thì ngừng lại, trước khó sau gặp*. TNM kể về thời kỳ này: *Chuyến đi công tác thành phố Huế cuối 1975, thành phố Hồ Chí Minh đầu 1979, đã bổ sung cho tôi những quan niệm mới về sáng tác, nhưng tôi chỉ tìm thấy hướng đi cho thơ mình từ ngày đất nước bước vào công cuộc đổi mới*.*

Từ trước đến nay, cái dấu hiệu để nhận biết một nhà thơ đích thực, một nhà thơ đúng như cái danh hiệu tôn vinh của bạn đọc, bao giờ cũng là cái bản sắc riêng, cái dấu ấn mà nhà thơ đem đến trong thơ mình, được bạn đọc thừa nhận. Trần Nhuận Minh là một trường hợp như thế. Anh làm thơ từ rất sớm, lặn lội trong cuộc sống, tự biến đổi mình từ hòn đất sét thành hòn đá cháy. Nhưng một thời gian dài, thơ anh tài hoa đầy mà đàn trái đầy. Có chuyện buồn cười, trong nhiều năm, khi giới thiệu Trần Nhuận Minh, người ta thường lưu ý mọi người: đây là anh ruột Trần Đăng Khoa, nhà thơ thiếu niên nổi tiếng. Cứ làm như anh nổi tiếng vì chú em chứ không phải vì thơ của chính anh. Không phạt ý, Trần Nhuận Minh cứ cần mẫn và lặng lẽ tìm mình.

Bây giờ tôi đã đứng trước than

Đứng trước chính mình

(Đá cháy)

Trước hết nhà thơ thời Kiến tìm đến những kiếp người gian khổ, cũng Kiến như mình, ở giữa đám đông nhân

dân, giữa những kiếp người. Vào đầu những năm Tám mươi, anh lần lượt cho ra hàng loạt bài thơ viết về các thân phận, các tính cách cá nhân mang dấu ấn một thời khốn đốn, gian nan. Một nhà thơ làm nghề áp tải đường sông: "*Đất nước có một thời/ Kể gian nhiều như năm/ Không ngờ một nhà thơ/ Lại sống bằng năm dăm*" (Nhà thơ áp tải). Một nhà văn cho bản thảo vào bao tải mang vãn về thủ đô. (Tinh chất).

Trông mình như hành khách

Trộm cướp nó sẽ tha

Nhà văn híp mắt lại

Hồn nhiên cười hà hà...

Bỏ phố vào phát núi

Dựng lên Thạch Anh Trang

Có đêm ba con rắn

Nằm cuộn xung quanh màn

Không vào rừng thì đói

Nhà văn lại cười xòa

Mà văn chương còn phải

Vươn lên những tầm xa

Nhiều bài thơ như thế mang những tên riêng một con người: Thím Hai Vui, Bá Kim, Lão Tú, Dì Nga, ông Vọng, Cô Bống... Chỉ cần dăm khổ thơ mang sức nặng triết lý về một cuộc đời của thời Kiến, là có đủ cốt cách của một truyện ngắn, hay một truyện vừa. Nhưng lại chính là những thứ mà một truyện ngắn chẳng hạn, không chứa chất được, nên thành thơ. Thím Hai Vui là một ví dụ: "*Những năm chú ra trận/ Thím buồn vui một mình/ Thím bảo những năm ấy/ Là những năm hòa bình*". Đây là cả một chương vào truyện. Thế rồi chú về, "*tung huân chương đầy chiếu*". Nhưng chả biết vì đâu, "*Vợ con chú đánh trước/ Xóm giềng chú đánh sau*". Đoạn này nhà văn xuôi chắc là có thể viết được một chương hay về sự đối tính đối nét ấy của người anh hùng từ mặt trận về. Nhưng

nhà thơ thì buồn một khổ thơ cho thấy người ta cần đến thơ như thế nào: "*Chỉ thương thím Hai Vui/ Mặt mũi luôn thăm tím/ Đến bây giờ chiến tranh/ Mới đến thật với thím.*" Bá Kim lại là một tính cách khác, vừa giản dị, vừa kỳ vĩ: một căn nhà nhỏ khuất sau vườn, một niêu cơm, một chõng tre, bá Kim làm nghề móc cua kiếm sống, "*Mu bàn tay chéo chẳng vết xước/ Cái giỏ treo bên liếp tre thưa*". Nhưng mà người đàn bà ấy: "*Con cả mất khi chiếm hãm Đờ Cát/ Con thứ hy sinh lúc giành lại Sài Gòn*". Giờ đây, trên vách không dán bằng Ghi công Tổ quốc, bàn thờ không có ảnh hai con:

*Nỗi sầu thăm chỉ một mình bá biết
Khi đêm đêm há hãm ngọn đèn xanh
Bá ngồi đếm từng đồng tiền liệt sĩ
Lặng lẽ cho riêng vào một hũ sành.*

(Bá Kim)

Trần Nhuận Minh không dừng lại ở những cảnh đời như thế, nhà thơ mạnh bạo tía cái nhìn vào những mặt sau cuộc đời làm cho những câu thơ thực sự lay chuyển người đọc. Đây là một cô Bồng: "*Em đã mấy lần bỏ phiếu/ Bầu cô đi đại hội trên*". Nhà thơ một hôm gặp cô trước đền đang phán bảo tiền vận, hậu vận. "*Tóc trắng da môi đường bệ/ Cô mang chiếc cặp như xưa/ Trước đựng những gì không rõ/ Giờ em thấy thế với bà*". Và nhà thơ bồng: "*Chợt thấy muốn trồng cây cỏi/ Bồng lảng nhuộm màu chiêm bao*" (Cô Bồng). Còn đây là bà hàng nước: "*Bà bán nước chè xanh, không chỉ bán nước chè/ Có bán cả phụ tùng tên lửa*" (Thoáng). Một tình thương nồng ấm kèm theo một nụ cười tình quái, dưng cái vị chua chát một chút, là đặc điểm mảng thơ thể sự này của Trần Nhuận Minh. Một gia đình làng quê yên chí con mình đang "thi" tiến sĩ ở nước ngoài, có ngờ đâu:

*Chao ôi! Tôi nói làm sao được
Cháu đã hàu vong làm tướng cướp
Đoạt của, đánh người, chẳng ghé tay.
Cháu là nỗi kinh hoàng trên các sân bay...*

Người đọc có thể thấy ẩn hiện cái nụ cười ấy trên rất nhiều trang thơ của anh. Và chính nó đã hình thành một giọng thơ riêng của anh. Một giọng thơ bắt nguồn từ cuộc sống lâm than, cực nhọc, mà phóng túng, mà cháy bỏng yêu thương của một đám đông thợ mỏ bên bờ một vịnh biển đẹp mê hồn, kỳ quan của thế giới. Và bắt nguồn từ một hồn thơ thực sự nhập vào đám đông ấy. Sau này TNM tự tổng kết về thơ mình, cũng chính là tổng kết về một quá trình quê Kiển mà anh đã đi “trên từng cây số”: *Cuộc sống, số phận và những khát vọng của họ luôn luôn xúc động tôi, mọi cố gắng của tôi là biến những xúc động đó thành nghệ thuật. Tôi cố gắng viết thật trong sáng, giản dị và thấm thía, và giành một khoảng rộng sau mỗi bài thơ cho người đọc suy ngẫm...* (Nhà văn Việt Nam hiện đại. NXB Hội Nhà Văn - Hà Nội 1997). ***Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi.*** Tuyên bố đó của Xuân Diệu đáng để cho chúng ta tiếp tục suy ngẫm. Tuy nhiên, cùng xương thịt với nhân dân và viết hay về nhân dân, là hai vấn đề khác nhau lắm lắm... Trên chặng đường tự vận động, các nhà thơ sẽ tìm được lời lý giải bằng tác phẩm của mình để đồng hành với nhân dân, và cũng là để tự tồn tại... Chung qui, thơ vẫn phải vì nhân dân. Cuối cùng, chỉ có nhân dân, bằng sự thẩm thấu lặng lẽ và khách quan, mới đánh giá đúng tác phẩm của anh và đặt anh ngồi vào đúng chỗ vốn giành cho mình, ở hạng thứ nào. (Báo Văn Nghệ 13-3-1999).

Trên kia đã nói về nhà thơ thời Kiển tìm thấy mình và trở lại với mình. Cần nói thêm về ý chí vượt Kiển. Người xưa bảo rằng người thời Kiển không muốn sụp vào chốn chông gai thì chỉ có cách rèn đức. Phan Bội Châu bảo rằng Đức ấy gồm Nhân, Trí, Dũng. Chúng tôi thấy trong thơ TNM có đủ những bài học hay về ba đức lớn ấy. Những bài thơ tìm đến với nhân quần kiển nạn đã kể trên phải chăng là bài học về đức Nhân? Đây là bài thơ Dận con:

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười diễu họ
Dù họ hơi hám ía tàn*

*Nhà mình sát đường họ đến
Cố cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào*

Đức Trí sáng lên ở những câu thơ có nguồn từ tổ
chất thiên nhiên là Lửa trong mệnh thơ TNM (quẻ hồ Hoà
Thủy Vị tổ):

Không tỏa sáng thì không tồn tại

.....

*Mẹ đã sinh ra con như sinh ra một ngọn lửa
Một ngọn lửa làm sôi cơm trong bếp người
lao động*

*Tỏa sáng ngọn đèn chai soi cho em bé đi
trong đêm*

Khỏi bị vấp ngã, khỏi bị rắn cắn.

.....

*Tôi hằng tin không một thói xấu nào
Còn tồn tại khi đã đi qua lửa
Không phải niềm vui mà chính là nỗi khổ
Đã dạy tôi thành Người.*

(Đá cháy)

Đức Trí sáng lên ở câu thơ rất hay trong bài Tinh chất:

*Vừa than trong lòng đất
Tiểu thuyết trong bao này
Nào ai mà biết được
Cái nào quý hơn đây*

TNM không tìm đức Dũng ở sự xông pha, những
năm chiến tranh, thơ đã nói nhiều rồi. Muốn vượt Kiển nạn
có lẽ phải dũng trong khi

*Tôi nằm trên vệ cỏ
Đôi mắt với trời cao
Một nỗi niềm trinh bạch
Giữa bốn bề gian lao*

(Chiều Yên Tử)

*Còn sau cùng nếu tôi có tắt
Tôi sẽ tắt như một đám cháy
Bối tro lên vẫn còn đám lửa hồng
Nhưng tôi không tắt đâu. Không bao giờ tắt.*

... ..

*Đôi chân bám ứ
Tôi ngát ngưỡng và trụi trần đi
Trong câu thơ tẻ dại của mình
Những câu thơ vật vã mặn như máu...*

(Đá cháy)

*Hãy áp tải sự thật
Đến những bến cuối cùng.*

(Nhà thơ áp tải)

Đó là cái đức Dững mà dù cho đường đời hiểm mình cũng *chả lui* (Phan Bội Châu).

Từ năm 43 tuổi (1986), TNM bước vào thời *Phong Thủy Hoán*. Hoán là Tán, là Tiêu tan, không tụ một chỗ. Chủ mệnh của anh là hào 5 quẻ Hoán cho biết anh có sứ mạng *cứu thời Hoán*, là người phát ra tín hiệu *tán để tụ*, giống như việc trong cơ thể *làm tan mô hôi* để giải cảm, còn trong cuộc sống là *làm tan những cái nhỏ*, cái xấu để quy tụ những cái tốt đẹp lại, là quy tụ tài năng, với lòng chí thành để vượt qua hiểm nạn, như người dùng *thuyền vượt sông*. Chúng ta không biết, trong cuộc sống, TNM đã trải qua một thời Hoán và đã cứu thời Hoán ấy như thế nào. Chỉ biết trong đời sống văn chương TNM đã làm một việc lớn sau đây. Hãy nghe anh kể: *Trước đó* (nghĩa là những năm quẻ Kiển. XC) *ngoài văn xuôi và các tập thơ in chung, tôi đã được in riêng đến 3 tập thơ*

dày dặn, có tập đến 50 bài. Ở thời ấy đối với một nhà thơ trẻ đầu có dễ dàng. Vậy mà tôi đã bỏ lại dọc đường cùng với bút danh của mình (là Trần Bình Minh. XC), là từng tập một, từng bài một, cho đến trắng tay. Thời gian và cuộc sống đã dạy tôi những bài học nghiệt ngã và sâu sắc. (Thưa bạn đọc. S&Đ). Có nghĩa là đã diễn ra một hành trình *Tán để Tụ*, chọn lọc, lược bỏ, chỉ còn để lại những gì *tinh chất* trong thơ. Và những gì tinh chất ấy tụ lại, đọng lại trong tập thơ *Nhà thơ và Hoa cỏ*, 64 bài, tôi đang cầm trong tay, năm 1996, in lần thứ bảy. Cái quá trình Hoán Tán ấy có lúc đã tưởng *trắng tay*. Có thể nói phần lớn tập thơ đậm đặc một cảm xúc sâu xa, một nỗi buồn man mác về một thời Hoán Tán, một thời lìa tan, một khao khát cháy bỏng về hành trình quy tụ, tan để tụ. Trừ phần trích Trường ca *Đá cháy* là dấu ấn thơ một thời Kiển của tác giả, viết xong năm 1985, còn lại hầu hết những bài thơ ghi năm sáng tác từ 1986 trở đi là dấu ấn thời Hoán. Nó mang gần đủ những sắc thái quê Hoán. Những bài thơ *Mợ Hũu*, *Thím Hai Vui*, *Bạn thuở khăn quàng đỏ* là những cảnh lìa tan không cứu vớt, thuộc sắc thái hào 1 quê Hoán. *Mợ Hũu* (trang 18) chẳng hạn, vợ chồng trẻ, làm nhà xong thì chồng lăn ra chết, thế là người nhà chồng luoim nguýt: *Chẳng thiếu kẻ đẻ người ướm / Nhà xinh mợ lại càng xinh / Nhut con thuyền nan không bến / Lênh dênh trong chính phòng mình*. Thế nhưng ở *Di Nga* (trang 50), cũng là lìa tan, mà tan ấy là hanh thông, con người lìa tan ấy bỏ cảnh giàu có, đi với người hợp với mình, dù anh ta chỉ là anh câu cá vược. Cảnh này thuộc sắc thái hào 2 quê Hoán: *Có nơi dựa, nên cầu được sự lìa tan*.

Bén nhau trong khoang thuyền

Giữa bốn bề mây nước.

Nhà thơ buông khổ thơ cuối cùng: *Chả biết di sung sướng / Hay là di khổ đau / Nửa đời... ừ sao nhĩ / Họ không tìm thấy nhau.*

Tôi đọc đi đọc lại bài *Hoành Mô mây trắng*, và cứ nắc nỏ mãi: phải chăng đây chính là cái âm hưởng hào 4 quê Hoán? Phan Bội Châu bảo rằng Hào 4 này nói về một cách *Hoán (lìa tan) để cứu thời Hoán*, đó là hãy làm tan cái nhỏ đi để tự được cái lớn gồm cả thiên hạ, việc ấy to lớn, há người thường mà nghĩ được hay sao (Lời hào). TNM lên thăm vùng biên giới Hoành Mô, nơi đã xảy ra chiến tranh năm 1979: *Khó lòng mà tưởng tượng / Máu đã đổ ở đây / Chén rượu giấm mật đắng / Uống với màu mây hay.*

*Trúc liền một lối xóm
Vây mà hai quốc gia
Cạnh cửa hầm lấp dờ
Sở trắng toàn thân hoa*

Một nỗi buồn đau đau về một cuộc lìa tan hết sức là vô lý: *Cuộc mơng và hóc quế / Khỏi xanh chiều yên vui / Một ước mơ bình dị / Thấm vào ta ngàn đời.*

*Khi từng từng chạm chén
Rừng lau gió ào ào
Nắm mồ người lính trẻ
Hiện ra bên chiến hào*

Cái ước mơ sống thân hữu giữa những người hàng xóm hai nước, núi liền núi, sông liền sông, đã được nói ra trong bài thơ: *Cái tôi còn chưa tới / Nỗi quên đã quên đau.* Chỉ khác một chút với lời Kinh khi xưa bảo rằng nó là việc lớn lao, *không phải kẻ tầm thường nghĩ ra được*, nhà thơ nói với hương hồn người lính trẻ:

*Biết nói gì với anh
Giữa mặt đất mây trắng
Mật đắng thì cứ đắng
Quế thơm thì cứ thơm...*

Vâng, kẻ tầm thường thì không nghĩ ra được, nhưng người chiến sĩ nằm dưới ấy, và chúng tôi là nhân dân, nhân dân đâu phải kẻ tầm thường. Mật đắng thì cứ đắng, còn quế thơm thì vẫn cứ thơm, cái gì phải tới nó sẽ tới. Cái tinh thần

hào 4 quẻ Hoán bằng cách nào đó đi vào tâm tưởng nhà thơ, để khi anh đặt chân lên Hoành Mô, nhìn làn mây trắng bay trên bầu trời biên giới mà thốt ra câu thơ như một chân lý giản dị của nhân dân như thế?

Bây giờ ta tìm hiểu một chút những tố chất thiên nhiên đã đi vào cảm xúc văn chương của TNM. Đó là Nước, Núi, Lửa, Gió. Cà Sấm nữa, trong quẻ hồ Sơn Lôi Di. Người xưa lưu ý, tượng Nước trong quẻ Phong Thủy Hoán còn được hiểu là Mây, bởi Mây cũng là Nước ở dạng hơi. Tượng Phong Thủy trong quẻ Hoán là Gió thổi trên nước, làm cho nước tung toé ra, còn được hiểu là Gió thổi làm tan Mây, vì vậy quẻ có tên là Hoán, là Lìa tan. Đặc biệt trong Cấu trúc Hà Lạc của anh có đến ba quẻ Khảm, mà Khảm có tượng là Nước. Chẳng thế mà hành lang số phận dẫn anh đến bên bờ vịnh Hạ Long. Tôi đã nhiều lần đến thăm căn nhà anh ở Dốc Bò Hòn đã không ít lần vào thơ anh. Từ trung tâm thị xã Hồng Gai cũ, đi về phía biển vài trăm mét, leo qua một cái dốc cao, thấy biển dựng trước mắt, lần theo bậc đá mà xuống nhà anh. Nơi đây, sau lưng là Núi, trước mặt là Nước là Mây, ngày đêm trông thấy *Thủy triều lên lừng lững bạc chân trời / Biển ập vào cơn gió nổi mặn chát* (Đá cháy).

Có thể nói những câu thơ đẹp nhất của TNM là bắt nguồn từ cảm xúc về Núi và Mây, Nước, và những mối liên quan giữa Núi và Mây, Nước, là những câu thơ về biển và sông nước, cả những tứ thơ về Lửa sáng lên trong trường ca Đá cháy. Anh ví mình như một vĩa than: *Tôi nhỏ lên một mình/ xấu xí và đơn độc/ trong khi chín mươi chín phẩy chín phần trăm tôi*

liền dưới khối đất sáu

Chân soạc rộng dài

Từ đáy sông Lục Đầu đến đáy vịnh Bắc Bộ

Và lặng im

như một tiếng vang.

(Đá cháy)

Những bức tranh sông nước theo tôi là bài thơ rất hay, viết bằng cảm xúc mệnh trời, không hiểu sao TNM không cho vào Tuyển thơ gần đây nhất (NXB Đồng Nai-tái bản lần thứ bảy-1997).

*Đường như sông nước đến tìm anh
Trong gian gác khuất sau vách đá
Những bến bãi tự mình khoe sắc lạ
Đôi cánh bướm hoang dã cứ bay lên*

.....
*Thuyền cá về, lộng lẫy cả triển sông
Anh đứng ngợp giữa bốn bề khối bấp
Biển Đông bỗng thấy mình cạn hẹp
Khi khoang thuyền
chợt dội*

*một tiếng
OA*

*Trong phòng anh
bức tranh đã sinh ra...*

(Nhà thơ và Hoa cỏ-NXB Văn học - 1993)

Cuối cùng, tôi chép sau đây bài *Chơi thuyền trên vịnh Hạ Long* và thấy rằng không phải bình luận gì thêm về những cảm xúc thiên nhiên đã vào mệnh của Trần Nhuận Minh như thế nào.

Chơi thuyền trên vịnh Hạ Long

*Những quả núi đá xanh của trời
nhúng xuống lưng chừng nước
Màu nước mộng mơ xanh lên đến tận trời
Giữa khoảng ngập ngừng của vũ trụ
Ta cười con thuyền đi dong chơi*

Ta chẳng cần biết trời là đâu, đất là đâu
Hôm nay là thế nào và ta là ai nữa
San hô bập bùng, đảo hoang như bốc lửa
Tay ta chạm màu mây xà cừ bay lang thang

Những thú rừng khổng lồ sống từ thuở hồng hoang
Lũ lượt đến bên ta rầm ùa phô sắc lạ
Cây cổ sống mấy ngàn năm trên đá
Chỉ cao bằng đầu gối của ta thôi

Cứ tự nhiên mà vượt hết mọi thời
Đứng đưng với đau thương vương triều đổ nát
Đứng đưng với cõi người quẩn quanh nhợt nhạt
Đứng đưng với trăng sao giả dối tầm thường

Trước thuyền ta, đá nổi như mây huyền ảo trong sương
Chợt biến hóa mỗi lần ta chớp mắt
Trình nữ tắm giữa trời xanh mây bạc
Hồn nhiên như chưa hề thấy bóng người

Tơ giờ cả hai nắm tay hoan hô Ông Giời
Đưa một tí mà thành muôn vẻ đẹp
Cánh cửa đá luôn dịu dàng mở khép
Ta đi chơi thôi mà, có tư tưởng gì đâu..

1985

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Trần Nhuận Minh

Sinh 20 - 08 - Giáp Thân (1944), giờ Tị. Can Chi: Năm *Giáp Thân*, Tháng *Quý Dậu*, ngày *Quý Mão*, giờ *Đinh Tị*. Mã số Can Chi: 6, 4-9; 2, 4-9; 2, 3-8; 7, 2-7.

Tiên thiên Tiền vận	Đại vận (tuổi)	Hồ Tiên thiên	Hậu thiên Hậu vận	Đại vận (tuổi)	Hồ Hậu thiên
-----	31-36	-----	-----	52-60	-----
-----	22-30	-----	-----*	43-51	-----
-----	16-21	-----	-----	82-87	-----
-----	07-15	-----	-----	76-81	-----
-----*	01-06	-----	-----	67-75	-----
-----	37-42	-----	-----	61-66	-----
Thủy Sơn Kiến		Hỏa Thủy Vị Tế	Phong Thủy Hoán		Sơn Lôi Di

Hóa công. Thiên nguyên khí, Địa Nguyên khí:
Không. *: Hào nguyên đường, chủ mệnh. Mệnh hợp cách ở mức trung bình.

NGUYỄN THỊ THU HUỆ

Nhà văn của những vận Bĩ

Quả thật, ngắm những bức ảnh xinh đẹp và những dòng tiểu sử ngắn gọn của nhà văn *Nguyễn Thị Thu Huệ* (NTTH) công bố trên các sách nghiên cứu văn học và bìa sau các sách của NTTH, không ai nghĩ rằng nhà văn này lại có cái mệnh trời tên là **Thiên Địa Bĩ**. Bĩ là bế tắc, không thông suốt. Quê có 3 hào dương phía trên và 3 hào âm phía dưới. Khí dương thì đi lên, khí âm thì đi xuống, âm dương không gặp nhau nên không thông thuận. Bế tắc là như vậy.

NTTH sinh giờ Dần ngày 26-6 năm Bính Ngọ (khoảng sau 3 giờ sáng ngày 12-8-1966). Vì tiết Lập Thu (tiết lệnh tháng 7) năm đó vào ngày 22-6 nên toán Hà Lạc tính tháng sinh của chủ thể vào tháng 7. Tám chữ Hà Lạc của chủ thể là: năm *Bính Ngọ*, tháng *Bính Thân*, ngày *Quý Mão*, giờ *Giáp Dần*. Cấu trúc Hà Lạc của chủ thể gồm 4 quẻ: Tiên thiên là *Thiên Địa Bĩ*, chủ mệnh hào 6; hồ tiên thiên là *Phong Sơn Tiềm*; hậu thiên là *Địa Trạch Lâm*, chủ mệnh hào 3; hồ hậu thiên là *Địa Lôi Phục*. Chủ thể có mệnh hợp cách mức trung bình cao; có thiên nguyên khí. Đáng kể nhất là sinh tháng Bẩy được quẻ Thiên Địa Bĩ là hợp mùa sinh, đó là tín hiệu của người có công danh, phú quý. Hào 6 quẻ Bĩ bảo rằng: Chủ thể may mắn sinh ra trong thời *đánh đổ cái bĩ*. Thời bĩ cực, thái lai. *Trước thì bĩ, sau thì mừng. Là người có chí lớn cương quyết, có tài sắp đặt hơn người, trước thì gian truân, sau sẽ nhàn vui*. Có nghĩa là Bĩ đầy mà không bĩ tí nào.

Cuộc đời của chủ thể đã diễn ra đúng như vậy. Cha là một nhà báo, tổng biên tập báo *Vùng Mỏ* (Quảng Ninh). Mẹ là nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú. Quê cha ở Bến Tre. Sinh ở Quảng Ninh và lớn lên ở Hà Nội. Tuy lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cuộc sống thời bao cấp

có vất vả, nhưng NTTH được đi học một mạch, tốt nghiệp đại học ngữ văn năm 1989. Ham đọc sách, yêu văn chương, tác phẩm đầu tay công bố năm 1988. Tốt nghiệp đại học là có việc làm ngay: biên tập viên tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Sau đó được làm công việc theo sở thích: biên tập viên phim truyền hình, rồi làm Trưởng xưởng phim truyện Đài truyền hình Việt Nam. Trong cuộc đời văn chương những năm đầu, hề thi là có thưởng. Đã đoạt giải nhất thi truyện ngắn tạp chí Văn Nghệ quân đội; giải thưởng văn học Hội Văn Nghệ Hà Nội; Tặng thưởng Hội Nhà văn Việt Nam. Tài năng và thành đạt thế, sao có thể nói là mệnh Bĩ?

Có thể tìm thấy câu trả lời như sau: Tuy thân phận riêng thì không bĩ tí nào thật, nhưng trên hành trình văn học thì nhà văn đã chất nặng trên vai một gánh nặng những thân phận bĩ của cuộc đời. Như thế giới đất trao cho NTTH cái quẻ Thiên Địa Bĩ ấy là để nhà văn gánh lấy sứ mạng đi sâu vào những thân phận Bĩ, an ủi họ và vạch cho họ con đường thoát bĩ, đánh đổ cái bĩ, để cho bĩ cực thái lai, như ân huệ giới cho nhà văn.

Ta hãy coi, ngay tác phẩm đầu tay của NTTH đã mang cái tên của một thân phận bĩ: *Người đàn bà trong phòng xử án*. Nhưng tôi bỏ qua truyện này, xin nói về tác phẩm dự thi truyện ngắn Tạp chí Văn Nghệ Quân đội được mọi người chú ý: *Mi-nu xinh đẹp*, viết về một thân phận bĩ vùng vẫy tìm cách thoát bĩ trong sự vui dập của thị trường. Nhân vật là một thiếu tá quân đội nghỉ hưu. Vợ là một giáo viên dạy văn, 21 năm trong nghề, nghỉ vì mất sức, chạy chợ kiếm ăn. Con trai lớn không việc làm, con gái nhỏ còn đi học. Nghèo đến nỗi không nuôi nổi mẹ già. Có người bạn mách hay là vay hân hai cây vàng nuôi một con chó Nhật một con mi-nu xinh đẹp, chỉ cần nó đẻ cho một lứa là đủ tiền mua nhà mới. Thế là lao vào chiến dịch mi-nu và xiêu đổ vì mi-nu. Nào là vay nợ lãi để chăm mi-nu, nào là mi-nu xảy thai, nào là mổ đẻ, nào là lấy nhâm giống, mất toi lứa đẻ, cuối cùng người chiến sĩ năm xưa thấy ra bài học nhỏ: tất cả

chẳng qua là một mớ ảo vọng và ngộ nhận. Câu chuyện người thiếu tá nghỉ hưu sao mà ứng nghiệm với bài học của hào 1 quẻ Bĩ: *Người này có danh dự, rồi tổ đi lập nghiệp bên ngoài, bỏ gần theo xa, nếu biết thân phận mình, liệu thời hãy tiến, biết thời cơ không thuận thì nên lui, thì mới giữ được thân và nhà cho khỏi tai họa.* Nhà văn đã viết về một nhân vật không nắm được thời cơ.

Truyện ngắn *Ám ảnh* là một hoàn cảnh bi kịch và nhân vật không tìm ra lối thoát. Truyện bắt đầu từ một người bố hư hỏng, ngang ngược trong gia đình, và người con trai thương mẹ, muốn cứu mẹ nhưng không biết làm thế nào. Anh ta nằm mơ thấy mình giết tình nhân của bố và bị tử hình. Cái thời cùng quẫn và bế tắc của người con trai đúng với hào 3 quẻ Bĩ: *Chứa chất sự hổ thẹn, mưu tính làm càn, chí khí thì bạc nhược, hoàn cảnh thì xô đẩy. Muốn làm ác mà chưa làm được* (bị cơn mơ tội ác ám ảnh).

Truyện ngắn *Cõi mê* mà nhiều người cho là tiêu biểu của NTTH đưa ra một cảnh đời trớ trêu: Những người được gọi là tỉnh táo trong gia đình thì lao vào một cuộc tranh giành mẹ loạn vì tính toán quyền lợi tiền nong, còn người bị coi là điên, mê, thì hạnh phúc bằng đâu ập tới. Hào 2 quẻ Bĩ bảo rằng: *Phận nhỏ, nhưng không làm hại điều thiện thì vẫn tốt lành.*

Đọc hết hai tập *Cát đạo* (Nxb Hà Nội 1992) và *Phù Thủy* (Nxb Văn học 1995), có thể thấy còn những truyện sau đây nữa giành cho chủ đề những thân phận bi, đa dạng và đường như vô tận: *Hình bóng cuộc đời, Cát đạo, Còn lại một vầng trăng, Những đêm thấp sáng, Kỷ ức, Ông Mậu, Người đi tìm giấc mơ, Giai nhân, Đêm dịu dàng, Đôi giấy đỏ, Phù Thủy...* Nghĩa là gần hết hai tập truyện. Và có thể là tôi chưa kể hết. Và tôi chưa kể đến tập truyện *Hậu thiên đường*, đến cuốn tiểu thuyết mà mới nghe giới thiệu cái tên cũng đã thấy nó thuộc về cuộc bi: *Một góc đời nham nhở* (Bìa 4 - Phù Thủy Sdd).

Văn chương NTTH là tiếng nói, là niềm an ủi lớn cho những thân phận Bĩ.

Có thể tìm thấy gần đủ những sắc thái của người mệnh bĩ trong văn của NTTH. Đọc NTTH tôi nghe như đồng vọng tiếng người xưa nói về mệnh bĩ. Người mệnh bĩ trước hết là người nhạy cảm với thân phận mình, gặp khó khăn, gian nan, bế tắc, không thông thuận ngay trong lòng cuộc sống, nếu không khó khăn về đời sống vật chất, thì cũng không ổn định về mặt tinh thần, tâm trạng (*Cát đại, Còn lại một vầng trăng*). Người mệnh bĩ thường bị lôi kéo bởi hai chiều của sự sống, một là chìm đắm luôn trong bế khổ, đi sâu vào cái ác, cái tội lỗi, cho đời muốn đến đâu thì đến; người như thế thường than thân trách phận, hằn học, liễu mình (*Ám ảnh*). Hai là khao khát, mơ ước muốn thay đổi số phận, muốn gặp được quý nhân, bám víu lấy quý nhân, cũng vì vậy, người mệnh bĩ là người giàu mơ mộng (*Đi tìm những giấc mơ*). Họ thường có cái nhìn khoan dung, tha thứ, dễ thông cảm với những khổ đau, bế tắc (*Ký ức, Ông Mậu, Màu ngà sắc đỏ*). Nhưng ở một trạng thái khác, người mệnh bĩ cũng thường có đôi mắt sắc lạnh nhìn đời, dò hỏi hơn là chia sẻ (*Phù Thủy*). Người mệnh bĩ là người đối lập với người mệnh thái (người được quẻ Địa Thiên Thái), nhưng cũng là người dễ tiếp cận với mệnh Thái, do quy luật của trời đất là không có cái gì bĩ mà không đổi thành thái (*Đêm dịu dàng*). Tuy nhiên từ thái đổi ra bĩ thì rất nhanh, rất dễ, từ bĩ đổi thành thái là việc rất khó, rất chậm, nên người mệnh bĩ ít khi mừng khi biết sẽ gặp may mắn, tốt lành; họ chỉ khi nào thực sự có may mắn, tốt lành, mới tin rằng mình đã có đổi thay số phận (*Ông Mậu, Mi-nu xinh đẹp*). Người mệnh bĩ mà chủ mệnh ở 3 hào âm thì một là dễ bị cái ác xô đẩy xuống vực thẳm cuộc đời, hai là thúc thời, mà biết yên phận mình, đợi thời cơ đến thì cũng có thể vươn lên thay đổi số phận. Những truyện ngắn như *Cát đại, Đêm dịu dàng, Ông Mậu* ... không chỉ là lời an ủi, còn là lời tâm sự chân thành của một tác giả

có mệnh bĩ, và chính mình đã trải qua cuộc đánh đổ cái bĩ mà mình không biết. Người mệnh bĩ mà chủ mệnh ở 3 hào dương thường là người có chí hướng, có tài năng, và thành đạt. NTTN là một người như thế, mệnh bĩ, hào 6 dương. Nhà văn đã tự giới thiệu thành thực và rất đúng (với mệnh trời) về mình trong cuốn *Nhà văn Việt Nam, chân dung tự họa: Về bản thân*, là một người yêu văn chương, ham đọc sách (chọn lọc qua một số tên tuổi mà mình thích), nhưng không coi văn chương là một nghề mà mình theo đuổi suốt đời. Hứng thì viết, không hứng thì thôi, chứ không gượng ép, hoặc viết vật để có tiền hay có tiếng. **Viết văn chỉ vì một lý do duy nhất là để giải tỏa những suy nghĩ trong đầu, văn chương như một người bạn thủy chung...** (Những chữ in nghiêng đậm do tôi nhấn mạnh.XC) *Quan niệm về cuộc sống: Mọi sự chỉ nên là tương đối. Tình bạn, tình yêu, mọi thứ chẳng bao giờ như ý mình, nên có thất bại hay khổ đau là lẽ tất nhiên. Cuộc sống là quý và vô giá và phần đầu làm được những gì mình muốn, dù không trọn vẹn. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm: Chị có bằng lòng với con đường nghề nghiệp đã chọn? Trả lời: ...* **Quá khú ở đằng sau, còn cuộc sống thì nhích dần về phía trước.** Tôi không muốn tự mình cầm dao chặt đứt cái cây mà mình trồng, bằng cách là bằng lòng với chính mình. Hỏi: Những đức tính mà chị coi là cần thiết đối với người sáng tác? Trả lời: **Người sáng tác cần phải trung thực với bạn đọc**, bởi vì bạn đọc ngày càng khôn ngoan, hiểu biết. Người viết, chỉ nên là **một người bạn tâm tình** với người đọc, chứ đừng nên là người dạy người đọc... Hỏi: Theo kinh nghiệm của chị, trong các yếu tố làm nên hoàn cảnh và điều kiện sống, yếu tố nào đóng vai trò quan trọng đối với công việc sáng tác? Trả lời: **Yếu tố tài năng là cần thiết nhất. Có những nghề cần đức chăm chỉ, có những nghề cần sự khéo tay, tỉ mỉ, nhưng với văn chương, không có tài, không thể viết được nếu chỉ bằng sự cố gắng...** Hỏi: Những đồng nghiệp mà chị coi là cùng chí hướng và thường trao đổi với chị về các

vấn đề trong đời sống và trong văn chương? Trả lời: *Tôi ngại trao đổi văn chương với bạn bè vì tôi thấy với một người sáng tác, truyện của anh là một lời tâm sự lớn nhất, chẳng cần bàn thêm...* Hỏi: Tác phẩm mà chị yêu thích hơn cả và thường đọc đi đọc lại (cả trong và ngoài nước)? Trả lời: *Tôi thường đọc đi đọc lại hai tập tiểu thuyết (tập 1 hay hơn), đó là: Người lữ hành kỳ dị của Harold Robbin (Mỹ). Trong nước: Một vài truyện của anh Thiệp (Nguyễn Huy Thiệp), một vài truyện của Vàng Anh... (Phan Thị Vàng Anh). (Sđd. Nxb Văn học. Hà Nội 1995. Tr. 129). Trong cuốn Nhà văn Việt Nam hiện đại, NTTH có mấy lời tự bạch, trong đó có hai câu bắt nguồn từ mệnh của mình: **Đặc biệt sợ những người tốt... Tôi được làm công việc tôi yêu thích: Đó là làm phim.** Từ văn học đến điện ảnh, đó là niềm say mê của tôi. (Sđd. Nxb Hội nhà văn. 1997. Tr. 300)*

Thế là đã rõ. NTTH từ trong mệnh của mình đã là bạn của những thân phận bị, trong đó không ít người chủ mệnh ở 3 hào âm quẻ Bĩ, những người khốn khó, bế tắc, trôi dạt, cô đơn, nhiều người được xếp vào hàng tiểu nhân. Cũng đã không ít lần, nhà văn để cho nhân vật của mình phàn nàn rằng có những người tốt quá mà không vực những thân phận bị lên được. Anh họa sĩ trong truyện ngắn *Ký ức* chẳng hạn: vì tôn trọng cái tiết trinh của người con gái mà làm cho người đó suốt đời không biết thế nào là hạnh phúc được dâng hiến cho một người thánh thiện (cái hạnh phúc như trong ca dao: Một đêm quân tử nằm kề...). Tượng thiên nhiên tạo nên khí chất và tính cách nhà văn, nhuần thấm vào cảm xúc văn chương của NTTH là Trời và Đất (Thiên, Địa). *Trăng mười hai lần mọc, có khi là mười ba, rồi lại mười hai lần tàn. Rằm tháng Tám, trăng vẫn thiêng liêng, trong trẻo, trinh bạch như thể lần đầu tiên hiển hiện trên cõi đời trần tục này. Con đường xưa, cây nghiêng bóng trên đầu vẫn rung rinh tán lá như thế. Mùa xuân, hai bên đường Nghi Tàm, Quảng Bá, hoa su-si, hoa cúc vàng nở đẹp như những thảm hoa muôn*

màu. Mùa hè, hoa sáu rụng li ti trắng bên đường. Mùa thu, hoa sữa thơm nồng mái phố... (Truyện ngắn *Chỉ còn lại vầng trăng*). Khi tả biển, cảm xúc mạnh của NTTH cũng vẫn là cát chứ không phải là sóng: *Biển về đêm, cát mềm và ẩm, nồng nàn vị quyến luyến. Biển hùng vĩ, bao la đến vô cùng. Chẳng còn lại gì, cát vẫn là cát, gió thổi bay vô tư, hào phóng. Một triển cát rập sạo vàng trắng sáng dưới chân trời xanh như hóa thạch* (Truyện ngắn *Cát dạn*). Tượng trời cũng chỉ phối niểm say mê của NTTH đi từ văn học đến với điện ảnh. Công việc làm phim đòi hỏi một cái nhìn bao quát, tinh táo, cái nhìn từ trên xuống, cái nhìn của một người *có chí lớn cương quyết, có tài sắp đặt hơn người* như trong lời hào 6 quẻ Bĩ đã dành cho NTTH.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Nguyễn Thị Thu Huệ

Sinh 26-6-Bính Ngọ, giờ Dần (12-8-1966 sau 3 giờ sáng). Do sinh sau tiết lệnh Lập Thu nên phải tính tháng sinh là tháng Bẩy. Can Chi: Năm *Bính Ngọ*, Tháng *Bính Thân*, Ngày *Quý Mão*, Giờ *Giáp Dần*. Mã số Can Chi: 8, 2-7; 8, 4-9; 2, 3-8; 6, 3-8.

Tiên Thiên Tiền Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hổ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hổ Hậu Thiên
-----*	01-09	-----	-----	64-69	-----
-----	37-45	-----	-----	58-63	-----
-----	28-36	-----	-----	52-57	-----
-----	22-27	-----	-----*	46-51	-----
-----	16-21	-----	-----	79-87	-----
-----	10-15	-----	-----	70-78	-----
Thiên Địa Bĩ		Phong Sơn Tiệm	Địa Trạch Lâm		Địa Lôi Phục

Hoá công: Không. *Thiên nguyên khí:* Căn ở Hổ Tiên Thiên. *Địa Nguyên khí:* Không. Mệnh hợp cách trung bình cao.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Làn gió đi trên mặt đất

Tôi biết tiếng Kinh Dịch đã lâu. Nhưng phải đến cuốn sách của Nguyễn Hiến Lê *Kinh Dịch, đạo của người quân tử*, tôi mới thật hiểu thế nào là Kinh Dịch. Từ đó, tôi đọc thêm của Phan Bội Châu, Nguyễn Mạnh Bảo, Nguyễn Duy Cần, Ngô Tất Tố, mỗi người mỗi vẻ, tôi càng hiểu sâu thêm. Nhưng trước hết phải nhờ có Nguyễn Hiến Lê. Bạn đọc cuốn sách này thì biết rõ điều đó. Tôi biết ơn ông và để ý tìm hiểu ông. Trong cuốn Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, ông cho mọi người biết ngày giờ sinh và tám chữ Can Chi của đời ông. Tôi thử phác thảo cấu trúc Hà Lạc của ông, và đọc một mạch cuốn Hồi ký 567 trang (13 x 19cm) của ông để so sánh thì thấy ông có vẻ như không biết gì mấy về phép toán Hà Lạc mặc dù ông coi Học Năng (tác giả cuốn Bát tự Hà Lạc lược khảo) như một người bạn, và nhờ ông kể mà tôi biết thêm chút ít về Học Năng. Tôi thậm tiếc giá như ông thật sự nghiên cứu Hà Lạc chắc hẳn ông đã cống hiến cho mọi người một cuốn hồi ký khác hẳn cuốn này. Bởi vì cái cấu trúc Hà Lạc của ông đã soi tỏ và cắt nghĩa rất nhiều điều về ông, kể cả dấu ấn những năm vui buồn trong đời ông. Tôi nêu một ví dụ: năm Canh Thân (1920) ông được quê Phong Thủy Hoán; Hoán là lia tan; đó là năm cha ông qua đời, vào tháng Tám, là tháng Thuần Khảm, hào 6, tháng cực hiểm của ông, lời hào có câu: cốt nhục khó yên.

Nguyễn Hiến Lê sinh giờ Dậu, ngày 20 tháng 11 năm Tân Hợi (08 - 01 - 1912). Năm đó tiết Tiểu hàn, tiết lệnh tháng 12, vào ngày 19 tháng 11, nên Hà Lạc tính ông sinh vào tháng 12. Tám chữ can chi của đời ông là: Năm Tân Hợi, tháng Tân Sửu, ngày Quý Mùi, giờ Tân Dậu. Cấu trúc Hà Lạc của ông gồm 4 quẻ: Phong Địa Quán, nguyên đường chủ mệnh hào 4, quẻ hồ là Sơn Địa Bác, quẻ hậu thiên là Địa Thiên Thái, chủ mệnh hào 1, hồ hậu thiên là Lôi Trạch Quy

Muội. Ông có Thiên nguyên khí ở quẻ Tốn (Tiên thiên), Địa nguyên khí ở quẻ Càn (Hậu thiên). Mệnh hợp cách trung bình cao.

Một điều thú vị: cấu trúc Hà Lạc của ông giống hệt của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Chỉ khác một điều Trần Đăng Khoa có Hoá công mà ông thì không. Còn ông thì có Thiên nguyên khí mà Trần Đăng Khoa thì không. Mệnh hợp cách của Trần Đăng Khoa thấp còn của ông ở mức trung bình cao. Một điều nữa mà Hà Lạc không chỉ ra được, theo toán Tử trụ, Trần Đăng Khoa có tín hiệu Tử Quán trong thời trẻ, cho thấy anh nổi danh rất sớm, và đó là tín hiệu thân đồng. Còn Nguyễn Hiến Lê thì không.

Tượng quẻ Phong Địa Quán là Làn gió đi trên mặt đất (xem bài về Trần Đăng Khoa). Nguyễn Hiến Lê sinh ra với sứ mạng làm người quan sát và suy ngẫm, xem xét dân tình, để định ra phép tắc, giáo hoá nhân dân. Hào 4 âm chủ mệnh, lời hào là *xem về sáng của đất nước mà lợi dụng địa vị thân cận với nguyên thủ*. Mệnh hợp cách là *tài đức đầy đủ, làm giường cột quốc gia, có quyền giám sát*. Cuộc đời ông đã diễn ra đúng như thế: 23 tuổi tốt nghiệp Cao đẳng công chánh ở Hà Nội, ngay sau đó vào Nam có hai năm thực tập ngành thuỷ lợi được đi đo đạc đất khắp các sông rạch miền Tây Nam Bộ. Tha hồ mà quan sát, mà suy ngẫm. *Hai năm lênh đênh trên sông rạch, tôi được biết gần khắp miền Tây, mấy năm sau nhờ đi kinh lý bằng xe hơi, khi bằng tàu thuỷ, tôi lại biết thêm ít nhiều về miền Đông nữa. Tôi nhận thấy Nam Việt không bằng phẳng, đơn điệu, buồn tẻ như ta tưởng lắm khi nhìn bản in trong sách địa lý. Nó chỉ rộng bằng nửa Bắc Việt mà có rất nhiều khác nhau về địa hình, phong cảnh, phong tục, lối sống.* (Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, Nxb Văn học 1993, tr.14). Tuy lênh đênh trên sông rạch, nhưng ông không có duyên với sông nước, đúng như trong mệnh của ông đã chỉ ra. Tượng thiên nhiên đi vào cấu trúc Hà Lạc của ông là Gió, Đất, Núi. Y như Trần Đăng Khoa, chẳng đường 10 năm đi với ngành Thuỷ lợi của ông là 10 năm đi chệch hành lang số phận. Ông

cũng nhận ra điều đó: *Kết quả là ba năm học nghề công chánh, tôi chỉ dùng được hơn mười năm để mưu sinh, mà vài năm học chữ Hán (tính số giờ thì vài năm đó, chỉ bằng sáu tháng liên tiếp chuyên học) lại dùng được suốt đời...* (Sđd. tr.124). Cái thời gian 6 tháng ấy chính là *con đường thanh tu* (lời hào 6 quẻ Quán) mà ông phải đi qua: *Nhờ đó một phần lớn mà tôi đã sống trong sạch và phong lưu lại hiểu biết thêm nhiều, làm quen được một số bạn văn và khá nhiều độc giả, gây được một chút thanh danh cho nhà, đền đáp được một phần nào công của tổ tiên mấy đời* (Sđd. tr.124).

Cảm hứng về Gió, Đất, Núi, Trời thường chiếm ưu thế trong khi ông mô tả thiên nhiên: *Trong gió mát, phảng phất hương xoài, hương mù u. Và chỗ nào cũng nghe tiếng đàn kim từ trong nhà sàn bên đường, đưa ra các điệu vọng cổ. Tây Thi, Tứ đại oán... Cũ tiếng đàn ở sau lưng nhỏ dần thì đã vắng vắng tiếng đàn ở phía trước. Trời trong, nước trong. Trăng nhấp nhô trên mặt nước, lấp lánh trên đường cái, nhảy múa trên tàu dừa, chảy trên tóc, trên vai thiếu nữ... Mười một giờ khuya, buổi lễ mới văn, trăng lúc này mới thật là đẹp. Tôi đi một mình, xuôi ra ngoài vàm, nghe tiếng lá xào xạc trong cảnh tĩnh mịch, tiếng nước bập bênh vỗ vào bờ. Trong một bụi chuối cách đường vài thước, có những cặp tình tự với nhau. Xa xa vắng lên một khúc xuân tình...*

Đây là cảnh Đèo Cả ban đêm: *... Tôi đang ngắm cảnh biển mênh mông nhấp nhô dưới ánh trăng thì xe lửa ngoẹo vào một khúc quẹo, và những làn sóng bạc bỗng biến đầu mất, mà trước mặt tôi hiện lên một dãy núi đen tím với một cái vũng lồi đóm mười ngọn đèn chài, đỏ như than hồng trên một làn nước phẳng lặng, cảnh biển đổi thật huyền ảo và trong một phút, tôi có cảm giác là mọc cánh mà lên tiên.*

Đây là cảnh xe lửa chạy qua đèo Hải Vân: *Ở đây cũng như ở đèo Cả, xe chạy ở giữa, một bên là vách đá dựng đứng, một bên là biển thăm mênh mông. Nhưng cảnh rừng ở đây thay đổi luôn luôn, nhiều vẻ đẹp hơn ở đèo Cả. Chỗ thì cây*

cồi thưa thớt, thoải mái mà chinh tể; chỗ thì chen chúc nhau, cổ bấu lấy nhau trên một sườn núi cho khỏi tuột xuống thung lũng. Có nơi rừng bị một giống dây leo lá tròn tròn kín hàng mấy chục mẫu, trông xa như một tấm mền xanh, căng ở sườn núi, có cột chống ở dưới.

Thỉnh thoảng xe qua những chiếc cầu nho nhỏ bắc qua suối. Dòng nước trong leo lẻo, xô đẩy nhau trên những phiến đá nhẵn, rồi chui vào một cửa tò vò chuối màu xanh non, sau cùng thoát ra tại một bãi cát vàng ở xa xa. Đẹp nhất là những thảm cỏ điểm hoa tím và vàng rung rinh như cánh bướm.

Xe vẫn phì phì uốn khúc gằng lên kịp con đường quốc lộ số 1, nó đã vờn mây ở dãy núi bên kia. Xe chui vào hầm - quăng đường này có bảy tám cái hầm - và mỗi lần ở hầm ra thì cả một cảnh trời cao biển rộng hiện ra trước mắt, trời xanh lơ, biển xanh ngọc thạch như đèo Că... Biển ôm những cù lao ở ngoài khơi, liếm những bãi cát vàng cánh cung ở bờ, vỗ vào những góc si bám vào chân vách đá. Nó gần tới bờ lại lùi ra, để lại một viên bọt trắng... Xe vẫn phì phì leo dốc. Càng lên, núi càng cao, ngọn núi càng xích lại gần nhau. Núi đã mờ mờ. Xe đã chui vào mây. Lại thay tôi có cảm giác biển cũng dâng lên để được gần trời. Mây lờn vờn ở ngoài khơi, bóng mây làm cho mặt biển lốm đốm như mai con dơi mỗi.

Đây là phong cảnh được soi chiếu bằng một cái nhìn... từ trời xuống: Cánh đồng Nha Trang từ trên cao nhìn xuống rõ là một hình tam giác, đỉnh A hướng về dãy núi Trường Sơn; hai cạnh AB, AC màu xám nhạt là hai dãy núi chạy dài ra tới biển; đáy BC là bờ biển, một đầu là Hải học viện, một đầu là nhà tu công giáo. Sông Nha Trang, lấp lánh uốn khúc từ A ra tới bờ biển qua một cánh đồng xanh mơn, nằm từ cạnh này tới cạnh kia, rồi qua một dải cát trắng rộng độ hai cây số sát bờ biển. Ở giữa dải cát đó, tại cửa sông Nha Trang là thành phố gồm hai khu vực: khu nhà lá thưa

thốt, màu xám ở bên mặt (khi nhìn ra biển), và khu công sở, biệt thự ở bên trái, y như bàn cờ mà quán cờ tròn là những đám cây xanh, xen với những nóc đỏ, tường vàng như những mảnh giấy màu hình chữ nhật. Đáy đó nhô lên vài ngọn đồi đá trên có một ngôi chùa cổ, và vài hòn nhỏ ở ngoài cửa biển như những đốm đen trên mặt nước xanh biếc. Dưới mắt ta, đủ cả cánh rừng núi, sông biển, đồng ruộng, thành thị, thôn quê, với đủ các màu sắc thiên nhiên rực rỡ không nơi nào bằng.

Chính cái cảm hứng từ trên cao nhìn xuống đã chi phối Nguyễn Hiến Lê suốt những năm Địa Thiên Thái trên đường mở mang sự nghiệp giáo hoá. Với ưu thế Địa Nguyên khí ở quê nội Cần bắt đầu từ năm 43 tuổi (1952), Nguyễn Hiến Lê quyết định rời bỏ nghề dạy học đi hẳn vào nghề viết sách. Hoá ra những năm Phong Địa Quan là những năm chuẩn bị. Những năm Địa Thiên Thái đối với ông mới thực sự là những năm cất cánh. Trong những năm 1949 - 1953, tôi làm việc rất nhiều, vừa học vừa dạy học, lại vừa viết sách. Hết niệng thời giảng thì tay lại cầm cuốn sách lên, đặt cuốn sách xuống thì tay lại cầm cây bút lên. Hấp tấp tôi trường rồi hấp tấp về nhà. Mỗi tuần tôi chỉ nghỉ buổi chiều chủ nhật, để qua khu chợ (cách nhà tôi khoảng 1 cây số), để thăm bác tôi và một hai người bạn... Trong gia đình, tôi muốn vợ con hiền lương, con học được và thích đọc sách chứ không ham sang giàu. Nhà ở, tôi không muốn sang trọng lộng lẫy, ít đồ đạc thôi, nhưng nhiều sách. Chỗ làm việc phải rộng rãi sáng sủa và trông ra một khu vườn có lá, có hoa. Hoa thì tôi lại muốn loại dễ trồng, mà có hương thơm, có bóng mát để chìm chốc, ong bướm tới. Tôi ngại nhất loại hoa bắt người ta phải hầu hạ như hải đường, phong lan...

Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Hiến Lê rất thích nhà văn hoá Tô Đông Pha. Ông đã viết riêng một cuốn sách về Tô Đông Pha, và chép đoạn văn sau đây vào cuốn Hồi ký của mình: Tự ở nơi biến đổi mà xem ra thì cuộc trời đất cũng chỉ ở trong một cái chớp mắt; tự ở nơi không biến đổi mà xem

ra thì muôn vật cùng với ta đều không bao giờ hết cả... Và lại ở trong trời đất, vật nào có chủ ấy, nếu không phải của ta thì dầu một li ta cũng không lấy. Chỉ có ngọn gió mát ở trên sông, cùng vầng trăng sáng ở trong núi, tại ta nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy của ai không cấm, dùng không bao giờ hết, đó là cái kho vô tận của tạo hoá mà là cái vui chung của bác với tôi. Ông bảo là trong văn học phương Tây ông chưa gặp được bài nào vừa tao nhã vừa du dương như bài đó.

Yêu thích như thế, làm lụng như thế, nên suốt ba mươi năm ở quê Thái, ông cống hiến cho đời hơn trăm đầu sách. Mà toàn là những loại sách đòi hỏi một cái nhìn bao quát, xuyên suốt, phóng khoáng, cao cả, tích cực, nghĩa là một cái nhìn rộng từ trên cao nhìn xuống. Về văn học có *Hương sắc trong vườn văn, Đại cương văn học sử Trung Quốc, Tô Đông Pha...*; Về ngôn ngữ học có *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam, Chúng tôi tập viết tiếng Việt...*; Về triết học có *Đại cương triết học Trung Quốc, Nho giáo một triết lý chính trị, Liệt tử và Dương tử, Kinh dịch đạo của người quân tử...*; Về gương danh nhân có *Gương hy sinh, Gương kiên nhẫn, Những cuộc đời ngoại hạng...*; về giáo dục có *Thế hệ ngày mai, Tìm hiểu con chúng ta, Tự học một nhu cầu thời đại...* Đặc biệt về dịch thuật ông tỏ ra có một khả năng sung mãn, ông đã dịch: *Chiến tranh và Hoà bình, Kiếp người, Cổ văn Trung Quốc*, và nhiều sách khác... (Theo Nguyễn Q. Thắng. Hồi ký Nguyễn Hiến Lê. Sdd. tr.11).

Cuộc đời Nguyễn Hiến Lê được tổng kết một cách phong phú và sinh động trong cuốn *Hồi Ký Nguyễn Hiến Lê* có thể là một bài học những ai muốn đi sâu vào nghiên cứu quê Quán. Nói cách khác, ai muốn giảng về quê Quán thì chỉ việc đưa tác phẩm trên ra đối chiếu và so sánh là có đầy đủ những khía cạnh đáng kể nhất của quê Quán. Do có ưu tiên Thiên nguyên khí và Địa nguyên khí giải đều ở cả tiên thiên và hậu thiên, nên có thể nói Nguyễn Hiến Lê là người phát huy đến mức cao những ưu thế của quê Quán, để đi đến

những thành đạt mà người khác cũng được quẻ Quán lại không có được. Tôi thử đưa ra mấy nhận xét sau đây:

Người quẻ Quán mà tượng là Làn gió đi trên mặt Đất nên nghĩa quẻ là Quan, là quan sát, là thấy và suy ngẫm (khác với quẻ Cấu là Làn gió đi dưới Trời nên nghĩa quẻ là Gập, là gập gờ bất ngờ), trước hết là người giàu khả năng quan sát, nhạy cảm với những diễn biến của thiên nhiên và sự sống diễn ra xung quanh, dễ thấy ra những đặc điểm của nó để mà so sánh và suy ngẫm. Đọc Hồi ký của ông, ta thấy ông là người rất giàu khả năng quan sát. Mà khả năng quan sát này ở hào 4 là xem về sáng của đất nước, nên ông thiên về quan sát phong cảnh và dân tình. Thuở bé, nhà ở ngõ Phất Lộc mà đi học trên Yên Phụ (Hà Nội), hàng ngày phải đi về chặng đường sáu cây số dọc bờ hồ Tây và đê sông Hồng, ông đã quan sát thấy bao nhiêu vẻ đẹp, thành những ấn tượng sâu sắc đầu tiên trong đời. Khi trở thành chuyên viên ngành công chính, được đi khắp sông rạch miền Tây Nam Bộ, ngay từ thời trẻ, ông đã ham muốn viết hồi ký để ghi lại những gì đã quan sát được, rất tiếc tập hồi ký đó đã không giữ được. Những trích dẫn trên kia cho thấy ông giàu khả năng quan sát đến thế nào. Sau này tập Hồi ký in khi ông đã mất, trở thành một tác phẩm có giá trị cho những ai muốn tu rèn khả năng quan sát và học làm người. Tập hồi ký đó là tấm gương toàn vẹn của một người hào 4 quẻ Quán mà khi viết ra, tôi có cảm tưởng là ông cũng không ý thức được mình là người quẻ Quán.

Người quẻ Quán là người có một sức mạnh tự thân rất lớn. Dựa vào Cấu trúc Hà Lạc dưới đây (xem phụ lục) mà chiết ra tìm các vận Năm của chủ thể, ta sẽ thấy Nguyễn Hiến Lê có đến 4 quẻ Đại tráng trong suốt thời Quán của ông. Tất cả các đại vận hào âm quẻ Quán, đều kết thúc bằng quẻ Lôi Thiên Đại Tráng, nghĩa là cứ sáu năm có một năm Đại Tráng. Tượng quẻ là Sấm ở trên Giời. Nghĩa quẻ là Đại Tráng, là Lớn Mạnh. Người có Thiên nguyên khí ở ngay đầu đời quẻ Quán, lại có mệnh hợp cách, thì cái sức mạnh tự thân Đại

Tráng ấy lớn đến chừng nào. Hồi ký Nguyễn Hiến Lê cho biết ông có khả năng tự học rất lớn. Ông đã có một tổng kết giá trị trong đời ông là: *Khi muốn học một vấn đề nào thì cứ viết sách về vấn đề ấy. Muốn học một cách kỹ lưỡng thì không gì bằng viết sách về điều mình học. Viết sách là tự ra bài cho mình làm* (Sđd. Tr.294). *Học mà không làm bài thì mới chỉ là đọc qua chứ không phải học.* Ông nói thêm: *Song tôi xin dặn bạn: khi viết nên nhớ là mục đích của ta là để tìm hiểu, chứ không phải để cầu danh. Đừng cầu danh thì danh sẽ tới. Cầu nó, nó sẽ trốn và sự học của ta sẽ hoá ra nóng nổi* (tr.295).

Sức mạnh tự thân của Nguyễn Hiến Lê thể hiện trong quyết tâm rời bỏ nghề công chính để theo nghề dạy học, rồi bỏ nghề dạy học để theo nghề văn, lấy nghề văn và làm xuất bản để nuôi mình và nuôi người.

Một đời miệt mài làm việc để cho ra hàng trăm đầu sách, quả là sức Đại Tráng phát triển đến phi thường.

Hào 4 âm quẻ Quán (hào chủ mệnh của Nguyễn Hiến Lê) ở gần sát hào 5, vị chí tôn, nên lời hào sau vẽ câu: *Xem về sáng của Nước*, còn vẽ câu: *mà lợi dụng địa vị thân cận với nguyên thủ*. Vậy nguyên thủ của chủ thể là những ai? Đọc Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, chúng ta thấy ông kể ra một số người lần lượt ở những địa vị chí tôn trong cuộc đời ông. Cha, người tuy mất sớm nhưng gây dựng cho việc học hành ban đầu; mẹ, người đã ở vậy nuôi các con ăn học; bà ngoại, người có lời khuyên rất quan trọng là học chữ Hán để xem được gia phả, nhờ lời khuyên đó mà sau này chàng trai Nguyễn Hiến Lê có cái vốn chữ Hán đủ để lập nghiệp lớn; ông bác cả, người đã gây dựng cho chàng trai cái vốn chữ Hán đầu tiên; ông bác hai, người hoạt động cách mạng trong Đông Kinh nghĩa thực, nêu tấm gương hy sinh vì tiết nghĩa cho chàng trai; ông bác ba, người của Đông Kinh nghĩa thực, trốn tránh vào Nam, sau trở thành chỗ dựa cho chàng trai những năm đầu lập nghiệp trong Nam... (Có thể kể một số người khác nữa, đã giữ vai trò nguyên thủ trong đời ông). Theo Hồi ký,

ông đã tận dụng tất cả những lợi thế ảnh hưởng to lớn của những người gần gũi ấy, sau này ông kể lại trong những cuốn sách như: *Cháu bà nội, tội bà ngoại*; *Đông Kinh nghĩa thực*; *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* và nhắc đến họ trong nhiều cuốn sách khác. Cuốn *Đông Kinh nghĩa thực* chính là một biểu thị của sự tận dụng cái lợi thế ở gần nguyên thủ. Nguyễn Hiến Lê kể: *Hồi tản cư ở gần Tân Thành (1946 - 1947) tôi được bác Ba tôi, hiện là Phương Sơn, giáo sư trong Đông Kinh nghĩa thực cũng là rể cụ Lương Văn Can, kể cho nghe các hoạt động của trường.*

*Hồi cư về Sài Gòn, tôi tìm đọc trên hai chục cuốn về các nhà cách mạng thời đó, cả cuốn Đông Kinh nghĩa thực của Đào Trinh Nhất (Mai Lĩnh 1938), vừa để kiểm thêm tài liệu để soát lại những lời bác tôi kể, rồi viết cuốn **Đông Kinh nghĩa thực**, xuất bản năm 1956 (cũng là năm Đại Tráng của Nguyễn Hiến Lê, thuộc đại vận hào 1 quẻ Thái, một trong hai đại vận rực rỡ nhất của Nguyễn Hiến Lê - XC)... Đông Kinh nghĩa thực ghi được không khí thời đó (1907), chép được tinh thần các nhà cách mạng vừa hăng hái, vừa ngây thơ, nhất là tình đoàn kết, hình ảnh trong anh em, lại có nhiều giai thoại, nhiều tình tiết lý thú, cho nên sách bán khá chạy... In xong cuốn sách đó - cũng như cuốn **Bảy ngày trong Đông Tháp Mười** và bộ **Đại cương văn học sử Trung Quốc** - tôi gửi ngay về Long Xuyên tặng bác tôi một bản để người đọc lại những hồi ký cùng bài thơ cảm khái của người ở cuốn sách:*

*Tuổi xanh kết bạn xoay trời đất
Năm chục năm nay thoả ước mong
Độc lập xa gần cờ phất phới
Anh hồn cố hữu khoải hay không?*

Bài thơ đó người làm đầu mùa đông năm Ất Mùi (1955) khi Việt Nam không còn bóng một quân Pháp nào cả, ít tháng trước khi Đông Kinh nghĩa thực đưa cho nhà in sắp chữ... Sách in rồi tôi vẫn tiếp tục kiểm thêm tài liệu, đọc ở đầu hoặc được bạn bè (Nguyễn Hữu Ngự...) cho biết thêm

điều gì tôi đều ghi lại, cho vào hồ sơ riêng để khi tái bản sẽ sửa chữa. Nhờ vậy mà lần in thứ nhì năm 1968, sách dày thêm được khoảng ba chục trang, lần thứ ba thêm được hai chục trang nữa, tất cả là 200 trang... Từ năm 1974 đến nay, tôi lại kiếm thêm được ít tài liệu nữa, mà tôi sẽ chép trong phần phụ lục; nhưng chắc sẽ không có lần in thứ tư. Độc giả ai cũng cho đó là một trong những cuốn có giá trị của tôi; chính tôi cũng thích nó một phần vì ghi lại được hành động của các bác, cha, chú tôi.

Tôi chỉ xin nói thêm một câu: Ông không hề biết rằng hào 4 quê Quán chủ mệnh của đời ông đã báo trước rằng trên hành lang đường đời, ông luôn luôn được gần các nguyên thủ. Lời hào khuyên rằng hãy biết tận dụng cái vị thế ấy rất có lợi. Và ông đã lợi dụng theo cách người quân tử: Viết sách về những ... nguyên thủ ấy.

Bắt đầu từ năm 61 tuổi (1972), Nguyễn Hiến Lê cố gắng đi hết hào 3 dương quê Thái. Lời hào 3 báo động rằng thời Thái của ông đã đến chỗ thịnh cực rồi, sắp suy đấy, trong gian nan hãy giữ lấy điều chính thì không lỗi.

Năm 1973, ông được quê Sơn Trạch Tổn, chủ mệnh ở hào 6. Tổn là Ích ở trên mà Tổn ở dưới, nên cuối cùng là Tổn cho trên (khác nào Núi mọc trên Đầm, khoét đất ở chân núi đập lên trên, núi cao lên nhưng rồi sẽ đổ). Tuy gặp quê Tổn nhưng chủ mệnh hào 6 cho biết ông đã ở cuối thời Tổn; đến đây đã chú trọng làm ích cho dưới rồi, nên trên không Tổn nữa. Đó là năm ông được đề xuất nhận giải thưởng của chính quyền ngụy Sài Gòn, giải mang tên Tuyên dương sự nghiệp văn học nghệ thuật năm 1973. Ông đã từ chối không muốn nhận giải thưởng đó. Không biết có phải hào 6 quê Tổn đã xui khiến ông như thế không. Giải thưởng là một triệu đồng, mà giá vàng hồi đó khoảng 40.000 đồng một lượng.

Năm 1979, ông làm cuốn sách cuối cùng trong bộ triết học Tiên Tần, cuốn *Kinh Dịch, đạo của người quân tử*. Đó là năm quê Hàm nằm trong đại vận hào 3 quê Thái. Hàm là Cảm, là làm cho người cảm được mình. Lời quê Hàm bảo

rằng: Hãy lấy tấm lòng hư không để thu phục người. Có nghĩa là hãy vô tư, trong lòng hãy không có cái tôi, không có sân ham muốn riêng tư, thì sẽ dung nạp được đạo lý cổ kim, sẽ cảm hoá được người. Nguyễn Hiến Lê kể trong cuốn Hồi ký của mình: *Tôi đã thu thập tài liệu Hoa, Việt, Pháp, Anh về Kinh Dịch từ non 20 năm trước, được 15 cuốn. Tôi đọc lại hết, ghi chép mất bốn, năm tháng, rồi viết mất sáu tháng nữa, được khoảng 500 trang. Chủ trương của tôi khác hẳn các học giả của mình. Gần đây tôi chỉ nhằm mục đích hướng dẫn những bạn trẻ muốn tìm hiểu triết lý trong Kinh Dịch, nghĩa là vũ trụ quan, nhất là nhân sinh quan, cách xử thế, tu thân trong Kinh Dịch, đạo của bậc chính nhân quân tử ngày xưa. Vì vậy tôi bỏ hết phần bói toán huyền bí, nhất là phần tướng số, và rắng trình bày một cách có hệ thống, sáng sủa tư tưởng của cổ nhân... Triết lý trong Dịch thực tế: Việc đời không bao giờ hết được, xong việc rồi (kỷ tế) thì phải bắt tay vào việc khác (sau Kỷ tế tới Vị tế); lạc quan: Tuy biết rằng không bao giờ diệt được ác, được tiểu nhân; thiện ác, quân tử, tiểu nhân, cũng như dương, âm vẫn thay đổi nhau lên lên xuống xuống, nhưng Dịch vẫn khuyến thiện, vẫn thiên vị với quân tử, chỉ cho quân tử cách đợi thời ra sao, hành động ra sao; Dịch lại rất thực tiễn: 64 quẻ đều xét những việc thường ngày, từ việc ăn uống, cưới xin, kiện cáo, xuất quân, dạy con, tới những việc trị dân, làm cách mạng, tu thân, tiến lui... cả những cách giữ thân khi gặp nguy khốn, khi ở đậu đất khách; mà như vậy chỉ dùng có hai vạch liền và đứt thay đổi nhau, chồng chất lên nhau. Tôi nhấn mạnh vào phần nhân sinh quan đó trong phần giới thiệu và cả trong phần dịch 64 quẻ.*

... Càng suy nghĩ, tôi càng thấy Dịch là một kỳ thư.

Bộ Kinh Dịch, đạo của người quân tử viết xong, tôi đưa cho vài bạn đọc, bạn nào cũng khen; một bạn chịu khó chép tay để giữ (vì không biết bao giờ mới in được), một bạn khác nhờ đánh máy 6 bản để tặng người thân.

Nếu ta hình dung rằng ông viết bộ sách này vào năm 1979, bốn năm sau chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng và thống nhất nước nhà, đọc những dòng trên, ta thấy tâm hồn ông trong trẻo biết bao, không bợn chút riêng tư, chỉ nghĩ đến bạn trẻ. Đúng tình thân quê Hàm. Chỉ còn chút mặc cảm: không biết bao giờ sách mới in được. Ông không biết rằng hơn mười năm sau, vào những năm Chín mươi này, cuốn sách tâm đắc của ông đã được giới thiệu với bạn đọc trên toàn quốc.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Nguyễn Hiến Lê

Sinh ngày 20 - 11 - Tân Hợi, giờ Dậu (8 - 01 - 1912).
 Tiết lệnh tháng 11: Đại Tuyết 18 - 10 - Tân Hợi. Tiết lệnh tháng 12: Tiểu hàn 19 - 11 - Tân Hợi. Vậy phải tính tháng sinh là tháng 12. Mệnh Kim (trâm thoa). Can chi: **Tân Hợi, Tân Sửu, Quý Mùi, Tân Dậu**. Mã số Can Chi: 4, 1 - 6; 4, 5 - 10; 2, 5 - 10; 4, 4 - 9. a/d.

Tiền thiên Tiền vận	Đại vận (tuổi)	Hổ Thiên thiên	Hậu thiên Hậu vận	Đại vận (tuổi)	Hổ Hậu thiên
-----	16 - 24	-----	-----		-----
-----	07 - 15	-----	-----		-----
-----*	01 - 06	-----	-----	70 - 75	-----
-----	37 - 42	-----	-----	61 - 69	-----
-----	31 - 36	-----	-----	52 - 60	-----
-----	25 - 30	-----	-----*	43 - 51	-----
Phong Địa Quan		Sơn Địa Bắc	Địa Thiên Thái		Lôi Trạch Quy Muội

Hoá công: Không. *Thiên Nguyên khí:* Tồn ở Tiền thiên. *Địa Nguyên khí:* Càn ở Hậu thiên. Mệnh hợp cách mức trung bình cao. Dấu *: Hào nguyên đường chỉ chủ mệnh xuyên suốt Tiền vận hoặc Hậu vận.

ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN

Một thời Đại Tráng truân chuyên

Nhà thơ *Đoàn Thị Lam Luyến* (ĐTLL) sinh vào giờ Tý, ngày 15-6 năm Tân Mão (18-7-1951, dữ liệu này là thật sinh, khác với khai sinh trong *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, 1997). Các quẻ Dịch cộng hưởng với nhau đi xuyên suốt cuộc đời của chủ thể: quẻ Tiên vận là *Lôi Thiên Đại Tráng*, có quẻ Hổ là *Trạch Thiên Quải*; quẻ Hậu vận là *Phong Lôi ích* có quẻ Hổ là *Sơn Địa Bác*.

Quẻ Dịch phản ánh thời tiên vận của nhà thơ (khoảng 48 năm) đồng thời có vai trò Mệnh Trời (Tiên thiên) chi phối suốt đời là quẻ *Lôi Thiên Đại Tráng*. Lôi là Sấm. Thiên là Trời. Tượng quẻ là Sấm ở trên Trời. Đây là một loại Sấm sinh ra từ chuyển động khí, sinh điện, giữa bao la không trung, nên sức rất mạnh, tiếng rất vang, là loại sấm lành, tạo nên sự sinh sôi, phát triển của sự vật. Nên nghĩa quẻ là Đại Tráng. Đại Tráng là Lớn Mạnh, chỉ rõ chủ thể sinh ra và lớn lên với một vận mệnh phát triển lớn và mạnh. Nhưng vì là Sấm ở trên Trời nên nó chỉ thực sự lớn mạnh với người thức thời, tức người quân tử, biết rằng *Đại Tráng lợi trinh* (Lời Kinh) nghĩa là Thời Đại Tráng lợi ở sự Trinh (chính), ở sự biết đi con đường chính đáng. Từ đó mà biết ước chế dục vọng, cái gì hợp với lẽ Trời (chính nghĩa) thì mới hành động, được như thế không gì không lợi. Cái mạnh thời Đại Tráng phải là cái mạnh bắt nguồn từ bên trong. Còn như người không thức thời, tức kẻ tiểu nhân, cậy mạnh thời Đại Tráng, ý mình đang thịnh, kiêu căng đắc chí, hành động không cân biết đúng sai, kẻ đó chỉ rước họa vào thân. Cho nên quẻ Đại Tráng đối với một nhà thơ nữ xuất thân từ một gia đình nông dân như ĐTLL quả là một thách thức. Thuật toán Tứ trụ cho biết ĐTLL có sức mạnh bên trong. Những tín hiệu Lục Thân

và Ngũ Hành như Tài Quan Thục, Kim Thủy; những tín hiệu Sao, Thần như Thiên Ất, Văn Xương, Hoa Cái, Tướng tinh, Phúc tinh, cho biết chủ thể có phẩm chất thông minh, mẫn cảm, năng động, có năng khiếu văn chương nghệ thuật, có âm phúc, hứa hẹn sẽ thành danh và hiển đạt. (Xem *Dự đoán theo Tứ trụ* của Thiệu Vĩ Hoa, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội 1996).

Tuy nhiên có nhiều yếu tố chi phối làm cho quẻ Đại Tráng của chủ thể đầy biến động. Người có mệnh Đại Tráng sinh vào tháng Hai mới thật tốt. Sấm thì phải là Sấm tháng Ba. Chủ thể sinh tháng Sáu là tháng đã sinh nhiều loại sấm không lành, sấm chớp đầy trời rồi, thuật ngữ Hà Lạc gọi là không đúng mùa sinh. Sinh năm Tân Mão, chủ thể mang mệnh Mộc (thể tùng bách, một loại cây quý, gỗ thơm và cứng, sức chịu đựng bền bỉ), mệnh này gặp quẻ Càn (Thiên), khác nào cây cối tốt tươi dưới ánh sáng mặt trời nhưng dễ sinh mơ mộng hảo huyền, dễ tự huỷ hoại, ít thực tế. Gặp quẻ Tốn (Phong) là tín hiệu cho biết thời trẻ có dao động, trắc trở, lo âu. Gặp quẻ Đoài (Trạch, là đầm hồ) cho thấy giữa thu mới khởi sắc, khái niệm *giữa thu* vừa là giữa mùa thu hàng năm, vừa là *giữa mùa thu cuộc đời*. Gặp quẻ Chấn (Lôi) là tín hiệu có thành đạt, có vinh thăng. Cùng với những yếu tố không hợp lý khác, đã cộng hưởng, tạo nên một hành lang số phận tuy Đại tráng đầy, mà truân chuyên đầy, đầy những ngoắt ngoéo và thăng trầm, phản ánh rất rõ trên hành lang văn học của cuộc đời nhà thơ.

ĐTLT sinh ra và lớn lên ở một vùng đồng bằng Bắc bộ, vào một thời kỳ đầy biến động, trong một gia đình nông dân nghèo, cha mẹ từng là cốt cán trong phong trào cách mạng ở nông thôn những năm Sáu Mươi. Mang khí chất Đại Tráng trong mình, tuổi thơ của chủ thể đã hoà nhập vào những hoạt động tích cực của phong trào Thiếu Nhi. Nhưng với tính nhạy cảm, từ năm 10 tuổi cô bé đã sớm thấy những dấu hiệu lo buồn của người lớn, cùng những toan tính, đối phó nào đó (Hào 2 quẻ Quải vào năm 1962: Có chuyện nơm

nếp lo sợ trong nhà). Năm 13 tuổi (1963) quê Thuận Đoài, hào 3: khí huyết đang xung, nữ tính bắt đầu mạnh, cuộc sống tưởng bừng lên, thì cũng chính là năm gia đình có biến động, phải di chuyển lên vùng núi Sơn La. Năm sau (1964) là quê Thủy Trạch Tiết phản ánh cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn ban đầu trên vùng kinh tế mới phải *tiết chế* chừng mực. Năm 15 tuổi (Ất Tị, 1965) ứng với quê Địa Trạch Lâm, một quê thật tốt cho thấy năm này trí khôn phát triển, thông minh hẳn lên, khiếu văn chương xuất hiện, hào hứng làm thơ. Toán Tứ trụ cũng cho biết năm Ất Tị của chủ thể là năm Kinh Dương (Tị) gặp Sát (Ất) là tín hiệu năm hiển đạt. Quả nhiên, cô bé Lam Luyện đã dự một cuộc thi thơ của Thiếu Nhi, và trúng giải. ĐTLL trò chuyện cùng bạn đọc: *Năm 15 tuổi tôi đã ngồi cùng chiếu với Trần Đăng Khoa và các bạn thơ khác trong giải thưởng thơ Thiếu Nhi 1966-1967. (Nhà văn Việt Nam hiện đại. Sách đã dẫn).* Những năm 1966, 67, 68 ĐTLL được tuyển vào học Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc. Các quê Tồn (hào 6), Mông (hào 1), Bác (hào 2) đã phản ánh sự kiện này. Đến đây bắt đầu những năm truân chuyên của đời con gái mà quê Bác đã báo động (Bác là tan mất, rơi rụng). Hai Đại vận liền kéo dài 18 năm cho đến năm 36 tuổi, niềm đam mê thơ, thức dậy trong những năm tiếp cận với văn hoá, nghệ thuật, dường như biến đi, nhường chỗ cho những chìm nổi thăng trầm: lấy chồng, đẻ và nuôi con, ly hôn, làm ăn, lỡ làng, cô đơn, bị phản bội trong tình bạn. Trong đó, những năm hạnh phúc sáng lên rất ngắn ngủi. Tất cả những thời kỳ trên đều phản ánh một cách kỳ diệu trong các quê Dịch tương ứng, chỉ có chủ thể mới nhận thấy.

Đúng như nhận định tổng quát của Toán Hà Lạc: Suốt thời trẻ dao động, vất vả, nhiều trắc trở, lo âu... Có tài văn chương từ lúc trẻ nhưng không gặp thời, muộn mới thành danh. *Giữa thu mới khởi sắc.*

Ta sẽ thấy sự muộn màng ấy trên hành lang văn học của ĐTLL diễn ra đúng vào mùa thu của cuộc đời: Năm 39

tuổi (1989) xuất bản tập thơ *Lỡ Một Thì Con Gái*; năm 40 tuổi (1990): tập thơ *Cánh Cửa Nhớ Bà*; năm 41 tuổi (1991): tập thơ *Chồng Chị Chồng Em*; năm 45 tuổi (1995): tập thơ *Châm khôi*. Năm 1990, Giải thưởng Thơ báo Văn Nghệ (*Chồng Chị Chồng Em*). Năm 1992, tập thơ *Chồng Chị Chồng Em* đã vào đến bàn chung khảo Giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1995: Tặng thưởng của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn cho xuất bản phẩm hay trong năm (*Châm khôi*). Những thành đạt trên đồng hành với những biến động trong đời sống: tiếp tục bị phản bội (Quê Cẩu 1989), phải đi ở ẩn (Quê Độn 1990), bế tắc và tai tiếng (Quê Bĩ 1991).

Sáu năm cuối (1993-1998) của Tiến vận Đại Tráng và truân chuyên của ĐTL là cuộc đời đã sáng lên với những quê Đại Hữu (Cổ lớn), Đình (Vững vàng), Lữ (lữ hành), Tấn (Tiến lên), Quán (Quan sát). Năm 1996 với quê Hoà Địa Tấn, tượng quê là Lửa sáng trên mặt Đất, ĐTL được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam, một cái quán dừng chân hơi muộn màng so với hành trang văn học trên vai, nhưng đó thực sự là một dấu ấn có ý nghĩa trong cuộc đời của nữ sĩ.

Với sức mạnh bên trong của thời Đại Tráng, ĐTL là nhà thơ mạnh bạo kể chuyện cuộc đời truân chuyên của mình, không chút mặc cảm (*Lỡ một thì con gái, Chồng chị chồng em*). Cuộc chung sống với người đàn ông thứ hai rất ngắn ngủi và chua chát, (hào 1 quê Cẩu: Ngăn hãm bánh xe cho dừng lại. Thả lỏng sẽ sinh cần. Tài nhỏ, sức ngắn, liễu thì mang họa) nhưng để lại một dấu ấn thơ đẹp: Bài thơ *Chồng Chị chồng Em*. Chất hương nồng đắng của bài thơ đó là cái tâm trạng muôn thuở của thân phận người đàn bà, nhưng đây là người đàn bà hiện đại ở phần sau thế kỷ Hai Mươi, *chị thân nhiên* (với) *mối tình đầu*, (thì) *thần nhiên em nhận* (chiếc) *bã trấu về tẩm* (lại); vấn đề là cái phận của chị đã xong, giờ đến cái duyên của em. *Cái phận trước, cái duyên sau*. Vui và buồn. Bâng khuâng và tình tảo, hiện tại được an

úi, nhưng cũng vẫn lo "nào ai tình được dài lâu với trời".
Thực dụng một chút:

Gần được ấm, xa được êm

Biết thù ruộng hoá cũng nên mùa màng

Sòng phẳng một chút như hai cái thân nhiên nói trên của hai người đàn bà. Và tuyệt nhiên không ghen tuông như người đàn bà thời xưa. Dưng dung là khác: *Đã từ hai mảnh tay không / Kể chi mẹ ghế, con chồng, chống người*. Phải nhờ cái khí chất đại tráng thì mới bật ra những câu thơ đó.

Chất thơ ĐTLL bao giờ cũng chứa chất cái mạnh mẽ khác thường và có sức vang xa như sấm ở trên gò. Đi đến tận cùng những cảm giác của cô đơn:

Anh đã đem đi cả cõi hồn

Em còn lại xác, xác chuta chôn

Xác không khám liệm không thành xác

Dạt dờ trôi dạt bến cô đơn.

Đi đến tận cùng cái bề bồng của cơn khát tình yêu:

Em là kẻ ăn mây sang trọng

Một chiều bến ngỗ nhà anh.

Đi đến tận cùng của đam mê:

Em đam mê đến độ hững hờ

.....

Điện cũng cần cho xứng với đam mê.

Đọc thơ ĐTLL, nhà thơ có mệnh Đại Tráng mà Tượng là Sấm ở trên Giời, (Lôi Thiên Đại Tráng), Đầm nước cao ngang Giời (Trạch Thiên Quải, Trạch là đầm, hồ), Gió Sấm (Phong Lôi ích)... ta sẽ thấy nhà thơ đặc biệt nhạy cảm với thiên nhiên ở cái tâm bao quát và không gian rộng lớn của nó. Rất nhiều tứ thơ có âm hưởng của sấm chớp, giông gió, mưa.

Bóng người đàn bà trước tôi

Làm nên giông gió một thời đã qua.

.....

Em sẽ chờ anh

Như lúa đợi sấm tháng Ba

.....
*Anh chênh chếch mảnh trăng tà
Đến em xao xác tiếng gà đêm thâu
Đợi chờ những hoá thành ngâu
Mặc cho sấm chớp trên đầu chưa tan.*

Đồng hành với hiện tượng trên, ta thấy nhà thơ rất ít cảm xúc về những hiện tượng thiên nhiên bắt nguồn từ Đất: một mầm cây, một nhành hoa chẳng hạn... (Trong hai tập *Chồng Chì Chồng Em* và *Châm Khói* cả thấy có ba lần lấy tứ thơ từ Hoa nhưng là những vòm *hoa gạo* và *hoa phượng* đỏ rực vùng trời, còn một *cây hồng* thì đó là cây hồng không nở hoa do một người bạc tình trồng trên mộ một cô gái (CCCE).

Nhờ có Toán Hà Lạc, chúng tôi có nhận xét rằng thơ ĐTLL phản ánh rất đúng cấu trúc mệnh của nữ sĩ. Hà Lạc giải đoán: Người mệnh Mộc gặp quẻ Càn thì nhiều mơ mộng hão huyền, ít thực tế. ĐTLL mệnh Mộc từng bách, gặp quẻ Kiên thuộc Lôi Thiên Đại Tráng. Chỉ cần xem hai tác phẩm *Chồng Chì Chồng Em* và *Châm Khói* cũng thấy rõ cái âm điệu chủ yếu trong thơ của tác giả là sự thất vọng chán chường vì không tìm được một tình yêu lý tưởng trong thực tế. Cái tâm trạng ấy ở ngay trong những câu thơ chọn làm đề từ cho 2 tập thơ.

Trong *Chồng Chì Chồng Em*:

*Càng gần cái đích ta mong
Càng xa cái chốn mà lòng ta yêu*

Trong *Châm Khói*:

*Tình em chín đã lâu rồi,
Cánh chim quá mỏng, khoảng trời quá cao.*

Nổi bật lên và xuyên suốt hai tác phẩm là tâm trạng và nỗi niềm về một thân phận đàn bà dở dang, nhờ ngang với những khía cạnh và những cung bậc khác nhau: Cô đơn như cái xác không hồn; lẻ chiếc như cái bóng không hình; hạ mình với cái bề ngoài sang trọng; kiêu hãnh trong cay đắng; ghen ngạo trong ân ái (*chiếc hôn vừa nhận vừa trao /*

Thoảng như cổ vệt son nào của ai)... Nhưng không phải chỉ có thế, qua tất cả những than van nuối tiếc, người đọc còn thấy vút lên lời ca của một trái tim khao khát, cháy bỏng không nguôi hướng về một tình yêu lý tưởng, một người tình lý tưởng mà biết là hình như không có.

Suốt đời tôi tìm kiếm tình yêu,

Như người ta tìm vàng, đãi cát

Để rồi bắt đầu nhận ra:

Tôi trong chuyện tình yêu

Như người không có số được vàng

Dẫu gặp vàng,

Vàng cũng thành đất sỏi.

Ngày nay nhờ Toán Hà Lạc, biết rằng cái số không được vàng ấy đã nằm trong mệnh của nhà thơ, Mệnh Mộc gặp quẻ Kiền.

Có một người bạn gái duyên phận không may, tuổi đã "băm băm", làm nhà giáo dạy văn, đưa tôi tập thơ *Châm Khôi* (CK) của Đoàn Thị Lam Luyến và bảo: *Nếu anh đã đọc Chông Chì Chổng Em (CCCE) rồi thì nên đọc cái này. Được lắm đấy.* Đúng là tôi đã đọc CCCE với tư cách một người bỏ phiếu khi tập thơ CCCE của ĐTLL vào đến bàn chung khảo của Ban Chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam (1992). Tôi hỏi cô bạn gái: *Em thích thơ Lam Luyến không?* Cô bảo: *Em đọc không sót câu nào, ít nhất là hai tập CCCE và CK.* Tôi lại hỏi: *Có phải do thân phận riêng em mà em thích thơ Lam Luyến không?* Cô bảo: *Anh nhầm rồi! Đám trò gái của em, chúng giới thiệu thơ Lam Luyến với em đấy chứ. Em biết nhà thơ này bắt đầu từ các bạn đọc tuyệt vời trong trắng ấy.* Tôi lại hỏi: *Em có thể đọc ngay một câu thơ của Lam Luyến mà em thích?* Cô bạn đọc ấy đọc ngay:

Chị thân nhiên môi tình đầu

Thân nhiên em nhận bã trầu về têm

- Có người chê câu thơ đó. Bã trầu thì còn gì để mà têm nữa. Ghê ghê là khác.

- Cái thân của câu thơ, của cả bài thơ là ở hai chữ bã trầu ấy. Thân nhiên mà đau xót. Đau xót đến tận cùng. Cái miếng trầu ấy mà, nước cốt của nó, cái vị thơm cay, cái men say của nó, thuộc về người đàn bà kia rồi còn đâu. Xin giới mày râu dừng tự ái. Trong hoàn cảnh ấy, các anh chỉ còn lại là cái bã trầu mà thôi. Mà cái thân xác bã trầu chưa đáng sợ bằng tâm hồn bã trầu. Trong câu thơ của ĐTLL có cả hai thứ bã trầu ấy. Em nghe nói cái mối tình chấp nhận ấy, cái miếng trầu dừng dừng tèm vôi ấy cũng ngăn ngừa lắm phải không anh?

- Thì chính hai chữ bã trầu đã báo trước rằng mối duyên này là không yên lành. Nó cũng được báo trước bằng bài thơ Bóng người phía trước: *Bóng người đàn bà trước tôi / Làm nên gió một thời đã qua / Bóng người đàn bà trước ta / Ai ăn bên những xót xa nghẹn ngào...*

ĐTLL là một trong số ít ỏi nhà thơ nữ thời nay trần trố, sỏi lật câu chuyện muôn thuở của thân phận đàn bà. Nhà thơ cũng không giấu diếm bạn đọc: *...Đời riêng có những éo le, trắc trở, vì vậy có nhiều điều muốn nói, muốn được giải bày. Ngoài thơ ra, không biết lấy ai để bộc bạch gửi gắm lòng mình.* (Nhà văn Việt Nam hiện đại. NXB Hội Nhà văn 1997. Tr. 406). Điều đó gây tò mò cho cô bạn đọc: *Anh có thể giúp em đến thăm nhà của nhà thơ được không?* Tôi liền lạc với ĐTLL. Đầu đây nói đằng kia, Lam Luyến nói: *Thơ bây giờ được bạn đọc phán cho một câu là đọc được đấy, thế là hạnh phúc rồi. Xin mời bạn ấy đến.*

Đó là một ngôi nhà cao ráo bên bờ sông Tô Lịch thuộc quận Cầu Giấy-Hà Nội. Căn phòng tiếp khách trang nhã và thanh lịch khiến ta nhớ rằng chủ nhân căn phòng này còn là một họa sĩ Mỹ thuật công nghiệp. Cô bạn đọc ngắm Lam Luyến rồi thành thật nói: *Đúng như cảm tưởng của em khi xem ảnh, chị có một vẻ đẹp đôn hậu. Chị giỏi quá, một thân một mình mà làm được ngôi nhà thế này. Em nghe nói chị còn là một nhà kinh doanh sách nữa?*

- Người ta đồn thế đấy. Ngôi nhà này làm nên bằng toàn bộ thu nhập tích góp trong mười năm tôi làm gia công

mỹ nghệ. Đồi tôi làm lữ đã quen mà. Cái chữ *Lam* dùng làm tên đệm ấy không phải là *lam xanh* đâu. Còn việc làm sách, cô đã đọc bài *Châm Khôi* của tôi chưa?

- Em xin đọc ngay chị nghe:

*Bốn chục tuổi chưa khỏi điều non nớt
Cả tin nghe, cả tin nói, cả tin cười
Que diêm mảnh cứ châm bờ rạ ướt
Khói lửa nào đang đốt trái tim côi.*

- Đây là bài thơ tôi làm sau một cuộc mà cô gọi là kinh doanh. Tôi *cả tin* nghe các biên tập viên ca ngợi, liền bỏ vốn ra đóng góp với nhà xuất bản, cái *que diêm mảnh* của tôi ấy mà, đầu tư cho tác phẩm đầu tay của một nhà văn trẻ đang được kỳ vọng. Nhưng hoá ra đó là một *bờ rạ ướt*. Bạn đọc ngoảnh mặt đi. Sách không bán được. Còn mình thì làm phúc phải tội. *Khói lửa đang đốt* là thế.

Chúng tôi cười phá lên. Cô bạn đọc nói: *Vậy mà đọc bài thơ ấy, chúng em tưởng tượng ra đủ thứ triết lý ẩn sau nó. Thì ra thơ là như thế. Mà Lam Luyến là như thế.*

Bài thơ nấu mình ở trang gần cuối tập thơ nhưng lại được lấy làm đầu đề tập thơ.

Hậu vận của nhà thơ bắt đầu từ năm 49 tuổi, được quê *Phong Lôi ích* là một quê đẹp, có quê *Bác* hỗ trợ, ở vào hào đẹp nhất của thời ích (hào 4), lại có Thiên nguyên khí và Địa nguyên khí, những nguyên khí của trời đất đem lại sự vinh thăng trong cuộc sống. Những tín hiệu trên cho thấy chủ thể sẽ được một công chúng thơ mến mộ (Quê *Bác*: Quy tụ được đám đông), văn chương sẽ làm đẹp cho đời, sẽ thành danh, nổi tiếng. Tượng Quê ích: *Phong* là Gió, *Lôi* là Sấm, Gió và Sấm là hai thứ làm ích cho nhau, Gió mạnh thì Sấm to, Sấm mạnh thì Gió càng dữ. Nghĩa quê là ích, là trên chịu tổn để làm ích cho dưới, nhờ vậy mà *thiếp đại xuyên*, sông lớn cũng vượt được. Có một sự trùng hợp kỳ diệu. Nhà thơ không hề biết Hậu vận sắp tới của mình là *Phong Lôi ích*, nhưng đã nói với bạn đọc một câu đầy tràn tình thần quê ích:

Để có nhan sắc cho thơ, người viết dám mất đi nhan sắc của chính bản thân mình (Nhà văn Việt Nam hiện đại, sđd, trang 406). Một thời Đại Tráng truân chuyên sẽ chấm dứt. Cuộc đời riêng sẽ vượng lên, ấm áp hơn trong khung cảnh một nhà phúc lộc gồm hai. Thời kỳ này sẽ kéo dài hai đại vận Hà Lạc khoảng 15 năm. Văn chương sẽ trở lại làng quê với một thời nhỏ dầy bết trác và dao động trong số phân (Mệnh Mộc gặp quẻ Tốn), sẽ thắm đằm hương vị đồng nội (Phong Lôi, Gió Sấm cùng tác động) vốn là thế mạnh trong thơ của ĐTL.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Đoàn Thị Lam Luyện

Sinh: 15-6-Tân Mão, giờ Tý. (Khác với tư liệu trong Nhà văn Việt Nam hiện đại Nxb Hội Nhà văn 1997). Can Chi: Năm Tân Mão; Tháng Ất Mùi; Ngày Kỷ Mùi; Giờ Giáp Tý. Mã số Can Chi: 4, 3-8; 2, 5-10; 9, 5-10; 6, 1-6.

Tiên Thiên Tiên Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----	43- 48	-----	-----	64-72	-----
-----	37-42	-----	-----	55-63	-----
-----	28-36	-----	-----*	49-54	-----
-----	19-27	-----	-----		-----
-----	10-18	-----	-----		-----
-----*	01-09	-----	-----		-----
Lôi Thiên Đại Tráng		Trạch Thiên Quải	PhongLôi Ích		Sơn Địa Bác

Hóa công: Không. Thiên nguyên khí: Tốn ở Hậu thiên. Địa Nguyên khí: Chấn ở Tiên, Hậu Thiên. Dấu *: hào nguyên đường, chủ mệnh. Mệnh hợp cách mức trung bình thấp.

VĂN TÂM (TÂM DƯƠNG)

Người rữ bụi đường trường văn học

Nhà phê bình văn học *Văn Tâm* còn có bút danh là Tâm Dương. Tôi không được đọc đầy đủ những trước tác của ông, hiện trước mắt tôi chỉ có 4 cuốn sách: *Vũ Trọng Phụng, nhà văn hiện thực; Tản Đà, khối mâu thuẫn lớn; Góp lời thiên cổ sự; Đoàn Phú Tứ, con người và tác phẩm* với tổng số trang là 1410 trang. Tôi thú nhận: có một sức lôi cuốn khiến tôi không thể dừng lại trước bất cứ một trang nào do Văn Tâm biên soạn. Khiến tôi phải băn khoăn: Con người này là ai, từ đâu ra và là người thế nào nhỉ? Tôi đã đến thăm nhà ông. Cần nói rằng những gì mà nhà văn Hoàng Lai Giang, biên tập viên Nxb Văn học, kể về ông trong *Lời bạt* cuốn *Góp lời thiên cổ sự* (GLTCS) sau đây là rất đúng: *Tôi quen anh Văn Tâm qua một bài báo anh viết về nhà văn “Vũ Trọng Phụng thời ấy” trên tờ Người Hà Nội do chị Hằng người con gái duy nhất của nhà văn tặng tôi ở Sài Gòn. ... Văn anh nhẹ nhàng, mà sâu sắc, tinh tế, nhưng mang tính khái quát. Anh phê bình người ta bằng cái cách nói dè dặt, cân nhắc, đôi khi có pha chút diễm. Đọc xong rồi tôi về ngẫm lại mới thấm nỗi đau những dòng anh viết. À ra thế, “thời ấy” có người đánh giá về Vũ Trọng Phụng như thế này: lớn lao, vĩ đại, người ta còn cho rằng Cách mạng phải mang ơn Vũ Trọng Phụng. Và rồi sau đó..., người ta lại... chửi bới Vũ Trọng Phụng. Không ai bắt bẻ anh (Văn Tâm. XC) được, bởi anh nói sự thật, tư liệu của anh chính xác từ ngày, tháng, năm, từ tên họ, chức vụ người viết. Vậy đấy, chẳng ai dám đập lên lịch sử được. Tất nhiên phải có những người như anh Văn Tâm, tâm huyết với nghề nghiệp, âm thầm và lặng lẽ, nhất nhàn, tìm kiếm, sưu tập từng chi tiết, từng sự kiện, từng*

chứng cứ một, năm này qua năm khác... Mãi đến Đại hội nhà văn lần thứ IV, đến nhà anh, tôi mới hay đây là một nhà giáo cấp III. Tất cả những gì của anh là hình ảnh của con người Hà Nội kết tinh lại: hào hoa phong nhã, cao lớn, đẹp lão, lịch sự, tế nhị trong cư xử, trong nói năng và bao giờ cũng thận trọng. Từ đây tôi mới hay anh như một số nghệ sĩ cấp tiến một thời bị nhiều cơ quan báo chí, xuất bản khước từ; đồng nghiệp của anh là giáo sư cấp I, cấp II, chức này chức nọ toàn loại tên tuổi nổi như cồn một thời... Còn anh, anh vẫn lặng lẽ dạy phổ thông, lặng lẽ làm việc. Bạn bè nói với tôi rằng chưa bao giờ thấy anh nản chí muốn từ bỏ cái nghiệp chướng văn chương. Đây là một cây bút mà tôi thấy văn chương và con người hài hòa, đồng nhất: ... nhẹ nhàng, từ tốn, đúng ra là khiêm tốn. Có lẽ anh chưa bao giờ nặng lời với ai, hằn học với ai, trong bài viết cũng như trong quan hệ đời thường.

Đúng là Hoàng Lại Giang đã linh cảm thấy một cái gì trong mệnh vận của Văn Tâm.

Ông sinh vào giờ Tị ngày 16 tháng bảy năm Quý Dậu (05-9-1933). Ta hãy ngắm Cấu trúc Hà Lạc của Văn Tâm: quẻ Tiên thiên là Sơn Trạch Tổn, chủ mệnh hào 6, quẻ hỏ là Địa Lôi Phục. Quẻ Hậu thiên là Trạch Địa Tuy, chủ mệnh hào 3, quẻ hỏ là Phong Sơn Tiệm. Tượng quẻ là dưới Núi có Đầm (Sơn là Núi, Trạch là Đầm). Tổn là Giảm bớt, là Hao tổn. Vì Núi ở trên, Đầm ở dưới, nên xu thế là bớt ở dưới để bù đắp cho trên, khác nào bớt cái nền gốc để đắp cho cao lên, vậy là tổn dưới mà ích trên; đã tổn dưới ích trên thì ích trên có bao giờ vững, nên cuối cùng hóa ra tổn. Lại có thể hiểu tổn dưới ích trên, khác nào khoét đất thành đầm đắp lên cao cho thành núi, đầm (chằm) càng sâu, núi càng cao thì núi càng không vững, tất phải đổ, vì thế người xưa gọi tên quẻ là quẻ Tổn.

Người quẻ Tổn là người có thể nhiều danh lợi, có đời sống tăng ích, nhìn bên ngoài vào thấy là người có vị trí

xã hội cao, quyền thế, hoặc thành đạt, đáng vẻ thường đẹp đẽ, ý chí thường đầy tràn, nhiều tham vọng, ham muốn, nhờ vào những nguồn lợi từ phía dưới bù đắp lên trên, bằng nhiều hình thức. Nhưng về cơ bản lợi ích đó không bền, không vững, ích đấy mà tổn đấy, bên ngoài là ích mà bên trong thì tổn, trước thì ích mà sau thì tổn, càng ích thì càng tổn. Cái ích thì dễ nhìn thấy, vì ở bên ngoài, ở phía trên; cái tổn thì khó nhìn thấy, vì ở bên trong, ở phía dưới. Cái ích thì nhỏ và tạm thời, vì là ích ở trên ngọn; cái tổn mới là lớn, và lâu dài, vì tổn ở nền gốc.

Người quẻ Tổn vì thế thường là người suy nghĩ và ứng xử có chiều sâu, có lý trí, biết nhìn vào thực chất, không nệ vào cái bên ngoài mà đánh giá sự vật. Người quẻ Tổn thường ưa thích giải quyết những vấn đề có mâu thuẫn bên trong, có kịch tính. Người quẻ Tổn cũng là người có niềm thông cảm lớn với những hao tổn, mất mát trong cuộc sống. Họ cũng giống người có quẻ Tập Khảm thích phù suy hơn phù thịnh, thấy người hoạn nạn, tổn thất, suy vi thì thương và ra tay cứu giúp, nhưng họ cũng chỉ cứu giúp bằng tấm lòng thành mà thôi vì bản thân họ cũng trong thời suy.

Quẻ Tổn trong Kinh Dịch tuy có tên là Tổn nhưng không nhất định là quẻ xấu, vì xấu hay tốt còn tùy ở người có quẻ. Biết mình ở thời Tổn, biết ứng xử đúng, giảm bớt cái gì, tăng thêm cái gì cho đúng thời, thì tổn đấy mà ích đấy. Ví như dân nghèo mà lấy của dân thêm vào cho trên thì là xấu, nhưng đối với dân có thu nhập cao thì bớt của họ mà đóng góp cho nhà nước thì vẫn tốt (ví dụ này là của Phan Bội Châu).

Văn Tâm tuy được quẻ Tổn nhưng ông may mắn có Thiên nguyên khí (sinh năm Quý mà được hai quẻ Khôn) và Địa nguyên khí (sinh năm Dậu mà được hai quẻ Đoài), sinh tháng Bảy mà được quẻ Tổn là hợp mùa sinh. Đó là những tín hiệu thành đạt, công danh, phú quý. Hào chủ mệnh là hào 6 quẻ Tổn cho biết ông sinh vào *cuối thời Tổn, là tổn đến cực rồi*, sang thời ích, làm ích cho dưới rồi. Có nghĩa là người

quê Tổn đến thời của hào 6 không còn là tổn dưới ích trên hoặc tổn người ích mình nữa, mà đã thành ích dưới tổn trên, ích người tổn mình, nên tổn đấy mà ích đấy. Những tín hiệu Tứ trụ và Ngũ hành cho biết Văn Tâm có phúc nhà do ông cha để lại, sẽ đi vào con đường văn chương và sẽ đạt được điều vốn tâm đắc, nhưng không nên hành động mạnh mẽ mà nên thường tìm nơi yên tĩnh, ẩn mình thì vẫn hơn.

Khí chất thiên nhiên ảnh hưởng đến tính cách con người và thẩm thấu vào linh cảm nghề nghiệp, vào tri thức và cảm xúc văn chương là Núi, Đầm hồ, Đất, Sấm chớp. Tượng Núi cho biết đây người biết chứa chất tri thức và đạo đức, tích lũy lớn, tư duy tầng lớp, sâu sắc, dễ cảm nhận cái đẹp, biết tự ngăn giữ mình trước những ham muốn và sự giận dữ, đó là những phẩm chất của Núi. Ông có niềm vui tự thân, phóng túng, chan chứa như Đầm hồ (chằm); nhu thuận, dày dặn, thẳng thắn, vuông vức, thích sáng tạo, sinh sôi nảy nở, như Đất; ham hành động, luôn phấn khích như Sấm. Những khí chất đó sẽ làm nên bản chất chủ thể và đi suốt với chủ thể trên hành lang số phận, và hiện ra trên các công trình nghiên cứu, trong công việc và các thú vui, ham thích. Và tất cả những cái đó sẽ thể hiện trong một niềm vui luôn biết nhường nhịn, chịu tổn thiệt về phần mình, làm ích lợi cho bên dưới, lấy cái ích lợi về tinh thần làm ích lợi của mình, biết hưởng phúc mà coi thường cái danh lợi bên ngoài. Sẽ tìm được cái sở đắc và chỗ đứng của mình thích ứng nhất. Đặc điểm người được quê Tổn là dễ đi vào việc triết luận, tìm cái ẩn tàng bên trong, cái sâu xa không hiện ra ở vẻ ngoài của sự vật. Tính cách quê và nghĩa quê nói lên điều đó: nhìn bề ngoài thì ích đấy mà thực ra thì tổn đấy.

Những tín hiệu đó xuất hiện đan xen trên các chặng đường đời của Văn Tâm, nhưng tiêu biểu nhất là ở việc Văn Tâm chìm nổi ba đào với văn nghiệp Vũ Trọng Phụng. Năm 1956, nhà nghiên cứu văn học trẻ tuổi đang làm trợ lý cho Tổ bộ môn Văn học và Ngữ ngôn Việt Nam tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm này ông được quê Hỏa Thiên Đại

Hữu, hào chủ mệnh là hào 5. Đại Hữu là Cỏ lớn. Quả là ông đang có trong tay một tài sản lớn. Vừa tốt nghiệp Đại học Văn khoa loại ưu, đã có hai tác phẩm đầu tay ra đời (kịch ngắn *Ánh sáng hay bóng tối*, in năm 1952, *Giải tán*, in năm 1953), lại đang làm việc trong một tổ bộ môn có những cây nghiên cứu danh tiếng: Trương Tửu, Nguyễn Lương Ngọc, Hoàng Thiếu Sơn... với một thư viện tầm cỡ của Đại học Sư phạm. Hào 5 bảo rằng năm nay sẽ lập công to, nhưng phải tạo chút uy, ân uy đi đôi thì mới thuận lợi. Nhà nghiên cứu có quẻ Tồn (hào 6) đã phát huy ưu thế hào 5 quẻ Đại Hữu, ra sức làm ích cho người, làm một công trình sáng giá: *Vũ Trọng Phụng, nhà văn hiện thực*. Sách in năm 1957 là năm Văn Tâm được quẻ Lôi Thiên Đại Tráng, hào chủ mệnh là hào 6. Đại Tráng là Mạnh Lớn. Tượng quẻ là Sấm ở trên Giời, vang động bốn phương. Với một phong cách viết rạch ròi, sáng tỏ, đầy ngẫu hứng, đầy thương cảm, về một nhà văn tài năng nhưng có số phận nghiệt ngã, đường đời đầy thương tổn, tác phẩm đã gây một tiếng vang lớn trong dư luận. Nhưng Văn Tâm thời ấy hoàn toàn không biết rằng mình tuy ở thời Đại Tráng, nhưng hào 6 chủ mệnh trong năm cho biết: anh đang ở cuối thời Đại Tráng, hăng hái có thừa đấy, nhưng chẳng khác nào con dê non đang húc sừng vào dậu thừa, mắc sừng ở đấy, tiến không được mà lùi cũng không được, tai họa đang rình phía sau. Quả thật, cái gì phải đến đã đến. Anh kể: *Năm 1958, tai bay vạ gió, danh phận những sáng tác của nhà văn họ Vũ bị cuốn nhanh vào một dòng xoáy dữ dội. Người ta bắt đầu vạch lá trong khu vườn tác phẩm sai quả của Vũ Trọng Phụng: mấy con sâu bị tóm cổ (khiêu dâm, trót-kít) được phóng đại tô màu cho quần chúng thấy rõ vẻ gớm ghiếc của nó. Khu vườn này nhiều sâu quá, một cái biển trưng lên: Cấm địa. Trong thư viện, tác phẩm Vũ Trọng Phụng bị đút vào khu vực nghiên cứu đặc biệt, phải có giấy giới thiệu đặc biệt mới được lục lợi đến. Vũ Trọng Phụng bị gạt ra ngoài chương trình ngữ văn phổ thông và đại học. (Vũ*

Trọng Phụng, 30 năm ấy bây giờ là đây báo *Người Hà Nội* ngày 15-10-1988) Sau đó lần lượt xuất hiện hàng loạt kết luận chủ quan, cực đoan khác về Vũ Trọng Phụng, chìm sâu vào nghiệp của ông xuống đáy sông. Và tất nhiên, cùng với dòng xoáy oan nghiệt đó là số phận của tác giả *Vũ Trọng Phụng nhà văn hiện thực*. Văn Tâm rời khỏi tổ Ngữ văn trường ĐHSP Hà Nội, về làm ở Sở Giáo dục Hà Nội (5 năm) rồi dạy văn ở các trường trung học. Phải 30 năm sau, lần lần vào nghiệp của Vũ Trọng Phụng mới lại được những tiếng nói trung thực, khách quan cứu gỡ và tên tuổi nhà văn họ Vũ lại sáng rực trên văn đàn. Tuy nhiên, trong bài báo vừa kể trên, in lại trong *Góp lời Thiên cổ sự* (GLTCS), Văn Tâm không nói một lời về tác phẩm của mình. Chỉ một lần trong bài ngắn trả lời các nhà văn chủ trương làm cuốn sách *Nhà văn Việt Nam, chân dung tự họa*, Văn Tâm nhắc khéo đến sự kiện trên gọi đó là *tai nạn lao động nghề nghiệp* (Sách vừa dẫn, trang 259). Vậy là ích đấy mà tổn đấy. Văn Tâm cũng phải mất ít nhất 5 năm trời vào vụ tai nạn nghề nghiệp ấy.

Cái hào 6 quẻ Tổn tiếp tục vực ông dậy. Nghiệp chương nghiên cứu văn chương còn theo đuổi ông. Lần này ông tìm đến với Tản Đà, thân tượng của hàng triệu bạn đọc một thời, nhưng cho đến những năm Sáu mươi vẫn còn nhiều dấu hỏi chưa được trả lời. Một công trình hao tâm tổn trí. Ông đã phải đọc và ghi chép không biết bao nhiêu tư liệu của Tản Đà và về Tản Đà trong điều kiện không còn ở cái kho tàng ngữ văn ĐHSP Hà Nội nữa, và trong hoàn cảnh tâm trí không thanh thoi sau cái tai nạn nghề nghiệp. Nhưng ông đã vượt qua. Chúng tôi cho rằng cũng vẫn tính thần quẻ Tổn xui khiến ông tìm về một thân thể văn chương đầy những thăng trầm, thử thách. Văn Tâm đặt tên cho cuốn sách của mình là *Tản Đà khối mâu thuẫn lớn*, ký tên tác giả là Tâm Dương. Ông cố gắng làm rõ thân thể và sự nghiệp Tản Đà như một tấm gương phản chiếu một nét đặc biệt của xã hội Việt Nam trong khoảng 30 năm đầu của thế kỷ 20 này. Những trang viết về nghệ thuật thơ ca của Tản Đà không chỉ có cái mình

mẫn , tỉnh táo, bao quát, còn có cả đậm thắm, rung động. Tâm Dương còn khẳng định công lao cách tân của Tản Đà cả trong lĩnh vực văn xuôi, và mạnh dạn phản bác ý kiến đánh giá của một nhà nghiên cứu có uy tín cho rằng văn xuôi của Tản Đà không còn giá trị gì cả.

Nhưng Văn Tâm không dừng tại đây. 25 năm sau, trong cuốn GLTCS ông tiếp tục viết về Tản Đà, gọi Tản Đà là *nhà văn hóa tiên đạo* và kể ra 10 biểu hiện của tính tiên đạo, tiên phong ấy trên trận địa văn hóa đương thời (xem bài *Tản Đà ánh chớp trong đêm thế kỷ*).

Lần giở các trang trong GLTCS (Nxb Văn học 1992) ta sẽ thấy người quê Tổn Văn Tâm tiếp tục tìm đến những hiện tượng thương tổn trong văn chương Việt Nam, chia sẻ, vực dậy, rũ bụi đường trường, làm sáng lên, như đã từng làm thế với hai nhà văn lớn Vũ Trọng Phụng và Tản Đà. Với *Đèo Cả, đá mang đá quý* (tr. 8), tôi đọc thấy không phải ông chỉ nói về bài thơ Đèo Cả mà chính là ông nói về nhà thơ Hữu Loan đã lui về ở ẩn chốn quê Thanh, nhưng theo ông vẫn sừng sững như một Đèo Cả, một trong những *ngọn núi kháng chiến gian lao* của một giai đoạn lịch sử *chưa để đã ai quên*. Bài về Dư Thị Hoàn cũng vậy, ông thấp thỏm lo rằng cái *lối nhỏ* (tên tập thơ của nhà thơ nữ này) cũng dễ bị vùi lấp chẳng, nên ông hỏi: *Bạn đã đọc chưa? Thơ Dư Thị Hoàn*. Rồi đến *Độc Nguyễn Huy Thiệp*, ông thẳng thắn đặt ra vấn đề *văn hóa đọc* đối với tác phẩm đa thanh đa nghĩa của nhà văn này, vì thế tựa đề bài đánh dấu ngoặc kép chữ *đọc*. Một loạt hiện tượng văn chương, văn học khác hoặc bị hiểu sai, hoặc do một phương pháp xã hội học dung tục (cụm từ Văn Tâm hay dùng) làm mất đi giá trị thực, được ông đem ra rũ bụi và làm cho tỏa sáng lên. Phải kể đến trước hết hai bài *Về truyện ngắn Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân*, và *Về bài thơ Đây thôn Vĩ Giã của Hàn Mặc Tử*. Hoàng Lại Giang nhận xét về bài sau: *Bài thơ Đây thôn Vĩ Giã có bao nhiêu người nói, người viết trên nhiều tờ báo trung ương và địa phương*.

Nhưng tôi đọc đi đọc lại, vẫn thấy anh có cách nói riêng của anh, rất Văn Tâm, tỉ mỉ trong từng chi tiết, phân tích đến cùng trong từng dữ kiện, và cuối cùng tìm ra đáp số của riêng anh. Cũng có thể nói như thế đối với bài *Về truyện ngắn Chữ người tử tù*... Không có một văn hóa đọc tích lũy nhiều năm không thể đọc được như thế. Đáng chú ý là Văn Tâm với sứ mệnh Tổn mình ích người không bỏ qua những gì anh thấy là tổn hại cho văn chương nước ta, từ lớn đến nhỏ. Nhỏ như việc thừa một cái dấu phẩy trong câu *Kiều Với khi khỏi cửa, dứt tình chẳng theo*. Văn Tâm phân tích rất thú vị về việc hiểu lầm mà đặt cái dấu phẩy vào giữa câu thơ như trên, *cái dấu phẩy tuy nhỏ nhoi nhưng có thể gây sự cố chết người kiêu phúc thống phục nhân sâm tắc tử, như truyện vui dân gian đã bảo ban chúng ta một cách không đùa*. Nhất là khi câu thơ ấy lại in trong sách giáo khoa cho hàng chục vạn học sinh toàn quốc học. Với hơn hai trang in, Văn Tâm đã lý giải hết sức thuyết phục và rất hay rằng nếu cần cái dấu phẩy thì nó phải ở sau chữ tình: *Với khi khỏi cửa dứt tình, chẳng theo*, để phân biệt Kiều là chủ ngữ ẩn của *khỏi cửa dứt tình*, còn Hoạn Thư là chủ ngữ ẩn của *chẳng theo*. Quả là đặt cái dấu phẩy vào giữa câu là giết chết luôn câu thơ. Đọc hai bài *Nhiều sự văn chương* và *Ngộ sự văn chương*, ắt hẳn nhiều bạn đọc đã thâm cảm ơn nhà phê bình, giúp ích cho mình rất nhiều trong việc nâng trình độ thẩm mỹ văn chương. Cuốn sách GLTCS mặc dầu có rất nhiều lỗi in, vẫn được Ban Chấp hành Hội nhà văn, trao tặng thưởng văn học năm 1992.

Tôi muốn nói về mấy chữ *rất Văn Tâm* và *đáp số của riêng anh* của Hoàng Lại Giang. Nó bao gồm cái *văn hóa đọc* vừa nói trên kia, cộng hưởng với một *lối diễn cảm* vừa có sức thuyết phục vừa cảm được lòng người. Và cả hai cái đó đều tiềm ẩn trong cấu trúc Hà Lạc của Văn Tâm. Trước hết là *văn hóa đọc*. Quê Hậu thiên của ông là Trạch Địa Tuy. Quê có 4 hào âm mở đầu cho 4 đại vận, mỗi đại vận 6 năm. Các đại vận 6 năm này đều kết thúc bằng quẻ Sơn

Thiên Đại Súc. Nghĩa là ông có đến 4 quẻ Đại Súc. Mà nghĩa quẻ Đại Súc cô đúc lại trong 4 chữ: *Đốc thực Huy quang*, (càng) *dầy dặn* (càng) *tỏa sáng*. Cái nghiệp nghiên cứu văn học đòi hỏi thế: đốc thực thì mới huy quang. Và thế là hình thành trong Văn Tâm một quá trình kiên trì, kiên tâm chịu khó đọc và ghi nhận, hình thành một văn hóa đọc của riêng anh. Thứ hai phải kể đến quẻ Tiên thiên Sơn Trạch Tồn. Quẻ có 3 hào âm mở đầu cho 3 đại vận 6 năm. Các đại vận 6 năm này đều kết thúc bằng quẻ Trạch Sơn Hàm. Nghĩa là ông có đến 3 quẻ Hàm. Hàm là Cầm, là giao cầm, là làm cho người cầm. Muốn cầm được người thì trong lòng phải rộng không, nghĩa là chí thành, vô tư. Phan Bội Châu giảng quẻ Hàm đưa quẻ Đại Súc ra đối chiếu. Nếu quẻ Đại Súc nhấn mạnh sự dầy dặn (đốc thực) thì quẻ Hàm nhấn mạnh chữ rộng không (hư), hai nghĩa đó bổ sung cho nhau. Có cả hai thứ đó: sự tích lũy dầy dặn và lòng chí thành hướng về bạn đọc, Văn Tâm đã tìm ra một lối văn của riêng mình, vừa giàu sức thuyết phục vừa cảm được lòng người, một cái gì đó *rất Văn Tâm* không tìm thấy ở một nhà phê bình khác. Ấu cũng là của giới cho.

Quẻ Hậu thiên, hậu vận của Văn Tâm bắt đầu từ năm 46 tuổi (1978) là quẻ Trạch Địa Tụ. Tụ là Tụ, là tụ họp. Tượng quẻ là Đầm (trạch) ở trên Đất (Khôn), đầm ở trên đất thì nước có chỗ để tụ lại, là tín hiệu có hanh thông. Từ tượng đó, thánh nhân khuyên người có quẻ Tụ cần có tính thân hòa thuận, vui vẻ; vì là tụ họp đông người nên có thì thố, thử thách, có vui có buồn, không lường trước được, nên cần tàng chứa đồ binh khí (có thể hiểu là tàng chứa của cải vật chất) để phòng sự bất ngờ xảy ra. Nhiều chuyện đã phản ánh ở trên xung quanh cuốn GLTCS vừa là tiếp tục thời Tồn, vừa là diễn ra trong thời Tụ của nhà phê bình văn học. Bản thân cuốn sách thu gom nhiều bài báo và bài phát biểu trong các cuộc hội thảo đã là một cuộc tụ họp vui vẻ, trong đó không ít thử thách, không ít buồn vui, và cuối cùng được tặng thưởng của Hội Nhà văn cũng chính là kết quả của một cuộc *thi thố* (hai chữ này có ở lời tượng quẻ Tụ, xin các bạn mở coi). Tôi

chỉ lưu ý thêm: hào chủ mệnh là hào 3 quẻ Tụy. Hào 3 bảo rằng: những năm này của Văn Tâm tuy là *tụ hợp đông vui* đấy, *toại chí* đấy (sau những năm tổn mình ích người), *bốn bề là nhà*, nhưng ông không tránh được nỗi buồn, không tránh được *than thở* đâu (Những chữ in nghiêng là trong lời hào). Hãy nhìn vào hào 3: nó là hào âm, thân phận nó là âm nhu, nó ứng với hào 6 trên cùng, nhưng hào này cũng âm nhu, vậy tụ hợp thế còn thích thú nỗi gì. Là thể âm, nó thích nhóm hợp với hào 4 dương ở trên nó, hoặc là hào 5 dương trên nữa, nhưng 4 dương có bạn 1 âm rồi (4 và 1 ứng nhau), 5 dương cũng có 2 âm ứng hợp rồi, vì thế mà đành than thở. Nhưng vì ở thời Tụy không thể đứng một mình, thôi đành lên với 6 âm, chính ứng, nhưng không hợp vì là âm với âm. Không hợp nhưng vẫn còn hơn.

Tín hiệu là như thế, còn trong thực tế sự tình đã diễn ra thế nào? Về câu hỏi trắc nghiệm 4 của các nhà chủ trương làm sách *Nhà văn Việt Nam - Chân dung tự họa* (Những đồng nghiệp mà anh coi là cùng chí hướng và thường trao đổi với anh về các vấn đề trong đời sống và trong văn chương?), Văn Tâm trả lời: *Không dám khai câu này vì sợ "lộ vở"; vả chăng ngại có người cho rằng "thấy kẻ sang bắt quàng làm họ"*. (sách trên. Tr. 261). Tôi e rằng cái vở mà anh sợ lộ chính là từ những tín hiệu đã bật ra trên kia.

Cuốn sách dày dặn tôi đang cầm trong tay *Đoàn Phú Tứ, con người và tác phẩm* (Nxb Văn học - Hà Nội 1995. 661 trang) có lẽ là một chứng chỉ tiếp nối thời Tổn và sang giữa thời Tụy của anh. Một cuộc tụ hội vui vẻ. Bìa đẹp in họa phẩm chân dung Đoàn Phú Tứ của ngọn thần bút Bùi Xuân Phái. Ảnh và danh mục toàn bộ tác phẩm văn học, báo chí, dịch thuật của Đoàn Phú Tứ. Một chân dung toàn vẹn Đoàn Phú Tứ (bằng chữ nghĩa) của Văn Tâm và *rất Văn Tâm* 213 trang, trong đó riêng việc trình bày về nhóm *Xuân Thu Nhã tập* nổi tiếng trong lịch sử văn học nước ta nửa đầu thế kỷ 20 mà Đoàn Phú Tứ là nhân vật chủ chốt, cùng bài thơ

Màu thời gian hay tuyệt của ông chiếm gọn 50 trang. Các tác phẩm của Đoàn Phú Tứ: Kịch, thơ, tiểu luận, báo chí được sắp xếp theo thời gian xuất hiện dưới tựa đề chung: Còn chút của tin. Riêng bài thơ *Màu thời gian* được giới thiệu bằng bút tích của Đoàn Phú Tứ (trang 171). Cuối cùng là những bài viết của bạn bè về Đoàn Phú Tứ, của Trần Lê Văn, Nguyễn Lương Ngọc, Song Kim, Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Đình Hoè, Phùng Quán, ảnh ký họa chân dung và phù điêu của Văn Cao và Phan Tái (dưới tựa đề chung: Thấy hiu hiu gió). Cuối cùng, Lời cuối sách của Văn Tâm cho biết *tác phẩm của Đoàn Phú Tứ xuất bản trước Cách mạng tháng Tám, trừ bài thơ Màu thời gian, mấy chục năm qua không in lại, bị mất mát, tán lạc nhiều; do đó những trang của ông được “tái xuất” trong tập sách này là kết quả của một quá trình sưu tầm, lần hỏi không dễ dàng.* Một niềm an ủi lớn không riêng đối với Đoàn Phú Tứ quá cố và những người thân của nhà thơ, mà đối với tất cả những ai yêu mến nhà thơ, đối với nền văn học lãng mạn nước ta trong lịch sử.

Bên cạnh dấu ấn quẻ Tổn thì cái dấu ấn quẻ Tụy và hào 3 quẻ Tụy của Văn Tâm cũng hết sức rõ ràng trong công trình về Đoàn Phú Tứ. *Đây chính là cái hào 6 âm quẻ Tụy, ông có thể vui lòng về cuộc tụ hội này.* Nhưng tham vọng của Văn Tâm còn lớn hơn. Cái hào 4 dương mà ông muốn tụ hội chính là công trình nghiên cứu *Giảng văn văn học lãng mạn*, in năm 1991, nhưng tiếc thay nó không được đưa vào giảng dạy mà chỉ được dùng làm tài liệu tham khảo cho giáo viên. *Tôi viết cuốn này khá cẩn thận, nhưng nói thực lòng, xin các bạn đồng nghiệp cứ nhân tâm tùy thích, vì văn chương thiên cổ sự, nhất là văn học lãng mạn.* (Nhà văn Việt Nam - chân dung tự họa. Tr.261). Nói cách khác, cái hào 4 dương ấy nó đã kết thân với hào 1 âm của nó rồi, ông không có duyên với nó. Lời hào 3 quẻ Tụy bảo rằng: *không lỗi, chỉ thẹn một chút thôi.*

Lời quẻ Tụy có câu: *...coi quẻ này hãy tàng chứa đồ binh khí, phòng sự bất ngờ xảy đến.* Văn Tâm không biết có

vấn đề này trong mệnh của mình, nhưng tôi biết ông bà sống cần cù, tiết kiệm. Có nghĩa là có ý thức tàng trữ. Và *điều bất ngờ* đã xảy ra. Năm 1996 ông gặp quẻ Thiên Thủy Tụng, hào 6. Tụng là Kiện tụng. Phan Bội Châu giảng quẻ này nhấn mạnh rằng tượng quẻ này về mặt chữ chỉ nói chữ Tụng, nhưng thâm ý thánh nhân chẳng phải chuyên nói việc Tụng mà thôi. Nó còn có nghĩa là xung đột, tai nạn, và thường bắt đầu từ việc sơ xuất, thiếu cẩn thận trong đời sống. Hào 6 quẻ Tụng xấu nhất quẻ, nói về việc khinh suất, tham công tiếc việc mà gặp nạn. Năm ấy đúng là ông gặp nạn. Ông bất ngờ bị một cơn gió, làm liệt thần kinh. Vậy là *đồ hình khí dự phòng* không thừa. Lại có lòng thành tín: cuối năm ấy, hàng ngày người qua lại đường Phan Bội Châu (Hà Nội) thường bắt gặp một con người có dáng vóc cao lớn, vầng trán nhô bướng bĩnh và thông minh, kiên nhẫn tập luyện nhắc từng bước chân, bên cạnh một người đàn bà có nét mặt dịu hiền, thương khó, bà vợ ông, ân cần điều dặt. Nhà phê bình văn học suốt một đời chịu thương chịu khó rũ bụi đường trường văn học lại từng bước vượt qua khổ nạn, tìm lại sức mạnh của mình. Chúng ta mừng cho ông.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Văn Tâm

Sinh 16-7-Quý Dậu giờ Tị (5-9- 1933). Can Chi: Năm *Quý Dậu* Tháng *Canh Thân*, Ngày *Giáp Tuất*, Giờ *Kỷ Tị*. Mã số Can Chi: 2, 4-9; 3, 4-9; 6, 5-10; 9, 2-7.

Tiên Thiên Tiên Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiên Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----*	01-09	-----	-----	70-75	-----
-----	40-45	-----	-----	61-69	-----
-----	34-39	-----	-----	52-60	-----
-----	28-33	-----	-----*	46-51	-----
-----	19-27	-----	-----	82-87	-----
-----	10-18	-----	-----	76-81	-----
Sơn Trạch Tồn		Địa Lôi Phục	Trạch Địa Tuy		Phong Sơn Tiêm

Hoá công: Không. *Thiên nguyên khí:* Khôn ở Hậu thiên và Hổ Tiên thiên. *Địa Nguyên khí:* Đoài ở Tiên, Hậu Thiên. Mệnh hợp cách ở mức trung bình cao.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Thơ một thời mây sấm gian truân

I

Nhà thơ Khương Hữu Dụng sinh đúng vào giờ Tý ngày mồng một tháng Giêng năm Đinh Mùi (13 - 02 - 1907), nghĩa là giờ đầu tiên của năm mới trăng. Mọi người dành những lời tốt đẹp nhất của năm mới chúc mừng cậu bé. Nhưng không ai biết rằng bắt đầu từ giờ khắc ấy, giờ đất đã dành cho cậu bé một cuộc đời gian truân. Cấu trúc Hà Lạc của Khương Hữu Dụng mở đầu bằng quẻ Thủy Lôi Truân. Thủy là nước, ở đây hiểu là Mây. Lôi là Sấm. Truân là rối ren, gian truân. Tượng quẻ là Sấm ở trong Mây, mây sấm còn đan chen chưa thành mưa được. Vì chưa thành mưa nên còn bức bối, gian khó. Chưa mưa nhưng sẽ mưa, nghĩa là sẽ có cơ hội. Người xưa còn gọi tên quẻ này là Vân Lôi Truân. Truân còn nghĩa là Đầy. Phan Bội Châu giảng rằng: Quẻ Truân phản ánh Thời vạn vật mới sinh ra, lúc âm dương giao hoà, mọi vật đang sinh sôi, nảy nở đầy khắp, vận trời mới tạo dựng, còn hỗn mang mờ tối, khi ấy chưa lấy gì làm hanh thông, nên còn khốn khó. Quẻ ngoại là Khảm, khảm là nước, nên hiểm. Quẻ nội là Chấn, là Sấm, sấm thì động. Trong lúc hiểm mà hành động được phải là người mạo hiểm, có chí, có tài. Nhưng ở thời Truân, có tài đức chưa đủ, còn phải có hỗ trợ từ bên ngoài, nghĩa là cần có bạn hiền tài giúp đỡ. Lời Tượng nói rằng: Người quân tử gặp thời Truân coi tượng quẻ mà sửa sang việc trị nước, giống như việc sắp xếp các đường tơ để dệt vải trên khung cửi.

Như vậy người quẻ Truân là người ở đầu thời hiểm nạn, khi vạn vật mới sinh sôi, trước hết là người nhạy cảm với những khó khăn ban đầu, cũng là người có niềm tin sâu xa vào sự vật rồi đây sẽ hanh thông. Người quẻ Truân mà là người quân tử thường ý thức được sứ mạng mở đường của

mình trong giai đoạn hỗn mang, tâm tối, lúc mọi vật mới sinh thành. Cũng như người quê Kiến ở giữa thời gian khó (xem chân dung Trần Nhuận Minh), người quê Khốn ở thời cực khốn, người quê Truân ở đầu thời hiểm nạn có niềm thông cảm sâu sắc với những thời và hoàn cảnh hiểm nạn, gian truân. Người quê Truân cũng là người nhạy cảm với việc tổ chức, sắp xếp cuộc sống, lớn như việc quốc gia, nhỏ như việc nhà, đi vào công nghệ như việc dệt vải (sắp xếp các đường tơ), bằng lòng với những kết quả nhỏ, làm những việc nhỏ tích lại thành việc lớn... Người quê Truân thường khao khát gặp các quý nhân, những bậc hiền tài để dựa vào họ mà phát huy tài trí của mình. Tính cách người quê Truân thường là kiên trì, chịu khó, xông pha vượt hiểm, không biết sợ hiểm, nhưng thánh nhân khuyên không nên liều lĩnh, liều lĩnh như người đuổi hươu trong rừng, mà không người dẫn, sẽ gặp họa. Biết làm chỗ dựa cho người và biết dựa vào người, coi trọng việc kết bạn, bởi vì ở thời Truân một mình thường không gánh nổi việc lớn. Phan Bội Châu ví như Nguyễn Huệ xưa lập nghiệp, bắt được Nguyễn Hoàng Đức, là người tài giỏi, người của Gia Long, đã mời lên ngủ cùng giường với mình. Người thời Truân biết thân phận mình thường tìm người hợp với mình mà kết bạn, cốt được người đắc lực giúp mình, không chơi trội, làm thân với người quý, để bị coi thường.

Khương Hữu Dụng may mắn sinh trong mùa đông (sau Đông Chí) lại có hai quẻ Khảm nên có ưu tiên năng lượng của trời đất (Hoá công). Sinh giờ Tý nên mệnh ở Hào 1: *Gặp thời khó khăn, dễ bị kẹt vào nơi hiểm trở. Tiến thì làm việc dân việc nước, lui thì giữ phận mình.* Hào này là hào dương, có chí hướng, nhưng vị trí còn thấp, lại bị 4 hào âm phía trên chèn ép, lại chưa đủ tài (do ở thời Truân), phải tập hợp bạn bè, xây dựng từ cái nhỏ. Do bị chèn ép, muốn tiến mà không được, nên phải đi quanh co, dè dặt, có lúc còn thiếu quả quyết.

Đường đời và tính cách Khương Hữu Dụng (thể hiện trong sự nghiệp văn chương) đã diễn ra đúng như vậy. *Ba tuổi mồ côi mẹ, lớn lên trong tình thương của bố và bà nội... Học*

trường kiêm bị Phai - phó (tức Hội An - Đà Nẵng, quê hương ông) đỗ Sơ đẳng tiểu học năm 1921. Năm 1922 thi vào Quốc học Huế, được học bổng, học hết ban thành chung. Thi ra (1926) bị đánh hỏng và ghi tên vào sổ đen mặt thám. Đầu năm 1927 mới được bổ đi dạy học ở Bình Định. Chưa được một tháng, Công sứ Pháp ở Quy Nhơn coi ông là “cái loa của Phan Bội Châu”, nên trả lại Nha học chính Trung Kỳ. Khương Hữu Dụng bị đày ra Quảng Bình rồi chuyển đi nhiều nơi, cả những vùng nước độc. Cuối cùng vào tháng 10 - 1941, ông bị cách chức tại Công - Tum vì “lòng trung thành đáng nghi ngờ và những hoạt động chính trị đáng khiển trách”. (Tuyển tập Khương Hữu Dụng. NXB Văn học, Hà Nội, 1992. Tr.9). Năm 1940, hai em của Khương Hữu Dụng, một người bị tù ở Trà Kê, một bị đày ở Côn Đảo. (Sđd. tr.16). Những năm này còn những tai biến khác: vợ qua đời, nhà cháy...

Năm 1945, ông tham gia Tổng khởi nghĩa ở Đà Lạt, trong Thường vụ Việt Minh tỉnh Lâm Viên, phụ trách tuyên truyền. Sau được điều về Tân văn hoá (Việt Minh Trung bộ), rồi chuyển sang Thanh niên Cứu quốc Trung bộ, phụ trách xuất bản và phát thanh.

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, tập kết ra Bắc, Khương Hữu Dụng làm biên tập Nhà xuất bản Văn học cho đến khi nghỉ hưu. Về sự nghiệp thơ ca, ông bắt đầu có thơ đăng báo *Tiếng Dân* từ năm 21 tuổi (1928) nhưng phải đến năm 45 tuổi (1951) thành tựu văn chương mới được khẳng định trên phạm vi toàn quốc bằng tác phẩm anh hùng ca *Từ đêm Mười Chín*.

Vài nét đơn sơ thế cũng đủ để thấy thế nào là một thời Truân. Nhưng nhờ có ưu tiên năng lượng của trời đất mà Khương Hữu Dụng đã vượt lên tất cả. Ngay từ thuở bé, ông đã chịu khó học và tiếp thu cái niềm vui thẩm mỹ thơ ca của người cha truyền cho. Năm 19 tuổi ta (1925) đã làm bài thơ mừng thọ bà nội 80 tuổi được bạn bè tấm tắc khen và nhớ đến bây giờ:

*Bảy chục xit nay dễ mấy người
Mà bà tổ đã tám lần mười
Thờ chống dốc một theo con trọn
Nuôi cháu lên ba mất mẹ rồi*

....

Người ta thấy hai câu ba, bốn, chàng trai đã rất thành thực thể thơ Đường: đối nhau cứ là chan chát (thờ với nuôi, chống với cháu, một với ba, con với mẹ) mà vẫn thoải mái.

Quê Truân bảo rằng ở thời Truân cần có bạn bè, tập hợp nhiều người hiền tài, tìm quý nhân đầu đất, thì mới qua được gian truân và phải bắt đầu từ việc xây dựng những đơn vị nhỏ. Không ai mách bảo điều ấy nhưng Khương Hữu Dụng đã làm đúng như thế. Năm 1926, chàng trai đang học ở Quốc học Huế thì có vụ án Phan Bội Châu làm bùng thức lòng yêu nước yêu dân trong tuổi trẻ cả nước. Cụ Phan bị đưa về giam lỏng tại Huế. Cuộc tiếp xúc đầu tiên của Khương với cụ Phan là ở sân trường Huế khi cụ Phan được mời đến nói chuyện với học trò. *Bổng rào rào như ong vỡ tổ, hàng ngũ học sinh xáo động. Một ông già quốc thước, áo dài thâm, quần vải trắng, với đôi mắt sáng quắc, chòm râu quai nón dóm bạc, xuất hiện, uy nghi, tượng phư* (Sđd. tr.144). Sau đó là những cuộc đến thăm Phan Bội Châu tại nhà. *Một số anh em Nam - Ngãi chúng tôi, học ở Huế, hè năm ấy không về quê mà chung nhau thuê một gian nhà ở giữa dốc Bến Ngự để tiện lên nhà cụ Phan trên đầu dốc...* Chúng tôi bàn nhau ra một tờ báo chuyển tay, được cụ Phan đỡ đầu và bà Đạm Phương giúp sức. Bà đặt tên cho tờ báo là “Ngòi bút thiếu niên” và cho mượn máy đánh chữ của Nữ công học hội mà bà làm hội trưởng. Bà còn cho cả giấy than và giấy pơ - lụa. Mỗi số đánh máy 16 bản, làm 2 tập, do chị Trần Thị Hường, đứng chủ hiệu sách Mai Ký của anh Hồ Ký sáng lập ra, chịu trách nhiệm trông coi việc “in ấn”, và “phát hành”. Mỗi tháng ra một kỳ.

Tờ báo không có người phụ trách chính, anh em trao đổi ý kiến rồi chia nhau viết bài. Cụ Phan đặt cho mỗi người

một biệt hiệu, lấy ý từ tên, như Hàm Xuyên cho anh Trần Trọng Hải, Bội Cán cho anh Diệp, Kinh Trại cho anh Trang... và Thế Nhu cho tôi...

Tờ báo được bạn đọc yêu mến gửi bài tôi cộng tác.

Tờ báo chỉ thọ được có ba tháng... vì sự “chiếu cố” của mặt thám. Nhưng những “cây bút thiếu niên” của tờ báo được sự vun bón của cụ Phan (như Hàm Xuyên, Thế Nhu...) như những hạt giống tốt sau này sẽ tiếp tục nảy mầm trong các báo Tiếng Dân, Phụ nữ tân văn... và trưởng thành với phong trào Mặt trận Dân chủ, trong các báo “Mới” ở Sài Gòn, “Thế giới” ở Hà Nội, không phụ lòng ước vọng của cụ với “phường hậu tử” (Sđd. tr.148).

Việc làm tờ báo tay đúng là một việc nhỏ, một đơn vị nhỏ trong lời hào 1 quẻ Truân. Còn Phan Bội Châu đúng là một quý nhân, một người hiền tài của thời Truân của Khương. Trong rất nhiều cuộc gặp gỡ về sau này, có hai cuộc gặp sau đây, theo tôi, để lại dấu ấn son trong mệnh văn chương của Khương. Cuộc thứ nhất diễn ra sau sự kiện Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khương làm hai bài thơ đem đến đọc và xin ý kiến cụ Phan. Cụ khen hai câu ở bài một:

Tức tối tím đen gan thiết thạch.

Não nóng sôi đỏ lệ tang thương.

Cụ sửa cho một chữ ở bài hai. Khương viết:

Hoa lan dầu cháy mùi lan đượm

Thân trúc dầu thiên lỏng trúc còn.

Cụ Phan sửa là:

Hoa lan đành cháy mùi lan đượm

Thân trúc dầu thiên lỏng trúc còn.

Sau này, Võ Quảng và Công Uẩn (Lê Đạt), hai người bạn thơ tâm đắc của Khương bình luận như sau: *Chỉ một chữ đành mà câu thơ sâu xa thêm xiết bao. Câu thơ như bỗng rưng rưng tâm sự* (Sđd. tr.14).

Cuộc gặp thứ hai vào mùa hè năm 1936 do chính Khương kể: ... Tôi muốn viết một bài thơ tặng cụ, cốt để nói

lên tâm sự của cụ với người mai sau, gọi là tố chất lòng tri ân với người thầy cách mạng vỡ lòng cho tôi. Bài thơ lấy đầu đề: Một tâm sự, hai thời kỳ.

I

*Nước người bốn tầu bấy nhiêu đông
Toan để làm chi? - Lọ hỏi lòng
Ngày cứ xông pha thân gió bụi
Đêm thường lẻo đẻo mộng non sông
Trăm rền tân khổ gan nên sắt
Bảy thước ngang tàng núi cũng lóng
Việc đã cần ta, ta phải gánh
Đầu đem cái chết đổi thành công*

II

*Bảy chục xuân thu bạc cả đầu
Non sông chưa trắng nợ mây râu
Xét thân từng chịu bìa muôn đạn
Mồ bụng còn sôi máu một bầu
Ma bệnh quỷ sầu theo quấy mãi
Gan đồng dạ sắt dễ sòn đầu
Một ngày còn sống còn giương mắt
Trông cuộc cờ kia xáo Á Âu.*

Lâu ngày được gặp lại cụ, tôi mừng vui khôn xiết kể. Mừng thấy sức khỏe cụ có khá hơn những năm trước, tuy bệnh vẫn cứ rề rề không dứt hẳn được. Mừng thấy tinh thần cụ sáng khoái hơn do chuyển biến tốt của thời cuộc. Và vẫn tấm lòng say sưa với thơ, thái độ quan tâm đến lớp trẻ, quan tâm nhiều khi tới mức thể tất và hơi quá hào phóng trong lời khen.

Tôi mới vừa đọc tới hai câu 3, 4 của bài đầu, cụ đã nắm vai tôi: “Ông làm sống lại cuộc đời bỏ bả của tôi”. Đến hai câu 5, 6 thì cụ hỏi: “Ông cũng biết hai câu bách luyện à?” (Vì khi mới gặp cụ ngày xưa, tôi chưa biết chữ Hán mấy). Rồi cụ tiếp: “Trăm rền, mà tân khổ. Rền tân khổ mà gan nên sắt, khá đấy. “Khinh như hồng mao, trọng như Thái Sơn” thì

ai mà không biết. Nhưng xưa nay đã mấy ai hạ ba chữ “múi cũng lòng”. Hay, hay!” Rồi cụ ngám lên một cách sáng khoái hai câu 5, 6 ấy, giọng ngám của cụ nhập tâm vào tôi, đến bây giờ tôi vẫn có thể ngám lại hết cái giọng Nghệ, ấm và nồng của cụ.

Bài thứ hai, cụ thích nhất hai chữ “học” và “trắng” trong hai câu đầu. Đọc đến câu 4, cụ lại cắt ngang hỏi: “Ông mà cũng biết cả “môn tám tự văn” à? Cụ có vẻ hài lòng vì thấy tôi đã chịu khó học thêm chữ Hán.

Hai cuộc gặp kể trên mang dấu ấn son trong đời văn Khương Hữu Dụng là ở chỗ từ đó về sau, làm thơ cũng như dịch thơ, Khương hết sức quan tâm tới chọn chữ trong thơ, và trong việc này ông đã có những thành công độc đáo. Hơn thế nữa ông còn hết sức cầu kỳ trong việc hoàn chỉnh một bài thơ, một ý thơ tâm đắc. Được cụ Phan khuyến khích, ông càng ra sức trau dồi khả năng chữ Hán. Nhờ vậy mà sau này Khương trở thành một trong những nhà thơ dịch thơ chữ Hán, thơ Đường cụ phách ở nước ta. Phan Bội Châu còn là tác giả những bài thơ dài (trường ca) như *Hải ngoại huyết lệ thư*, *Sùng bái giai nhân*. Có thể đây là những tín hiệu cổ vũ khuyến khích Khương đi vào thể trường ca như *Kinh nhật tụng*, *Từ đèm Mười Chín*. Mới hay, người thời Truân, quê Truân mà gặp được quý nhân thì đó là tín hiệu tuyệt vời. Tình bạn vong niên với cụ Phan còn được khắc họa trong bài thơ *Gặp bạn cố tri Ông Thị Hán* (Ông Thị Hán là một bút danh của Phan Bội Châu).

Mấy lâu gió đón với mưa cầm
Én Bắc nay mừng gặp nhận Nam
Nồng lạt với trà dầm bầy chén
Hàn huyền no chuyện bấy nhiêu năm
Vách rừng bốn mặt rình nghe lóng
Tám sự đôi bên lặng hiểu ngầm.
Muốn tả tình kia khôn xiết tả
Non ngàn cao đó, biển ngàn thâm

Và trong đôi câu đối viếng Phan Bội Châu, một đôi câu đối để đời của Khương, viết năm 1940, đến 38 năm sau còn sửa:

*CHIM từng phen khao khát tự do,
tò cánh cuốn trời xa,
muôn ngàn dặm lên tiếng gọi đàn
ngậm đá lấp biển xanh
đau đau cảnh Nam thêm gió sớm*

*THUYỀN gặp buổi éo le hoàn cảnh
ngược buồm về bến cũ
mười lăm năm lựa dòng khua nước
gỗ chèo xô sóng bạc
bằng khuâng bờ Ngự hồi trăng khuya.*

Rõ ra người thời Truân thương tiếc một quý nhân của đời mình.

Cần nói thêm rằng cũng trong khoảng thời gian 1926, sau khi đọc tập thơ chứa chan tình yêu nước thương nỗi *Bút quan hoài* của Á Nam Trần Tuấn Khải, Khương đã khao khát được gặp ông, đã viết bài thơ “*Gởi tác giả Bút quan hoài*” (1927) mà không biết gởi vào đâu, vẫn giữ riêng trong lòng. Mãi đến sau 1975, nghe tin Á Nam còn sống, Khương lần mò tìm bằng được, hai người gặp nhau ở thành phố Hồ Chí Minh, và Khương mới có dịp chính mình đọc cho Á Nam nghe bài thơ xưa. Thiết tha tìm bạn chính là tâm trạng người thời Truân. Sau cuộc gặp này, đêm về không ngủ được, Khương chong đèn viết bài thơ hoạ nguyên vận bài thơ 48 năm trước:

*Cùng chung tâm sự hợp tâm hồn
Chung mối “quan hoài” với hải sơn
Biết bác qua thơ từ rạng sáng
Gặp nhau thì tuổi đã hoàng hôn
Vẫn chương thôi khóc vì đau bề*

*Thời thế đã xoay hết uất hờn
Bác ngoài tám mươi, tôi ngót bảy
Đôi già vui lại tuổi măng non...*

II

Thời Thuỷ Lôi Truân của Khương Hữu Dụng hiện lên như chạm trổ trong thơ ông. Những biểu tượng thiên nhiên đi vào cảm súc thơ ông là Nước, Sấm, Núi, Đất. Tượng Nước (Thuỷ, Vân) đi vào thơ ông thành những bài thơ hay, như *Trời lụt*, *Than bão lụt* viết những năm 1931, 1933 nhưng nếu đọc lên vào năm 1999 khi tôi viết bài này sau những ngày lũ lụt ở Huế, thì tưởng như ông tả cảnh vừa xảy ra:

*Trời xanh quá hại dân đen nọ
Đất trắng còn cho nước bạc vào
Nỡ để non sông chìm đắm thế
Ngồi trông sóng gió đập vùi sao
Thuyền từ còn đợi ai đưa nữa
Lặn lội cùng nhau cầu vớt nhau*

(Trời lụt - 1931)

*Gió lốc nhà bay trời cuốn cuộn
Lũ tràn đồng ngập biển dâng dâng
Ba đào mấy lớp môi chôn sống
Huyết hạn muôn dân đất khoả bằng*

(Than bão lụt - 1933)

Tượng sấm (Lôi) thể hiện trong hành động của ông nhiều hơn trong thơ, chẳng hạn vừa được bổ đi dạy học ở Bình Định đã bị viên Công Sứ đuổi với tội là *cái loa của Phan Bội Châu* (porte - voix de Phan Bội Châu). Nhưng nó cũng âm vang trong những bài thơ như *Tiếng Dân* (mừng tờ báo Tiếng Dân do Huỳnh Thúc Kháng chủ trương, ra đời ở Huế), *Lửa thù* (tặng hương hồn những người đã ngã xuống trong cuộc nổi dậy Xô Viết Nghệ Tĩnh).

*Tiếng ai kén đó? Tiếng Dân mình
Vang giữa Trung Kỳ đất đế kinh
Chợt tỉnh mấy nghìn năm mộng寐
Hả hơi trên sáu triệu sinh linh.*

Tiếng Dân ra đời khác nào tiếng sấm. Sau này âm vang của sấm sét còn đi vào những câu thơ tả những trận chiến đấu máu lửa trong trường ca *Từ đêm Mười Chín*.

Biểu tượng Núi và Đất (trong quẻ hồ Sơn Địa Bác), đi vào cảm xúc thơ Khương Hữu Dụng làm thành những mảng thơ đẹp, những câu thơ mang dáng vẻ thâm hậu, trầm mặc, uy nghi, hiểm trở, có phần trúc trắc, gập ghềnh như núi; lại bao la, khoan dung, hiền từ như Đất mẹ. Mảng dịch thơ Đường rất tiêu biểu cho những nhận xét trên, chúng tôi sẽ trình bày sau.

Trên kia nói cảm xúc bắt nguồn từ tượng Nước làm nên những câu thơ tả cảnh lụt lội thấm đẫm tình người, nhưng trong quẻ Truân, Nước còn được hiểu là Mây. Tôi không biết cái gì xui khiến Khương viết câu thơ sau đây “*Trời bể chung màu nước cũng mây*” trong bài *Chiều thu* (1936):

*Một chiếc ngò vàng khiếp gió tây
Mênh mông cảnh rợn ý thu chầy
Cỏ cây không tiếng hoa theo lá
Trời bể chung màu nước cũng mây
Chim cuốn non xa mây rắng mới
Thuyền nghiêng bóng xế khói sừng dầy
Chờ xem chốc nữa trăng lên thử
Thu ở lòng ai hay ở đây.*

Chiều thu ở đây không còn là trong một cảnh tĩnh mịch có ao có giếng nơi xóm quê. Cảnh thu của người khách lữ thứ, gian truân, trước trời bể mênh mông, mây nước một màu, tĩnh lặng đầy mà xao động vô cùng. Nếu có một tuyển tập thơ Việt mùa thu, người tuyển không nên bỏ qua bài thơ này. Nó là sự đóng góp của riêng Khương, có dấu ấn của ông và có giá riêng của nó.

Nhà thơ thời Truân có một sự đồng cảm sâu xa với những hoàn cảnh gian truân, khốn khổ. Ta sẽ thấy một mảng thơ ca của Khương Hữu Dụng đi vào những cảnh *Đời lam lũ* (tên một tập bản thảo không xuất bản), phu xe than trời mưa, tù về trại, người mẹ đi ở làm vú em, ốm trong tù, thân lữ thứ nơi đất khách, người em đi đây ngoài hoang đảo, cảnh lụt lội...

Nhưng nhà thơ thời Truân với sứ mệnh phấn đấu để vượt lên những hiểm nạn, gian truân khi trời đất còn hỗn mang đã không dừng ở đây. Một khi đã tìm được quý nhân, kết bạn được với người hiền tài, thấy được tấm gương người đã từng sắp xếp lại giang sơn, mà người xưa ví như sắp xếp các đường tơ để dệt thành vải, ấy là lúc hành động như sấm sét, để góp phần làm thay đổi cuộc đời. Cách mạng tháng Tám 1945 đã đến đúng lúc với Khương khi ông đi gọn một hành trình quê Truân từ hào 1 đến hào 6, vào năm ông 39 tuổi trưởng thành. Chính hai năm cuối cùng của quê Truân 1947 - 1948, ông đã tiến hành được một sứ mạng văn chương, sáng tạo bản trường ca anh hùng *Từ đêm Mười Chín*. Trước đó, vào năm 1946, ông viết *Kinh nhật tụng*, một diễn ca bình dân, tuyên truyền cho chính sách Mặt trận Việt Minh. Ông viết để cho các chiến sĩ học thuộc và truyền miệng nhau, đọc hàng ngày, nên gọi là Kinh. Lời kinh hết sức giản dị, không thấy đâu là văn chương:

*Trọng ở nơi dân là gốc rễ
Nước không dân hồ dễ được ru?
Gây dân, dựng nước công phu
Dân khôn nước mạnh, dân ngu nước hèn*

*Thương dân phải khuyên rèn dạy vẽ,
Mỗi tóc tơ căn kẽ tình tường
Lấy lời dễ, chỉ việc thường
Tự dân, dân hiểu đôi đường phải chẳng.*

Khương Hữu Dụng không ngờ rằng *Kinh nhật tụng* đơn giản thế mà lại đi xa đến thế, nó được truyền trong nhân

dân, trong chiến sĩ, cán bộ, các chiến khu, hải đảo, vào các nhà tù. Đến nỗi nhà nghiên cứu Ca Văn Thỉnh sau này sưu tầm được, chép vào sách *Hào khí Đồng Nai*, không biết tác giả là ai, xếp nó vào “Kho tàng văn học dân gian” (*Kinh nhật tụng* được Nguyễn Đình Thư, Nguyễn Đình giúp hoàn thành và không ký tên tác giả). Đó chính là hành trình của một bản thảo diễn ca trong thời Truân.

Thật ra *Kinh nhật tụng* chỉ là bước chuẩn bị cho trường ca *Từ đêm Mười Chín*. Bản trường ca này gần 800 câu, là một thiên sử thi, một anh hùng ca đầu tiên của cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Khi còn là bản in trên giấy gang với nhiều dòng nhoè mờ, lên chiến khu Việt Bắc, ngay lập tức nó đã đứng trong những giải thưởng đầu tiên của văn học Cách mạng.

Từ đêm Mười Chín đã được hoàn thành trong một thời điểm xuất thần của Khương Hữu Dụng, tập trung tinh huyết và ở đỉnh cao thời Truân của chủ thể. Điều đáng chú ý thời điểm này thuộc hào 6 quẻ Truân là hào xấu, phản ánh thời kỳ truân nạn đến cùng cực, chủ thể cô đơn, lời hào bảo rằng... *không thầy không bạn, trước tiến sau lùi, chỉ chẳng kiên trì, thông kim bác cổ mà chẳng toại công danh*... Lời hào thậm chí có câu: *chảy máu mắt*.

Ở những quẻ xấu khác như quẻ Khốn, hào 6 khốn cực thì *giữ chính, tốt*, nghĩa là có hanh thông; quẻ Bĩ, hào 6, *bĩ cực thì thái lai*, vận bĩ hết, vận thái đến. Riêng quẻ Truân, hào 6 truân cực, người xưa chỉ nói đến *máu mắt* là cùng. Là vì thời Truân, trời đất còn hỗn mang, âm dương mới giao hoà, mây sấm có thành mưa hay không còn tùy ở từng hoàn cảnh nóng lạnh. Có nghĩa là còn tùy ở từng người xử lý thời Truân nữa. Cuối mỗi chặng đường 6 năm hào âm quẻ Truân đều kết thúc bằng một quẻ Đỉnh, để dành cho người nào là quân tử, biết thời thế mà hành động. (Quẻ Truân có 4 đại vận hào âm đều kết thúc bằng 4 quẻ Đỉnh, trong đó quẻ Đỉnh kết thúc hào 6 là quẻ đẹp nhất). Trong cấu trúc Hà Lạc của Khương

Hữu Dụng, thời điểm hào 6 quẻ Truân, cả chặng đường 6 năm thì xấu, nhưng riêng năm Mậu Tý (1948), ông được quẻ Hoả Phong Đỉnh, hào 5, chính là năm nhà thơ dốc sức hoàn thành tác phẩm. Tượng quẻ Đỉnh là cái đỉnh vừng vàng, cái vạc nấu ăn, là việc nấu thức ăn (Hoả là lửa - ở trên, Phong là gió ở đây là hiểu là Cây - ở dưới, cây đốt lửa để nấu ăn), nghĩa quẻ là thông minh, sáng suốt, vui thuận, hanh thông, rất thuận cho công việc sáng tác văn chương. Hơn nữa hào 5 là hào đẹp nhất của quẻ Đỉnh. Lời hào nói rằng: *Vạc có tai màu vàng, đòn khiêng bằng kim khí, giữ chính bền thì lợi. Chọn người hiền trị nước, hợp ý trời, lòng dân.* Vận năm đối với kẻ sĩ là: *đỗ cao*. Nhà thơ lại có ưu tiên năng lượng của trời đất (Hoá công) ở quẻ ngoại Khâm. Cái việc nấu nung cho xong một công trình nào đó đã nằm sẵn trong mệnh.

Chúng tôi cũng cần nói thêm rằng không phải nhà dự đoán học nào cũng có thể qua cái hào 6 đầy máu mắt ấy của Khương mà nhìn ra quẻ Đỉnh, hào 5 cùng với ưu tiên năng lượng, cùng với thời cơ Cách mạng tháng Tám, để mà đoán định rằng trong năm Mậu Tý ấy, có một món ăn ngon vẻ văn hoá đang được nấu chín trong đỉnh, vạc của nhà thơ. Cũng tình tường dịch học, xét đoán thông biến, mới lý giải ra được. Còn người viết bài này, nghiên cứu võ võ, thú thật lúc đầu cũng có hoang mang.

Từ đêm Mười Chín trước hết là bài ca một thời Truân. Những gian nan của thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp hiện lên dần dọc trên câu trên chữ, trên nhịp điệu khắc khổ của thơ:

*Cỏ chết dưới gót sắt
Lửa cháy thấu đêm trường
Đốt, đốt hết!
Chúng cần chi bệnh viện hay giảng đường
Giết, giết hết!
Chúng cần chi ai giáo hay ai lương
Xé xác trẻ thơ*

Mẹ đương âm giữa
Hiếp vợ trước chồng
Rạch thai bụng chứa

Một gánh tàn cư
Đổ đặc nhẹ không, cảm hờn nặng chất
Vườn ruộng lùi sau lưng
Núi rừng ôm trước mặt
Nhà đây: cảnh nghiêng một khóm lá
Giường đây: đất trải mấy nhánh thông.

Tượng Sấm (Chấn, Lôi) tạo nên âm điệu chủ đạo của cả bài Trường ca. Ở bất cứ đoạn thơ nào cũng thấy âm hưởng của sấm sét nổi dậy quật cường như giông bão:

Đá bay tung lửa nhảy
Mặt đất chuyển rừng rừng
Hầm nào thành giếng nước
Đêm, mức trữ mai dùng
Hầm nào thành lỗ huyết
Đêm, lấp người thương vong

Bên kia súng địch chưa ngừng bắn
Trong sương bất giác rửa từng hồi
Bên này tiếng cuộc sửa phòng tuyến
Tiếng súng từng băng đội trả lời

...

Một đồng chí ngã rồi
Hãy còn lạnh lạnh giọng:
“Nó ở bên kia đồi
Cậu nhằm cho thật trúng”
Trao lại nhau khẩu súng
Trao lại nhau mối thù
Những người chết nằm xuống
Hồn vẫn đi dưới cờ

Tượng Núi (ở quốc hồ Sơn Địa Bắc) đi vào cảm xúc thơ tạo nên những câu thơ tả núi sông đẹp để hào hùng:

*Hải Vân đèo cao núi hiểm trở
Ngất dưng “hùng quan” từ vạn thuở
Trắng lợp đầu non, sóng đứng mây
Vực thẳm triển nghiêng, cây núu cây
Đường leo: đá trệt dốc treo ngược
Trấn thủ, người theo vóc ngựa gầy
Thời ấy, Hải Vân lưng hiểm hóc
Một tiếng mang kêu đà ròn óc*

*Đầy cao vôi vôi dốc ông Mạnh
Đầy âm âm đổ thác không tên
Có suối chân hùm vừa để dấu
Có lùm cây vút tuyệt đường chim...
Rồi dốc rồi truông, leo, rồi leo
Rồi khe rồi lạch, vòng, cong queo.
Lên: bám vào mây, xuống: bấu gió.
Trượt chân: suối cuốn một làn rêu
.....*

*Một tiếng chim kêu sáng cả rừng
Lên đường, chân lại nổi theo chân
Đêm qua, đầu chum run bên đá
Nay lại cùng mây sồi nắng hừng...*

Nhà thơ Xuân Diệu đã bình rất hay về một chữ “sáng” trong câu *Một tiếng chim kêu sáng cả rừng*. Tôi ghi lại đây một lời bình khác của Võ Quảng và Công Uẩn (Lê Đạt): *Câu thơ long lanh một cách kỳ lạ. Nó long lanh soi suốt bản trường ca như một ánh trăng. Câu thơ kỳ ngộ mà khi đọc người ta như muốn soi lên xem ở dưới những chữ bình thường, dưới lớp giấy giàng nghèo nàn kia có ẩn nấu cái gì không mà sáng thế, mà ngân nga thế.*

Tôi nghĩ cái ẩn nấu bên trong những câu thơ ấy có lẽ là những cảm xúc gắn liền với những biểu tượng thiên nhiên đã đi vào mệnh của nhà thơ.

Bản trường ca viết vào năm 1948, năm cuối cùng của thời Truân, bắt sang quẻ hậu thiên, hậu vận của Khương Hữu Dụng là Địa Thuỷ Sư. Địa là Đất, Thuỷ là Nước, Sư là Quân đội, còn có nghĩa là Đám đông. Người xưa dùng quẻ Sư để nói về việc binh, rộng hơn nữa là việc điều khiển chiến tranh, việc hoạt động trong đám đông quần chúng. Quẻ nội là Khảm, tượng là Nước, nước thì hiểm; quẻ ngoại là Khôn, tượng là Đất, đất thì nhu thuận. Do vậy, quẻ có ý nghĩa: Xuất quân là việc nguy hiểm (Khảm hiểm), nhưng nếu xuất quân vì chính nghĩa, để trừ bạo, an dân, thì dân sẽ theo (Khôn thuận), sẽ giúp đỡ mình, mình sẽ điều khiển được ba quân, mà lập nên sự nghiệp, không lỗi. Thật là kỳ lạ, một cách rất tự nhiên, tinh thần quẻ Sư đã thành một âm hưởng xuyên suốt bản trường ca.

*Địch mạnh ta yếu, có hể chi!
Địch nhiều ta ít, có lo gì!
Ta, ngoài bộ đội, còn dân chúng
Bức thành muôn thuở không nao núng
Ta, ngoài vũ khí, còn nhân tâm
Sức mạnh muôn đời, chống ngoại xâm.*

*Chia nhau manh chiếu rách
Chung nhau gỗ gồi đầu
Buổi gặt hùn tay hái
Nồi khoai ghé gạo vào
Đâu cũng là đồng chí
Đâu cũng là đồng bào
Tấm lòng mẹ binh sĩ
Thấm trong mùi tương rau
Tình nồng dân đượm ngọt
Bữa cơm khoai mới đào
Đường kim cô gái chằm vai áo
Còn một màu tơ cử xóm nào*

Âm hưởng quê Sư mạnh mẽ nhất có lẽ trong đoạn thơ tả trận đánh đồn Cẩm Phô.

*Công đầu trận đánh đồn Cẩm Phô
Một đồn quân giặc trên Cồn Nổi
Cách bốn trăm thước trước thành Hội
Bốn mặt sầm sầm vây nước sông
Lũ tre ngăn ngoài, thành đất trong
Tre trồng cao vọt hai thước rưỡi
Đất xây một thước chắc vỏ cùng
Rào Đông chắn Bắc vòng dây thép
Đất bừa cỏ trụi chơm gai chông*

.....
*Một đêm tháng bảy lúc trăng mờ
Mười chiếc thuyền im ghé đổ bờ
Bộ đội ngụy trang màu cảnh vật
Lách theo bờ bụi theo hình đất
Khi bò khi lết khi trườn lên
Khi chạy băng bừa khi nép bên.*

.....
Và cuộc chiến đấu đã diễn ra:

*Nòng súng sôi gan bật lửa hồng
Xanh hờn dao mác thép ngồi vung*

.....
*Hung tàn quân nghịch xác chông xác
Máu đọng còn tanh mùi tội ác.*

Bản trường ca hoàn thành năm 1948, in năm 1951, nghĩa là sang thời quê Sư của ông nó mới được in và phổ biến, sau đó được giải thưởng Văn nghệ toàn quốc 1951 - 1952. Bạn đọc trong cả nước lúc đó mới dần dần biết đến một nhà thơ Khương Hữu Dụng và đọc *Từ đêm Mười Chín* một cách say sưa. Sau này các nhà bình luận văn chương bên cạnh việc ghi nhận những vẻ đẹp của áng hùng văn, cũng chỉ ra những chỗ chưa toàn bích của nó, đó là những câu thơ có tính diễn ca, ở tầm dân già, đan xen vào giữa những câu chữ chọn

lọc một cách bác học, tài tình. Có nghĩa là, giống như *Kinh nhật tụng*, tác phẩm cũng có một số phần truân chuyên. Khi biết được giải thưởng, Khương Hữu Dụng chỉ coi đó là một tin mừng. Còn thánh nhân, cũng chỉ coi đó là việc nhỏ làm được trong thời Truân mà thôi.

Từ năm 43 tuổi (âm lịch) hành lang cuộc đời của Khương Hữu Dụng là thuộc về quê Địa Thủy Sư. Hào 4 chủ mệnh của ông chỉ việc lui quân trong phép dùng binh. *Khi thế giặc mạnh, ta yếu, thì phải biết lui quân, vậy là không lỗi.* Hà Lạc bảo rằng: *Hãy biết liệu sức mình, sáng nước bước, liệu việc trước, biết ứng biến lúc thời bình, thì sẽ tránh được họa khi loạn đến. Nên lui về chức việc khiêm nhường hơn, bình dị, an cư, sẽ bảo toàn được thân mệnh.*

Không biết có ai mách bảo ông những điều trên không, nhưng trong cuộc sống cũng như trong sự nghiệp văn học, ông đã thực hành đúng như thế. Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc, chỉ chuyên tâm vào hai việc: làm biên tập viên Nhà xuất bản Văn học, làm thơ và dịch thơ. Phải hàng hai chục năm sau *Từ đêm Mười Chín*, mới lần lượt cho ra những tập thơ *Những tiếng thân yêu*, *Bỉ bô*, *Quả nhỏ*. Nghe những cái tên tập thơ đã thấy bóng dáng cuộc lui quân. Nhưng là cuộc lui quân của người biết thời, thế, nên không lỗi, mà vẫn có thành công. Thơ làm những bài rất ngắn, chọn lọc từng câu chữ. Biên tập thơ rất cẩn thận, chữa một chữ trong thơ cũng trao đổi với tác giả, có nhiều lần đến tận nhà riêng. Đã biên tập thơ cho Sóng Hồng, Xuân Thuý, Anh Thơ và đề nghị thay một vài chữ, được các nhà thơ vui vẻ bằng lòng và khen chữa thơ như thế hay hẳn lên. Dịch thơ thì chọn bài nào, tác giả nào mình thích. Dịch rất cầu kỳ. Cầu kỳ đến nổi tiếng. *Tỳ Bà Hành* của *Bạch Cư Dị* dù có bản dịch của Phan Huy Thực đã đi vào tâm hồn người đọc nước ta hàng trăm năm nay, dù đã có bản dịch của Trần Trọng Kim, tay cự phách chữ Hán, ông thấy mình chưa bằng lòng với những bản dịch ấy, bèn bắt tay dịch lại. Dịch đi dịch lại, thấy chưa ưng để đấy, lúc thông thả lại dịch, đồng đã ba mươi năm, vẫn chưa công bố. Sau có

người bạn thân, thấy bản dịch có giá trị riêng, bèn làm bài bình, rồi lặng lẽ cho in, bấy giờ người đọc mới được đọc bản dịch *Tỳ Bà Hành* của Khương Hữu Dụng (Tập chí Văn học nước ngoài, số 3 - 1997). Cái khác so với bản dịch của Phan Huy Thực là nó đưa lại cho bạn đọc nguyên vẹn cái nhịp điệu thơ của Bạch Cư Dị thuộc thể thơ bảy chữ. Bản dịch có một ý nghĩa riêng, đặt ra một cách tiếp cận mới với nguyên bản, tất nhiên nó chưa thể thay thế được bản dịch của Phan Huy Thực. Đúng là *sáng nước bước, liệu việc trước, biết ứng biến lúc thời bình...* Đó là cuộc lui quân hào hùng. Sấm sét còn nguyên trong lòng, nhưng biết là không thể thành mưa được nữa. Chẳng thế, ông đã in lên đầu *Tuyển tập Khương Hữu Dụng* (Nxb Văn học, 1992) bốn câu thơ sau đây làm đề từ:

*Lên đỉnh Côn Sơn tìm Nguyễn Trãi
Trên đầu xanh ngắt một bầu không
Bàn cờ thế sự quân không động
Mà thấy quanh mình nổi bão đông*

Đó là những câu thơ mệnh của ông, có Núi, có Giông bão (Sấm) và những hàng quân.

Trong việc chọn thơ và trong nghệ thuật dịch thơ, cái hành lang quê Truân và quê Sư vẫn cứ dẫn ông trước hết đi đến với những bài thơ về những số phận truân chuyên, lưu lạc, giang hồ, đau đớn với thời cuộc, những bài thơ về việc quân binh, chinh chiến... Nói cách khác những bài ông dịch hay nhất là những bài thuộc các đề tài trên. Có thể kể như *Bình xa hành*, *Cuộc từ biệt của kẻ không nhà*, *Bài hát vác củi*, *Bài hát nông tang* (Đỗ Phủ); *Bài ca đập áo*, *Trường ca hành*, *Bài ca Đông Đô Hộ* (Lý Bạch); *Trường hận ca*, *Tỳ Bà Hành*, *Cụ cút tay ở Tân Phong*, *Nghe tiếng chày đêm*, *Sinh ly biệt* (Bạch Cư Dị); *Bài ca người gảy đàn ở Long Thành* (Nguyễn Du); *Người đàn bà goá trong núi* (Đỗ Tuấn Hạc); *Bài hò người phu thuyền* (Vương Kiến)... (Tôi chỉ kể một cách ngẫu hứng, làm ví dụ). Rõ ràng cảm hứng từ nguồn quê Sư và cả quê Truân đã đi vào những văn thơ dịch sau đây trong bài *Bình xa hành* của Đỗ Phủ:

Xe rầm rầm
Ngựa hí rống
Người đi cung tên đeo bên lưng
Cha mẹ vợ con chạy theo tiền
Bụi mù chẳng thấy cầu Hàm Dương
Núi áo, giẫm chân, chặn đường khóc
Tiếng khóc xông lên thẳng chín tầng...

.....

Mới biết sinh con trai
Chẳng bằng sinh con gái!
Sinh con gái còn được gả gán nhà
Sinh con trai chết vìu trong cỏ dại!
Há chẳng thấy miền Thanh Hải kia sao?
Xưa nay xương trắng ai nhặt đâu!
Ma mới kêu oan, ma cũ khóc,
Trời âm, mưa thối, tiếng hu hu...

Sở dĩ tôi dám nói phần lớn tác phẩm dịch của ông (tôi không nói tất cả) phản ánh đúng những cảm hứng chủ đạo bất nguồn từ mệnh của ông là vì Khương Hữu Dụng quan niệm *Dịch là đối thoại*. Trong một dịp đi Liên Xô (1986), dự hội nghị kỷ niệm 800 năm *Bài ca Igor*, ông đã phát biểu ý kiến: Tiếng Việt Nam chúng tôi có một động từ rất thú vị. Khi trai gái yêu nhau rắp ranh nên vợ nên chồng, người ta thường nói họ **tìm hiểu** nhau. Theo tôi, dịch thơ là một quá trình tìm hiểu lâu dài. Lẽ dĩ nhiên phải tìm hiểu ngôn ngữ để khỏi chữ **tác** đánh chữ **tộ**, đồng thời tìm hiểu lịch sử, địa vực, phong tục, lễ thói,... hạn chế tới đa mọi sự hiểu lầm. Nhưng một khi tất cả những dữ kiện lý tính này đã thu thập được khá đầy đủ, mà lại thiếu cái say mê, cái đắm đuối của mối tình đang nảy nở, thì ta sẽ có một bản dịch có thể là rất bác học, nhưng nàng thơ tửu thân đã lẫn trốn tự bao giờ.

Chính vì thế mà người ta thường nói **dịch là phản**. Lời nói ấy đúng, nhưng tôi e hơi cực đoan, nó không nói được cái an ủi, cái thích thú, cái sung sướng đến hạnh phúc trong quá

trình trân trọng một tâm hồn bẽ bạn qua một câu thơ bầu bạn, và diễn đạt câu thơ bầu bạn qua ngôn từ của ta, mở rộng biên giới của câu thơ, tạo cho câu thơ có nhiều tri kỷ mới trong cái làng nhỏ bé của loài người là địa cầu. Tôi muốn xin phép đổi lời nói trên bằng một câu ám áp hơn: **Dịch là đối thoại.**

Ông quan niệm là thế và đã hành động đúng như thế. Bản dịch bài *Nghe tiếng chày đêm* (Văn dạ châm) của Bạch Cư Dị có thể là một trong những bản dịch tiêu biểu nhất có yếu tố mệnh chỉ phối tài năng và cảm hứng của Khương Hữu Dụng từ việc chọn bài đến công phu lao động trên từng chữ, do đó cũng đạt đến mức hay toàn bích đối với một bản dịch thơ:

*Thu đến nhớ chồng ai đập lụa
Gió trắng nào lấm đá chày ơi!
Tháng tám tháng chín đêm dài bấy,
Ngàn tiếng muôn tiếng không hề ngơi
Một tiếng trắng thêm tơ một sợi
sáng ra e hạc cả đầu ai!*

Kể về bản dịch này, Võ Quảng và Công Uẩn (Lê Đạt) viết: ... Ví dụ một gâu trong bài Văn Dạ Châm: **Nguyệt khổ phong thê châm chữ bi**. Bấy từ mà trong đó đã có bốn từ: Trăng, gió, đá, chày không thể bỏ qua được. Chỉ còn ba từ để nói lên ý khổ não, thê lương và bi thảm. Làm thế nào để gói gọn **trăng khổ não, gió thê lương, đá chày bi thảm** trong một câu thơ. Lẽ tất nhiên người ta có thể dịch dôi ra bằng hai câu lục bát chẳng hạn, cốt giữ được ý của nguyên văn. Nhưng Khương Hữu Dụng không muốn thế... Và Khương Hữu Dụng cứ miệt mài ngày này sang ngày khác với câu thơ trước siêu thuốc bệnh của vợ, nhiều khi mài thơ để cạn. Và anh đã dịch được một câu thơ thật hay: **Gió trắng nào lấm đá chày ơi!** (Tuyển tập Khương Hữu Dụng. Sđd. tr.17).

Khương Hữu Dụng là một trong số ít người đi đúng vận mệnh mình, khi cần thiết thì không lụy vào danh, lợi

quần quanh cũng như không chùn chân trước giông bão cuộc đời. Tiến lui đúng thời thế. Có lẽ vì thế ông đã đi hết hành lang hai quả Thủy Lôi Truân, Địa Thủy Sư, vinh quang và hiểm họa đều nắm trái. Hai quả này gồm có 12 hào âm dương chỉ phản ánh cuộc đời ông đến 81 tuổi. Năm nay ông đã đi quá hơn *chín lần mười*, vượt qua cả những gì mà Hà Lạc đã dự báo mà vẫn còn khoẻ mạnh và minh mẫn. Hiện nay Khương Hữu Dung là hội viên cao tuổi nhất trong Hội nhà văn Việt Nam. Ông là một trong số rất hiếm hoi nhân chứng sống còn lại đến hôm nay, đã từng ngồi trò chuyện với Phan Bội Châu - *vị thiên sứ của Việt Nam trong thế kỷ Hai Mươi* (lời Hồ Chí Minh), cũng là thiên sứ trong thời Mây Sấm gian truân của đời ông. Chúng tôi xin chúc mừng ông.

Phụ lục: cấu trúc Hà Lạc của Khương Hữu Dung

Sinh 01 tháng Giêng - Đinh Mùi, giờ Tý (13 - 2 - 1907) (khác với khai sinh trong *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội - 1997).

Can chi: Năm *Đinh Mùi*, tháng *Nhâm Dần*, Ngày *Quý Tị*, giờ *Nhâm Tý*.

Tiên thiên Tiên vận	Đại vận (Tuổi)	Hổ Tiên thiên	Hậu thiên Hậu vận	Đại vận (Tuổi)	Hổ Hậu thiên
----	37 - 42	-----	----	55 - 60	----
-----	28 - 36	-----	----	49 - 54	----
-----	22 - 27	-----	-----*	43 - 48	----
-----	16 - 21	-----	----	76 - 81	----
-----	10 - 15	-----	-----	67 - 75	----
-----*	01 - 09	-----	-----	61 - 66	-----
Thủy Lôi Truân		Sơn Địa Bác	Địa Thủy Sư		Địa Lôi Phục

Hoá công: Khảm ở Tiên thiên, Hậu thiên. *Thiên Nguyên khí:* không. *Địa Nguyên Khí:* Khôn ở Hổ Tiên thiên, Hậu thiên, Hổ Hậu thiên. Dấu *: Hào nguyên đường chỉ chủ mệnh. Mệnh hợp cách mức trung bình.

XUÂN CANG

Hành trình tìm mình

Thật ra cả cuốn sách này đã là một hành trình tìm mình của tôi, nên ở đây tôi chỉ xin nói những gì tâm đắc nhất. Tôi sinh giờ Thìn ngày 28 tháng 11 năm Nhâm Thân (25-12-1932). Cấu trúc Hà Lạc của tôi, quẻ Tiên thiên là *Sơn Thiên Đại Súc*, hỏ tiên thiên là *Lôi Trạch Quy Muội*. Tượng thiên nhiên nhuần thấm vào khí chất và cảm xúc văn chương của tôi là Núi, Trời, Lửa, Sấm chớp, Đầm hồ, Gió. Nghĩa quẻ Đại Súc là Tích chứa lớn. Người được quẻ này coi tượng quẻ thấy trên là Núi, dưới là Trời, núi mà chứa được trời thì sức chứa của nó thật lớn, nên gọi là Đại Súc. Lời quẻ nói rằng: Nếu biết tích chứa tài đức, cương kiện như Trời, thành thực, rực rỡ (nói về văn vẻ) như Núi, lại biết tích chứa mỗi ngày một mới, thì có thể vượt sông lớn, có ích cho đất nước. Tôi may mắn có hào chủ mệnh tốt là hào 4 quẻ Đại Súc. Lời hào 4 âm nói rằng: *Biết ngăn cái ác ngay từ lúc đầu thì làm được điều tốt.* (Đặc điểm quẻ Đại Súc là Lời quẻ thì nói về ý nghĩa Tích chứa, thuộc tượng Trời; lời hào thì nói về ý nghĩa Ngăn ngừa, thuộc tượng Núi). Thuở bé, cha tôi có ra Hà Nội xin thi sĩ Tản Đà cho tôi một quẻ Hà Lạc (xem bài *Tản Đà, ánh chớp trong đêm thế kỷ*), không biết ông Tản Đà nói cho cha tôi biết những gì, mà cho đến bây giờ, tôi còn nhớ những trận đòn dũa dội thời thơ ấu. Một lần chỉ vì chơi sừng lông ngỗng (trò chơi trẻ nhà quê, dùng ống lông ngỗng làm ống phụt, vỏ dưa hấu làm đạn), hình như tôi vô ý bắn nhầm vào má một cô bé vào cửa hàng thuốc bắc của cha tôi, khi cô ra về, cha tôi nọc ra đánh một trận thừa sống thiếu chết. Và những trận đòn khác nữa, của cả cha lẫn mẹ. Bấy giờ đọc lời hào 4 mới biết thì ra cha mẹ tôi đã *ngăn cái ác* cho tôi (mà là ngăn theo cách *chẳng cái gông cho con ghè còn non, mới như sừng* - xem

lời hào 4 quê Đại Súc). Không biết có phải do biết *ngăn cái ác* hay không, nhưng quả thật trong suốt cuộc đời về sau, tôi có chăm học hành hơn, ham đọc văn chương; ở trường nhà quê mà tìm mọi giá, mọi cách để có sách đọc. Năm 1946, do chiến tranh, tôi phải ngừng học. Nhưng sau đó, dù làm gì, ở đâu, không lúc nào tôi rời việc đọc, việc học thêm, coi trọng việc tu đức, luyện tài. Có lẽ vì vậy, cho đến nay, trong lý lịch tôi không có bằng cấp gì đáng kể, mà chỉ có hành động, những việc làm: *Tôi đã làm thợ, đi lính, làm cán bộ công đoàn, viết văn, làm báo...*

Năm 1992 tôi bắt đầu nghiên cứu Kinh Dịch. Năm 1994, do làm quen với giáo sư Nguyễn Hoàng Phương mà được đọc cuốn *Bát tự Hà Lạc học khảo* của Học Năng, in năm 1974 ở Sài Gòn, bản sao chụp không biết lần thứ bao nhiêu, chữ nhoè nhạt, mờ mịt. Tôi kiên trì đọc và làm thử một bài toán Hà Lạc cho mình, thì từ những dòng chữ nhoè nhạt và mờ mịt ấy sáng lên trong tôi một cái nhìn người xưa đã tìm thấy từ mấy ngàn năm trước. Tôi bối rối và sung sướng phát hiện ra mình, những tượng Núi, Trời, Lửa, Gió đi vào văn tôi và hành trình cuộc đời cứ là rõ mồn một, chỉ cần nghe cái tên thôi đã thấy. Đây là từ tượng Núi: *Lên cao, MẠch nước, Trở lại Xám Khoè*; Núi và Lửa: *Suối Gang*; Lửa: *Trước lửa, Đêm hồng, Những ngày thường đã cháy lên*. Đây là từ một cái nhìn bao quát từ trên cao xuống (từ trời): *Những vẻ đẹp khác nhau*; những tác phẩm báo chí và lý luận về Công đoàn và Chính sách xã hội. Tượng Gió đi vào văn tôi thành những câu văn ruột: ... *Và một điều bất ngờ đã xảy ra. Một mùi thơm trinh khiết lạ lùng, quện với mùi mồ hôi, mùi gió đông, mùi tóc, tất cả choáng ngợp trong tôi, thấm đẫm trong tôi, như tất cả tinh hoa người nàng, đọng trong khoé mắt ấy, và chỉ chờ đợi tôi, chỉ cho tôi... Chính giữa lúc ấy, tiếng chuông chùa gióng lên vang vọng, đầy tràn trên cánh đồng hoàng hôn. Nàng bảo: “Nhớ đời nhé”. Vâng, đó là một buổi chiều nhớ đời. Bởi vì từ buổi chiều hôm đó, mỗi lần tiếng*

chuông âm vang lại xáo động, náo động lên trong tôi cái giây phút tôi đắm mình trong mùi hương của nàng, quyến trong hương đồng, gió đồng. (Nụ Hoa Cau, NXB Lao động - Hà Nội 1997- tr. 17). Theo Phan Bội Châu, quê Đại Súc bảo tôi một câu vô cùng thâm thúy rằng: *Độc lời Thoán nói về quê Đại Súc, chúng ta để ý bốn chữ: Đốc Thực (dày dặn, ý nói chứa trữ tài đức cho dày dặn) Huy Quang (sáng sủa). Người trong thiên hạ, nhiều hạng người thấy có huy quang mà không phải đốc thực, chứ không hạng người nào đã đốc thực mà không huy quang. Huy quang mà không đốc thực, thời chỉ là loè loẹt ở bề ngoài, trau chuốt những văn minh vỏ. Thế chẳng phải là chân chính huy quang... Nghĩa là đạo của tiểu nhân, tuy rực rỡ vậy mà ngày càng lẫn lẩn mất. Đó là tệ bệnh vì huy quang mà không đốc thực. Huy quang mà không đốc thực thời là huy quang giả. Đến như đốc thực mà nảy ra huy quang, thời đạo đức ở trong mà văn thái hiện ở ngoài... Vậy nên, muốn thấy được chân chính huy quang, thời trước phải căn cứ ở nơi đốc thực.* (Phan Bội Châu toàn tập. Nxb Thuận Hóa - Huế-1990. Tập 7 tr. 417). Khỏi phải nói thêm gì. Tôi đã nhờ một ông đồ viết to bốn chữ của đời tôi **Đốc Thực Huy Quang**, đóng khung treo trong phòng làm việc.

Trong lòng quê Đại Súc, có quê hồ Lôi Trạch Quy Muội, nhắc nhở ta rằng trong mệnh của ta có chứa chất những lỗi lầm kiểu quy muội (sơ xuất khi gả em gái về nhà chồng), trong đó có cả những lỗi lầm đáng yêu theo kiểu Đế Ất quy muội (xem bài về Nguyên Ngọc). Hào chủ mệnh của tôi là hào 4 quê Đại Súc, ảnh hưởng trực tiếp của nó là hào 5 quê Quy Muội, đúng là hào Đế Ất quy muội. Chả thế mà tôi viết: *Những người thua trận đáng yêu* (Giải nhất thi bút ký báo Văn Nghệ 1962) kể chuyện những chiến sĩ quân đội phạm những lỗi đáng yêu khi tiến quân vào mặt trận khoa học, kỹ thuật. Và trong đời sống, tôi cũng phạm nhiều những lỗi lầm kiểu *quy muội*, đáng nhớ nhất là những sai sót thời kỳ làm báo. Làm anh Tổng biên tập báo thường phải quyết định

lời hào 4 quẻ Đại Súc). Không biết có phải do biết *ngăn cái ác* hay không, nhưng quả thật trong suốt cuộc đời về sau, tôi cố chăm học hành hơn, ham đọc văn chương; ở trường nhà quê mà tìm mọi giá, mọi cách để có sách đọc. Năm 1946, do chiến tranh, tôi phải ngừng học. Nhưng sau đó, dù làm gì, ở đâu, không lúc nào tôi rời việc đọc, việc học thêm, coi trọng việc tu đức, luyện tài. Có lẽ vì vậy, cho đến nay, trong lý lịch tôi không có bằng cấp gì đáng kể, mà chỉ có hành động, những việc làm: *Tôi đã làm thợ, đi lính, làm cán bộ công đoàn, viết văn, làm báo...*

Năm 1992 tôi bắt đầu nghiên cứu Kinh Dịch. Năm 1994, do làm quen với giáo sư Nguyễn Hoàng Phương mà được đọc cuốn *Bát tự Hà Lạc lược khảo* của Học Năng, in năm 1974 ở Sài Gòn, bản sao chụp không biết lần thứ bao nhiêu, chữ nhỏ nhợt nhạt, mờ mịt. Tôi kiên trì đọc và làm thử một bài toán Hà Lạc cho mình, thì từ những dòng chữ nhợt nhạt và mờ mịt ấy sáng lên trong tôi một cái nhìn người xưa đã tìm thấy từ mấy ngàn năm trước. Tôi bối rối và sung sướng phát hiện ra mình, những tượng Núi, Trời, Lửa, Gió đi vào văn tôi và hành trình cuộc đời cứ là rõ mồn một, chỉ cần nghe cái tên thôi đã thấy. Đây là từ tượng Núi: *Lên cao, MẠch nước, Trở lại Xám Khoè*; Núi và Lửa: *Suối Gang; Lửa: Trước lửa, Đêm hồng, Những ngày thường đã cháy lên*. Đây là từ một cái nhìn bao quát từ trên cao xuống (từ trời): *Những vẻ đẹp khác nhau; những tác phẩm báo chí và lý luận về Công đoàn và Chính sách xã hội*. Tượng Gió đi vào văn tôi thành những câu văn ruột: ... *Và một điều bất ngờ đã xảy ra. Một mùi thơm trinh khiết lạ lùng, quyến với mùi mồ hôi, mùi gió đông, mùi tóc, tất cả choáng ngợp trong tôi, thấm đẫm trong tôi, như tất cả tình hoa người nàng, đọng trong khoé mũi ấy, và chỉ chờ đợi tôi, chỉ cho tôi... Chính giữa lúc ấy, tiếng chuông chùa gióng lên vang vọng, đầy tràn trên cánh đồng hoàng hôn. Nàng bảo: “Nhớ đời nhé”. Vâng, đó là một buổi chiều nhớ đời. Bởi vì từ buổi chiều hôm đó, mỗi lần tiếng*

trong giây phút: có đưa thông tin này không, thậm chí có đưa câu này lên báo không, trong cái phút ấy, không được phép mắc lỗi quy muội. Tôi đã có sơ xuất mắc lỗi *quy muội* ấy.

Một phần đời tôi là hoạt động công đoàn. Hành trình đó đã được ghi trong cấu trúc Hà Lạc của tôi: quẻ hậu thiên *Thiên Hỏa Đồng Nhân*. Thiên là Trời. Hỏa là Lửa. Tượng quẻ là Lửa sáng dưới Trời. Đồng Nhân là Cùng Người. Hào chủ mệnh là hào 1 quẻ Đồng Nhân: *Ra khỏi cửa để cùng chung với người thì không lỗi*. Toán Hà Lạc giải: *Cải cách tốt*. Lời giải cho mệnh hợp cách là: *Khoan dung, chí công vô tư*. Tất cả những ý tứ đó đã đi vào những chặng đường đời của tôi. Khi chưa biết mình có quẻ Đồng nhân, tôi nói đùa với đồng nghiệp là cán bộ công đoàn: Hình như mình sinh ra để hoạt động quần chúng. Nhưng hóa ra không phải chuyện đùa. Năm 1980, năm bắt đầu quẻ Đồng Nhân, tôi giúp anh Hoàng Quốc Việt làm cuốn hồi ký *Chặng đường nóng bỏng*. Năm 1982 làm báo Lao Động. Năm 1985 làm tổng biên tập báo, để đến năm sau, 1986, cùng mọi người đi vào cuộc cải cách, tham gia đổi mới báo chí mà mọi người đều biết. Năm 1989 tham gia cơ quan lãnh đạo Công đoàn Việt Nam, phụ trách công tác lý luận, làm chủ nhiệm một đề tài nghiên cứu lý luận cấp nhà nước. Đây cũng là những năm tôi làm những cuốn tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện vừa được bạn đọc biết đến: *Những ngày thường đã cháy lên*, *Con bé mùa thu vàng*, *Dấn thân*, *Nụ hoa cau...* Và cuốn sách tôi đang làm đây: *Tám chữ Hà Lạc...* mà kết thúc của nó là một số *chân dung nhà văn soi chiếu bằng Hà Lạc*. Quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân có quẻ Hổ là *Thiên Phong Cáo*. Thiên là Trời. Phong là Gió. Cáo là Gặp gỡ. Tượng quẻ là làn gió đi lang thang dưới trời nên có nhiều cuộc gặp gỡ không hẹn trước. Cũng đúng là những năm này tôi *đi lang thang* khắp nơi trong nước và nhiều nơi nước ngoài, có lần đi lang thang đến cả nhà thờ lớn Va-ti-căng, đứng hàng giờ ngoài sân lớn, để cho chim bồ câu đến đậu trên vai, ngắm khách du lịch cũng lang thang đến

đây, từ khắp nơi trên thế giới. Và cũng đúng là trong những năm này, có nhiều cuộc gặp gỡ bất ngờ, sẽ để lại dấu ấn suốt đời.

Phụ lục: Cấu trúc Hà Lạc của Xuân Cang

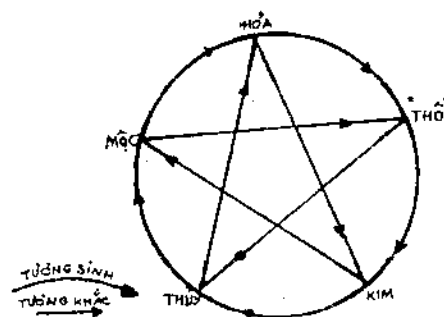
Sinh: 28-11-Nhâm Thân, giờ Thìn (25-12-1932).
Can Chi: năm *Nhâm Thân*, tháng *Nhâm Tý*, ngày *Canh Thân*, giờ *Canh Thìn*. Mã số Can Chi: 6, 4-9; 6, 1-6; 3, 4-9; 3, 5-10.

Tiên Thiên Tiền Vận	Đại Vận (Tuổi)	Hỗ Tiền Thiên	Hậu Thiên Hậu Vận	Đại vận (Tuổi)	Hỗ Hậu Thiên
-----	13-21	-----	-----		-----
-----	07-12	-----	-----	82-90	-----
-----*	01-06	-----	-----	73-81	-----
-----	40-48	-----	-----	64-72	-----
-----	31-39	-----	-----	58-63	-----
-----	22-30	-----	-----*	49-57	-----
Sơn Thiên Đại Súc		Lôi Trạch Quy Muội	Thiên Hóa Đổng Nhân		Thiên Phong Cầu

Hoá công: Không. *Thiên nguyên khí:* Kiến ở Tiên thiên, Hậu thiên, Hỗ HT. *Địa Nguyên khí:* Không. Dấu *: Hào nguyên đường, chủ mệnh. Mệnh hợp cách trung bình cao.

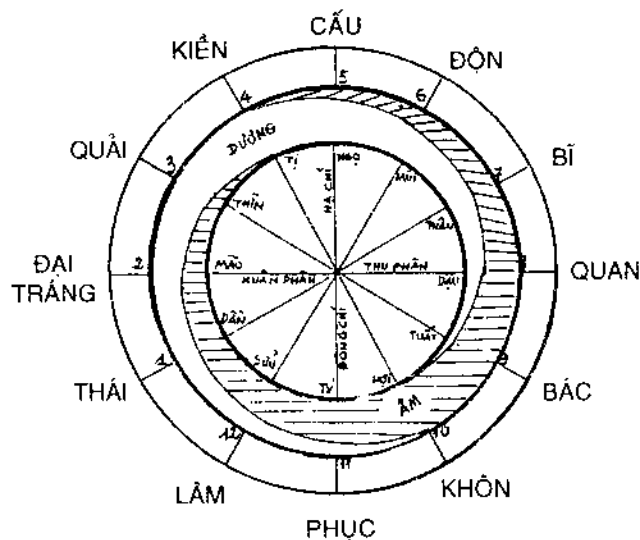
PHỤ LỤC

NĂM HÀNH TƯƠNG SINH, TƯƠNG KHẮC



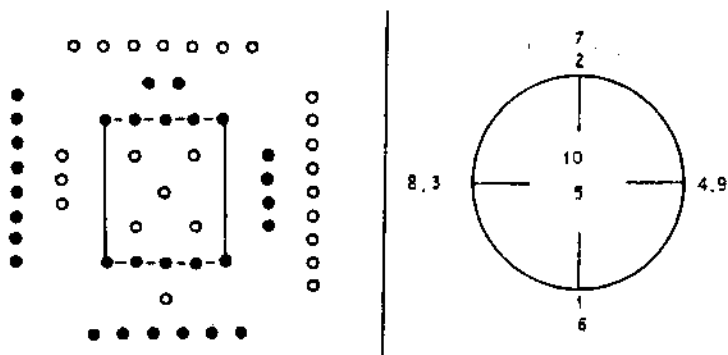
Hình 1

QUÊ NGUYỆT LỆNH VÀ SỐ ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG



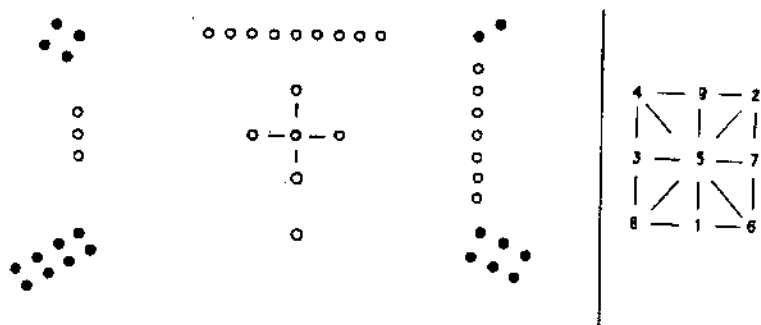
Hình 2

HÀ ĐỒ



Hình 3

LẠC THỦ



Hình 4

64 QUÊ DỊCH XẾP THEO HỆ THỐNG HẬU THIÊN CỦA VĂN VƯƠNG - DÙNG CHO CẤU TRÚC HÀ LẠC

8 	7 	6 	5 	4 	3 	2 	1
16 	15 	14 	13 	12 	11 	10 	9
24 	23 	22 	21 	20 	19 	18 	17
32 	31 	30 	29 	28 	27 	26 	25
40 	39 	38 	37 	36 	35 	34 	33
48 	47 	46 	45 	44 	43 	42 	41
56 	55 	54 	53 	52 	51 	50 	49
64 	63 	62 	61 	60 	59 	58 	57

Bảng âm dương ngũ hành, Can chi phối với tạng phủ

Năm hành	Mộc		Hoà		Thổ		Kim		Thủy	
Thiên Can	Dương Giáp	Âm Ất	Dương Bính	Âm Đinh	Dương Mậu	Âm Kỷ	Dương Canh	Âm Tân	Dương Nhâm	Âm Quý
Địa Chi	Dần	Mão	Ngọ	Tị	Thìn Tuất	Sửu Mùi	Thân	Dậu	Tý	Hợi
Tạng		Gan		Tim		Lách		Phổi		Thận
Phủ	Mật		Ruột non		Dạ dày		Ruột già		Bàng quang	

Bảng 1

Bảng Tiết Lệnh 12 tháng

Tháng Dần	01	Tiết Lập Xuân	tháng Thân	7	Tiết Lập Thu
Mão	02	Kinh Trập	Dậu	8	Bạch Lộ
Thìn	3	Thanh Minh	Tuất	9	Hàn Lộ
Tý	4	Lập Hạ	Hợi	10	Lập Đông
Ngọ	5	Mang Chủng	Tý	11	Đại Tuyết
Mùi	6	Tiểu Thử	Sửu	12	Tiểu Han

Bảng 2

Bảng tính Tháng theo Năm

Tháng/ Năm	Giáp, Kỷ	Ất, Canh	Bính, Tân	Đinh, Nhâm	Mậu, Quý
Tháng Giêng	Bính Dần	Mậu Dần	Canh Dần	Nhâm Dần	Giáp Dần
Tháng Hai	Đinh Mão	Kỷ Mão	Tân Mão	Quý Mão	Ất Mão
Tháng Ba	Mậu Thìn	Canh Thìn	Nhâm Thìn	Giáp Thìn	Bính Thìn
Tháng Tư	Kỷ Tị	Tân Tị	Quý Tị	Ất Tị	Đinh Tị
Tháng Năm	Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Giáp Ngọ	Bính Ngọ	Mậu Ngọ
Tháng Sáu	Tân Mùi	Quý Mùi	Ất Mùi	Đinh Mùi	Kỷ Mùi
Tháng Bảy	Nhâm Thân	Giáp Thân	Bính Thân	Mậu Thân	Canh Thân
Tháng Tám	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu	Tân Dậu
Tháng Chín	Giáp Tuất	Bính Tuất	Mậu Tuất	Canh Tuất	Nhâm Tuất
Tháng Mười	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi
Tháng M. Một	Bính Tý	Mậu Tý	Canh Tý	Nhâm Tý	Giáp Tý
Tháng M. Hai	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu	Ất Sửu

Bảng 3

Bảng tính Giờ theo Ngày

Giờ/ Ngày	Giáp, Kỷ	Ất, Canh	Bính, Tân	Đinh, Nhâm	Mậu, Quý
Tý	Giáp Tý	Bính Tý	Mậu Tý	Canh Tý	Nhâm Tý
Sửu	Ất Sửu	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu
Dần	Bính Dần	Mậu Dần	Canh Dần	Nhâm Dần	Giáp Dần
Mão	Đinh Mão	Kỷ Mão	Tân Mão	Quý Mão	Ất Mão
Thìn	Mậu Thìn	Canh Thìn	Nhâm Thìn	Giáp Thìn	Bính Thìn
Tị	Kỷ Tị	Tân Tị	Quý Tị	Ất Tị	Đinh Tị
Ngọ	Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Giáp Ngọ	Bính Ngọ	Mậu Ngọ
Mùi	Tân Mùi	Quý Mùi	Ất Mùi	Đinh Mùi	Kỷ Mùi
Thân	Nhâm Thân	Giáp Thân	Bính Thân	Mậu Thân	Canh Thân
Dậu	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu	Tân Dậu
Tuất	Giáp Tuất	Bính Tuất	Mậu Tuất	Canh Tuất	Nhâm Tuất
Hợi	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi

Bảng 4

Bảng tham khảo khi tính giờ sinh ở nước ta

- Do nhiều bạn đọc sử dụng **Lịch vạn niên** dịch nguyên văn từ các nhà xuất bản của Trung Quốc;

- Do từng vùng trong nước ta đã từng *vận đồng hồ* theo các chế độ chính trị khác nhau, nên khi tính Can Chi giờ sinh cần tham khảo bảng tính giờ sinh sau đây:

Giờ sinh chuẩn mực tính cho các vùng trong cả nước: Giờ Tý từ 23 giờ đến 01 giờ. (0 giờ là Chính Tý).

Những người sử dụng cuốn Lịch Vạn niên Dịch học Phổ thông, dịch từ nguyên bản tiếng Hoa của NXB Thẩm Dương, 1995 (NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1997) chú ý do múi giờ chênh lệch khác nhau nên Giờ Tý trong Lịch trên là từ 0 giờ đến 02 giờ. Khi vận dụng vào Giờ ở nước ta cần tính sớm lên 1 giờ đối với tất cả các loại giờ trong lịch. (Ví dụ: Tháng Chín năm Mậu Dần, tiết lệnh Lập Đông vào ngày 19 (7-11-1998) lúc 23 giờ 11 phút, phải được tính là 22 giờ 11 phút ngày 7-11-1998 tức giờ Hợi ngày 19 tháng 9 năm Mậu Dần)

Từ 01-4-1945 đến 31-3-1947, trong phạm vi cả nước, giờ Tý từ 01 giờ đến 03 giờ (dưới chính quyền Nhật).

Từ 01-4-1947 đến 30-6-1955, trong phạm vi cả nước, giờ Tý từ 0 giờ đến 02 giờ.

Từ 01-7-1955 đến 31-12-1959, trong phạm vi cả nước, giờ Tý từ 23 giờ đến 01 giờ.

Từ 01-1-1960 đến 30-4-1975, các vùng thuộc chính quyền ngụy Sài Gòn, giờ Tý từ 0 giờ đến 02 giờ.

Từ 01-5-1975 đến nay, trên toàn quốc, giờ Tý từ 23 giờ đến 01 giờ.

Bảng 4b

Tám quẻ đơn và các thông tin

Quẻ	Tượng	Hành & Phương	Tính chất	Nghĩa Quẻ	Th.Tín Người	Vật	Sắc Vị
Kiến	<i>Thiên</i> Trời	<i>Kim</i> Tây Bắc	Cứng Mạnh	Sáng, Lớn Giỏi, Thực.	Cha, Chủ chồng Đầu	Mặt trời Nước đá Ngựa, Vàng	Đỏ, Trắng Cay, Nhạt
Khảm	<i>Thủy</i> Nước	<i>Thủy</i> Bắc	Hiếm Hãm	Khốn cùng Gian lao Lý sự	Trai thứ, Giặc cướp Tái nạn	Trắng, Rượu, Heo	Đen Mặn
Cấn	<i>Sơn</i> Núi	<i>Thổ</i> Đông Bắc	Tĩnh An	Kinh, Thực Cổ chấp Trì trệ	Trai út Lưng, Tay, Mũi	Đá, Gà Chó	Vàng Ngọt
Chấn	<i>Lôi</i> Sấm	<i>Mộc</i> Đông	Động Khởi	Dũng mãnh Vang lừng Thành công	Trai lớn Kể hiền, Chân	Máy bay Hoa quả Rong	Xanh, Chua
Tốn	<i>Phong</i> Gió	<i>Mộc</i> Đông Nam	Phục, Theo	Tươi tốt Thuận chiều	Gái lớn Tang ni Đùi, Bắp	Quạt, Cá Quả, Gà	Xanh lục Thơm Thối
Lý	<i>Hỏa</i> Lửa	<i>Hỏa</i> Nam	Sáng suốt	Văn minh Mỹ lệ Lễ nghĩa	Gái thứ, Văn vẻ, Mắt	Mặt trời, Ấn tín, Cây khô, Chim trĩ	Đỏ tía Đắng
Khôn	<i>Địa</i> Đất	<i>Thổ</i> Tây Nam	Nhu thuận	Nuôi, Mang Khiêm tốn, Ngụ, Suy	Mẹ vợ, Nông dân, Bụng, Máu	Kho chứa Chợ, Thóc Trâu	Vàng Ngọt
Đoài	<i>Trạch</i> Đầu Hồ	<i>Kim</i> Tây	Vui vẻ	Tình cảm Cởi mở, Lợi, Vì mình, Lót tay	Gái út Ca sĩ Kỹ nữ Miệng Lưỡi	Trang Sao Đàn Nhạc Giấy Bút	Trắng Cay

Bảng 5

Bảng sắp xếp 64 quẻ kép

(Ghi chú: Chữ **in đậm**: Tượng quẻ đơn -Thượng; in đứng: Tượng quẻ đơn-Hạ ; *in nghiêng*: Tên (tất) quẻ Kép; Số không ngoặc đơn: số thứ tự quẻ đơn; Số có ngoặc đơn: số thứ tự quẻ kép theo Cấu trúc Hậu Thiên của Văn Vương và theo Giải đoán Hà Lạc).

Thiên	1	Cần	Trạch	2	Đoài
Thiên	1	<i>Thuần Cần</i>	(1)	<i>Quải</i>	(43)
Trạch	2	<i>Lý</i>	(10)	<i>Thuần Đoài</i>	(58)
Hỏa	3	<i>Đồng nhân</i>	(13)	<i>Cách</i>	(49)
Lôi	4	<i>Vô Vọng</i>	(25)	<i>Tỳ</i>	(17)
Phong	5	<i>Cần</i>	(44)	<i>Đại Quá</i>	(28)
Thủy	6	<i>Tụng</i>	(6)	<i>Khốn</i>	(47)
Sơn	7	<i>Độn</i>	(33)	<i>Hàm</i>	(31)
Địa	8	<i>Bĩ</i>	(12)	<i>Tụy</i>	(45)
Hoả	3	Ly	Lôi	4	Chấn
Thiên	1	<i>Đại Hữu</i>	(14)	<i>Đại Tráng</i>	(34)
Trạch	2	<i>Khước</i>	(38)	<i>Qui Muội</i>	(54)
Hoả	3	<i>Ly</i>	(30)	<i>Phong</i>	(55)
Lôi	4	<i>Phệ hạp</i>	(21)	<i>Thuần Chấn</i>	(51)
Phong	5	<i>Đỉnh</i>	(50)	<i>Hằng</i>	(32)
Thủy	6	<i>Vị tể</i>	(64)	<i>Giải</i>	(40)
Sơn	7	<i>Lữ</i>	(56)	<i>Tiểu quá</i>	(62)
Địa	8	<i>Tấn</i>	(35)	<i>Dục</i>	(16)
Phong	5	Tốn	Thủy	6	Khảm
Thiên	1	<i>Tiểu Súc</i>	(9)	<i>Nhu</i>	(5)
Trạch	2	<i>Trung Phu</i>	(61)	<i>Tiết</i>	(60)
Hoả	3	<i>Gia Nhân</i>	(37)	<i>Kỷ tể</i>	(63)
Lôi	4	<i>Ich</i>	(42)	<i>Truân</i>	(3)
Phong	5	<i>Thuần Tốn</i>	(57)	<i>Tĩnh</i>	(48)
Thủy	6	<i>Hoán</i>	(59)	<i>Thuần Khảm</i>	(29)
Sơn	7	<i>Tiệm</i>	(53)	<i>Kiến</i>	(39)
Địa	8	<i>Quan</i>	(20)	<i>Tỷ</i>	(8)

Son	7	Cấn	Địa	8	Khôn
Thiên	1	<i>Đại Súc</i>	(26)	<i>Thái</i>	(11)
Trạch	2	<i>Tổn</i>	(41)	<i>Lâm</i>	(19)
Hoà	3	<i>Bí</i>	(22)	<i>Minh Di</i>	(36)
Lôi	4	<i>Di</i>	(27)	<i>Phục</i>	(24)
Phong	5	<i>Cổ</i>	(18)	<i>Thăng</i>	(46)
Thủy	6	<i>Mông</i>	(4)	<i>Sư</i>	(7)
Son	7	<i>Thuần Cấn</i>	(52)	<i>Khiêm</i>	(15)
Địa	8	<i>Bác</i>	(23)	<i>Thuần Khôn</i>	(2)

Bảng 6

Cách đọc: Đọc tên Quẻ Thượng, tiếp đến tên Quẻ Hạ (cùng hàng dọc), đối chiếu hàng ngang đọc tên Quẻ kép, số thứ tự quẻ, nhờ số thứ tự này mà tìm đến **quẻ ở Phần Hà Lạc giải đoán**.

Bảng sáu mươi loại Mệnh

(Còn gọi là **nạp âm**. Tính bằng Can Chi năm sinh)

Năm	Mệnh	Nam	Mệnh	Năm	Mệnh	Nam	Mệnh	Nam	Mệnh
Giáp Tý	Kim gươm	Bính Tý	Thủy dưới	Mậu Tý	Hỏa thu	Canh Tý	Thổ trên	Nhâm Tý	Mộc đầu
----- Ất Sửu	biển	Đinh Sửu	khe	Kỷ Sửu	lớn	Tân Sửu	trường	Quý Sửu	từng
Bính Dần	Hỏa trong	Mậu Dần	Thổ tường	Canh Dần	Mộc tàng	Nhâm Dần	Kim vàng	Giáp Dần	Thủy khe
----- Đinh Mão	lò	Kỷ Mão	thành	Tân Mão	bách	Quý Mão	đất	Ất Mão	lớn
Mậu Thìn	Mộc tàng	Canh Thìn	Kim trong	Nhâm Thìn	Thủy trường	Giáp Thìn	Hỏa đèn	Bính Thìn	Thổ trong
----- Kỷ Tỵ	xanh	Tân Tỵ	nền	Quý Tỵ	lưu	Ất Tỵ	thờ	Đinh Tỵ	cát
Canh Ngọ	Thổ bền	Nhâm Ngọ	Mộc dương	Giáp Ngọ	Kim trong	Bính Ngọ	Thủy thiên	Mậu Ngọ	Hỏa trên
----- Tân Mùi	đường	Quý Mùi	hiếu	Ất Mùi	cát	Đinh Mùi	hà	Kỷ Mùi	trời
Nhâm Thân	Kim mũi	Giáp Thân	Thủy trong	Bính Thân	Hỏa dưới	Mậu Thân	Thổ bãi	Canh Thân	Mộc thạch
----- Quý Dậu	kiếm	Ất Dậu	sưởi	Đinh Dậu	núi	Kỷ Dậu	lộng	Tân Dậu	lưu
Giáp Tuất	Hỏa đầu	Bính Tuất	Thổ nền	Mậu Tuất	Mộc bình	Canh Tuất	Kim trâm	Nhâm Tuất	Thủy đại
----- Ất Hợi	núi	Đinh Hợi	nhà	Kỷ Hợi	cha	Tân Hợi	thoa	Quý Hợi	nhà

Bảng 7

Tiết khí đôi chiếu với Dương lịch và năm Âm Lịch

Khí tiết	Khí hậu Việt Nam	Ngày dương lịch	Tháng âm lịch	Cung
1. Lập Xuân	Đầu Xuân	4 hoặc 5/2	Giêng	Dần
2. Vũ Thủy	âm ướt	19 hoặc 20/1	-	-
3. Kinh Trập	Sâu nở	6 hoặc 7/3	Hai	Mão
4. Xuân Phân	Giữa Xuân	21 hoặc 22/3	-	-
5. Thanh Minh	Trong Sáng	5 hoặc 6/4	Ba	Thìn
6. Cốc Vũ	Mưa rào	20 hoặc 21/4	-	-
7. Lập Hạ	Đầu Hạ	6 hoặc 7/5	Tư	Tỵ
8. Tiểu Mãn	Kết hạt	21 hoặc 22/5	-	-
9. Mang Chủng	Tua rua	6 hoặc 7/6	Năm	Ngọ
10. Hạ Chí	Giữa Hè	21 hoặc 22/6	-	-
11. Tiểu Thử	Nắng oi	7 hoặc 8/7	Sáu	Mùi
12. Đại Thử	Nắng gắt	23 hoặc 24/7	-	-
13. Lập Thu	Vào thu	8 hoặc 9/8	Bảy	Thân
14. Xử Thử	Mưa ngâu	23 hoặc 24/8	-	-
15. Bạch Lộ	Nắng nhạt	8 hoặc 9/9	Tám	Dậu
16. Thu Phân	Giữa thu	23 hoặc 24/9	-	-
17. Hàn Lộ	Mát mẻ	8 hoặc 9/10	Chín	Tuất
18. sương Giáng	Sương sa	23 hoặc 24/10	-	-
19. Lập Đông	Đầu Đông	7 hoặc 8/11	Mười	Hợi
20. Tiểu Tuyết	Hạnh heo	22 hoặc 23/11	-	-
21. Đại Tuyết	Khô úa	7 hoặc 8/12	Một	Tý
22. Đông Chí	Giữa Đông	22 hoặc 23/12	-	-
23. Tiểu Hàn	Chớm rét	6 hoặc 7/1	Chạp	Sửu
24. Đại Hàn	Giá rét	20 hoặc 21/1	-	-

Bảng 8

Theo Nguyên lý chọn ngày theo lịch can chi của GS.
TS Hoàng Tuấn.

Bảng Mã số Can

CAN	Nhâm Giáp	Mậu	Bính	Canh	Tân	Kỷ	Ất Quý	Đinh
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7

Bảng 9**Bảng Mã số Chi**

CHI	Tý Hợi	Tị Ngọ	Dần Mão	Thân Dậu	Thìn Tuất Sửu Mùi
Mã số	1 - 6	2 - 7	3 - 8	4 - 9	5 - 10

Bảng 10**Bảng Mã số 8 quẻ Dịch đơn tương ứng với Mã số Can**

QUẺ	Cần	Khảm	Cấn	Chấn	Tốn	Ly	Khôn	Đoài
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7
CAN	Giáp Nhâm	Mậu	Bính	Canh	Tân	Kỷ	Ất Quý	Đinh
Mã số	6	1	8	3	4	9	2	7

Bảng 11**Bảng tóm tắt cách đếm xác định
Hào Nguyên đường Quẻ Tiên Thiên.**

Quẻ	Đếm 1 lần	Đếm 2 lần	Tiếp sang hào khác
1 - 2 hào Á hay D	Không	Có	Có
3 hào Á hay D	Không	Có	Không
4 - 5 hào Á hay D	Có	Không	Có

Bảng 12

**Bảng tìm hào Nguyên Dương đối với quẻ
6 hào Dương, 6 hào Âm (Bảng 13)**

Kiến Nam				Khôn nữ			
6 hào Dương		6 hào Dương		6 hào Âm		6 hào Âm	
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
		Thân	Hợi			Thân	Hợi
		Mùi	Tuất			Mùi	Tuất
		Ngo	Dậu			Ngo	Dậu
Dần	Tị			Dần	Tị		
Sửu	Thìn			Sửu	Thìn		
Tý	Mão			Tý	Mão		

Bảng 13 a

Kiến Nữ							
Sau Đông chí & Trước Hạ chí				Sau Hạ chí & Trước Đông chí			
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
Tý	Mão					Thân	Hợi
Sửu	Thìn					Mùi	Tuất
Dần	Tị					Ngo	Dậu
		Ngo	Dậu	Dần	Tị		
		Mùi	Tuất	Sửu	Thìn		
		Thân	Hợi	Tý	Mão		

Bảng 13 b

Khôn Nam							
Sau Hạ chí & Trước Đông chí				Sau Đông chí & Trước Hạ chí			
Giờ khí Dương		Giờ khí Âm		Giờ khí Dương		Giờ khí Âm	
Tý	Mão					Thân	Hợi
Sửu	Thìn					Mùi	Tuất
Dần	Tị					Ngo	Dậu
		Ngo	Dậu	Dần	Tị		
		Mùi	Tuất	Sửu	Thìn		
		Thân	Hợi	Tý	Mão		

Bảng 13 c

Bảng Hoá Công

Thời gian sinh	Quốc cớ Hoá Công
Sinh sau Đông Chí, trước Xuân Phân	<i>Khảm</i>
Sinh sau Xuân Phân, trước Hạ Chí	<i>Chấn</i>
Sinh sau Hạ Chí, trước Thu Phân	<i>Ly</i>
Sinh sau Thu Phân, trước Đông Chí	<i>Đoài</i>

Bảng 14

**Bảng Thiên Nguyên khí (TNK),
Địa Nguyên Khí (ĐNK)**

TNK	Giáp	Ấu	Bính	Đinh	Mậu	Kỵ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
ĐNK	Tuất	Mùi Thân	Sửu Dần	Đậu	Tý	Ngọ	Mão	Thìn Tị	Hợi	
Quốc	Cần	Khôn	Cấn	Đoài	Khảm	Lý	Chấn	Tốn	Càn	Khôn

Bảng 14b

Bảng Nguyệt Lệnh

Th. M. Một	Th. M. Hai	Th. Giêng	Th. Hai	Th. Ba	Th. Tư
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
Đĩa Lôi Phục	Đĩa Trách Lâm	Đĩa Thiên Thái	Lôi Thiên Đại Trắng	Trách Thiên Quải	Thuần Cần
Th. Nam	Th. Sáu	Th. Bảy	Th. Tám	Th. Chín	Th. Mười
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----	-----
ThiênPhong Cầu	Thiên Sơn Đôn	Thiên Địa Bỉ	Phong Địa Quan	Sơn Địa Bác	Thuần Khôn

Bảng 15

Bảng năm hành gặp quẻ

Mạng Kim

Canh, Tân, Thân, Dậu và Nạp âm Kim gặp:

Kiên: Phú quý.

Khảm: Bổng bệnh, chìm nổi.

Cấn: Nên an cư.

Chấn: Có điều sở đắc, tốt.

Tốn là cơn gió: Xuân Hạ mất mẻ; Thu Đông lạnh lùng.

Ly: Nghịch chiều trong hành động.

Khôn: Được phúc lành

Đoài: Đắc địa, tốt.

Mạng Mộc

Giáp, Ất, Dần, Mão và Nạp âm Mộc, gặp:

Kiên: Nhiều hao huyền, ít thực tế.

Khảm: Hãm, mắc kẹt, không làm lớn được, không lâu bền được.

Cấn: Tốt về Xuân, Hạ, bất lợi về Thu, Đông.

Chấn: Vinh hoa.

Tốn: Tuổi nhỏ hay bị dao động, gặp sự trắc trở, lo âu. Không tự chủ, bình tĩnh.

Ly: Hương thơm, sắc tươi bị tổn thiệt.

Khôn: Phải đợi thời, rồi mới phát đạt.

Đoài: Giữa mùa Thu mới khởi sắc.

Mạng Thủy

Nhâm, Quý, Hợi, Tý và nạp âm Thủy gặp:

Kiên: Như có suối nước chảy, sẽ gặp thời cơ phát đạt.

Khảm: Hãm, nên lúc lạnh lúc dữ không định trước được.

Cấn: Có hiểm trở, khó khăn.

Chấn: Cuộc đời như nước chảy xuôi dòng, nhưng chẳng được nhân hạ.

Tốn: Sóng gió bất kỳ. Về các mùa Thu, Đông có điều đáng ngại.

Ly: Tranh đấu khắc khổ. Thành có bại có.

Khôn: Nhu thuận, nhân nhã.

Đoài: Như nguồn nước chảy đổi dào. Mọi việc hanh thông.

Mạng Hỏa

Bính, Đinh, Tí, Ngọ và nạp âm Hỏa gặp:

Kiến: quang minh, sáng láng, nếu có hào tốt thì phi thường

Khảm: Phận phúc, phá hoại.

Cấn: ích kỷ, hại nhân.

Chấn: Như thiêu đốt, tác động không bền.

Tốn: Như lửa gặp gió, có thừa dịp may để khởi cơ nghiệp.

Ly: Lửa gặp lửa, mừng giận thất thường, trong ngoài không tương ứng, bên ngoài bị rình rập, trong không đề phòng.

Khôn: Lường tình, tương đắc, gặp dịp thuận lợi.

Đoài: nghi ngại hoặc hoặc, không quyết.

Mạng Thổ

Mậu, Kỷ, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và nạp âm Thổ gặp:

Kiến: Có lãnh có dữ.

Khảm: Hãm, mắc kẹt, rủi ro nhiều.

Cấn: Những tháng Tứ quý (3, 6, 9, 12 - Thìn, Mùi, Tuất, Sửu) thì phát tài, có hậu, nhiều tốt lành.

Chấn: Có thương tổn, chỉ ích cho người, vất vả, rơi rụng, xấu nhiều.

Tốn: Như gió quét đất làm nổi bụi, làm chuyện ồn ào, sôi động, vất vả.

Ly: Nếu mất của, của lại tìm về, phúc không nhỏ.

Khôn: Phúc lộc trùng trùng, có địa vị quan trọng ở địa phương, lên trung ương cũng làm chuyên gia.

Đoài: cũng như Kiến.

(Bảng 16)

Bảng thống kê 21 hào Đáng vị

TT	Quẻ	Hào	TT	Quẻ	Hào
01	Câu	5	11	Cổ	2
02	Bĩ	5	12	Hoán	5
03	Tấn	2	13	Đồng nhân	5
04	Tiết	5	14	Khôn	5
05	Ký Tế	2	15	Phục	1
06	Lý	5	16	Lâm	4
07	Tỉnh	5	17	Lâm	5
08	Tùy	5	18	Quải	2
09	Tốn	5	19	Quải	5
10	Gia Nhân	4	20	Kiến	5
			21	Khiêm	2

Bảng 17a

Bảng Thống kê 14 hào không đáng vị

TT	Quẻ	Hào	TT	Quẻ	Hào
01	Bĩ	3	08	Thăng	6
02	Tấn	4	09	Vị Tế	3
03	Khuê	3	10	Quải	1
04	Trung Phu	3	11	Nhu	6
05	Phong	4	12	Đoài	3
06	Chấn	3	13	Tuy	4
07	Dự	3	14	Tiểu Quá	4

Bảng 17b

Bảng Thống kê 8 quẻ Có quân chúng theo

- 1 - Quẻ Phục, hào 1 Dương được niềm vui mở đầu
- 2 - Quẻ Sư, hào 2 Dương, như người ở giữa ba quân.
- 3 - Quẻ Khiêm, hào 3 Dương, rút về sau, muôn dân đều phục.
- 4 - Quẻ Dự, hào 4 Dương, người có chí lớn làm nên.
- 5 - Quẻ Tỷ, hào 5 Dương, được gần gũi công khai.
- 6 - Quẻ Tiểu Súc, hào 4 Âm hợp với chí trên (Hào 5 Dương).
- 7 - Quẻ Đỉnh, hào 5 Âm lợi về chính bên.
- 8 - Quẻ Bác, hào 6 Dương, người lớn đi xe, kẻ nhỏ làm tan nhà của chính nó.

Bảng 18a

Bảng Thống kê 3 Quẻ Bị quân chúng ghét.

- 1 - Quẻ Cấu, hào 1 Âm, vị thế thấp mà ràng buộc cây kim, thì ràng buộc sao được?
- 2 - Quẻ Đồng Nhân, hào 2 Âm, chỉ thân với người cùng tông phái nên đáng thẹn.
- 3 - Quẻ Quải, hào 6 Âm, chẳng kêu gọi ai được nữa, cuối cùng xấu.

Bảng 18b

Bảng tham khảo các hào quẻ Hồ

Quẻ Chính	Quẻ Hồ (Quẻ Ngoại, thượng)	Quẻ Hồ (Quẻ Nội, Hạ)
Hào 6		
Hào 5	Hào 6	
Hào 4	Hào 5	Hào 3
Hào 3	Hào 4	Hào 2
Hào 2		Hào 1
Hào 1		

Bảng 19

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học Năng *Bát tự Hà Lạc lược khảo*
2. Ngô Tất Tố *Kinh Dịch* Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1991
3. Nguyễn Hiến Lê *Kinh Dịch, đạo của người quân tử*. Nxb Văn học 1994. *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* Nxb Văn học 1993
4. Phan Bội Châu *Tập 7 và 8 Toàn Tập*. Nxb Thuận Hoá, Huế 1990
5. Nguyễn Hoàng Phương *Tích hợp đa văn hóa Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai*. Nxb Giáo dục, Hà Nội 1996.
6. Thu Giang Nguyễn Duy Cần *Dịch học tình hoa*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 1992
7. Thiệu Vĩ Hoa *Dự đoán theo Tứ trụ*. Nxb Văn hóa Thông tin 1996
8. Bùi Biên Hòa *Không gian Kinh Dịch qua dự báo của Bát tự Hà Lạc*. NXB Văn hóa Thông tin 1997.
9. Tản Đà (Một số tác phẩm đã xuất bản).
10. Tô Hoài (Một số tác phẩm đã xuất bản).
11. Nguyên Ngọc (Các tác phẩm đã xuất bản)
12. Trần Đăng Khoa (Các tác phẩm đã xuất bản)
13. Trần Nhuận Minh (Các tác phẩm đã xuất bản)
14. Nguyễn Thị Thu Huệ (Các tác phẩm đã xuất bản)
15. Đoàn Thị Lam Luyện (Các tác phẩm đã xuất bản)
16. Nguyễn Hiến Lê (Một số tác phẩm đã xuất bản).
17. Văn Tâm (Tâm Dương) (Các tác phẩm đã xuất bản)
18. Khương Hữu Dụng (Các tác phẩm đã xuất bản).
19. Xuân Cang (Các tác phẩm đã xuất bản)
20. *Nhà văn Việt Nam hiện đại*. Nxb Hội nhà văn 1992
21. *Nhà văn Việt Nam - Chân dung tự họa*. Nxb Văn học 1995
22. *Nhà văn Hà Nội*. Nxb Hà Nội 1998
23. Nguyễn Văn Phúc *Tôi với Tản Đà*. Nxb Văn học 1994
24. Tuần báo Văn Nghệ - *Giải nhất văn chương*. Nxb Hội nhà văn 1998
25. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Nxb Đà Nẵng 1997.

MỤC LỤC

Tám chữ Hà Lạc và quỹ đạo đời người

Lời nói đầu	Trang 3
Phần một - Những bài giảng thực hành.	9
Bài Một: Cấu trúc tám chữ Can Chi của đời người.	10
Bài Hai: Cấu trúc một quẻ Dịch.	18
Bài Ba: Để toán. Lập phương trình và giải. Cấu trúc quẻ Hà Lạc.	28
Bài Bốn: Tính tiểu vận (Năm, Tháng, Ngày).	41
Bài Năm: Dự đoán Hà Lạc.	48
Phần hai - Hà Lạc giải đoán.	75
1- Thuần Càn	77
2- Thuần Khôn	82
3- Thủy Lôi Truân	87
4- Sơn Thủy Mông	92
5- Thủy Thiên Nhu	97
6- Thiên Thủy Tụng	101
7- Địa Thủy Sư	108
8- Thủy Địa Tỷ	110
9- Phong Thiên Tiểu Súc	114
10- Thiên Trạch Lý	119
11- Địa Thiên Thái	124
12- Thiên Địa Bĩ	131
13- Thiên Hỏa Đồng Nhân	134
14- Hỏa Thiên Đại Hữu	139
15- Địa Sơn Khiêm	143
16- Lôi Địa Dự	147
17- Trạch Lôi Tùy	151
18- Sơn Phong Cổ	157
19- Địa Trạch Lâm	161
20- Phong Địa Quán	167

21- Hỏa Lôi Phệ Hạp	171
22- Sơn Hoả Bí	176
23- Sơn Địa Bác	181
24- Địa Lôi Phục	187
25- Thiên Lôi Vô Vọng	191
26- Sơn Thiên Đại Súc	196
27- Sơn Lôi Di	202
28- Trạch Phong Đại Quá	208
29- Thuần Khảm	213
30- Thuần Ly	219
31- Trạch Sơn Hàm	224
32- Lôi Phong Hằng	230
33- Thiên Sơn Độn	235
34- Lôi Thiên Đại Tráng	241
35- Hỏa Địa Tấn	246
36- Địa Hỏa Minh Di	251
37- Phong Hỏa Gia Nhân	258
38- Hỏa Trạch Khuê	264
39- Thủy Sơn Kiển	270
40- Lôi Thủy Giải	276
41- Sơn Trạch Tổn	280
42- Phong Lôi Ích	286
43- Trạch Thiên Quái	293
44- Thiên Phong Cấu	300
45- Trạch Địa Tụy	307
46- Địa Phong Thăng	313
47- Trạch Thủy Khốn	318
48- Thủy Phong Tỉnh	325
49- Trạch Hỏa Cách	331
50- Hỏa Phong Đỉnh	337
51- Thuần Chấn	342
52- Thuần Cấn	346
53- Phong Sơn Tiệm	352
54- Lôi Trạch Quy Muội	358
55- Lôi Hỏa Phong	363

56- Hỏa Sơn Lữ	368
57- Thuần Tồn	374
58- Thuần Đoài	379
59- Phong Thủy Hoán	384
60- Thủy Trạch Tiết	390
61- Phong Trạch Trung Phu	395
62- Lôi Sơn Tiểu Quá	401
63- Thủy Hỏa Ký Tế	407
64- Hỏa Thủy Vị Tế	414

Mục lục Tên quẻ sắp xếp theo A, B, C....:

Bác	23 & 181	Khâm	29 & 213
Bí	22 & 176	Khiêm	15 & 143
Bĩ	12 & 131	Khôn	2 & 82
Cách	49 & 331	Khốn	47 & 318
Cần	1 & 77	Kiến	39 & 270
Cấn	53 & 346	Khuê	38 & 264
Cấu	44 & 300	Ký tế	63 & 407
Cổ	18 & 157	Lâm	19 & 161
Chấn	51 & 342	Lữ	56 & 368
Di	27 & 202	Ly	30 & 219
Dự	16 & 147	Lý	10 & 119
Đại Hữu	14 & 139	Minh Di	36 & 251
Đại Quá	28 & 208	Mông	4 & 92
Đại Súc	26 & 196	Nhu	5 & 97
Đại Tráng	34 & 241	Phê Hạp	55 & 393
Đỉnh	50 & 337	Phong	55 & 363
Đoài	58 & 379	Phục	24 & 187
Độn	33 & 235	Quải	43 & 293
Đồng Nhân	13 & 134	Quán	20 & 167
Gia Nhân	37 & 258	Quy Muội	54 & 358
Giải	40 & 276	Sư	7 & 108
Hàm	31 & 224	Tấn	35 & 246
Hằng	32 & 230	Thái	11 & 124
Hoán	42 & 286	Thăng	46 & 343
Ich	29 & 213	Tiệt	53 & 352

Tiết	60 & 390	Trung Phu	61 & 395
Tiểu Quá	62 & 401	Tụng	6 & 101
Tiểu Súc	9 & 114	Tùy	17 & 151
Tĩnh	48 & 325	Tụy	45 & 307
Tồn	57 & 374	Tỷ	8 & 110
Tổn	41 & 286	Vị tế	64 & 414
Truân	3 & 87	Vô Vọng	25 & 191

Phân ba: Chân dung nhà văn soi chiếu bằng Hà Lạc 421

Tản Đà - Ánh chớp trong đêm thế kỷ	423
Tô Hoài - Dấu chân trên đám	454
Nguyễn Ngọc - Đất và Nước	466
Trần Đăng Khoa - Nhà thơ của góc sân và khoảng trời	484
Trần Nhuận Minh - Trên từng cây số	496
Nguyễn Thị Thu Huệ - Nhà văn của những vận hội	514
Nguyễn Hiến Lê - Làn gió đi trên mặt đất	521
Đoàn Thị Lam Luyện - Một thời Đại tráng truân chuyên	533
Văn Tâm - Người rũ bụi đường trường văn học	543
Khương Hữu Dụng - Thơ một thời mây sấm gian truân	556
Xuân Cang - Hành trình tìm mình.	578

Phụ lục 583

I - IIINH	583
Hình 1: Năm hành tương sinh, tương khắc	583
Hình 2: Quê nguyệt lệnh và số âm dương tiêu trường	583
Hình 3: Hà Đồ Lạc Thư	584
Hình 4: 64 quẻ Dịch xếp theo hệ thống Hậu thiên của Văn vương - dùng cho cấu trúc Hà lạc	585

II- BẢNG

Bảng 1: Tóm tắt Âm Dương ngũ hành, Can Chi, Tạng Phủ	586
Bảng 2: Tiết lệnh 12 tháng	586
Bảng 3: Tính Tháng theo Năm	587
Bảng 4: Tính Giờ theo Ngày	587

Bảng 4b: Tham khảo khí tính giờ sinh ở nước ta.	588
Bảng 5: Tám quẻ Đơn và các Thông tin	589
Bảng 6: Sắp xếp 64 quẻ Kép.	590
Bảng 7: Sáu mươi loại Mệnh	591
Bảng 8: Tiết khí đối chiếu với Dương lịch và năm Âm lịch	592
Bảng 9: Mã số Can	593
Bảng 10: Mã số Chi	593
Bảng 11: Mã số 8 quẻ Dịch đơn tương ứng với Mã số Can	593
Bảng 12: Tóm tắt cách đếm xác định Hào Nguyên đường Quẻ Tiên Thiên.	593
Bảng 13a: Tìm hào Nguyên đường đối với Quẻ Kiến Nam & Khôn Nữ	594
Bảng 13b: Tìm hào Nguyên đường đối với quẻ Kiến Nữ	594
Bảng 13c: Tìm hào Nguyên đường đối với quẻ Khôn Nam	594
Bảng 14: Xác định Hóa Công	595
Bảng 14b: Xác định Thiên Nguyên khí, Địa Nguyên khí	595
Bảng 15: Nguyệt lệnh	595
Bảng 16: Năm Hành gặp Quẻ	596
Bảng 17a: Thống kê 21 hào Đáng vị	598
Bảng 17b: Thống kê 14 hào Không đáng vị	597
Bảng 18a: Thống kê 8 quẻ có quân chúng theo	598
Bảng 18b: Thống kê 3 quẻ bị quân chúng ghét	599
Bảng 19: Tham khảo các hào quẻ Hổ	599
Tài liệu tham khảo	600
Mục lục	601

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

**Tám chữ Hà Lạc
và quỹ đạo đời người**

XUÂN CANG

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VŨ AN CHUƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo :

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : **Nguyễn Thế Vinh**

Vẽ bìa : **Văn Sáng**

Sửa bản in : **Hải Lam**

*In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Nhà in Bộ LĐ-TB & XH
Giấy chấp nhận đăng ký đề tài số 914 - CXB / 03 - VH TT
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1-2000*

Tám chữ Hà Lạc là một thuật toán thuộc Dự đoán học phương Đông, dựa vào Kinh Dịch. Với tám chữ Năm, Tháng, Ngày, Giờ sinh, ta có thể nắm bắt được Khí chất, Tính cách, Vận mệnh và hành lang Quỹ đạo cuộc đời một con người.

Hành lang số phận không phải là định mệnh. Nhờ có Hà Lạc ta có thể tự điều chỉnh từng bước đi của đời ta.

Cấu trúc Hà Lạc ứng nghiệm với mọi người, đặc biệt ứng nghiệm với giới nhà văn vì nhà văn không giấu được mình. Văn chương của một người là bản sao hành trình số phận của người ấy.

Nhờ vào chân dung các nhà văn quen biết : Tản Đà, Tô Hoài, Khương Hữu Dụng, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngọc, Trần Đăng Khoa, Trần Nhuận Minh, Đoàn Thị Lam Luyến, Nguyễn Thị Thu Huệ, Văn Tâm (Tâm Dương) ... bạn có thể thấy Toán Hà Lạc kỳ diệu biết bao.

Cuốn sách là những bài giảng dễ hiểu để người có sức học trung học phổ thông có thể làm được một bài toán cho mình với những lời giải đoán.

Giá : 55.000đ